

BỘ ĐỀ LỚP 9

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG (NGUYỄN DŨ)

ĐỀ 1. Vẽ đẹp truyền thống và số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong “CNCGNX” của Nguyễn Dữ?

a. Vẽ đẹp truyền thống:

- Mở đầu tác phẩm, tác giả đã có lời giới thiệu bao quát về Vũ Nương “Tính đã thủy mị nét na lại thêm tư dung tốt đẹp” tạo ấn tượng về một chân dung phụ nữ hoàn hảo.

- Sau đó ông đi sâu miêu tả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật trong các mối quan hệ khác nhau, trong các tình huống khác nhau.

*** Trước hết Vũ Nương là người phụ nữ thủy chung, son sắt trong tình nghĩa vợ chồng:**

- Trong cuộc sống vợ chồng, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn “giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Nàng luôn giữ cho tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui. Nàng là một người vợ hiền thực, khôn khéo, nét na đúng mực!

- Hạnh phúc êm ấm tưởng bền lâu, không ngờ đất nước xảy ra binh biến, Trương Sinh phải đầu quân ra trận ở biên ải xa xôi. Buổi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đầm thắm, thiết tha: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Ước mong của nàng thật bình dị, lời lẽ dịu dàng ấy, chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phù phiếm. Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng: “Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.” Qua lời nói dịu dàng, nàng cũng bộc lộ nỗi khắc khoải nhớ chồng của mình: “Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng”. Đúng là lời nói, cách nói của một người vợ hết mực thủy mị, dịu dàng. Trái tim ấy giàu lòng yêu thương, biết chịu đựng những thử thách, biết đợi chờ để yên lòng người đi xa, thật đáng trân trọng biết bao!

- Khi xa chồng, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thổn thức “Giữ trọn tấm lòng thủy chung, son sắt”, “tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng “Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vô vớ. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

“... Nhớ chàng đằng đẳng đường lên bằng trời

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong...”

(Chinh phụ ngâm)

-> Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

- Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả thân phận và tấm lòng của mình để thuyết phục chồng “Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu.....cách biệt ba năm giữ gìn một tiết.....” Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

- Rồi những năm tháng sống ở chốn làng mây cung nước sung sướng nàng vẫn không nguôi nỗi thương nhớ chồng con. Vừa gặp lại Phan lang, nghe Lang kể về tình cảnh gia đình nàng đã ứa nước mắt xót thương. Mặc dù đã nặng lời thề sống chết với Linh Phi nhưng nàng vẫn tìm cách trở về với chồng con trong giây lát để nói lời đa tạ tấm lòng chồng. Rõ ràng trong trái tim người phụ nữ ấy, không bọn chút thù hận, chỉ có sự yêu thương và lòng vị tha.

*** Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo với mẹ chồng, một người mẹ hiền đầy tình yêu thương con.**

- Trong ba năm chồng đi chiến trận, một mình nàng vừa làm con vừa làm cha vừa làm mẹ để chăm sóc phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ.

- Với mẹ chồng, nàng là một cô con dâu hiếu thảo. Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vui bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hết như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết người mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâu “Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ”.

- Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút. Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chểnh mảng việc con cái. Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ : để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha.

Toán lại: Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp, nét na, hiện thực lại đảm đang, tháo vát, thờ kính mẹ chồng rất mực hiếu thảo, một dạ thủy chung với chồng, hết lòng vun đắp cho hạnh phúc gia đình. Nàng là người phụ nữ hoàn hảo, lý tưởng của mọi gia đình, là khuôn vàng thước ngọc của mọi phụ nữ. Người như nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc trọn vẹn, vậy mà lại phải chết oan uổng, đau đớn.

=> Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

b. Số phận oan nghiệt: (Thân phận người phụ nữ trong xhpk)

- Vũ Nương đã làm tròn bốn phận của một phụ nữ, người vợ, người mẹ, người con, ở cương vị nào nàng cũng làm rất hoàn hảo. Nàng đúng là người phụ nữ lí

tưởng của gia đình. Nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.

a, Người phụ nữ là nạn nhân của chế độ nam quyền:

- Cũng giống như số phận của bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Vũ Nương đã phải chịu sự ràng buộc bởi những lễ giáo khắt khe, ngặt nghèo. Biết nàng “tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp” cho nên Trương Sinh mến vì dung hạnh nói với mẹ xin trăm lạng vàng cưới về. Đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng, bởi lẽ nó không phải là sự rung động của hai trái tim cùng một nhịp mà là do sự sắp đặt mang tính chất mua bán. Sự sắp đặt của con nhà giàu, lắm tiền nhiều của, muốn gì được nấy, sắp đặt cho con nhà khó “cha mẹ đặt đâu thì con phải ngồi đó”. Cuộc hôn nhân có sự cách bức giàu nghèo đã khiến Vũ Nương luôn luôn mặc cảm “thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”. Dù Vũ Nương có luôn giữ gìn khuôn phép thì cuộc sống vợ chồng ấy vẫn tiềm ẩn nguy cơ tan vỡ và sau này cũng là cái thế để Trương Sinh độc đoán, gia trưởng, đối xử với vợ một cách vũ phu, thô bạo.

- Trương Sinh vốn ít học, lại có tính đa nghi và hay ghen, do vậy sự nghi kị, ngờ vực làm mầm mống của sự bất hòa đã ủ sẵn trong gia đình. Để rồi, sau ba năm xa cách, khi trở về tưởng Trương Sinh sẽ mang lại hạnh phúc cho gia đình thì cũng lại là lúc tại họa ập xuống cuộc đời Vũ Nương. Chỉ vì lời nói ngây thơ của bé Đản: “Ô hay! Ông cũng là cha tôi ư? Mà ông lại biết nói chứ không giống như cha tôi trước kia...”, làm cho Trương Sinh ngờ vực, hiểu lầm vợ hư hỏng. Dù Vũ Nương có tha thiết giải bày, có hết lời phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình, dù họ hàng làng xóm có hết lòng khuyên can và biện hộ cho nàng thì Trương Sinh cũng không hề đếm xỉa tới, mà chỉ một mực nghi oan cho vợ. Rồi từ chỗ “la um lên cho hả giận”, Trương Sinh đã mắng nhiếc, đuổi vợ đi. Phải chăng, xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, với thói “trọng nam khinh nữ” bám chặt vào huyết quản đã dung túng, cho phép người đàn ông được quyền coi thường, rề rúng và đối xử thô bạo với người phụ nữ? Thương nhớ chồng là thế, lại bị chồng ruồng rẫy, gạt bỏ. Giữ gìn khuôn phép, rất mực thủy chung lại bị coi là thất tiết, chịu tiếng nhuốc nhơ... Nàng không hiểu vì sao bị đối xử bất công, bị mắng nhiếc và đuổi đi, không có quyền được tự bảo vệ ngay cả khi có họ hàng làng xóm bên vực và biện bạch cho. Hạnh phúc gia đình, thú vui nghi gia nghi thất, niềm khao khát của cả đời nàng đã tan vỡ, tình yêu không còn “bình rơi trầm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió”, cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hóa đá trước đây, cũng không còn có thể có lại được nữa. Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân đã không có cách nào hàn gắn nổi, Vũ Nương đành mượn sông Hoàng Giang rửa sạch nỗi oan nhục, giải bỏ tấm lòng trong trắng của mình. Lời than của nàng như lời nguyện xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và đức hạnh của nàng: “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỹ nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mê. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.

-> Qua tác phẩm,ta thấy Vũ Nương đã nhiều lần gắng gượng để vượt lên số phận nhưng cuộc đời nàng không thoát khỏi là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, chà đạp và ức hiếp con người.

-> Cái chết của Vũ Nương thực chất là do bị chồng bức tử - một cái chết đầy oan ức. Vậy mà, Trương Sinh thấy nàng tự tận chỉ một chút động lòng mà không hề ân hận, day dứt. Ngay cả khi, đưa con trở tay vào bóng chàng trên vách nói là cha, chàng hiểu rõ nỗi oan của vợ thì cũng coi là việc đã qua rồi. Như thế, chuyện danh dự, chuyện sinh mệnh của người phụ nữ bị tùy tiện định đoạt bởi người chồng, người đàn ông mà không có hành lang đạo lí, không được dư luận xã hội bảo vệ, chở che. Nỗi oan của Vũ Nương đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khuất của cái xã hội vùi dập thân phận con người, nhất là người phụ nữ. Sống trong xã hội đầy rẫy những oan trái, bất công, quyền sống của con người không được đảm bảo, người phụ nữ với thân phận “bèo dạt mây trôi” có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống bất kì lúc nào, vì những nguyên cớ vu vơ không thể tưởng tượng. Rõ ràng, xã hội phong kiến đã sinh ra bao Trương Sinh với đầu óc gia trưởng, độc đoán, là nguyên nhân sâu xa của những đau khổ mà người phụ nữ phải chịu.

b. Người phụ nữ là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:

- Không chỉ là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, người phụ nữ còn là nạn nhân của chiến tranh phong kiến. Cả cuộc đời Vũ Nương, chỉ vui thú nghi gia nghi thất vậy mà về làm vợ Trương Sinh, cuộc sống vợ chồng “sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh”. Buổi Trương Sinh ra đi, mẹ già bịn rịn, vợ trẻ đương bụng mang dạ chửa quyền luyến k nỡ rời khiến mọi người có mặt ở đó đều phải ứa hai hàng lệ: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.”

- Những câu văn biền ngẫu, sóng đôi như trái tim người vợ trẻ phập phồng lo sợ cho người chồng phải đi lính thú. Chiến tranh xa cách, mẹ già cũng vì thương nhớ con mà sinh bệnh rồi qua đời. Con thơ được sinh ra không biết mặt cha, vợ trẻ nhớ chồng chỉ còn biết trở vào bóng mình trên vách, bảo là cha của bé... Chính chiến tranh làm cho gia đình li tán, vợ chồng xa cách dẫn đến hiểu lầm. Cũng chính cái mối nghi ngờ không thể gỡ ra ấy của Trương Sinh đã trở thành nguyên nhân gây bất hạnh cho cuộc đời Vũ Nương. Nếu không có chiến tranh, Trương Sinh không bị bắt đi lính, thì đâu bé Đản không chịu nhận cha, thì đâu Vũ Nương phải chịu nỗi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm. Rõ ràng, chiến tranh phong kiến đã gây ra cảnh sinh li và cũng góp phần dẫn đến cảnh tử biệt, làm tan nát bao nhiêu gia đình- Vũ Nương được sống sung sướng dưới Thủy cung, được kề cận với Linh Phi, vợ vua biển Nam Hải nhưng không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. Và làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ, làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn? Bi kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nghe câu nói của nàng ở cuối truyện: “Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng

trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc bị tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt... Đằng sau yếu tố hoang đường, câu chuyện về nàng Vũ Nương mang đậm tính hiện thực và thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

* Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội PK xem trọng quyền uy của kẻ giàu có và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm thương cảm của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ. Người phụ nữ đức hạnh ở đây không những không được bên vực, chở che mà lại còn bị đối xử một cách bất công, vô lý; chỉ vì lời nói ngây thơ của đứa trẻ và vì sự hồ đồ, vũ phu của anh chồng hay ghen tuông mà đến nỗi phải kết liễu cuộc đời mình.

=> Có thể nói, sống trong xã hội phong kiến bất công, Vũ Nương cũng như bao người phụ nữ khác – người con gái bình dân trong “Bánh trôi nước”, Thúy Kiều, Đạm Tiên trong “Truyện Kiều” đều phải sống long đong, trôi dạt, phải tìm đến cái chết giải nỗi oan ức, phải thoát khỏi cuộc đời đầy khổ đau ở chốn nhân gian. Đại thi hào Nguyễn Du đã khái quát về cuộc đời, thân phận người phụ nữ bằng tiếng kêu đầy ai oán:

“Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.

c. Nỗi niềm trăn trở về hạnh phúc gia đình

Qua cuộc đời VN, câu chuyện đem đến bao suy tư, trăn trở cho người đọc về hạnh phúc gia đình. VN đã tha thiết bày tỏ nỗi niềm và ước mong về cuộc sống gia đình hạnh phúc. Lúc mới về nhà chồng, khi chồng đi lính cũng như khi gia đình có nguy cơ tan vỡ nàng luôn nghĩ đến hạnh phúc gia đình, làm mọi chuyện để gìn giữ mái ấm ấy. Song cuộc đời cũng thật trớ trêu, một người phụ nữ vẹn toàn đức hạnh, đặt gia đình lên trên hết lại phải gánh chịu nỗi oan khuất và gia đình cũng từ đó mà tan vỡ. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thật cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được hạnh phúc thực sự của người phụ nữ. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về việc giữ gìn hạnh phúc gia đình: Hạnh phúc lứa đôi chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở của tình yêu thương chân chính, có sự cảm thông và sẻ chia, sự thấu hiểu, tôn trọng, tin tưởng nhau đừng để cho những điều vô hình, mong manh (như chiếc bóng) giết chết tình yêu, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình. Quả thực, kết cục cuộc đời VN cũng cho ta thấy một điều rằng: lấy nhau mà không biết tính nhau, không thấu hiểu nhau, không tin nhau thì dù có thương yêu nhau đến đâu, không trước thì sau bi kịch ắt sẽ xảy đến. Nỗi niềm trăn trở về hpgd của tác giả qua nhân vật VN cũng là lời cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta về việc làm thế nào để có được hạnh phúc gia đình thực sự !

d. Tầm lòng nhân đạo của Nguyễn Dữ:

- Viết về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương, của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, tác giả Nguyễn Dữ đã tố cáo, lên án xã hội bất công, vô nhân đạo, chà đạp lên quyền sống của con người. Đây cũng là tiếng kêu thương đầy nước mắt, là sự xót xa thương cảm của tác giả trước nỗi oan khiên mà người phụ nữ phải gánh chịu.

- Qua “Chuyện người con gái Nam Xương”, ta xót xa thương cảm cho người phụ nữ bất hạnh trong xã hội xưa bao nhiêu, ta càng căm giận cái xã hội thối nát, bất công đã đẩy người phụ nữ vào vòng oan trái bấy nhiêu. Đọc tác phẩm, ta lại càng thêm nâng niu, trân trọng cái tài, cái tâm của người con huyện Thanh Miện, Hải Dương dành cho những thân phận bọt bèo trong xã hội phong kiến đương thời.

Đề 2

“Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn” (M. Goorki). Chứng minh rằng chi tiết “Cái bóng” trong “Chuyện người con gái Nam Xương” và chi tiết “Chiếc lá” trong “Chiếc lá cuối cùng” của Ohenri là những chi tiết như thế.

(Nhận định tương tự: Các chi tiết trong tác phẩm là những “ con mắt”)

MB 1: Nhà văn Pautopxki đã từng nói: “*Chi tiết nghệ thuật là hạt bụi vàng của tác phẩm*”, chi tiết chỉ là hạt cát nhưng đủ để độc giả hình dung về một sa mạc mênh mông, có thể chỉ như một giọt nước nhưng gợi được biên cả vô cùng vô tận. Qua chi tiết nghệ thuật mà độc giả cảm nhận được giá trị của tác phẩm. Vì lẽ đó M. Gorowki cho rằng: “”Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn” và chi tiết “chiếc bóng” trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ cùng chi tiết “chiếc lá” trong “Chiếc lá cuối cùng” của O hen ri là những chi tiết nghệ thuật đắt giá như thế.

MB 2: Nhà văn Nguyễn Tuân từng nói: “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo”. Thật vậy mỗi tác phẩm nghệ thuật đòi hỏi phải mang một dấu ấn, ấn tượng sâu sắc riêng biệt trong lòng người đọc, có như vậy tác phẩm mới có thể sống và tỏa sáng giữa dòng chảy của thời gian. Tác phẩm muốn độc đáo thì nhà văn cần phải tạo sự độc đáo, ấn tượng từ những điều nhỏ nhất nhất cấu thành nên tác phẩm, cùng với cốt truyện, tình huống truyện thì chi tiết nghệ thuật cũng là yếu tố quan trọng trong tác phẩm văn chương tự sự, để tạo nên sự thành công đồng thời mang đến những dấu ấn riêng cho tác giả. Vì lẽ đó, M.Gorki nhận xét “chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”, chi tiết “ cái bóng” trong tác phẩm “Chuyện người con gái NX” của Nguyễn Dữ và “ Chiếc lá” trong “Chiếc lá cuối cùng” của O. Henri là những chi tiết độc đáo, làm nên tên tuổi hai nhà văn.

1. Giải thích: Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn.

Ý kiến của M. Goroki bàn về vai trò của chi tiết nghệ thuật trong tp văn chương chân chính. “ Chi tiết nghệ thuật ” là các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Chi tiết nghệ thuật là những hiện thực đời sống được nhà văn tái hiện trong tác phẩm, là đơn vị cấu tạo nên tác phẩm, mang sức chứa lớn về nội dung và nghệ thuật. Tùy theo sự thể hiện cụ thể mà chi tiết khiến hình tượng nghệ thuật trở nên gợi cảm và sống động, khiến ý đồ tư tưởng của nhà văn hiện hình rõ rệt, trở thành điểm hội tụ tư tưởng của tác giả trong tác phẩm. Những chi tiết được chọn lọc, gửi gắm tư tưởng, tình cảm của nhà văn, là sự dồn nén những điều mà nhà văn muốn nói. Nhà văn lớn là nhà văn có nhiều đóng góp về giá trị nội dung, tư tưởng cũng như nghệ thuật qua những sáng tác của mình. Tâm vóc tư tưởng, tài năng nghệ thuật của nhà văn bộc lộ ngay trong chính cách nhà văn lựa chọn và sử dụng chi tiết trong tác phẩm. Chi tiết dù nhỏ nhưng lại mang giá trị lớn, mang sức chứa lớn về cảm xúc, tư

tưởng giúp tác phẩm văn chương phản ánh được cuộc sống cả ở bề rộng và chiều sâu, mang đến những triết lý nhân sinh, sâu sắc. Chi tiết nghệ thuật góp phần thể hiện số phận, tính cách nhân vật, giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực, tư tưởng, phong cách của nhà văn. Để làm nên một chi tiết nhỏ có giá trị đòi hỏi nhà văn có sự thăng hoa về cảm hứng và tài năng nghệ thuật. Nó xuất hiện ở vị trí phải nào trong mạch vận động của tác phẩm; nó được thể hiện ra sao hoàn toàn phụ thuộc vào con mắt nhìn, khả năng thấu hiểu đời sống, thấu hiểu con người của nhà văn. Với tấm lòng yêu thương trân trọng con người, đặc biệt là người phụ nữ, ND đã xây dựng chi tiết “ cái bóng” trong “CNCGNX” đã để lại cho bạn đọc nhiều suy ngẫm.

2. Chứng minh vai trò của chi tiết nghệ thuật trong sự phát triển câu chuyện và thông điệp nhà văn muốn gửi gắm.

2.1 Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm, khẳng định vai trò của chi tiết nghệ thuật trong tp.

Nguyễn Dữ sống ở thế kỉ XVI trong cảnh chế độ phong kiến mục nát, “đông bào nỗ trăm miền”. Ông là người học rộng, tài cao, nhưng chỉ làm quan một năm rồi về ở ẩn ở vùng núi Thanh Hóa viết sách và nuôi mẹ già. Tác phẩm “TKML” - ghi chép tản mạn những điều kì lạ vẫn được lưu truyền, truyện viết về những người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc, nhưng lại bị những thế lực tàn bạo và lễ giáo phong kiến nghiệt ngã đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, bi thương, bất hạnh đầy oan khuất. Một trong những truyện tiêu biểu nhất là “Chuyện người con gái Nam Xương” - Câu chuyện kể về cái chết đầy oan khuất của người phụ nữ đẹp người, đẹp nết – Vũ Nương.

2 Chứng minh chi tiết “cái bóng” và “chiếc lá” là những “chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”

Luận điểm 1: “Cái bóng” trong “ CNNGNX” của Nguyễn Dữ là chi tiết nghệ thuật đắt giá, góp phần tạo kịch tính và thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện. “ Chiếc bóng” tạo nên nghệ thuật thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ, kịch tính, tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện; tạo mâu thuẫn bất ngờ, hợp lý và sự hoàn chỉnh, chặt chẽ cho cốt truyện. Vì thương con muốn khóa lấp sự trống vắng hình bóng người cha trong tâm hồn đứa con thơ dại nên VN đã trở bóng mình trên vách và bảo rằng cha Đản. Nhưng nó đã trở thành nguyên nhân trực tiếp của nỗi đau oan khuất, dẫn đến cái chết bi thảm của nàng (thắt nút). Chi tiết **Cái bóng** cũng làm nên sự hồi hận của chàng Trương và giải oan cho Vũ Nương – Mở nút thắt làm câu chuyện rẽ sang hướng khác. Chi tiết “chiếc bóng” chính là hạt nhân tích trữ nỗi oan và cũng là cơn gió mùa thu giải oan cho Vũ Nương. Lần thứ hai xuất hiện, “chiếc bóng” không lời đã giải thích cho Trương Sinh hiểu rõ nỗi oan khuất của vợ mình. Trăm lời thanh minh của Vũ Nương, vạn lời bênh vực của bà con hàng xóm cũng không bằng một tích tắc Trương Sinh nhìn theo tay bé Đản thấy “chiếc bóng” trên vách tường nhà. TS đã nhận ra “chiếc bóng” chính là “người cha” hàng đêm của con, và chàng hiểu ra bao nhiêu cơ sự. Chàng không chỉ hiểu nỗi oan tày trời của vợ mà còn hiểu tình thương con vắng bóng cha của vợ mình, không chỉ nhận ra sai lầm của bản thân mà có lẽ chàng cũng đã tự phá vỡ hạnh phúc tròn đầy mà mình đã từng có. Chẳng cầu kì và dài dòng, chỉ một chi tiết nhỏ thôi nhưng cũng đủ để người đọc thấy được tài năng của Nguyễn Dữ, “chiếc bóng” kia đến một cách vô tình – nó không lời,

lặng thầm mà lại phản ánh sự rủi ro, bất hạnh đầy ngẫu nhiên, phản ánh hạnh phúc mong manh của con người trong cuộc sống. Chi tiết *chiếc bóng* là sáng tạo của nhà văn, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển câu chuyện.

Luận điểm 2: Thông qua chi tiết *cái bóng* trong “Chuyện người con gái Nam Xương” Nguyễn Dữ muốn gửi gắm đến bạn đọc những vấn đề nhân sinh, những thông điệp cuộc sống quý giá. Từ chi tiết này, mỗi nhân vật trong câu chuyện đều tự bộc lộ tính cách của mình. Bé Đản ngây thơ, chưa đủ nhận thức để phân biệt được cái bóng và người thật “ông lại biết nói chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít” ... “mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi và chẳng bao giờ bé Đản cả” và điều đó đã vô tình khiến Đản mất mẹ vì một sự hiểu lầm tai hại bởi chính lời nói non dại của mình. Lời nói của đứa trẻ ngây thơ chứa k ít điều vô lí, như câu đố dành cho TS. Nhưng vì đa nghi, bảo thủ, độc đoán và mù quáng mà TS hại chết vợ song rồi bản thân chàng cũng không có được hạnh phúc.

* Chi tiết *Cái bóng* trong truyện còn tô đậm thêm những nét đẹp phẩm chất của Vũ Nương trong vai trò làm vợ, làm mẹ. *Cái bóng* là biểu hiện của tình yêu thương, lòng chung thủy. Yêu thương con, muốn bù đắp tình cảm cho con khi vắng cha, nàng muốn trong tâm hồn thơ dại của đứa con luôn có hình bóng người cha thân thương, đáng kính. Nàng trở bóng mình trên vách là thể hiện tình yêu thương, thủy chung với chồng. Nàng luôn mong ngóng và nhớ chồng da diết nên nàng đã mượn chiếc bóng của mình để khóa lấp nỗi lòng “Vợ chồng như hình với bóng”, là ước muốn đồng nhất “xa mặt” mà không cách lòng của nàng với người chồng nơi chiến trận, chiếc bóng là vật kí thác tình yêu chung thủy theo kiểu Vũ Nương. Nàng luôn khát khao gia đình được sum họp, được hạnh phúc.

Cái bóng xuất hiện cuối tác phẩm “Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng, mờ nhạt dần mà biến mất” Chi tiết này là sự sáng tạo của Nguyễn Dữ so với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương” tạo nên vẻ đẹp lung linh của tác phẩm và một kết thúc tưởng như có hậu nhưng lại nhấn mạnh bi kịch của người phụ nữ, khắc họa giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm. Vũ Nương được sống sung sướng dưới Thủy cung nhưng không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. Làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ, làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn? Bi kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nàng nói lời tạ từ: “Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt song thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

+ Chi tiết *Cái bóng* mang đến một thông điệp sâu sắc, đem đến bao suy tư, trăn trở cho người đọc về hạnh phúc gia đình. VN đã tha thiết bày tỏ nỗi niềm và ước mong về cuộc sống gia đình hạnh phúc. Lúc mới về nhà chồng, khi chồng đi lính cũng như khi gia đình có nguy cơ tan vỡ nàng luôn nghĩ đến hạnh phúc gia đình, làm mọi chuyện để gìn giữ mái ấm ấy. Song cuộc đời cũng thật trớ trêu, một người phụ nữ vẹn toàn đức hạnh, đặt gia đình lên trên hết lại phải gánh chịu nỗi oan khuất và gia đình cũng từ đó mà tan vỡ. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn lại một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng

nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được hạnh phúc thực sự của người phụ nữ. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về việc giữ gìn hạnh phúc gia đình:

Hạnh phúc lứa đôi chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở của tình yêu thương chân chính, có sự cảm thông và sẻ chia, sự thấu hiểu, tôn trọng, tin tưởng nhau đừng để cho những điều vô hình, mong manh (như chiếc bóng) giết chết tình yêu, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình. Quả thực, kết cục cuộc đời VN cũng cho ta thấy một điều rằng: lấy nhau mà không biết tính nhau, không thấu hiểu nhau, không tin nhau thì dù có thương yêu nhau đến đâu, không trước thì sau bị kịch ắt sẽ xảy đến. Nỗi niềm trần trở về hpgd của tác giả qua nhân vật VN cũng là lời cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta về việc làm thế nào để có được hạnh phúc gia đình thực sự ! Phải yêu thương, tin tưởng, tôn trọng nhau, đừng để cho những điều vô hình, mong manh (như chiếc bóng) giết chết tình yêu, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, là bài học về hạnh phúc muôn đời, một khi đánh mất niềm tin ở đời thì hạnh phúc chỉ là cái bóng hư ảo!

Chi tiết **cái bóng** thể hiện rất rõ tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Dữ, thương xót, đồng cảm với những người phụ nữ bất hạnh, bênh vực người phụ nữ, phê phán tư tưởng trọng nam khinh nữ, thói gia trưởng, ích kỉ của những người đàn ông trong xã hội phong kiếnđồng thời cũng cho thấy tài năng của tác giả, chi tiết ấy đã làm nên tầm vóc một “nhà văn lớn” - Nguyễn Dữ. Qua “Chuyện người con gái Nam Xương”, ta xót xa, thương cảm cho người phụ nữ bất hạnh trong xã hội xưa bao nhiêu, ta càng căm giận cái xã hội thối nát, bất công đã đẩy người phụ nữ vào vòng oan trái bấy nhiêu. Đọc tác phẩm, ta lại càng thêm nâng niu, trân trọng cái tài, cái tâm của người con huyện Thanh Miện, Hải Dương dành cho những thân phận bọt bèo trong xã hội phong kiến đương thời.

Cái bóng là ẩn dụ cho số phận mong manh của người phụ nữ trong chế độ nam quyền. Chỉ là chiếc bóng vô hình nhưng cũng dẫn tới bi kịch, đẩy một người phụ nữ đức hạnh đến cái chết oan ức. Chiếc bóng mà Vũ Nương vô tình đem ra đùa với con, nhưng chính trò đùa ấy lại hại nàng. Chi tiết cái bóng làm cho cái chết Vũ Nương thêm oan ức và giá trị tố cáo xã hội phong kiến nam quyền đầy bất công với phụ nữ thêm sâu sắc. Phải chăng, trong xã hội phong kiến, thân phận người phụ nữ mong manh và rẻ rúng chẳng khác nào cái bóng trên tường.

Liên hệ: Chi tiết “cái bóng” trong “CNCGNX” khiến bạn đọc liên tưởng đến chi tiết “chiếc lá” trong “CLCC” của Ohenri. Chi tiết “chiếc lá” trong “Chiếc lá cuối cùng” của O. Henri là lá giả, “cái bóng” trong “CNCGNX” là người giả nhưng hai chi tiết ở hai thiên truyện đều đẩy cốt truyện lên cao trào, thắt nút, mở nút câu chuyện, đưa đến hai sự thật đối nghịch nhau: Cái chết oan khuất và sự sống ý nghĩa. Con người vững lòng tin ở sự sống trong việc chờ chồng nuôi con như VN vì “cái bóng” mà phải tìm đến cái chết, còn con người đang tuyệt vọng trong cuộc chiến bệnh tật, đang đi dần vào cõi chết như Giôn – xi lại tìm thấy sự sống. Chi tiết *chiếc lá* trong “Chiếc lá cuối cùng” gắn với nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần. Chiếc lá thực mang đến cho Giôn – xi ý nghĩ tiêu cực khi cô đang ốm nặng, khó qua khỏi, khi chiếc lá cuối cùng rụng

thì cô cũng buông xuôi, lìa đời. Chiếc lá - kiệt tác của cụ Bơ – men là chiếc lá của tình yêu thương, cụ Bơ men đang rất khỏe mạnh, vì muốn cứu Giôn – xi, cụ đã vẽ chiếc lá cuối cùng và bị sưng phổi rồi qua đời. Chiếc lá dẻo dai, dùng cảm bám vào thân cây thường xuân mặc cho mưa gió phũ phàng đã gieo vào lòng Giôn – xi niềm hi vọng, khơi dậy trong cô khát vọng sống, cho cô sức mạnh vượt lên cái chết. Chiếc lá là liều thuốc diệu kỳ cứu sống con người, vực dậy một tâm hồn đang chết dần, chết mòn vì tuyệt vọng. Chiếc lá là bức thông điệp màu xanh, là minh chứng cho tình yêu thương, sự hi sinh cao cả, sự đồng cảm, sẻ chia của những con người nghèo khổ dành cho nhau. Chiếc lá khẳng định quan niệm về nghệ thuật chân chính: Nghệ thuật vì cuộc sống con người. Hai chi tiết nghệ thuật với những quan niệm nhân sinh sâu sắc mà mỗi nhà văn gửi gắm đều mang đến cho bạn đọc niềm tin vào cuộc sống, tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.

*** Đánh giá chung:** + Khẳng định vai trò của chi tiết trong tác phẩm và trong dụng ý nghệ thuật của nhà văn.

Mỗi tác phẩm văn học xuất sắc giống như một “tảng băng trôi” (Heeminuay) ôm chứa trong lòng nó biết bao giá trị tiềm ẩn. “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn” là nhận định hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ những chi tiết đắt giá có ý nghĩa như tấm gương soi giúp người đọc nhìn thấu vẻ đẹp và giá trị tiềm ẩn đó. Bằng tài năng, tâm huyết tâm lòng nhân đạo với cái nhìn sắc sảo Nguyễn Dữ và Ohenri đã cảm thông nâng niu trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của con người. Đi qua một hành trình dài mấy thế kỉ, bụi thời gian đã phủ dày lên mọi vật trên cuộc đời này, thế nhưng sức sống cùng vẻ đẹp nhân sinh mà ND và Ohenri đã gửi vào trang truyện vẫn mãi tỏa sáng. Cả hai tác phẩm giống như chiếc vỏ ốc nhỏ bé, mong manh song lấp lánh sắc màu và từ đó ngân lên những tiếng thì thầm của đại dương sâu thẳm, ngân lên những khúc ca về cuộc sống, tình yêu và khát vọng muôn đời. Từ hai chi tiết đắt giá của hai tác phẩm, chúng ta nhận thấy rằng mỗi nhà văn luôn là người sống sâu sắc với cuộc đời, với nhiều số phận, cảnh ngộ, luôn hòa mình với cuộc đời và viết văn vì cuộc đời, luôn giữ cho cái tâm trong sáng thì tác phẩm của họ mới có sức sống lâu bền trong lòng độc giả, với thời gian. Nhà văn phải có con mắt tinh tường để khám phá bản chất hiện thực, óc tư duy tưởng tượng để phân tích, đánh giá và có tài năng để xây dựng nên những hình tượng lớn, chi tiết đắt để chở đi quan điểm của mình. Còn độc giả luôn mong đợi những trang viết chứa đựng lòng yêu thương chân thành của nhà văn có như vậy tác phẩm mới làm cho tâm hồn người đọc thêm trong sáng, phong phú, cuộc đời thêm tươi đẹp, hướng ta đến những giá trị chân thiện, mỹ, làm đẹp tâm hồn mỗi chúng ta.

3. Kết bài:

Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Chi tiết “cái bóng” trong “CNCGNX” và chi tiết “chiếc lá ” trong “CLCC” đã góp phần làm nên thành công của nhà văn lớn ND và Ohenri. Nó đã khái quát lên một chân lý nghệ thuật: nghệ thuật chân chính không những tìm thấy cái bình thường trong sự phi thường mà còn phát hiện cái phi thường trong sự bình thường, thậm chí tầm thường. Chỉ có nhà văn lớn có khối óc và trái tim lớn mới làm được điều đó.

Đề 3: Kết thúc truyện.

“Một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có vang hưởng”

(Bùi Việt Thắng, *Bình luận truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999)

Phân tích cái kết trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và liên hệ kết thúc truyện “Lão Hạc” của Nam Cao hoặc cái kết trong “Cô bé bán diêm” của Andecxen để làm sáng tỏ ý kiến trên ?

(Hoặc nhận định tương tự: Nhà văn Seekhop khẳng định “Theo tôi, viết truyện ngắn, cốt nhất phải tô đậm cái mở đầu và cái kết luận”)

1. Giải thích nhận định

Nhận định đề cập đến vai trò của phần kết thúc trong việc tạo ra giá trị của một truyện ngắn. Truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Với dung lượng ngắn gọn, truyện ngắn thường chú trọng khắc họa một hiện tượng, một khoảnh khắc của sự sống, phát hiện một đặc tính trong quan hệ con người, trong đời sống tâm hồn con người. Trong nghệ thuật viết truyện ngắn, các nhà văn luôn chú ý phần mở đầu và kết thúc. Theo Bùi Việt Thắng phần kết thúc đóng vai trò quan trọng đối với sự thành bại của truyện ngắn. Kết thúc truyện ngắn không chỉ có ý nghĩa giản đơn là dừng lại hay chỉ là sự kết thúc câu chuyện, kết thúc số phận nhân vật, kết thúc mâu thuẫn mà kết thúc truyện còn gợi mở ra nhiều suy ngẫm, nghĩa là tạo cho tác phẩm có dư ba, vang hưởng... Kết thúc truyện cũng bộc lộ tài năng nhà văn trong việc dẫn dắt tình huống truyện, chọn điểm dừng đúng lúc, chứa đựng sự bất ngờ, kịch tính đưa đến cho người đọc nhiều cảm xúc thẩm mĩ: những sự vỡ lẽ, ngạc nhiên, sự xót xa, ám ảnh... Kết thúc một truyện ngắn hay cũng là bắt đầu quá trình đồng sáng tạo ở độc giả, khơi dậy ở người đọc nhiều liên tưởng sâu xa về ý nghĩa của truyện và tư tưởng của nhà văn... Có thể xem kết thúc là cái đích nội dung của truyện, thể hiện nghệ thuật khép truyện của nhà văn bởi lẽ “Sức mạnh của cú đấm (nghệ thuật) là thuộc về đoạn cuối”.

Chứng minh:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

2. Về kết thúc của nhà văn

LĐ 1 Kết thúc truyện “CNCGNX” bất ngờ và chứa đựng kịch tính. Nguyễn Dữ để cho nhân vật Vũ Nương trở về dương gian nhưng chỉ hiện ra ở giữa dòng và nói vọng vào: “...thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”. Cách kết thúc này mới mẻ so với truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, đó là cái kết lung linh kì ảo, để lại dư vị ngậm ngùi cho bạn đọc và mang lại nhiều giá trị cho tác phẩm.

LĐ 2” Kết thúc truyện “CNCGNX” của Nguyễn Dữ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm sức vang hưởng.

- Kết thúc truyện như vậy là hoàn toàn hợp lí vì nó vừa thể hiện được tư tưởng của tác giả, vừa đảm bảo tính logic của cốt truyện đồng thời phản ánh một cách chân thực, khách quan số phận của người phụ nữ trong xã hội Phong kiến. Vũ Nương đã làm tròn bổn phận của một phụ nữ, người vợ, người mẹ, người con, ở cương vị nào nàng cũng làm rất hoàn hảo. Nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng. Cũng giống như số phận của bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Vũ Nương đã phải chịu sự ràng buộc bởi những lễ giáo khắt khe, ngặt nghèo. Cuộc hôn nhân của nàng là một cuộc hôn nhân không bình đẳng, bởi lẽ nó không phải là sự rung động của hai trái tim cùng một nhịp mà là do sự sắp đặt mang tính chất mua bán. Sự sắp đặt

của con nhà giàu, lắm tiền nhiều của, muốn gì được nấy, sắp đặt cho con nhà khó “cha mẹ đặt đâu thì con phải ngồi đó”. Cuộc hôn nhân có sự cách bức giàu nghèo đã khiến Vũ Nương luôn luôn mặc cảm “thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”. Dù Vũ Nương có luôn giữ gìn khuôn phép thì cuộc sống vợ chồng ấy vẫn tiềm ẩn nguy cơ tan vỡ và sau này cũng là cái thế để Trương Sinh độc đoán, gia trưởng, đối xử với vợ một cách vũ phu, thô bạo.

- Trương Sinh vốn ít học, lại có tính đa nghi và hay ghen, do vậy sự nghi kỵ, ngờ vực là mầm mống của sự bất hòa đã ủ sẵn trong gia đình. Để rồi, sau ba năm xa cách, khi trở về tưởng Trương Sinh sẽ mang lại hạnh phúc cho gia đình thì cũng lại là lúc tại họa ập xuống cuộc đời Vũ Nương. Chỉ vì lời nói ngây thơ của bé Đản: “Ô hay! Ông cũng là cha tôi ư? Mà ông lại biết nói chứ không giống như cha tôi trước kia...”, làm cho Trương Sinh ngờ vực, hiểu lầm vợ hư hỏng. Dù Vũ Nương có tha thiết giải bày, có hết lời phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình, dù họ hàng làng xóm có hết lòng khuyên can và biện hộ cho nàng thì Trương Sinh cũng không hề đếm xỉa tới, mà chỉ một mực nghi oan cho vợ. Phải chăng, xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, với thói “trọng nam khinh nữ” bám chặt vào huyết quản đã dung túng, cho phép người đàn ông được quyền coi thường, rề rúng và đối xử thô bạo với người phụ nữ? Thương nhớ chồng là thế, lại bị chồng ruồng rẫy, gạt bỏ. Giữ gìn khuôn phép, rất mực thủy chung lại bị coi là thất tiết, chịu tiếng nhục nhã... Hạnh phúc gia đình, thú vui nghi gia nghi thất, niềm khao khát của cả đời nàng đã tan vỡ, tình yêu không còn “bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió”, cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hóa đá trước đây, cũng không còn có thể có lại được nữa. Thất vọng đến tột cùng, Vũ Nương đành mượn sông Hoàng Giang rửa sạch nỗi oan nhục, giải bỏ tấm lòng trong trắng của mình. Vũ Nương đã nhiều lần gắng gượng để vượt lên số phận nhưng cuộc đời nàng không thoát khỏi là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, chà đạp và ức hiếp con người.

Cái chết của Vũ Nương thực chất là do bị chồng bức tử - một cái chết đầy oan ức. Chuyện danh dự, chuyện sinh mệnh của người phụ nữ bị tùy tiện định đoạt bởi người chồng, người đàn ông mà không có hành lang đạo lý, không được dư luận xã hội bảo vệ, chở che. Nỗi oan của Vũ Nương đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khuất của cái xã hội vùi dập thân phận con người, nhất là người phụ nữ. Sống trong xã hội đầy rẫy những oan trái, bất công, quyền sống của con người không được đảm bảo, người phụ nữ với thân phận “bèo dạt mây trôi” có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống bất kì lúc nào, vì những nguyên cớ vu vơ không thể tưởng tượng. Rõ ràng, xã hội phong kiến đã sinh ra bao Trương Sinh với đầu óc gia trưởng, độc đoán, là nguyên nhân sâu xa của những đau khổ mà người phụ nữ phải chịu.

- Vũ Nương từ giã cõi đời nhưng được sống sung sướng dưới Thủy cung song không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. Và làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ, làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn? Bi kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nghe nàng tạ từ ở cuối truyện: “Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc bị tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt....

Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội Pk xem trọng quyền uy của kẻ giàu có và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ.

- Cách kết thúc truyện làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự. - Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kì: yếu tố thực đan xen, trộn lẫn vào nhau, làm cho thế giới mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện đồng thời đã thể hiện được tinh thần nhân đạo và khát vọng của con người về cuộc sống: Vũ Nương không chết, nàng được sống một cuộc sống sung sướng, hạnh phúc dưới thủy cung, nàng hiện hồn về gặp Trương Sinh là để minh oan, để giải tỏa lòng mình, để khẳng định tình cảm thủy chung của mình. Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện. Thể hiện ước mơ về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.

- Kết thúc truyện còn cho thấy sự vận dụng sáng tạo truyện dân gian của nhà văn. Tác giả đã sử dụng yếu tố hoang đường kì ảo và lối kể chuyện dân gian để thể hiện tư tưởng của mình. Bên cạnh giá trị nhân đạo, truyện còn có giá trị hiện thực sâu sắc. Nếu tác giả để cho Vũ Nương trở về với cuộc sống thực tại thì nàng cũng không thể có được hạnh phúc với một người chồng đa nghi, độc đoán cùng những định kiến nặng nề của xã hội đương thời. Cách kết thúc này không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách giữ dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sự tỉnh giấc mơ – giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn.

- Kết thúc truyện đem đến bao suy tư, trăn trở cho người đọc về hạnh phúc gia đình. VN đã tha thiết bày tỏ nỗi niềm và ước mong về cuộc sống gia đình hạnh phúc. Lúc mới về nhà chồng, khi chồng đi lính cũng như khi gia đình có nguy cơ tan vỡ nàng luôn nghĩ đến hạnh phúc gia đình, làm mọi chuyện để gìn giữ mái ấm ấy. Song cuộc đời cũng thật trớ trêu, một người phụ nữ vẹn toàn đức hạnh, đặt gia đình lên trên hết lại phải gánh chịu nỗi oan khuất và gia đình cũng từ đó mà tan vỡ. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thật cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được hạnh phúc thực sự của người phụ nữ. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về việc giữ gìn hạnh phúc gia đình: Hạnh phúc lứa đôi chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở của tình yêu thương chân chính, có sự cảm thông và sẻ chia, sự thấu hiểu, tôn trọng, tin tưởng nhau đừng để cho những điều vô hình, mong manh (như chiếc bóng) giết chết tình yêu, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình. Quả thực, kết cục cuộc đời VN cũng cho ta thấy một điều rằng: lấy nhau mà không biết tính nhau, không thấu hiểu nhau, không tin nhau thì dù có thương yêu nhau đến đâu, không trước thì sau bi kịch ắt sẽ xảy đến. Nỗi niềm trăn trở về hpgd của tác giả qua nhân vật VN cũng là lời cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta về việc làm thế nào để có được hạnh phúc gia đình thực sự ! Cách kết thúc câu chuyện của nhà văn không chỉ góp phần tạo nên sức sống của tác phẩm mà còn khẳng định tài năng của tác giả.

2. Liên hệ đoạn kết tác phẩm “Lão Hạc” để làm rõ nhận định

a. Kết thúc truyện ngắn “ Lão Hạc” bất ngờ và chứa đựng kịch tính

- Hành động cuối cùng của lão Hạc hoàn toàn bất ngờ, tạo ra kịch tính, mâu thuẫn: giữa lời nói bên ngoài (xin bả về đánh bả chó) và ý định bên trong (dùng bả chó tự sát); giữa phán đoán của người khác về lão (bị cái đói dẫn đến đường cùng đã bị tha hóa nhân cách) với hành động thực tế (lão chết để giữ nhân cách). Kết thúc bất ngờ ấy khẳng định một điều: có những bí ẩn, bí mật trong sâu thẳm bên trong người nông dân không dễ gì nhận ra. Cho đến cuối truyện, người đọc mới nhận ra rằng cả câu chuyện này là một cuộc chuẩn bị để chết của một con người. Lão Hạc cứ âm thầm sắp xếp, lo liệu những việc cuối cùng của một kiếp người để rồi tự vẫn mà ông giáo và người đọc không hề hay biết. Những hành động của lão khiến cho ai cũng ngỡ nhận rằng lão đã già nua, lần thân, gàn dở. Đến đến cuối cùng khi lão chết mới vỡ lẽ ra về vẻ đẹp của một phần nguyên sơ, thánh thiện, vị tha của lão thì đã muộn rồi. Cách dẫn dắt truyện và kết thúc đã tạo ra một quá trình chuyển biến trong nhận thức, ngỡ nhận rồi vỡ lẽ, không chỉ đối với nhân vật trong truyện mà đối với cả người đọc.

b.Kết thúc truyện “Lão Hạc ” gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm sức vang hưởng.

Có bao nhiêu cách chết nhưng lão lại chọn cái chết dữ dội, chết bằng cách tự đánh bả bản thân mình, chết thê thảm như một con chó, cũng như cách cậu Vàng đã chết trước đó. Một người như lão Hạc, phải đánh lừa một con chó cũng có nghĩa là đã từ bỏ tư cách làm người lương thiện, do vậy lão đã chết như là sự chuộc tội, thanh minh với cậu Vàng của lão.

+ Cái chết của lão Hạc gợi rất nhiều liên tưởng sâu xa về thân phận và vẻ đẹp của người nông dân. Cái chết là sự lựa chọn nghiệt ngã của nhân vật: muốn sống thì phải lổi đạo làm cha, muốn trọn đạo làm cha thì phải chết. Muốn sống thì phải tha hóa nhân cách, muốn bảo toàn nhân cách thì phải chết.

- Thông qua cái chết của lão Hạc, Nam Cao kí thác nhiều tư tưởng sâu sắc về con người. Nam Cao luôn tin tưởng vào thiện tâm của con người, ông đau nỗi đau của con người, xót xa trước bi kịch của con người trong xã hội cũ: bị bần cùng hóa, bị cái đói và những thế lực của xã hội chèn ép khiến họ buộc phải tìm đến cái chết bi thương, bế tắc (Cuộc đời vẫn đáng buồn nhưng theo một nghĩa khác) Đoạn kết cũng thể hiện triết lý tình thương của Nam Cao: Nếu chỉ nhìn người bằng đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ thì chỉ thấy con người đáng khinh, đáng ghét: xấu xa, ngu ngốc, bần tiện, bị ối...Phải biết nhìn người bằng đôi mắt của tình thương mới phát hiện những vẻ đẹp nội tâm nhiều khi chỉ tồn tại như những bí mật thâm sâu của họ. Đó cũng là tư tưởng nhân văn sâu sắc của nhà văn NC

3. Đánh giá khái quát

Ý kiến của Nguyễn Việt Thắng hoàn toàn đúng đắn. Bởi lẽ sau mỗi kết thúc, nhà văn đã dùng tất cả cái tâm cái tài của mình để viết nên những dòng chữ in hoa cuối cùng, những dòng chữ đó đã sống dậy và đi sâu vào trong lòng người, làm dậy lên ở họ những cảm xúc, suy nghĩ về cuộc đời, sự tò mò, dự cảm về tương lai, hy vọng về cái đẹp sẽ tồn tại vĩnh cửu kể cả khi tác phẩm đã kết thúc. Điều quan trọng hơn cả là sau mỗi cách kết thúc, tác giả phải gieo vào lòng người đọc những nhận thức sâu sắc về quy luật đời sống và những dự cảm về tương lai, về cái đẹp tất yếu sẽ chiến thắng Để tác phẩm có thể trường tồn với

thời gian, nó phải đem những giá trị đích thực, mang hơi thở thời đại thổi vào tâm hồn người đọc những ấn tượng khó phai. Khi trang sách của truyện ngắn kết thúc thì những âm hưởng của nó vẫn còn vang vọng, in sâu trong trái tim và khối óc của người đọc. Vì cái kết thúc ấy đã cho họ một cái nhìn về thế giới, cho họ những cảm xúc mới mẻ và độc đáo nhất

KB (Tự làm)

Đề 4. Bàn về sứ mệnh của người cầm bút, Ai-ma-tốp cho rằng: *Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, hãy làm sáng tỏ ý kiến đó. Liên hệ với đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” trích tiểu thuyết “ Tắt đèn ” của Ngô Tất Tố.

2. Giải thích ý kiến :

- Ý kiến của nhà văn Ai-ma-tốp khẳng định sứ mệnh của nhà văn là thông qua tác phẩm của mình phải khơi gợi được những tình cảm nhân văn tốt đẹp ở người đọc như : sự đồng cảm với cảnh ngộ của con người, lay thức những tình cảm yêu thương, sự thấu hiểu chia sẻ hay sự bất bình, lên án, phê phán, đấu tranh với cái xấu, cái ác để bênh vực cái tốt, cái đẹp, cái lương thiện...

=>**Bình luận ý kiến:**

Ý kiến trên của nhà văn Ai- ma- tốp chủ yếu bàn về giá trị nhân văn nhân đạo cao cả trong các tác phẩm văn học. Đồng thời đề cao sứ mệnh cao cả của văn chương là cảm hoá, nhân đạo hoá con người. Đó cũng là những giá trị nhân đạo, nhân văn sâu sắc, cao đẹp làm nên sức sống trường tồn cho tác phẩm mà người nghệ sĩ chân chính nào cũng muốn hướng tới.

3.Chứng minh làm sáng tỏ ý kiến qua *Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ*

3.1.Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

Nguyễn Dữ là nhà văn tiêu biểu của nền văn học trung thế kỷ XVI, là tác giả của tập “ truyện kì mạn lục”. Trong đó “ Chuyện người con gái Nam Xương ” là tác phẩm tiêu biểu mang những giá trị nhân đạo, nhân văn sâu sắc, cao đẹp.

3.2. Chứng minh

Luận điểm 1: Với *Chuyện người con gái Nam Xương*, tác giả Nguyễn Dữ đã khơi dậy trong lòng người đọc nỗi niềm cảm thương trước số phận bất hạnh, oan ức của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa - Niềm trắc ẩn.

a. Vẻ đẹp của Vũ Nương

+Vũ Nương là cô gái xinh đẹp: Tư dung tốt đẹp.

+Là cô gái có đức tính, phẩm chất tốt đẹp, đáng trân trọng: Thùy mị, nết na.

→ Vẻ đẹp ở nàng là vẻ đẹp cả hình thức lẫn tâm hồn, phẩm chất, nét đẹp tiêu biểu cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. Chính vẻ đẹp ấy đã khiến chàng Trương đem lòng yêu mến và cưới về làm vợ.

+ Trong cuộc sống gia đình mới cưới luôn ứng xử khuôn phép trước tính hay ghen của chồng, không để vợ chồng xảy đến thất hòa

+ Ngày chồng tòng quân: nàng đau lòng, dặn dò chồng chu đáo và mong chồng bình an trở về mà không mong vinh hoa phú quý.

+ Khi chồng ra trận: ở nhà một lòng một dạ chăm sóc con trai và chăm sóc mẹ chồng những ngày cuối đời, lo phụng dưỡng, ma chay tế lễ cho mẹ chồng như với cha mẹ đẻ của mình.

→ Với những cách ứng xử ấy, có thể nói Vũ Nương là người vợ hiền lành, đảm đang, đầy đủ “công - dung - ngôn - hạnh” đáng ngưỡng mộ, là người mẹ hết mực thương con, là người con dâu hiếu thảo, hiếu thuận.

→ Vẻ đẹp ấy ở nàng là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ với những phẩm hạnh tốt đẹp, đáng trân trọng mà nhà văn Nguyễn Dữ muốn đề cao ca ngợi.

b. Số phận bi kịch của Vũ Nương

- Nguyên nhân: Khi chồng bế con ra thăm mộ mẹ, đứa nhỏ đã tiết lộ bố nó đem nào cũng

đến thăm nó → Trương Sinh đem lòng nghi ngờ, ghen tuông.

Khi Trương Sinh về nhà đã chửi mắng nàng và đuổi nàng đi mặc cho nàng van xin và thanh minh. → Người phụ nữ không được tự quyết định số phận của mình mà phải phụ thuộc vào người đàn ông tông gia đình. Tuy mình bị oan nhưng không được thanh minh.

Để chứng minh tấm lòng chung thủy của mình Vũ Nương đã nhảy sông tự tử. → Đau khổ, xót thương trước số phận bất hạnh của nàng sau những điều tốt đẹp nàng đã làm cho nhà chồng.

Sau này, khi Trương Sinh hiểu ra oan khuất của nàng đã vô cùng đau xót nhưng nàng không thể trở về nhân gian được nữa mà mãi ở lại nơi thủy cung. → Đây được coi là cái kết vừa có hậu vừa đoan hậu của Vũ Nương: có hậu vì cuối cùng nàng cũng được minh oan và khiến cho người làm nàng đau khổ là Trương Sinh nhận ra lỗi lầm, ân hận về lỗi lầm đó; đoan hậu vì nàng không được quay lại nhân gian để sống tiếp kiếp người, để nhận lại phúc đức sau những nghĩa cử cao đẹp nàng đã làm.

-> Đánh giá: Với việc gọi lên vẻ đẹp và số phận của Vũ Nương, Nguyễn Dữ đã khơi gợi được tấm lòng trắc ẩn ở người đọc về cuộc đời số phận và những vẻ đẹp đáng quý của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

Luận điểm 2: Tác phẩm còn gợi lên trong người đọc, người nghe nỗi bất bình, sự căm phẫn đối với xã hội phong kiến nam quyền độc đoán đã dồn đẩy người phụ nữ tới tận cùng đau khổ, bất hạnh:

+ Xã hội phong kiến dung túng cho một kẻ gia trưởng, vũ phu với tư tưởng "trọng nam

khinh nữ" Xã hội phong kiến

+ Sự ghen tuông của Trương Sinh rất mù quáng, thiếu căn cứ, bỏ ngoài tai lời can ngăn của vợ, xóm làng thiếu hiểu biết là nguyên nhân trực tiếp đẩy Vũ Nương vào số phận nghiệt ngã

+ Sự ghen tuông của người chồng là hệ quả của xã hội đương thời với tư tưởng lạc hậu đã đẩy cuộc đời Vũ Nương vào số phận bi kịch

+ Tổ cáo chiến tranh phi nghĩa khiến gia đình ly tán, vợ chồng hiểu lầm, khiến cho người dân phải chết rất nhiều. "nhiều người chạy trốn ra ngoài bể, thuyền đắm, tất cả đều chết đuối hết".

-> Nhà văn Nguyễn Dữ bằng tấm lòng nhân văn nhân đạo cao cả của mình đã bộc lộ thái độ cảm phần sâu sắc trước bản chất, bộ mặt thật của xã hội phong kiến xưa.

Luận điểm 3: Thông qua tác phẩm, tác giả cũng khơi lên khát vọng bênh vực, bảo vệ, mong ước hạnh phúc cho người phụ nữ.

Là một nhà văn nhân đạo, Nguyễn Dữ không bao giờ muốn một người như Vũ nương phải chết. Nhưng hiện thực vẫn là hiện thực, dù nó phũ phàng đến mấy. Vũ nương đã chết - đó là sự thật không thể cứu vãn. Song để minh oan, để bù đắp cho một con người hiếu hạnh đến thế, nhà văn tưởng tượng ra sự hồi sinh của nhân vật. Tái hợp, trùng phùng trong niềm hạnh phúc sau những lỗi lầm vẫn là niềm mơ ước, khát vọng của con người bao đời nay. Nhà văn đã tạo ra sự dung hoà giữa hiện thực với niềm mơ ước; giữa cái tồn tại và cái không tồn tại. Vũ nương đã trở về trong niềm mơ ước của Trương Sinh và của người đời nhưng chỉ là trong chốc lát rồi nhanh chóng tan biến vào khói mây. Chia lìa là vĩnh viễn bởi người chết làm sao mà sống lại. Hiện thực trở về trong niềm mơ ước. Đây chính là nét đặc sắc của truyện kì Nguyễn Dữ mà các tác giả sau ông không ai vượt qua được. Cái ảo ảnh đoàn tụ mau chóng tan biến dù không muốn thì cũng không thể làm khác được. Trương Sinh sống trong cảnh phòng không vắng vẻ, ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya ngắm bóng mình trên vách mà cảm hoài cho phận lẻ bóng cô... Đứa trẻ mồ côi mẹ, chồng mồ côi vợ... Đây chính là một vấn đề lớn của bi kịch gia đình. Đồng thời với kiểu kết thúc truyện như vậy đã cho ta thấy được quan niệm sống tiến bộ: thà sống trong đau khổ mà có thật còn hạnh phúc hơn là sống trong hạnh phúc siêu hình; thấy được cái nhìn hiện thực tỉnh táo, phi lạc quan hoá và tấm lòng nhân đạo bao la của nhà văn).

***Đánh giá về Chuyện người con gái Nam Xương:**

- Thông qua nghệ thuật xây dựng, khắc hoạ nhân vật ; cốt truyện có kịch tính, sự đan xen yếu tố thực và yếu tố truyện kì, tác phẩm đã để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả, lay thức những tình cảm nhân văn tốt đẹp, « gây cho ta những tình cảm ta chưa có, luyện những tình cảm ta sẵn có » (Hoài Thanh)
- Tác phẩm là tiếng nói của tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Thông qua tác phẩm, nhà văn Nguyễn Dữ đã thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc và tư tưởng tiến bộ : bênh vực người phụ nữ. Chính tấm lòng và tư tưởng đó của ông đã là cầu nối đến với trái tim của bạn đọc, khơi gợi những rung động mãnh liệt, những tình cảm nhân văn sâu sắc trong tâm hồn bạn đọc bao thế hệ.

4. Liên hệ đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ”

- Thông qua nhân vật Chị Dậu, đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” nói riêng và tác phẩm “ Tắt đèn” nói chung đã ca ngợi vẻ đẹp của người phụ nữ nông dân trong xã hội phong kiến xưa: Chị Dậu là một người phụ nữ nông dân hiền dịu, nết na, thương chồng, thương con, đảm đang tháo vát và có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ. Dù cuộc sống cơ cực, nghèo túng, bị bó buộc trong cái thứ thuế khóa vô lí, dù phải chạy đôn chạy đáo, phải lo toan đủ thứ , phải chống chọi với bọn quan lại cường hào thì ở chị Dậu vẫn hiện lên những vẻ đẹp đáng quý, đáng trân trọng.
- Đồng thời qua đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” cũng là tiếng nói tố cáo sự bất công tàn bạo của xã hội phong kiến: Đó chính là chế độ thuế khóa, bọn quan lại

hống hách, lộng quyền trong xã hội phong kiến, với bộ mặt bất nhân của Cai Lệ và người nhà lí trưởng đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh cơ cực khốn cùng -> Thông qua đoạn trích “ Túc nước vỡ bờ” , bằng tấm lòng nhân đạo cao cả, nhà văn Ngô Tất Tố cũng đã thực sự khơi gợi tấm lòng cảm thương của người đọc trước cuộc đời, số phận của người phụ nữ nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến xưa. Đồng thời, tác phẩm cũng thể hiện giá trị ngợi ca trước vẻ đẹp của người phụ nữ và là tiếng nói phản kháng , tố cáo trước những bất công của xã hội.

5. Khẳng định lại vấn đề:

- Qua câu nói của Ai-ma-tốp : “ *Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp*” đã khẳng định được sứ mệnh cao cả của người nghệ sĩ là làm cầu nối yêu thương của văn chương với cuộc đời. Đồng thời khẳng định sức sống trường tồn của một tác phẩm văn học chính là những cảm xúc, tình cảm, tư tưởng tốt đẹp, tích cực, nhân ái mà tác phẩm, tác giả đã gieo vào trong tâm trí của người đọc

- Qua “ Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “ Túc nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố đã cho ta thấy được sứ mệnh cao cả đó của các nhà văn. Và đồng thời cũng góp phần khẳng định rằng: Dù được ra đời ở những thời kì nào thì các tác phẩm văn học cũng đều hướng đến những giá trị cao đẹp nhất.

- Với những ý nghĩa cao đẹp ấy mà “ Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ cũng như tác phẩm “ Tắt Đèn” nói chung và đoạn trích “ Túc nước vỡ bờ” nói riêng của Ngô Tất Tố đã mang một giá trị nhân văn nhân đạo cao cả, có một tầm ảnh hưởng, một vị trí xứng đáng trong nền văn học nước nhà và để lại những ấn tượng khó phai mờ trong lòng người đọc bao thế hệ.

Đề 5: Giá trị nhân đạo trong Chuyện người con gái Nam Xương (Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người ...)

* Nhận định khái quát về tư tưởng nhân đạo trong văn học:

- Văn học là một hoạt động sáng tạo của con người nhằm khám phá và khẳng định những giá trị của đời sống, nhằm vươn tới những điều tốt đẹp và hoàn thiện của con người và cuộc đời. Tư tưởng nhân đạo thường là một tư tưởng lớn thấm nhuần trong những nền văn học tiến bộ, trong những tác phẩm văn học ưu tú.

Văn chương: chỉ các tác phẩm thơ văn. Đối tượng phản ánh của tác phẩm văn chương là con người và vạn vật. Nhà văn sáng tác tác phẩm, một mặt phản ánh hiện thực, mặt khác bày tỏ tình cảm với con người và vạn vật. Tác phẩm là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc của người sáng tác, được hình thành, nảy nở từ tình cảm của tác giả đối với cuộc sống, con người, quan trọng nhất là tình thương.

- Vấn đề trung tâm của văn chương là vấn đề con người và nguồn gốc cốt yếu của văn chương chính là lòng thương người. Lòng thương người hay nói rộng ra là giá trị nhân đạo là phẩm chất cốt lõi, là tiêu chuẩn cho một tác phẩm văn học chân chính.

- Hoài Thanh đã đưa ra vấn đề quan trọng, được coi là nguồn gốc cốt yếu của văn chương: lòng thương người mà rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

+ Tình thương người, thương cả muôn vật, muôn loài: là lòng nhân ái – một tình cảm rộng lớn, cao cả, mang tầm nhân loại. Tình cảm ấy không chỉ là cội nguồn

của văn chương mà còn là thước đo giá trị của tác phẩm văn chương chân chính. Đó chính là giá trị nhân đạo, là những ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm.

+ Nói đến giá trị nhân đạo, đến ý nghĩa nhân văn là nói đến vấn đề con người, vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm. Ở đó, con người luôn được đặt ở vị trí hàng đầu, trong mối quan tâm thường trực của các nhà văn. Nhà văn đã nhìn thấy những bất công, nghịch cảnh, nghịch lí đối với con người và thủ phạm của nó; nhà văn thể hiện sự quan tâm, niềm cảm thương sâu sắc đối với những con người phải chịu áp bức, khổ đau, thiệt thòi, tấm lòng thương yêu, sự cảm thông, xót xa trước những hoàn cảnh, những số phận bất hạnh; thể hiện thái độ căm ghét, lên án, tố cáo những cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người. Quan trọng hơn, nhà văn khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của con người, thể hiện niềm tin vào cái đẹp, vào công lí, hướng tới những giải pháp đem lại hạnh phúc cho con người; trân trọng, nâng niu khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc của con người.

*** Giá trị nhân đạo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”:**

- Trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương. (Vẻ đẹp truyền thống của Vũ Nương)
- Thể hiện niềm tin vào điều tốt đẹp: Đề cao giá trị nhân nghĩa “ở hiền gặp lành” qua kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân. (Vũ Nương trở về trên bến Hoàng Giang)
- Qua số phận nhiều thiệt thòi, bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến có nhiều bất công (Bi kịch của Vũ Nương):
- + Cất lên tiếng nói tố cáo xã hội đã chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người. Đó là chiến tranh phi nghĩa, là chế độ nam quyền độc đoán dồn đẩy con người vào cảnh ngộ đau thương.
- + Thể hiện niềm cảm thông, thương xót cho số phận oan trái của người phụ nữ đẹp người đẹp nết mà bất hạnh, gặp nhiều bi kịch trong cuộc đời: Là tình cảnh oan khiên nghiệt ngã của VN đến mức nàng phải dùng cái chết để chứng tỏ tấm lòng trong trắng, tiết hạnh của mình.
- Trân trọng, đề cao những khát vọng nhân văn của người pn: Khát vọng về tình yêu, hạnh phúc, về một mái ấm gia đình bình dị, sum vầy.

TRUYỆN KIỀU (NGUYỄN DU)

Nghệ thuật tả cảnh, tả cảnh ngụ tình

Đề 1 : Giáo sư Lê Trí Viễn nhận xét : Riêng về tả cảnh thì N Du cũng theo truyền thống có sẵn trong văn học Trung Quốc cũng như trong văn học Việt Nam. Cảnh xen vào tâm trạng con người là để làm nổi bật tâm trạng ấy. Nhiều khi lại không trực tiếp tả tâm trạng nhân vật mà xuyên qua cảnh vật gợi lên tâm trạng ấy. Chỗ đó là sở trường nhất của tác giả Truyện Kiều »

Bằng những đoạn trích đã học trong TK của ND em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên ?

*** Tả cảnh ngụ tình (Nhận xét của GS Lê Trí Viễn)**

- Bút pháp của đại thi hào Nguyễn Du được coi là điêu luyện, tuyệt bút trong đó nghệ thuật tả cảnh, tả tình được người đời sau khen ngợi "như máu chảy ở đầu

ngọn bút" và "thấu nghìn đời". Đặc sắc nhất là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Bởi thế nhận xét về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong TK, Lê Trí Viễn từng tâm đắc: “ Riêng về tả cảnh”

- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là một thủ pháp truyền thống của văn học cổ Phương Đông. TK của ND đã ảnh hưởng sâu đậm phương pháp sáng tác đó, song ND đã vận dụng một cách tài tình đầy sáng tạo. Tài năng ấy đã trở thành sở trường, năng khiếu bậc thầy của thi nhân. Mỗi cảnh trong TK đều mang đến cho ta bao cung bậc cảm xúc bởi nhà thơ không chỉ đơn thuần tả cảnh mà thông qua cảnh để tả tình, bức tranh thiên nhiên cũng là bức tranh tâm trạng, mượn cảnh vật để gửi gắm tâm trạng : « Cảnh xen vào tâm trạng con người là để làm nổi bật tâm trạng. Nhiều khi không trực tiếp tả tâm trạng nhân vật mà xuyên qua cảnh vật gợi lên tâm trạng ấy ». Lúc này, cảnh chỉ là phương tiện để thực hiện, mục đích chính là miêu tả tâm trạng. Đó là sở trường của ND mà các tài bút văn học TD khôn sánh.

*** Chứng minh qua các đoạn trích:**

Trong TK, ta luôn bắt gặp thủ pháp xuyên qua cảnh vật để gợi tâm trạng. Cảnh vật bao giờ cũng bao hàm một nỗi niềm tâm sự của con người. Nguyễn Du tả cảnh mà thâm ý luôn luôn đem cái cảm xúc của người đối cảnh cho chi phối lên cảnh vật. Điều này khiến cho cảnh vật trở nên linh hoạt như có một tâm hồn hay một nỗi xúc cảm riêng tư nào đó. Chính Nguyễn Du đã tự thú nhận :

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

Trong khi các thi sĩ khác chỉ đi một chiều, nghĩa là chỉ tìm những cảnh vật nào phù hợp với tâm trạng của con người thì mới ghi vào, còn Nguyễn Du thì vừa đưa cảnh đến tâm hồn con người, lại đồng thời vừa đưa tâm hồn đến với cảnh, tạo nên một sự giao hòa tuyệt vời hai chiều giữa cảnh và người, giữa cái vô tri và cái tâm thức để tuy hai mà một, tuy một mà hai. Cảnh đã nhuộm màu tâm trạng, tâm trạng đã bao trùm cảnh. Và bức tranh chiều tà khi chị em Kiều du xuân trở về đã mang đến cho ta một bức tranh tâm cảnh. Chị em Kiều đi lễ Thanh Minh về, tới bên chiếc cầu bắc ngang một khe nước nhỏ gần mộ Đạm Tiên, thì cả người lẫn cảnh đều cảm thấy nao nao tác dạ trong buổi chiều tà như m, như ảo.

- Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân : nắng nhạt, khe nước nhỏ, một nhịp cầu bắc ngang như đã nhuộm màu tâm trạng.

- Bóng tịch dương đã chênh chếch xế chiều: “ *Tà tà bóng ngả về tây* ”, dòng nước uốn quanh. Nhưng đây không chỉ là hoàng hôn của ảnh vật mà dường như con người cũng chìm trong một cảm giác băng khuâng khó tả.

Cuộc du ngoạn mùa xuân cũng đã tàn, lễ hội tung bừng, náo nhiệt đã chấm dứt, tâm hồn con người như cũng chuyển điệu cùng cảnh vật, bước chân con người thơ thẩn. cảnh nhạt dần, lặng hơn, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng, không gian mang dáng dấp nhỏ nhoi, bé hẹp, phẳng phất buồn. Nhà thơ sd nhiều từ láy *nao nao. tà tà, thanh thanh..* không chỉ biểu đạt sắc thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người. Hai chữ « thơ thẩn » rất giàu sức gợi, chị em Kiều ra về trong sự bần thần, nuối tiếc, lặng buồn. « Đan tay » tưởng là vui nhưng thực ra là chia sẻ cái buồn không nói hết. cảm giác băng khuâng, xao xuyến về một ngày vui đã tàn đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn thiếu nữ tha thiết với niềm

vui cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng. Chính các từ láy đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật. Đặc biệt hai chữ « nao nao » thoáng gợi nên một nét buồn man mác, khó tả.

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dip cầu nho nhỏ...

Nao nao” là sự ngập ngừng lằng đằng của dòng nước trôi dưới chân cầu hay nỗi niềm băng khuâng, xao xuyến, xao động của lòng người ? Giữa cảnh và lòng người dường như không có ranh giới. Dòng nước nhỏ quanh co uốn khúc được nhìn qua tâm trạng nhạy cảm của nàng Kiều trước cảnh chiều tà vắng vẻ, cô tịch. Chẳng biết có dự cảm gì phía trước mà lòng cứ vẩn vơ, man mác, nao nao buồn. Cảm giác ấy linh nghiệm biết bao khi Kiều gặp mộ Đạm Tiên “ Sè sè.....” - một nấm mộ cô độc, vô chủ với ngọn cỏ rầu rầu nửa vàng nửa xanh thấm sâu vào lòng Kiều một nỗi niềm xót xa thương cảm cho kiếp hồng nhan bạc phận.

“ Nói đến bút pháp tả cảnh ngụ tình của ND trong TK trước hết phải kể đến đoạn tuyệt bút – Tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. Đoạn thơ này được xem là tuyệt bút của lối thơ tả cảnh ngụ tình trong văn chương cổ điển. Để diễn tả tâm trạng Kiều – Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này” để khắc họa tâm trạng của Kiều lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

Đây là 8 câu thơ thực cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng của người – mỗi một cảnh lại khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau, với những lý do buồn khác nhau trong khi nỗi buồn ấy đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh, khiến cảnh mỗi lúc lại buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc một ghê gớm, mãnh liệt hơn.

Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được tác giả khắc họa qua điệp từ buồn trông đứng đầu mỗi câu có nghĩa là buồn mà trông ra bốn phía, trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng. Buồn trông có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ hút tầm nhìn, có cả dự cảm hãi hùng của người con gái ngây thơ lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang ngược. Điệp ngữ buồn trông kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. Điệp ngữ kết hợp với những từ láy đặc biệt là những từ láy tượng hình, tăng tiến, dồn dập, chỉ có một từ láy tượng thanh ở câu cuối toạ nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày một tăng, dâng lên lớp lớp, nỗi buồn vô vọng, vô tận. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc tâm trạng.

Buồn trông của bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển là một hình ảnh rất đắt để thể hiện nội tâm nàng Kiều. Một cánh buồm nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của mặt trời sắp tắt ; cũng như Kiều trong không gian vắng lặng của hiện tại nhìn về phương xa với nỗi nhớ da diết về gia đình, quê hương. Con thuyền gần như mất hút, vẫn còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu.

Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu

Những cánh hoa tàn lụi trôi man mác trên ngọn nước mới xa khi Kiều càng buồn hơn khi nàng nhận ra thân phận mình lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi giữa sóng nước cuộc đời, k biết rồi sẽ trôi dạt đi đâu, sẽ bị dập vùi ra sao.

Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Nội cỏ “rầu rầu”, “xanh xanh” – sắc xanh héo úa, mù mịt, trải dài từ chân mây đến mặt đất, còn đâu cái “xanh tận chân trời” như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi kiều còn trong cảnh đầm ấm. Màu xanh này gợi cho Kiều một nỗi buồn chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày vô vị, tẻ nhạt không biết kéo dài đến bao giờ.

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*

Dường như nỗi buồn càng lúc càng tăng, càng dồn dập. Một cơn « gió cuốn mặt duềnh » làm cho tiếng sóng bỗng nổi lên ầm ầm như vây quanh ghế Kiều ngồi. Cái âm thanh « ầm ầm tiếng sóng » ấy chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đã, đang ập đổ xuống đời nàng và còn tiếp tục đè nặng lên kiếp người nhỏ bé ấy trong xã hội PK cổ hủ bất công. Tất cả là đợt sóng đang gầm thét, rì rào trong lòng nàng. Lúc này Kiều không chỉ buồn mà còn lo sợ, kinh hãi như rơi dần vào vực thẳm một cách bất lực. Nỗi buồn ấy đã dâng lên đến tột đỉnh, khiến Kiều thực sự tuyệt vọng. Thiên nhiênchaan thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là cảnh được nhìn qua tâm trạng theo quy luật :

*Cảnh nào cnaahr chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*

Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn đạt nỗi buồn từ man mác, mồn lung đến lo âu kinh sợ, dồn đến bão táp nội tâm cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Tất cả là hình ảnh về sự vô định, mong manh, sự trôi dạt bết tắc, sự chao đảo, nghiêng đổ dữ dội. Đây là lúc Kiều trở nên tuyệt vọng nhất, yếu đuối nhất. Nàng không chỉ đối diện với thiên nhiên hoang vắng mà còn đối diện với lòng mình trong hoàn cảnh bi đát nhất - một thân một mình bơ vơ nơi đất khách, quê người. Tương lai mờ mịt, thân phận nổi trôi. Hình tượng thiên nhiên gợi ra những trường liên tưởng phong phú về bi kịch cuộc đời tài hoa những phận bạc của nàng Kiều. Con người nhỏ bé, cô độc như cánh buồm vô định trogn bể đời mệnh mang, như cánh hoa tan tác giữa dòng nước cuốn biết đi về đâu ? Kiếp cỏ nội hoa hèn lênh đênh góc bể chân trời biết tấp về đâu ? Tương lai mờ mịt, nỗi khổ đau của Kiều vỡ ra trong ảo giác thành nhiều hình ảnh dạt trôi, chao đảo, nổi nênh, nghiêng đổ đến tuyệt vọng.

Mỗi câu mỗi cảnh, mỗi cảnh mỗi tình, tình buồn ngày càng lan tỏa sâu rộng, chồng chất khiến lòng người k khỏi xót xa, thương cảm cho kiếp tài hoa bạc mệnh. Đây chính là cảnh xen vào tâm trạng để gợi lên tâm trạng ấy.

Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du thật là muôn hình vạn trạng. Nghệ thuật ấy chẳng khác gì nghệ thuật vẽ một bức tranh thủy mặc, nhiều khi chỉ một mảnh trời, một ánh trăng, một cảnh liễu, một dòng nước hay một áng mây hoàng hôn v.v.v . Chỉ thế thôi, nhưng chữ dùng về màu sắc và cách sắp đặt cảnh gần xa thật

tài tình đã đủ lôi cuốn tâm hồn người đọc, như để cùng chung hòa vào cảnh vật. Một điều không thể phủ nhận được là Nguyễn Du rất yêu cảnh thiên nhiên nên đã ban cho cảnh thiên nhiên một “hồn người” khiến cho không ai đọc thơ tả cảnh của Nguyễn Du mà không khỏi bồi hồi tác dạ. Giá trị văn chương Nguyễn Du đã đạt tới mức tinh diệu để chỉ riêng một lĩnh vực tả cảnh không thôi, cũng đủ Truyện Kiều không hổ thẹn để xứng đáng là một tác phẩm văn chương quốc ngữ hay nhất trong kho tàng văn học của nước ta.

Hãy nghe học giả Đào Duy Anh nhận xét về truyện Kiều “Chúng ta sở dĩ yêu chuộng truyện Kiều không phải nó có thể làm quyền sách luân lý cho đời, mà chỉ vì trong sách ấy, Nguyễn Du đã dùng những lời văn kỳ diệu để rung động tâm hồn ta...” (Khảo Luận về Kim Vân Kiều)

Thật đúng như vậy, những rung động trong tâm hồn được khơi dậy khi đọc Truyện Kiều hẳn là một điều không ai trong chúng ta có thể phủ nhận. Nhất là khi ta đọc những trang tả cảnh ngụ tình tuyệt bút đã mang đến những rung động tinh vi trong lòng người. Truyện Kiều vì thế đã sống mãi với thời gian và không gian, từ thế hệ này qua thế hệ khác, lúc nào cũng được mọi người trân trọng, yêu mến.

ĐỒNG CHÍ (CHÍNH HỮU)

Đề 1.

“ Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc.”

Hãy làm sáng tỏ nhận định trên bằng bài thơ “ Đồng chí ” của Chính Hữu?

TB:

a. Giải thích ý kiến:

Ý kiến trên bàn về giá trị của thơ ca và cách đọc, cách tiếp nhận, cách cảm một bài thơ hay. Thơ ca là tiếng nói của tình cảm, tâm trạng, cảm xúc con người. Học giả Lê Quý Đôn từng viết: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần” là bởi thế. Thơ bao giờ cũng ngắn gọn, hàm súc, giàu hình tượng, giàu nhạc điệu nên ngôn ngữ thơ cô đọng, lời ít ý nhiều. Thơ gắn liền với chiều sâu tâm hồn, thế giới nội tâm sâu kín của con người nên thơ có khả năng lay động trái tim con người một cách kì diệu. Trong thơ có nhiều khoảng trống, khoảng trắng đòi hỏi sự liên tưởng phong phú và đồng cảm của người tiếp nhận. Thế nên, đọc một bài thơ thì dễ mà hiểu được thơ, cảm được thơ thật khó.

Bàn về chuyện thơ hay, nhà thơ Xuân Diệu khẳng định: “Thơ hay là hay cả lẫn xác, hay cả bài”, nghĩa là hay từ cảm hứng sáng tạo, tình ý trong thơ đến ngôn ngữ nghệ thuật biểu hiện. Bài thơ hay có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Bài thơ hay tự nó có sức lôi cuốn kỳ lạ đánh thức mọi cảm trong ta khiến ta yêu thích, ngâm ngợi, ta như được chia sẻ, giải bày, có sức dư ba, lay động trái tim ta khiến ta không thể chỉ đọc một lần.....

Cái đẹp của tình ý trong thơ ẩn sâu dưới lớp vỏ ngôn từ , k phải đọc qua mà hiểu hết được, ta phải dừng tay lật đi lật lại trang thơ , đọc đi đọc lại , lắng sâu

tâm hồn để cảm nhận, thưởng thức nhâm nhi, suy ngẫm, lật xoay các góc, các chiều để thấy hết được chiều sâu suy ngẫm, sức lan tỏa, lay động của nó. Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lý trí hay tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “tất cả tâm hồn” để cảm và hiểu cái hay cái đẹp của thơ, cho đến lúc tự bài thơ phát sáng làm rung lên mọi cung bậc tình cảm trong tâm hồn ta. Bài thơ “....” củaxứng đáng là một “bài thơ hay” đáng để ta “dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...”.

Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

Chính Hữu là nhà thơ mặc áo lính, gần như cả cuộc đời ông gắn liền với màu áo xanh huyền thoại ấy nên những trang thơ của ông hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh với với cảm xúc dồn nén, vừa thiết tha, trầm hùng lại vừa sâu lắng, hàm súc, ngôn ngữ cô đọng, lời thơ bình dị, hơi thơ âm áp. “*Đồng chí*” là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến chống Pháp. Ra đời đầu năm 1948 - sau chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947), khi ông bị ốm trên đường đi chiến dịch. Ông viết bài thơ này như một lời cảm ơn chân thành nhất gửi tới người đồng đội, người bạn nông dân đã chăm sóc mình. Bài thơ đã đi qua một hành trình hơn nửa thế kỉ làm đẹp mãi cho hồn thơ Chính Hữu. Bài thơ để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai không chỉ bởi những lời ca thấm thiết về tình đồng đội ngọt ngào mà còn bởi vẻ đẹp trong cấu trúc và ngôn ngữ thơ.

“ Đồng chí” của Chính Hữu hay, hấp dẫn ở nội dung, cảm xúc khiến ta không thể đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc . Bài thơ làm hiện lên hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong buổi đầu kháng chiến bình dị mà cao cả. Đó là nét chân chất mộc mạc của người nông dân mặc áo lính. Họ cùng chung hoàn cảnh xuất thân, cùng chung cảnh ngộ là cơ sở hình thành tình đồng chí:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Hai câu thơ mở đầu bằng lối cấu trúc song hành, đối xứng như làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ. Họ như đang tâm sự cùng nhau. Giọng điệu tự nhiên, mộc mạc, đầy thân tình. “*Quê anh*” và “*làng tôi*” đều là những vùng đất nghèo, cằn cỗi, xác xơ, là nơi “*nước mặn đồng chua*” là xứ sở của “*đất cày lên sỏi đá*”. Nhà thơ đã mượn thành ngữ, tục ngữ để nói về làng quê, nơi chôn nhau cắt rốn thân yêu của những người chiến sĩ. Điều ấy đã làm cho lời thơ mang đậm chất chân quê, dân dã đúng như con người vậy – những chàng trai dân cày chân đất, áo nâu lần đầu mặc áo lính lên đường ra trận! Như vậy, sự đồng cảnh, cùng chung giai cấp chính là cơ sở, là cái gốc hình thành nên tình đồng chí.

Năm câu thơ tiếp theo nói lên một quá trình thương mến: từ chỗ “*đôi người xa lạ*” rồi thành “*đôi tri kỉ*” để kết thành “*đồng chí*”.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Câu thơ có độ dài ngắn khác nhau, cảm xúc thơ như dồn tụ, nén chặt lại. Những ngày đầu, đứng dưới lá quân kì, những chàng trai ấy còn là “*đôi người xa lạ*”, mỗi người một phương trời “*chẳng hẹn quen nhau*”. Từ những người “*tứ xứ*” họ đã gặp nhau, sát cánh bên nhau trong chiến đấu ” Lũ chúng tôi bọn người tứ xứ/ Gặp nhau hồi chưa biết chữ/ Quen nhau từ buổi một hai/ ..”(*Nhớ - Hồng Nguyên*). Nhưng rồi cùng với thời gian kháng chiến, đôi bạn ấy gắn bó với nhau bằng biết bao kỉ niệm:

*“Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.*

“*Súng bên súng*” là cách nói hàm súc, giàu hình tượng, đó là những con người cùng chung lí tưởng chiến đấu. Còn hình ảnh “*đầu sát bên đầu*” lại diễn tả sự đồng ý, đồng tâm, đồng lòng của đôi bạn tâm giao. Và câu thơ “*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*” là câu thơ ấp đầy kỉ niệm về một thời gian khổ, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi “*Bát cơm sẻ nửa – Chăn sui đắp cùng*”. Cái tấm chăn mỏng, hẹp mà ấm nóng tình đồng đội ấy mãi mãi là kỉ niệm đẹp không bao giờ quên của người lính. Chính sự đồng lòng, gắn bó, sẻ chia, đã trở thành cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội sâu nặng của họ. Quá trình hình thành tình cảm thiêng liêng đó là quá trình đi từ cái tôi đến cái ta, từ cái riêng đến cái hoà hợp, từ tình bạn đến tình đồng chí! Ban đầu họ là những người xa lạ, là “*anh*” “*tôi*” sau đó trở thành “*anh với tôi*” để rồi thành “*đôi tri kỉ*”. Khoảng cách của những người lính dần thu hẹp lại, họ càng gần nhau càng thấu hiểu nhau, tình cảm ấy càng đượm dần lên và kết đọng lại thành “*Đồng chí!*”.

Dòng thơ thứ bảy trong bài thơ “*Đồng chí*” là một điểm sáng tạo, một nét độc đáo qua ngòi bút của Chính Hữu. “*Đồng chí!*” được tách riêng độc lập, là một câu đặc biệt, một từ hai âm tiết đi cùng dấu chấm than, tạo nốt nhấn vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định về vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng thời như một bản lề gắn kết đoạn thơ đầu với đoạn thơ sau. “*Đồng chí*” – hai tiếng ấy mới thiêng liêng làm sao! Nó diễn tả niềm tự hào, xúc động, cứ ngân vang lên mãi. Xúc động bởi đó là biểu hiện cao nhất của một tình bạn thâm thiết, đẹp đẽ. Còn tự hào bởi đó là tình cảm thiêng liêng, cao cả của những con người cùng chung chí hướng, cùng một ý nguyện, cùng một lí tưởng, ước mơ. “*Đồng chí*” - ấy là điểm hội tụ, là nơi kết tinh bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn, tình người trong chiến tranh. Hai tiếng “*đồng chí*” bởi vậy mà giản dị, đẹp đẽ, sáng ngời và thiêng liêng.

Bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu làm bạn đọc xúc động bởi sự thấu hiểu, chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của những người cùng chung chí hướng:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.*

Tâm tư, nỗi lòng thầm kín của những người lính không phải cái gì khác mà chính là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương yêu dấu. Nơi đó có “*ruộng nương*” “*gian nhà*” có “*giếng nước, gốc đa*” có những gì gần gũi, quen thuộc nhất. Nhưng vì nghĩa lớn, các anh sẵn sàng từ giã những gì gắn bó thân thương nhất... Chính Hữu nói “*mặc kệ*” nhưng tấm lòng luôn hướng về quê hương luôn hướng về “*Giếng nước gốc đa*” nơi quê nhà, đó là cách nói không hề lạnh lùng, thờ ơ mà là sự thể hiện sự quyết tâm, ý chí quyết tâm lên đường vì nghĩa lớn của

người chiến sĩ.. Họ ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, mục đích đã chọn lựa, họ để lại sau lưng những bắn khoăn, trăn trở, những bộn bề, lo toan của cuộc sống đời thường. Quả thật, giữa người chiến sĩ và quê hương có mối giao cảm vô cùng sâu sắc, đậm đà. Người đọc cảm nhận từ hình ảnh thơ một tình quê ấm áp và đây cũng là nguồn động viên, an ủi, là sức mạnh tinh thần giúp người chiến sĩ vượt qua mọi gian lao, thử thách suốt một thời máu lửa, đạn bom. Ta đã bắt gặp tư thế ra đi ấy trong những câu thơ của Nguyễn Đình Thi

*“Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy”*

Người chiến sĩ nhận thức được con đường họ đang đi và họ thực sự yêu quê hương, yêu đất nước mình. Các anh chấp nhận hi sinh tài sản cá nhân để bảo vệ tài sản chung. Những hành động ấy bắt nguồn từ đâu, nếu không phải là từ lòng yêu quê hương, đất nước? Nỗi nhớ xôn xao trong lòng người ra đi cũng như người ở lại, nỗi lòng thầm kín ấy của người lính nhà thơ thấu hiểu hơn ai hết bởi thế Chính Hữu đã có nhwungx câu thơ thật đẹp về tình đồng chí, đồng đội sâu nặng, gắn bó.

Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn thiếu thốn của cuộc đời người lính. Chính Hữu đã tái hiện rõ nét những tâm tư sâu kín nhất, những kỉ niệm sâu sắc nhất của người lính bằng những vần thơ hết sức tự nhiên như chính những tâm hồn thật thà, cởi mở ấy với hình ảnh tả thực đến trần trụi, không chút cầu kì:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi
“Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
...
Chân không giày”*

Người lính cách mạng đã trải qua những gian lao, thiếu thốn tột cùng, những cơn “sốt run người”, trang phục phong phanh giữa mùa đông giá lạnh “Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm/ Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa”. Họ phải chịu đựng những thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng hành hạ. Song họ vẫn “miệng cười buốt giá” vẫn hiện lên với vẻ đẹp oai hùng “ Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc/ Quân xanh màu áo dữ oai hùm” (Quang Dũng) vẫn nhìn thấy cái nên thơ, lãng mạn của thiên nhiên giữa cuộc chiến đấu gian khổ, ác liệt. Những gian lao, thiếu thốn càng làm sáng lên vẻ đẹp người lính, sáng lên nụ cười của họ. vẻ đẹp nhất ở họ là tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết xuất phát từ tình yêu nước nồng nàn:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Nếu như hình ảnh “Miệng cười buốt giá” làm ấm lên, sáng lên tinh thần lạc quan của người chiến sĩ trong gian khổ thì cái nắm tay lại thể hiện tình đồng chí, đồng đội thật ấm nồng, sâu sắc! Cách biểu lộ chân thực, không ồn ào mà thấm thía. Cái nắm tay truyền cho nhau hơi ấm, niềm tin và sức mạnh để họ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. Cái nắm tay nhau ấy còn là lời hứa hẹn lập công. Đường như, với họ, cái nắm tay còn hơn vạn lời nói “ Phút đưa nhau ta chỉ nắm tay mình/ Điều chưa nói thì bàn tay đã nói” (Lưu Quang Vũ). Đó là cội nguồn sức mạnh giúp họ vượt lên tất cả và chiến thắng. Chính tình đồng chí đã

nâng bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu.

Bài thơ “ Đồng chí “ hấp dẫn bạn đọc, khiến bạn đọc buộc phải dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi đọc lại bài thơ bởi vẻ đẹp của bức tranh tuyệt đẹp về tình đồng chí, đồng đội, là biểu tượng cao đẹp về cuộc đời người chiến sĩ. Cảm xúc mãnh liệt về tình đồng chí, đồng đội đã thăng hoa thành bức tượng đài cao đẹp:

*“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”.*

Trên nền không gian “ Rừng hoang sương muối”, rừng đêm lạnh lẽo, hoang vu, mờ mịt là hình ảnh người lính đang trong tư thế chủ động *“đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”*. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét, cái khắc nghiệt của thời tiết, giữa cái căng thẳng của những giây phút *“chờ giặc tới”*. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả.... Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: *“Đầu súng trăng treo”*. Cảnh vừa thực, vừa mộng. *“Trăng”* là biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. *“Súng”* là hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh. *Súng và trăng*, gần và xa, cứng rắn và dịu hiền. *Súng và trăng*, thực tại và mơ mộng, *Súng và trăng* - Chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ: trăng treo trên đầu súng. Như vậy, sự kết hợp hai yếu tố, hiện thực và lãng mạn đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo cho hình tượng thơ. Cái nhìn lãng mạn hoá hiện thực ấy gợi vẻ đẹp trong tâm hồn người lính, gợi cả vẻ đẹp của dân tộc ta – Một dân tộc luôn cầm chắc cây súng để bảo vệ khát vọng hoà bình.

Thi phẩm đã lí giải tình đồng chí, đồng đội nảy sinh trên cơ sở cùng cảnh ngộ, cùng lí tưởng chiến đấu, cùng chia sẻ gian khó, thiếu thốn. Các anh thấu hiểu tâm tư tình cảm của nhau, có những nỗi nhớ quê hương sâu nặng tha thiết, tình đồng đội đồng chí của các anh là tình thương của những người tri âm tri kỉ. Chính Hữu đã dựng nên bức tượng đài về người lính trong kháng chiến chống Pháp - Những người nông dân mặc áo lính với cuộc đời quân ngũ còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng không thiếu tình đồng đội ấm nồng, không thiếu tinh thần lạc quan, ý chí chiến đấu. Bài thơ kết thúc nhưng lại mở ra những suy nghĩ mới trong lòng người đọc. Bài thơ đã làm sống lại một thời khổ cực của cha anh ta, làm sống lại chiến tranh ác liệt. Bài thơ xây dựng thành công hình ảnh người lính dũng cảm, kiên cường, bất khuất trước mọi gian khổ, hi sinh, họ có lòng yêu nước nồng nàn, trái tim quả cảm, tâm hồn lãng mạn, yêu đời đặc biệt họ gắn bó với nhau trong tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó. Đó cũng chính là những phẩm chất cao đẹp, khôn sánh của người lính cách mạng trong thời đại Hồ Chí Minh và cũng là đề tài, là nguồn cảm hứng để các nhà thơ tạo nên những tác phẩm sống mãi với thời gian, làm rung động trái tim độc giả bao thế hệ bởi lẽ ” Thơ phải ngắn ở câu chữ nhưng dài ở sự ngân vang” (Chính Hữu)

“Đồng chí” của Chính Hữu hay, đặc sắc ở nghệ thuật biểu hiện làm ta không chỉ đọc qua một lần mà bỏ xuống được, ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, cả tâm hồn chúng ta đọc. . Đ/ c là bài thơ đẹp, hấp dẫn về

cấu trúc. Chính Hữu đã khám phá một tứ thơ thật đẹp trong bài thơ “Đ/c” đó là h/a anh bộ đội cụ Hồ trong buổi đầu k/c chống Pháp vô cùng khó khăn gian khổ. Tứ thơ ấy được khám phá từ hiện thực cuộc chiến để ca ngợi một tình cảm mới: Tình đồng chí! Tình đồng chí của những người lính nông dân lần đầu ra trận được nảy nở trong hoàn cảnh “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới” và họ tâm sự - tâm sự của người lính có cùng chung cảnh ngộ, giai cấp, lí tưởng, tâm sự của những con người thấu hiểu nỗi lòng nhau, thấu hiểu tâm tư, tình cảm của nhau, những tâm sự ấy tạo nên tình thơ “tình thơ là một tâm sự” ... Và mạch thơ cũng nảy sinh từ đó “Mạch thơ là một hồi ức” – Hồi ức về những ngày đầu nhập ngũ của những con người xa lạ, hồi ức về những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội trong gian khổ. Tất cả tứ thơ, tình thơ, mạch thơ hòa quện thống nhất trong “hệ thống ngôn từ có tính cặp đôi”. Những h/a, ngôn ngữ thơ của “Đ/c” được thể hiện trong một cấu trúc cân xứng để nói cụ thể hơn, sâu sắc hơn về tình đồng chí đồng đội.

Bài thơ mang vẻ đẹp giản dị, ngôn ngữ mộc mạc, khỏe khoắn, chắc nịch gợi cảm mà gần gũi, tinh tế, sâu sắc, thể thơ tự do, với biện pháp sóng đôi, đối ngữ được sử dụng rất thành công, giọng điệu thủ thỉ tâm tình, cảm xúc dồn nén, sử dụng cấu trúc song hành, nhiều hình ảnh chọn lọc...đặc biệt là tính cặp đôi trong bài thơ. Nhân vật trữ tình trung tâm là một cặp đồng chí, thế nên tính cặp đôi là lựa chọn tối ưu để thể hiện mối tình đồng chí cao đẹp, thiêng liêng. Hầu như cả bài thơ đều là những câu mang kết cấu song hành, với những cụm đại từ sóng đôi “anh - tôi”. Có thể thấy một điều đặc biệt rằng “anh” bao giờ cũng đứng trước “tôi”. Phải chăng “tôi” quan tâm đến nỗi lòng của “anh” nên gác lại nỗi lòng của mình, để rồi soi vào “anh” mới bắt giắc nhìn lại “tôi”? Chính Hữu đã hóa thân vào “tôi”, đã sống thật những tình cảm, những cảm xúc mà ông đã trải qua, để viết lên những dòng thơ rất đối xứng thâm thúy về tình đồng chí! Chính Hữu đã viết nên một bài ca với những ngôn từ chọn lọc, bình dị mà có sức ngân vang. Những câu thơ cuối, giọng điệu thơ như muốn bay lên, cao mãi, cao mãi cùng với ánh sáng của vầng trăng!

Đánh giá, mở rộng:

Ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn, bởi lẽ để cảm nhận bài thơ hay bạn đọc cần đọc nhiều lần để khám phá ra sự hấp dẫn về nghệ thuật, sự phong phú về nội dung tình cảm cũng như chiều sâu ý nghĩa của bài thơ (nhất là khi bài thơ có nhiều tầng ý nghĩa luôn khiến ta trầm trở, suy nghĩ). Do vậy, đọc một bài thơ hay “không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ”. Mặt khác, thơ ca là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm bởi vậy, người đọc phải có được sự đồng cảm, đồng điệu tiếng lòng với nhân vật trữ tình, với tác giả. Do đó, người đọc thơ không chỉ đọc trong tư thế khám phá những hình thức thẩm mỹ của bài thơ mà phải đọc với tất cả tâm hồn. Và bài thơ “....” của xứng đáng là một “bài thơ hay” đáng để ta “dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...”.

Đề 2.

Nhận xét về bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, có ý kiến cho rằng: “Tứ thơ là một khám phá, tình thơ là một tâm sự, mạch thơ là một hồi ức, tất cả hóa

*thân vào nhau, nhất thể hóa trong một hệ thống ngôn từ có tính cặp đôi”.
(Theo “Đi tìm vẻ đẹp văn chương” - NXB Giáo dục , 2008).
Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Dựa vào bài thơ “Đồng chí” hãy làm sáng tỏ điều đó.*

Gợi ý:

1. Giải thích nhận định:

- Tứ thơ là cách liên kết, cấu trúc các ý thơ và sắp xếp mọi yếu tố cấu thành của bài thơ nhằm tập trung thể hiện có hiệu quả nhất chủ đề trữ tình.
 - Tứ thơ là một khám phá: Bài thơ “Đ/ C” của CH đã khám phá một tứ thơ thật đẹp đó là h/a anh bộ đội cụ Hồ trong buổi đầu k/c chống Pháp vô cùng khó khăn gian khổ. Tứ thơ ấy được khám phá từ hiện thực cuộc chiến để ca ngợi một tình cảm mới: Tình đồng chí!
 - Tình thơ là một tâm sự: Đó là tâm sự của người lính có cùng chung cảnh ngộ, giai cấp, lí tưởng, là tâm sự về những biểu hiện t/c cao đẹp của người lính/
 - Mạch thơ là một hồi ức: Đó là những kỉ niệm về những ngày đầu nhập ngũ của những con người xa lạ, là hồi ức về những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội trong gian khó.
 - Tất cả tứ thơ, tình thơ, mạch thơ hòa quện thống nhất trong hệ thống ngôn từ có tính cặp đôi. Là những h/a, ngôn ngữ thơ được thể hiện trong một cấu trúc cân xứng để nói cụ thể hơn, sâu sắc hơn về tình đồng chí đồng đội
- => Nhận xét hướng người đọc hiểu được vẻ đẹp ngôn ngữ, cấu trúc của bài thơ trong việc thể hiện nội dung.

2. Chứng minh bằng “Đồng chí”

Luận điểm 1: Vẻ đẹp về cấu trúc của thi phẩm:

Cấu trúc của một thi phẩm phụ thuộc rất nhiều vào ý tưởng chủ đạo của nó. Mà ý tưởng chủ đạo bao giờ cũng triển khai thành mạch suy cảm trong toàn bài. Một câu hỏi đặt ra: mạch suy cảm trong bài Đồng chí bắt đầu từ đâu? Hỏi thế cứ như lần thân. Thì từ đầu chứ còn từ đâu nữa? Không hẳn. Hình như không phải từ đầu. Mà từ cuối. Chính thức là từ cái “đêm nay” Khẳng định thế có gì phi lý chăng? Không. Bao giờ thơ trữ tình cũng hiện tại hoá quá khứ. Điều này đã thành quy luật. Tâm tư dù thuộc về quá khứ thì vẫn cứ phải được trình bày như là hiện tại, như đương diễn ra. Mà hiện tại trong thi phẩm chỉ có một “đêm nay”. ấy là lúc hai người lính đang “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”. Chỉ lát nữa, chiến sự sẽ nổ ra. Giữa họ, biết ai còn ai mất. Tình huống ấy thường xui khiến con người nhớ lại những kỷ niệm tình nghĩa, những gì đã khiến họ gắn bó với nhau. Thế là hồi ức đưa họ ngược trở về với quá khứ xa, khi quan hệ bắt đầu... rồi quá khứ gần, khi họ đã nên tình nên nghĩa... Và cứ thế, theo đường dây của kỷ niệm, hồi ức lại đưa họ về hiện tại, về lại “đêm nay”, cho họ tin cậy, cho họ thanh thản trước giây phút đối mặt với kẻ thù. Mạch tâm tư đã nảy sinh như thế. Thi phẩm cũng thành hình như thế. Nói cách khác, bằng cuộc tâm tình của đôi bạn lính bên chiến hào, bài thơ đã tìm được một hình hài phù hợp để tự định dạng cho mình.: Đêm nay rừng hoang sương muối
Mạch tâm tư ấy đã chuyển tải ý tưởng chủ đạo nào? Ý tưởng về tình đồng chí. Dường như, Chính Hữu muốn thể hiện những suy cảm của mình về mối tình cao đẹp này. Đó là những khám phá sâu sắc về tình đồng chí giữa những người vệ quốc - một quan hệ vừa mới được cuộc kháng chiến khai sinh. Có phải cứ gọi

nhau bằng hai tiếng “đồng chí” là hiển nhiên có tình đồng chí không? Hình như không. Phải trải bao tháng ngày, phải biết bao kỷ niệm, quan hệ mới thấm dần lên từng bước, rồi đến một ngày kia, tất cả mới kết tinh thành tình đồng chí. Chính Hữu đã khéo léo cài đặt mạch luận lý (đúc kết về quan hệ) vào mạch tâm tình (bộc bạch về tình cảm). Sự đan quện nhuần nhuyễn và tinh vi của hai mạch này đã làm nên cấu trúc của bài thơ. Nhìn kĩ, hai mạch ấy vừa hoà vào nhau vừa dặt dứu nhau đi suốt mạch thơ bởi cùng nương theo một chữ đồng.

Thoạt tiên, là đồng cảnh; quan hệ còn là xa lạ:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Những câu thơ ấy nói cùng ta rằng họ đều xuất thân nông dân, đều là con đẻ của những miền quê nghèo khó, và quan trọng hơn, họ đều ở những góc biển chân trời. Nếu không có cuộc chiến tranh này, họ sẽ vĩnh viễn là những người xa lạ, mỗi người sẽ sống riêng một số phận, người này không biết có người kia ở trên đời.

Cuộc kháng chiến là cuộc hội ngộ lớn. Nó biến những người xa lạ thành thân quen. Vào lính, họ thành người đồng ngũ:

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Nhưng đồng ngũ đã là đồng chí chưa? Chưa. Thân quen thôi chưa đủ thành đồng chí. Rồi cùng với thời gian, đời sống quân ngũ cứ làm họ xích lại gần hơn

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí

Nhiệm vụ làm họ gần kề - hai chữ “bên” và “sát” đã xoá bỏ hẳn đi cái khoảng cách vời vời của những phương trời. Nhưng đồng nhiệm cũng chưa là đồng chí.

Quân sự chỉ xoá được khoảng cách không gian, tâm sự mới xoá được khoảng cách tình cảm. Từ lẻ loi góc bể chân trời, họ đã tụ về rủ rỉ dưới một tấm chăn.

Từ đồng ngũ đã thành đồng cảm. Từ thân quen giờ họ thành tri kỷ. Bấy giờ, tình đồng chí mới thực sự kết tinh. Từ “bên” bật lên như một tiếng reo, một vỡ lẽ bất ngờ, một chiêm nghiệm chín chắn. Câu thơ đột ngột ngừng lại như một kết tủa.

Tình đồng chí khác nào một tinh thể lấp lánh, sau bao kỷ niệm và thời gian. ”qua “sát” đến “chung” là cả một hành trình, quan hệ đồng đội cứ đơm lên, cứ thấm dần mà thành tình đồng chí. Hai tiếng “Đồng chí”

Vậy là, theo chân chữ “đồng”, hai mạch luận lý và cảm xúc đã chập vào nhau, một chiều qui nạp:

Đồng cảnh -> đồng ngũ -> đồng cảm -> đồng chí

Xa lạ -> quen nhau -> tri kỷ

ở phần sau, chúng ta còn thấy những chữ đồng - cùng khác đã vun đắp cho tình đồng chí của họ. Cùng một nỗi bận lòng như nhau về hậu phương: Ruộng nương anh gửi bạn thân cày / Gian nhà không mặc kệ gió lung lay / Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính. Cùng sẻ chia những nỗi cơ hàn: Tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh / Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi. Và đồng cam cộng khổ: Áo anh rách vai / Quần tôi có vài mảnh vá / Miệng cười buốt giá / Chân không giày. Cuối cùng, như quy nạp của mọi quy nạp, thi sĩ chỉ ra cái lõi của tình đồng chí chính là tình thương:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Tình thương là vị muối của tình người, là chất keo của mối gắn bó, là cội rễ của đức hy sinh. Thương nhau, con người có thể thủy chung với nhau. Thương nhau, con người có thể che chở nhau, hy sinh cho nhau. Đó là kết tinh sâu nặng nhất của quan hệ người với người. Không phải ngẫu nhiên, khi nhận thấy tình đồng chí của mình có cốt lõi là tình thương, họ không trầm mình trong hồi ức nữa, mà lập tức về ngay hiện tại. Bởi thế là đủ, tình đồng chí giữa mình và người bạn cùng chiến hào, đây đã thực sự là điểm tựa tin cậy rồi, nó hoàn toàn có thể giúp họ đối mặt với sự hà khắc của thiên nhiên và sự hiểm nguy của chiến sự:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Tin cậy cho họ thanh thản. Thanh thản khiến họ đón nhận được vẻ đẹp của vầng trăng lơ lửng treo trên đầu mũi súng. Khoảnh khắc ấy, người chiến sĩ bỗng thành thi sĩ.

Như vậy, theo những mảng lớn của thi phẩm, có thể thấy một ý tưởng trọn vẹn: tình đồng chí được nảy nở trong kháng chiến, được vun đắp trong gian lao, và thành điểm tựa tin cậy khi đối mặt với nguy hiểm, bởi tình thương chính là cốt lõi của mối tình ấy.

Tứ thơ là một khám phá, tình thơ là một tâm sự, mạch thơ là một hồi ức. Tất cả đã hoá thân vào nhau, nhất thể hoá trong một kiến trúc ngôn từ.

*** Luận điểm 2: Ngôn ngữ của Đồng chí có tính cặp đôi.**

Làm nên kiến trúc ấy, phải kể cả thành công về chất liệu ngôn từ của Đồng chí. Có thể có những cách cảm nhận và định danh khác nhau về đặc sắc ngôn ngữ của thi phẩm này. Chẳng hạn, một ngôn ngữ giản dị. Một ngôn ngữ bám sát đời sống. Một ngôn ngữ khoẻ khoắn chắc nịch. Một ngôn ngữ rất gần với lời thường của người lính v.v... Đó đều là những vẻ đẹp thực sự. Tôi muốn nói đến một khía cạnh khác thuộc về cách tổ chức ngôn ngữ hết sức ăn nhập với ý tưởng toàn bài: tính cặp đôi. Bài thơ viết về tình đồng chí, nhân vật trung tâm là một cặp đồng chí, thì còn đặc tính nào ăn ý cho bằng tính cặp đôi?

Lớp từ diễn tả ý niệm cặp đôi chiếm vị thế ưu tiên. Cặp đại từ: anh - tôi luôn được dùng song đôi, rồi các hình ảnh, các vế câu thường song hành, song đôi để gợi ý niệm về sự bình đẳng gắn bó: quê hương anh - làng tôi, anh với tôi, tôi với anh, áo anh - quần tôi... Lớp từ diễn tả sự mật thiết, gắn kết của tình bằng hữu, tình đồng đội, tình tri kỷ: đôi, bên, sát, chung, nắm... Có những trường hợp mật độ đôi như thế rất dày, nhưng vẫn rất tự nhiên, nhuần nhuyễn:

Súng / bên súng // đầu / sát bên đầu

Ta có thể thấy hai vế lớn của câu đi thành cặp đôi, đã đành, mà ngay trong từng vế lớn ấy, các vế nhỏ cũng cặp kè từng đôi gắn bó với nhau!

Từ “đôi” ở đây thật ý nhị, súc tích: đôi người xa lạ, đôi tri kỷ. Chẳng phải thế sao? Về số lượng, nó vẫn chỉ hai đối tượng, hai con người, như từ “hai”. Tuy nhiên, “hai” là trung tính, hai đối tượng được nói đến không nhất thiết phải chặt chẽ, mà thường nghiêng về ngẫu nhiên, rời rạc. Còn “đôi” vừa mang ý niệm số lượng, vừa bao hàm ý niệm quan hệ. Hai đối tượng phải có mối gắn bó khăng khít, hữu cơ, không thể tách rời thì mới là “đôi”. Trong đó, từng đối tượng lẻ chỉ

được là mình khi đi thành đôi, xé lẻ ra, nó không còn thực là mình nữa. Ví như: “đôi mắt”, “đôi tay”, “đôi gò má”, “đôi gò bồng đảo”, “đôi đũa”, “đôi hoa tai” v.v... Ta hiểu vì sao, Chính Hữu không dùng “hai” khi họ là “tri kỷ”, đã đành, mà ngay khi họ hãy còn là người “xa lạ”, cũng không dùng “hai”, cứ nhất thiết phải “đôi”. Dường như trong cảm nhận đầy tin yêu về con người và cuộc sống, thì trong những cá thể ấy, dù lúc đương còn xa lạ đối với nhau, thì từng người đã sẵn mang tâm nguyện được gắn kết, nghĩa là sẵn mang những cái mầm để sau này thành “đôi” rồi vậy.

Nhưng đáng nói hơn cả vẫn là cách dùng thành ngữ và tổ chức ngôn từ theo phong cách thành ngữ. Tính chất điệu nói của lời thơ trong thi phẩm (qua giọng của những chàng trai làng ra lính) đã nhờ cậy rất nhiều vào điều này. Cụ thể là thành ngữ bốn tiếng. Thành ngữ bốn tiếng là một tổ hợp chặt chẽ gồm hai vế. Mỗi vế một đối tượng. Chúng thường thuộc về một trong hai kiểu quan hệ: tương đồng - “Mặt hoa da phấn”, “Gừng cay muối mặn”, “Một nắng hai sương” v.v..., hoặc tương phản - “Ông chẳng bà chuộc”, “Trống ngược kèn xuôi”, “Bò còn thóc hết” v.v... Trong một bài thơ không dài, Chính Hữu đã dùng khá nhiều thành ngữ và cụm từ theo lối thành ngữ: Nước mặn đồng chua, Giếng nước gốc đa, Rừng hoang sương muối, Đầu súng trắng treo... Trong bài thơ, ta đã thấy hệ thống sự vật thường đi thành cặp đôi khá phổ biến: anh - tôi, súng bên súng, đầu bên đầu, áo - quần, tay nắm bàn tay... Thì những cặp hình ảnh trong các cụm thành ngữ trên đây lại bổ sung thêm vào đội ngũ đông đảo những cặp đôi ấy, khiến cho tính cặp đôi nổi hẳn lên như một phong cách ngôn ngữ đặc thù của thi phẩm. Điều thú vị là, nhìn kĩ còn thấy, sự vật trong các thành ngữ này không chỉ luôn gắn với nhau thành cặp thành đôi. Mà quan hệ của chúng cũng nghiêng về mối tương đồng. Cho nên chúng gợi được rất nhiều về mối tương thân tương ái của những người đồng chí.

Ta không khỏi ngỡ ngàng về sự ý nhị khi thi sĩ dùng thành ngữ Giếng nước gốc đa. Cặp hình ảnh này vừa là biểu tượng của tình quê hương, vừa là biểu tượng của tình đôi lứa. Những người lính ra trận, không chỉ quê hương trông đợi mà người yêu cũng trông mong. Dùng thành ngữ ấy, tâm lý của những người nông dân mặc áo lính hiện lên thật tế nhị. Họ thường ngại ngùng, ngượng ngập khi phải nói đến chuyện tình yêu của mình, dù đang trò chuyện với bạn thân đi nữa. Vì thế, với thành ngữ giếng nước gốc đa, họ đã tránh được cái pha “chết người” ấy - tình yêu đôi lứa của họ đã nép sau tình quê hương một cách an toàn!

Tuy nhiên, đặc sắc hơn cả, vẫn là câu kết hoàn toàn viết theo lối thành ngữ: Đầu súng trắng treo

Câu thơ cũng gồm hai vế với hai hình ảnh. Ngoài sự chặt chẽ vốn có mà phong cách thành ngữ đem lại cho cụm từ này, tự nó cũng còn là một kiến trúc với một trật tự không thể đảo ngược, xét cả về hình ảnh lẫn âm thanh. Trước hết là trật tự hình ảnh. Một thành ngữ bốn tiếng, đôi khi hai vế có thể hoán đổi khá linh hoạt mà không ảnh hưởng lắm đến nghĩa của nó. Ví như Ròng bay phượng múa đảo thành Phượng múa rồng bay. Xem ra ở đây, chỉ có thể là Đầu súng trắng treo, súng trước trắng sau, mà không thể ngược lại. Vì sao ư? Là câu kết, nó đem lại cho mạch vận động của bài thơ một bất ngờ: toàn bài hầu như không có chi tiết sự vật nào thuộc về ánh sáng, khiến người đọc có cảm giác đang đi trong cõi âm u của dòng hồi ức về quá khứ của người lính, thì đến đây, ánh sáng đột

hiện với vầng trăng treo. Vầng trăng càng ở vị trí chót cùng của bài thơ thì ý nghĩa càng giàu, bất ngờ càng lớn. Vầng trăng vừa là kết tinh sáng đẹp nhất của tình đồng chí, vừa toả sáng lên toàn bài, tô điểm cho thế giới của tình đồng chí ấy.

Nếu chót cùng là hình ảnh “đầu súng” thì sao? Thì ... gay nhỉ ?

Song song với nó là trật tự âm thanh. Trong thành ngữ bốn tiếng, bao giờ cũng có sự đảo đổi về âm thanh giữa hai vế. Vế này bằng thì vế kia trắc. Và cũng thường hoán vị được cho nhau. Trường hợp câu kết này, thì khác. Xem chừng, trật tự ấy là tối ưu. Nhất thiết phải là Đầu súng trăng treo, trắc trước bằng sau. Bởi vì, có như vậy, bài thơ mới kết thúc bằng thanh bằng. Thanh bằng êm nhẹ, gợi được cảm giác nhẹ nhàng, êm ả. Nó mở ra một không gian đêm trăng thoáng sáng toả lan. Quan trọng hơn, nó gợi được sự thanh thản trong tâm hồn những người lính mà niềm tin cậy vào tình đồng chí sâu nặng và cao cả vừa đem đến cho họ.

Thử hình dung nếu nó kết thúc bằng thanh trắc? Các cảm giác này sẽ lập tức tiêu tan.

Quan hệ hướng ngoại giữa câu kết với chỉnh thể như vậy đã là đáng kể. Nhưng sẽ còn đáng nói hơn chút nữa, khi xem xét cấu trúc nội tại của nó từ trật tự biểu tượng. Đọc câu kết, từ góc độ biểu tượng, có thể thấy những cặp tương ứng với các lớp nghĩa tượng trưng: đầu súng - trăng treo, chiến tranh - hoà bình, hiện tại - tương lai, hiện thực - lãng mạn, thực tại - mơ ước...

Một trật tự trước sau như thế, liệu có thể đảo ngược được không? Và, Đồng chí có thể thành một kiến trúc ngôn từ hoàn hảo không, nếu thi phẩm không được xây cất bằng một vật liệu như vậy? Hoá ra, giữa cấu trúc và vật liệu cũng có mối quan hệ... đồng chí!

Đề 3. Trong văn bản: “Tiếng nói của văn nghệ” của Nguyễn Đình Thi (Ngữ văn 9, tập 2, trang 14) có câu: “Những nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn”.

Bằng bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu (Ngữ văn 9, tập 1), liên hệ với bài thơ: “Khi con tu hú” của Tố Hữu (Ngữ văn 8, tập 2) để thấy rõ hơn “cách sống của tâm hồn” mà những nghệ sĩ lớn đã mang đến cho thời đại của họ?

*** Giải thích nhận định của Nguyễn Đình Thi:**

+ Nghệ sĩ chỉ những người làm nghệ thuật. Trong lĩnh vực văn học, nghệ sĩ chỉ các nhà văn, nhà thơ.

+ Nghệ sĩ lớn: những người mang lý tưởng tiên bộ của thời đại, đại diện cho lương tri của loài người, sẵn sàng đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác để bảo vệ công lí, lẽ phải, giàu tình yêu thương nhân ái, sẵn sàng xả thân cho cuộc đời và cho nghệ thuật.

+ Thời đại họ (thời đại nghệ sĩ sống) là hiện thực khách quan được nhà văn phản ánh, khám phá.

+ Cách sống của tâm hồn: là tư tưởng, tình cảm của nhà văn trước hiện thực đời sống. Nội dung của tác phẩm văn học vừa phản ánh hiện thực thời đại nhà văn sống vừa thể hiện tư tưởng, tấm lòng của nhà văn trước hiện thực đó.

=> Như vậy, nhận định khẳng định vai trò và chức năng của nhà văn trong việc phản ánh hiện thực khách quan của thời đại thông qua tư tưởng, tình cảm của nhà văn.

+ Sứ mệnh cao cả của nhà văn là khám phá cái đẹp của cuộc sống và truyền tải đến người đọc thông qua tác phẩm văn học. Con người với tất cả niềm vui hạnh phúc, khát khao và nỗi buồn đau luôn trở thành nguồn cảm hứng dồi dào của văn học và là mối quan tâm hàng đầu của nhà văn.

+ Tác phẩm văn học không cất lên những lời thuyết lí khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của người nghệ sĩ, thấm thía bao cảm xúc, nỗi niềm.

+ Mỗi tác phẩm văn học là sự phản ánh hiện thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Tác phẩm ấy là kết tinh tâm hồn của người nghệ sĩ. Thông qua tác phẩm, những người nghệ sĩ và đặc biệt là người nghệ sĩ lớn mang đến cho người đọc ở thời đại họ cách tư duy, cách sống của những tâm hồn lớn.

*** Chứng minh nhận định của Nguyễn Đình Thi là đúng qua bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.**

- Giới thiệu đôi nét về tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí”.

+ Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Thơ ông hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh.

+ Thơ Chính Hữu bình dị, cảm xúc dồn nén, vừa thiết tha, trầm hùng lại vừa sâu lắng, hàm súc.

+ Bài thơ: “Đồng chí” được sáng tác đầu năm 1948, khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947). Bài thơ là lời cảm tạ chân thành của Chính Hữu gửi tới người bạn nông dân của mình.

Luận điểm 1: “Cách sống của tâm hồn” mà Nhà thơ Chính Hữu đã mang đến thời đại trong bài thơ “Đồng chí” là sự ca ngợi vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội ở những người lính cách mạng trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ *Cơ sở hình thành tình đồng chí:* Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, nảy sinh từ việc cùng chung lí tưởng cách mạng, chung nhiệm vụ chiến đấu, chung sự thiếu thốn, khó khăn, chia sẻ ngọt sẻ bùi, gắn bó trong cuộc sống, chiến đấu nhiều gian khổ.

(*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*)

=> Những điểm chung ấy đã khiến họ xích lại gần nhau, chia ngọt sẻ bùi, thân thiết, gắn bó, họ thấu hiểu nỗi lòng nhau, hiểu bạn như hiểu mình và họ đã trở thành tri kỉ. Và từ tri kỉ nảy sinh tình cảm mới, họ trở thành đồng chí: Dòng thơ thứ bảy với hai tiếng “Đồng chí” cùng với dấu chấm than tạo nên câu đặc biệt, như một bản lề gắn kết đoạn đầu và đoạn thứ hai. Hai tiếng “Đồng chí” vang lên đầy xúc động, tự hào. Nó như một phát hiện, một lời khẳng định về một tình cảm cách mạng mới mẻ: Tình đồng chí – sự kết tinh tình cảm của những người lính - tình cảm gắn bó, thân thiết của những con người cùng chung giai cấp, chung lí tưởng sống. Đồng chí là tên gọi của một mối quan hệ có ý nghĩa thời đại, có ý nghĩa thiêng liêng. Là sự kết tinh của mọi cảm xúc, tình cảm cao đẹp.

+ *Biểu hiện của tình đồng chí:* Tình đồng chí, đồng đội biểu hiện một cách cao đẹp khi những người lính cảm thông, thấu hiểu cho tâm tư nỗi lòng của nhau,

cùng nếm trải, trải qua nỗi đau của bệnh tật, cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn nơi chiến trường, trong khó khăn họ truyền cho nhau hơi ấm -> sức mạnh của tình yêu thương, giúp họ vượt qua mọi khó khăn gian khổ. Chính tình yêu thương, sự gắn bó sâu nặng đã giúp người lính vượt qua tất cả, hơi ấm bàn tay, hơi ấm của tình đồng chí đồng đội đã nâng họ dậy.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

+ *Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí*: Vẻ đẹp của bức tranh rừng khuya với phong nền là cảnh rừng đêm giá rét, hình ảnh trung tâm là “Người lính, khẩu súng, vầng trăng”. Ba hình ảnh gắn kết tạo sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, điều đó đã giúp họ vượt lên tất cả những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ, thiếu thốn của cuộc chiến. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ giữa rừng hoang, sương muối, buốt giá mùa đông→ Bức tranh về tình đồng chí, biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính. Đặc biệt hình ảnh cuối bài thơ “Đầu súng trăng treo” - Hình ảnh thực, rất đẹp và thơ mộng, mang ý nghĩa biểu tượng: súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ làm cho bức tranh có vẻ đẹp vừa thực tế vừa thơ mộng, vừa mang tính chiến đấu vừa thấm đậm chất trữ tình. Hai hình ảnh, bổ sung hài hoà cho nhau trở thành một biểu tượng đẹp về người lính cách mạng: lạc quan, yêu đời, mơ mộng, và ngời sáng vẻ đẹp bình dị mà cao cả - tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết.

* Qua việc ca ngợi vẻ đẹp của tình đồng chí và khắc họa thành công hình ảnh người lính, Chính Hữu đã mang đến cho thời đại ông một tình cảm thiêng liêng, cao cả: tình đồng chí. Tình cảm cao đẹp ấy góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến, trở thành mối quan hệ mang tâm vóc thời đại, trở thành cách sống của cả thời đại. Hình ảnh người lính trong bài thơ cũng trở thành hình tượng đẹp đẽ, mang tâm hồn, tư tưởng và những phẩm chất của con người Việt Nam trong những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống Pháp. Với bài thơ: “*Đồng chí*”, Chính Hữu đã ghi dấu ấn rất riêng của ông trong nền thơ ca Cách mạng Việt Nam. Đóng góp của ông không chỉ đơn giản là một bài thơ viết về tình đồng chí mà còn qua bài thơ ấy, ông đã đem đến một “*cách sống của tâm hồn*” cho thời đại của mình. Đúng như Nguyễn Đình Thi đã nhận định: “*Những nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn*”.

Luận điểm 2: “ Cách sống của tâm hồn” mà Nhà thơ Chính Hữu đã mang đến thời đại trong bài thơ “Đồng chí” còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:

- Câu thơ song đôi, đối xứng từng cặp hoặc từng câu => Sự gắn bó, chia sẻ.
- Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành, đầm ấm
- Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hoà, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng.

* ***Liên hệ với bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu để làm rõ hơn “cách sống của tâm hồn” mà những nghệ sĩ lớn như Tố Hữu đã đem đến cho thời đại của họ.***

- Giới thiệu vài nét về tác giả Tố Hữu, hoàn cảnh ra đời của bài thơ: “*Khi con tu hú*”.

- **“Cách sống của tâm hồn” mà Nhà thơ Tố Hữu đã mang đến thời đại trong bài thơ “Khi con tu hú” là sự ca ngợi vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.** Bài thơ thể hiện một tâm hồn yêu cuộc sống, khát vọng tự do mãnh liệt của người tù cách mạng trẻ tuổi. Khát vọng tự do và lí tưởng cách mạng luôn thường trực, cháy bỏng trong tâm tư người tù, thôi thúc người tù đấu tranh và hành động. Bài thơ cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Người chiến sĩ gang thép đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng, và một niềm khát khao tự do cháy bỏng. Trong khắc nghiệt của lao tù, tâm hồn họ vẫn tràn đầy tự do và sáng sủa. Họ sống có lí tưởng và kiên định với lí tưởng trong bất kì hoàn cảnh nào.

***Điểm tương đồng và khác biệt:**

- **Điểm tương đồng:**

+ Hình ảnh người tù cách mạng trong bài thơ: “*Khi con tu hú*” hay những người lính nông dân trong bài thơ: “*Đồng chí*” đều là những khuôn mẫu lí tưởng, những cách sống mà Tố Hữu và Chính Hữu muốn gửi đến và tạo dựng ở thời đại của họ. Đó là những con người mang tâm hồn và phẩm chất Việt Nam: yêu cuộc sống, đoàn kết, lạc quan, khát vọng tự do và say mê trong lí tưởng. Đó là những mối quan hệ keo sơn, là biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí. Tất cả đã góp phần làm nên một thời kì lịch sử vẻ vang và hào hùng của dân tộc.

+Hai tác phẩm đã mang những nét tiêu biểu về thời đại nhà văn sống đồng thời các nhà văn cũng gửi đến thời đại họ một cách sống cao đẹp của tâm hồn. Cách sống đó đã có sức ảnh hưởng, lan tỏa đến các thế hệ nối tiếp. Đồng thời, họ cũng nhắc nhở thế hệ mai sau trân trọng hòa bình, nuôi dưỡng sự lạc quan và xây dựng ước mơ, lí tưởng mới.

***Điểm khác biệt**

+ *Cách sống của tâm hồn* mà hai nhà thơ mang đến cho thời đại cũng có nét khác biệt, cách thể hiện, sự sáng tạo riêng...Nếu “*Đồng chí*” của Chính Hữu là vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó thì “*Khi con tu hú*” của Tố Hữu là khát vọng tự do, lí tưởng sống cao đẹp của người tù cách mạng....

+Có sự khác biệt ấy là do hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ; phong cách sáng tác và tài năng riêng của mỗi nghệ sĩ.

*** Đánh giá, nâng cao:**

- Ý kiến “*Những nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn*” của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ: Nhận định của ông ghi nhận sự cống hiến của những người nghệ sĩ chân chính. Khẳng định tên tuổi, vai trò của họ trong việc bồi dưỡng tâm hồn và cách sống của thời đại. Bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu đã mang đến cho thời đại “*một cách sống của tâm hồn*” thật cao đẹp: Vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó.

- Bài học cho người cầm bút: Am hiểu đời sống hiện thực, phản ánh hiện thực bằng tình yêu, bằng sự chân thành để mang tới thời đại của mình tiếng nói cao cả, tiếng nói của lương tri, của tình yêu thương, sự ngợi ca....

- Đối với bạn đọc: người đọc biết trân trọng, nâng niu những tác phẩm văn học có giá trị,

Bài tham khảo

VẺ ĐẸP NGÔN TỪ TRONG BÀI THƠ “ĐỒNG CHÍ” CỦA CHÍNH HỮU

M.Gorki từng nói: “Ngôn từ là yếu tố đầu tiên của văn học”. Yếu tố ấy làm nên ấn tượng sâu sắc về một tác phẩm đối với người đọc. Sẽ không ai quên chất giọng lừng lợ, xa vời trong “Tiếng sáo thiên thai” của Thế Lữ, hay cái sôi nổi, đắm say trong “Vội vàng” của Xuân Diệu. Cũng vậy, vẻ đẹp ngôn từ giản dị mà tinh tế, sâu sắc trong “Đồng chí” của Chính Hữu đã để lại dư vị âm vang khó quên nơi người đọc. Phải chăng cảm hứng ngợi ca tình đồng chí chân thành, thấm thía đã tạo nên chất giọng có sức lay động mạnh mẽ ấy?

Vẻ đẹp ngôn từ của “Đồng chí” giống như một viên ngọc đa sắc, nhưng cái sắc màu đầu tiên người ta bắt gặp là sắc màu của sự mộc mạc, giản dị, phảng phất đâu đây ngay trong nhan đề tác phẩm. “Đồng chí” là đại từ xưng hô giữa những anh bộ đội cụ Hồ, để chỉ người cùng chung chí hướng, lí tưởng. Và như thế, rất ngắn gọn, rất hàm súc, rất giàu sức gợi, nhan đề ấy đã thể hiện phần nào nội dung tác phẩm cùng tâm tư, tình cảm của tác giả. Chính Hữu cũng không dùng thể thơ có niêm luật để sáng tác “Đồng chí” mà chọn một thể thơ ít ràng buộc cấu tứ hơn, tự nhiên hơn: thể tự do. Chẳng phải thể thơ ấy thì chẳng có những câu tuyệt bút cô đọng, dồn nén tư tưởng, cảm xúc của tác giả, giống một bản lề khép mở hai ý thơ trong bài như câu thứ bảy: “Đồng chí”. Chẳng phải thể thơ ấy thì không diễn tả đầy đủ, thấm thía cuộc sống chiến đấu và vẻ đẹp của những anh bộ đội cụ Hồ. Chính Hữu đã tái hiện rõ nét những tâm tư sâu kín nhất, những kỉ niệm sâu sắc nhất của họ bằng những vần thơ hết sức tự nhiên như chính những tâm hồn thật thà, cởi mở ấy. Và, nếu một năm trước đó, viết về nỗi khổ của người chiến sĩ với hình ảnh bi hùng, tráng lệ:

“Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm

Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa”

thì khi sáng tác “Đồng chí”, cũng về điều đó, tác giả lại dùng hình ảnh tả thực đến trần trụi, không chút cầu kì:

“Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

...

Chân không giày”

Họ, những người chiến sĩ hôm qua còn là anh Pha, anh Dậu...hôm nay đã được giác ngộ bởi ánh sáng cách mạng, đã đứng dậy cầm súng giành độc lập. Nhưng tâm hồn họ vẫn mộc mạc như hòn đất, củ khoai quê nhà. Hiểu như vậy, ta mới thấy được hết giá trị biểu đạt, biểu cảm của thành ngữ dân gian quen thuộc mà tác giả đã sử dụng để đưa vào lời thơ thật khéo léo: “nước mặn đồng chua”, “giếng nước gốc đa”...

Vẻ đẹp ngôn từ của “Đồng chí” là cái giản dị, đã đành, nhưng dường như trong cái giản dị ấy còn mang nét khỏe khoắn, mạnh mẽ của hồn người cầm súng. Các anh xuất thân từ những người nông dân, bởi thế “ruộng nương”, “nhà cửa” là tài sản quý báu nhất đối với họ. Thế nhưng họ sẵn sàng từ bỏ tài sản ấy để ra đi cứu nước. Từ “mặc kệ” cho thấy một thái độ dứt khoát, quyết đoán không gì lay chuyển nổi. Tuy nhiên, chớ có hiểu lầm rằng họ không yêu quê hương, gia đình của họ. Chẳng yêu quê hương mà khi đi xa họ cảm nhận được nỗi nhớ của hậu phương:

“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”

Chính Hữu đã thật tinh tế khi nhìn thấu tâm tư của “đồng chí”, cũng giống như Nguyễn Đình Thi đã thấu lòng người đi xa:

“Người ra đi đâu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”

Chỉ có thể lí giải tâm tư ấy của người chiến sĩ: họ nhận thức được con đường họ đang đi và họ thực sự yêu quê hương, yêu đất nước của mình. Các anh chấp nhận hi sinh tài sản cá nhân để bảo vệ mục đích chung, có khác nào ông Hai trong “Làng” của Kim Lân vui mừng ngay cả khi “Tây nó đốt nhà tôi rồi”, vì từ đây, ông không phải mang cái tiếng “người làng Việt gian”. Những hành động ấy bắt nguồn từ đâu, nếu không phải là từ lòng yêu quê hương, đất nước? Những người lính “mặc kệ” tài sản cá nhân để nhập ngũ, họ không hối tiếc, ngay cả khi chịu nhiều gian khổ, thiếu thốn nơi chiến trường vẫn “miệng cười buốt giá”. Một nụ cười như cũng trở nên méo mó giữa tiết trời khắc nghiệt. Nhưng đó lại là nụ cười đẹp nhất, ấm áp nhất của ý chí kiên cường không khó khăn gì làm lung lạc được. Giữa “rừng hoang sương muối” họ phục kích chờ giặc trong đêm, “chờ giặc tới” với một tư thế hiên ngang như “thành đồng”. Từ “chờ” tuy là thanh bằng nhưng vang lên mạnh mẽ, rắn rỏi, mang dư vị sắt đá của một tâm hồn, một bản lĩnh vững vàng...

Một ngôn ngữ khỏe khoắn, nhưng không rời rạc, bởi Chính Hữu đã thổi vào đó một thứ keo dính chặt – tình đồng chí. Hầu như cả bài thơ đều là những câu mang kết cấu song hành, với những cụm đại từ sống đôi:

“Quê hương anh nước mặn đồng chua/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá; Anh với tôi.../Anh với tôi...; Áo anh.../ Quần tôi...”

Có thể thấy một điều đặc biệt rằng “anh” bao giờ cũng đứng trước “tôi”. Phải chăng “tôi” quan tâm đến nỗi lòng của “anh” nên gác lại nỗi lòng của mình, để rồi soi vào “anh” mới bắt giắc nhìn lại “tôi”? Chính Hữu đã hóa thân vào “tôi”, đã sống thật những tình cảm, những cảm xúc mà ông đã trải qua, để viết lên những dòng rất đỗi thấm thía về tình đồng chí. Cùng chung lí tưởng, mục đích, ấy là “đồng chí”, giống như Tố Hữu từng nhắc tới:

“Đã thành đồng chí chung câu quân hành”

Nhưng với Chính Hữu, “đồng chí” còn là chung hoàn cảnh, chung tâm tư, chung ý chí, chung nỗi khổ chiến đấu:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

...Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

...Đứng cạnh bên nhau...”

Những từ mang tính gắn kết “bên,sát,với” như nâng tình đồng chí lên một tầm cao mới. Bởi “chung” nhiều điều như vậy mà các anh biết chia sẻ,cảm thông cho nhau:

“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Tình đồng chí thể hiện trong từng vần thơ, nhưng có lẽ thấm thía nhất ở từ “thương nhau”. “Thương nhau”, họ không nói bằng lời mà chỉ qua bàn tay, bàn tay giao cảm thay lời chưa nói:

“Phút đưa nhau, ta chỉ nắm tay mình

Điều chưa nói, thì bàn tay đã nói”

(Luu Quang Vũ)

Chỉ cần “tay nắm lấy bàn tay”, chỉ cần tình đồng chí là tương chừng đã có thể dập tan mọi gian lao, thử thách trên đường giành độc lập, quét sạch bóng quân thù. Và họ đã làm được điều đó. Cuộc sống phồn vinh, hòa bình ngày nay phải chăng chính là kết quả của tình đồng chí và những tình cảm cao đẹp khác?

Nếu như ở những dòng thơ trên, ngôn ngữ thơ mang nét giản dị, khỏe khoắn, bền chặt thì sang đến câu thơ cuối, giọng điệu thơ như muốn bay lên, cao mãi, cao mãi. Những người nông dân mặc áo lính bỗng nhiên trở thành những thi sĩ hào hoa có nhiều liên tưởng đẹp:

“Đầu súng trăng treo”.

Hình ảnh “đầu súng” ta đã bắt gặp rất nhiều trong thơ ca:

“Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan” – Tố Hữu

“Heo hút cồn mây súng ngửi trời” – Quang Dũng

Nhưng liên tưởng “Đầu súng trăng treo” của Chính Hữu vẫn khiến ta bất ngờ, thú vị. Tuy là thực nhưng hình ảnh thơ thật đột ngột, mơ mộng. Trong giây phút căng thẳng khi “chờ giặc tới” mà người lính lại có thể có những liên tưởng đẹp như thế vậy. Rõ ràng, họ là những người có tâm hồn lãng mạn, có phong thái ung dung, là những anh bộ đội cụ Hồ thực sự. Chính Hữu đã thật tài tình khi khéo léo sắp xếp, đặt hai hình ảnh đối lập cạnh nhau, gợi ra nhiều ý nghĩa phong phú, sâu xa. “Đầu súng” ở đây liệu rằng có phải ẩn dụ cho hiện tại đấu tranh và “trăng” là tượng trưng cho tương lai hòa bình, viên mãn? Hay “đầu súng” là cách mạng còn “trăng” là ánh sáng tôn vinh Đảng?... Dù là gì đi chăng nữa, hình ảnh “Đầu súng trăng treo” vẫn mang ngôn ngữ hào hoa, bay bổng, mở ra nhận thức mới của người lính. Họ thả hồn theo ánh trăng nhưng không thoát li thực tại, họ chọn con đường nguy hiểm nhưng vẫn thoải mái, ung dung, ý thức được mục đích, con đường mình đang đi. Hình ảnh thơ như khép lại màn đêm “rừng hoang sương muối” để mở ra một hi vọng, một hiện thực mới...

Vẻ đẹp ngôn từ giản dị, mộc mạc mà tinh tế, sâu sắc của “Đồng chí” giúp người đọc hiểu rõ hơn về cuộc sống, về tâm hồn của những anh bộ đội cụ Hồ, từ đó thêm tự hào về dân tộc Việt Nam ta.

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Đề 1. “Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng (...) Nhưng văn học không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương mà thông qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá của từng nhà văn.”

(SGK Ngữ văn 9 – Tập 2, Trang 115)

Phân tích hình tượng người lính trong bài thơ “**Bài thơ về tiểu đội xe không kính**” (Phạm Tiến Duật) để làm sáng tỏ nhận định trên?

(**Nhận định tương tự** : “Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt, nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. (Sách Lí luận văn học))

1. Giải thích:

Hình tượng là phương tiện của văn học để phản ánh hiện thực. Đó là bức tranh sinh động về con người và cuộc sống. **Hình tượng văn học** vừa chứa nội dung hiện thực (trực tiếp miêu tả cuộc sống), vừa mang nội dung tư tưởng (biểu hiện lý tưởng, cách nhìn, cách nghĩ, cảm xúc của mỗi cá nhân nhà văn). Nghĩa là vừa có tính chung sâu sắc, vừa mang tính riêng độc đáo. Hình tượng nghệ thuật được người nghệ sĩ sáng tạo nên từ thế giới hiện thực khách quan một cách sống động, cụ thể nhưng không sao chép y nguyên mà có chọn lọc, sáng tạo thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ sáng tạo hình tượng văn học trong tác phẩm là để nhận thức và cắt nghĩa đời sống, thể hiện tư tưởng, tình cảm của mình, gửi gắm một lời nhắn nhủ... về con người, về cuộc sống. Thông qua hình tượng văn học, người đọc phải suy nghĩ, nhận thức về con người, cuộc sống... để lựa chọn cho mình một lối sống đúng đắn. Người đọc có thể tìm thấy tiếng nói đồng điệu trong tác phẩm mà người nghệ sĩ muốn truyền đạt. Do vậy hình tượng văn học không chỉ là thế giới sống mà còn là “thế giới biết nói” Thông qua các chi tiết, nhân vật trong tác phẩm, nhà văn muốn đối thoại với độc giả về quan niệm nhân sinh nào đó. Cuộc sống và con người được miêu tả trong văn học vừa giống cái đã có và hiện có, vừa là cái có thể và cần có. Hình tượng là kết tinh của những ấn tượng sâu sắc về cuộc đời làm nhà văn day dứt. Nhà văn viết ra để chia sẻ với mọi người về những băn khoăn trăn trở trong lòng, để bày tỏ quan điểm về nhân sinh của mình. Hình tượng, như thế nó gắn liền với quan điểm, lí tưởng và khát vọng của nhà văn. Thi phẩm “BTVTĐXKK” là hình tượng đẹp về người lính trong những năm tháng chiến tranh nhưng không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương mà thông qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá của nhà thơ PTD.

Chứng minh:

Tác giả, tác phẩm:

Có một nhà thơ từng được ví như “Con chim lửa của Trường Sơn huyền thoại, cây Săng lẻ của rừng già, viên ngọc quý của thơ ca”, nhà thơ đó chính là Phạm Tiến Duật. Với quan niệm “*chủ yếu đi tìm cái đẹp từ trong những diễn biến sôi động của cuộc sống*”, Phạm Tiến Duật đưa tất cả những chất liệu hiện thực của cuộc sống chiến trường vào trong thơ. Cách tiếp cận hiện thực ấy đã đem lại cho thơ Phạm Tiến Duật một giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, hóm hỉnh, tinh nghịch mà sâu sắc. Thơ Phạm Tiến Duật tràn đầy nhiệt huyết của con người luôn đi tới và hành động; Tràn đầy yêu thương của trái tim luôn hướng về cuộc đời. Bài thơ “BTVTĐXKK” được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ với âm điệu hào hùng, khỏe khoắn đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mỹ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ, tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha...

Luận điểm 1: Hình tượng những người lính lái xe trên tuyến đường TS trong “BTVTĐXKK” của PTD là biểu tượng cao đẹp của con người Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh với các phẩm chất đáng quý nhưng không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm gương mà thông

qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá của nhà thơ. Cuộc sống nơi chiến trường gian khổ, hàng ngày, hàng giờ phải chứng kiến những mất mát, đau thương, phải trải qua những khó khăn chồng chất nhưng những người lính luôn can đảm, giàu nghị lực luôn tràn đầy lạc quan đó cũng là hành trang chủ yếu mà thế hệ trẻ thời chống Mỹ đã mang trên mình trong cuộc trường chinh vạn dặm. Vượt lên tất cả hiện thực khốc liệt “bom giạt, bom rung” là thế giới tâm hồn cao đẹp của những người lính. Những chàng trai trẻ vừa rời ghế nhà trường, tâm hồn đầy ấp những ước mơ và khát vọng cống hiến, tinh thần xả thân vì nước, sẵn sàng đối mặt với hi sinh gian khổ, sống và chiến đấu bằng tinh thần lạc quan, luôn hướng về phía trước. **A. Họ là những chàng lính trẻ trung, lãng mạn tâm hồn sôi nổi của tuổi trẻ, tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng, tự tin, yêu đời.**

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

+ Nghệ thuật đảo ngữ với từ láy “ung dung” được đảo lên đầu câu thứ nhất và nghệ thuật điệp ngữ với từ “nhìn” được nhắc đi nhắc lại trong câu thơ thứ hai -> nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin của người lính lái xe.

+ Cái nhìn của các anh là cái nhìn bao quát, rộng mở “nhìn đất”, “nhìn trời”, vừa trực diện, tập trung cao độ “nhìn thẳng”. Các anh nhìn vào khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không hề run sợ, né tránh – một bản lĩnh vững vàng.

- Trong tư thế ung dung ấy, người lính lái xe có những cảm nhận rất riêng khi được tiếp xúc trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buồng lái.

+ Sau tay lái của chiếc xe không có kính chắn gió nên các yếu tố về thiên nhiên, chướng ngại vật rơi rụng, quăng ném, va đập vào trong buồng lái. Song, quan trọng hơn là các anh có được cảm giác như bay lên, hòa mình với thiên nhiên rồi được tự do giao cảm, chiêm ngưỡng thế giới bên ngoài. Điều này được thể hiện ở nhịp thơ đều đặn, trôi chảy như xe lăn với việc vận dụng linh hoạt điệp ngữ “thấy” và phép liệt kê. Có rất nhiều cảm giác thú vị đến với người lính trên những chiếc xe không có kính.

+ Các hình ảnh “con đường”, “sao trời”, “cánh chim”... diễn tả rất cụ thể cảm giác của những người lính khi được lái những chiếc xe không kính. Khi xe chạy trên đường bằng, tốc độ xe chạy đi nhanh, giữa các anh với con đường dường như không còn khoảng cách, chính vì thế, các anh mới có cảm giác con đường đang chạy thẳng vào tim. Và cái cảm giác thú vị khi xe chạy vào ban đêm, được “thấy sao trời” và khi đi qua những đoạn đường cua dốc thì những cánh chim như đột ngột “ùa vào buồng lái”. Thiên nhiên, vạn vật dường như cũng bay theo ra chiến trường. Tất cả điều này đã giúp người đọc cảm nhận được ở các anh nét hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn và yêu đời của những người trẻ tuổi. Tất cả là hiện thực nhưng qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành những hình ảnh lãng mạn.

b. Họ là những con người dũng cảm, gan dạ, đầy tinh thần trách nhiệm, coi thường hiểm nguy, vượt qua mọi gian khổ sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ.

Không có kính, ừ thì có bụi,

Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

Những câu thơ giản dị như lời nói thường, với giọng điệu thản nhiên, ngang tàng hóm hỉnh, cấu trúc: “không có...”; “ừ thì...”, “chưa cần” được lặp đi lặp lại, các từ ngữ “phì phèo”, “cười ha ha”, “mau khô thôi”... làm nổi bật niềm vui, tiếng cười của người lính cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến đấu.

Cái tài của Phạm Tiến Duật trong đoạn thơ này là cứ hai câu đầu nói về hiện thực nghiệt ngã phải chấp nhận thì hai câu sau nói lên tinh thần vượt lên để chiến thắng hoàn cảnh của người lính lái xe trong chiến tranh ác liệt. Xe không kính nên “bụi phun tóc trắng như người già” là lẽ đương nhiên, xe không có kính nên “ướt áo”, “mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời” là lẽ tất nhiên. Trước mọi khó khăn, nguy hiểm, các anh vẫn “cười” rồi chẳng cần bận tâm, lo lắng, các anh sẵn sàng chấp nhận thử thách, gian lao như thể đó là điều tất yếu. Các anh lấy cái bất biến của lòng dũng cảm, của thái độ hiên ngang để thắng lại cái vạn biến của chiến trường sinh tử gian khổ, ác liệt. Đọc những vần thơ này giúp ta hiểu được phần nào cuộc sống của người lính ngoài chiến trường những năm tháng đánh Mỹ. Đó là cuộc sống gian khổ trong bom đạn ác liệt nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan, niềm vui sôi nổi, yêu đời. Thật đáng yêu và đáng tự hào biết bao!

c. Sâu sắc hơn, bằng ống kính điện ảnh của người nghệ sĩ, nhà thơ đã ghi lại những khoảnh khắc đẹp để thể hiện tình đồng chí đồng đội của những người lính lái xe không kính:

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Chính sự khốc liệt của chiến tranh đã tạo nên tiểu đội xe không kính. Những chiếc xe từ khắp mọi miền Tổ quốc về đây họp thành tiểu đội. Cái “bắt tay” thật đặc biệt “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”. Xe không kính lại trở thành điều kiện thuận lợi để các anh thể hiện tình cảm. Cái bắt tay thể hiện niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh, bù đắp tinh thần cho những thiếu thốn về vật chất mà họ phải chịu đựng. Có sự gặp gỡ với ý thơ của Chính Hữu trong bài thơ “Đồng chí” : “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” nhưng hồn nhiên hơn, trẻ trung hơn. Đó là quá trình trưởng thành của thơ ca, của quân đội Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. Tình đồng chí, đồng đội còn được thể hiện một cách âm ỉ, giản dị qua những giờ phút sinh hoạt của họ:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Lại đi lại đi trời xanh thêm.

+ Gắn bó trong chiến đấu, họ càng gắn bó trong đời thường. Sau những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm hội ngộ, những người lính lái xe đã xích lại thành gia đình: “Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”. Cách định nghĩa về gia đình thật lính, thật tếu hóm mà thật chân tình sâu sắc. Đó là gia đình của những người lính cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu.

+ Điệp ngữ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” tạo âm hưởng thanh thản, nhẹ nhàng, thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Câu thơ trong vắt như tâm hồn người chiến sĩ, như khát vọng, tình yêu họ gửi lại cho cuộc đời.

=> Chính tình đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Sức mạnh của người lính thời đại Hồ Chí Minh là vẻ đẹp kết hợp truyền thống và hiện đại. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “Nhu Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi” (Tố Hữu).

d. Họ là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước, ý chí chiến đấu vì giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước:

Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

- Giờ đây những chiếc xe không kính đã đặc biệt, càng đặc biệt hơn là không đèn, không mui, thùng xe có xước. Chiếc xe đã biến dạng hoàn toàn. Người lính xé lại chất chồng khó khăn. Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước.

- Nguyên nhân nào mà những chiếc xe bị biến dạng ấy vẫn băng băng chạy như vũ bão ? Nhà thơ đã lí giải : “Chỉ cần trong xe có một trái tim”.

+ Câu thơ dồn dập cứng cáp hẳn lên như nhịp chạy của những chiếc xe không kính. Từ hàng loạt những cái “không có” ở trên, nhà thơ khẳng định một cái có, đó là “một trái tim”.

+ “Trái tim” là một hoán dụ nghệ thuật tu từ chỉ người chiến sĩ lái xe Trường Sơn năm xưa. Trái tim của họ đau xót trước cảnh nhân dân miền Nam sống trong khói bom thuốc súng, đất nước bị chia cắt thành hai miền.

+ Trái tim ấy dào dạt tình yêu Tổ quốc như máu thịt, như mẹ cha, như vợ như chồng... Trái tim ấy luôn luôn sục sôi căm thù giặc Mỹ bạo tàn.

=> Yêu thương, căm thù chính là động lực thôi thúc những người chiến sĩ lái xe khát khao giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Để ước mơ này trở thành hiện thực, chỉ có một cách duy nhất: vững vàng tay lái, cầm chắc vô lăng. Vì thế thử thách ngày càng tăng nhưng tốc độ và hướng đi không hề thay đổi.

=> Đằng sau những ý nghĩa ấy, câu thơ còn muốn hướng con người về chân lý thời đại của chúng ta: sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí mà là con người giàu ý chí, anh hùng, lạc quan, quyết thắng.

=> Có thể coi câu thơ cuối là câu thơ hay nhất của bài thơ. Nó là nhân tự, là con mắt thơ, bật sáng chủ đề, tỏa sáng vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe thời chống Mỹ.

LĐ 2. Hình tượng người lính lái xe trong bài thơ “BTVTĐXKK” của PTD được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc.

- Giọng thơ ngang tàng, pha chất tình nghịch, rất phù hợp với những chàng trai lái xe trên những chiếc xe không kính. Giọng điệu ấy làm cho lời thơ gần với lời văn xuôi, lời đối thoại, lời nói thường ngày nhưng vẫn thú vị và giàu chất thơ.

Chất thơ của hiện thực khốc liệt, của những hình ảnh độc đáo, của cảm hứng về vẻ hiên ngang, dũng cảm, sự sôi nổi trẻ trung của những người lính lái xe, của ấn tượng cảm giác được miêu tả cụ thể, sống động và gợi cảm...

- Thể thơ tự do tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động. Những yếu tố về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ đã góp phần trong việc khắc họa hình ảnh người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn một cách chân thực và sinh động.

- Cả bài thơ là lời nói, cảm xúc của người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Thử thách ngày càng tăng, nhưng mức độ và hướng đi không thay đổi. Vẫn là khẳng định tinh thần bất khuất, quyết thắng của quân đội ta, nhưng Phạm Tiến Duật đã đem lại nhiều hình ảnh mới và giọng điệu mới: trẻ trung, tinh nghịch, ngang tàng mà kiên định. Bài thơ đâu chỉ nói về tiểu đội xe không kính, nó phản ánh cả khí thế quyết tâm giải phóng miền Nam của toàn quân và toàn dân ta, khẳng định rằng ý chí của con người mạnh hơn cả sắt thép.

* **Đánh giá, mở rộng:**

Ý kiến trên hoàn toàn đúng dẫn bởi lẽ hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học là sự kết tinh của hai yếu tố cảm xúc và tư tưởng. Nó chứa đựng thái độ sống, quan niệm, triết lý, những vấn đề cần được giải bày. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình thai nghén, nuôi dưỡng cảm hứng, để sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động... qua đó nhà văn thể hiện những vấn đề nhân sinh có ý nghĩa sâu sắc. PTD đã phản ánh đời sống chiến tranh qua hình tượng người lính dũng cảm, gan dạ, kiên cường trong “BTVTĐXKK” thông qua “*tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá*” sâu sắc, mới mẻ. Thêm vào đó, dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ xuyên thắm từ cách tiếp cận hiện thực, cách phát hiện vấn đề và phương thức chuyển tải tư tưởng, tình cảm bằng hình tượng. Vậy nên, nhà văn xây dựng hình tượng bằng tất cả tài năng, tâm huyết sự đau đời để có được những hình tượng văn học sống mãi với thời gian. Qua hình tượng, bạn đọc được thưởng thức nét vẽ, sắc màu cuộc sống và cả nụ cười, suy tư mà nhà văn gửi gắm...

Đề 2 “Chỉ cần hình ảnh đẹp, giàu sức gợi là đã đủ để làm nên một bài thơ hay”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của nhà thơ Phạm Tiến Duật để làm sáng tỏ ý kiến trên. Liên hệ với hình ảnh người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ “*Tức cảnh Pác – Bó*” (Hồ Chí Minh, *Ngữ văn 8*) để thấy được vẻ đẹp, sức gợi và cái hay của mỗi bài thơ.

1. Giải thích:

- Hình ảnh thơ (hình tượng nghệ thuật trong thơ) có thể là một sự vật, một phong cảnh thiên nhiên hay con người... Hình tượng nghệ thuật chính là yếu tố kết tinh giá trị tư tưởng, tình cảm của tác giả, là trung tâm của bài thơ nói riêng, tác phẩm văn học nói chung.

- Hình tượng nghệ thuật là những điểm sáng góp phần tạo cho bài thơ nhiều ý nghĩa. Hình tượng nghệ thuật là “chìa khóa” giúp ta hiểu rõ thêm chiều sâu tư tưởng, cảm xúc của bài thơ.

- Hình tượng nghệ thuật là kết tinh nghệ thuật, thể hiện khả năng quan sát, khám phá độc đáo và tái hiện tinh tế của mỗi nhà thơ trong tác phẩm.

=> Ý kiến đã nêu khẳng định tầm quan trọng hàng đầu của hình tượng nghệ thuật đối với giá trị của một bài thơ. Một tác phẩm văn học có giá trị sẽ xây dựng được những hình ảnh đẹp, giàu sức gợi, để lại ấn tượng tốt đẹp trong trái tim, suy nghĩ của người đọc...

2. Chứng minh

2.1 Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm

- Phạm Tiến Duật là nhà thơ được rèn luyện, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ gian khổ và oanh liệt của dân tộc *“Thơ ông mang hơi thở của cả một thời đại nhưng bằng một khí phách ngang tàng, chất bụi bặm và kiêu bạc của người lính thời chống Mỹ. Thơ ông có sức mạnh của cả một binh đoàn trùng trùng ra trận”*... (nhà văn Nguyễn Văn Thọ)

- *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Tác phẩm đã khắc họa hình ảnh độc đáo của những chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời kì chống Mỹ với tư thế, tinh thần hiên ngang bất khuất.

2.2 Chứng minh

Luận điểm 1: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của PTD đã xây dựng được hình ảnh những chiếc xe không kính độc đáo, khác lạ, chân thực, gợi được hiện thực khốc liệt của chiến tranh.

- Xưa nay, hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thì đều được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hóa” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Người đọc đã bắt gặp chiếc xe tam mã trong thơ Pus-kin, con tàu trong “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên, đoàn thuyền đánh cá trong bài thơ cùng tên của Huy Cận. Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực.

- Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở ở Trường Sơn thì xe phải có kính. Ấy thế mà chuyện “xe không kính” lại là một thực tế, là hình ảnh thường gặp trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Hai câu thơ mở đầu có thể coi là lời giải thích cho “sự cố” có phần không bình thường ấy:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi.*

+ Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ.

+ Bằng những câu thơ rất thực, đậm chất văn xuôi, điệp ngữ “không”, cùng với động từ mạnh “giạt”, “rung”. Tác giả đã lí giải nguyên nhân không có kính của những chiếc xe. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe trở nên biến dạng “không có kính”, “không có đèn”, “không có mui xe”, “thùng xe có xước”. Từ đó, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội; về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

=> Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàng như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mỹ.

Luận điểm 2: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã khắc họa thành công hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn - đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho phẩm chất anh hùng cách mạng của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ hiện lên với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan cách mạng, bất chấp khó khăn, coi thường hiểm nguy.

+ Dù thiếu đi những phương tiện chiến đấu tối thiểu nhưng hình ảnh người lính lái xe vẫn

hiện lên với tư thế hiên ngang, ngang tàng: *Ung dung buồng lái ta ngồi, / Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*. Tính từ *ung dung* đặt ở đầu câu nhấn mạnh tư thế chủ động, coi thường mọi khó khăn, nguy hiểm của các chiến sĩ lái xe.

+ Những khó khăn gian khổ như tăng lên gấp bội vì xe không có kính: *gió vào xoa mắt đắng, Bụi phun tóc trắng như người già, Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời...* nhưng không làm giảm ý chí và quyết tâm của các chiến sĩ lái xe. Với tư thế hiên ngang “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”, người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn huyền thoại đã vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn về vật chất thẳng tiến về miền Nam thân yêu.

+ Không còn kính chắn gió, người lính lái xe còn phải đối mặt với hiểm nguy “gió vào xoa mắt đắng”, “đột ngột cánh chim”...thế nhưng trong ý thơ, người đọc không thấy sự ái ngại, lo sợ,... của các anh. Toát lên trong những vần thơ là vẻ đẹp của những người lính lái xe: ngang tàng, trẻ trung, lãng mạn. Họ tự tin, hiên ngang đối diện với gian khổ, thiếu thốn, sự khốc liệt của chiến tranh.

+ Sự ngang tàng, bất chấp hiểm nguy của người lính lái xe còn được thể hiện qua ngôn ngữ đậm tính khẩu ngữ, trong cấu trúc “không có... ừ thì” thể hiện sự cứng cỏi, biến khó khăn thành điều thú vị...

(Hs lấy dẫn chứng thơ phân tích, bình luận, đánh giá)

- *Vẻ đẹp của những người lính lái xe trong bài thơ còn được thể hiện ở tâm hồn sôi nổi của tuổi trẻ, của tình đồng chí, đồng đội sâu sắc:*

+ Những hình ảnh thơ hóm hỉnh: “phì phèo châm điếu thuốc”, “nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”...đã làm nổi bật lên tính cách trẻ trung, sôi nổi, sự tinh nghịch, ngang tàng của những anh lính trẻ hồn nhiên, yêu đời. Đó cũng chính là một nét rất ấn tượng của người lính lái xe Trường Sơn. Nụ cười hiện trên môi của các anh là một nụ cười sảng khoái, vô tư, hồn nhiên và ngạo nghễ thể hiện các anh là những người luôn luôn chiến thắng và tràn đầy niềm tin.

+ Những chàng trai trẻ lái xe Trường Sơn hồn nhiên, tếu táo và âm áp trong tình đồng đội, đồng chí. Tình đồng đội thấm thiết, thiêng liêng là sợi dây vô hình nối kết mọi người trong hoàn cảnh hiểm nguy, kề cận cái chết. Tình đồng đội tiếp thêm sức mạnh, niềm tin yêu để người lính vượt qua, gian khổ, thiếu thốn:

+) Cái bắt tay độc đáo của những người lính lái xe qua cửa kính đã vỡ là biểu hiện đẹp để ấm lòng của tình đồng chí, đồng đội đầy mộc mạc nhưng thấm thía. Cái bắt tay thay cho lời nói, lời động viên, lời chia sẻ của những người lính với nhau. Chỉ có những người lính, những chiếc xe bị tàn phá khốc liệt thời chống

Mĩ mới có thể có những cái bắt tay ấy - một chi tiết nhỏ nhưng mang dấu ấn to lớn của một thời đại hào hùng.

+) Khái niệm về gia đình lính của nhà thơ Phạm Tiến Duật vô cùng đơn giản, dễ hiểu nhưng chứa đựng biết bao nghĩa tình đồng đội của những người lính lái xe: “Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời/ Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây”- gia đình lính.

+) Tình cảm gia đình của những người lính thật bình dị mà ấm áp thân thương tạo nên sức mạnh, nâng bước chân người lính để rồi các anh lại tiếp tục lên đường: “Lại đi, lại đi trời

xanh thêm” giành thắng lợi cuối cùng. Trong tâm hồn các anh, trời xanh như chứa chan hi vọng. Câu thơ bay bay, phơi phới, thật lãng mạn, thật mộng mơ. Nhịp điệu câu thơ vừa sôi nổi, vừa nhịp nhàng cùng với điệp từ “lại đi” được lặp lại hai lần gợi tả nhịp sống chiến đấu và hành quân của “tiểu đội xe không kính” mà không một sức mạnh bom đạn nào có thể ngăn cản nổi. Sự sống của các anh không chỉ tồn tại mà còn tồn tại trong một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang – tư thế của người chiến thắng.

-Những người lính lái xe Trường Sơn có tình yêu đất nước sâu nặng, có ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, thống nhất đất nước:

+ Bài thơ khép lại với bốn câu thơ thể hiện ý chí sắt đá của những người lính. Miền Nam chính là động lực mạnh mẽ nhất, sâu xa nhất tạo nên sức mạnh phi thường của người lính cách mạng.

+ Với biện pháp liệt kê, điệp từ “không có”, nhà thơ đã diễn tả mức độ khốc liệt ngày càng tăng của chiến trường.

+ Đối lập với những cái “không có” chỉ cần “có một trái tim” đã làm nổi bật sức mạnh, ý chí ngoan cường của người lính lái xe. Hình ảnh *trái tim* là một hoán dụ nghệ thuật đẹp đẽ và đầy sáng tạo, khẳng định phẩm chất cao quý của các chiến sĩ lái xe trên đường ra tiền tuyến lớn. Các anh xứng đáng với truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc Việt Nam; tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước của thế hệ thời đánh Mỹ.

(Hs lấy dẫn chứng thơ phân tích, bình luận, đánh giá)

=> "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" là một bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ *Lửa đèn, Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, ...* Chất giọng trẻ, chất lính của bài thơ bắt nguồn từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam thời chống Mỹ mà chính nhà thơ đã sống, đã trải nghiệm. Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, bài thơ đã khắc hoạ, tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá con người, hoà nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng và âm hưởng sử thi hào hùng của văn học Việt Nam trong ba mươi năm chống xâm lược 1945 - 1975.

Luận điểm 3: Bên cạnh “ hình ảnh đẹp, giàu sức gợi” bài thơ “ BTVTĐXKK” của PTD còn có những hình thức nghệ thuật đặc sắc.

- Bài thơ kết hợp thể thơ bảy chữ và tám chữ, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói, tự nhiên, sinh động.

- Khai thác chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh, Phạm Tiến Duật đưa vào thơ những hình ảnh, chi tiết rất thực, làm giàu thêm cho chất liệu thơ ca

(hình ảnh những chiếc xe không kính, những cảm giác, ấn tượng của người lái xe trong xe không kính).

- Giọng điệu bài thơ ngang tàng phù hợp với đối tượng miêu tả, làm nổi bật được tính cách hồn nhiên, sôi nổi, trẻ trung, tinh nghịch, bản lĩnh kiên cường, tinh thần dũng cảm ... của những người lính lái xe Trường Sơn.

- Ngôn ngữ giản dị, ngôn ngữ chất sống - đời sống chiến trường, khiến cho lời thơ đậm chất văn xuôi nhưng vẫn thú vị, rất thơ.

(Hs lấy một số hình ảnh, từ ngữ minh chứng cho những hình thức nghệ thuật đặc sắc).

3. **Đánh giá, mở rộng vấn đề bàn luận**

- *Khẳng định ý kiến “Chỉ cần hình ảnh đẹp, giàu sức gợi là đã đủ để làm nên một bài thơ hay”* là đúng đắn. Bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật và “*Tức cảnh Pác Bó*” của Hồ Chí Minh đã xây dựng được những hình ảnh thơ đẹp, làm nên những bài thơ hay khiến trái tim bạn đọc rung động, đắm say.

- Tô Đông Pha có nói : “Ý hết mà lời dừng, ấy là cái lời rất mực trong thiên hạ. Song, lời dừng mà ý không tả hết được, lại càng tuyệt” (Lê Quý Đôn dịch). “Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi”, bởi từ đó có thể gợi ra trong tâm trí người đọc vô vàn màu sắc, hình ảnh, âm thanh và hình tượng mang những chiều sâu chưa nói hết, thôi thúc họ phải tìm hiểu, ngẫm nghĩ, hòa mình vào con chữ để thấm nhuần ý tứ và cảm thụ trọn vẹn giá trị ngôn từ trong tác phẩm.

- Tuy nhiên, chúng ta không thể tuyệt đối hóa vai trò của hình tượng nghệ thuật đối với bài thơ, vì một thi phẩm ấn tượng còn cần những yếu tố khác như cấu tứ độc đáo, ngôn từ giàu sức gợi, sử dụng đa dạng và phát huy triệt để giá trị các biện pháp tu từ... Đặc biệt là dấu ấn cá nhân của tác giả in đậm trong từng sáng tác. Hiểu rộng hơn, nội dung và hình thức của một tác phẩm văn học phải thống nhất khăng khít với nhau. Nhà thơ luôn cố gắng tìm một hình thức phù hợp nhất để ‘bộc lộ một cách đầy đủ, hấp dẫn nhất nội dung. Do vậy, một tác phẩm văn học đích thực, xuất sắc phải là phát minh hình thức và một khám phá về nội dung.

- Bài học rút ra cho các nhà thơ của hôm nay và mai sau: phải mài giũa ngòi bút của mình sao cho thật sắc bén để viết nên những vần thơ giàu hình ảnh, không cần hoa mỹ nhưng đủ hàm súc và sức gợi để làm nên sức ảnh hưởng mạnh mẽ của văn chương đối với tâm hồn bạn đọc. Ấy mới thật là vần thơ trác tuyệt.

- Chính những hình ảnh mang vẻ đẹp về cuộc sống, về con người trong thơ ca sau bao dụng công sáng tạo của nhà thơ sẽ khiến “triệu trái tim trong triệu năm dài” phải ngân lên khúc ca của sự đồng điệu, hòa quyện nơi tâm hồn. Đó là lí do mà từ buổi bình minh của văn chương đến nay, thơ vẫn là tri kỉ lớn nhất của trái tim nhân loại.

Đề 3. Trong cuốn “*Cảm nhận văn học*”, giáo sư Lê Đình Kỵ cho rằng: “*Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp theo nghĩa: mang được sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài, đồng thời mang được sự thật tâm tình của con người*”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9 - Tập I), em hãy làm sáng tỏ ý kiến đó.

Liên hệ với bài thơ **“Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh** (Ngữ văn 8 – Tập 2) để thấy được điểm gặp gỡ và sự khác biệt giữa hai bài thơ.

1. Giải thích ý kiến

- Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp theo nghĩa “ mang được sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài”: tác phẩm nghệ thuật phải phản ánh chân thực chiều sâu của hiện thực đời sống.

- Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp theo nghĩa “mang được sự thật tâm tình của con người”: tác phẩm nghệ thuật phải thể hiện chân thực thế giới tâm hồn và tình cảm của con người .

-> Ý kiến của giáo sư Lê Đình Kỵ bàn về chức năng thẩm mỹ và mối quan hệ giữa HTCS với TPVC. Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp là tác phẩm phản ánh được một cách chân thực, sâu sắc hiện thực của đời sống đồng thời thể hiện chân thực thế giới tâm hồn và tình cảm của con người. Thơ bao giờ cũng bắt nguồn từ cuộc sống, là “cái nhụy của cuộc sống” chứa đựng những vẻ đẹp của con người và thời đại mình từ đó nhà thơ kí thác những tâm tư, tình cảm vào thơ và để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên về thời đại đã qua, về những tình cảm cao đẹp, có giá trị bền vững.

2. Làm sáng tỏ quan điểm của Lê Đình Kỵ qua bài thơ **“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”** của Phạm Tiến Duật.

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Thơ chỉ chảy tràn trong tim ta khi cuộc sống đã thực đầy". Đó là quy luật của quá trình sáng tạo nghệ thuật được nhà thơ Tố Hữu đúc rút bằng chính những trải nghiệm của một đời thơ lớn. Điều đó cũng thật đúng với Phạm Tiến Duật - người được mệnh danh là "hiệp sĩ Trường Sơn". Chính những năm tháng "xếp bút nghiên theo việc đao cung" vào tuyến đường Trường Sơn tham gia cùng binh đoàn vận tải đã giúp Phạm Tiến Duật viết nên những vần thơ thật đẹp về đề tài người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đg TS khói lửa. Trải nghiệm với cuộc sống, thơ đã chảy tràn trong trái tim người thi sĩ ấy để “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” ra đời, neo đậu trong lòng người đọc một ấn tượng khó quên về giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc.

2.2 Chứng minh **“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”** của Phạm Tiến Duật là một tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp.

***Luận điểm 1: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã “mang được sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài”** : Phản ánh chân thực hiện thực của chiến tranh và cuộc sống chiến đấu đầy hi sinh, gian khổ của người lính lái xe trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta.

- Hiện thực của chiến tranh:

+ **“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”** được viết năm 1969. Đó là thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn cam go, ác liệt khi đế quốc Mỹ liên tục rải bom xuống tuyến đường Trường Sơn nhằm ngăn chặn con đường tiếp tế của hậu phương cho tiền tuyến. Bài thơ nói về hình ảnh những chiếc xe bị biến dạng do bom đạn của kẻ thù, đồng thời thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Hình ảnh những chiếc xe không kính băng băng ra chiến trường giữa mưa bom, bão đạn là một hình ảnh thực về những chiếc xe trên đường Trường Sơn trong những năm đánh Mỹ.

+ Với bút pháp hiện thực, nhà thơ đã ghi lại hình ảnh ấy thật giản dị, tự nhiên. Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá, nhất là trên địa hình hiểm trở của TS thì xe phải được trang bị kính chắn đầy đủ, ấy thế mà chuyện ”xe không kính” lại là một thực tế, là h/ ảnh quen thuộc trên tuyến đg này. Bằng cách nói dí dỏm, đậm chất văn xuôi cùng điệp ngữ ”không” đi liền nhau với hai nốt nhấn ”bom giật, bom rung” đã lí giải nguyên nhân khiến xe không kính. Các câu thơ với cách nói gần với khẩu ngữ; nghệ thuật liệt kê kết hợp điệp ngữ ”không” đã nhấn mạnh sức tàn phá của bom đạn giặc. Những chiếc xe dù biến dạng, bị móp méo nhưng vẫn nối đuôi nhau băng băng ra chiến trường với khí thế khẩn trương, hào hùng.

+ Bom đạn ác liệt của kẻ thù đã tàn phá khiến những chiếc xe bị biến dạng, trần trụi hơn: (*”Không có kính rồi xe không có đèn/ Không có mui xe thùng xe có xước”*). Không hề cường điệu mà qua việc tái hiện lại một cách chân thực hình ảnh những chiếc xe không kính, nhà thơ đã diễn tả được sự tàn khốc của cuộc chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn. Con đg TS huyền thoại được tái hiện vô cùng chân thực, đó là nơi ”túi bom bay mù bụi đỏ”. Những CXKK đi trong mưa bom bão đạn bị hư hỏng vốn không hiểm trong chiến tranh nhưng phải có một hồn thơ ngang tàng, thích cái mới lạ như PTD mới có thể đưa hiện thực trần trụi như thế vào thơ. Đặc biệt là nhà thơ k hề miêu tả cái khốc liệt của chiến tranh, cũng không gây cảm giác ghê sợ cho người đọc nhưng hiện thực ấy vẫn hiện hữu ngay trong những vần thơ giản dị, tự nhiên, lạ kì. Những chiếc xe không kính dù trần trụi móp méo đến đâu cũng không chịu đầu hàng trước sự tàn phá của chiến tranh.

- Cuộc sống chiến đấu gian khổ của những người lính lái xe:

+ Chiến tranh dẫu có ác liệt đến chừng nào thì cũng là bức phong nền làm nổi bật bức chân dung tinh thần đẹp đẽ, mới lạ của những ng lính cách mạng. Thuộc lớp người được sinh ra từ sau cách mạng tháng Tám, được trau dồi vốn tri thức văn hoá, thế hệ trẻ thời chống Mỹ đã đi từ cánh cửa nhà trường đến nơi chiến trường cầm súng chiến đấu. Trên những chiếc xe không kính do bom thù gây ra, người lính lái xe phải đối mặt với mưa bom, bão đạn. Nhà thơ đã diễn tả rất cụ thể và chân thực những ấn tượng, cảm giác của người lính lái xe : Xe không còn kính chắn gió, lại chạy nhanh nên người lính tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, đối mặt với bao khó khăn, nguy hiểm: ”gió vào xoa mắt đắng”, ”sao trời”, ”cánh chim” đột ngột, bất ngờ ”như sa”, ”như ùa” vào buồng lái, vào mặt mũi, thân mình...

+ Họ còn phải đối mặt với bụi đường *”bụi phun tóc trắng như người già”*, thời tiết Trường Sơn khắc nghiệt *”mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời”*, phải trải qua những đêm thiếu ngủ *”gió vào xoa mắt đắng”*, ngủ trên chiếc *”võng mắc chông chênh”*, những bữa ăn tạm bợ *”Bếp Hoàng cầm ta dựng giữa trời”* trên đường đưa xe ra trận...

-> ”Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã khai thác chất liệu từ hiện thực của chiến tranh giúp người đọc hiểu được sự ác liệt của cuộc chiến tranh ái quốc vĩ

đại. Để từ đó chúng ta biết yêu thương, trân trọng hơn những người chiến sĩ đã hi sinh tuổi thanh xuân cho quê hương, đất nước.

***Luận điểm 2: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của PTD đã “mang được sự thật tâm tình của con người”:** Ngọn lửa chiến tranh đã tôi luyện, đã thể hiện chân thực và xúc động vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm đánh Mỹ gian khổ, ác liệt:

- Phong thái ung dung, tư thế hiên ngang, lòng dũng cảm, coi thường gian khổ, hiểm nguy: “*Ung dung buồng lái ta ngồi
... vào buồng lái*”.

+ Trên hành trình “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước” người chiến sĩ đã từng đi qua những nơi “bom giạt”, “bom rung”, giữa nơi chiến trường ngổn ngang cây đổ. Đối diện với muôn vàn thử thách thế nhưng người lính vẫn “ung dung” “vững vàng” nhìn thẳng vào hiện thực trước mắt đầy tự tin. Hai câu thơ đầu của khổ thơ ngắt nhịp 2/2/2 cân xứng, âm điệu chậm rãi, lời thơ nhẹ nhàng như nhịp bánh xe lăn, từ “ung dung” được đảo lên đầu câu thơ kết hợp điệp từ “nhìn” cho thấy tư thế bình tĩnh, tự tin, của người lính lái xe. Điệp ngữ “nhìn thẳng” diễn tả cái nhìn hướng về phía trước, nhìn thẳng vào gian khổ, hi sinh. Chính vì xe không kính nên người chiến sĩ mới có được cảm nhận rất riêng khi được gần gũi với thiên nhiên núi rừng: “Nhìn thấy gió.../ vào buồng lái...” Người chiến sĩ được nhìn ngắm không gian rộng lớn mở ra với bạt ngàn màu xanh của rừng hoà điệu cùng sắc xanh vời vời của bầu trời. Các anh nhìn thấy biết bao hình ảnh: gió, cánh chim, ánh sao đêm... Tất cả đã thu vào tầm mắt các anh... Các anh được ngắm sao trời, những cánh chim khi qua đoạn đường cua dốc mà tâm hồn vẫn hướng đến cuộc sống thanh bình, tự do như trong cảm nhận của Nguyễn Duy khi được nghe tiếng chim rừng sau trận B52 “*Vừa tiu nghỉu tiếng chim bom rung. Đã nghe nhõng nhảnh chim rừng tán nhau*”. Cuộc sống chiến đấu nơi tuyến lửa Trường Sơn đầy căng thẳng, đầy thử thách, song người lính vẫn bình thản, vững vàng, tin vào tay lái, quyết tâm đưa xe thẳng tiến về miền Nam. Lời thơ nhẹ nhõm, trôi chảy như những chiếc xe vun vút chạy trên đường. Thiên nhiên vạn vật dường như cùng bay theo ra chiến trường trở thành người bạn đường cùng người lính ra tiền phương. Phải có một tâm hồn đẹp, yêu cuộc sống thiết tha thì mới có được những cảm nhận chân thực thấm thía như thế.

- Những người lính không chỉ dũng cảm, can trường mà tâm hồn trẻ trung, sôi nổi, tinh nghịch đáng, luôn giữ vững niềm lạc quan phơi phới vượt lên hiện thực khốc liệt của chiến tranh:

+ Phải đối mặt với bao gian khổ trên đường đưa xe ra trận, nhưng họ vẫn không hề nao núng mà càng bình tĩnh, dũng cảm hơn

“*Không có kính ừ thì có bụi
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc*”
“*Không có kính ừ thì ướt áo
Chưa cần thay lái trăm cây số nữa.*”

Trên hành trình chi viện cho miền Nam ruột thịt, người lính đã từng đi qua những nơi “bụi mù trời mùa hanh” “nước trắng khe mùa lũ”. Trước thử thách những người lính không hề run sợ, mà càng vững vàng hơn.

Những câu thơ giản dị như lời nói thường, với giọng điệu thản nhiên, ngang tàng hóm hỉnh, cấu trúc: “không có...”; “ừ thì...”, “chưa cần” được lặp đi

lặp lại, các từ ngữ “phì phèo”, “cười ha ha”, “mau khô thôi”... làm nổi bật niềm vui, tiếng cười của người lính cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến đấu. Những câu thơ lặp cấu trúc tự nhiên, giàu tính khẩu ngữ càng làm nổi bật tính cách ngang tàng của những chàng lính trẻ hồn nhiên, yêu đời. Cấu trúc câu thơ cân đối, nhịp nhàng theo nhịp rung của những bánh xe lăn. Điệp từ “ừ thì”, “chưa cần”, hình ảnh “phì phèo châm điều thuốc”, giọng “cười ha ha” thể hiện sự lạc quan, chấp nhận khó khăn đầy chủ động với tinh thần trách nhiệm cao và bản lĩnh phi thường của người lính. Ý thơ rộng rãi, sôi động, câu thơ gần gũi với lời nói hàng ngày càng làm nổi bật lên tính cách ngang tàng của những người lính trẻ hồn nhiên, yêu đời. Đối với những người lính lái xe trên tuyến đg TS thì “*Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi*”, câu thơ có bảy tiếng mà có đến 6 thanh bằng gợi cảm giác nhẹ nhõm, ung dung, lạc quan, tâm hồn thư thái, thanh thản của một thế hệ trẻ “dàn hàng gánh đất nước trên vai” thời chống Mỹ.

Cái tài của Phạm Tiến Duật trong đoạn thơ này là cứ hai câu đầu nói về hiện thực nghiệt ngã phải chấp nhận thì hai câu sau nói lên tinh thần vượt lên để chiến thắng hoàn cảnh của người lính lái xe trong chiến tranh ác liệt. Xe không kính nên “bụi phun tóc trắng như người già” là lẽ đương nhiên, xe không có kính nên “ướt áo”, “mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời” là lẽ tất nhiên. Trước mọi khó khăn, nguy hiểm, các anh vẫn “cười” rồi chẳng cần bận tâm, lo lắng, các anh sẵn sàng chấp nhận thử thách, gian lao như thể đó là điều tất yếu. Các anh lấy cái bất biến của lòng dũng cảm, của thái độ hiên ngang để thắng lại cái vạn biến của chiến trường sinh tử gian khổ, ác liệt. Đọc những vần thơ này của PTD giúp ta hiểu được phần nào cuộc sống của người lính ngoài chiến trường những năm tháng đánh Mỹ. Đó là cuộc sống gian khổ trong bom đạn ác liệt nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan, niềm vui sôi nổi, yêu đời. Thật đáng yêu và đáng tự hào biết bao!

- Tình đồng chí, đồng đội gắn bó:

+ Bạn đọc không chỉ ấn tượng trước sự dũng cảm can trường của người lính mà còn xúc động trước tình đồng chí gắn bó keo sơn của họ. Trong gian khổ, tình đồng chí, đồng đội của người chiến sĩ lái xe được thể hiện thật vô tư, tình nghịch, chân thành:

Những chiếc xe từ trong bom rơi

.....

Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi

Sau mỗi hành trình qua những nơi bom đạn của cuộc chiến, những chiếc xe lại tụ họp về một nơi trong giây phút dừng chân ngắn ngủi tạo thành tiểu đội xe không kính – tiểu đội của những người lính lái xe quả cảm kiên cường mà hồn nhiên, tình nghịch. Họ gặp nhau từ nơi “hòn tên mũi đạn” nhưng cũng từ nơi này họ trở thành người thân ruột thịt, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, họ trở thành gia đình. Nếu như trong bài thơ “Đồng chí” cái nắm tay sưởi ấm tâm hồn người lính trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh thì cái “bắt tay” trong “BTVTĐXKK” lại thay lời động viên tiếp thêm sức mạnh là lời hứa hẹn lập công để người lính vững vàng trên mọi nẻo đường chiến đấu. Cái “bắt tay” thật đặc biệt “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”. Xe không kính lại trở thành điều kiện thuận lợi để các anh thể hiện tình cảm. Cái bắt tay thể hiện niềm tin, truyền cho

nhau sức mạnh, bù đắp tinh thần cho những thiếu thốn về vật chất mà họ phải chịu đựng. Có sự gặp gỡ với ý thơ của Chính Hữu trong bài thơ “Đồng chí” : “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” nhưng hồn nhiên hơn, trẻ trung hơn. Đó là quá trình trưởng thành của thơ ca, của quân đội Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

Nhận xét về thơ PTD, nhà thơ Vũ Quần Phương từng chia sẻ “ Chỗ đặc sắc trong thơ PTD là lấy cuộc sống để nói tình cảm. Lại sâu sắc tình cảm trong thơ ông phải tìm trong cuộc sống, không tìm trong chữ nghĩa”. Và tình cảm trong BTVTĐXKK được bộc lộ ngay trong bữa cơm vội vã nơi chiến trường:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi lại đi trời xanh thêm.*

+ Tình đồng chí, đồng đội còn được thể hiện một cách âm áp, giản dị qua những giờ phút sinh hoạt của họ. Gắn bó trong chiến đấu, họ càng gắn bó trong đời thường. Sau những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm vội vã, những người lính lái xe đã xích lại thành gia đình: “Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”. Cách định nghĩa về gia đình thật lính, thật tếu hóm mà thật chân tình sâu sắc. Đó là gia đình lớn của những người lính cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu.

Tình đồng chí, đồng đội của họ được hình thành một cách tự nhiên, giản dị, mộc mạc mà âm áp. Vất vả, hiểm nguy nhưng phút nghỉ ngơi của họ lại vô cùng giản dị: “*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời/ Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*”. Họ trò chuyện, ăn uống, nghỉ ngơi, nhường nhịn nhau như người ruột thịt. Tình cảm bình dị, âm áp ấy đã tạo nên sức mạnh, nâng bước chân người lính tiếp tục lên đường: “*Võng mắc chông chênh đường xe chạy/ Lại đi lại đi trời xanh thêm*”. Nhịp điệu câu thơ vừa sôi nổi, vừa nhịp nhàng, điệp ngữ “lại đi” gợi tả nhịp sống chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính : không một sức mạnh đạn bom nào có thể ngăn cản nổi. Rồi đoàn xe “lại đi, lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” tạo âm hưởng thanh thản, nhẹ nhàng. Câu thơ trong vắt như tâm hồn người chiến sĩ, chứa chan hi vọng, lạc quan dạt dào, như khát vọng, tình yêu họ gửi lại cho cuộc đời thể hiện niềm lạc quan, tin tưởng của người lính về sự tất thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

=> Chính tình đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thân yêu. Sức mạnh của người lính thời đại Hồ Chí Minh là vẻ đẹp kết hợp truyền thống và hiện đại. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi” (Tố Hữu).

- **Họ là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước, ý chí chiến đấu vì giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.** Ta nghe đâu đây lời bài hát vang vang: Đoàn giải phóng quân một lần ra đi/ Nào có xá chi đâu ngày trở về/ Ra đi, ra đi bảo toàn sông núi/ ra đi ra đi thà chết không lui..” Đó là động lực mạnh mẽ và sâu xa làm nên sức mạnh phi thường vượt lên sự tàn phá của chiến tranh chính là ý chí chiến đấu vì miền nam, là tình yêu nước nồng nàn của tuổi trẻ. Lòng yêu nước là sức mạnh thôi thúc tinh thần, ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam của người

chiến sĩ lái xe: “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước/ Chỉ cần trong xe có một trái tim”. Nhà thơ đã làm nổi bật được chân lí của thời đại : bom đạn, chiến tranh có thể làm méo mó những chiếc xe, huỷ hoại những giá trị vật chất nhưng không thể bẻ gãy được những giá trị tinh thần cao đẹp...

+ “Trái tim” là hình ảnh hoán dụ chỉ tình yêu nước của người chiến sĩ lái xe. Hình ảnh này kết hợp với kết cấu “vẫn - chỉ cần” đã lí giải sức mạnh vượt lên gian khổ của người lính. Trái tim của họ đau xót trước cảnh nhân dân miền Nam sống trong khói bom thuốc súng, đất nước bị chia cắt thành hai miền. Trái tim ấy dào dạt tình yêu Tổ quốc như máu thịt, như mẹ cha, như vợ như chồng... Trái tim ấy luôn luôn sục sôi căm thù giặc Mỹ bạo tàn. Trái tim ấm nóng hừng hực khát vọng tự do, giải phóng miền Nam. Tình yêu đất nước đã biến thành máu thịt, người lính sẵn sàng hiến dâng cuộc đời cho độc lập tự do của Tổ quốc. Quyết tâm chiến đấu và chí khí anh hùng của người lính không có đạn bom nào có thể lay chuyển được.

+ Vẫn là cách nói thản nhiên, ngang tàng của lính nhưng ở hai câu thơ cuối lại lắng sâu một tinh thần trách nhiệm và có ý nghĩa như một lời thề thiêng liêng. Giờ đây những chiếc xe không kính đã đặc biệt, càng đặc biệt hơn là không đèn, không mui, thùng xe có xước. Chiếc xe đã biến dạng hoàn toàn. Người lính xé lại chất chồng khó khăn. Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước. Cho dù xe không kính, không đèn, không mui thì người lính vẫn còn một trái tim yêu nước, niềm khát khao giải phóng miền Nam,... Điều gì khiến những chiếc xe bị biến dạng ấy vẫn băng băng chạy như vũ bão ? Nhà thơ đã lí giải thật nhẹ nhàng “Chỉ cần trong xe có một trái tim”. Câu thơ dồn dập cứng cáp hẳn lên như nhịp chạy của những chiếc xe không kính. Từ hàng loạt những cái “không ” ở trên, nhà thơ khẳng định một cái “có”, đó là “một trái tim”. Trái tim yêu thương, ấm nóng, tái tim biết căm thù cái xấu, cái ác. Trái tim yêu nước chính là động lực thôi thúc những người chiến sĩ lái xe khát khao giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Để ước mơ này trở thành hiện thực, chỉ có một cách duy nhất: vững vàng tay lái, cầm chắc vô lăng. Vì thế thử thách ngày càng tăng nhưng tốc độ và hướng đi không hề thay đổi.

=> Có thể coi câu thơ cuối là câu thơ hay nhất của bài thơ. Nó là nhân tự, là con mắt thơ, bật sáng chủ đề, tỏa sáng vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe thời chống Mỹ - Những con người hướng về chân lí thời đại: sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là vũ khí tối tân mà là con người giàu ý chí, anh hùng, lạc quan, quyết thắng. Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của PTD đã thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người lính với thái độ, tư thế, tình cảm, khí phách mới, mang tính hiện đại. Họ là hiện thân cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng của tuổi trẻ Việt Nam thời đánh Mỹ. Điều đó đã đem lại sức sống lâu bền cho tác phẩm.

*** Luận điểm 3: Trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của PTD, sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài và sự thật tâm tình của con người được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật đặc sắc:**

- Bài thơ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thể thơ tám chữ và bảy chữ, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói, tự nhiên, sinh động.

- Tác giả đã khéo léo khai thác chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh, đưa vào thơ những hình ảnh, chi tiết rất thực, làm giàu thêm cho chất liệu thơ ca. Đó là hình ảnh những chiếc xe không kính vì bom đạn của kẻ thù, là cảm giác, ấn tượng rất thật của người lính lái xe trên những chiếc xe không kính, không đèn, không mui và có xước.

- Nhà thơ cũng đã sáng tạo được hai hình ảnh sóng đôi độc đáo: những chiếc xe không kính và những chiến sĩ lái xe Trường sơn vừa chân thực, vừa sinh động, vừa mang ý nghĩa khái quát.

- Đặc biệt chúng ta bắt gặp trong bài giọng điệu ngang tàng phù hợp với những người lính vốn xuất thân từ tầng lớp trí thức trẻ. Ngôn ngữ giản dị, giàu tính khẩu ngữ, ngang tàng, khỏe khoắn.

3) Liên hệ bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh”: Bài thơ thể hiện được hiện thực khó khăn vất vả của đời sống cách mạng và vẻ đẹp tâm hồn của Bác.

- Sau hơn ba mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước, Bác trở lại Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước. Người sống và làm việc ở trong một cái hang nhỏ ở Pác Bó. Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khơi gợi cảm xúc để Bác viết nên bài thơ này.

- “Sáng ra bờ suối tối vào hang”, câu thơ cho biết không gian sống của Bác là núi rừng hoang sơ, dân dã: suối, hang. Là một người lãnh đạo quan trọng của cách mạng Việt Nam nhưng vì để giữ bí mật nên Bác đã sẵn sàng sống và làm việc trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn. Câu thơ có sự đối xứng nhịp nhàng: “Sáng”- “tối”, “suối-hang”, “ra-vào”. Không gian và thời gian khép nhả những gian khổ trong điều kiện ở của Bác. Không những thế, điều kiện ăn uống của Bác cũng rất đạm bạc: “Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”. Món “cháo bẹ”, “rau măng” là thức ăn của đồng bào dân tộc giờ đây trở thành món ăn thường ngày trong bữa cơm của Bác. Dù thiếu thốn, gian khổ nhưng Bác “vẫn sẵn sàng” cho công việc cách mạng.

- Điều kiện làm việc của Bác cũng không tránh khỏi những thiếu thốn với “bàn đá chông chênh”. Từ láy “chông chênh” chỉ sự bấp bênh, không vững chãi gợi sự gian khổ của điều kiện làm việc vừa gợi tình thế gian nan của sự nghiệp cách mạng nước nhà. Vượt lên gian khổ, Bác vẫn “dịch sử Đảng” làm tài liệu cho cách mạng Việt Nam.

- “Cuộc đời cách mạng” chính là cuộc sống với cái ăn, ở và làm việc được nói trong ba câu đầu. Chữ “sang” mang ý nghĩa là sang trọng, đầy đủ. Chữ “sang” làm nổi bật lên tiếng cười vui vẻ, niềm lạc quan của Bác. Và cũng chính điều này đã giúp Bác cùng những người đồng chí vượt qua bao chông gai của cuộc đời cách mạng.

→ Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” không chỉ cho chúng ta cảm nhận được những khó khăn, gian khổ mà Bác và các đồng chí phải trải qua mà còn làm nổi bật chân dung của Bác- một chiến sĩ cách mạng với phong thái ung dung, hiên ngang, chủ động, lạc quan và luôn yêu cuộc sống. “Tức cảnh Pác Bó” sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt song ngôn ngữ giản dị, gần gũi. Cách lựa chọn trật tự từ và sử dụng từ ngữ... cũng rất tinh tế. Điều đó đã góp phần không nhỏ trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

4) Điểm tương đồng và sự khác biệt:

*** Điểm tương đồng:**

Ở hai bài thơ, chúng ta đều bắt gặp hình ảnh người chiến sĩ cách mạng làm việc trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, vất vả. Nhưng vượt lên tất cả, ở họ đều toát lên tình yêu đất nước tha thiết. Họ sẵn sàng hoàn thành công việc của mình với tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tâm hồn hòa hợp cùng thiên nhiên.

*** Điểm khác biệt:**

- Hai bài thơ ra đời trong hoàn cảnh khác nhau:

+ Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” được sáng tác tháng 2 năm 1941, khi Bác trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

+ Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” sáng tác vào năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra vô cùng cam go, ác liệt.

- Nội dung:

+ “Tức cảnh Pác Bó”: hắc họa cuộc sống sinh hoạt của Bác ở núi rừng Pác Bó và tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự tại của người chiến sĩ cách mạng.

+ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”: khắc họa hình ảnh “chiếc xe không kính” để từ đó làm nổi bật hình tượng những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn với tư thế hiên ngang, lòng dũng cảm, tinh thần lạc quan, có tình đồng đội và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.

- Thể thơ:

+ “Tức cảnh Pác Bó”: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt với 4 câu 28 chữ, ngắn gọn, súc tích, gieo vần ở chữ cuối câu 1, 2 và 4.

+ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”: Thể thơ tự do, có câu dài câu ngắn, gieo vần tiếng cuối của mỗi dòng thơ.

5) Đánh giá, mở rộng:

- Ý kiến: *“Tác phẩm nghệ thuật đạt tới cái đẹp theo nghĩa: mang được sự thật sâu xa của đời sống bên ngoài, đồng thời mang được sự thật tâm tình của con người”* hoàn toàn đúng đắn. Bởi lẽ văn chương bao giờ cũng xuất phát từ hiện thực cuộc sống, là ”cái nhụy của cuộc sống” chứa đựng những vẻ đẹp của con người và thời đại từ đó mà phản ánh cái tâm tình của đời sống bên trong nội tâm con người. Thơ ca chính là địa hạt của cái đẹp nên “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của PTD và “Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh đã đạt tới cái đẹp khi có khả năng làm rung động lòng người trước hiện thực cuộc sống cũng như tâm tình của con người được phản ánh trong tác phẩm.

- Ý kiến của giáo sư Lê Đình Kỵ đã nêu lên tiêu chí đánh giá một tác phẩm đạt tới cái đẹp, có ý nghĩa to lớn trong việc định hướng sáng tác cho người nghệ sĩ: tác phẩm nghệ thuật cần đạt tới cái đẹp; đồng thời định hướng cho người tiếp nhận: cảm và hiểu được cái đẹp của tác phẩm nghệ thuật.

Bài tham khảo:

1. Sức hấp dẫn của cách nói "Không có..." trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính...

- "Thơ chỉ chảy tràn trong tim ta khi cuộc sống đã thực đầy". Đó là quy luật của quá trình sáng tạo nghệ thuật được nhà thơ Tố Hữu đúc rút bằng chính những trải nghiệm của một đời thơ lớn. Điều đó cũng thật đúng với Phạm Tiến Duật - người được mệnh danh là "hiệp sĩ Trường Sơn". Chính những năm tháng "xếp bút nghiên theo việc đao cung" vào tuyến đường Trường Sơn tham gia cùng

binh đoàn vận tải đã giúp Phạm Tiến Duật viết nên những vần thơ thật đẹp về đề tài chiến tranh và người lính. Trải nghiệm với cuộc sống, thơ đã chảy tràn trong trái tim người thi sĩ ấy để “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” ra đời, neo đậu trong lòng người đọc một ấn tượng khó quên. Làm nên thành công ấy không chỉ ở mặt nội dung mà còn phải kể tới nhiều nghệ thuật đặc sắc. Phạm Tiến Duật đã đưa vào thơ một hình ảnh không thơ chút nào, hình ảnh những chiếc xe vận tải chân thực đến mức trần trụi song hành cùng điệp từ "không có" cứ vẩn vơ trong trái tim mỗi người.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính được viết năm 1969, trích trong tập thơ “Vàng trắng và những quãng lửa” là tác phẩm đầu tay và cũng là tập thơ giá trị nhất trong đời thơ Phạm Tiến Duật. Bài thơ đã có một tứ thơ độc đáo. Tứ thơ ấy được xây dựng dựa trên cơ sở sự tương phản đối lập giữa cái không và cái có của những chiếc xe không kính, gợi lên nhiều liên tưởng thú vị, nội hàm ý nghĩa sâu xa.

Trước tiên từ cách nói "không có", nhà thơ Phạm Tiến Duật đã xây dựng một hình tượng thơ lạ: hình tượng những chiếc xe không kính. Qua đó phản ánh hiện thực khốc liệt của chiến tranh. Từ xưa đến nay, hình ảnh xe cộ đi vào trong thơ ca thường được mỹ lệ hóa, lãng mạn hóa, mang ý nghĩa biểu tượng nhiều hơn tả thực:

Ôi chiếc xe vận tải
Ta cầm lái đi đây
Nặng biết bao ơn ngãi
Quý hơn bao vàng đầy

Với Phạm Tiến Duật nhà thơ đã chọn cho mình một lối đi riêng. Nếu như trong thơ của Tố Hữu, hình ảnh những chiếc xe vận tải là biểu tượng cho tấm lòng hậu phương miền Bắc gửi tới tiền tuyến miền Nam thì ở thơ Phạm Tiến Duật, những chiếc xe vận tải ấy được đặc tả bằng những chi tiết hiện thực xù xì đến thô ráp gây ấn tượng cho người đọc ngay từ lời giới thiệu:

Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

Chỉ với hai câu thơ ngắn ngủi mà phủ định từ "không" xuất hiện đến ba lần cùng với điệp ngữ "không có... không phải... không có". Phải chăng đây là cách tác giả lựa chọn để tạo ấn tượng cho những chiếc xe không kính? Chỉ với điệp ngữ "không" ấy thôi mà người đọc cảm nhận được cái thảm nhiên, ngang tàng trong ngữ điệu của hai dòng thơ này. Đi dọc tứ thơ tiểu đội xe không kính đến tận khổ cuối, cái "không" ngày càng gia tăng để hiện lên trong thơ của Phạm Tiến Duật hình ảnh những chiếc xe tồi tàn, xơ xác, trần trụi:

Không có kính rồi xe không có đèn
Không có mui xe thùng xe có xước

Chính bom đạn tàn khốc, ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn đã hủy hoại những chiếc xe thành biến dạng, méo mó. Những chiếc xe không kính đã trở thành chứng tích của bom đạn, của tội ác quân thù.

Những chiếc xe không kính không chỉ là chứng tích cho sự ác liệt của chiến tranh mà nó còn là minh chứng hào hùng, vẻ vang của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước. Vậy nên nói về rất nhiều những cái "không". Phạm Tiến Duật nhằm để tôn nổi hơn những cái

"có" trong vẻ đẹp tâm hồn những người lính. cho dù khó khăn, cho dù thiếu thốn, các anh luôn giữ được một tâm thế ung dung, bình thản, coi thường gian khổ:

Không có kính ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lăm cười ha ha
Không có kính ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi.

Tinh thần lạc quan, dũng cảm vượt qua gian khó ấy được thể hiện rõ nét qua hai câu thơ mang ngữ điệu khẳng định: "Không có - ừ thì". Ở đây nghệ thuật đối lập tương phản được sử dụng rõ nét, gian khổ càng lớn, tinh thần càng cao. Xe không có kính bảo vệ là tăng thêm bội phần nguy hiểm. Những người lính vẫn nắm vững vô lăng, đưa xe lao nhanh ra tiền tuyến, vượt qua đèo dốc, mưa rừng. Mỗi một thời tiết, mỗi một vòng bánh xe lăn là một gian lao, hiểm nguy. Vậy mà, người lính luôn tìm thấy trong khó khăn, gian khổ những nét đẹp để cuộc sống chiến trường thêm phần thú vị. Ngang tàng làm sao, ngạo nghễ làm sao cái hành động phì phèo châm điếu thuốc. Tếu táo làm sao, lạc quan làm sao cái điệu cười ha ha đầy sáng khoái. Thơ Phạm Tiến Duật là thế, cứ rạo rức một niềm vui ra trận:

Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Tuyến đường Trường Sơn, tuyến lửa Trường Sơn đã trở thành nơi thử sức của cả một thế hệ tuổi trẻ Việt Nam căng tràn nhựa sống.
Chính những cái "không có", chính những khó khăn, hiểm nguy cũng tạo ra nơi tâm hồn người lính sự lãng mạn, mộng mơ. Thật thú vị khi từ những chiếc xe không kính lại phát hiện được, hòa nhập được với vẻ đẹp thiên nhiên đầy chất thơ của núi rừng Trường Sơn:

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái
Qua khung cửa của những chiếc xe không kính, các anh cảm nhận được khoảng cách giữa bầu trời và mặt đất như gần lại. Dường như cả sao trời và cánh chim đều hòa làm một, ùa vào buồng lái của người chiến sĩ. Có lẽ cả thiên nhiên vạn vật: gió, sao trời, cánh chim đều theo người lính ra trận. Điều đó thể hiện rõ một tâm hồn trẻ trung, tươi vui nơi những chàng lính xé. Vượt lên mọi gian khổ, vượt lên những cái "không có" còn là tinh đồng chí, đồng đội cao đẹp, thiêng liêng mà xúc động. Chính khung cửa kính vỡ rồi lại là nơi gặp mặt, nơi hội ngộ của gia đình tiểu đội xe không kính với những cái bắt tay vội vàng mà ấm áp tình đồng đội:

Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi
Và trên mọi cái không, trên những điều đối lập tương phản đã hiện rõ một cái có: một trái tim yêu nước, một ý chí quyết chiến, quyết thắng của những người lính trẻ:

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim

Vẫn là cấu trúc thơ đối lập tương phản giữa cái không và cái có, giữa vẻ bề ngoài và giá trị bên trong mỗi chiếc xe. Câu thơ mang ngữ điệu khẳng định, nhấn mạnh: "chỉ cần có một trái tim". Hình ảnh trái tim cầm lái – nghệ thuật hoán dụ đầy ý nghĩa. Trái tim yêu nước, trái tim cháy bỏng, khát khao giành được độc lập, thống nhất nước nhà. Có được một trái tim như thế thì những khó khăn gian khổ, những điều "không có" kia nào hề gì đâu. Phải chăng đó là sức mạnh được tạo nên từ tinh thần, từ ý chí, nghị lực của những người lính, từ chính những cái "không có", thiếu thốn kia.

Ai đó đọc thơ Phạm Tiến Duật đã khẳng định: "Thơ ông độc đáo trong tứ thơ, say mê trong tình cảm". Bài thơ về tiểu đội xe không kính quả thật là một tứ thơ độc đáo vì cách nói "không" chính là nghệ thuật đòn bẩy làm đậm nét hơn những cái có. Tứ thơ độc đáo bởi vì nghệ thuật đối lập tương phản, tất cả những cái "không có" chỉ là bức phong nền làm tôn nổi, ngời sáng vẻ đẹp nơi tâm hồn người lính. Cách nói "không có" cũng đã tạo nên một giọng điệu hào hùng, kiêu bạc, hóm hỉnh, tếu táo rất lính – nét đặc sắc trong thơ Phạm Tiến Duật thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Vậy là người "hiệp sĩ Trường Sơn" đã vĩnh biệt chúng ta trở về với cõi vĩnh hằng. Song trong trái tim mỗi bạn đọc yêu thơ ông thì Gửi em cô thanh niên xung phong, Trường Sơn Đông – Trường Sơn Tây hay Bài thơ về tiểu đội xe không kính sẽ mãi mãi được khắc ghi vì đó là những bài ca không quên, bài ca đi cùng năm tháng.

2. Chất thơ, chất lính trong bài thơ về tiểu đội xe không kính

Phạm Tiến Duật tâm sự : “Thời tuổi trẻ tính tình sôi nổi, bông bột, thích tìm tòi, thể hiện cái mới, thậm chí thích nói ngược lại những cách nói thông thường”. Cá tính ấy thể hiện rất rõ trong thơ ông đặc biệt là “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*”.

Ngay câu đầu tiên, đọc lên đã thấy trúc trắc, ngang ngang, không có vẻ là một câu thơ:

Không có kính không phải vì xe không có kính.

Chỉ trong một câu thơ mà có đến ba chữ *không*, mà còn lặp đi lặp lại: *không có kính, không có kính...* chỉ để nói về cái "*sự bất thường*": xe không có kính. Thế nhưng đây là điểm nhấn của bài thơ này. Các câu thơ nổi tiếng, được bạn đọc nhớ đến nhiều nhất đều có tính "phá cách" như vậy. Trong câu thơ của Phạm Tiến Duật, sự "phá cách" không chỉ thể hiện ở cách lặp lại các từ ngữ một cách đầy chủ ý mà còn ở giọng điệu đùa vui, ở cách đề cập đến những sự việc tưởng như "không có gì".

Trong văn học, những vật dụng cũng như các chi tiết của đời sống sinh hoạt hàng ngày ít khi được quan tâm. Trong bài "Tràng giang", Huy Cận có sử dụng chi tiết "củi một cành khô" cũng rất lạ nhưng chủ yếu mang tính ẩn dụ, thể hiện trạng thái trôi nổi, vô định. Trái lại, những chi tiết về đời sống hàng ngày như vậy có thể thấy rất nhiều trong thơ kháng chiến, đặc biệt là trong thơ của các tác giả trẻ thời chống Mỹ như Phạm Tiến Duật, Thanh Thảo, Nguyễn Duy... Không chỉ đưa vào thơ những chi tiết, hình ảnh của đời sống mà ngay cả ngôn ngữ thơ cũng được đổi mới triệt để nhằm có thể truyền tải những chi tiết

về đời sống hàng ngày của những người lính một cách chân thực nhất. Những từ đệm, từ tình thái... được đưa vào thơ ngày càng nhiều ("*không có kính, ừ thì có bụi*". "*không có kính, ừ thì ướt áo*") đã mang đến cho thơ chống Mĩ những sắc thái vừa quen thuộc vừa lạ lẫm, gần gũi hơn mà cũng hấp dẫn hơn với đa số bạn đọc. Cũng từ những chi tiết đầy chất sống, từ kiểu ngôn ngữ thơ đậm chất đời thường, chất văn xuôi đó, hiện thực cuộc sống chiến trường khốc liệt (bom giạt, bom rung, khói, bụi...) đã được tái hiện khá rõ nét, giúp người đọc có những hình dung tương đối cụ thể về những năm tháng hào hùng và bi thương trong lịch sử dân tộc, cảm nhận được những mất mát, hi sinh, hiểu được rằng để có được những ngày hạnh phúc như hôm nay, thế hệ cha anh đã phải hi sinh xương máu như thế nào.

Nhưng vượt lên tất cả hiện thực khốc liệt đó vẫn là thế giới tâm hồn của những người lính. Những chàng trai trẻ vừa rời ghế nhà trường, tâm hồn đầy ấp những ước mơ và khát vọng công hiến. Ở đây, cần phải nói đến tính cách trượng nghĩa, tính thần xả thân vì nước như một tính cách dân tộc đã được kết tinh qua bao nhiêu thế kỉ dựng nước và giữ nước. Truyền thống tốt đẹp đó cùng lí tưởng thời đại đã làm nên nét đẹp của cả một thế hệ: vượt lên mọi hiểm nguy, sẵn sàng đối mặt với hi sinh gian khổ, sống và chiến đấu bằng tinh thần lạc quan, luôn hướng về phía trước. Cuộc sống nơi chiến trường gian khổ, hàng ngày, hàng giờ phải chứng kiến những mất mát, đau thương, phải trải qua những khó khăn chồng chất nhưng những con người can đảm, giàu nghị lực luôn nhìn thấy khía cạnh lạc quan của vấn đề, lấy đó làm niềm tựa để sống và chiến đấu. Nhiều người gọi đó là chất lính - là cái nhìn lạc quan, tinh thần quả cảm - hành trang chủ yếu mà thế hệ trẻ thời chống Mĩ đã mang trên mình trong cuộc trường chinh vạn dặm.

Những chiếc cửa kính để bảo vệ người lái khỏi mưa, gió, bụi đường... Thông thường, khi cửa kính xe bị vỡ sẽ gây bao phiền toái: khói bụi vào mắt, mưa gió, cành cây... Tuy nhiên, với những người lính điều đỏ chưa hẳn đã là bất lợi. Ngược lại không có kính hoá ra lại hay:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ứa vào buồng lái.

Quả là một cách nhìn hết sức lãng mạn - sự lãng mạn của tuổi trẻ, của những con người luôn biết cách chế ngự, vượt lên trên hoàn cảnh. Không phải khói bụi, không phải gió táp mưa sa mà là ngọn gió lành xoa vào "*mắt đắng*", con đường thì "*chạy thẳng vào tim*", người lái giao hòa với thiên nhiên mà không còn bị cửa kính ngăn trở như mọi khi. Bụi thì có sao đâu, dù "*bụi phun tóc trắng như người già*", áo ướt rồi sẽ khô thôi, tiếng cười sảng khoái và cái bắt tay qua cửa kính mới thật là điều đáng nói. Khoảng cách giữa con người với thiên nhiên, con người với con người dường như được thu ngắn lại. Nếu cửa kính không vỡ, e rằng khó có thể dễ dàng như thế. Cái nhìn hài hước - vốn chỉ có ở những tâm hồn yêu đời đã khiến cho nỗi gian khổ vơi đi rất nhiều.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Những câu thơ âm tính đồng đội, những sinh hoạt thường ngày được miêu tả trong khung cảnh yên bình, tựa như không phải trong thời chiến tranh. Có người đã phê phán thơ kháng chiến thiếu tinh chân thực, thiên về ngợi ca nhưng nếu đọc những câu thơ này, cần phải lí giải vấn đề từ một khía cạnh khác. Tình cảm, cảm xúc trong bài thơ này được miêu tả rất chân thực, tự nhiên. Không phải những người lính đang cố quên đi gian khổ mà chính bản lĩnh, ý chí can trường cùng với tâm hồn lãng mạn kết hợp với tinh thần quyết tử xả thân vì nước đã giúp người lính vượt lên trên những gian khổ hàng ngày. Tinh thần xả thân vì nước ấy vốn đã có từ thời vua Hùng dựng nước, trải qua thời Bà Trưng, Bà Triệu, thời Đinh, Lí, Trần được phát huy triệt để qua mỗi cuộc đấu tranh giữ nước: nghĩa quân Lam Sơn khiến quân Minh "về đến nước mà vẫn tìm đập chân run", đoàn quân của Quang Trung khiến quân Thanh "không còn mảnh giáp", các nghĩa sĩ Cần Giuộc tuy không giành được thắng lợi nhưng vẫn làm cho "mã tà, ma ní hồn kinh"... Sức mạnh của những người lính trong thời đại Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa sức mạnh truyền thống với lí tưởng thời đại. Họ chính là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong thời đại mới, là một trong những hình tượng đẹp nhất của thế kỉ:

Như Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi

Một dây ná, một cây chông cũng tiến công giặc Mĩ...

(Tố Hữu - Bài ca Xuân 68)

Vốn bản tính khiêm nhường, những người lính không thích nói về chiến công, cũng không nói về những khó khăn, gian khổ Họ chỉ nói về công việc hàng ngày - một công việc nguy hiểm bậc nhất nhưng lại được kể bình thường như biết bao công việc bình thường khác. Câu thơ: "*Lại đi, lại đi trời xanh thêm*" trong vắt như tâm hồn người lính, như khát vọng và niềm tin mà họ đã mang theo trên đường ra trận. Và đây mới là điều quan trọng nhất:

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

"Chỉ cần trong xe có một trái tim". Không có cách lí giải nào giản dị mà thiêng liêng hơn thế. Không có kính, không có đèn. không có mui xe...rất nhiều chữ "không" để đến một chữ "có". Chỉ cần có một trái tim yêu nước, quả cảm, mọi khó khăn, gian khổ sẽ ở lại phía sau.

Sau *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*, *Hoan hô anh hùng giải phóng quân* của Tố Hữu, *Dáng đứng Việt Nam* của Lê Anh Xuân... là bài thơ về tiểu đội xe **không kính** của Phạm Tiến Duật. Bài thơ đã nối tiếp khúc ca về những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

Giang Khắc Bình - Tạp chí văn học và tuổi trẻ 12- 2007

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (HUY CẬN)

Đề 1: “Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn con người”. (Nguyễn Đình Thi) Hãy làm sáng tỏ qua “ĐTĐC” liên hệ với “Ông đồ ” của VDL? (Giống đề Vật liệu mượn ở thực tại)

Giải thích:

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ và vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ (nghệ thuật) đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

– Văn nghệ “bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người”. Các tác phẩm văn học, nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực. Người nghệ sĩ lấy chất liệu sáng tác từ đời sống hàng ngày.

– Văn nghệ “*tạo được sự sống cho tâm hồn con người*”. Đồng thời làm “*mở rộng khả năng của tâm hồn*”. Văn học, nghệ thuật giúp đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú hơn. Nó làm giàu có thêm tâm hồn với những tình cảm vui – buồn, yêu thương – căm giận... “*Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn, tai mắt biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị, sống được nhiều hơn*”. Văn nghệ góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp thế giới tinh thần của người thưởng thức, tiếp nhận. “*Văn chương gây cho ta những tình cảm ta chưa có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*” (**Hoài Thanh**)

Cuộc sống bao giờ cũng là nguồn cảm hứng menh mông bất tận của những tâm hồn nghệ sĩ. Nếu không bén rễ vào cuộc đời, không hút nguồn nhựa sống dạt dào ngầm chảy trong lòng cuộc sống thì nó sẽ mãi mãi là một cây non èo uột, thiếu sức sống, không thể có những phiến lá xanh tươi phơi phới dưới ánh nắng mặt trời. Là người nghệ sĩ, ngòi bút của anh phải chắm vào nghiên mực cuộc đời thì tp của anh mới tươi màu, neo chặt trong bến tâm hồn người thưởng thức.

Văn chương là nghệ thuật của ngôn từ là một loại hình nghệ thuật đặc thù của con người.. Từ khi con người biết dùng ngôn ngữ để miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống tình cảm thì văn chương xuất hiện. Không ở đâu khác, nó hiện hình ngay trong đời sống, xuất phát từ nhu cầu trình bày, thể hiện và thưởng thức của con người.

Văn chương tạo được sự sống cho tâm hồn con người. Đọc một tác phẩm hay, ta không khỏi rung động và mừng rỡ về những gì được biểu đạt trong đó. Người đọc có thể khóc, cười, khổ đau hay hạnh phúc cùng nhân vật. Người đọc thấy thật hạnh phúc khi nhân vật tốt đẹp có được hạnh phúc sau khi trải qua nhiều bi kịch, nhiều khổ đau. Người đọc cũng thấy thật hả hê khi kẻ xấu, kẻ ác bị trừng trị thích đáng. Thấy thỏa mãn khi công lí được bảo vệ, điều chân thiện được gìn giữ.

Nghệ thuật lại có thể mở rộng khả năng của tâm hồn. Nghệ thuật làm cho con người vui buồn nhiều hơn, yêu thương và căm hờn được nhiều hơn. Nó làm cho tai mắt ta biết nhìn, biết nghe thêm tế nhị. Nó giúp ta sống được nhiều hơn. Từ một điểm nhìn hạn hẹp, thông qua nghệ thuật, con người không ngừng mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh. Nó giúp ta vượt không gian, thời gian, chạm đến những thế giới xa xôi nhất trong vũ trụ và cả trong thế giới mờ ảo của nội tâm con người.

Chứng minh: LD 1: *Đoàn thuyền đánh cá* đã bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người. (thực tại đời sống)

LD 2: “Bắt rễ ở cuộc đời” ĐTĐC đã tạo được sự sống cho tâm hồn con người, thể hiện ở tư tưởng, quan điểm của nhà thơ về cuộc sống

Đó là cảm hứng mới về thiên nhiên, đất nước, cái nhìn mới mẻ đối với công việc lao động và người lao động trong công cuộc xây dựng đất nước.

* Liên hệ với “Quê hương” của Tế Hanh chỉ ra “Quê hương” bắt rễ ở đời sống hàng ngày và tạo được sự sống cho tâm hồn con người, thể hiện tư tưởng, quan điểm của nhà thơ.

Bài tham khảo: Phân tích bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận?

Có nhận định cho rằng “ *Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người viết phải có phong cách nổi bật tức là phải có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình*”. Thật vậy, một tác phẩm phải là một nét mới in đậm dấu ấn cá nhân của người nghệ sĩ thì mới là tác phẩm chân chính đích thực. Bài thơ “ *Đoàn thuyền đánh cá*” là một tác phẩm thể hiện rõ những khám phá sáng tạo mới mẻ của Huy Cận.

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam - một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Bài thơ “ *Đoàn thuyền đánh cá*” được sáng tác năm 1958 khi miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bằng tâm hồn lãng mạn cùng với trí tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã làm nên “ *Đoàn thuyền đánh cá*” với những nét mới mẻ rất độc đáo.

Nét mới mẻ của bài thơ trước hết được thể hiện ở đề tài. Bài thơ nằm trong đề tài quen thuộc của văn học Việt Nam lúc bấy giờ. Viết về những người lao động mới trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nhưng tác phẩm lại không viết về những lao động trí thức nơi miền non cao như “ *Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long mà lại tập trung khắc họa những ngư dân đánh cá ngoài khơi xa.

Nét mới mẻ còn được thể hiện ở hồn thơ, ở nội dung tư tưởng tình cảm của tác phẩm. Bài thơ không còn là tiếng thơ ảo não mà ngập tràn niềm vui tươi, tin yêu của thi nhân trước con người, cuộc sống mới. Bài thơ là sự kết hợp hài hòa của hai nguồn cảm hứng: cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ rộng lớn và cảm hứng về con người lao động. Thiên nhiên vũ trụ không gợi cảm giác về sự rợn ngợp trước cảnh mênh mông vô tận tách biệt với con người mà rộng lớn, kì vĩ, khoáng đạt, gần gũi với con người. Đó là cảnh biển lúc hoàng hôn rực rỡ tráng lệ như một bức tranh sơn mài tuyệt đẹp.

*“ Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

Hình ảnh so sánh vừa độc đáo lại vừa gần gũi, mặt trời được ví như hòn lửa

khổng lồ đang từ từ lặn sâu xuống đáy biển. Bầu trời và mặt biển bao la như ngôi nhà vũ trụ trong khoảnh khắc bóng tối bao trùm những con sóng như những “ *chiếc then cài cửa*”. Biển cả vốn chứa đựng biết bao điều bí hiểm thế nhưng qua ngòi bút sáng tạo của Huy Cận, biển không còn xa lạ, không còn bí hiểm mà trở nên gần gũi thân thuộc khiến cho con người có cảm giác đi ra biển khơi mà giống như trở về ngôi nhà thân yêu của mình. “Cài” và “sập” là hai động từ mạnh diễn tả màn đêm buông xuống rất nhanh gợi ra khung cảnh kết thúc một ngày trong thơ Huy Cận thật là tráng lệ biết bao!

Đó là cảnh biển về đêm huyền ảo thơ mộng tràn ngập ánh sáng màu sắc:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng”

Đây là hình ảnh thơ đẹp, lãng mạn được tạo nên từ trí tưởng tượng phong phú của thi nhân. Thuyền ra khơi có gió làm lái, có trăng làm buồm. “Buồm trăng” là cánh buồm no gió, căng phồng, cong cong như vầng trăng khuyết trên bầu trời cao xanh hay thuyền đi vào khoảng sáng của trăng, ánh trăng thấm đẫm cột buồm giống như đi vào buồm trăng. Con thuyền nhờ buồm trăng và gió “lái” thênh thênh giữa mây cao biển lớn. Thuyền và người hòa nhập vào thiên nhiên lâng lâng trong cái thơ mộng của gió, trăng, trời, biển, khung cảnh thật thơ mộng hữu tình!

Đó là cảnh bình minh rực rỡ tươi sáng:

“Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”

Cảnh biển một ngày mới được mở rộng đến muôn dặm và tràn ngập ánh sáng. Hình ảnh nhân hóa “Mặt trời đội biển” mở ra một ngày mới tốt đẹp, ánh sáng của mặt trời không chỉ mang đến màu cho cảnh vật mà còn mang “màu mới” cho cuộc sống mà những người lao động đang từng ngày từng giờ cống hiến. “Mắt cá huy hoàng” được mặt trời mới mọc phản chiếu ánh sáng trở nên long lanh, lấp lánh niềm vui trong mắt người lao động.

Nếu như thiên nhiên trong bài thơ mang vẻ đẹp hùng vĩ tráng lệ, khoáng đạt...thì con người lao động cần cù, lạc quan, khỏe khoắn, tự tin, tràn đầy sức mạnh trong cuộc chạy đua với thiên nhiên. Họ là những người lạc quan, yêu đời, lao động hăng say, sôi nổi trong tư thế làm chủ:

“Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng

Cá thu biển Đông như đoàn thoi”

“Ta hát bài ca gọi cá vào”

“Câu hát căng buồm với gió khơi”

Trong công việc lao động mệt nhọc, những người lao động vẫn cất cao những lời ca tiếng hát. Tiếng hát ca ngợi sự giàu có của biển, mời gọi cá vào. Tiếng hát cùng với nhiệt huyết căng tràn khí thế sôi nổi của dân chài khi “Gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao”, khi “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”. Chạy đua với mặt trời là chạy đua với thời gian. Con người đang giữ lấy từng giây, từng phút, đang vượt lên trên cả thời gian để tạo của cải cho cuộc sống mới để xây dựng và cống hiến.

Chúng ta còn thấy được trong bài thơ xuất hiện hình ảnh con người khỏe khoắn, tự tin, lớn lao, kì vĩ, sánh ngang tầm vũ trụ:

“Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

Đoàn thuyền lướt đi trong đêm không phải bằng sức mạnh con người mà là sức mạnh của câu hát cùng với gió, trăng. Bởi vậy mà thuyền “lướt” thật nhẹ, thật êm. Con thuyền vốn nhỏ bé qua cảm hứng vũ trụ đã trở nên kì vĩ, không lồ, sánh ngang tầm vũ trụ. Và trên con thuyền ấy, con người hiện lên trong tư thế làm chủ, biển thu hẹp lại để con người “ra đậu dặm xa”, “dàn đan thế trận” và “dò bụng biển” để con người tìm tòi khám phá thế giới bí hiểm của thiên nhiên. Việc đánh bắt ấy như một trận chiến mà mỗi người lao động như một người chiến sĩ.

Con người hòa hợp với thiên nhiên, nhịp điệu vận hành của thiên nhiên vũ trụ song song với trình tự của công việc lao động, của đoàn thuyền đánh cá. Khi hoàng hôn buông xuống, đoàn thuyền bắt đầu ra khơi. Trăng lên cao, đoàn thuyền gõ thuyền đuổi cá vào lưới. Sao mờ, trời sắp sáng, đoàn thuyền kéo lưới. Mặt trời mọc, bình minh lên, đoàn thuyền thu xếp lưới trở về. Con người và thiên nhiên cùng một nhịp lao động. Con người cùng với gió biển thổi căng cánh buồm ra khơi đưa thuyền ra khơi, đưa thuyền về bến:

“ Câu hát căng buồm cùng gió khơi ”

Con người cùng gió trăng đẩy thuyền ra xa:

“ Thuyền ta lái gió với buồm trăng ”

Rồi con người lại cùng trăng gõ thuyền đuổi cá:

“ Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao ”

Trăng lên cao giữ nhịp cho con người gõ thuyền, in bóng dưới mặt nước theo làn sóng vỗ vào mạn thuyền giúp dân chài đuổi cá vào lưới.

Con người biết ơn gắn bó với biển cả:

“ Biển cho ta cá như lòng mẹ ”

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào ”

Xưa nay, người ta thường ví lòng mẹ như biển cả mênh mông vô bờ vô bến “ lòng mẹ bao la như biển Thái Bình”. Nhưng Huy Cận lại so sánh ngược lại, ví biển như lòng mẹ, nhà thơ đã nói lên tầm quan trọng của biển. Biển như tấm lòng bao dung, hào phóng của mẹ ban tặng cho con người biết bao thứ quý giá, cho đi mà không hề nhận lại. Biển đã nuôi lớn con người để mỗi ngư dân và biết bao thế hệ lớn lên cả về thể xác lẫn tinh thần. So sánh biển với mẹ, Huy Cận đã thay lời cho những ngư dân nói lên niềm tự hào và biết ơn chân thành với biển quê hương. Ân tình này một lần nữa nói lên sự hòa hợp tuyệt đẹp giữa con người với thiên nhiên.

Bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá ” còn thể hiện nét mới mẻ ở nghệ thuật. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn, cổ điển và hiện đại, giữa cảm hứng thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng con người lao động, Huy Cận đã xây dựng những hình ảnh thơ vừa thực vừa ảo về thiên nhiên, lao động và con người. Hiện thực được nối dài, chấp cánh bởi trí tưởng tượng bay bổng của thi nhân kết hợp với những hình ảnh so sánh “ Mặt trời xuống biển như hòn lửa ”..., nhân hóa “ Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe ”...độc đáo đã tái hiện sinh động bức tranh thiên nhiên, những hình ảnh ẩn dụ liên tưởng “ dàn đan thế trận lưới vây giăng ”...hiện lên tư thế hào hùng, sức mạnh lớn lao của những con người lao động mới. Cùng với bút pháp lãng mạn là thể thơ bảy chữ và điệu thơ như khúc hát, âm hưởng sôi nổi, hào hùng, lạc quan vui tươi khỏe khoắn; cách gieo vần linh hoạt; lời thơ đồng đặc với các thanh trắc tạo sức dội sức mạnh, thanh bằng tạo sự vang ngân xa dài; nhịp thơ khỏe khoắn gấp gáp như cái gấp gáp của tay chèo khua nước đẩy thuyền đi. Như vậy, bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá ” đã khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên trong sự hòa hợp với vẻ đẹp của con người lao động. Đây là tác phẩm thể hiện rõ nét mới mẻ sáng tạo từ nội dung đến nghệ thuật. Nét mới ấy đã tạo nên sức hấp dẫn, sức sống lâu bền cho tác phẩm, nói lên tài năng của Huy Cận cũng như phong cách sáng tác của ông.

“ Đoàn thuyền đánh cá ” mãi là bài ca tươi xanh, gieo vào lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai mờ. Nửa thế kỉ trôi qua, lớp bụi thời gian đã phủ mờ

trên những trang thơ nhưng bài thơ vẫn giữ nguyên giá trị đích thực của nó. Phần nào bài thơ cũng giúp ta hiểu được chân dung tinh thần mới của Huy Cận sau bao biến cố lịch sử trọng đại của đất nước, của dân tộc- một tác phẩm trữ tình cách mạng.

Đề 3

*Nhà thơ như con ong biển trăm hoa thành một mật
Một giọt mật thành, đòi vạn chuyển ong bay
Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc,
Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây”.*

(Tuyển tập Chế Lan Viên, Ong và mật, NXB Văn học, 1985)

Khổ thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ? Qua bài thơ **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận, liên hệ với bài thơ **Quê hương** của Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ điều đó?

1. Giải thích sơ lược ý kiến của Chế Lan Viên:

- Ý kiến của Chế Lan Viên bàn về **hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ**.
- Từ khi hình thành và phát triển, văn học luôn lấy đời sống xã hội và con người làm đối tượng phản ánh. Không một tác phẩm nào không được xây nên từ chất liệu hiện thực cuộc sống. Không một người nghệ sĩ nào không chắt chiu mật ngọt dâng đời.

+ “Ong” là nhà thơ; “hoa” là hiện thực đời sống; “giọt mật” là tác phẩm thơ ca.

+ Với so sánh trên, tác giả nêu lên hai vấn đề quan trọng của quá trình sáng tạo thơ nói riêng và văn học nói chung: Thơ là kết tinh của chủ thể sáng tạo và hiện thực cuộc sống. Nếu như để có mật ngọt, cần có sự lao động cần cù của ong và trăm ngàn bông hoa, thì để có được thơ cũng cần có tài năng của nhà thơ và hiện thực cuộc sống muôn màu, muôn vẻ.

Giống như con ong muốn làm mật ngọt, phải bay đi khắp bốn phương trời “Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn xoài xứ Bắc...” để hút mật trăm loài hoa, thì quá trình sáng tạo nên tác phẩm là một quá trình lâu dài gian khổ của người nghệ sĩ, là tiếng lòng, là tư tưởng tình cảm, là kết tinh của hiện thực cuộc sống thông qua tài năng sáng tạo của nhà thơ.

2. Chứng minh

*** Giới thiệu tác giả, tác phẩm**

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam - một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Ông nổi tiếng từ phong trào Thơ mới với tập thơ *Lửa thiêng*(1940). Trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông giàu chất triết lí, thấm thía bao nỗi buồn, tràn ngập cái sầu nhân thế. Sau Cách mạng, thơ Huy Cận dạt dào niềm vui, là bài ca vui về cuộc đời, là bài thơ yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống. Bằng tâm hồn lãng mạn cùng với trí tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã viết “ *Đoàn thuyền đánh cá*” với những nét mới mẻ, rất độc đáo.

Lđ1: “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là kết tinh của hiện thực cuộc sống thông qua tài năng sáng tạo của nhà thơ.

- Bài thơ sáng tác năm 1958, phản ánh công cuộc xây dựng đất nước diễn ra sôi nổi ở miền Bắc, vừa đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội, vừa trở thành hậu phương vững chắc cho chiến trường miền Nam, cả quân và dân miền Bắc đang

tràn đầy trong niềm vui lao động của những người lao động mới được làm chủ đất nước... Không khí lao động khẩn trương và say sưa ấy đã chấp cánh cho hồn thơ Huy Cận thăng hoa sau nhiều năm dài bế tắc. Chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh đã đem lại cho hơi thơ Huy Cận một làn gió mới, một nguồn sức sống mới. Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và con người lao động trong thơ Huy Cận trở nên kì vĩ lung linh hơn bao giờ hết.

Lđ2. “Đoàn thuyền đánh cá” là “Hành trình sáng tạo” của Huy Cận, là một khúc tráng ca ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên vũ trụ và con người trong hành trình ra khơi đánh cá.

- Nhà thơ đã khám phá ra cái đẹp của những con người đánh cá trên biển trong hành trình ra khơi trong khung cảnh hoàng hôn tráng lệ.

+ Cảnh mặt trời lặn xuống biển như hòn lửa đỏ rực, màn đêm là cánh cửa, sóng là then cài, vũ trụ chính là ngôi nhà chung khổng lồ đang chìm vào giấc ngủ... Cảnh hoàng hôn trên biển kì vĩ, tráng lệ.

+ Người dân chài ra khơi đánh cá trong niềm vui phơi phới của những con người được làm chủ: Khí thế hào hứng, câu hát căng buồm ra khơi, câu hát gọi cá vào lưới... (dẫn chứng)

=> Hành trình đoàn thuyền ra khơi vào lúc hoàng hôn buông xuống nhưng lại dạt dào niềm vui lao động.

- Nhà thơ đã khám phá ra vẻ đẹp của cảnh đánh cá trên biển đêm lung linh tuyệt đẹp.

+ Con thuyền: có gió làm lái, trăng làm buồm trở nên lớn lao kì vĩ, sánh ngang tầm thiên nhiên, chủ động khám phá thiên nhiên... (dẫn chứng)

+ Con người: Khám phá, chinh phục thiên nhiên trong tư thế của người làm chủ biển khơi, họ vừa lao động vừa cất cao tiếng hát ca ngợi biển, biết ơn biển. (dẫn chứng)

(So sánh với hình ảnh người lao động trong xã hội cũ: trông chờ vào thiên nhiên, vào các yếu tố khách quan, thiếu chủ động).

+ Biển: Đẹp lung linh (có ánh sao, trăng, có mây có gió... có ánh sáng của ngọn đèn câu trên biển, tạo nên khung cảnh đẹp lãng mạn, lung linh kì ảo)

Biển giàu: nhiều loài cá quý: nhụ, thu, chim, đế...vẻ đẹp của những chú cá tươi ngon lấp lánh vẩy sắc đen hồng...(dẫn chứng)

=> Nhà thơ đã phát hiện ra vẻ đẹp của khung cảnh lao động trên biển đêm có sự kết hợp hài hoà, tự nhiên giữa cái đẹp của thiên nhiên với vẻ đẹp của con người lao động tạo nên một bức tranh lao động khoẻ khoắn, tươi vui, dạt dào niềm vui no ấm.

3. Đánh giá, mở rộng:

- Khẳng định ý kiến của Chế Lan Viên là hoàn toàn đúng..

- Hai bài thơ, vừa có những nét tương đồng, vừa có những nét khác biệt: thông qua “hành trình sáng tạo” của người nghệ sĩ để gửi thông điệp đến người đọc người nghe về tình yêu quê hương và con người lao động qua những sáng tạo nghệ thuật độc đáo.

Qua đó, tác giả cũng muốn gửi **thông điệp** đến người đọc: Tác phẩm ra đời là nhờ nhà thơ tầm mình trong hiện thực cuộc sống muôn màu muôn vẻ; ngoài ra, tác phẩm thành công nhờ tài năng của người nghệ sĩ (Trong cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật...)

- Bài học cho người cầm bút về khả năng sáng tạo, bắt nguồn từ hiện thực đời sống, thông qua việc xây dựng hình ảnh, tình cảm, cảm xúc, tài năng nghệ thuật... để thể hiện tư tưởng tình cảm.
 - Đối với bạn đọc: hiểu sâu sắc hơn hiện thực được phản ánh trong tác phẩm đồng thời cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật, thông điệp mà người nghệ sĩ muốn nhắn nhủ qua tác phẩm
-

BẾP LỬA (BẰNG VIỆT)

Đề 1. Bàn về thơ, có ý kiến cho rằng: “Thơ là tình, nhưng không phải là những cảm xúc hời hợt, mà là lí trí đã chín muồi nhuần nhuyễn. Bài thơ hay bao giờ cũng gói ghém bên trong một chiều sâu suy nghĩ, chứa đựng ít nhiều chân lí tinh tế của cuộc đời”

(Phương Lưu, Khởi dòng lý thuyết lý luận phê bình trên đà đổi mới văn hóa văn nghệ, NXB Hội Nhà văn, 2014, tr.71)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “ Bếp lửa” của Bằng Việt, liên hệ với “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên để làm sáng tỏ “ *chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời*” trong thơ?

Gợi ý:

1.Giải thích sơ lược ý kiến của Phương Lưu.

a. Giải thích ý kiến:

Ý kiến trên bàn về vai trò của tình cảm, cảm xúc mãnh liệt và chiều sâu suy ngẫm, triết lí trong thơ.

- Thơ là tình: Thơ là tiếng nói của những tình cảm mãnh liệt, những rung động sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ.

- Lí trí chín muồi, nhuần nhuyễn, chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời: thơ còn chứa đựng nội dung tư tưởng sâu xa, kết tinh từ trí tuệ của nhà thơ nhằm thể hiện những chân lí, quy luật của cuộc đời.

=> Giá trị của một tác phẩm văn học trước hết là giá trị tư tưởng của nó, nhưng không phải là thứ tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy mà phải được rung lên bởi những cung bậc cảm xúc của người sáng tạo. “Tình” giúp bài thơ chạm đến trái tim độc giả, “chân lí tinh tế về cuộc đời” giúp làm giàu nhận thức cho độc giả, nâng tầm giá trị của tác phẩm. Một tác phẩm thật giá trị phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Đồng thời thơ bồi dưỡng những tình cảm cao đẹp, những tư tưởng lành mạnh, tiến bộ và bài học triết lí nhân sinh sâu sắc.

2. Chứng minh:

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

2.2. Chứng minh qua “Bếp lửa” của Bằng Việt.

Luận điểm 1: “*Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời*” trong “*Bếp lửa*” của Bằng Việt là dòng hồi tưởng của cháu về kỷ niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa từ đó khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình thân thương, trù mên.

- Với “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt đã dắt dẫn người đọc vào sâu trong mạch kể, mạch hồi tưởng của ông. Hồi ức đẹp một đi không trở lại của tuổi thơ được tái hiện không phải bằng một trí nhớ lan man, chắp vá. Trái lại, ở sâu trong tiềm thức của nhà thơ, hình ảnh “Bếp lửa” và “người bà” lúc nào cũng tỏ sáng lạ kì - trở thành một điểm đi về trong cõi nhớ. Dòng suy tưởng và hoài niệm của người cháu xa quê đều được khởi nguồn từ hình ảnh đầy giản dị mà thân thương, ấm áp vô cùng – “Bếp lửa” ...

(Dẫn chứng, phân tích dẫn chứng)

=> Tuổi thơ của cháu đã được truyền hơi ấm từ bếp lửa, từ bà! Trong kỉ niệm, trong cảm xúc của mỗi nỗi nhớ, lí trí đã nhường chỗ cho tình cảm và cái rõ ràng, minh bạch đã nhoè đi để được thêm những cái mơ màng, chập chờn của hồi ức. Hình ảnh bà và bếp lửa qua tâm trạng ấy đã đồng nhất, hoà quyện với nhau.

- Từ “Bếp lửa” đến “ngọn lửa” có lẽ là hành trình từ cái đơn sơ, giản dị đến những cái thiêng liêng cao cả, từ cái thực đến cái linh hồn. Ngọn lửa ấy phải chăng là tâm huyết, nhiệt huyết (chứa niềm tin dai dẳng) phải chăng là tình yêu (lòng bà luôn ủ sẵn). Bà lúc nào cũng ấp ủ một ngọn lửa vô hình song “dai dẳng”, “thiêng liêng”... “Bếp lửa” là cầu nối để đưa cháu phương xa ngàn dặm gửi tình thương nỗi nhớ về bà, về quê hương.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

- Qua dòng hồi tưởng nhẹ nhàng, tươi mát của cháu, bếp lửa của củi rơm kia cũng không còn là bếp lửa bình thường mà trở thành biểu tượng của tình bà luôn vấy gọi. Cái ấm nóng, cái đượm đà của bếp lửa củi rơm cũng như cái nồng, cái ấm của bếp lửa lòng bà luôn hoà quyện khiến đứa cháu phương xa lúc nào cũng hoài niệm, nhớ mong.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

- “Bếp lửa” kì lạ, thiêng liêng ấy đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của đời người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm và những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ. Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu, thêm yêu dân tộc mình, nhân dân mình, đất nước mình.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

=> Bếp lửa và bà bình dị, cao quý, thiêng liêng.

Một đứa con xa quê hương, một đứa cháu xa bà luôn luôn thường trực trong nỗi nhớ về “Bếp lửa” - về tình yêu ấm nồng. Nhớ về “Bếp lửa” là nhớ về quê nhà, nhớ về bà đồng nghĩa với việc nhớ về tổ ấm gia đình với niềm vui sum họp

- “Bếp lửa” kì lạ, thiêng liêng ấy đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của đời người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm và những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ. Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu, thêm yêu dân tộc mình, nhân dân mình, đất nước mình.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

=> Bếp lửa và bà bình dị, cao quý, thiêng liêng.

Một đứa con xa quê hương, một đứa cháu xa bà luôn luôn thường trực trong nỗi nhớ về “Bếp lửa” - về tình yêu ấm nồng. Nhớ về “Bếp lửa” là nhớ về quê nhà, nhớ về bà đồng nghĩa với việc nhớ về tổ ấm gia đình với niềm vui sum họp...

Luận điểm 2: *“Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời ” trong “Bếp lửa” của Bằng Việt còn là tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước, dân tộc, nhân dân.*

- “Bếp lửa” là những kí ức trong trẻo một thời, là chốn bình yên để cháu tìm về khi đã mỏi cánh bay, là hành trang quý báu để cháu mang theo suốt cuộc hành trình dài rộng của cuộc đời. Bằng Việt đã chắt lọc từ cuộc đời những kỉ niệm, những hình ảnh đẹp nhất về người bà kính yêu để dệt nên hình tượng “bếp lửa”, thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

- Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “ khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

=> Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên. Bếp lửa, tiếng chim tu hú, bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời. Hành trình từ bếp lửa thực đến “Bếp lửa đời” là hành trình của giọt nước hoà vào suối và đổ ra sông... Tình cảm của đứa cháu xa quê đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình, tình quê hương, đất nước trong mỗi người đọc. Thế nên, thật thấm thía khi có ý kiến cho rằng: *“Bài thơ chứa đựng một triết lí thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời ”*

Luận điểm 3: *“Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời ” trong “Bếp lửa” của Bằng Việt được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.*

- Hình tượng thơ độc đáo, sáng tạo hình ảnh bếp lửa – hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc.

- Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành; sử dụng dòng hồi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.

- Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà... đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ.

3. Liên hệ với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.

“ Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời ” trong “ Ông đồ ” (Vũ Đình Liên) là nỗi cảm khái trước thời thế ảm đạm nhân tình, khơi gợi trong lòng người đọc lòng thương người và niềm hoài cổ, là sự ngậm ngùi trước “ di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn ”

+ Đọc “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian.

+ Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “lòng thương người” và “tình hoài cổ” được bắt nguồn - đó chính là trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên. Hai nguồn thi cảm này không những không mâu thuẫn, tách bạch nhau,... mà chúng luôn hòa hợp như một nốt nhạc chủ đạo, như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nguồn mạch cảm xúc của bài thơ: Đó là thương một lớp người tri thức Nho học bị bỏ rơi bên lề đường nơi phố vắng rêu phong “ngày xưa” hòa quyện với nỗi nhung nhớ, tiếc nuối khôn nguôi một thời hoàng kim, một thời vàng son đã một đi không trở lại ! Theo dòng thời gian bất tận, mọi thứ sẽ lui vào dĩ vãng mịt mờ, để lại cho con người bao nỗi niềm tiếc nuối nhất là khi những vẻ đẹp tài hoa một thời chỉ còn là vang bóng...

- **“Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời ” trong “ Ông đồ ” (Vũ Đình Liên) được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.**

+ Bài thơ được xây dựng trên mạch cảm xúc tâm trạng của nhân vật trữ tình mà âm hưởng chủ đạo là nỗi buồn, xót xa, day dứt khôn nguôi. Càng về cuối nỗi đau càng được khắc họa sâu và rõ hơn giúp chúng ta thấu hiểu được cái tình của thi nhân.

+ Sử dụng thể thơ ngũ ngôn và ngôn ngữ gợi cảm, giàu sức tạo hình, Vũ Đình Liên đã làm cho tác phẩm của mình có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên. Cũng bắt nguồn từ cảm hứng ấy, bài thơ “Ông Đồ” ám ảnh trong lòng ta về niềm hoài niệm day dứt, thương cảm cho một giá trị tinh thần sắp tàn lụi...

***Điểm tương đồng và khác biệt:** Như vậy, dù viết về tình cảm gia đình hay tình người trong xã hội, dù hoàn cảnh ra đời khác nhau, phong cách nghệ thuật và cách thể hiện khác nhau song cả hai bài thơ, hai nhà thơ đều khẳng định được các giá trị của những tác phẩm văn chương chân chính. Tình yêu thương làm nên những giá trị cốt lõi của cuộc sống, đều hướng ta tới cái chân, thiện, mỹ trong cuộc đời, khiến ta thêm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống.

4. Đánh giá, mở rộng:

- Ý kiến của Phương Lưu hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ:

+ Nhà thơ phải bằng năng lực nghệ thuật, bằng sự đào sâu hiện thực và sự nhạy cảm ngôn từ để giúp người đọc tìm ra được: “Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời ” khơi dậy trong người đọc đủ mọi cung bậc cảm xúc. Đây là quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, khổ luyện nhưng cũng đầy hứng khởi của nhà thơ.

+ Hai bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo văn chương, vai trò của tình cảm, cảm xúc, chiều sâu suy ngẫm của nhà thơ, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả; minh chứng cho “Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời ”- Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ...

- Bài học cho người sáng tạo và tiếp nhận :

+ Với nhà thơ: Nhà thơ bao giờ cũng muốn gửi gắm vào trong tác phẩm những tư tưởng, triết lí, lí tưởng, cảm xúc ... của mình và truyền đến cho người đọc để

được chia sẻ, thấu hiểu. Để có bài thơ hay cần có cảm xúc nồng nàn kết hợp những suy tư sâu lắng, kết quả của yêu thương và trải nghiệm sâu sắc với cuộc đời. Đồng thời chất lọc ngôn ngữ từ đời sống, sáng tạo để làm cho ngôn ngữ ấy có một sức sống riêng, vẻ đẹp riêng vừa thể hiện được những cảm xúc nơi trái tim vừa khơi dậy nơi người đọc “Chiều sâu suy nghĩ, chân lí tinh tế của cuộc đời”, khơi dậy những cảm xúc đẹp đẽ, mới mẻ trong lòng bạn đọc qua lớp ngôn từ thơ ca của mình. Thơ ca biểu hiện triết lí, tư tưởng theo con đường riêng, đó là cách thể hiện giàu cảm xúc với những rung động tình cảm mãnh liệt.

+ Đối với người tiếp nhận thơ: Đến với bài thơ hay, tiếp nhận, cảm thụ thơ cần chú ý đến những tình cảm chân thật, sâu kín, những sáng tạo, chiều sâu suy ngẫm, triết lí nhân sinh mà nhà thơ gửi vào tác phẩm. Để từ đó có sự đồng cảm, tri âm với nhà thơ.

Đề 2. Bàn về văn chương, Hoài Thanh viết:

Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có.

(Trích Ý nghĩa văn chương- SGK Ngữ văn 7, tập hai)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ ***Bếp lửa*** của nhà thơ Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Liên hệ với “Ông đồ” của Vũ Đình Liên?

Giải thích nhận định:

- Ý kiến bàn về vai trò, chức năng giáo dục và thẩm mỹ của văn chương đối với cuộc sống con người. Văn chương là nơi kết tụ tinh hoa của cuộc sống, có ý nghĩa vô cùng quan trọng với đời sống con người. “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có” chính là công dụng của văn chương, nghĩa là văn chương có khả năng rung động, khơi gợi những xúc cảm bên trong con người như nỗi buồn, niềm vui, sự đồng cảm,... khơi gợi những tình cảm, rung cảm đẹp đẽ, mở ra cho ta những “chân trời mới”, bồi đắp tâm hồn, tình cảm của mỗi người thêm sâu sắc, thêm đẹp đẽ, bền vững. “Văn chương luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có” tức là văn chương diễn tả sâu sắc những tình cảm của con người, khiến những tình cảm sẵn có trong ta trở nên rõ ràng hơn, sắc nét hơn, phong phú hơn, khai phá những tình cảm xưa nay ẩn sâu trong trái tim ta và bồi dưỡng những thứ tình cảm ấy thêm lớn hơn nữa. Nó bồi đắp tư tưởng tình cảm tâm hồn cho ta khiến đời sống tinh thần của ta mỗi ngày một phong phú để ta sống chân thành, nhân ái vị tha hơn cuộc sống mỗi người một thêm tốt đẹp. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã “gây cho ta tình cảm ta không có, luyện cho ta tình cảm ta sẵn có” đó là tình bà cháu ấm áp, tình yêu quê hương, đất nước thiêng liêng, sâu nặng.

Chứng minh:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

Bằng Việt thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, nhẹ nhàng, tràn đầy cảm xúc, giọng điệu tâm tình, trầm lắng, suy tư và giàu triết lí, đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ. Ra đời năm 1963, nơi lạnh giá xứ người, bài thơ “Bếp lửa” đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu. Ấn

hiện trong “Bếp lửa” của Bằng Việt là chàng trai trẻ trong cái giá lạnh của mùa đông Ki – ép ở đất nước U – crai – na xa xôi đương cầm cùi sưởi ấm những nguồn thương qua từng chữ, từng câu để thắp lên ngọn lửa đượm đà của một thời thơ ấu đẹp để sống bên người bà yêu dấu. Mạch cảm xúc dạt dào của hoài niệm kia là tình bà thân thương, lan toả với cái ấm nóng, cái nồng đượm của « Bếp lửa quê nhà », với sự ấm áp, ấp iu của « ngọn lửa tình bà » luôn toả sáng.

LĐ: 1- « Bếp lửa » của Bằng Việt đã khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình cho người đọc qua dòng hồi tưởng của cháu về kỷ niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa. Có lẽ khi nhắc về quá khứ, nhất là những thời điểm đẹp đẽ, người ta vẫn thường kể nhiều hơn. Với “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt thực ra đã dắt dẫn người đọc vào sâu trong mạch kể, mạch hồi tưởng của ông. Hồi ức đẹp một đi không trở lại của tuổi thơ được tái hiện không phải bằng một trí nhớ lan man, chắp vá. Trái lại, ở sâu trong tiềm thức của nhà thơ, hình ảnh “Bếp lửa” và “người bà” lúc nào cũng tỏ sáng lạ kì - trở thành một điểm đi về trong cõi nhớ. Dòng suy tưởng và hoài niệm của người cháu xa quê có lẽ đều được khởi nguồn từ những hình ảnh đầy giản dị mà thân thương, ấm áp vô cùng.

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa

Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. “Bếp lửa chờn vờn sương sớm” là hình ảnh quen thuộc đối với mỗi gia đình Việt Nam trước đây mỗi buổi sớm mai. Hình ảnh ấy thật ấm áp giữa cái lạnh mùa đông, thật thân thương với bao tình cảm “ấp iu nồng đượm” từ bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp. Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”. Tình thương tràn đầy của cháu đã được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà.

“Nỗi nhớ về bếp lửa” được nói trực tiếp song không vì thế mà giảm đi phần sâu lắng, tinh tế. Hình ảnh “Bếp lửa” gợi nhớ bằng nhiều giác quan bằng trí tưởng tượng. Thị giác (chờn vờn sương sớm), cảm giác (ấp iu nồng đượm) và khứu giác (sống mũi còn cay) rồi xúc giác (hun nhèm mắt cháu). Tác giả hướng mọi giác quan để quay về sống lại kỉ niệm trong trí tưởng tượng. Dường như không còn cảm giác khoảng cách của thời gian ở đây nữa, mọi hình ảnh gắn với bếp lửa đã tái hiện chân thật, rõ ràng từ một thời kí ức xa xôi ! Hình ảnh bếp lửa còn gắn với người bà đầy thân thương.

Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói

Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy

Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.

Tuổi thơ của cháu gắn với bếp lửa, với mùi khói cay nhèm và cũng gắn bó với bà. Phải chăng hình ảnh: “Một bếp lửa ấp iu nồng đượm” chính là hoá

thân của tình cảm bà dành cho cháu. Vì vậy có lẽ tìm về với bếp lửa quê nhà cũng chính là tìm về tuổi thơ sống bên bà. Sự tương đồng đẹp đẽ ấy dễ thường mấy ai nhận ra. Chỉ có Bằng Việt với khoảng cách thời gian đầu đời trong sáng được gắn bó bên bà mới có thể “cảm” sâu sắc đến thế! Cái tưởng chừng quá bình dị, mộc mạc, mà luôn đắm sâu trong kí ức tuổi thơ. Đắm mình trong dòng hồi ức tươi mát của tác giả, chúng ta muốn tìm đến với những tình thương yêu nồng hậu như thế

“Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế...

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.

Nếu “Bếp lửa củi rơm” gắn với cảm nhận “mùi khói”, với kỉ niệm “khói hun nhèm mắt cháu”, với dư vị “sống mũi còn cay” thì người bà gắn với tuổi thơ cháu vừa như một người biết chăm sóc, vừa như một người bạn lớn. Những kí ức như ùa vào trong tâm tưởng cháu. Đó là từ năm : “lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói”, lại cả những năm “đói mòn đói mỏi”, những lúc bà hay kể chuyện những ngày ở Huế những khi “giặc đốt nhà cháy tàn, cháy rụi”... Từ lúc nào tuổi thơ nhỏ bé của cháu đã được truyền hơi ấm từ bếp lửa, từ bà !Trong kỉ niệm, trong cảm xúc của mỗi nỗi nhớ, lí trí đã nhường chỗ cho tình cảm và cái rõ ràng, minh bạch đã nhoè đi để được thêm những cái mơ màng, chập chờn của hồi ức. Hình ảnh bà và bếp lửa qua tâm trạng ấy đã đồng nhất, hoà quyện với nhau. Tuy một mà hai tuy hai mà một để chỉ còn hiện lên trong tâm tưởng người cháu của một cái gì thật ấp áp, nồng đượm.

“Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.

Từ “Bếp lửa” đến “ngọn lửa” có lẽ là hành trình từ cái đơn sơ giản dị đến những cái thiêng liêng cao cả, từ cái thực đến cái linh hồn. Ngọn lửa ấy phải chẳng là tâm huyết, nhiệt huyết (chứa niềm tin dai dẳng) phải chẳng là tình yêu (lòng bà luôn ủ sẵn). Một lần nữa hình ảnh “Bếp lửa” hay “ngọn lửa” đã tiếp tục tôn cao lên tấm lòng chân chất, tình thương giản dị sâu sắc mà đôn hậu của bà. Bà lúc nào cũng ấp ủ một ngọn lửa vô hình song “dai dẳng”, “thiên liêng”...

Hình ảnh bếp lửa là cầu nối để đưa cháu phương xa ngàn dặm gửi tình thương nỗi nhớ về bà, về quê hương. Nhưng qua dòng hồi tưởng nhẹ nhàng tươi mát của cháu, bếp lửa của củi rơm kia cũng không còn là bếp lửa bình thường mà trở thành một hình ảnh cứ trở đi trở lại trong bài thơ, trong tâm trí người cháu và không lần nào cái bếp lửa bình dị ấy không gắn với hình ảnh người bà tảo tần, chịu thương, chịu khó, cuộc đời bà gói gọn trong hai tiếng “lận đận” mà biết bao ân nghĩa, ân tình.

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nếu có một bếp lửa quê nhà vẫn “chờn vờn sương sớm” thì cũng có một ngọn lửa tình bà “ấp iu nồng đượm”. Có lúc hai thứ lửa ấy cùng tách ra, lại có khi hợp cùng nhau. Khi tách ra nó gợi về những kỉ niệm : kỉ niệm về bếp lửa củi rơm (“khói hun nhèm mắt cháu”, “sống mũi còn cay”) kỉ niệm về bếp lửa tình bà (“Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế”, “bà dạy cháu làm bà chăm cháu

học”) nhưng khi đã hoà hợp với nhau nó trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng, kì lạ biết bao trong cái bình dị.

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm hồn tuổi nhỏ
Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa”.*

Cái ấm nóng, cái đượm của bếp lửa củi rơm cũng như cái nồng, cái ấm của bếp lửa lòng bà luôn hòa quyện khiến đứa cháu phương xa lúc nào cũng hoài niệm, nhớ mong. “Bếp lửa” kì lạ, thiêng liêng ấy đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm và những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ. Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu, thêm yêu dân tộc mình, nhân dân mình. Thực là diệu kì bởi cái tình ấm lửa trong đó mà lúc nào cũng được ấp ủ.

Chẳng phải vô tình mà trong suốt bài thơ, hình ảnh “Bếp lửa” cứ ám ảnh tâm trí Bằng Việt như vậy! Không dưới mười lần tác giả nhắc tới hình ảnh đó và lần nào cũng kèm theo sự xuất hiện của bà. Tác giả đang làm cái công việc của người đi so sánh giá trị hai vẻ đẹp “Bếp lửa” và “người bà” chẳng? Không hẳn như vậy! Bởi biện pháp tu từ ẩn dụ đc nhà thơ sd rất thành công. Bếp lửa là ẩn dụ của ngọn lửa nồng hậu nơi người bà, và tình cảm người bà chính là ẩn dụ ngọn lửa - một thứ tình yêu cao cả nhất. Người bà cũng vậy : chân chất, mộc mạc, dân dã, quê kiểng song ẩn chứa tình yêu vô bờ, tha thiết, chan chứa. Qua con mắt nhà thơ, bếp lửa và bà bình dị, cao quý, thiêng liêng. Lấy hình ảnh của bếp lửa để nói về tình cảm của bà dành cho mình hẳn Bằng Việt phải nặng lòng với bà, với quê hương lắm. Một đứa con xa quê hương, một đứa cháu xa bà luôn luôn thường trực trong nỗi nhớ về “Bếp lửa” - về tình yêu ấm nồng tưởng như cái lạnh, cái cô đơn ở quê người cũng đôi chút vơi đi vậy. Nhưng nhớ về “Bếp lửa” phải chăng cũng đồng nghĩa với việc nhớ quê nhà, nhớ về bà đồng nghĩa với việc nhớ về tổ ấm gia đình với niềm vui sum họp...

LD 2- Từ những kỉ niệm tuổi thơ, Bằng Việt đã khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước, dân tộc, nhân dân mình. “Bếp lửa” là những kí ức trong trẻo một thời, là chôn bình yên để cháu tìm về khi đã mỏi cánh bay, là hành trang quý báu để cháu mang theo suốt cuộc hành trình dài rộng của cuộc đời. Bằng Việt đã chắt lọc từ cuộc đời những kỉ niệm, những hình ảnh đẹp nhất về người bà thân yêu để dệt nên hình tượng “bếp lửa”, thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. Ta chợt nhận ra rằng, trong sâu thẳm mỗi con người, luôn có những điều thật bình dị và thân thương.

*“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà. Niềm vui trăm ngã
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...”*

Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương. Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó. Bếp lửa, tiếng chim tu hú, bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời. Ê- ren – bua từng nói: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”, hành trình từ bếp lửa thực đến “Bếp lửa đời” là hành trình của giọt nước hoà vào suối và đổ ra sông... Càng ngày càng thiêng liêng, cao cả. “Bếp lửa” là một dòng hồi tưởng “nồng đượm”, rực sáng mãi không thôi trong lòng những người dù chỉ đến với nó một lần. Một ngọn lửa mãnh liệt như vậy liệu có bao giờ vụt tắt được chăng?

Tình bà cao cả thiêng liêng trong bài thơ khiến ta nhớ đến tiếng gà nhảy ổ cục tác ...cục ta trong nắng trưa trong « Tiếng gà trưa » của XQ, chỉ là âm thanh trong trẻo của làng quê mà có biết bao nghĩa tình, mà sao thật thiết, lắng sâu đến thế !Thì ra, có khi những điều nhỏ nhoi, giản dị nhất lại ẩn chứa tâm tình, chất động những điều thiêng liêng, kì diệu, là hiện hình của những t/c thiết tha chân thành, k thể nào quên. Nếu *Tiếng gà trưa* đánh thức trong XQ những kỉ niệm về một thời thơ ấu sống trong tình yêu thg của bà thì với BV, *Bếp lửa* lại trở thành một hình ảnh biểu trưng cho sự ấm áp, nồng đượm của tình bà cháu. Thế nên, thật thấm thía khi có ý kiến cho rằng: “Bài thơ chứa đựng một triết lí thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất. Với hình tượng bếp lửa và hình tượng người bà, bài thơ *Bếp lửa* đã khơi dậy trong lòng chúng ta tình cảm bà cháu đẹp đẽ, tình cảm gia đình thiêng liêng. Tình cảm của đứa cháu xa quê đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình trong mỗi người đọc.

LĐ 3. Bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt đã «gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có» qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.Với hình tượng thơ độc đáo, sáng tạo hình ảnh bếp lửa – hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc, Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành; sử dụng dòng hồi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc.Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ,9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà....đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ.

*Liên hệ với « Ông đồ » (Vũ Đình Liên)

Ông đồ gây cho ta tình cảm nào, luyện cho ta tình cảm gì? (Có câu dẫn)

- Ông đồ là bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ giàu thương cảm của Vũ Đình Liên. Bài thơ được viết bằng nỗi cảm khái trước thời thế ảm lạnh nhân tình. Bởi vậy, hai mươi dòng thơ ngũ ngôn, không hề non lép một chữ nào. Tất cả đều ngậm ngùi trước “*di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn*”. Bài thơ khơi gợi trong lòng người đọc lòng thương người và niềm hoài cổ. Chính bởi vậy,

nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã thật tinh tế khi nhận xét: “Bài thơ là sự gặp gỡ giữa hai nguồn thi cảm: lòng thương người và tình hoài cổ!”. Đọc “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “lòng thương người” và “tình hoài cổ” được bắt nguồn - đó chính là trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên. Hai nguồn thi cảm này không những không mâu thuẫn, tách bạch nhau,... mà chúng luôn hòa hợp như một nốt nhạc chủ đạo, như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nguồn mạch cảm xúc của bài thơ. Đó là thương một lớp người tri thức Nho học bị bỏ rơi bên lề đường nơi phố vắng rêu phong “ngày xưa” hòa quyện với nỗi nhung nhớ, tiếc nuối khôn nguôi một thời hoàng kim, một thời vàng son đã một đi không trở lại.

(**Câu dẫn về nghệ thuật**) Bài thơ được xây dựng trên mạch cảm xúc tâm trạng của nhân vật trữ tình mà âm hưởng chủ đạo là nỗi buồn, xót xa, day dứt khôn nguôi. Càng về cuối nỗi đau càng được khắc họa sâu và rõ hơn giúp chúng ta thấu hiểu được cái tình của thi nhân. Sử dụng thể thơ ngũ ngôn và ngôn ngữ gợi cảm, giàu sức tạo hình, Vũ Đình Liên đã làm cho tác phẩm của mình có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên. Theo dòng thời gian bất tận, mọi thứ sẽ lui vào dĩ vãng mịt mờ, để lại cho con người bao nỗi niềm tiếc nuối nhất là khi những vẻ đẹp tài hoa một thời chỉ còn là vang bóng. Cũng bắt nguồn từ cảm hứng ấy, bài thơ “Ông Đồ” ám ảnh trong lòng ta về niềm hoài niệm day dứt, thương cảm cho một giá trị tinh thần sắp tàn lụi... Như vậy, dù viết về tình cảm gia đình hay tình người trong xã hội, dù hoàn cảnh ra đời khác nhau, phong cách nghệ thuật và cách thể hiện khác nhau song cả hai bài thơ, hai nhà thơ đều khẳng định được các giá trị của những tác phẩm văn chương chân chính. Tình yêu thương làm nên những giá trị cốt lõi của cuộc sống, đều hướng ta tới cái chân, thiện, mỹ trong cuộc đời, khiến ta thêm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống.

*** Đánh giá, mở rộng:**

Ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn.....

- Bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương; minh chứng cho những tác dụng to lớn của văn chương: Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ.
- Bài thơ nhận được sự đồng cảm của bạn đọc, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả. Bài thơ là một minh chứng cho quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, minh chứng cho vai trò quan trọng và chức năng của văn chương, đặc biệt là chức năng giáo dục và thẩm mỹ.

* BK: (HS tự viết)

Đề 3 Âm thanh tiếng chim tu hú qua đoạn thơ:
(VAI TRÒ CỦA HÌNH ẢNH ĐẤT TRONG THƠ)

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

(Trích *Bếp lửa*, Bằng Việt, *Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục, 2004.)

Hãy liên hệ với với âm thanh tiếng chim tu hú trong bài “Khi con tu hú” để thấy điểm tương đồng và khác biệt?

Gợi ý

Thí sinh biết đặt đoạn thơ trong tính chỉnh thể của bài thơ để thể hiện những cảm nhận sâu sắc về âm thanh tiếng chim tu hú. Sau đây là một số gợi ý mang tính định hướng:

- Sức gợi của âm thanh tiếng chim tu hú: đánh thức kí ức tuổi thơ; gợi nhắc hình ảnh người bà tảo tần – người phụ nữ Việt Nam; âm thanh của làng quê thân thuộc; âm thanh của tiếng lòng.....
- Tiếng chim tu hú – âm thanh gợi những suy ngẫm về tình bà cháu, tình quê hương, đất nước...
- Điểm tương đồng và khác biệt với âm thanh tiếng chim tu hú trong “Khi con tu hú”
- Đánh giá khái quát.

Thí sinh biết đặt đoạn thơ trong tính chỉnh thể của bài thơ để thể hiện những cảm nhận sâu sắc về âm thanh tiếng chim tu hú. Sau đây là một số gợi ý mang tính định hướng:

LĐ1: Sức gợi của âm thanh tiếng chim tu hú:

+ Âm thanh của làng quê thân thuộc, gần gũi:

Tiếng tu hú ! âm thanh rất đỗi quen thuộc của làng quê mỗi độ hè về, báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vải chín đỏ cây. Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong. Nghe tiếng tu hú kia sao giục giã như khắc khoải những khao khát rộng dài đến một không gian rộng lớn của vùng quê có những cánh đồng bát ngát xanh, có mùa quả ngọt trong mùa hè rực nắng, có cánh phượng đỏ, có mùa lúa chín trĩu bông, hương thơm ngào ngạt... Tiếng chim tu hú tha thiết ! Cái âm thanh quen thuộc ấy cứ nhắc đi, nhắc lại nhiều lần làm cho lòng nhà thơ càng trở nên tha thiết, bồi hồi

+ Đánh thức kí ức tuổi thơ;

Tiếng tu hú sóng đôi cùng bếp lửa gợi những liên tưởng sâu xa. Như một thước phim quay chậm, những kỉ niệm gắn liền với hình ảnh người bà ủa về

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !

“Tám năm ròng” là một quãng thời gian không dài đối với đời người nhưng lại là cả tuổi thơ của cháu. Hình ảnh bà và bếp lửa của tình bà cháu đã gợi ra một liên tưởng, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ – tiếng chim tu hú. Tiếng chim tu hú thường gợi nên sự khắc khoải, xa cách, trông mong, một âm thanh mang sắc điệu trầm buồn. Một tiếng chim đong đầy kỉ niệm đến nỗi tác giả phải thốt lên lời cảm thán rằng “sao mà tha thiết thế !”. Âm thanh tu hú lúc mơ hồ, lúc vắng vắng từ những cánh đồng xa lằng lằng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú đã trở thành một phần tuổi thơ, một mảnh tâm hồn cháu, là sợi chỉ đỏ nối liền quá khứ và hiện tại. Tiếng vọng đồng chiều ấy vang lên trong khổ thơ càng như giục giã, như khắc khoải một điều gì đó tha thiết lắm, để dòng kỉ niệm trải dài hơn, rộng hơn, sâu hơn trong không gian xa thẳm của nỗi nhớ thương....

+ Gọi nhắc hình ảnh người bà tảo tần – người phụ nữ Việt Nam giàu tình yêu thương, giàu đức hi sinh:

Và trong dòng chảy ấy, hiện lên những ký ức thân thương về tình bà cháu sâu đậm:

Mẹ cùng cha công tác bận không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,

Tám năm tuổi thơ của tác giả cũng chính là những năm đất nước chiến tranh, bố mẹ phải đi công tác xa nhà, cháu phải sống cùng bà. Bằng Việt đã khơi lại những kỉ niệm ngày ấy bằng nghệ thuật liệt kê : “Bà bảo”, “bà dạy”, “bà chăm”, ... mỗi một ký ức hiện về là thêm một lần hình ảnh bà được khắc sâu trong tâm trí cháu. Trong những năm tháng ấy, bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần, là cội nguồn yêu thương của cháu. Bà không chỉ chăm lo cho cháu từng chút một mà còn là người thầy đầu tiên dạy cho cháu bao điều về cuộc sống, những bài học của bà trở thành hành trang cháu mang theo trong suốt quãng đời còn lại. Xuân Quỳnh từng viết về một người bà như thế trong “Tiếng gà trưa” : “Tiếng gà trưa / Mang bao nhiêu hạnh phúc / Đêm cháu về nằm mơ / Giấc ngủ hồng sắc trứng”. Với Bằng Việt cũng vậy, được ở với bà là cả một niềm hạnh phúc vô bờ. Cùng bà nhóm bếp hàng ngày, tác giả thấm thía được những gian lao, vất vả của bà khi phải một mình chăm sóc cháu, để rồi lời thơ như thủ thỉ một lời tâm tình “nghĩ thương bà khó nhọc”, và một lần nữa tiếng chim tu hú lại vọng về :

Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa ?

Câu cảm thán “Tu hú ơi !” kết hợp với câu hỏi tu từ vang lên như một lời trách cứ nhẹ nhàng. Ở giữa nước Nga xa xôi, tiếng chim tu hú vọng lại trong hồi ức của Bằng Việt khiến nỗi nhớ trào dâng trong lòng nhà thơ cùng những câu hỏi mênh mang : khi cháu đã đi rồi thì ai sẽ “cùng bà nhóm lửa”, ai sẽ nghe bà “kể chuyện những ngày ở Huế”...Lời thơ là hỏi chim tu hú, hay là hỏi chính mình ? Là lời than thở, trách móc hay chính là mong ước khôn nguôi muốn được trở lại bên bà ? Nhà thơ Anh Thơ cũng từng đồng điệu với những cảm xúc ấy :

“Con đi dài thương nhớ

Mười năm chưa về quê

Tu hú ơi tu hú

Kêu chi hoài vườn xanh ?”.

Nỗi lòng của chim tu hú “kêu chi hoài trên những cánh đồng xa” đâu có khác gì với nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Tiếng chim ấy khiến lòng người như trỗi dậy bao hoài niệm, nhớ mong da diết, âm vang trong tim người đọc. Những kỉ niệm trôi theo một nhạc điệu tâm tình thủ thủ, chậm rãi đầy nhung nhớ đã đưa ta về với tuổi thơ sống bên bà và đầy ấp tình bà cháu của tác giả.

+ Âm thanh của tiếng lòng đứa cháu xa quê:

Tiếng chim tu hú là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà? Câu hỏi tu từ “Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà – Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa” mới thấm thía làm sao, xót xa làm sao! Nó diễn tả nỗi lòng da diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà. Có cả những giây phút khắc khoải, nao lòng, bà và cháu như chột lẳng lại, chột nhớ mong điều gì khi nghethanh âm của chim tu hú: *Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế...* Phải nhớ mong lắm, phải yêu thương bà lắm, đứa cháu mới dường như ra tất cả.

Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng, cháu trò chuyện với chim tu hú trong tình yêu thương. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuốm phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích.

LĐ 2: Tiếng chim tu hú – âm thanh gọi những suy ngẫm về tình bà cháu, tình quê hương, đất nước...(2.0 điểm)

Âm thanh tiếng chim tu hú cùng với hình ảnh “bếp lửa” là những kí ức trong trẻo, mượt mà một thời, là chốn bình yên để cháu tìm về khi đã mỏi cánh bay, là hành trang quý báu để cháu mang theo suốt cuộc hành trình dài và rộng của cuộc đời. Bằng Việt đã chắt lọc từ cuộc đời những kỉ niệm, những hình ảnh đẹp nhất về người bà thân yêu để dệt nên hình tượng “bếp lửa”, thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. Ta chợt nhận ra rằng, trong sâu thẳm mỗi con người, luôn có những điều thật bình dị và thân thương.

Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương. Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó. Bếp lửa, tiếng chim tu hú, bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời. Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất.

Luận điểm 3: Tiếng chim tu hú- âm thanh của làng quê thân thuộc, gần gũi được đón nhận bằng tình thương mến của nhà thơ Tố Hữu và Bằng Việt. Nhưng âm thanh tiếng chim tu hú ấy vọng về trong lòng mỗi nhà thơ

những hoài niệm, nhớ mong, những ước mơ, khát vọng khác nhau làm nên dấu ấn riêng của từng nhà thơ.

Nếu với Bằng Việt, tiếng chim tu hú gợi nhớ về những kỉ niệm thân thương, gợi nhắc về tình bà cháu đậm đà thấm thiết là tiếng gọi người thân yêu, tiếng gọi của tình cảm nhớ mong, trù mến, tha thiết, đậm đà của hai bà cháu thì với Tố Hữu, tiếng chim tu hú là âm thanh báo hiệu mùa hè sôi động được cảm nhận từ tâm hồn yêu cuộc sống, khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đầy.

+ Tiếng gọi bầy của chim tu hú gợi lên sự tưởng tượng phong phú về bức tranh thiên nhiên rộng lớn và tinh tế. Từ thế giới vĩ mô đến thế giới vi mô, từ cánh đồng, bầu trời, khu vườn, vạt sân đến hạt bắp, trái cây... chim tu hú gọi bầy thức dậy trong tâm tưởng nhà thơ bao nhiêu hình ảnh, âm thanh, sắc màu, hương vị của mùa hè. Sắc màu rực rỡ và lộng lẫy. Cánh đồng lúa chín ửng vàng; Vườn cây râm mát xanh; Nắng đỏ tươi; Ngô vàng; Trời xanh thăm thẳm; Những âm thanh náo nức, rạo rực. Tiếng chim tu hú lảnh lót trên nền nhạc rộn rã của những tiếng ve ngân. Trên cao xanh điệp vào đó là tiếng sáo diều réo rắt. Cả không gian đầy ắp âm thanh, màu sắc và hương thơm. Hương của đồng lúa chín, hương của những trái cây ngọt ngào từ những khu vườn, hương từ những vạt ngô đang rây vàng hạt mảy. Cảnh vật rất sống động, chúng như đang phát triển, đang cựa quậy, sinh sôi, nảy nở hết sức tự nhiên, mạnh mẽ. Tiếng ve “dậy”, nắng đào “đầy”, trời xanh bát ngát như căng ra – “càng rộng càng cao”. Những cánh diều cũng biến thành vật thể sống – con diều sáo – bay lượn thoải mái tự do trong bầu trời khoáng đãng

+ Tiếng chim tu hú trở thành biểu tượng của cuộc sống tự do, khát vọng hướng về cuộc sống tự do: Tố Hữu bị bắt giam giữa lúc nhiệt tình cách mạng của tuổi thanh xuân đang sục sôi, muốn đem tất cả nhiệt huyết để cống hiến cho cách mạng. Tiếng chim gọi bầy đã thức dậy một nỗi nhớ sâu xa trong lòng Tố Hữu, là tiếng gọi trở về với bạn bè, đồng đội càng tăng thêm nỗi cô đơn của nhà thơ giữa bốn bức tường lạnh lẽo. Trong thế giới tăm tối của ngục tù, nhà thơ đã huy động nhiều giác quan để hình dung, tưởng tượng đồng quê thân thuộc ngoài kia, đó là niềm khát vọng được tự do của người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm. Niềm khát khao đó bị dồn nén lúc này đây đã bùng lên mãnh liệt:

Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Nhịp sống trào dâng, mời gọi, thôi thúc tràn ngập vào tận ngõ ngách tăm tối của chôn ngục tù, len lỏi vào tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi biến thành nỗi khát khao hành động: “muốn đạp tan phòng”. Âm hưởng tiếng kêu xuyên suốt toàn bài, tiếng tu hú liên hồi, khắc khoải và da diết. Tiếng chim tu hú cứ vọng vào trong phòng giam để cho thế giới bên ngoài tràn vào ào ạt. Mà như vậy càng khiến cho sự ngột ngạt càng trở nên ngột ngạt, sự khao khát càng thêm khao khát, sự bức bối càng thêm bức bối. Đến nỗi người tù phải kêu lên, phải khao khát hành động tháo cũi, sổ lồng:

Ngột làm sao, chết uất thôi.

Con chim tu hú cứ kêu hay đó là tiếng đời, tiếng gọi tự do như thúc giục, như khích lệ đập tan cái xà lim nhốt người, và tiến tới đập tan cái chế độ dã man đang cầm tù cả một dân tộc, một đất nước.

Bài thơ khép lại nhưng ta nghe tiếng tu hú “cứ kêu”, kêu hoài, kêu mãi... Người thanh niên mười chín tuổi ấy “gân đang săn và thớ thịt căng da” đang khao khát tự do, căm thù sự giam cầm trói buộc. Bài thơ cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Người chiến sĩ gang thép đó có một thể giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sông, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng, và một niềm khát khao tự do cháy bỏng.

*** Đánh giá:** Bằng Việt và Tố Hữu đều lựa chọn tín hiệu nghệ thuật đặc sắc – âm thanh tiếng chim tu hú - hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng, cùng sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận; Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành; Cả hai nhà thơ đều đón nhận âm thanh tu hú bằng tình mến thương, bằng nỗi nhớ niềm thương, bằng những kí ức tươi đẹp nên lắng sâu và da diết nhường nào. Tiếng chim tu hú tha thiết, như sợi nhớ, sợi thương đồng vọng cùng tiếng lòng của các nhà thơ sẽ sống mãi trong lòng bạn đọc bao thế hệ.

NÓI VỚI CON CỦA Y PHƯƠNG

Đề 1 “*Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm (Vôn – te)*”

Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng việc cảm nhận về bài thơ “Nói với con” của Y Phương và liên hệ với “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

1. Giải thích sơ lược ý kiến của Vôn - te

***Giải thích:**

+ Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn: Thơ ca là nơi kết tinh những giai điệu cảm xúc của tâm hồn nhà thơ.

+ Những tâm hồn cao cả, đa cảm luôn mang lại cho thơ những âm điệu phong phú, mới mẻ có chiều sâu làm nên sức hấp dẫn cho thơ

=> Nhận định đã khẳng định vai trò then chốt của cảm xúc và nhất là một tâm hồn nhạy cảm, một tấm lòng sâu nặng với đời sống thể hiện trong thơ.

***Bàn luận:**

-Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn:

+ Thơ ra đời từ những xúc cảm thẩm mĩ phong phú, mãnh liệt của người nghệ sĩ trước cái đẹp muôn màu, trước muôn vàn trạng thái, cảnh ngộ gọi trần trở, suy tư từ cuộc sống.

+ Ngôn ngữ thơ đã giúp những cung bậc cảm xúc ấy ngân lên trên trang thơ thành những giai điệu phong phú, cuốn hút và chinh phục lòng người mang theo sức sống tâm hồn của mỗi nhà thơ.

- Về đẹp của những tâm hồn cao cả, đa cảm làm nên sức sống cho thơ

+ Tâm hồn nhà thơ chân chính luôn nhạy cảm trước mọi vẻ đẹp của đời sống sẽ dẫn lối người đọc đến xứ sở của những đắm say và thái độ nâng niu cái đẹp.

- + Người nghệ sĩ ấy cũng luôn trăn trở suy tư trước nỗi đau và khát vọng của con người, trước vận mệnh dân tộc sẽ mang đến cho thơ không chỉ xúc cảm tha thiết mà còn cả một chiều sâu tư tưởng thấm thía thanh lọc con người.
- + Song, để sức lay động của câu thơ được thực sự chấp cánh bay cao cũng rất cần đến tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ.

2. Chứng minh:

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

2.2. Chứng minh qua “Nói với con” của Y Phương.

Luận điểm 1: Bài thơ “Nói với con” (Y Phương) là “âm nhạc của tâm hồn”
- khúc nhạc tâm tình của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng, về những phẩm chất tốt đẹp của ‘người đồng mình’ và khát vọng của cha về con.

***Cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người:**

- + Đó là tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – tình cảm gia đình tha thiết.
- + Con không chỉ được sống trong cái nôi êm ái của gia đình mà còn được chở che trong tình quê hương sâu nặng. Thiên nhiên quê hương tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẽ chia giúp cho con trưởng thành.

(dẫn chứng thơ, phân tích, bàn luận khổ 1,2 -> đánh giá)

*** “Âm nhạc của tâm hồn” mà bài thơ “Nói với con” của Y Phương mang đến cho trái tim bạn đọc nhiều rung cảm còn thể hiện ở lời dặn dò ân tình của người cha với con về những phẩm chất tốt đẹp của “người đồng mình” và khát vọng của cha về con**

- + Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:
- + Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, nguồn cội:
- + Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc
- + Cha động viên con bằng lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu, cha khơi dậy trong con sự tự tin, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, chuẩn bị cho con hành trang bước vào đời.

(dẫn chứng thơ, phân tích, bàn luận khổ cuối -> đánh giá)

-> Khúc tâm tình của người cha nói với con được thể hiện bằng tâm hồn cao cả, đa cảm của nhà thơ Y Phương.

-Xuất phát từ hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

+Hoàn cảnh riêng của nhà thơ.

+Hoàn cảnh chung của đất nước.

-Tình cảm gắn bó, sống thủy chung, nặng tình, nặng nghĩa của nhà thơ với “người đồng mình”.

+Thấu cảm về những khó khăn, thử thách mà “người đồng mình” đã trải qua trong những ngày gian khó.

+Am hiểu sâu sắc truyền thống của quê hương, dân tộc Tày.

+Tự hào về truyền thống của quê hương và có niềm tin, khát vọng mãnh liệt về tương lai tốt đẹp của “người đồng mình”....

=> Bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi, Y Phương đã thể hiện t/c gđ ảm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của qh và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Với những ý nghĩa đó, bài thơ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi từ tình cảm gđ đến tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, bình dị, nâng lên thành lẽ sống, từ lời tâm sự dặn dò con hôm nay thành lời nhắn nhủ cho những thế hệ con cháu mai sau.

+ Bài thơ là tiếng nói tiêu biểu của hồn thơ cao cả, đa cảm Y Phương- một hồn thơ chân thật, mạnh mẽ, giàu trải nghiệm, với một chất giọng sâu lắng và đầy nội lực- Một chất giọng có âm hưởng của nắng gió, của sông suối, của thác ghềnh, của một cuộc sống còn nhiều những nhọc nhằn gian khó nhưng đầy chí khí và niềm tin.

Luận điểm 2: “Âm nhạc của tâm hồn cao cả, đa cảm” của nhà thơ Y Phương trong “Nói với con” được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.

+ Bài thơ viết theo thể tự do phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên linh hoạt: Mạch cảm xúc phát triển từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống, cách dẫn dắt tự nhiên, có tầm khái quát và vô cùng thấm thía.

+ Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con.

+ Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu xa, có sức quyến rũ kì lạ, khơi gợi nhiều liên tưởng “Quả là một thứ ngôn ngữ thô cảm quyến rũ”.

+ Cùng với việc sử dụng từ ngữ và hệ thống hình ảnh mang đậm bản sắc vùng cao, giọng điệu cũng là một phương tiện khá đặc sắc đã chở tải một cách hiệu quả những giá trị tư tưởng đẹp đẽ của bài thơ: Rắn rỏi, mạnh mẽ, chắc nịch, khỏe khoắn nhưng âm hưởng chung của bài thơ không hề thô cứng...

+ Lời thơ khi nhẹ nhàng tâm tình, khi trầm tư sâu lắng, hình ảnh thơ được vẽ nên bằng lối cảm, lối nghĩ của người miền núi, một tính cách Tày, một hồn cốt Tày, tất cả cộng hưởng tạo ra không gian thơ độc đáo... “Nói với con” là âm nhạc của tâm hồn cao cả, đa cảm Y Phương.

3. Liên hệ với “Ông đồ” (Ngữ văn 8) của Vũ Đình Liên.

- “Ông đồ” là “Âm nhạc của tâm hồn” cao cả, đa cảm Vũ Đình Liên, là sự ngậm ngùi trước “*di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn*”, là sự gặp gỡ giữa hai nguồn thi cảm: *lòng thương người và tình hoài cổ!*”. Bài thơ được viết bằng nỗi cảm khái trước thời thế ảm lạnh nhân tình. Đọc “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “*lòng thương người*” và “*tình hoài cổ*” được bắt nguồn - đó chính là trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên.

- “Âm nhạc của tâm hồn cao cả, đa cảm” Vũ Đình Liên trong “Ông đồ” được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:

+ Bài thơ được xây dựng trên mạch cảm xúc tâm trạng của nhân vật trữ tình mà âm hưởng chủ đạo là nỗi buồn, xót xa, day dứt khôn nguôi. Càng về cuối nỗi đau càng được khắc họa sâu và rõ hơn giúp chúng ta thấu hiểu được cái tình của thi nhân.

+ Sử dụng thể thơ ngũ ngôn gợi cảm, giàu sức tạo hình VDL đã làm cho tác phẩm của mình có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên.

Đề 2 “*Thi ca có một đặc tính kì lạ...Những chữ tả tôi nhất mà chúng ta đã nói cạn đến cùng, đối với chúng còn lại chẳng khác gì cái vỏ chữ.Những chữ ấy trong thi ca lại sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương*”

Ý kiến trên đã nêu lên đặc điểm gì của ngôn ngữ thơ ca? Hãy cảm nhận bài thơ “Nói với con” của Y Phương và liên hệ với “Nhớ rừng” của Thế Lữ để làm sáng tỏ ý kiến trên?

1.Giải thích sơ lược ý kiến của Pautopxki.

–*Thi ca/thơ*: Hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện những tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là nhịp điệu (*Từ điển thuật ngữ văn học*– trang 309). Thơ tác động đến người đọc vừa bằng sự nhận thức cuộc sống, vừa bằng khả năng gợi cảm sâu sắc, vừa trực tiếp với những cảm xúc suy nghĩ cụ thể, vừa gián tiếp qua liên tưởng và những tưởng tượng phong phú.

– *Đặc tính kì lạ*: Đặc điểm nổi bật, khác lạ của thơ ca so với các thể loại khác.

– *Những từ mờ nhạt, bạc màu, nói cạn, nói hết, vỏ từ....*: là cách nói hình ảnh để chỉ những ngôn ngữ đời sống được sử dụng quen thuộc gần gũi trong cuộc sống thường nhật, đã khiến ta cảm thấy quen thuộc nhàm chán.

– *Những từ ấy trong thi ca lại sáng lên lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương*: là cách nói ẩn dụ chỉ vẻ đẹp của ngôn ngữ qua tài năng của nhà thơ đã tạo ra cái mới, cái phong phú, đẹp đẽ, giàu giá trị biểu đạt và biểu cảm, giàu sức sống của ngôn ngữ trong các bài thơ

=> Nhận định trên đánh giá sâu sắc về giá trị của ngôn ngữ thơ ca, quá trình sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ đã biến ngôn ngữ đời thường trở thành ngôn ngữ thơ ca đẹp đẽ, sâu sắc làm đẹp cho tâm hồn con người, cho cuộc sống, khơi dậy những tình cảm mới mẻ trong sáng.

2. Chứng minh:

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

2,2 Chứng minh:

Y Phương đã có những sáng tạo tài hoa khiến ngôn ngữ “Nói với con” trở nên sống động, có hồn “sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương”, nồng nàn hơi thở cuộc sống.

- Ngôn ngữ “Nói với con” là ngôn ngữ của đời sống quen thuộc, giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày, đó là lời tâm tình, trò chuyện của cha nói với con

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

- Ngôn ngữ thơ Y Phương trong “Nói với con” có ánh sáng, âm thanh, hương vị nồng nàn hơi thở cuộc sống thể hiện ở nhiều phương diện: Lựa chọn sử dụng từ

ngữ, hình ảnh, vận dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, giọng điệu, âm hưởng, nhịp thơ, thể thơ....

+ Bài thơ viết theo thể tự do phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên linh hoạt: Mạch cảm xúc phát triển từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống, cách dẫn dắt tự nhiên, có tầm khái quát và vô cùng thấm thía.

+ Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu xa, có sức quyến rũ kì lạ, khơi gợi nhiều liên tưởng “Quả là một thứ ngôn ngữ thô cảm quyến rũ”

+ Nhà thơ đã vận dụng lối diễn đạt của người vùng cao để xây dựng hình ảnh thơ. Những hình ảnh vừa cụ thể, gần gũi, vừa mang tính khái quát cao, giàu ý nghĩa biểu tượng. Bình dị, mộc mạc nhưng lại mang vẻ đẹp nên thơ:

+ Bằng cách dùng từ, lối phô diễn giản dị mộc mạc, bằng lối tư duy giàu hình ảnh khiến những câu thơ của Y Phương vừa có tính vật chất cụ thể, vừa thể hiện một trí tưởng tượng bay bổng, vừa hồn nhiên chân thật, lại vừa gợi những liên tưởng sâu sắc. Vì vậy có thể nói bài thơ đã đi vào tâm trí người đọc trước hết bằng con đường của trực giác. Đó chính là sức mạnh của lối tư duy bằng hình ảnh – một nét không thể trộn lẫn của thơ Y Phương

+ Cùng với việc sử dụng từ ngữ và hệ thống hình ảnh mang đậm bản sắc vùng cao, giọng điệu cũng là một phương tiện khá đặc sắc đã chở tải một cách hiệu quả những giá trị tư tưởng đẹp đẽ của bài thơ. Đọc “Nói với con” ta bắt gặp một giọng điệu đa thanh, vừa đầm thắm chất trữ tình, vừa hào hùng chất sử thi, vừa hồn nhiên chân chất, vừa sâu lắng tâm tư, lúc bay bổng nhẹ nhàng khi khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, có lúc ta như thấy được ở đó một cánh võng êm ái, có lúc là một sự vuốt ve đầy âu yếm, có lúc là đôi bàn tay chắc nịch, khỏe khoắn sẵn sàng nâng con dậy khi con vấp ngã trên đường đời...

+ Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng, lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, rắn rỏi, mạnh mẽ, chắc nịch, khỏe khoắn khi nhẹ nhàng, ăm ắp, lúc vui tươi, hồn nhiên, tự nhiên như chính cuộc sống ăm ắp đã tràn vào thơ. ... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

-> Bài thơ là tiếng nói tiêu biểu của hồn thơ Y Phương- một hồn thơ chân thật, mạnh mẽ, giàu trải nghiệm, với một chất giọng sâu lắng và đầy nội lực- Một chất giọng có âm hưởng của nắng gió, của sông suối, của thác ghềnh, của một cuộc sống còn nhiều những nhọc nhằn gian khó nhưng đầy chí khí và niềm tin.

3. Liên hệ với bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ

Thế Lữ đã có những sáng tạo tài hoa khiến ngôn ngữ “Nhớ rừng” trở nên sống động, có hồn “sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương”, nồng nàn hơi thở cuộc sống.

+ Giàu cảm hứng lãng mạn và cảm xúc mãnh liệt, bài thơ đầy nhạc tính, âm điệu dồi dào, cách ngắt nhịp linh hoạt, sử dụng nghệ thuật đối lập, tương phản thành công ; hình ảnh thơ giàu chất tạo hình, ngôn ngữ nhạc điệu phong phú ; giọng thơ khi thì u uất, bức dọc, dằn vặt, lúc say sưa, tha thiết hùng tráng...khi hào hùng, sôi nổi mà đĩnh đạc lúc than thở, nuối tiếc, xót xa; khi uất ức, bức dọc, khi say sưa, tha thiết, hùng tráng. Giọng điệu đó phù hợp với tâm trạng con

hổ từ đỉnh cao huy hoàng của sự hồi tưởng quá khứ, sự tỉnh nhận thức về cảnh ngộ tù túng của hiện tại.

+ *Nhớ rừng* đã lan toả một hồn thơ hồi thức và nhiều hình ảnh thơ đầy ấn tượng miêu tả vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng. Thành công của Thế Lữ là đã thể hiện một trí tưởng tượng phong phú khi mượn hình ảnh con hổ trong vườn bách thú để nói hộ cho những tâm sự kín đáo sâu sắc của mình. Qua đó diễn tả nỗi chán ghét cảnh sống tù túng, đồng thời khơi lên tình cảm yêu nước của người dân thuở ấy.

Đánh giá, mở rộng:

- Nhận định đúng đắn, sâu sắc, **ngôn ngữ thơ là kết quả của quá trình sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ**. Nhà thơ tài năng phải bằng năng lực nghệ thuật, bằng sự đào sâu hiện thực và sự nhạy cảm ngôn từ trung cất ra ngôn ngữ thơ. Đây là quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, khổ luyện nhưng cũng đầy hứng khởi của nhà thơ. Ngôn ngữ thơ phải phản ánh hiện thực đời sống, hiện thực tâm hồn con người, phải truyền đến người đọc cảm xúc của tác giả và khơi dậy trong người đọc đủ mọi cung bậc cảm xúc.

- Ngôn ngữ thơ, sự sáng tạo ngôn ngữ làm thơ có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống một tác phẩm thơ ca vì vậy:

- Với nhà thơ: chất lọc ngôn ngữ từ đời sống, sáng tạo để làm cho ngôn ngữ ấy có một sức sống riêng, vẻ đẹp riêng vừa thể hiện được những cảm xúc nơi trái tim vừa khơi dậy nơi người đọc những cảm xúc đẹp đẽ, mới mẻ qua lớp ngôn từ thơ ca của mình.

– Đối với người tiếp nhận thơ, khi cảm thụ thơ cần chú ý đến những tình cảm chân thật, sâu kín, những sáng tạo nhạy cảm tinh tế mà nhà thơ gửi vào tác phẩm. Đây là tiêu chí để đánh giá một bài thơ hay. Để từ đó có sự đồng cảm, tri âm với nhà thơ.

1. Một bài thơ hay không bao giờ đọc qua một lần mà ta bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc. Qua bài thơ “Nói với con” của Y Phương, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

Mở bài: (Có thể MB khác)

Tiếp nhận văn học, văn nghệ không đơn giản như ta đón nhận một vật trao tay, đó thực sự là một quá trình khổ công nhưng đầy thú vị. Sau mỗi lần đọc lại, chiêm nghiệm lại về một bài thơ hay ta lại tìm ra được một hạt ngọc của tình cảm, của nghệ thuật. “Tiếng nói của văn nghệ”, tiếng nói của thơ ca chưa bao giờ là những lời dễ dãi, nhạt nhòa. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng viết: “Một bài thơ hay không bao giờ ta đọc qua một lần mà bỏ xuống được. Ta sẽ dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...”. Đến với bài thơ “Nói với con” của Y Phương, chúng ta không chỉ đọc một lần mà cảm nhận hết cái hay của nó, mà phải đọc nhiều lần, đọc bằng cả tâm hồn

*** Thân bài:**

- Giải thích:

Ý kiến trên bàn về giá trị của thơ ca và cách đọc, cách tiếp cận, cách cảm một bài thơ hay. Thơ ca là tiếng nói của tình cảm, tâm trạng, cảm xúc con người. Học giả Lê Quý Đôn từng viết: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có

thần” là bởi thế. Thơ bao giờ cũng ngắn gọn, hàm súc, giàu hình tượng, giàu nhạc điệu nên ngôn ngữ thơ cô đọng, lời ít ý nhiều. Thơ gắn liền với chiều sâu tâm hồn, thế giới nội tâm sâu kín của con người nên thơ có khả năng lay động trái tim con người một cách kì diệu. Trong thơ có nhiều khoảng trống, khoảng trắng đòi hỏi sự liên tưởng phong phú và đồng cảm của người tiếp nhận. Thế nên, đọc một bài thơ thì dễ mà hiểu được thơ, cảm được thơ thật khó.

Bàn về chuyện thơ hay, nhà thơ Xuân Diệu khẳng định: “Thơ hay là hay cả lẫn xác....”, nghĩa là hay từ cảm hứng sáng tạo, tình ý trong thơ đến ngôn ngữ nghệ thuật biểu hiện. Bài thơ hay có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Bài thơ hay tự nó có sức lôi cuốn kỳ lạ đánh thức mỗi cảm trong ta khiến ta yêu thích, ngâm ngợi, ta như được chia sẻ, giải bày, có sức dư ba, lay động trái tim ta khiến ta không thể chỉ đọc một lần.....

Cái đẹp của tình ý trong thơ ẩn sâu dưới lớp vỏ ngôn từ, k phải đọc qua mà hiểu hết được, ta phải dừng tay lật đi lật lại trang thơ. đọc đi đọc lại, lắng sâu tâm hồn để cảm nhận, thưởng thức nhâm nhi, suy ngẫm, lật xoay các góc, các chiều để thấy hết được chiều sâu suy ngẫm, sức lan tỏa, lay động của nó. Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lý trí hay tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “tất cả tâm hồn” để cảm và hiểu cái hay cái đẹp của thơ, cho đến lúc tự bài thơ phát sáng làm rung lên mọi cung bậc tình cảm trong tâm hồn ta. Bài thơ “....” củaxứng đáng là một “bài thơ hay” đáng để ta “dừng tay trên trang giấy đáng lẽ lật đi, và đọc lại bài thơ. Tất cả tâm hồn chúng ta đọc...”.

- **Chứng minh:** .

* ***Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm.***

Y Phương là người con của rừng núi Cao Bằng nên thơ ông thấm nhuần những tinh hoa, cái đẹp của của dân tộc Tày, cuốn hút người đọc nhờ vẻ đẹp chất phác, chân thật mộc mạc, mạnh mẽ, trong sáng, ngôn ngữ, h/a thơ đậm lối tư duy giàu hình ảnh của người vùng cao. Đọc thơ Y Phương, người ta dễ bị hút hồn bởi *bản sắc vùng cao* rất riêng và đậm đà. “Nói với con” ra đời năm 1980, viết về một đề tài hết sức quen thuộc nhưng hoàn toàn có một lối đi riêng, một giai điệu mới. Tự nhiên, ấm áp như hơi thở, như dòng máu người Tày chảy trên đầu ngọn bút, không quá dài, chỉ với 28 câu thơ tự do, bài thơ nhỏ xinh, chất phác, bình dị; hồn hậu trong cảm xúc; mạnh mẽ trong ý chí; ngọt ngào, rắn rỏi trong giọng điệu; gân guốc trong tư duy, cách xây dựng hình ảnh...Tất cả như bật ra từ vô thức, bình dị, chất phác như tâm hồn người Tày, như cuộc sống của quê hương nhà thơ vậy! Mượn lời của người cha nói với đứa con yêu dấu, bài thơ thể hiện tình cảm gia đình đầm ấm, nghĩa tình quê hương tha thiết ngọt ngào, là tiếng hát ngợi ca truyền thống, sức sống bền bỉ của dân tộc mình, để qua đó, dường như Y Phương muốn làm một cuộc sắp xếp hành trang cho con lên đường, bước vào đời qua lời cha truyền thắm cho con về truyền thống quê hương, về những bài học “lên đường” vô giá.

* **LĐ 1: “Nói với con” hay và độc đáo ở nghệ thuật biểu hiện:**

+ Bài thơ viết theo thể tự do phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên linh hoạt: Mạch cảm xúc phát triển từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống, cách

dẫn dắt tự nhiên, có tầm khái quát và vô cùng thấm thía. Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con.

+ Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu xa, có sức quyến rũ kì lạ, khơi gợi nhiều liên tưởng “Quá là một thứ ngôn ngữ thô cảm quyến rũ”.

Đọc bài thơ *Nói với con* người ta dễ quên đi sự tinh táo để lí giải, cắt nghĩa về vẻ đẹp trong từng câu chữ. Đúng vậy, bởi đó là một thứ ngôn ngữ quá tự nhiên, quá mộc mạc, như hơi thở, như cuộc sống, như dòng máu của người Tày chảy qua đầu ngọn bút mà thành thơ vậy:

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.*

Những câu thơ là những lời kể, tả hết sức bình dị: Chân phải, chân trái, một bước, hai bước...đó là hình ảnh những bước chập chững đầu tiên của đứa con thơ. Những con số khô khan “một, hai” bước vào trang thơ Y Phương được “phù phép” hóa thành ánh nhìn chăm chú của cha mẹ, trông chờ, mong mỏi để đếm từng bước đi của đứa con thơ, niềm vui, niềm hạnh phúc đang tràn ngập khắp cả ngôi nhà.

Nhà thơ đã vận dụng lối diễn đạt của người vùng cao để xây dựng hình ảnh thơ. Những hình ảnh vừa cụ thể, gần gũi, vừa mang tính khái quát cao, giàu ý nghĩa biểu tượng. Bình dị, mộc mạc nhưng lại mang vẻ đẹp nên thơ:

*Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng.*

Cách gọi “người đồng mình” ít bắt gặp nhưng khi vào thơ Y Phương lại đầm ấm, mến thương. Bóc tách lớp vỏ ngôn từ ban đầu là cả một không gian văn hóa vùng cao được nhà thơ tái hiện. Có thể nói, ngôn từ, hình ảnh trong thơ Y Phương không phải bao giờ cũng cắt nghĩa, lí giải một cách tường tận rõ nghĩa trắng đen thành lời mà cái chính là người đọc phải cảm nhận được cái linh hồn thần thái của nó. Rất cụ thể mà giàu sức khái quát, có khi mơ hồ, có vẻ như vô lí mà lại hết sức có lí, hết sức chân thật - đó cũng là điều thú vị trong bài thơ “Nói với con”.

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn...*

Một cách nói mang đậm dấu ấn, cách tư duy của người miền núi. Lấy cái cụ thể làm thước đo cho cái trừu tượng. Lấy cái cao, cái xa của đất trời để đo kích cỡ của nỗi buồn và chí hướng. Những nỗi niềm, khát vọng của họ mang tầm vóc của núi cao, sông dài....giản dị, gần gũi nhưng cũng đầy những tầng nghĩa đáng suy ngẫm.

Lên đường

*Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.*

Bằng cách dùng từ, lối phô diễn giản dị mộc mạc, bằng lối tư duy giàu hình ảnh khiến những câu thơ của Y Phương vừa có tính vật chất cụ thể, vừa thể hiện một trí tưởng tượng bay bổng, vừa hồn nhiên chân thật, lại vừa gọi những liên tưởng sâu sắc. Vì vậy có thể nói bài thơ đã đi vào tâm trí người đọc trước hết bằng con đường của trực giác. Đó chính là sức mạnh của lối tư duy bằng hình ảnh – một nét không thể trộn lẫn của thơ Y Phương.

Cùng với việc sử dụng từ ngữ và hệ thống hình ảnh mang đậm bản sắc vùng cao, giọng điệu cũng là một phương tiện khá đặc sắc đã chở tải một cách hiệu quả những giá trị tư tưởng đẹp đẽ của bài thơ. Đọc “Nói với con” ta bắt gặp một giọng điệu đa thanh, vừa đầm thắm chất trữ tình, vừa hào hùng chất sử thi, vừa hồn nhiên chân chất, vừa sâu lắng tâm tư, lúc bay bổng nhẹ nhàng khi khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, có lúc ta như thấy được ở đó một cánh võng êm ái, có lúc là một sự vượt ve đầy âu yếm, có lúc là đôi bàn tay chắc nịch, khỏe khoắn sẵn sàng nâng con dậy khi con vấp ngã trên đường đời...

Phần đầu bài thơ là khúc hát tâm tình trong giọng điệu nhẹ nhàng mà vô cùng ấm áp. Giọng thơ vui tươi, hồn nhiên, tự nhiên như chính cuộc sống ấm áp đã tràn vào thơ. Khi con bước những bước đầu tiên trên hành trình chinh phục thử thách lâu dài và gian khổ âm điệu câu thơ bỗng trở nên nhọc nhằn mà cũng đầy gắng gỏi.

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

Giọng điệu thơ lúc này trở nên chắc, gọn, rắn rỏi, mạnh mẽ, khỏe khoắn, như nắng, như gió, như sức vóc, như tâm hồn người vùng cao. Đoạn thơ dồi dào nhạc điệu, được tạo nên bởi điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu, nhịp thơ khi vươn dài gắng gỏi, khoáng đạt, khi rút ngắn chắc nịch, mạnh mẽ như muốn thể hiện cái tư thế kiêu hãnh của con người quê hương trước những khó khăn thử thách. Đó là nguồn tiếp sức cho con, cho con một tư thế, một niềm tin, lẽ sống.

Rắn rỏi, mạnh mẽ, chắc nịch, khỏe khoắn nhưng âm hưởng chung của bài thơ không hề thô cứng. Sự góp mặt của nhiều tình thái từ trong bài thơ như “... yêu lắm con ơi; ...thương lắm con ơi; ...nghe con...” cùng với sự lặp lại của cụm từ “Người đồng mình” như một điệp khúc, như một nốt nhấn đã làm cho âm điệu thơ trở nên mềm mại, tha thiết, ngọt ngào hơn. Những đặc sắc về nghệ thuật ấy cộng hưởng với những cung bậc cảm xúc khi sâu lắng, lúc sôi nổi trong lời cha truyền thấm cho con đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thi phẩm.

LĐ2: “Nói với con” của Y Phương hay, độc đáo trong nội dung cảm xúc:

Trong lời tâm tình của người cha với con, Y Phương đã thể hiện một tình yêu con mang màu sắc riêng: không chỉ bao bọc, chở che mà hướng tới để hình thành cho con một diện mạo tâm hồn, một bản lĩnh sống, bản lĩnh văn hóa; tiếp sức cho con, khích lệ con để con sống sâu sắc, tình nghĩa, sống mạnh mẽ, kiêu hãnh như chính con người quê hương mình giúp con cảm nhận được sự ấm

áp của tình cảm gia đình, sự hào phóng, rộng lượng của quê hương để hình thành trong con tình yêu gia đình, quê hương.

Cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người. Đó là tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – tình cảm gia đình tha thiết.

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười.

Bước chân trẻ thơ đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ để hưởng tình yêu thương bao la, lúc thì bước tới cha, bước tới niềm tin mạnh mẽ. Gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đưa con vào lòng gọi khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười, niềm hạnh phúc tràn đầy cả ngôi nhà. Tình cảm gia đình thiêng liêng, sâu sắc, mỗi dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt đã được hình thành từ những giây phút hạnh phúc bình dị, đáng nhớ ấy. Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến sợi dây tình cảm gia đình sâu kín của mỗi con người nên tạo được sự đồng cảm, rung động mạnh mẽ, sâu sắc đến độc giả.

Gia đình là cội nguồn sinh dưỡng của con, là cái nôi cho con những yêu thương, ấm áp đầu đời. Cha nhắn nhủ con: trên hành trình dài rộng của cuộc đời mỗi con người, để có sự vững vàng, có niềm vui đầy ắp trong tâm hồn, sự hiểu biết mới mẻ.. thì con k được phép quên gia đình, quê hương, xứ sở. Con k quên thì bàn chân mới biết trở về, trái tim mới rộng mở, biết nâng niu, trân trọng t/c gia đình ấm áp, yêu thương để từ đó con vững bước vào đời.

Con k chỉ được sống trong cái nôi êm ái của gia đình mà còn được chở che trong tình quê hương sâu nặng. Thiên nhiên qh tươi đẹp và thắm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẽ chia giúp cho con trưởng thành.

Người đồng mình yêu lắm, con ơi!

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát.

Nói với con về những “người đồng mình”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần về những con người đáng yêu, đáng quý. Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của họ được gợi ra qua những hình ảnh thật đẹp! Các động từ “cài”, “ken” vừa miêu tả chính xác động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó, quấn quýt của những con người quê hương trong cuộc sống lao động. Cái “yêu lắm” của “người đồng mình” là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao!

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng.

Quê hương thật gần gũi, thân thương. Qh là nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người. Thiên nhiên quê hương đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống. Cha muốn nói với con rằng: Con là người hạnh phúc khi được sinh ra và lớn lên trong c/s lao động êm đềm và

những ân tình, ân nghĩa của quê hương. Qh chính là cội nguồn hạnh phúc của con người, con hãy khắc ghi điều đó!

Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình bằng lời tâm tình tha thiết, với bao vỗ về yêu thương. Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

Người đồng mình thương lắm con ơi!

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn.

Bằng lối tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy cái cao vờn vợi của trời để đo nỗi buồn, lấy cái xa của đất để đo ý chí con người. Cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc. Do vậy con phải biết kính trọng, mến yêu.

Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, nguồn cội:

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

Những câu thơ dài, ngắn đan xen, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương. Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. Người đồng mình thủy chung gắn bó cùng quê hương, dầu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sông trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người. Thế nên con hãy biết yêu thương, trân trọng, tự hào.

Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

“Thô sơ da thịt” là cách nói bằng hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày, người ca những con người mộc mạc, giản dị, chất phác, thật thà, chịu thương, chịu khó, họ có phần thô kệch, k biết nói hay nói khéo, họ chân thật, mộc mạc, giản dị nhưng họ “chẳng nhỏ bé” - ý chí, nghị lực, cốt cách và niềm tin thì lớn lao vô cùng. Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục.

Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin. Cha nói với con về nỗi vất vả gian lao lẫn nỗ lực vươn lên của người đồng mình bởi cha muốn con kế thừa tt tốt đẹp của qh.

Bài thơ khép lại bằng lời động viên con, bằng lời nhắn nhủ triu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

Con sẽ lớn khôn, sẽ rời vòng tay ôm ấp của cha mẹ để tự mình đến với cuộc đời rộng lớn do vậy hành trang mà con mang theo k chỉ là nền tảng văn hóa gia đình mà còn là những giá trị văn hóa bền vững của quê hương xứ sở. Thế nên con hãy tự tin vững bước. Trong hành trang của con mang theo khi “lên đường” có một thứ quý giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Cha muốn con giữ được nét thô sơ, giản dị, thật thà mộc mạc của người đồng mình nhưng không bao giờ được nhỏ bé về tâm hồn, hãy mạnh mẽ, khoáng đạt giàu ý chí nghị lực, tự tin vững bước trên hành trình dài rộng của cuộc đời. Cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

Lời dặn của cha thật mộc mạc, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời, tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương. Lời dặn dò của cha thể hiện tình phụ tử thiêng liêng sâu nặng.. Cha giúp con hiểu những khó khăn, vất vả, những gian nan, thử thách để từ đó khơi dậy niềm yêu thương, sự trân trọng, mối đồng cảm với con người quê hương và hình thành trong con sức mạnh, bản lĩnh để con sống mạnh mẽ, tự tin. Cha khơi dậy trong con niềm tự hào về bản sắc, truyền thống quê hương để hình thành ý thức tiếp nối truyền thống đó đồng thời nhắn nhủ, động viên, khích lệ con hãy lên đường bằng chính sức mạnh và tầm vóc của quê hương mình.

Nếu mẹ là bông hoa cho con cài lên ngực thì cha là cánh chim cho con bay thật xa. Nếu mẹ cho con những lời ngọt ngào yêu thương vỗ về thì cha cho con tinh thần ý chí nghị lực, ước mơ khát vọng, lối sống cao đẹp. Bài thơ tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin, nghị lực, ý chí vươn lên. Bài thơ là những suy tư giàu tính trải nghiệm về lẽ sống, về đạo lí làm người, về sự gắn bó chung thủy với quê hương, làng bản của một người con nặng lòng với bản sắc dân tộc. Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của người cha tâm tình với con thơ mà còn là “tự nhà thơ nói với chính mình” và với xã hội về vấn đề bảo lưu bản sắc văn hóa dân tộc.

Bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi, Y Phương đã thể hiện t/c גד ảm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của qh và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc

miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Với những ý nghĩa đó, bài thơ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi từ tình cảm gắn bó đến tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, bình dị, nâng lên thành lẽ sống, từ lời tâm sự dặn dò con hôm nay thành lời nhắn nhủ cho những thế hệ con cháu mai sau. Vì thế đọc bài thơ “ Nói với con” k thể chỉ đọc một lần mà đọc nhiều lần, đọc bằng cả tâm hồn, trái tim mới thấm hết được cái hay của nó. Bài thơ là tiếng nói tiêu biểu của hồn thơ Y Phương- một hồn thơ chân thật, mạnh mẽ, giàu trải nghiệm, với một chất giọng sâu lắng và đầy nội lực- Một chất giọng có âm hưởng của nắng gió, của sông suối, của thác ghềnh, của một cuộc sống còn nhiều những nhọc nhằn gian khó nhưng đầy chí khí và niềm tin. Lời thơ khi nhẹ nhàng tâm tình, khi trầm tư sâu lắng, hình ảnh thơ được vẽ nên bằng lối cảm, lối nghĩ của người miền núi, một tính cách Tày, một hồn cốt Tày, tất cả cộng hưởng tạo ra không gian thơ độc đáo... “Nói với con ” xứng đáng là bài thơ hay khiến ta k chỉ đọc một lần mà bỏ xuống được

● **Đánh giá mở rộng**

Sức mạnh của tác phẩm văn học bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc, người nghe. Tác phẩm văn học là con đẻ tinh thần của nhà văn, là kết quả của quá trình lao động miệt mài nghiêm túc, kết tinh tài năng, sáng tạo, tình cảm, tâm huyết của người nghệ sĩ. Nhà văn gửi nỗi lòng, truyền cảm hứng vào từng câu chữ thế nên nội dung phải chuyển tải trong một nghệ thuật độc đáo, sáng tạo, có tính thẩm mỹ thì tác phẩm ấy mới có sức sống lâu bền trong lòng người đọc. Để tác phẩm sống được trong lòng độc giả nhà văn phải trau dồi vốn sống, phải nhạy cảm trước cuộc đời, phải có đời sống tinh thần phong phú, trải nghiệm sâu sắc. Thêm vào đó, tiếp nhận một bài thơ hay là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, cảm nhận rung động với nó, đắm chìm tâm hồn trong thế giới nghệ thuật, lắng nghe tiếng lòng của thi nhân. Khi tiếp nhận, người đọc tìm thấy mình trong thế giới cảm xúc ấy, thả hồn cùng những vui buồn chờ đợi...để cùng rung cảm, nhận thức. Độc giả k chỉ cảm thụ được tác động của người cầm bút mà còn tham gia đồng sáng tạo, di dưỡng, thanh lọc tâm hồn, nâng tâm hồn mình thêm phong phú. Từ đó giúp cho người đọc được sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình .

MÙA XUÂN NHỎ NHỎ CỦA THANH HẢI

Đề 1. Nhà thơ Chế Lan Viên viết:

“*Hãy biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn*”

(*Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ “ Mùa xuân nhỏ nhỏ” của Thanh Hải để thấy được “ chất mặn” của thơ?

1. Giải thích sơ lược ý kiến của Chế Lan Viên.

- Câu thơ của Chế Lan Viên đề cập đến đặc trưng của văn chương, nghệ thuật: lấy cái đẹp của hiện thực làm chất liệu, đề tài, cảm hứng sáng tác. Mọi sáng tạo nghệ thuật đều bắt nguồn từ đời sống.

+ "Vị muối của đời" là hiện thực cuộc sống, là những cung bậc cảm xúc của con người: trần trụi, lo âu, buồn phiền, sung sướng, hạnh phúc... Là nhà thơ chân chính phải lăn lộn ngoài cuộc đời sương gió kia, phải cảm nhận hết nỗi đau, niềm vui, hạnh phúc của con người rồi thổi hồn vào tác phẩm thơ mới mặn mà, mới neo chặt vào bến hồn người đọc. Họ phải bám chặt, cắm rễ vào mảnh đất hiện thực mới có thể trở thành dòng suối trong trẻo chảy vào lòng bạn đọc.

+ "Chất mặn" của những vần thơ là bức thông điệp, là cái tình của tác giả gửi gắm, là những rung động sâu xa trước hiện thực cuộc sống.....

=> Nhận định đã phản ánh đúng bản chất của văn học, nghệ thuật phải cắm rễ vào hiện thực cuộc sống, phải là những rung động mãnh liệt của nghệ sĩ trước cuộc sống ấy... Nếu chỉ là "vị muối của đời" mà không có tài năng, trái tim nhạy cảm hơn người của nhà thơ thì cũng khó làm nên những vần thơ trác tuyệt. Cái "vị muối của đời" ấy phải xuyên qua trái tim thi sĩ, thấm nhuần trong tâm hồn thi sĩ thì mới thành những vần thơ bất hủ. Do đó, một nhà thơ vĩ đại phải là một nhà thơ có tài và trên hết anh phải có vốn sống, phải tắm mình trong bể muối cuộc đời để những niềm vui, hạnh phúc cả những nỗi đau sáng bừng trong thơ, có như vậy mới trở thành mạch nguồn trong trẻo qua tim bạn đọc.

2. Chứng minh qua "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải.

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

2.2 Luận điểm

*** Luận điểm 1: "Vị muối của đời" trong "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải bắt nguồn từ hoàn cảnh riêng của nhà thơ và công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh.**

Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" ra đời trong hoàn cảnh rất đặc biệt khiến chúng ta vô cùng xúc động. Ra đời tháng 11 năm 1980, khi ông đang nằm trên giường bệnh, một tháng sau thì ông qua đời. Không thể ngờ rằng trong những thời khắc cuối cùng của cuộc đời trên giường bệnh mà ông vẫn có thể làm nên một dòng cảm xúc trỗi dậy trong sáng, tin yêu phơi phới một tinh thần lạc quan và nổi bật một khát vọng hòa nhập, cống hiến đẹp đến vậy. Năm 1980 cũng là năm đất nước ta đang gặp rất nhiều khó khăn trong công cuộc bảo vệ TQ. Trong hoàn cảnh ấy, bài thơ ra đời đã thể hiện cảm hứng đón nhận thanh sắc, đất trời mùa xuân, cảm nhận đầy tự hào về bước đi lên thanh xuân của đất nước. Bài thơ trước hết là sự kết tinh, chất lọc của tâm hồn thơ Thanh Hải với cách nói nhỏ nhẹ, khiêm nhường nhưng có sức lay động, làm xao xuyến lòng người. Để rồi, từ những cảm xúc trong sáng ấy của mình tiếng lòng của ông đã tạo nên những dư ba trong tâm hồn triệu triệu độc giả mọi thời đại.

*** Luận điểm 2: Từ "Vị muối của đời" bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải đã "cho thơ chất mặn" đó là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, là ước nguyện được hiến dâng, cống hiến cho cuộc đời chung.**

- Bài thơ là cảm xúc mãnh liệt, chân thành của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước.

+ Chỉ bằng vài nét vẽ đơn sơ mà đặc sắc, với những hình ảnh thân quen, bình dị, nhà thơ đã gợi lên một phong cảnh mùa xuân tươi tắn, thơ mộng, đậm phong vị xứ Huế: Dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang

trời. Bức tranh xuân có không gian thoáng đãng, có màu sắc tươi tắn hài hoà, có âm thanh rộn rã tươi vui, cảnh vật tràn đầy sức sống. Nhà thơ có cái nhìn triu mến với cảnh vật. Đặc biệt, cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân được thể hiện trong một động tác trữ tình đón nhận, vừa trân trọng vừa tha thiết triu mến: “Từng giọt...tôi hứng”. Hình ảnh thơ trở nên lung linh đa nghĩa, vừa là thơ vừa là nhạc, vừa là hoạ, thể hiện được cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước cảnh đất trời xứ Huế vào xuân. Phải có một tình yêu tha thiết, một tâm hồn lạc quan với cuộc sống mới có thể đón nhận mùa xuân và viết về mùa xuân như vậy.

+ Từ mùa xuân của thiên nhiên, đất trời, tác giả cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Hình ảnh lộc xuân theo người ra trận, theo người ra đồng làm đẹp ý thơ với cuộc sống lao động và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ - hai nhiệm vụ không thể tách rời. Có thể nói, chính con người đã tạo nên sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất nước. Sức sống của đất nước, của dân tộc cũng được tạo nên từ sự hồi hã, náo nức của người cầm súng, người ra đồng. Nhà thơ bộc lộ niềm tự hào về một đất nước anh hùng và giàu đẹp. Đất nước mãi trường tồn, vĩnh cửu cùng vũ trụ, sẽ toả sáng như những vì sao trong hành trình đi đến tương lai rực rỡ, đi đến bên bờ hạnh phúc. Đó là ý chí quyết tâm, niềm tin sắt đá, niềm tự hào lạc quan của cả dân tộc.

- Trước mùa xuân lớn của đất nước, nhà thơ tâm niệm về mùa xuân riêng của mỗi cuộc đời và dạt dào khát vọng hiến dâng.

+ Nhà thơ nguyện ước làm con chim hót dâng cho đời tiếng ca vui, làm bông hoa trong hương sắc của muôn hoa, làm nốt trầm xao xuyến trong bản hoà tấu muôn điệu, muôn lời ca, làm một mùa xuân nho nhỏ để hoà góp chung vào mùa xuân lớn lao của đất nước. Đó là khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung. Đây là một quan niệm sống đẹp và đầy trách nhiệm. Làm một mùa xuân là sống đẹp, giữ mãi sức xuân để cống hiến, cống hiến khi ở tuổi thanh xuân – khi tóc bạc, bất chấp thời gian, tuổi tác: “Một mùa xuân...tóc bạc”. Đây không chỉ là khát vọng của mỗi con người mà là khát vọng của mọi lớp người, mọi lứa tuổi, tất cả đều phấn đấu không mệt mỏi cho đất nước.

+ Những câu thơ này không chỉ là lời tự nhắc nhở bản thân mình mà còn như một sự tổng kết, đánh giá của tác giả về cuộc đời. Vượt lên đau đớn của bệnh tật, Thanh Hải vẫn sáng lên một bản lĩnh, một tình yêu cuộc sống mãnh liệt, một khát vọng mạnh mẽ được cống hiến cả cuộc đời mình, được hoá thân vào mùa xuân đất nước.

*** Luận điểm 3: “Vị muối của đời” trong “Mùa xuân nho nhỏ” đã được nhà thơ Thanh Hải truyền tải qua một hình thức nghệ thuật đặc sắc để “cho thơ chất mặn”**

- Nhan đề Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tạo bất ngờ, độc đáo mà rất hợp lý, chứa đựng chiều sâu chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm qua thi phẩm.
- Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên mà chặt chẽ, lôgic, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.

- Bài thơ được viết bằng thể thơ ngũ ngôn không ngắt nhịp trong từng câu, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca miền Trung, xứ Huế. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc.

- Hình ảnh thơ: Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).⁴

- Ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Có những câu thơ cứ như câu nói tự nhiên, không trau chuốt từ ngữ nhưng vẫn mang âm hưởng thi ca. Cách sử dụng nghệ thuật đảo cấu trúc ngữ pháp, câu hỏi tu từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ngữ pháp độc đáo, giàu ý nghĩa. Cách sử dụng đại từ nhân xưng: “tôi – ta”...

- Giọng điệu bài thơ diễn tả đúng tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ : Vui tươi, say sưa ngây ngất ở đoạn đầu; trầm lắng, thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết.

-> Sức hấp dẫn từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi từ tình yêu thiên nhiên đến tình yêu quê hương, đất nước, từ khát vọng nhỏ bé, khiêm nhường của một cá nhân nâng lên thành lẽ sống cao đẹp giàu giá trị nhân văn. Vì thế với *Mùa xuân nho nhỏ* ta không thể chỉ đọc một lần, không chỉ đọc bằng lý trí hay tình cảm mà phải đọc bằng cả tâm hồn. Khi người đọc đã đồng điệu với cảm xúc của nhà thơ, khi ấy thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

* Đánh giá

Câu thơ của nhà thơ Chế Lan Viên hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ thơ chẳng ở đâu xa mà thơ chính là cuộc đời rộng lớn nơi ta đang đặt trọn niềm tin vào từng hơi thở của hiện thực cuộc sống thông qua tài năng, tâm huyết, cái tình của nhà thơ. Thơ kì diệu và ddng giá vô cùng, thế nên khi nhà thơ cầm bút tức là nhà thơ đã hoà mình vào với cuộc đời, yêu cuộc đời bằng bầu máu nóng của mình để cho ra đời những vần thơ toả hương. Lúc này, nhà thơ chính là con ong hút mật, chắt lọc tinh túy cuộc đời mà viết nên trang. Còn độc giả cũng chẳng thể đứng ngoài cuộc đời ấy, họ là những người bạn tâm tình thấu hiểu, cùng nhà thơ cảm nhận vẻ đẹp cuộc đời.

Đề 2 :Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: “Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua *Mùa xuân nho nhỏ* của nhà th Thanh Hải, *Ngữ văn 9*, tập hai, NXB Giáo dục, 2004. Liên hệ với bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh?

Gợi ý:

a.Giải thích:

- Nghệ thuật: là những đặc sắc về hình thức (ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...)
- Trái tim: là thế giới của đời sống tâm hồn, tình cảm, tâm nguyện... với những rung động thẩm mĩ nhạy cảm thể hiện thiên chức của người nghệ sĩ.
- Để có những bài thơ hay đòi hỏi người nghệ sĩ vừa phải có tài, vừa phải có tâm.

b.“Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ »

Nhận định của Andre Chenien đã khẳng định đặc trưng của thi ca và vai trò, thiên chức của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật."Nghệ thuật" là

yếu tố hình thức tạo nên nét đặc trưng cho bài thơ. Một bài thơ có giá trị phải có những sáng tạo nghệ thuật độc đáo được làm nên từ tài năng thiên phú của người nghệ sĩ. Nhưng, "nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ" còn "trái tim mới làm nên thi sĩ". "Trái tim", đó là thế giới tâm hồn nhà thơ chứa đựng những tư tưởng, tình cảm, những rung động trước cuộc đời... Chính thế giới tâm hồn ấy đã làm nên cái hồn thơ, là yếu tố không thể thiếu của một nghệ sĩ chân chính.

Với Tố Hữu thì “Thơ là cái nhụy của cuộc sống”, với Sóng Hồng thì “Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời”. Nhưng tất cả đều đồng ý rằng, thơ là hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm. Thơ ca là hoa thơm của cuộc đời. Nhà thơ đã nhặt những hạt bụi quý trong cuộc đời mênh mông vô tận để làm nên những bông hồng vàng quý giá, đem lại niềm vui và cái đẹp cho tâm hồn người đọc. “Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ” – Những đặc sắc về hình thức của tác phẩm thơ ca: thể loại, cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh, nhạc điệu, các biện pháp tu từ... sự chất lọc kết tinh nơi ngôn từ, nhịp điệu, hình ảnh, âm điệu, âm hưởng, nhạc điệu, âm thanh tạo nên những vần thơ đẹp, gây ấn tượng ... Nghệ thuật làm cho thơ trở nên đẹp đẽ, gieo vào lòng người đọc những rung cảm sâu xa.

Nghệ thuật thơ là lớp áo lấp lánh của hồn ngọc nội dung. Cái lớp ngôn từ bên ngoài đẹp đẽ sẽ chỉ là một thứ vỏ không hồn nếu nó chẳng chứa đựng một nội dung cao cả gây xúc động lòng người. Bởi thế “Trái tim mới làm nên thi sĩ” “Thơ ca là nơi người nghệ sĩ gửi gắm tâm tình, mơ ước, khát vọng, những băn khoăn, rạo rực, ưu tư. Đến với thơ, người đọc trước hết sẽ gặp tâm tư, nỗi lòng của người cầm bút, sau đó sẽ gặp chính tâm tư của mình bởi thơ là “tiếng nói đồng ý, đồng chí, đồng tình”. Thơ phải lấy điểm tựa là tâm hồn và trái tim người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ lấy những cảm xúc chân thực của mình ra để viết nên những vần thơ làm rung động lòng người. Thơ ca tạo nên những nhịp cầu vô hình dẫn dắt những tâm hồn đến với tâm hồn, những trái tim đến với trái tim để con người cùng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, ước mơ, hi vọng, hướng con người tới đỉnh cao của Chân-Thiện-Mỹ. Cũng vậy, khi ta ngân nga lời thơ mượt mà trong “MXNN” của Thanh Hải ta sẽ cảm nhận nhịp đập rộn ràng của trái tim Thanh Hải đang hướng về cuộc đời tươi đẹp...

b. Làm sáng tỏ qua *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải: (5.0 điểm)

(Có thể vận dụng câu: thơ hay là hay cả hồn lẫn xác...., thi trung hữu nhạc, thi trung hữu họa)

* Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm:

Thanh Hải là cây bút có công lớn thấp sáng ngọn lửa thi ca cách mạng trong lòng miền Nam trong những năm dài đen tối, đầy máu và nước mắt dưới ách thống trị tàn bạo của chế độ Mĩ – Ngụy. Thơ ông chân chất, bình dị, đôn hậu và chân thành, ngôn ngữ trong sáng, giàu âm điệu, nhạc điệu, cảm xúc thiết tha, chân thành và lắng đọng. Với cảm xúc dạt dào mến yêu, nhà thơ đã cất lên tiếng thơ ca ngợi tình yêu quê hương đất nước trong bài thơ “MXNN”. Thi phẩm được Thanh Hải viết vào tháng 11 năm 1980, khi ông còn nằm trên giường bệnh, một tháng sau thì ông qua đời. Bài thơ như một lời di huấn thiêng liêng của người nghệ sĩ trước khi giã từ cõi thực để vào cõi hư. Đó là những lời thơ ca ngợi vẻ đẹp và khí thế của đất nước vào xuân, thể hiện khát vọng và tình

yêu thiết tha được trọn đời hiến dâng cho quê hương, đất nước. Từ khi ra đời, bài thơ đã ngân nga trong lòng bạn đọc bao thế hệ không chỉ bởi nhạc điệu trong sáng, âm hưởng rộn rã, reo ca, lời thơ thiết tha, sâu lắng mà còn bởi trái tim yêu say thiên nhiên, đất nước, tiếng lòng, ước nguyện được hiến dâng của thi sĩ Thanh Hải.

Luận điểm 1: Những đặc sắc về nghệ thuật trong “ Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải đã làm nên những vần thơ thật đẹp. Bài thơ nhanh chóng chinh phục người đọc trước hết bởi âm hưởng ngân nga mà sâu lắng, bởi năng lượng cảm xúc dồi dào truyền tải và lan toả. Chính giọng điệu dịu ngọt, thiết tha, chan chứa tình yêu đời, yêu cuộc sống đã tạo nên giá trị nghệ thuật đặc sắc và góp phần làm nổi bật lên cấu tứ, hình ảnh, hình tượng và ngôn từ của bài thơ. Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên mà chặt chẽ, logic, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ những cảm xúc trực tiếp hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, từ đó mở rộng cảm nghĩ về mùa xuân đất nước. Từ mùa xuân lớn của thiên nhiên đất nước mà liên tưởng tới mùa xuân của mỗi cuộc đời – một “mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn. Mạch cảm xúc ấy trôi chảy tự nhiên suốt bài thơ kết hợp những hình ảnh thơ độc đáo, bất ngờ; nhạc điệu, trạng thái xuất thần của cảm xúc đã khiến bài thơ trôi chảy một cách tự nhiên như một dòng sông đầy ắp hiền hoà, ào ạt reo ca.

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
”Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”.*

Ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Cách sử dụng nghệ thuật đảo cấu trúc ngữ pháp « Mọcmột bông hoa tím biếc» câu hỏi tu từ « «Hót chi mà vang trời » ẩn dụ chuyển đổi cảm giác « từng giọt long lanh rơi », điệp từ, điệp ngữ, « ta làm, ta nhập » điệp cấu trúc ngữ pháp « Tất cả như hối hả » « «Tất cả như xôn xao », sự chuyển đổi đại từ « tôi – ta » ...độc đáo, giàu ý nghĩa. Lời thơ vút lên, bay bổng, lan tỏa gợi không gian khoáng đạt rộng lớn, như dặt dìu mời gọi, tất cả đã vẽ ra bức tranh mùa xuân của thiên nhiên tươi đẹp, tấu lên khúc ca chan chứa nhiệt huyết tình yêu cuộc sống và khát vọng dâng hiến mùa xuân cho cuộc đời và thi ca của nhà thơ.

Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân). Khổ đầu bài thơ, nhà thơ phác họa hình ảnh mùa xuân bằng các chi tiết bông hoa, tiếng chim, khi mạch thơ chuyển sang bày tỏ suy nghĩ, tâm niệm nhà thơ cũng đã dùng những hình ảnh này thật tự nhiên. Cách cấu tứ lặp như vậy tạo sự đối ứng chặt chẽ.

Với thể thơ ngũ ngôn không ngắt nhịp trong từng câu, mang âm hưởng nhẹ nhàng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca miền Trung, xứ Huế. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc. Những làn điệu dân ca xứ Huế, trong trẻo, bình yên được tấu lên bởi

nhịp phách tiền nhịp nhàng, rộn rã, tươi vui, những âm điệu đặc trưng xứ Huế đã ăn sâu vào máu thịt nhà thơ, ngân lên thành khúc nhạc ngợi ca quê hương, đất nước

*Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế*

Giọng điệu bài thơ diễn tả đúng tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ : Vui tươi, say sưa ngây ngất ở đoạn đầu; trầm lắng, thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết... Những đặc sắc nghệ thuật ấy đã làm nên giai điệu ngọt ngào của bản tình ca “MXNN” và trở thành “cỗ xe chuyên chở điệu hồn thi phẩm”, chuyên chở tiếng lòng nhà thơ.

Luận điểm 2: “ Trái tim” thi sĩ Thanh Hải đang ngân rung “những nốt trầm xao xuyến”, trái tim yêu cuộc sống của một tâm hồn luôn rộng mở, yêu say cái men đời luôn khát khao được dâng hiến “ MXNN” cho cuộc đời đã làm nên người nghệ sĩ chân chính – Thanh Hải - “ trái tim mới làm nên nghệ sĩ”

(Phân tích để thấy đc tiếng lòng nhà thơ)

Bài thơ được viết vào những ngày cuối đời, trước khi nhà thơ đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng trong bài thơ không hề gợi chút băn khoăn về bệnh tật, về những suy nghĩ riêng tư cho bản thân. Chỉ “lặng lẽ” mà cháy bỏng một tiếng lòng chân thành, tha thiết của một tâm hồn nghệ sỹ tinh tế, nhạy cảm, yêu say mê vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời nỗi khát khao được dâng hiến những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình cho đất nước, tiếng lòng của một con người yêu, gắn bó sâu nặng với cuộc đời, với quê hương đất nước.

Trong tâm hồn của người nghệ sỹ tài hoa Thanh Hải luôn tràn đầy một tình yêu thiên nhiên đến lạ kì! Ngòi bút của thi sĩ đã thăng hoa, đã đồng điệu với vạn vật tự nhiên, thổi vào đó một tình xuân, ý xuân ngọt ngào, say đắm. Sao không yêu chứ, sao không ngây ngất chứ! Vẻ đẹp của xuân đất trời, xuân của lòng người rộn rã lắm, náo nức lắm.

Mọc giữa dòng sông xanh

.....

Tôi đưa tay tôi hứng

Mùa xuân về trong câu thơ Thanh Hải là màu xanh bát ngát của sự sống, của dòng sông xanh, của bông hoa tím biếc đang vận động, cựa quậy trong từng vùn thơ, của tiếng chim chiền chiện lãnh lót hót vang trời. Nguồn thi cảm dạt dào về mùa xuân bất tận khiến TH rút những sợi tơ lòng dệt nên bức họa tuyệt đẹp của mùa xuân có hình khối màu sắc, có xa, có gần, có tĩnh có động, có nhịp đập trái tim thổn thức, có âm thanh rộn rã, có tình người đắm say. Chỉ một vài nét chấm phá mà sao bức tranh xuân ấy lại đẹp và tinh tế đến vậy.

Một mùa xuân dịu dàng tươi sáng bởi màu sắc, náo nức rộn ràng bởi âm thanh, và lòng rộng không gian. Thiên nhiên tràn trề sức sống mãnh liệt và dâng hiến hết mình: sông hết mình xanh, bông hoa hết mình tím, và con chim nhỏ bé kia cũng đang căng hết sức lực của vòm ngực cất lên tiếng hót làm vang động cả bầu trời cao rộng.

Vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất ấy có sức quyến rũ, mê hồn, khiến thi sĩ như tỉnh như say. Tiếng gọi “ơi” sao mà tha thiết thế! Lời gọi ấy cất lên từ sâu

thăm tình yêu thiên nhiên, cất lên từ tấm lòng mến yêu cuộc sống. Nhà thơ thốt lên bằng câu hỏi tu từ “hót chi mà vang trời » tưởng như nghe được tiếng lòng triu mến bao dung, quyến luyến cõi đời của một người thơ xứ Huế. Âm thanh ríu ran như mời như gọi của chiến chiến khiến nhà thơ ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Thi sĩ đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn, người con đất Huế lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo. BP ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*Từng giọt long lanh rơi*” từ thính giác (vang trời) thành thị giác (giọt long lanh rơi) khiến hồn người ngất ngây. Phải chăng là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, là giọt nắng rơi sáng bên thềm, giọt mưa xuân đang rơi...hay chính là giọt âm thanh ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, giọt mùa xuân rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

Tiếng chim hồn nhiên, trong trẻo mà da diết phía bầu trời cao vút lại như kết đọng thành những giọt âm thanh rơi xuống hồn người, chạm vào cõi sâu lắng, khuấy lên bao nỗi niềm, dìu nhà thơ vào cõi mộng:

“Tôi đưa tay tôi hứng”.

Nhà thơ hứng lấy giọt âm thanh với một sự đón nhận, nâng niu, trân quý và cất giữ, như sợ rằng, nếu không làm như vậy giọt âm thanh ngọt lành kia sẽ tắt vào thinh vắng. Âm thanh ấy làm sống dậy cả không gian cao rộng, khoáng đạt, làm sống dậy, vực dậy cả một tâm hồn con người đang phải đối mặt với những bóng đen u ám của bệnh tật, với thời khắc ngắn ngủi của cuộc đời. Cử chỉ “Tôi đưa tay tôi hứng” - sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời với cảm xúc say sưa, ngây ngất, xôn xang, rạo rực. Nhà thơ như muốn ôm trọn vào lòng tất cả sức sống của mùa xuân tươi trẻ, của cuộc đời. Tình xuân, ý xuân rộn lên một tâm hồn lạc quan yêu đời, một niềm khát khao yêu cuộc sống vô bờ....

Nằm trên giường bệnh nhưng tâm hồn Thanh Hải vẫn giao hòa , giao cảm với cuộc đời chung . Ông vẫn cảm nhận được ngoài kia là không khí thời đại , là tinh thần cách mạng đang vô cùng hối hả khẩn trương với « lộc giắt đầy quanh lưng » trên vành lá nguyệt trang của người ra trận và « lộc trải dài nương mạ » của người ra đồng .

Mùa xuân người cầm súng

Lộc trải dài nương mạ

Cả dân tộc đang rất phấn khởi , tin tưởng trên con đường hàn gắn vết thương chiến tranh và từng bước dựng xây cuộc đời mới, nhịp sống khẩn trương, sôi động, náo nức rộn ràng của nhân dân ta trong cuộc sống mới:

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao

Nhà thơ vì thế đã cảm nhận được đất nước như vì sao – cứ đi lên phía trước với một niềm tin vô cùng tươi sáng. Nhịp điệu sống của đất nước được thể hiện rất rõ qua nhịp điệu “Tất cả/ tất cả: ” Dường như từ bầu trời, mặt đất, dòng sông, từ nhánh cây ngọn cỏ, từ khuôn mặt trẻ thơ, từ những vòng tay thân yêu đều hối hả, đắm mình trong không khí mùa xuân. “Tất cả” vì quá hân hoan, vì quá đắm say, quá xúc động nên đã không kìm giữ được lòng mình trước mùa xuân tươi đẹp của đất nước.

Từ cái đẹp của mùa xuân đất trời tạo vật cũng như từ cái đẹp của mùa xuân cuộc đời, mùa xuân thời đại như thể nhà thơ đã cảm thấy trời dậy trong lòng mình biết bao thôi thúc, giục giã. Ông chân thành tha thiết bày tỏ ước nguyện được đóng góp một chút tôi nhỏ bé của mình trước cái chung đang bùng bùng khí thế ấy. Niềm vinh dự tự hào như chất men say thôi thúc thơ ông cất lên tiếng hát:

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến”*

Người đọc bắt gặp một mùa xuân thi sĩ. Bằng điệp khúc “Ta làm”, “Ta nhập”... bài thơ đã tấu nên khúc ca chan chứa nhiệt huyết tình yêu cuộc sống và khát vọng dâng hiến mùa xuân cho cuộc đời và cho thi ca. Người nghệ sĩ ngôn từ đã nhận lấy trách nhiệm của mình với nhân dân đất nước: Làm một con chim hót trong muôn loài chim, làm một cành hoa trong rừng hoa muôn sắc. Làm “một nốt trầm” trong bản hoà ca muôn điệu. Làm “một mùa xuân nho nhỏ” trong mùa xuân rực rỡ và bất tận của đất trời. Lời lẽ bình dị, nhẹ nhàng, khiêm tốn nhưng có sức khái quát cao về một lẽ sống chân chính, một quan điểm nhân văn về thơ ca và người nghệ sĩ. Phải chăng “một nốt trầm” cũng có thể làm “xao xuyến” muôn lòng, khi người nghệ sĩ “từ chân trời của một người” đi đến và hoà nhập với “chân trời của nhiều người”, lặng lẽ hiến dâng những gì đẹp nhất, dù “nho nhỏ” của mình vào cuộc đời chung. Và nhà thơ đã kiên định một thái độ sống như vậy từ tuổi thanh xuân đến khi tóc bạc.

Nhà thơ Thanh Hải đã gửi lại cho đời “Một mùa xuân nho nhỏ”, “một nốt trầm xao xuyến”, nhưng đó là mùa xuân còn mãi như ngọn lửa nhỏ sẽ mãi nhen lên, đó là một nốt trầm cứ vang ngân không dứt. Bài thơ kết thúc khi đã làm lay động trái tim mỗi người bởi chất hoạ gợi cảm, chất nhạc vấn vương và ước nguyện thiết tha chân thành của tác giả. Đường như ước nguyện nhỏ bé khiêm nhường ấy không còn là của riêng Thanh Hải mà đã trở thành tiếng lòng chung của nhiều người. Bởi vậy mà đọc bài thơ ta luôn tự hỏi:

“Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn ? »
« Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình !”

Với sự chân thành của cảm xúc, sự tinh tế, giàu sức biểu cảm của ngôn từ và hình ảnh, “Mùa xuân nho nhỏ” đã tạo nên một sự cộng hưởng giữa nhà thơ với độc giả để rồi trở thành tiếng hát của muôn người, tiếng hát của lý tưởng sống cao đẹp, cái “Tôi” riêng của người nghệ sĩ đã hòa vào cái “Ta” chung của cuộc đời, làm thức dậy trong mỗi con người ý thức về một lẽ sống đẹp. “Mùa xuân nho nhỏ” là sự kết tinh, chất lọc của tâm hồn thơ Thanh Hải, một tiếng nói nhỏ nhẹ, khiêm nhường mà có sức lay động, mà làm xao xuyến lòng người. Lời thơ cất cánh từ cảm xúc, tình cảm riêng của cái “tôi” trữ tình đã có sức tác động mạnh mẽ đến tâm hồn tình cảm mỗi con người. Khi đã hòa “mxnn” của đời mình vào trong mùa xuân lớn của dân tộc thì đâu có chia tay nhưng k thấy mất mát bởi trong ta có mình, trong mình có ta...Đã đi xa thì vẫn là nước non mình. Dẫu hòa vào mùa xuân vĩnh hằng thì vẫn là ngàn dặm tình.. con người đã trở thành một phần hòa chảy của Tổ quốc mình. nhà thơ đã bộc lộ tình yêu tha thiết

của mình đối với quê hương, đất nước; thể hiện niềm tin yêu vào cuộc đời, vào đất nước với những giá trị truyền thống vững bền.

“ Mùa xuân nho nhỏ” đã trở thành bài thơ vượt thời gian, không gian, lắng lại trong tâm hồn bao thế hệ bạn đọc. Thi phẩm là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước; góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, thiết tha gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, tự nhiên, giản dị, gợi cảm, các phép tu từ đặc sắc.... *Mùa xuân nho nhỏ* xứng đáng là một bài thơ vừa đặc sắc về nghệ thuật, vừa tiêu biểu cho “trái tim” của nhà thơ.

*** Liên hệ với Quê hương :**

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét: “ Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm... Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi đời thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới của những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật...” Quả đúng như vậy, với nhiều hình ảnh so sánh đẹp, bay bổng đầy lãng mạn, sử dụng bp nhân hóa, so sánh độc đáo, thổi hồn vào sự vật khiến sự vật có một vẻ đẹp, một ý nghĩa, tầm vóc bất ngờ, hình ảnh thơ phong phú, bay bổng, lãng mạn, rất có hồn.. “Quê hương” đã dẫn ta về nơi chôn rau cắt rốn của nhà thơ – làng chài ven biển đầy thơ mộng. Nhà thơ đã viết *Quê hương* bằng tất cả tình yêu thiết tha, trong sáng, đầy thơ mộng của mình. *Quê hương* là nỗi nhớ da diết, là tình yêu đậm thắm của nhà thơ Tế Hanh. Một tâm hồn như thế khi nhớ nhung tất chẳng thể nhàn nhạt, bình thường. Nỗi nhớ quê hương trong đoạn kết đã đọng thành những kỉ niệm ám ảnh, vậy gọi. Bởi hình ảnh quê hương đã đậm sâu trong kí ức trong trẻo, trong tâm hồn nhà thơ thế nên nỗi nhớ quê hương luôn thường trực, da diết khôn nguôi. Bức tranh về quê hương vùng biển, cảnh và người vùng biển, nhất là tình của nhà thơ với quê hương luôn đọng đầy dư vị, ngân nga. Tình cảm ấy như chất muối thấm đậm trong từng câu thơ, trong hơi thơ bồi bồi, tha thiết.. *Quê hương* của Tế Hanh đã cất lên một tiếng ca trong trẻo, nồng nàn, thơ mộng về cái làng vịnh chài từng ôm ấp, ru vỗ tuổi thơ mình. Bài thơ đã góp phần bồi đắp cho mỗi người đọc chúng ta tình yêu quê hương thấm thiết.

*** Đánh giá mở rộng:** Ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ sức hấp dẫn, vẻ đẹp của một bài thơ bao giờ cũng là sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Nhà thơ là người sống giữa cuộc đời phải biết mở lòng ra đón lấy những vang dội của cuộc đời; phải sống đã rồi viết “ Thơ giữa đời, hoa giữa nắng”. Nắng tô điểm làm nên vẻ đẹp, sức sống của hoa. Thơ cũng vậy chỉ đẹp và có sức sống khi nảy sinh từ cuộc đời, vì cuộc đời mà có. Bởi thế ta càng thêm trân trọng tài năng, trái tim của người nghệ sĩ

Bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận (HS tự làm)

KB: (Tự kết)

SANG THU CỦA HỮU THỈNH

Đề 1. Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxxt cho rằng: “*Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới*”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh và liên hệ với bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

1 Giải thích

Ý kiến trên bàn về vai trò của cái nhìn, cách khám phá, cách cảm thụ con người và đời sống mới mẻ, mang nét riêng của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như “cuộc thám hiểm thực sự”. Nếu dấn thân vào “vùng đất mới” đề tài mới mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực. Thế nên dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn mới lạ, độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc. Nếu nhà văn có “đôi mắt mới”, biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một “vùng đất mới”, thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của “đôi mắt mới” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của “vùng đất mới” trong thực tiễn sáng tác. Mỗi tác phẩm là quá trình lao động sáng tạo, say mê của nhà văn đòi hỏi phải có “đôi mắt mới”. Nếu có “đôi mắt mới”, cách nhìn mới thì cho dù có viết về “vùng đất cũ” nhà văn vẫn tạo ra được những áng thơ, thiên truyện độc đáo, có giá trị, có sức lay động lòng người, có sức sống lâu bền cùng thời gian. Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống. Và bài thơ “Sang thu” là “một cuộc thám hiểm thực sự” của Hữu Thỉnh bằng “đôi mắt mới”

1. Chứng minh

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm

LĐ 1. Bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh là những phát hiện, khám phá, sáng tạo mang nét riêng, nét độc đáo, góp phần làm mới cho thơ thu bằng “đôi mắt mới”.

a. Khai thác từ đề tài quen thuộc song “Sang thu” của Hữu Thỉnh có lối đi riêng điều đó làm nên sức sống lâu bền cho bài thơ.

- Cảm hứng về mùa thu từng tạo nên những kiệt tác nghệ thuật, những áng thơ bất hủ: Chùm thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến ;Xuân Diệu với “Đây mùa thu tới” hay Lưu Trọng Lư với “Tiếng thu”. Ở những bài thơ đó mùa thu đẹp và buồn...

- Cũng như thơ viết về mùa thu nói chung ‘Sang thu’ là sự hoài cảm, luyến tiếc, băng khuâng về những gì đã đi qua và ngỡ ngàng, xao xuyến trước những gì đang tới. “Sang thu” là khoảnh khắc bất ngờ mà không phải ai cũng chụp bắt và thể hiện được. Bởi mùa thu thì đầy ắp, đậm nét, nhiều hình ảnh. Nhưng “sang thu” thì lại chỉ là một lát cắt, một khoảnh khắc mà thôi. Đây chính là nét riêng, độc đáo, lối đi riêng và là “cuộc thám hiểm thực sự” của Hữu Thỉnh.

b. “Sang thu” của Hữu Thỉnh là những phát hiện, cảm nhận tinh tế và khám phá mới mẻ, đẹp đẽ về thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa hạ - thu.

- Thiên nhiên lúc sang thu được cảm nhận trong không gian gần và hẹp (ngõ), với những nét đặc trưng riêng (hương ổi, gió se, sương). Nhà thơ đã thức mở mọi giác quan để nhận ra thu về trong cảm xúc ngỡ ngàng (Bỗng, hình như). Thu đã sang nhưng còn mơ hồ, chưa rõ nét.

- Đất trời vào thu có những sự biến chuyển rõ rệt: Sông dềnh dàng, chim vội vã. Sự vận động trái chiều mang lại những mới mẻ đến ngỡ ngàng, dần lắng sâu vào suy ngẫm.

- Hình ảnh thơ sáng tạo và tinh tế: “đám mây mùa hạ/ vắt nửa mình sang thu”. Thu đã sang nhưng hạ còn lưu luyến chưa muốn rời. Ranh giới mong manh giữa thu và hạ đó chính là nét tinh tế trong cảm nhận của nhà thơ.

-> Phút giao mùa được cảm nhận từ một hồn thơ tinh tế, nhạy cảm, độc đáo đã đọng lại trong hồn bạn đọc những nỗi băn khoăn, lưu luyến trước vẻ dịu dàng êm mát của mùa thu... không gian thu vừa dài rộng, vừa xa vời.

- Khổ thơ cuối đem đến cho bài thơ một vẻ đẹp mới làm trọn vẹn thêm ý sang thu của thiên nhiên tạo vật.

-> Sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ khiến bức tranh thiên nhiên như có hình, có hồn, sống động và hấp dẫn.

c. Những phát hiện, khám phá mới mẻ của nhà thơ Hữu Thỉnh là sự cảm nhận và chiêm nghiệm của lòng người lúc “Sang thu”.

- Nếu hai khổ thơ đầu là những cảm nhận trực tiếp từ những biến chuyển hết sức tinh vi của đất trời thì ở khổ cuối mùa thu được cảm nhận bằng đoán nhận, bằng kinh nghiệm, bằng sự suy ngẫm sâu lắng. Cảnh thu đang đi từ xa vào tâm tưởng, lắng đọng, suy tư về cuộc đời. Sang thu không chỉ là khoảnh khắc chuyển mình của thiên nhiên mà cả hồn người cùng một nhịp sang thu.

- Mỗi cảnh thiên nhiên sang thu đều thấm đẫm hồn người sang thu, vừa lưu luyến, bồi hồi, tiếc nuối vừa trang nghiêm chững chạc, vừa sâu lắng lại vừa mở rộng băng khuâng, vừa khiêm nhường nhưng cũng tự hào kiêu hãnh....

- Bài thơ của Hữu Thỉnh đã đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời. Sang thu, khúc giao mùa nhẹ nhàng, thơ mộng, băng khuâng mà cũng thâm thì triết lí, góp một tiếng thơ đậm thấm về mùa thu quê hương, đất nước.

Lđ2. “Đôi mắt mới” trong “Sang thu” của Hữu Thỉnh là những khám phá riêng về hình thức nghệ thuật.

- Bài thơ được viết bằng thể thơ 5 chữ, chỉ với 3 khổ thơ, một nhỏ xinh với 60 chữ, nhưng có nhiều hình ảnh sáng tạo mới mẻ, bất ngờ.
- Đề tài không mới nhưng lại rất mới khi vào thơ Hữu Thỉnh.
- Một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc: so sánh, nhân hoá, đặc biệt là hình ảnh ẩn dụ giàu ý nghĩa.
- Bài thơ có nhiều tầng nghĩa.

*** Liên hệ với Quê hương của Tế Hanh.**

- Bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh cũng khai thác từ đề tài quen thuộc bằng “đôi mắt mới”.

+ Bài thơ là sự khám phá vẻ đẹp của làng chài quê hương trong khung cảnh lao động thanh bình: Buổi sớm mai trong lành, tuyệt đẹp, đoàn thuyền ra khơi đánh cá trong niềm vui và hi vọng của ngư dân; vẻ đẹp của làng chài và con người lao động: mang nét riêng, vị mặn mòi của làng quê yêu dấu của nhà thơ

- Bài thơ cũng là hành trình khám phá cảm xúc của người nghệ sĩ: Đó là nỗi nhớ quê hương trong xa cách của Tế Hanh. Tình yêu quê hương luôn thường trực trong trái tim nhà thơ, khẽ chạm đến là rung lên những cung bậc cảm xúc thiết tha. Tình yêu quê hương đã hòa quyện trong tình yêu đất nước.

- Những khám phá, phát hiện mới mẻ về nghệ thuật trong

“ Quê hương” của Tế Hanh: thể thơ tự do, đề tài quen thuộc nhưng lại trở nên tươi mới, khoẻ khoắn trong cái nhìn trìu mến yêu thương của tác giả với làng chài trong nỗi nhớ. Nhiều hình ảnh thơ đẹp, bay bổng, lãng mạn qua các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa....

*** Điểm gặp gỡ của hai bài thơ:**

Mặc dù ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau, cách thể hiện khác nhau song hai thi phẩm đều là những rung động tinh tế, tình cảm mãnh liệt, sự giao cảm trọn vẹn trước vẻ đẹp của thiên nhiên... Tình yêu, sự gắn bó sâu nặng của các nhà thơ với cuộc đời qua những cảm nhận về nhiên nhiên, vạn vật. Lòng yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha, sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc của cuộc sống của những trái tim giàu xúc cảm, những tâm hồn nghệ sĩ thực thụ. Ngôn ngữ hàm súc, hình ảnh giản dị mà gợi cảm, giàu sức gợi

*** Đánh giá mở rộng:**

- Nhận định của Macxten Pút hoàn toàn đúng đắn. Tác phẩm văn chương bao giờ cũng in đậm dấu ấn cá nhân, mang nét riêng, nét độc đáo, có như vậy nhà văn mới có tiếng nói của riêng mình, tác phẩm của họ mới sống mãi trong hành trình dài rộng của cuộc đời.

- Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống, trau dồi tài năng, bản lĩnh; bồi dưỡng tâm hồn, xác lập một tư tưởng quan điểm đúng đắn, tiến bộ, phải lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như “cuộc thám hiểm thực sự”.

- Bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận: Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh, sự tinh tế, sắc sảo; bồi dưỡng tâm hồn, tấm lòng, tình cảm của mình; phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống; Tự tạo ra cho bản thân một dấu ấn riêng để góp vào cái đẹp muôn đời của thi ca, đồng thời độc giả cũng phải có năng lực cảm nhận những bức thông điệp mà nhà văn đã gửi gắm khi đó, hành trình của cái đẹp mới thật sự trọn vẹn. Người đọc khi tiếp nhận cần trân trọng, đồng điệu với sáng tạo, cách khám phá, cách nhìn mới của người nghệ sĩ.

*** Đánh giá, nâng cao**

- Khẳng định vai trò quan trọng của “đôi mắt mới” trong cách cảm thụ đời sống của nhà văn.

- -Coi trọng vai trò quyết định của “đôi mắt mới” nhưng cũng không nên phủ định ý nghĩa của “vùng đất mới” trong thực tiễn sáng tạo.

Đề 2**THỜI GIAN**

Thời gian qua kẽ tay
Làm khô những chiếc lá

Kỉ niệm trong tôi
Rơi
như tiếng sỏi
trong lòng giếng cạn
Riêng những câu thơ
còn xanh
Riêng những hài hót
còn xanh
Và đôi mắt em
như hai giếng nước.

(Văn Cao, Lá, NXB Tác phẩm mới, Hí Nội, 1998)

Từ bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh, liên hệ với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra trong văn bản trên.

1. Giải thích ý thơ:

+ Bài thơ “Thời gian” của Văn Cao khẳng định vẻ đẹp, sức sống bền bỉ, vĩnh cửu, sự trường tồn của cái đẹp trong cuộc sống, giá trị bền vững của tác phẩm nghệ thuật chân chính trong dòng chảy thời gian.

+ Thời gian vô cùng nghiệt ngã, bụi thời gian có thể xóa nhòa đi tất cả, có thể làm biến đổi, hư hao nhiều thứ, làm cuộc đời và kỉ niệm của con người tàn tạ, thậm chí bị xóa nhòa, đi vào cát bụi, bị lãng quên. Sự trôi chảy của thời gian “làm khô những chiếc lá/ Kỉ

niệm trong tôi/ Rơi/ như tiếng sỏi/ trong lòng giếng cạn”.... Thời gian làm khô chiếc lá đời người nhưng lại làm tươi xanh chiếc lá thơ, chiếc lá nhạc, chiếc lá tình yêu: “Riêng những câu thơ/ còn xanh/ Riêng những hài hót/ còn xanh”.

+ Thời gian chảy trôi lặng lẽ nhưng có sức mạnh vô hình làm biến đổi vạn vật nhưng kì diệu thay thời gian không thể khuất phục được cái đẹp của cuộc sống. Nghệ thuật chân chính, cái đẹp của cuộc sống thì bất chấp thời gian, vượt qua quy luật của thời

gian, ở lại với đời “xanh” mãi mãi.

+ Cho dù dòng thời gian chảy trôi theo qui luật nghiệt ngã của nó có thể khiến nhiều thứ chìm vào lãng quên. Nhưng những tác phẩm thật sự có giá trị sẽ có sức sống lâu bền cùng thời gian. Như thế cũng có thể hiểu là tiếng thu trong trẻo, tinh khôi, tinh thu đượm đà, sâu sắc trong bài thơ “ Sang thu” của HT sẽ còn mãi với thời gian, sống mãi trong trái tim bao người.

2. Chứng minh qua bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh**Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**

Lđ1. “Sang thu” của Hữu Thỉnh còn mãi với thời gian bởi những khám phá riêng của nhà thơ về khoảnh khắc phút giao mùa.

a. Khai thác từ đề tài quen thuộc song “Sang thu” của Hữu Thỉnh có lối đi riêng điều đó làm nên sức sống lâu bền cho bài thơ.

- Cảm hứng về mùa thu từng tạo nên những kiệt tác nghệ thuật, những áng thơ bất hủ: Chùm thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến ;Xuân Diệu với “Đây mùa thu tới” hay Lưu Trọng Lư với “Tiếng thu”. Ở những bài thơ đó mùa thu đẹp và buồn...
- Cũng như thơ viết về mùa thu nói chung *Sang thu* là sự hoài cảm, luyến tiếc, băng khuâng về những gì đã đi qua và ngỡ ngàng, xao xuyến trước những gì đang tới.
Sang thu mang nét cổ điển và đượm hồn dân tộc nhưng vẫn chứa đựng nét riêng độc đáo góp phần làm mới cho thơ thu. “Sang thu” là khoảnh khắc bất ngờ mà không phải ai cũng chụp bắt và thể hiện được. Bởi mùa thu thì đầy ắp, đậm nét, nhiều hình ảnh. Nhưng “sang thu” thì lại chỉ là một lát cắt, một khoảnh khắc mà thôi. Đây chính là nét riêng, độc đáo đem lại sức sống lâu bền cho bài thơ.

b. “Sang thu” của Hữu Thỉnh còn mãi trong trái tim bạn đọc bởi những cảm nhận và khám phá mới mẻ, đẹp đẽ về thiên nhiên, đất trời .

- Thiên nhiên lúc sang thu được cảm nhận trong không gian gần và hẹp (ngõ), với những nét đặc trưng riêng (hương ổi, gió se, sương). Nhà thơ đã thức mở mọi giác quan để nhận ra thu về trong cảm xúc ngỡ ngàng (Bỗng, hình như). Thu đã sang nhưng còn mơ hồ, chưa rõ nét.
- Đất trời vào thu có những sự biến chuyển rõ rệt: Sông dềnh dàng, chim vội vã. Sự vận động trái chiều mang lại những mới mẻ đến ngỡ ngàng, dần lắng sâu vào suy ngẫm.
- Hình ảnh thơ sáng tạo và tinh tế: “đám mây mùa hạ/ vắt nửa mình sang thu”. Thu đã sang nhưng hạ còn lưu luyến chưa muốn rời. Ranh giới mong manh giữa thu và hạ đó chính là nét tinh tế trong cảm nhận của nhà thơ.
- > Phút giao mùa được cảm nhận từ một hồn thơ tinh tế, nhạy cảm, độc đáo đã đọng lại trong hồn bạn đọc những nỗi băng khuâng, lưu luyến trước vẻ dịu dàng êm mát của mùa thu...không gian thu vừa dài rộng, vừa xa vời.
- Khổ thơ cuối đem đến cho bài thơ một vẻ đẹp mới làm tròn vẹn thêm ý sang thu của thiên nhiên tạo vật. Mùa thu dường như đã về, đã sang nhưng vẫn còn bao nhiêu nắng, chỉ có cơn mưa đã vội dần, sớm cũng thưa đi, bớt đi sự bất ngờ, sợ hãi trên hàng cây đứng tuổi. Thiên nhiên, vạn vật đã đi vào chiều sâu.
- > Sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ khiến bức tranh thiên nhiên như có hình, có hồn, sống động và hấp dẫn.

c. Những cảm nhận và chiêm nghiệm của lòng người lúc “sang thu” tạo sức sống lâu bền của bài thơ .

- Nếu hai khổ thơ đầu là những cảm nhận trực tiếp từ những biến chuyển hết sức tinh vi của đất trời thì ở khổ cuối mùa thu được cảm nhận bằng đoán nhận, bằng kinh nghiệm, bằng sự suy ngẫm sâu lắng. Cảnh thu đang đi từ xa vào tâm tưởng, lắng đọng, suy tư về cuộc đời.
- *Sang thu* không chỉ là khoảnh khắc chuyển mình của thiên nhiên mà cả hồn người cùng một nhịp sang thu. Con người khi đã trưởng thành, trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, cũng trở nên vững vàng, mạnh mẽ, không còn lo sợ giạt mình trước những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.
- Mỗi cảnh thiên nhiên sang thu đều thấm đẫm hồn người sang thu, vừa lưu luyến, bồi hồi, tiếc nuối vừa trang nghiêm chững chạc, vừa sâu lắng lại vừa mở rộng

bâng khuâng, vừa khiêm nhường nhưng cũng tự hào kiêu hãnh khi con người đã đi qua những cuộc chiến ác liệt, nay được sống trong bình yên, hạnh phúc, mới càng thấy trân trọng và yêu cuộc sống tha thiết đến nhường nào.

- Bài thơ của Hữu Thỉnh đã đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời. *Sang thu*, khúc giao mùa nhẹ nhàng, thơ mộng, bâng khuâng mà cũng thâm thì triết lí, góp một tiếng thơ đầm thắm về mùa thu quê hương, đất nước.

Lđ2. “Sang thu” của Hữu Thỉnh là một bài thơ sống mãi với thời gian bởi những khám phá riêng của nhà thơ về khoảnh khắc lúc giao mùa được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:

- Bài thơ được viết bằng thể thơ 5 chữ, chỉ với 3 khổ thơ, một nhỏ xinh với 60 chữ, nhưng có nhiều hình ảnh sáng tạo mới mẻ, bất ngờ.
- Đề tài không mới nhưng lại rất mới khi vào thơ Hữu Thỉnh.
- Một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc: so sánh, nhân hoá, đặc biệt là hình ảnh ẩn dụ giàu ý nghĩa.
- Bài thơ nhiều tầng nghĩa.

3. Liên hệ với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.

a. “Ông đồ” sống mãi trong lòng người đọc bởi bài thơ là nơi gặp gỡ giữa hai nguồn cảm hứng “lòng thương người” và “niềm hoài cổ” làm nên giá trị tình cảm thiêng liêng, sâu thẳm trong tâm hồn con người Việt Nam.

- Bài thơ là sự trân trọng, nâng niu, ngợi ca trước hình ảnh ông đồ cho chữ trong ngày Tết cổ truyền của dân tộc, ông như góp mặt vào cái đông vui nhộn nhịp của phố phường khi hoa đào thắm sắc, càng làm thêm một cái tết đủ đầy, rộn ràng niềm vui.
- Ca ngợi tài viết chữ của ông đồ cũng chính là tác giả ngợi ca nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc, đặc biệt là truyền thống coi trọng chữ nghĩa, thể hiện đời sống tinh thần văn minh, giàu có của dân tộc ta.
- Cũng chính vì thế mà khi ông đồ bị lãng quên trong dòng đời tấp nập, nhà thơ càng đau đớn xót xa khi nét đẹp văn hoá đó bị mai một, khắc khoải trong lòng nhà thơ về hình ảnh ông đồ và một lớp người đã trở thành quá khứ.

=> Bài thơ gieo vào lòng người đọc một nỗi niềm khắc khoải khôn nguôi về quá khứ vàng son một đi không trở lại.

b. Sức sống của “Ông đồ” còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.

- Thể thơ 5 chữ, lời thơ giàu chất tự sự như một câu chuyện nhỏ tâm tình, dạt dào cảm xúc.
- Kết cấu đầu cuối tương ứng, hình ảnh thơ giàu sức gợi.
- Sử dụng nghệ thuật ẩn dụ, tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

=> Tuy hai bài thơ của hai tác giả với hai phong cách, hai nguồn cảm hứng khác nhau, nhưng những cảm xúc, khám phá rất riêng, rất đặc sắc của hai bài thơ khiến chúng neo đậu mãi trong tâm hồn người đọc, trường tồn cùng thời gian.

*** Đánh giá, mở rộng**

- Cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú, được kết tinh từ cái đẹp trong cuộc sống, có sức hấp dẫn, thuyết phục bởi nó là kết quả của một quá trình lao động sáng tạo, say mê của nhà văn. Cái đẹp của văn chương làm đời sống của mỗi con người thêm phong phú và đầy đủ hơn, giúp thanh lọc tâm hồn con người. Cái đẹp của văn chương còn mãi với thời gian chỉ khi thật sự chinh phục được trái tim bạn đọc. Hai bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh và “Ông đồ” của Vũ Đình Liên thực sự đã chinh phục được trái tim đọc và còn mãi với thời gian.
- Bài học cho người sáng tác: phải tự tạo ra cho bản thân một dấu ấn riêng để góp vào cái đẹp muôn đời của thi ca, đồng thời độc giả cũng phải có năng lực cảm nhận những bức thông điệp mà nhà văn đã gửi gắm khi đó, hành trình của cái đẹp mới thật sự trọn vẹn, tác phẩm sẽ còn mãi cùng năm tháng.

Đề 3 Tiến sĩ Đoàn Cẩm Thi cho rằng “ Cái đẹp của văn chương chính là cái mang nhiều dấu ấn của chủ thể sáng tạo, là cái riêng, cái độc đáo”. Qua bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh và liên hệ với bài thơ “ Quê hương” của Tế Hanh để làm sáng tỏ?

Gợi ý

MB: Ta say đắm trước áng mây hồng của sớm mai bình minh hơn ráng mây buồn khi chiều tàn khuất lối? Ta rung động trước đóa hoa đẹp lung linh dưới ánh mặt trời hơn những cánh hồng đã úa tàn không còn sinh khí? Cuộc đời con người là hành trình đi tìm cái đẹp và luôn vì cái đẹp mà tồn tại. Văn chương cũng không ngoại lệ. Do vậy, nhà văn Nguyên Ngọc quan niệm: “Đã là văn chương thì phải đẹp”. Nhưng cái đẹp của văn chương cũng như cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày phong phú và đa dạng nên Tiến sĩ Đoàn Cẩm Thi cho rằng: “ Cái đẹp của văn chương chính là cái mang nhiều dấu ấn của chủ thể sáng tạo, là cái riêng, cái độc đáo”. Đến với bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh và “Quê hương” của Tế Hanh bạn đọc sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cái riêng, cái độc đáo mà hai bài thơ mang lại.

Giải thích:

Nhận định của tiến sĩ Đoàn Cẩm Thi bàn về cái đẹp trong văn chương, chức năng, giá trị thẩm mỹ của văn chương. Theo Tô Hoài: “Mỗi chữ phải là hạt ngọc buông xuống trang bản thảo do phong cách riêng của mình mà có”, mỗi trang văn còn vương lại trên trần thế là mỗi phong cách ghi tạc trăm năm. Thiên chức của nhà văn là khơi nguồn cho cái đẹp tràn vào trang viết. Bởi lẽ, từ cuộc sống đến văn học, cái đẹp vẫn luôn giữ một vai trò quan trọng, chi phối cảm quan con người. Cái đẹp từ ngoài thực tại bước vào trang văn nó đã nâng tầm lên thành giá trị thẩm mỹ, thiếu khát khao vươn tới cái đẹp, nghệ thuật sẽ mất đi sức mạnh cơ bản của nó, nó sẽ không thể thanh lọc tâm hồn con người và cải tạo xã hội. Vì vậy, cái đẹp không chỉ đơn thuần là phép cộng của những điều tươi sáng mà nó là tổ hợp thống nhất của cái chân và cái thiện, đúng như Nguyên Ngọc đã nói: “Đã là văn chương thì phải đẹp”

Tác phẩm văn học là đứa con tinh thần của nhà văn, là quá trình thai nghén lâu ngày, là kết tinh từ những giọt nước mắt đau đời và những dòng máu ấm nồng từ trái tim vĩ đại trong người nghệ sĩ. Thế nên, tác phẩm văn học dù muốn hay không đều phải mang dấu ấn của nhà văn. Văn học là lĩnh vực của cái độc đáo, mỗi tác phẩm đích thực phải là những tác phẩm được xây dựng từ ngòi bút

chân chính, mới lạ và sáng tạo, nó nhất thiết phải là: “Một phát minh về hình thức, một khám phá về nội dung”. Lao động của nhà văn là lao động sáng tạo nên mỗi nhà văn phải có một giọng điệu riêng biệt vì: “điều còn lại của mỗi nhà văn là cái giọng nói của riêng mình”. Từ cái tôi phong cách độc đáo, người nghệ sĩ từng bước khám phá chiều sâu đầy bí ẩn của tâm hồn con người và cuộc sống theo quy luật của cái đẹp. Từ đó, mỗi nhà văn khác nhau, thế giới quan khác nhau, dẫn đến vũ trụ quan cũng khác nhau, cái đẹp ra đời cũng mang những dáng hình không giống nhau. Cái đẹp trong tác phẩm văn học được nhà văn khơi nguồn, kết tinh từ cuộc sống luôn có sức hấp dẫn với người đọc, bồi đắp những giá trị tốt đẹp cho con người. Và bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh là một bài thơ đẹp mang đậm “dấu ấn của chủ thể sáng tạo, là cái riêng, cái độc đáo” của nhà thơ Hữu Thỉnh.

***Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**

Hữu Thỉnh là nhà thơ trưởng thành từ trong quân đội, ông viết nhiều, viết hay về những con người ở nông thôn, về mùa thu. Nhiều vần thơ thu của ông mang cảm xúc băng khuâng, vẩn vơ trước đất trời trong trẻo, đang biến chuyển nhẹ nhàng. Thơ Hữu Thỉnh mang đậm hồn quê Việt Nam dân dã, mộc mạc tinh tế và giàu rung cảm. Mùa thu luôn là đề tài, là cảm hứng quen thuộc lâu đời của thơ ca. Trong kho tàng văn học dân tộc ta đã từng biết đến một mùa thu trong veo trong thơ Nguyễn Khuyến, thu ngơ ngác trong thơ Lưu Trọng Lư, dào dạt và đượm buồn trong thơ Xuân Diệu. Và thật bất ngờ khi ta gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang thu”. Bài thơ sáng tác năm 1977, là những cảm giác của người lính vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh, lần đầu được hưởng một mùa thu hòa bình. Người lính khao khát sống và yêu say đắm hòa bình, say đắm cái hạnh phúc đơn sơ bởi trong cuộc chiến vừa đi qua họ không thể có được cái cảm giác bình yên ấy.

Luận điểm 1: “Sang thu” của Hữu Thỉnh đẹp ở sự tinh tế trong cảm nhận về phút giao mùa hạ - thu và những suy tư chiêm nghiệm khi mùa thu vừa chớm.

*** Sự tinh tế:**

- Mạch cảm xúc trong bài thơ *Sang thu* vận động khá nhạy cảm, tinh tế, logic. Hữu Thỉnh nhận ra tín hiệu của sự chuyển mùa từ hạ sang thu bằng nhiều giác quan khác nhau: Thị giác, xúc giác, khứu giác... với cái nhìn từ gần đến xa, từ xa đến gần và nhất là cái đối ngẫu rất Đường thi. Cảm nhận đầu tiên trong tâm hồn thi sĩ không phải bắt đầu từ trời xanh, mây trắng, rặng liễu đìu hiu, hoa cúc vàng như bao thi sĩ khác mà là một sự biến chuyển hết sức tinh vi của thiên nhiên. Mùa thu được nhận ra bắt đầu từ “hương ổi” (khứu giác) lập tức tâm hồn thi sĩ rung lên mở căng các giác quan (khứu giác, thị giác...) để đón nhận thu về. Hương ổi ngào ngạt phả vào gió mang đi khắp nơi, luồn vào trong sương khiến sương chùng chình băng khuâng lưu luyến... Chỉ một chữ “phả” thôi cũng đủ gợi hương thơm như sánh lại. Sánh lại bởi hương đậm một phần, sánh bởi tại gió se.

(Phân tích)

+ “Hương ổi” gắn liền với bao kỉ niệm của thời thơ ấu, là mùi vị của quê hương đã thấm đẫm trong tâm tưởng nhà thơ và cứ mỗi độ thu về thì nó lại trở thành tác nhân gợi nhớ, gợi thương. Chính Hữu Thỉnh đã tâm sự rằng: “Giữa trời đất

mênh mang, giữa cái khoảnh khắc giao mùa kì lạ thì điều khiến cho tâm hồn tôi phải lay động, phải giật mình để nhận ra đó chính là hương ổi.....mùi hương đó gợi nhớ đến tuổi ấu thơ, gợi nhớ đến buổi chiều vàng với một dòng sông thanh bình, một con đò lững lờ trôi, những đàn trâu bò no cỏ giỡn đùa nhau và những đứa trẻ ẩn hiện trong triền ổi chín ven sông...Nó giống như mùi bờ bãi, mùi con trẻ...Hương ổi tự nó xộc thẳng vào những miền thơ ấu thân thiết trong tâm hồn chúng ta. Mùi hương đơn sơ ấy lại trở thành quý giá vì nó đã trở thành chiếc chìa khóa vàng mở thẳng vào tâm hồn mỗi người, có khi là cả một thế hệ...”. Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là sứ giả của mùa thu (cũng như chim én là sứ giả của mùa xuân). Nó đến rất khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi là không một ai hay biết, phải có một tâm hồn tinh tế mới cảm hết được hương thu dịu nhẹ đang lan tỏa khắp không gian. Đây là một phát hiện tinh tế của một hồn thơ xứ sở.Thi sĩ cảm nhận thiên nhiên và khúc giao mùa thật tinh tế, sâu sắc. Từ hương nhận ra gió. Từ gió nhận ra sương. Trong sương có gió, có hương, có tình.

(Phân tích)

+ “Sương chùng chình qua ngõ” gợi ra những làn sương mỏng, mềm mại, giăng mắc khắp đường thôn ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thông thả, bình yên. Nhà thơ đã nhân hóa màn sương qua từ “chùng chình” khiến cho sương thu chứa đầy tâm trạng. Nó như đang chờ đợi ai hay lưu luyến điều gì, hay đang cố tình chậm lại? Làn sương như nàng thiếu nữ yếu điệu, duyên dáng đang làm duyên, làm dáng nơi đầu thôn ngõ xóm. .

+ Khổ thơ đầu của bài thơ có 4 câu nhưng mỗi câu lại tạo ra một vẻ đối, đối nhau về ý: nếu chữ “phả” gợi ra sự ngạt ngào, náo nức của hương ổi thì từ *chùng chình* lại gợi ra trạng thái chậm chạp ngưng đọng của sương thu, diễn tả phút giao mùa thật nhẹ nhàng tinh tế Bằng tất cả các giác quan: khứu giác, xúc giác và thị giác, nhà thơ cảm nhận những nét đặc trưng của mùa thu đều hiện diện. Có “hương ổi”, “gió se” và “sương”. Mùa thu đã về trên quê hương. Vậy mà nhà thơ vẫn còn dè dặt: “Hình như thu đã về !”. Sao lại là “Hình như” chứ không phải là “chắc chắn”? Một chút nghi hoặc, một chút bâng khuâng không thật rõ ràng. Đúng là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá khiến lòng người cũng xao xuyến, bâng khuâng. Đằng sau không gian làng quê sang thu ấy ta cảm nhận được tâm hồn nhạy cảm của một tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống.

- Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

+Từ không gian hẹp (vườn, ngõ), từ những gì vô hình (hương, gió) chuyển sang không gian rộng lớn với nhiều tầng bậc cụ thể hơn (sông, chim, mây): Bằng phép nhân hóa đặc sắc, nhà thơ đã rất tài hoa ghi lại linh hồn của tạo vật, của dòng sông quê hương ấm áp nước phù sa, êm đềm, nhẹ nhàng, lững lờ trôi . Cái “dềnh dàng” của dòng sông không chỉ gợi ra vẻ êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu mà còn mang đầy tâm trạng của con người như chậm lại, như trề nải, như ngẫm ngợi suy về những trải nghiệm trong cuộc đời.

+ Ngược với vẻ khoan thai của dòng sông là sự vội vã của những cánh chim trời bắt đầu di trú về phương Nam và trong mùa xây tổ . Không gian

trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gọi được cái động, cái hồn của cảnh vật. Nhà thơ đã gọi ra tốc độ trái chiều của thiên nhiên để tạo ra một bức tranh mùa thu đang về với những nét dịu êm, nhẹ nhàng và những nét hồi hải, vội vã.

-> Ý thơ đồng thời còn gọi cho người đọc một liên tưởng: Sự chuyển động của dòng sông, của cánh chim phải chăng là sự chuyển mình của đất nước. Cả đất nước ta vừa trải qua chiến tranh tàn khốc mới có được hoà bình, và giờ đây mới được sống một cuộc sống yên bình, êm ả. Nhưng rồi cả nước lại bắt đầu hồi hải nhịp sống mới để xây dựng đất nước trong niềm vui rộn ràng

+ Đất trời mùa thu như đang rung mình để thay áo mới. Cả bầu trời mùa thu cũng có sự đổi khác:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu.

+ Hữu Thỉnh dùng động từ “vắt” để gọi ra trong thời điểm giao mùa, mây nhẹ trôi như tấm lụa mềm mại như chiếc khăn voan khoác hờ trên bờ vai người thiếu nữ, đám mây “vắt nửa mình” là nhịp cầu nối đôi bờ hạ – thu. Cái ranh giới mỏng manh và mơ hồ, rất khế, rất nhẹ, rất dịu dàng để rồi toàn bộ sự sống nhuộm màu sắc thu. *Đám mây* là hình ảnh đẹp nhất, đặc sắc, tài hoa nhất thể hiện nét riêng của thời điểm giao mùa hạ - thu. Đám mây hư thực là sự của trí tưởng tượng lạ lùng, là tình yêu thu say đắm đến mê hồn mới có được.

=> Phút giao mùa được cảm nhận từ một hồn thơ tinh tế, nhạy cảm, độc đáo đã đọng lại trong hồn bạn đọc những nỗi băng khuâng, lưu luyến trước vẻ dịu dàng êm mát của mùa thu...không gian thu vừa dài rộng, vừa xa vời.

+Không gian giao mùa ngày càng được mở rộng (trước đó chỉ là không gian hẹp: ngõ, xóm, làng; giờ đây là cả đất trời). Khổ thơ cuối đem đến cho bài thơ một vẻ đẹp mới làm trọn vẹn thêm ý sang thu của thiên nhiên tạo vật. Mùa thu dường như đã về, đã sang nhưng vẫn còn bao nhiêu nắng, chỉ có cơn mưa đã vội dần, sấm cũng thưa đi, bớt đi sự bất ngờ, sợ hãi trên hàng cây đứng tuổi.

-> Sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ khiến bức tranh thiên nhiên như có hình, có hồn, sống động và hấp dẫn.

*** Những suy tư, chiêm nghiệm: (Cái hàm súc rất Đường thi- Bài thơ mang nhiều tầng nghĩa)**

- Có thể nói mạch cảm xúc trong bài thơ vận động một cách tự nhiên, liền mạch. Cả bài thơ chỉ có một dấu chấm câu đặt ở cuối bài: Nếu hai khổ thơ đầu là những cảm nhận trực tiếp từ những biến chuyển hết sức tinh vi của đất trời thì ở khổ cuối mùa thu được cảm nhận bằng đoán nhận, bằng kinh nghiệm, bằng sự suy ngẫm sâu lắng. Cảnh thu đang đi từ xa vào tâm tưởng, lắng đọng, suy tư về cuộc đời.

- *Sang thu* không chỉ là khoảnh khắc chuyển mình của thiên nhiên mà cả hồn người cùng một nhịp sang thu. Về chín chắn, điềm tĩnh của hàng cây đứng tuổi trước sấm sét, bão dông vào lúc sang thu hay đó chính là sự chín chắn từng trải của đời người sau những bão táp của cuộc đời? Khi tóc đã pha sương, con người không còn bông bột, sôi nổi, ào ạt như tuổi thanh niên và cũng không còn bất ngờ, sợ hãi, nghiêng đổ trước những dông bão cuộc đời. Thiên nhiên sang thu lắng lại, thu của đời người cũng vậy. Ở cái tuổi “tri thiên mệnh” con người nhìn lại cuộc đời cũng

đầy đủ, chín chắn hơn, thâm trầm, điềm đạm hơn. Mỗi cảnh thiên nhiên sang thu đều thấm đẫm hồn người sang thu, vừa lưu luyến, bồi hồi, tiếc nuối vừa trang nghiêm chững chạc, vừa sâu lắng lại vừa mở rộng băng khuâng, vừa khiêm nhường nhưng cũng tự hào kiêu hãnh khi con người đã đi qua những cuộc chiến ác liệt, nay được sống trong bình yên, hạnh phúc, mới càng thấy trân trọng và yêu cuộc sống tha thiết đến nhường nào. Bài thơ của Hữu Thỉnh đã đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời. *Sang thu*, khúc giao mùa nhẹ nhàng, thơ mộng, băng khuâng mà cũng thâm thì triết lí, góp một tiếng thơ đậm thắm về mùa thu quê hương, đất nước.

Luận điểm 2: Cái đẹp, cái độc đáo, cái riêng của “Sang thu” còn thể hiện ở hình thức biểu hiện. Với thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp linh hoạt, giọng điệu tự nhiên, nhẹ nhàng, ngôn ngữ thơ giản dị, hàm súc, tự nhiên, hình ảnh thơ đẹp, trong sáng, tinh tế giàu sức gợi, sức biểu cảm qua các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa ... Hữu Thỉnh đã gửi đến người đọc một bức tranh thiên nhiên lúc sang thu thật đẹp, thật duyên, thật tinh tế của một tâm hồn yêu thiên nhiên, quê hương tha thiết để lại trong lòng độc giả những ấn tượng khó quên. Đặc biệt nét đặc sắc của *Sang thu* đọng lại trong tâm hồn người đọc là cái đối ngẫu rất Đường thi. Người đọc thích thú với cấu trúc đối ngẫu rất tự nhiên, chặt chẽ, cô đúc và tuyệt đẹp như bức tranh thơ cổ điển. Chỉ bằng vài nét chấm phá “Sang Thu” của Hữu Thỉnh đã góp vào bản hòa ca mùa thu của quê hương, đất nước một tiếng nói riêng, đầy thi vị, ám ảnh, xúc động.

- Xứ sở của cái đẹp trong bài thơ "Sang thu" chính là vẻ đẹp của thiên nhiên, của tình đời làm nên giá trị của thi phẩm và khẳng định tài năng của nhà thơ Hữu Thỉnh.

Mùa thu thường không rạo rực, ầm ập như mùa xuân, không sôi động rộn ràng như mùa hạ, hay lạnh lẽo, thê lương như mùa đông. Thu đến rất nhẹ nhàng và đi rất lặng lẽ. Thu không đánh thức ta bằng những âm thanh vang động, màu sắc lộng lẫy, hương vị ngát ngào mà reo vào lòng ta những thoáng xao động, mơ màng, gợi trong ta những suy nghĩ sâu xa về cuộc sống. Có lẽ vì thế mà thơ thu, trong đó có *Sang thu* của Hữu Thỉnh rất giàu ý nghĩa.

- **Liên hệ với “Quê hương” của Tế Hanh?**

Đánh giá mở rộng: Nhận định của Đoàn Cẩm Thi “ Cái đẹp của văn chương chính là cái mang nhiều dấu ấn của chủ thể sáng tạo, là cái riêng, cái độc đáo” hoàn toàn đúng đắn. Cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú, được kết tinh từ cái đẹp trong cuộc sống, có sức hấp dẫn, thuyết phục bởi nó là kết quả của một quá trình lao động sáng tạo, say mê của nhà văn. Bởi hơn hết, mỗi nhà văn viết về cái đẹp theo một nét riêng sẽ cho ta có một cái nhìn toàn diện, đa chiều về cái đẹp, làm đời sống của mỗi con người thêm phong phú và đầy đủ hơn. Cái đẹp của văn chương giúp thanh lọc tâm hồn con người. Văn học nghệ thuật mang đến cho người đọc được sống trong thế giới nghệ thuật, nơi mà cái ác, cái bất công sẽ bị trừng trị, cái tốt, cái thiện sẽ được tưởng thưởng, được hạnh phúc, nó giúp tâm hồn con người được thanh lọc, tránh xa những điều tầm thường trong cuộc sống thường nhật, hướng người đọc đến những suy tư, trăn trở, trách nhiệm về các vấn đề của cuộc sống, của thời đại. Tác phẩm văn học chỉ thật sự chinh phục được trái tim khi chạm khế được tâm hồn họ, một cách chân thành nhất. Nhà thơ lúc nào cũng kín đáo, tinh tế,

không ồn ào mà sâu sắc thâm trầm và cái đẹp không bốc lên ở bề mặt, mà có sức lắng đọng ở chiều sâu, cái đẹp đọng ở ngòi bút của tác giả được kết tinh từ tài năng và tâm lòng luôn trăn trở về cuộc sống. Nhận định đã nâng tầm cái đẹp lên đến đỉnh cao. Đặt ra yêu cầu cho cả người sang tác: phải tự tạo ra cho bản thân một dấu ấn riêng để góp vào cái mỹ muôn đời của thi ca, đồng thời độc giả cũng phải có năng lực cảm nhận những bức thông điệp mà nhà văn đã gửi gắm khi đó, hành trình của cái đẹp mới thật sự trọn vẹn.

Kết bài (Tự làm)

Đề 4: *Vẻ đẹp bức tranh giao mùa trong bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.*

thu là nguồn cảm hứng thơ bất tận cho các thi sĩ. Nhà thơ nào cũng muốn vẽ được một bức tranh thu cho riêng mình. Và Hữu Thỉnh đã có được một cái tứ rất riêng đó là thời khắc lúc giao mùa.

Bài thơ là những cảm nhận, những rung động man mác, băng khuâng của tác giả trước sự biến đổi kì lạ trong thời khắc giao mùa của đất trời trong ngưỡng thu.

Sinh ra và lớn lên ở Vĩnh Phúc, Hữu Thỉnh không còn lạ lẫm gì với mùa thu đất Bắc. Thế nhưng, khi cảm nhận tín hiệu thu mền yêu, ông cũng không khỏi ngỡ ngàng. Đối với ông, thu đến với những cảm giác mơn man khó tả:

“ Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”

Như một quy luật tuần hoàn của tạo hóa, dường như thu đã lại sang. Có vẻ bức tranh thu đã được điểm những nét đầu tiên: hương ổi *phả* nhẹ, thoang thoảng đưa vào trong gió se - gió đã nhẹ lại chứ không còn là “*nồm nam cơn gió thốc*” nữa rồi. Theo trong gió chính là làn hương mộc mạc của làng quê nhỏ. Lớp sương chùng chình khắp nơi dường như cũng chẳng muốn rời. Sương cũng mang đầy tâm trạng, bước đi chậm chậm theo nhịp điệu của mùa thu. Cái tín hiệu mùa thu đó là hương, là gió hay là sương? Chẳng lẽ là tất cả. Cái cảm giác bất ngờ thể hiện trong từ “*bỗng*” đầu tiên lan tỏa vào không gian rất đổi thân quen, xao xuyến vô cùng. Chính thế mà thi sĩ còn đang ngỡ ngàng vẫn còn tự hỏi mình: Trong khi đất trời bắt đầu có những chuyển biến nhẹ nhàng, *hình như thu đã về?*... Nhận thấy đó mà chưa tin hẳn, vì lòng yêu say mùa thu quá.

Cái cảm giác “*hình như*” đó gần như bị xóa tan bởi những tín hiệu chuyển mùa dần hiện ra rõ hơn:

“Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”

Bức tranh thu dường như đã đậm màu hơn bởi cảnh vật ngày càng nhiều thay đổi: những con sông đã không còn gấp gáp, mà lững lờ trôi, chậm chậm, “*dềnh dàng*” khi dành nước cho mùa thu. Phải chăng chúng đã thả hồn mình vào các khoảng khắc giao mùa này? Trái ngược với sự “*lặng lẽ*” đó là biểu hiện có vẻ gấp gáp của những cánh chim trời. Chúng đang *vội vã* làm gì? Làm tổ, tích trữ thức ăn cho mùa đông giá lạnh hay đang rục rịch chuẩn bị cho chuyến hành

trình xa xứ tránh rét về một chân trời xa xôi nào đó? Hai câu thơ đã vẽ nên những nét đối lập: đầu phải mùa thu lúc nào cũng “lặng lẽ” bởi vạn vật xung quanh ta đều chuyển biến kì lạ theo cách riêng của chúng. Thiên nhiên đầy bí mật, cũng giống như cuộc sống chúng ta - một xã hội với nhiều tầng: có người giàu, có người nghèo, người đang hạnh phúc tận hưởng cuộc sống này, người đang tắt tắt mưu sinh. Đúng là đầy biến động! Nhưng hiện lên trong tất cả điểm sáng, có lẽ long lanh nhất chính là đám mây vẫn vương chút nắng hạ:

*“Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”*

Đám mây đó chắc còn lưu luyến chút gì của mùa hạ đang qua? Cũng có thể nó là kỉ niệm của “hạ” dành cho “thu”. Nó dường như là chiếc cầu nối hữu tình dành cho đôi bờ kì lạ. Cái khoảnh khắc thiêng liêng này đang đậu trên đám mây như là chứng tích của giao mùa. “*Vắt*” - đang đặt ngang trời hay chẳng biết đang ở chốn nào. Đám mây cứ nhẹ nhàng trôi đi rồi thời gian cũng chảy qua. Bức tranh thu đang chứa đựng cái nét hữu hình để gợi nên cái cảnh vốn vô hình!

Thu đã gần sang, đất trời cũng đang đứng lại, nó không còn bất chợt đến, rồi lại bất chợt đi như mùa hạ nữa rồi:

*“ Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi”*

Có thể nói rằng: Cái nắng hạ vẫn còn đó mà cái hồn hạ đã bay đi đâu rồi. Vẫn là cái *nắng*, *mưa*, *sấm*, *chớp* vương lại nhưng cái dữ dội, khắc nghiệt của nắng, tính “đông đánh” của mưa hay sự vơi vàng của sấm thì đã nhạt dần theo từng phút giao mùa. Bức tranh sang thu càng lộ rõ thì những ý nghĩ về nhân tình thế thái cũng theo đó hiện lên.

Qua phép ẩn dụ ở hai dòng thơ cuối, người đọc cảm nhận sau tiếng “sấm” là những dông bão của cõi đời, cõi người. Hữu Thỉnh đã điểm nét chính vào bức tranh - đó là hình bóng con người. Hạ qua, thu đến, con người ta dường như đã già hơn một chút. Chính thế mà những kinh nghiệm đường đời đã dày thêm một ít trong hành trang của họ, giúp họ vững vàng hơn trước những phong ba của cuộc sống đầy biến động. Hữu Thỉnh đã cảm nhận được sâu sắc cuộc sống con người. Và thi nhân đã gửi vào thu lời nhắn nhủ con người sống phải biết chấp nhận và vững vàng vượt qua thử thách. Như thế, bài thơ vừa là một bức tranh thiên nhiên đẹp vừa là một phác họa đầy ám ảnh về con người - một phần diệu kì của thiên nhiên kì diệu.

Hình ảnh thơ đẹp, ngôn từ sắc sảo, giàu hàm nghĩa đã tạo nên những rung động, dấu ấn khó quên cho người đọc. Hữu Thỉnh đã trải lòng qua tuyệt tác lúc giao mùa: *Sang thu!*

VIẾNG LĂNG BÁC (VIỄN PHƯƠNG)

Phân tích bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương?

*Đã ngừng đập một trái tim,
Đã ngừng đập một cánh chim đại bàng.
Nỗi đau vô tận thời gian,
Nhớ thương thương nhớ lệ tràn đầm mi,*

*Hành trang Bác chẳng có gì
Một đôi dép mỏng đã lì chông gai.*

Biết bao những lời ca, tiếng hát kính dâng lên Người - Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại, người cha già vô vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người dành cả cuộc đời để cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, những cống hiến của Người cho nước, cho dân không tài nào đếm được. Bác đã ra đi, đó là tổn thất lớn lao của cả dân tộc. Nhưng Người vẫn luôn sống mãi trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế, tình yêu thương, lòng kính trọng, sự biết ơn tiếc thương vô hạn của nhân loại dành cho Người luôn hiện hữu. Bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương đã để lại trong lòng Người đọc niềm xúc động trào dâng.

Viễn Phương (1928-2005) tên khai sinh là Phan Thanh Viễn, quê xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm. Ra đời năm 1976, bài thơ “Viếng lăng Bác” ra đời trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình lăng Bác được hoàn thành sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất, đồng bào miền Nam có thể thực hiện mong ước được vào lăng viếng Bác. Bài thơ với ngôn ngữ tinh tế, giàu cảm xúc chứa đựng niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với lãnh tụ.

Mở đầu bài thơ là cảm xúc của tác giả khi đến thăm lăng Bác bằng một câu kẻ:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.

Lời thơ ngắn gọn, giản dị không hoa mỹ, câu thơ như một lời chào, một lời gửi thưa thành kính. Địa danh “miền Nam” cũng thật giàu sức gợi. Nó không chỉ xác định vị trí địa lý rất xa xôi mà còn có ý nghĩa lịch sử. Trong tim Bác, miền Nam luôn là nỗi đau chia cắt, là biểu tượng anh hùng, là thành đồng Tổ quốc... Trong tâm trạng của người con miền Nam “mong Bác nỗi mong cha”. Đó là niềm mong ước không chỉ của riêng nhà thơ mà còn của biết bao người con miền Nam muốn được gặp Bác, muốn được ở bên Bác. Niềm mong ước ấy giống như cây tìm về cội, sông trở về nguồn, như máu chảy về tim. Đó là tình cảm chân thành, tha thiết của nhà thơ đối với vị cha già dân tộc.

Nhà thơ xưng “con” - “Bác”, “con” - cách xưng hô thật gần gũi, thân thiết, ấm áp thân thương mà vẫn rất mực thành kính thiêng liêng. Trong sâu thẳm lòng mình Viễn Phương coi Bác là người cha nhân hậu, hiền từ như nhà thơ Tố Hữu đã từng bộc lộ:

Bác Hồ là vị cha chung

Là sao bắc đẩu là vàng thái dương.

Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng”. “Viếng” là đến chia buồn với người thân đã mất, “thăm” là gặp gỡ, trò chuyện với người đang còn sống. Nhan đề dùng từ “viếng” theo đúng nghĩa đen, trang trọng khẳng định sự thật Bác đã qua đời. “Thăm” trong câu thơ ngụ ý nói giảm, nói tránh, giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát, khẳng định Bác vẫn còn sống mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, dân tộc Việt Nam. Đồng thời gợi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha - thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao, mong nhớ bấy lâu. Câu thơ giản dị, mộc mạc nhưng lại vô cùng gợi cảm,

dồn nén biết bao cảm xúc. Cách dùng từ của Viễn Phương giúp người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác, song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

Cái hay của khổ thơ không chỉ ở từ ngữ bình dị mà còn hay ở hình ảnh “*hàng tre xanh bát ngát*”

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.

Nhà thơ phải đến xếp hàng từ rất sớm mới thấy trong lung linh sương sớm bát ngát hàng tre. “*bát ngát*” - từ láy biểu cảm gợi không gian rộng lớn, xanh mát. Câu thơ tả thực “*tre*” là hình ảnh thân thuộc mà bao năm in vào tâm hồn người dân Việt Nam. Gặp lại hàng tre nhà thơ liên tưởng Bác đang sống gần gũi thân thuộc với làng quê. Hàng tre ấy như bao bọc, ôm lấy hình bóng của Người - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Sự xuất hiện của hàng tre khiến nhà thơ phải thốt lên:

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam.

Thán từ “*ôi*” tách ra thành câu đặc biệt vừa biểu lộ sự ngạc nhiên, vừa diễn tả nỗi xúc động. “*Hàng tre xanh xanh Việt Nam*” là hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho con người, dân tộc Việt Nam anh dũng, kiên cường.

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

“*Bão táp mưa sa*” là thành ngữ, là hoán dụ lấy cái cụ thể để chỉ cái trừu tượng là khó khăn, gian khổ. Còn tư thế “*đứng thẳng hàng*” là ẩn dụ chỉ sức mạnh tinh thần, ý chí, bản lĩnh kiên cường, bất khuất. Một dân tộc dù nhỏ bé nhưng không chịu khuất phục trước kẻ thù, không chịu đầu hàng trước thiên tai bão lũ dù trong khó khăn gian khổ, trong bão táp mưa sa vẫn giữ vững một tấm lòng thủy chung son sắt. Tới đây, tình cha con ruột thịt đã được mở rộng, nâng lên hòa quện trong tình quân chúng - lãnh tụ cao quý và thiêng liêng.

Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ để thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân với Bác. Miêu tả cảnh đoàn người vào lăng và bộc lộ tình cảm thành kính, biết ơn của nhà thơ với Bác. Nếu như ở khổ thơ đầu nhà thơ gợi nhắc tới bao phẩm chất tốt đẹp của dân tộc ta qua hình ảnh “*hàng tre*” thì đến khổ hai nhà thơ tiếp tục thể hiện những xúc cảm của mình trước những đoàn người vào lăng viếng Bác và bộc lộ tình cảm thành kính, biết ơn của nhà thơ với Bác.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Câu thơ ẩn tượng nhất là hình ảnh *mặt trời*. Mặt trời trên lăng là “*mặt trời*” của thiên nhiên, vũ trụ ấm áp, rực rỡ chiếu sáng, mang lại nguồn sống cho muôn vật muôn loài trên trái đất. Còn “*mặt trời trong lăng*” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ Bác Hồ. Thực ra, việc ví Bác với mặt trời không phải là tứ thơ mới, trước Viễn Phương đã có rất nhiều nhà thơ đã ví Bác với mặt trời. Tố Hữu đã từng có ý thơ:

Người rực rỡ một mặt trời cách mạng

Mà Đế quốc là loại dơi hốt hoảng

Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người...

Nhưng cái mới mẻ của Viễn Phương là đã kết hợp ẩn dụ với nghệ thuật nhân hóa. Mặt trời của tự nhiên vốn đã đẹp, vốn đã rực rỡ chói lóa, ấy vậy mà vẫn phải ngưỡng mộ trước vẻ đẹp tài năng và nhân cách của Hồ Chí Minh. Cảm nhận về hai câu thơ này, giáo sư Trần Đình Sử trong bài *"Lời người con miền Nam ra thăm cha già dân tộc"*, đã viết: *"Vĩ Bác với mặt trời là hình ảnh đã quen nhưng so sánh mặt trời trên lăng với mặt trời trong lăng là một sáng tạo mới, xuất thần, thoát sáo, chưa hề có. Mặt trời rất đỏ làm nhớ tới trái tim nhiệt huyết, chân thành, trái tim thương nước, thương dân"*.

Với việc ví Bác với mặt trời, thật tự nhiên, chọn lọc một là cụ thể, một là biểu tượng nhưng ý nghĩa thật tương đồng. Viễn Phương vừa ca ngợi sự vĩ đại của Bác. Bác là nguồn sức mạnh, cổ vũ soi đường cho cả dân tộc thoát khỏi kiếp đời nô lệ, tới tầm đề đến với độc lập, tự do, thống nhất. Đồng thời vừa nhấn mạnh được tư tưởng ngời sáng của Người, lại vừa thể hiện được lòng thành kính của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác Hồ.

Cặp câu thứ hai nhà thơ miêu tả:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

Nhịp thơ chậm chậm như bước chân đi lặng lẽ. Đoàn người vào lăng viếng Bác nối nhau thành *"dòng"* không dứt. Thông qua nghệ thuật ẩn dụ dòng người bất tận kia trở thành *"tràng hoa"* dâng lên vị cha già dân tộc. *"Tràng hoa"* có thể là hình ảnh thực, có thể là ẩn dụ chỉ tấm lòng, tượng trưng cho muôn triệu cuộc đời nở hoa dưới ánh sáng mặt trời Bác Hồ rực rỡ. Dù hiểu theo cách nào hình ảnh thơ cũng thật đẹp. Chữ *"dòng"* diễn tả sự thành kính, lòng biết ơn.

Từ *"ngày ngày"* được nhắc lại hai lần như một điệp ngữ sóng đôi với câu trước, vừa có ý nhấn mạnh, vừa có ý so sánh. Giống như *"mặt trời đi qua trên lăng"*, tình cảm của nhân dân với Bác cũng vĩnh hằng như quy luật vận hành của vũ trụ. Hơn thế nữa, niềm thương nhớ Bác được Viễn Phương diễn tả qua một hình ảnh xúc động *"đi trong thương nhớ"*. Thương nhớ từ lòng người, nhuốm phủ lên tất cả để làm thành không gian thương nhớ. Hóa ra niềm tôn kính Bác đâu chỉ của riêng nhà thơ. Niềm tôn kính Bác là của chung dân tộc. Tình cảm ấy không vô hình, cụ thể bao trùm lên trong không gian, thời gian vô tận *"ngày ngày"*. Đặc biệt, hình ảnh *"bảy mươi chín mùa xuân"* là hình ảnh hoán dụ thật đẹp mang ý nghĩa tượng trưng vì *"mùa xuân"* không chỉ gọi tuổi mà còn gọi đến sự bất tử và khẳng định sức cống hiến không mệt mỏi, thanh xuân tươi trẻ mãi của Bác Hồ cho đất nước, nhân dân. *"bảy mươi chín mùa xuân"*, Bác ra đi khi vừa tròn 79 tuổi - 79 năm - 79 mùa xuân Bác đã cống hiến, hi sinh vì sự nghiệp của dân tộc mà không giành một chút riêng tư về mình.

*Xin nhớ từ đây nhớ lại ngày
Bác Hồ từ giã cõi hôm nay
Bảy mươi chín xuân trong sáng ấy
Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay.
(Theo chân Bác - Tố Hữu)*

Khổ thơ thứ hai đã nói hộ bao người tình cảm thành kính, biết ơn với Bác người đã đem lại mùa xuân nở hoa mãi mãi cho dân tộc chúng ta.

Hòa theo dòng người vào lăng viếng Bác, khi đứng trước di hài Bác nhà thơ nâng niu, trân trọng cả giấc ngủ của người - giấc ngủ bình yên trong ngày đất nước thống nhất. Khung cảnh và không khí trong lăng được tái hiện ngay cặp câu đầu:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền.

Câu thơ mở ra một không khí trang nghiêm, thanh tĩnh trong lăng, nhà thơ cảm nhận Bác đang ngủ - một “*giấc ngủ bình yên*”, cách nói giảm nói tránh, giảm bớt sự đau thương, mất mát của cả dân tộc khi Bác đã ra đi. Đồng thời cho thấy giấc ngủ nhẹ nhàng, bình yên, thanh thản của Bác trong giấc ngủ ngàn thu. Bởi cả cuộc đời của Bác chưa đêm nào Người có một giấc ngủ trọn vẹn, Người luôn trăn trọc, bồn chồn vì vận mệnh đất nước.

Một canh... hai canh... lại ba canh

Trần trọc bồn khoăn giấc chẳng thành

Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt

Sao vàng năm cách mộng hồn quanh.

Không ngủ được – Hồ Chí Minh)

Chính vì lẽ đó mà nhà thơ Hải Như đã từng nhắc nhở chúng ta: khi vào lăng viếng Bác phải nói nhẹ, đi khẽ để không làm Bác giật mình.

Cả cuộc đời Bác có ngủ yên đâu

Nay Bác ngủ chúng con canh giấc ngủ.

Hình ảnh vầng trăng trong câu thơ “*Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*” là một hình ảnh đầy chất thơ, giàu sức gợi. Đây là hình ảnh ẩn dụ gợi ta liên tưởng đến tâm hồn cao đẹp, sáng trong gợi ta nhớ đến những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Bác

- Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

- Trăng nhòm khe cửa đời thơ

Việc quân đang bận xin chờ hôm sau.

Qua những vần thơ về trăng của Bác, chúng ta thấy tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, chất nghệ sĩ trong con người Hồ Chí Minh. Cùng với mặt trời, hình ảnh vầng trăng đã hoàn thiện bức chân dung Hồ Chí Minh trong tâm khảm mỗi người: chói lóa, rực rỡ, trong sáng, thanh cao, hiền lương, thương mến. “*Vầng trăng*” tỏa chiếu giấc ngủ của Người thật phù hợp và có ý nghĩa. Nhờ đó, người đọc cảm nhận đầy đủ

hơn, xúc động hơn về “*giấc ngủ*” đẹp đẽ, thanh cao của một con người đã bao đêm không ngủ, đấu tranh và hi sinh quên mình cho dân tộc, nhân loại

Trong khung cảnh bình yên đến tưởng như ngưng kết cả không gian, thời gian, tâm trạng và cảm xúc nhà thơ chuyển sang niềm xót xa, đau đớn, tiếc nuối.

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Hình ảnh “*trời xanh*” là hình ảnh của thiên nhiên tồn tại mãi mãi, vĩnh hằng, là hình ảnh ẩn dụ khẳng định Bác là trời xanh, cũng giống như Bác là mùa xuân, là mặt trời....

Viễn Phương dùng hình ảnh ẩn dụ, so sánh Bác với bao nhiêu hình ảnh kì vĩ, lớn lao là để khẳng định cái vô cùng cao cả và sức sống vĩnh hằng của Người “*Bác sống như trời đất của ta...*”. Bác còn mãi với non sông, đất nước như trời xanh. Người hóa thân vào thiên nhiên mây núi để trở thành hồn thiêng dân tộc. “*Vẫn biết*” là đã nhận thức được như thế nhưng lí trí không điều khiển được cảm xúc, tình cảm xót thương không chấp nhận sự mất mát, ra đi mãi mãi của Người. Nỗi đau được nhà thơ thể hiện thông qua nghệ thuật chuyển đổi cảm giác:

Mà sao nghe nhói ở trong tim!

Cấu trúc tương phản “*Vẫn ... mà*” kết hợp với dấu chấm than ở cuối khổ thơ đã diễn tả tình cảm thật chân thành. “*Nghe nhói*” là nỗi đau có thể cảm giác được, nỗi đau tinh thần được cụ thể hóa bằng nỗi đau thể xác. Trong tâm hồn dân tộc, Bác còn sống mãi nhưng thực tế chúng ta đã vĩnh biệt Người - vị lãnh tụ vĩ đại, người cha già kính yêu. Đó là mất mát lớn lao không gì bù đắp được! Đã bao năm qua kể từ khi Bác mất, thời gian tưởng có thể làm nguôi ngoai song tình cảm đau xót, tiếc thương của nhà thơ Viễn Phương vẫn thật thấm thía. Niềm riêng này của nhà thơ cũng là nỗi lòng chung của tất cả chúng ta, của bao người đã từng khóc ròng khi Bác mất năm xưa:

*Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa.*

(Bác ơi - Tố Hữu)

*Bác đã đi rồi sao bác ơi!
Mùa thu đang đẹp nắng xanh trời.*
(Bác ơi – Tố Hữu)

Bài thơ kết thúc trong tình cảm thương nhớ và lưu luyến không rời của Viễn Phương với bác. Đây cũng là dòng cảm xúc được đẩy tới mức cao trào nhất, tuôn trào nhất.

Mai về miền Nam thương trào nước mắt.

Người con trai trong ca dao xưa mỗi bước xa quê là nỗi nhớ nhung tha thiết: “*Anh đi anh nhớ quê nhà...*” tình cảm ấy tưởng đã là sâu nặng. Còn đây, Viễn Phương chưa xa mà đã nhớ, đang đứng trên đất Bắc mà đã nghĩ tới lúc bịn rịn chia tay thì tình cảm thương nhớ càng chan chứa biết bao nhiêu. Cảm xúc cất lên thành lời trực tiếp “*thương trào nước mắt*”. Chữ “*thương*” giản dị mà xúc động. Niềm thương không chỉ là cảm xúc dâng ngập trong tâm hồn mà trào lên thành “*nước mắt*” phải chăng vì cảm thông được niềm ao ước bấy lâu về một ngày thống nhất vẫn nặng lòng Bác lúc ra đi; thương vì Bác chưa thỏa ước nguyện thấy nhân dân được hưởng sự sung sướng, hạnh phúc khi Bắc Nam sum họp một nhà. nhà thơ không cầm lòng được bởi chưa có ngày: “*Đón Bác vào thăm thấy Bác cười*”. Trong niềm thương nhớ rung rung ấy, nhà thơ bày tỏ:

*Muốn là con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

Mong ước của Viễn Phương được diễn tả bằng điệp ngữ “*muốn làm*” đã tạo nhạc điệu ngân dài, vang mãi trong khổ thơ, diễn tả tình cảm lưu luyến không rời của Viễn Phương với Bác. Ta gặp một lần nữa những hình ảnh thiên

nhiên quen thuộc, bình dị: “con chim”, “cành hoa”. Trong thơ Thanh Hải “con chim”, “cành hoa” là ẩn dụ chỉ ước nguyện sống đẹp, cống hiến phần tinh túy dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung. Viễn Phương ước làm con chim, làm hoa, làm tre để cất tiếng hát, tỏa hương thơm, trang nghiêm bên giấc ngủ Người. Bằng cách đó nhà thơ đã tỏ lòng kính yêu và biết ơn Bác vô cùng sâu sắc. Ba câu thơ mà ngập tràn âm thanh, hương thơm, bóng mát. Tưởng như bầy chim vì Người mà cất tiếng, đóa hoa vì Người mà tỏa hương, cây tre vì Người mà xòa bóng. Tất cả như đang vây quanh Bác, đón nhận ánh sáng từ vầng “mặt trời trong lăng rất đỏ. Tất cả như đang dâng hiến bên một cuộc đời đã dâng hiến hết mình cho đất nước nhân dân. Lời thơ đã kếp lại mà nhạc điệu ngân nga “muốn làm”, “muốn làm”, “muốn làm”. Câu thơ cuối cùng có cái chắc khỏe của một lời hứa. Cao hơn lời hứa là một lời thề - lời thề “trung hiếu”.

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

Hình ảnh “cây tre trung hiếu” gợi đến người con trung kiên, hiếu nghĩa, một lòng vì nước vì dân. Khổ thơ do đó không chỉ bộc lộ tình cảm thương nhớ, lưu luyến mà còn biểu đạt một cách xúc động tình cảm thủy chung, son sắt của nhà thơ, của nhân dân miền Nam, nhân dân cả nước với Bác Hồ vô vàn kính yêu.

Bài thơ được viết theo thể tám chữ (có dòng bảy chữ, chín chữ), có sự kết hợp giữa chất trữ tình và tự sự; giọng thơ biến đổi linh hoạt: lúc thì sâu lắng, tự hào, khi thì xót xa, tiếc nuối, lúc lại khát khao mạnh mẽ, rất phù hợp với việc diễn tả tình cảm, cảm xúc từ khi bắt đầu cho tới khi kết thúc cuộc viếng thăm... Tác phẩm có sử dụng rất nhiều những hình ảnh sáng tạo, với hệ thống những hình ảnh tả thực và biểu tượng (hàng tre, trời xanh, mặt trời, vầng trăng...) giàu giá trị tạo hình và gợi cảm xúc. Đồng thời toàn bộ bài thơ rất giàu tính chất nhạc điệu nên thi phẩm đã được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ thành bài hát và trở thành một khúc ca đẹp về chủ tịch Hồ Chí Minh

Viếng lăng Bác là một bài thơ hay bởi nó được tạo ra từ những cảm xúc, rung động chân thành của trái tim nhà thơ, đồng thời cũng là tiếng lòng của tất cả chúng ta. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ như một thiên thần thoại của thế kỉ XX. Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người Việt Nam đẹp nhất! Một nhà thơ của đất nước Cu-ba anh em đã tự hào khẳng định: “Hồ Chí Minh - tên Người là cả một niềm thơ!”

LẶNG LẼ SAPA CỦA NGUYỄN THÀNH LONG

Đề 1.

1. Trong văn bản "Tiếng nói văn nghệ", Nguyễn Đình thi viết: "Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy".

Qua văn bản "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long liên hệ với “Chiếc lá cuối cùng” của O hen ri, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

1, Yêu cầu chung:

- Học sinh biết huy động kiến thức về tác giả, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng, phải bám sát và làm rõ ý kiến được nêu ra ở đề bài.
- Bài viết có bố cục chặt chẽ, trình bày rõ ràng, không sai lỗi chính tả và không mắc lỗi diễn đạt.

2, Yêu cầu cụ thể: Học sinh có thể viết bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nắm được và làm toát lên những nội dung cơ bản sau:

* Dẫn dắt giới thiệu vấn đề: Nhận định trên bàn về chức năng nhận thức, chức năng thẩm mĩ và chức năng giáo dục của nghệ thuật, của văn chương

1. Giải thích khái quát nhận định:

- Nhận định nêu lên khả năng kỳ diệu của nghệ thuật trong việc tác động vào tư tưởng, tình cảm, nahanj thức, hành động của mỗi người và toàn xã hội.

Nghệ thuật không hề khô khan trừu tượng, xa cách “ không đứng ngoài trở về cho ta đường đi” mà gần gũi, lắng sâu do thấm đẫm cảm xúc và nỗi niềm của tác giả. Tư tưởng trong tác phẩm nghệ thuật là thứ tư tưởng nấu mình. Người nghệ sĩ không “mở một cuộc thảo luận lộ liễu, khô khan”, nghệ thuật là cuộc sống nhưng cũng rất tinh tế, hàm súc, sâu lắng. TP lay động tới hồn trí độc giả bằng cả nội dung và hình thức, tác động vào nhận thức, tâm tư, tình cảm của người đọc, giúp người đọc hiểu được hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm và qua những rung động mà tác phẩm đem lại, người tiếp nhận sẽ nhận thức rõ cái đẹp, cái đúng, cái sai khiến chúng ta nảy ra những tình cảm yêu, ghét, buồn, vui, sung sướng, hạnh phúc ... những đồng tình với tác giả. Đó chính là nghệ thuật đã “vào đốt lửa trong lòng chúng ta”.

Hơn thế, “nghệ thuật khiến chúng ta phải tự bước lên đường ấy”, nghệ thuật góp phần giúp con người nhận thức, xây dựng và phấn đấu hoàn thiện mình một cách tự nhiên, tự giác mà bền vững và sâu sắc. Nghệ thuật giúp ta có cái nhìn c/s rộng hơn, biết xúc động, cảm thương trước nỗi đau của con người. biết căm ghét cái xấu xa, độc ác, biết buồn vui, cay đắng và giữ gìn lòng tự trọng.. người đọc biết kế thừa, phát huy, noi theo những điều tốt đẹp, đấu tranh, phê phán cái xấu xa, lỗi thời, hèn kém...biết hướng tới cái thiện, sống tốt đẹp hơn....

2. Chứng minh bằng tác phẩm văn học:

(Hiểu vấn đề nghị luận: Tp tác động đến người đọc như thế nào, khơi gợi trong tâm hồn người đọc những gì?)

*Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

NTL là cây bút để lại dấu ấn riêng trong lòng bạn đọc bởi văn phong nhẹ nhàng, tình cảm, giàu chất thơ, thấm đẫm chất trữ tình. Trang văn NTL thường ánh lên vẻ đẹp của con người nên có khả năng thanh lọc làm trong sáng tâm hồn, khiến chúng ta thêm yêu cuộc sống. “Lặng lẽ Sa Pa” là kết quả của chuyến đi thực tế ở Lào Cai của nhà văn. Đây là truyện ngắn tiêu biểu viết về đề tài cuộc sống mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Là truyện ngắn nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu chất thơ, tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ, hướng con người đến cái đẹp và biết sống đẹp ...

* **Chứng minh:**

LĐ 1: “Lặng lẽ Sa Pa ” đã đốt lên trong lòng chúng ta ngọn lửa nhiệt huyết say mê lao động của những con người bình thường mà cao cả, lặng lẽ cống hiến sức mình cho đất nước, đánh thức trong ta những âm vang sóng ngầm về lí tưởng sống cao đẹp.

(Hoặ: “Lặng lẽ Sa pa” vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khơi gợi trong ta những cảm xúc tốt đẹp, lay động tâm hồn bạn đọc bởi vẻ đẹp con người lao động nơi Sa Pa lặng lẽ.)

- Âm vang của cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư nông nghiệp và anh thanh niên khí tượng là những âm vang trong trẻo, đậm chất trữ tình. Đó là âm vang của những cuộc đời tươi đẹp, tỏa ra thứ ánh sáng rất riêng soi rọi vào tâm hồn khiến bạn đọc cảm mến và tin yêu con người nơi đây. Ở những con người này ánh lên những phẩm chất tốt đẹp đã thành bản chất bền vững, những quan niệm đạo đức trong sáng, cao cả và một ý chí kiên định cách mạng, tất cả đã được tôi luyện trong thử thách của chiến tranh, nay đang được tiếp tục củng cố, phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng: Chủ yếu là nhân vật anh thanh niên).

- Tác phẩm đốt lên trong lòng ta ngọn lửa của niềm đam mê, của những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống của lao động tự giác về con người và về nghệ thuật. Cuộc sống của mỗi người chỉ thật sự có ý nghĩa khi mọi việc làm của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu mến tự hào về mảnh đất mình đang sống. Con người cần phải biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa công việc mình làm. Vẻ đẹp của con người lao động chính là mảnh đất màu mỡ để người nghệ sĩ uơm mầm. *(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng: Những quan niệm về công việc của anh thanh niên; Suy nghĩ của ông họa sĩ về nghệ thuật, về cuộc sống.)*

-> “Lặng lẽ Sapa” mới đọc tên truyện ta ngỡ nhà văn nói về một điều gì im ắng, hắt hiu, giá lạnh. Vậy mà thật kì diệu, trong cái lặng lẽ của Sapa vẫn vang ngân lên những âm thanh trong sáng, vẫn ánh lên màu sắc lung linh, lan tỏa hơi ấm của sự sống, sự sống của những rừng cây, những đóa hoa, sức sống con người và những tấm lòng nhân hậu. Những vang âm, sắc màu và hơi ấm của một vùng đất lặng lẽ ấy đã khơi gợi trong biết bao lớp người đọc tác phẩm này tình yêu tổ quốc, tình yêu con người đã một thời biết sống đẹp, suy nghĩ đẹp, để từ đó mà hướng tới tìm cho mình một vẻ đẹp riêng trong cách sống của mỗi người. Đó chính là sự lan tỏa trong dòng chảy cảm xúc và dư ba sóng ngầm mà tác phẩm dội lên trong suy nghĩ của mỗi một thế hệ bạn đọc, đã “vào đốt lửa trong

lòng chúng ta khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy” . Truyện đã góp phần cổ vũ, động viên nhân dân ta trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đồng thời cũng là bức thông điệp đề mọi người ý thức công dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Thổi bùng trong ta lòng yêu đất nước và ý thức cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho đất nước.

Luận điểm 2: Ngọn lửa đặc biệt của *Lặng lẽ Sa Pa* được tỏa ra từ chất thơ bàng bạc xuyên suốt tác phẩm (Giá trị nghệ thuật)

+ Chất thơ trong cốt truyện, chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên. Mỗi câu mỗi chữ khắc họa bức tranh thiên nhiên đều giàu sức tạo

hình, rực rỡ sắc màu, nhịp điệu êm ái như một bài thơ. Cảm xúc trước cảnh mới lạ ấy truyền cho người đọc những rung động thẩm mỹ về vẻ đẹp của tác phẩm, làm dấy lên ước muốn một lần được đặt chân lên Sa Pa. (*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*)

+ Chất thơ trong nét đẹp tâm hồn của nhân vật, trong ngôn ngữ và giọng điệu kể chuyện nhẹ nhàng trong sáng. Ngôn ngữ truyện như dòng nước mát trôi vào tâm trí người đọc, khơi gợi bao khao khát về một vùng đất lãng lẽ mà thơ mộng. (*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*)

*** Đánh giá chung về tác phẩm:**

Truyện đã thành công trong cách xây dựng tình huống hợp lí, tự nhiên mà hết sức bất ngờ, trong cách kể chuyện giản dị, trong cách miêu tả con người, cảnh vật dưới nhiều điểm nhìn. Mỗi chữ, mỗi câu trong tác phẩm có hình khối, đường nét, màu sắc... đậm đà chất hội họa., có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu, âm thanh, êm ái, mang âm hưởng của một bài thơ...Truyện đã khắc họa thành công h/a những con người lao động bình thường mà cao cả, tiêu biểu là anh thanh niên. Qua đó, truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc lặng thầm.

*** Liên hệ với “Chiếc lá cuối cùng” của Ohenri**

“ CLCC” đã đốt lên trong lòng bạn đọc tình yêu thương con người, tình bạn thủy chung, sự hi sinh cao cả vì sự sống của con người. CLCC là bức thông điệp màu xanh, là sự sống kiên cường của con người, là “Tình đời trong chiếc lá”. “Kiệt tác – Chiếc lá cuối cùng” của cụ Bơ-men đã khơi dậy khát khao sống, đánh thức sự sống trong trái tim non trẻ của Giôn xi. Cụ Bơ – men đã lựa chọn cái chết vì người khác, caci chết ấy gieo mầm cho sự sống, nó hồi sinh ý thức, khát vọng sống cho Giôn – xi...Chiếc lá vô tri đã trở thành niềm hi vọng của Giôn-xi khi mà cô còn giữ được “lửa” trong trái tim mình, khiến cô tìm lại được tình yêu cuộc sống với những mơ ước, khát khao. Chiếc lá cụ Bơ men vẽ là chiếc lá của tình yêu thương, của sự hi sinh cao cả, chiếc lá là tình đời sâu nặng và thấm nồng. Nghệ thuật chân chính đã mang lại niềm tin mãnh liệt vào sự sống ngàn lần yêu quý. Nghệ thuật vì cuộc sống con người mới là nghệ thuật đích thực, là sự kết tinh, lắng đọng của tình yêu thương sâu sắc, là sự quên mình tuyệt đối vì mọi người – chân lí ấy trường tồn cùng năm tháng.

CLCC còn vào đốt lửa trong lòng bạn đọc bởi nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần đầy kịch tính, nhiều tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ, khéo léo gây hứng thú .. tất cả đã làm chúng ta rung cảm trước tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.

• Đánh giá, mở rộng:

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi hoàn toàn đúng đắn bởi tác phẩm văn học nuôi dưỡng tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của con người, làm nảy sinh trong con người một khát vọng hướng tới chân lí, biết đấu tranh với cái xấu, biết tìm tòi và hướng tới cái đẹp của con người và cuộc sống. Văn học luyện cho người đọc thói quen cảm thụ tinh tế, mài sắc khả năng nhận ra cái thật, cái giả, cái thiện, cái ác trong cuộc sống. Thông qua sự kiện, hình tượng trong tác phẩm để khơi gợi, kích thích người đọc về mặt tình cảm, buộc họ phải “ tự bước lên đường ấy” tự

bày tỏ thái độ và suy nghĩ để có hành động đúng. TP văn học còn làm thỏa mãn thị hiếu thẩm mỹ của người đọc bằng vẻ đẹp ngôn từ, vần điệu, bằng kết cấu khéo léo, lời cuốn, nó làm cho tâm hồn chúng ta rung động trước những hình tượng nhân vật điển hình, trước cách cảm, cách nghĩ của nhà văn về con người và cuộc đời.

*** Bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận:**

- Nhà văn chân chính là người có tâm hồn phong phú, đẹp đẽ. Họ lấy tâm hồn chân thành của mình để soi sáng những cảnh đời tối tăm, vỗ về người đau khổ, lên tiếng vạch trần cái xấu, cái ác, ca ngợi phẩm chất cao đẹp... từ đó hướng bạn đọc đến những điều tốt đẹp.

-Người đọc đồng cảm, biết rung cảm trước cái đẹp của cuộc sống và hướng đến những giá trị chân, thiện, mỹ.

Đề 2: Ánh sáng riêng trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

MB1: Với cảm xúc tinh tế, ngòi bút đậm chất hội họa, NTL đã mang đến cho bạn đọc những trang văn thấm đẫm chất thơ trong tuyển ngắn “LLSP”. Chất thơ trong sáng của thiên nhiên lồng lẩy, kì thú, mộng mơ nơi Sa Pa lặng lẽ, chất thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của những con người lao động bình thường mà cao cả. Điều ấy đã tạo nên “ánh sáng riêng” mà truyện ngắn “rơi vào” tâm hồn bạn đọc. Quả đúng như nhận xét của Nguyễn Đình Thi “Mỗi tác phẩm lớn như rơi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng...”

MB2: “Lặng lẽ Sa Pa” của NTL - một câu chuyện nhẹ nhàng, cốt truyện đơn giản nhưng thật thú vị và ẩn chứa bên trong nhiều ý vị sâu sắc. Với ngòi bút tinh tế, trữ tình đầy cuốn hút, tác giả đã khéo léo dẫn dụ người đọc lạc vào xứ sở sương mù thơ mộng Sa Pa – nơi đó ánh lên vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của những con người lao động bình thường mà cao cả. Vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên Sa Pa, vẻ đẹp của người lao động nơi Sa Pa lặng lẽ đang lặng thầm cống hiến cho đất nước đã neo giữ trong lòng người đọc nhiều tình cảm mến yêu. Những điều tuyệt đẹp ấy làm nên “ánh sáng riêng” mà “Lặng lẽ Sa Pa” đã “rơi” vào tâm hồn bạn đọc. Đúng như nhận xét của Nguyễn Đình Thi “Mỗi tác phẩm lớn như rơi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng...”

TB:

1. Giải thích nhận định

- Tác phẩm lớn: tác phẩm mang dấu ấn của từng giai đoạn, từng thời kì, mở ra trước mắt người đọc những hiểu biết phong phú về cuộc sống xã hội con người, hướng con người đến những điều tốt đẹp. Vẻ đẹp thẩm mỹ của tác phẩm làm lay động bao trái tim người đọc và có sức sống lâu bền với thời gian.

- Ánh sáng của tác phẩm: là cảm xúc, tâm sự, tấm lòng, tinh thần của thời đại... mà nhà văn đã chuyển hoá vào trong tác phẩm. Ánh sáng ấy có khả năng kì diệu trong việc tác động vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của ta, chiếu toả soi rọi vào sâu thẳm tâm trí ta, làm thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ...

- Mỗi tác phẩm mang một ánh sáng riêng in đậm dấu ấn, phong cách riêng của nhà văn, từ cách đặt vấn đề, giải quyết vấn đề, bày tỏ quan điểm, cách nhìn cuộc sống đều mang nét riêng độc đáo.

2. Chứng minh:

Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn nhẹ nhàng, trong trẻo, giàu chất thơ của Nguyễn Thành Long. Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng đẹp đẽ. Nhà văn đã xây dựng được những hình tượng nhân vật độc đáo, giàu lí tưởng tiêu biểu cho phẩm chất của con người Việt Nam trong công cuộc lao động xây dựng quê hương đất nước. Đọc truyện ngắn bạn đọc có thêm những hiểu biết sâu sắc về thiên nhiên, cuộc sống, về ý nghĩa của lao động ... Mỗi trang văn thấm đẫm chất trữ tình ấy có khả năng thanh lọc tâm hồn con người, hướng con người đến cái đẹp và biết sống đẹp... cũng bởi lẽ đó mà tác phẩm lay động trái tim bao độc giả và có sức sống lâu bền cùng thời gian...

Ánh sáng người đọc đón nhận từ tác phẩm trước hết là âm vang của cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư nông nghiệp và anh thanh niên khí tượng. Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa họ đã làm nên những âm vang trong trẻo, đậm chất trữ tình, đó là âm vang của những cuộc đời tươi đẹp. Ở những con người này ánh lên những phẩm chất tốt đẹp đã thành bản chất bền vững, những quan niệm đạo đức trong sáng, cao cả và một ý chí kiên định cách mạng, tất cả đã được tôi luyện trong thử thách của chiến tranh, nay đang được tiếp tục củng cố, phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Đọc “LLSP” ta bắt gặp một ông họa sĩ đam mê nghệ thuật, say mê cái đẹp, một bác lái xe vui tính, có “máu nghệ sĩ”, một cô kĩ sư trẻ hăm hở đi tìm ý nghĩa cuộc sống trên vùng cao Tây Bắc....dường như, mọi người đang đi tìm một điều gì thật giản dị nhưng cũng thật là thiêng liêng, những khát vọng, những háo hức... Đặc biệt nhất, ấn tượng nhất với bạn đọc là chân dung anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét...Làm một công việc âm thầm, lặng lẽ, trên đỉnh núi cao 2600 mét, giữa mênh mông đất trời, sương tuyết, anh thanh niên vẫn yêu đời, đầy trách nhiệm, cần cù, dũng cảm. Anh say mê công việc của mình, luôn hoàn thành nhiệm vụ, anh biết tự tạo một cuộc sống nề nếp, phong phú và thơ mộng: nuôi gà, trồng hoa, đọc sách. Thỉnh thoảng xuống núi, anh tìm gặp bác lái xe, cùng khách qua đoàn để thăm hỏi, giúp đỡ, để vui bớt nỗi cô đơn, nỗi “thèm người”... Con người ấy đã biết sống một cuộc sống thật đẹp, thật phong phú, một cuộc sống làm chủ mình, giúp ích cho đời. Kể về một lần, nhờ anh góp phần phát hiện một đám mây khô nên không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực, anh đã sung sướng nói với ông họa sĩ: “Từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc”. Ý thức sâu sắc mục đích việc mình làm, say mê làm việc để đạt hiệu quả, thấm thía niềm vui, tìm được hạnh phúc trong cuộc sống, phong cách sống ấy của anh thanh niên khí tượng khiến ông họa sĩ xúc động nhủ thầm “người con trai ấy đáng yêu thật”. Phải chăng đó chính là những vang âm từ một cách sống? Đó là thứ ánh sáng kì diệu tỏa ra từ truyện ngắn, soi rọi vào tâm hồn bao thế hệ bạn đọc.

Anh thanh niên không chỉ đáng yêu vì cách sống mà còn đáng yêu vì những điều anh suy nghĩ. Đó cũng là những âm vang vừa có chiều sâu vừa có sức khơi gợi, tỏa sáng...Anh thanh niên có những suy nghĩ thật đẹp, có lý tưởng sống và quan niệm sống giản dị mà cao cả. Anh nói với ông họa sĩ: “khi ta làm việc, ta với công việc là đôi... hướng chỉ việc của cháu gắn liền với việc của bao

anh em đồng chí dưới kia”. Rồi anh tâm sự với cô kĩ sư: “Lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà”. Anh đáng yêu hơn vì nổi “thèm người”, anh cho rằng: “người thì ai mà chả “thèm”... Mình sinh ra làm gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc?”.

Người con trai ấy còn đáng yêu ở đức khiêm tốn, anh luôn luôn cảm thấy mình nhỏ bé, bình thường so với nhiều người khác. So độ cao nơi ở, anh không bằng người bạn “trên trạm đỉnh Phăng-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét”. Tìm một chân dung cho tác phẩm hội họa, anh giới thiệu ông kĩ sư vườn rau, ngày này sang ngày khác rình xem cách ông thụ phấn cho su hào để nâng cao năng suất trồng rau; rồi một người làm công tác nghiên cứu khoa học, mười năm không một ngày xa cơ quan, luôn trong tư thế sẵn sàng đợi sét để lập bản đồ sét, tìm cho ra cửa chìm dưới lòng đất của Tổ quốc. Đặc biệt, về vùng đất anh đang sống và làm việc mà anh thấu hiểu hơn ai hết: “Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước”.

Thế đấy, mỗi suy nghĩ của con người trẻ tuổi ấy đều thấm đẫm tình yêu con người, yêu cuộc sống, yêu mến và tự hào về mảnh đất mình đang sống. Chính những suy nghĩ và tình cảm ấy đã trở thành sức mạnh, thành điểm tựa để anh làm việc, học tập, vươn lên trong những đỉnh cao trong cuộc sống. Anh biết sống cho một sự nghiệp lớn lao là công cuộc xây dựng đất nước, cũng biết sống cho riêng mình và chia sẻ với mọi người. Vì thế, gặp gỡ, trò chuyện với anh, ông họa sĩ cảm thấy “nhọc quá”; cô kĩ sư nông nghiệp dạt lên trong lòng “một ấn tượng hàm ơn”...Cái ấn tượng về trách nhiệm dạt lên trong lòng cô là những gì? Có phải đó cũng là những thu lượm bổ ích, phong phú, tươi non về nhận thức, về tâm hồn? Được trò chuyện với anh thanh niên, cô gái hiểu ra bao nhiêu điều về cuộc sống. Cô hiểu anh thanh niên, hiểu cái thế giới những con người mà anh kể, và quan trọng, thiêng liêng sâu sắc nhất là “cô hiểu con đường cô đang đi tới”. Cô gái bàng hoàng, xúc động như giây phút tuổi trẻ đón nhận một tình yêu, tình yêu đích thực, chứ không phải mối tình nhạt nhẽo, sai lầm vừa qua. Cô yên tâm và tin tưởng ở con đường mình đang đi tới, ở công việc mình đã lựa chọn. Do đó, khi ôm bó hoa anh thanh niên tặng, cô gái hồi hộp và sung sướng vì nhận được một kỉ niệm đẹp của một tấm lòng, cũng “vì bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mộng mơ” đang bùng nở với muôn vàn hương sắc trong tâm hồn cô. Phút chia tay “Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ” - hết như một bức tranh óng ánh sắc màu.

Có thể nói, cuộc gặp gỡ của ba nhân vật giữa mịt mờ sương tuyết mà vẫn nồng ấm tình người, y như một mối duyên kì ngộ. Chỉ tiếp xúc trong ba mươi phút, họ đủ hiểu nhau, toả sáng cho nhau, khơi gợi trong nhau biết bao điều bổ ích. Điều bổ ích lớn lao nhất cho cả ba con người thuộc hai thế hệ khác nhau là sự ý thức về vị trí, trách nhiệm mỗi con người trong công cuộc xây dựng đất nước. Dù họ chia tay nhau, điều bổ ích ấy vẫn vang trong họ và từ họ, vang âm

sang người đọc chúng ta, soi rọi vào tâm hồn ta những ánh sáng đẹp - ánh sáng của niềm say mê cống hiến.

Cuộc sống của mỗi người chỉ thật sự có ý nghĩa khi mọi việc làm của họ đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống, yêu con người, yêu mến tự hào về mảnh đất mình đang sống. Con người cần phải biết sống có lý tưởng, say mê với công việc, hiểu được ý nghĩa công việc mình làm. “Lặng lẽ Sa Pa” là câu chuyện về tình yêu công việc, nơi gặp gỡ của lý tưởng sống và lòng nhân ái trong một xã hội mới tốt đẹp. Câu chuyện đã tác động sâu sắc đến mỗi chúng ta, thắp sáng trong ta ngọn lửa nhiệt tình và lòng đam mê công việc. Cuộc đời có những con người như thế sẽ làm ta vững tin hơn, sống đẹp hơn. Để rồi khi bắt gặp những con người như anh thanh niên, hẳn ta sẽ tìm được câu trả lời cho câu hỏi: “Ôi, sống đẹp là thế nào hỡi bạn?”

“LLSP “ còn “rọi vào” trong lòng người đọc những suy nghĩ về ý nghĩa nghệ thuật. Vẻ đẹp của con người lao động chính là mảnh đất màu mỡ để người nghệ sĩ ươm mầm nghệ thuật. Chẳng thế mà trước anh chàng trẻ tuổi đáng yêu, ông họa sĩ ngỡ như lồng ngực có thêm một quả tim nữa, hay chính là quả tim cũ được “đẩy cao” lên? Đang bước vào tuổi già, tuổi của những nghỉ ngơi, ông bỗng trẻ lại, thấy yêu thêm cuộc sống, khao khát sống, khao khát sáng tạo. Vừa nói chuyện, ông vừa kí hoạ. Bàn tay ông như có thần, trái tim rung động, trí tuệ minh mẫn, suy nghĩ bao nhiêu điều tốt lành về cuộc sống, con người và mảnh đất Sa Pa. Như vậy, cảm giác “nhọc mệt” của người nghệ sĩ ấy chính là một niềm vui, niềm hạnh phúc.

Thứ ánh sáng đặc biệt của *Lặng lẽ Sa Pa* mà người đọc cảm nhận được còn toả ra từ chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên. Chất thơ ấy ngân nga, nhẹ nhàng, ấm áp ngay trong những dòng đầu, khi bác lái xe giới thiệu đã vào đất Sa Pa. Cảnh Sa Pa cứ hiện dần, mỗi lúc một đẹp đẽ, mơ màng. Đọc văn, có cảm giác được ngắm những tác phẩm hội hoạ lung linh kì ảo: “Nắng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương rơi”. Ôi, phong cảnh đẹp biết nhường nào! Mỗi chữ, mỗi câu trong tác phẩm có hình khối, đường nét, màu sắc... đậm đà chất hội hoạ. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu, âm thanh, êm ái, mang âm hưởng của một bài thơ...

Lặng lẽ Sa Pa - mới đọc tên, ngỡ nhà văn nói về một điều gì... im ắng, hắt hiu, giá lạnh. Vậy mà, thật kì diệu, trong cái lặng lẽ của Sa Pa vẫn vang ngân lên những âm thanh trong sáng, vẫn ánh lên những sắc màu lung linh, lan toả hơi ấm tình người và sự sống, sự sống những rừng cây, những đoá hoa, những tấm lòng nhân hậu. Chính những vang âm, sắc màu và hơi ấm của một vùng lặng lẽ ấy đã khơi gợi trong biết bao lớp người đọc tác phẩm này tình yêu Tổ quốc, tình yêu con người, những con người đã một thời biết sống đẹp, suy nghĩ đẹp, để từ đó mà hướng tới, tìm cho mình một vẻ đẹp riêng trong sự sống, cách sống mỗi người.

Sa Pa không lặng lẽ bởi người đọc lắng nghe được những thanh âm kì diệu, tươi đẹp của cuộc sống đang bùng nổ, trào sôi. Những vang âm của cuộc sống đầy ý nghĩa, những vang âm của thiên nhiên kì thú nơi Sa Pa đã dẫn hồn ta

đến với xứ sở của cái đẹp. Chính những điều tuyệt vời ấy của thiên truyện đã tạo nên “ánh sáng riêng” lung linh, rực rỡ soi rọi vào tâm hồn chúng ta, tạo nên sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc bao thế hệ...

LÀNG (KIM LÂN)

Đề 1. Trong một lần tâm sự về nghề, nhà văn Bùi Hiển đã rất tâm huyết bày tỏ khát vọng qua những trang viết: “mỗi truyện ngắn phải là một sự phát hiện bất ngờ về con người” (theo – Nhà văn nói về tác phẩm)

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua truyện ngắn: “Làng” của Kim Lân (Ngữ văn 9 – tập 1) liên hệ với “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ Văn 8 – tập 1)

II. Thân bài:

1. Giải thích ý kiến:

- **Truyện ngắn:** Thể loại tự sự có dung lượng ngắn, cô đọng, hàm súc nhưng có sức biểu hiện lớn lao nhờ vào việc lựa chọn những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa.

- **Con người:** là đối tượng trung tâm của văn học, là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tượng phản ánh, lại vừa là đối tượng tiếp nhận. Cho nên sứ mệnh cao cả của văn chương là phản ánh một cách sinh động, trung thực về con người.

- **Những phát hiện bất ngờ về con người:** đó là sự phát hiện về đẹp tính cách, những phẩm chất tiềm tàng, đáng quý trong con người. Nhưng về đẹp ấy nhiều khi bị số phận, hoàn cảnh, vẻ bề ngoài hoặc hiểu lầm mà che khuất.

- Muốn phát hiện những điều bất ngờ về con người, nhà văn cần phải có tấm lòng đồng cảm, thấu hiểu, có cái nhìn yêu mến, trân trọng... Vẻ đẹp của con người cần phải nhìn nhận ở “bề sâu, bề xa”.

=> **Ý nghĩa của câu nói:** ý kiến của nhà văn Bùi Hiển đề cập đến sứ mệnh, nhiệm vụ quan trọng của văn học nói chung và của truyện ngắn nói riêng. Văn chương trước hết là câu chuyện con người với muôn mặt phong phú, phức tạp, với tất cả chiều sâu của nó. Đây là những định hướng tích cực cho cả người sáng tác và người tiếp nhận văn bản.

2. Chứng minh ý kiến:

a) Khái quát về tác phẩm “Làng” (Kim Lân):

- Kim Lân là một cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông viết rất thật, rất hay về nông thôn và người nông dân. Một trong số những tác phẩm xuất sắc của ông ở đề tài này là “Làng”.

+ Làng viết năm 1948. Tác phẩm đã làm nổi bật hình ảnh người nông dân sau Cách mạng: yêu làng, yêu nước, có tinh thần ủng hộ kháng chiến.

b. Chứng minh qua văn bản:

b.1. Làng (Kim Lân)

***Luận điểm 1: Kim Lân đã có những “khám phá bất ngờ về con người” – vẻ đẹp mới mẻ trong nhận thức, tình cảm của người nông dân sau Cách mạng. Tiêu biểu là nhân vật ông Hai**

- Khái quát: Hình tượng người nông dân mới, có nhiều quyền lợi do Đảng, cách mạng đem lại khác hẳn với những người nông dân thời đại trước như Lão Hạc, chị Dậu...

- HS biết chọn một số nét nổi bật về nhân vật để phân tích, đánh giá vấn đề như:

+ Ông Hai – người nông dân có sự phát triển mới mẻ, bất ngờ trong nhận thức so với trước cách mạng (nêu dẫn chứng, cảm nhận)

Vì kháng chiến, gia đình ông Hai phải đi tản cư: ông Hai hằng hái lao động cùng anh em giữ làng, miễn cưỡng đi cùng vợ.

- Ở nơi tản cư:

+ Ông buồn chán, nhớ làng quê, sinh ra làm lì cái gắt.

+ Ông Hai hay khoe làng: đi đâu ông cũng kể về làng chợ Dầu của ông “một cách say mê và náo nức lạ thường”, khoe làng có phòng thông tin, con đường lát đá, nhà ngói san sát. Ông khoe cho thỏa cái miệng và nổi nhớ trong lòng, hầu như không quan tâm người nghe có hưởng ứng câu chuyện của mình không.

⇒ Khoe làng là cách bản năng nhất thể hiện tình yêu, nổi nhớ và niềm tự hào về quê hương của ông Hai.

- Tình yêu Làng gắn liền với yêu nước, yêu cách mạng:

+ Trước cách mạng: ông tự hào khoe làng giàu và đẹp với cái sinh phần của viên tổng đốc làng.

+ Sau cách mạng: Ông Hai được sống đời sống kháng chiến: Được học bình dân học vụ. Tập quân sự, nghe tình hình thời sự, chính trị của đất nước, tin tưởng tuyệt đối vào cụ Hồ vào kháng chiến...

⇒ Người nông dân được giải phóng, được đổi đời, làm chủ cuộc sống, điểm này người nông dân trong xã hội cũ không có được.

Luận điểm 2: Đặc biệt ông Hai có sự đổi mới trong tình cảm, tư tưởng khi nghe tin thất thiệt về làng Dầu.

- Khi nghe được tin: ông sững sờ “lặng đi tưởng như không thể thở được”, làng tránh khỏi đám đông.

- Diễn biến tâm lí giằng xé của ông Hai:

+ Ông nghi ngờ tin đồn sai sự thật, rồi lại tức giận thầm chửi rủa đám người theo giặc, điểm lại từng người một trong làng, lo sợ con cái ông cũng bị hắt hủi, khinh bỉ.

+ Ông xấu hổ, sợ hãi không dám ra đường, chỉ ở trong nhà nghe ngóng.

+ Có lúc ông muốn về làng vì bị người ta hắt hủi, coi khinh. Nhưng ông suy nghĩ: “làng theo Tây thì phải thù” và chỉ biết trò chuyện với đứa con út để khẳng định: ông luôn tin và trung thành với cách mạng, với cụ Hồ, quyết không theo giặc.

⇒ Qua diễn biến tâm lí giằng xé của ông Hai, ta nhận thấy tình yêu sâu đậm của ông dành cho quê hương làng chợ Dầu, đồng thời thấy sự trung thành tuyệt đối với Đảng, cách mạng và Bác Hồ.

- Khi ông chủ tịch làng đến thông báo tin cải chính:

+ Ông phấn khởi đem quà về cho các con

+ Ông đi từng nhà, gặp từng người chỉ để nói với họ tin: Tây đốt nhà ông, làng ông không theo giặc.

+ Ông kể cho mọi người nghe về trận chống càn quét ở làng chợ Dầu với niềm tự hào.

-> Sự hào hứng, hân hoan ấy đã thể hiện được tinh thần yêu nước của ông Hai, một tình cảm chân thành của người nông dân chất phác, một người yêu làng, yêu nước, yêu cách mạng đến độ vui mừng thông báo nhà mình bị giặc đốt cháy sạch.

=> Tóm lại, ở ông Hai tình yêu nước rộng lớn, bao trùm tình yêu làng quê. Đó là thứ tình cảm thiêng liêng cao đẹp. Nó thấu suốt mọi thứ tình cảm khác, đòi hỏi ông Hai phải hy sinh khi có mâu thuẫn. Kim Lân đã phát hiện ra bước ngoặt trong nhận thức của nhân vật là kết quả của quá trình đấu tranh nội tâm gay gắt, chỉ có ở những người nông dân sau cách mạng. Thông qua tác phẩm nhà văn Kim Lân thể hiện sự trân trọng với thế hệ người dân cày Việt Nam hồn hậu, thuần phác.

Luận điểm 3: Sự phát hiện bất ngờ về con người của truyện ngắn : “Làng” (Kim Lân) được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:

- Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.

+ Tác giả đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Tác giả miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua các ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ, đặc biệt, diễn tả rất đúng và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật. Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ.

- Ngôn ngữ nhân vật ông Hai:

+ Ngôn ngữ trong truyện rất đặc sắc, đặc biệt là ngôn ngữ nhân vật ông Hai mang đậm tính khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân.

+ Lời độc thoại và độc thoại nội của tâm nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu, do truyện được trần thuật chủ yếu ở điểm nhìn của nhân vật ông Hai (mặc dù vẫn dùng cách trần thuật ở ngôi thứ 3).

+ Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, lại mang đậm cá tính của nhân vật nên rất sinh động.

b.2. Liên hệ với truyện ngắn: Lão Hạc (Nam Cao)

*** Nam Cao đã có những khám phá bất ngờ về con người – vẻ đẹp của con người trong vẻ bề ngoài lẫn cảm, gần gũi, trong tình cảnh cùng cực, trở trêu. Tiêu biểu là nhân vật lão Hạc.**

- Hoàn cảnh cùng cực (Dẫn chứng: Vợ chết, con bỏ đi..)

- Vẻ đẹp tâm hồn: HS biết chọn một số chi tiết nổi bật về nhân vật để phân tích, đánh giá vấn đề như:

+ Đau khổ, dằn vặt khi bán chó...=> nhân hậu

+ Từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo. } Tự trọng

+ Gửi tiền lại để làm ma cho mình. }

+ Không chịu bán vườn, chọn cách chấm dứt cuộc sống nghèo khổ, túng quẫn bằng bả chó => Thương con.

-> Như vậy, bi kịch của lão Hạc là bi kịch của con người phải từ bỏ sự sống để bảo toàn nhân tính, tình thương và lòng tự trọng. Nó cho thấy sự chủ động của con người trước hoàn cảnh tăm tối cùng cực, dẫn cho có chết thì vẻ đẹp của tình người và sự lương thiện vẫn tỏa sáng.

=> Nam Cao yêu thương, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn nhân cách của con người.

3. So sánh điểm tương đồng và khác biệt:

*** Điểm giống:**

- Cả hai tác phẩm đều viết về đề tài người nông dân.

- Hình ảnh người nông dân trong hai tác phẩm đều mang những vẻ đẹp chung, là tiêu biểu cho tất cả tầng lớp nông dân nói chung:

+ **Hiền lành, cần cù, chịu khó.**

Lão Hạc: già mà vẫn làm thuê, làm mướn, kiếm ăn, không cần nhờ sự giúp đỡ của ai

Ông Hai: may mắn hơn Lão Hạc đó là ông còn có gia đình. ở nơi tản cư dù khó khăn nhưng vẫn cần mẫn cuốc xới đất: "hì hụi vỡ vạt đất rậm ngoài bờ suối từ sáng tới giờ"

+ **Giàu lòng nhân ái, lương thiện, giàu lòng tự trọng:**

Lão Hạc: là người cha hết mực yêu thương con. Gửi tiền cho ông giáo để lo ma chay cho mình, sẵn sàng chết bằng liều bả chó chứ không sống bất lương như Binh Tư...

Ông Hai: cũng là người yêu thương con, thương vợ. Ông còn yêu thương cái làng chợ Dầu của mình nữa. khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc và cảm thấy đó là điều nhục nhã. Ông nhận thức đó là việc làm trái với lương tâm nên ông thấy xấu hổ, nhục nhã.

* **Khác:**

- Hai tác phẩm ra đời ở những thời điểm khác nhau: “Làng” (Kim Lân) ra đời sau cách mạng tháng 8. “Lão Hạc” (Nam Cao) ra đời trước cách mạng tháng tám.

- Hình ảnh người nông dân qua 2 tác phẩm mang những phẩm chất riêng đậm đà phong cách thời đại:

+ **Về cảnh ngộ, cuộc sống:**

Ông Hai: là người nông dân sống trong thời kỳ KCCP, cuộc sống gắn với không khí khàn trương, náo nức của dân làng khi cùng nhau tham gia kháng chiến.

Lão Hạc: là hình ảnh người nông dân sống trước thời kỳ Cách mạng Tháng Tám với cuộc sống bất hạnh, đau khổ, bị áp bức, bóc lột, không có lối thoát.

- **Về phẩm chất, tính cách:**

+ Ông Hai: yêu làng, yêu nước sâu sắc.

+ Lão Hạc: thương yêu con .

- Ý kiến “*mỗi truyện ngắn phải là một sự phát hiện bất ngờ về con người*” hoàn toàn đúng đắn. “Làng” (Kim Lân) và “Lão Hạc” (Nam Cao) là một sự phát hiện bất ngờ, mới mẻ về những vẻ đẹp trong phẩm chất của người nông dân ở bất kỳ thời điểm nào.

- Hai nhà văn là những người có vốn sống, sự trải nghiệm sâu sắc: Kim Lân: hiểu rõ về con người, đời sống tình cảm của người nông dân sau cách mạng. Họ được giải phóng, đời đời được làm chủ cuộc sống. Nam Cao: khắc họa rõ nét cuộc sống khổ cực của người nông dân trước cách mạng. Họ bị áp bức, bóc lột phải đi đến bước đường cùng.

- Hai tác phẩm đã khẳng định tài năng miêu tả, khắc họa nội tâm nhân vật của hai nhà văn: Sự am hiểu tâm lý nhân vật, sử dụng ngôn ngữ, cách kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn.

4 . **Đánh giá mở rộng và nâng cao:**

Trong văn bản “Tiếng nói của văn nghệ” Nguyễn Đình Thi viết: “Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”. Quả đúng như vậy mỗi nhà văn khi sáng

tạo tác phẩm nghệ thuật cần phải có tài năng, tâm huyết, gửi gắm những tâm tư, tình cảm, suy nghĩ đẹp của mình về cuộc đời, về con người; luôn có niềm tin yêu vào cuộc sống và tin ở giá trị con người. Văn chương khi “viết bằng cả trái tim” chứa chan tình yêu thương thì khiến trái tim bạn đọc rung động, say mê.

Người đọc khi tiếp nhận những truyện ngắn hay, giàu tính nhân văn sẽ có thái độ trân trọng, nâng niu giá trị của tác phẩm đồng thời trân trọng, nâng niu tấm lòng, tài năng của những nhà văn chân chính.

CHIẾC LƯỢC NGÀ (NGUYỄN QUANG SÁNG)

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm. (Lựa chọn 1 trong những lời giới thiệu sau)

1. Nguyễn Quang Sáng là nhà văn viết nhiều, viết hay về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. Những trang văn của ông bình dị mà trong sáng, giàu chất trữ tình và mang một tầm khái quát nhất định. Với những trang viết mộc mạc ấy, Nguyễn Quang Sáng “đã chạm tới những rung động kì diệu của tình yêu” (Phan Đắc Lực) và một trong những sáng tác tiêu biểu của ông là truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, được viết năm 1966 khi tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Truyện đã thể hiện chân thực và cảm động tình phụ tử thiêng liêng cao đẹp của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

2. Nguyễn Quang Sáng là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn học cách mạng Việt Nam. Ông được mệnh danh là “cây đại thụ của văn học Nam Bộ” với các tác phẩm giàu chất trữ tình, giản dị, mộc mạc, thấm đượm hơi thở bình dị và chân chất nhưng hào sảng, đầy phóng khoáng của người dân Nam Bộ. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là truyện ngắn “Chiếc lược ngà” sáng tác năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ những năm kháng chiến chống Mỹ. Truyện ngắn đã diễn tả một cách cảm động tình cảm cha con thấm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh qua câu chuyện cảm động của cha con ông Sáu.

3. Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tài hoa của nền văn học Việt Nam. Tác phẩm của ông luôn mang đến nhiều cung bậc cảm xúc và giá trị cho bạn đọc. Cảnh vật, con người và hơi thở, nhịp sống trong tác phẩm Nguyễn Quang Sáng đậm màu sắc Nam Bộ. Với lối viết chân chất, mộc mạc, bình dị cộng với giọng văn đậm chất Nam Bộ, những tình huống hấp dẫn đầy kịch tính và giàu chất thơ, từng lời văn, câu chuyện của ông đưa tâm hồn độc giả đến những giá trị nhân văn sâu sắc điều đó đã tạo nên cốt cách và vẻ đẹp trong trang văn Nguyễn Quang Sáng. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là truyện ngắn “Chiếc lược ngà” sáng tác năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ những năm kháng chiến chống Mỹ. Truyện ngắn đã diễn tả một cách cảm động tình cảm cha con thấm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh qua câu chuyện cảm động của cha con ông Sáu.

4. Nguyễn Quang Sáng là nhà văn hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hoà bình. Với cốt truyện hấp dẫn, xoay quanh những tình huống khá bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí, giọng điệu thân mật, dân dã và đậm màu sắc Nam Bộ nên Phạm Văn Sĩ đã nhận xét “Ngòi bút của Nguyễn Quang Sáng trở nên chuẩn xác nhẹ nhàng, bình dị tự nhiên mà lắm khi duyên dáng bay bổng”. Một trong những

tác phẩm xuất sắc của ông là truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết vào năm 1966 - khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ những năm kháng chiến chống Mỹ và được đưa vào tập truyện cùng tên. Câu chuyện ca ngợi tình phụ tử thiêng liêng, tha thiết, sâu nặng trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh của cha con anh Sáu.

5. Nguyễn Quang Sáng là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn học cách mạng Việt Nam. Với lối viết chân chất, mộc mạc, bình dị cùng giọng văn đậm chất Nam Bộ, những "Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng chưa từng giới hạn ở bất kỳ chủ đề nào nhưng ông vẫn tập trung nhiều nhất là chiến tranh và con người. Với những cống hiến đồ sộ được nhiều người công nhận, tác giả xứng đáng được gọi là bậc thầy của văn học Nam Bộ" (Thúy Trân). Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là truyện ngắn "Chiếc lược ngà" sáng tác năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt. Truyện đã thể hiện tình cảm sâu nặng cao đẹp của cha con ông Sáu trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh và để lại nhiều xúc động trong lòng bạn đọc.

Truyện xoay quanh một kỉ vật đơn sơ mà vô giá, chính nó đã nối hai cuộc gặp gỡ với ba con người: chiếc lược ngà. Nhưng vang vọng suốt cả câu chuyện, suốt những quãng đời, suốt những cuộc đời ấy chỉ có một tiếng kêu, một tiếng kêu bình dị mà thiêng liêng bậc nhất của cõi đời này: Ấy là tiếng Ba. (thầy Chu Văn Sơn)

II. Tác phẩm “Chiếc lược ngà”

a. Tình con dành cho cha. (Nhân vật bé Thu)

Câu chuyện viết về tình cha con của những người kháng chiến, những người cách mạng. Nhưng đó cũng là tình phụ tử muôn đời. Truyện không dài, tình tiết không li kì, tư tưởng cũng không phức tạp. Nó chân thực và giản dị, vì thế mà cảm động. Truyện xoay quanh một kỉ vật đơn sơ mà vô giá: chiếc lược ngà. Nhưng vang vọng suốt cả câu chuyện, suốt những quãng đời, suốt những cuộc đời ấy chỉ có một tiếng kêu, một tiếng kêu bình dị mà thiêng liêng bậc nhất của cõi đời này: Ấy là tiếng gọi “Ba” – Tiếng gọi của đứa con khao khát tình cha. (Chu Văn Sơn)

Bé Thu cũng như bao đứa trẻ sinh ra ở miền Nam khác, đều thiếu thốn tình cha từ nhỏ do cuộc chiến tranh khốc liệt. Khi cha đi kháng chiến, bé Thu chưa đầy một tuổi, suốt tám năm ròng em không một lần được gặp cha mà chỉ biết và dành tình cảm cho cha qua tấm hình cha chụp chung với má. Bé Thu rất yêu cha, khao khát được gặp cha và dường như hình ảnh người cha trong tấm hình đã in sâu vào trí nhớ của cô bé, trở thành hình ảnh đẹp nhất trong lòng em. Những tưởng cuộc gặp gỡ sau tám năm xa cách sẽ đầy mừng tủi, tràn đầy hạnh phúc nhưng bé Thu lại có một thái độ khác thường. Phút đầu tiên hai ba con gặp mặt, trái ngược với nỗi mong nhớ, sự sốt ruột và suy nghĩ của anh Sáu, bé Thu có những hành động mà anh Sáu không ngờ tới: “Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng!” Khi anh Sáu đến gần hơn thì “mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”” Trong giây phút yếu đuối, sợ hãi, nó chỉ biết cầu cứu má mà không biết rằng người cha đang nhớ thương con kia đau đớn, thất vọng như thế nào khi bị con từ chối. Sự phản ứng của bé Thu là điều dễ hiểu bởi chiến tranh xa cách, anh Sáu lại trở về quá đột ngột, cô

bé chưa được chuẩn bị tâm lý để đón nhận tình cảm từ một người cha. Cách phản ứng ấy hoàn toàn phù hợp với tâm lý trẻ thơ và đã gián tiếp lên tiếng tố cáo chiến tranh gây bao đau thương, khiến gia đình phải chia xa, con không nhận cha, có những hiểu lầm không đáng có.

Mặc dù yêu thương cha sâu sắc nhưng là người cha trong tâm hình nên trước khi nhận ra anh Sáu là cha, bé Thu luôn lạnh nhạt, xa cách, từ chối quyết liệt sự quan tâm của anh. Cô bé nhất quyết không chịu gọi anh là “ba”, khi má dọa đánh, bắt kêu ba vào ăn cơm thì nó lại nói trống: “Vô ăn cơm”, “Cơm chín rồi!”, “Con gọi mà người ta không nghe”. Có những tình huống tưởng chừng cô bé không thể ương bướng hơn được nữa, ấy thế mà nó vẫn quyết liệt. Đó là lúc cơm sôi, nó không thể tự nhắc nồi để chắt nước. Lẽ thường, nó sẽ phải cầu cứu đến người lớn... sẽ phải gọi “ba”. Nhưng vẫn quyết không, nó nói trống: “Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!chắt nước giùm cái!”. Bác Ba mở đường cho nó nhưng nó không nghe. Tình thế khiến người đọc ngỡ rằng nó sẽ phải thua, không thể “chiến tranh lạnh” được nữa - nó buộc phải gọi ba để được giúp đỡ. Nhưng không! Nó vẫn không chịu cất lên cái tiếng mà ba nó mong! Chỉ cần nói lên cái tiếng ba ấy thôi, là nó sẽ thoát khỏi thế bí. Nhưng quyết không! Nó vẫn hành động theo sự bướng bỉnh, bất cần! Tự mình làm lấy một công việc nguy hiểm và quá sức! Nghĩa là nó không chịu nhượng bộ, không chịu thua cuộc. Và cuối cùng nó đã tự xoay sở... để không phải gọi anh Sáu là “ba”. Điều ấy đã làm cho người cha, người bạn của cha và cả người đọc đau lòng. Còn gì đau lòng cho bằng người cha giàu lòng thương yêu con, mà lại bị chính đứa con ấy kiên quyết chối bỏ!

Không những thế, khi anh Sáu gấp vào bát cho Thu một cái trứng cá thì con bé đã dùng đũa hất nó ra làm cơm văng tung tóe khắp cả mâm. Thậm chí, khi bị trách phạt, Thu không khóc mà chỉ lẳng lẳng gấp lại cái trứng cá rồi lập tức bỏ sang nhà bà ngoại. Một chuỗi những hành động phản kháng đó thể hiện thái độ ngang ngạnh, bướng bỉnh và sự quyết liệt của bé Thu. Nhưng, khi ta hiểu ra thì lại thấy rằng: chính cái hành động đáng ghét ấy lại vô cùng đáng quý! Chính thái độ quyết liệt ngang ngạnh đó lại là biểu hiện tuyệt vời của tình cảm con dành cho cha. Đằng sau sự ương bướng, hành động quyết liệt ấy lại là tình yêu sâu nặng, thầm thiết dành cho người cha đã khắc ghi sâu đậm trong trái tim cô bé. Đơn giản vì bấy giờ, cô bé thấy vết thẹo dài trên má người đang xưng là ba đây không giống với ảnh cha mình. Cô bé không tin, và thậm chí còn ngờ vực. Điều đáng nói là cô bé không dễ tin người khác. Cả bạn của cha, cả mẹ xác nhận là cha nhưng không ai tháo gỡ được thắc mắc thâm kín trong lòng mình, thì cô bé vẫn chưa chịu thông. Còn chưa thông thì còn chưa chịu. Nó không đơn thuần là sự bướng bỉnh của một con bé đồng đánh, nhiều sách, mà đó là sự kiên định, quyết liệt của một người có lập trường. Đây chính là cái mầm sâu kín, sau này làm nên tính cách cứng cỏi, ngoan cường của cô giao liên giải phóng. Đến khi được ngoại giảng giải về lai lịch vết thẹo trên má ba, thì Thu mới vỡ lẽ đó thực là ba mình... Không chịu nhận sự quan tâm của ông Sáu bởi em dành tất cả tình yêu cho người cha trong tấm ảnh chụp chung với má không có vết thẹo trên mặt. Bé Thu có những hành động, phản ứng mạnh mẽ. Em tỏ ra bướng bỉnh, ương ngạnh, cứng đầu. Tuy nhiên sự ương ngạnh đó không hề đáng trách, bởi em còn quá nhỏ, chưa hiểu được tình thế khắc nghiệt, éo le của chiến tranh.

Những hành động của bé Thu chỉ là những phản ứng tâm lí rất tự nhiên của con trẻ.

Nếu như trước khi nhận ra anh Sáu là cha, bé Thu ương ngạnh, bướng bỉnh, xa lánh bao nhiêu thì sau khi đã nhận ra cha, thái độ của con bé thay đổi bấy nhiêu. Đêm hôm đó, khi nghe bà ngoại giải thích và hiểu ra nguyên nhân anh Sáu khác với người cha trong tấm hình là do vết sẹo, bé Thu trầm trồ, nghĩ ngợi và thờ dãi như người lớn. Dường như trong những cái thờ dãi đó đã có sự ăn năn, hối hận về những việc mình đã gây ra. Hình ảnh người ba thân yêu trên ảnh, người ba kính mến mà cô bé ghi sâu trong lòng, đến lúc ấy, mới nhập vào người đang xung ba có vết sẹo dài. Đã vỡ lẽ, thì tình yêu ba nhân lên gấp bội. Hôm sau, cô bé trở về nhà đúng vào buổi sáng anh Sáu phải lên đường về đơn vị. Bé Thu không cau có như mọi khi mà buồn rầu và “nghĩ ngợi sâu xa”. Trong tâm hồn đứa trẻ nhạy cảm như Thu, em đã có ý thức về cảm giác chia ly, em ân hận vì những gì mình đã làm khiến cha buồn nên không dám bày tỏ. Để rồi, tình yêu ba trào dâng mãnh liệt trong Thu vào khoảnh khắc em bắt gặp ánh mắt triu mến pha lẫn buồn rầu và lời từ biệt của cha. Nhưng muộn quá, đúng lúc ba từ giã lên đường, nó mới có thể gọi ba. Tiếng ba vỡ ra từ sâu thẳm lòng cô bé. Cái tiếng mà ba nó đã chờ đợi suốt tám năm trời xa cách, đã chờ đợi suốt mấy ngày trời về bên con, anh đã tưởng chẳng thể còn được nghe, thì bất ngờ, nó thét lên. Nó vỡ ra, còn lòng người đọc thì nghẹn lại. Cảm xúc trong Thu trỗi dậy và bật ra thành tiếng: “Ba...a...a...ba!” Tiếng kêu của cô bé như tiếng xé, xé tan sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người. Đó là tiếng “ba” bị kìm nén suốt tám năm, tiếng kêu chất chứa bao tình cảm yêu thương thấm thiết. Tiếng gọi thân thương ấy đứa trẻ nào cũng gọi đến thành quen, nhưng đối với cha con bé Thu lại là nỗi khát khao của tám năm trời xa cách, là tiếng gọi bất ngờ trong giây phút chia xa ngắn ngủi, là tiếng gọi xoáy sâu vào tim khiến độc giả xúc động nghẹn ngào. Một tiếng ba ngây thơ, bông bột nhưng rất đổi chân tình và tự nhiên bởi nó buột ra từ trong tâm khảm con người.

Đi kèm với tiếng kêu là hành động “chạy xô tới, nhảy thót lên ôm chặt lấy ba” cô bé cất lời giữ ba ở nhà: “Ba! không cho bà đi nữa! Ba ở nhà với con!” Trong giây phút ấy, cô bé bộc lộ tất cả tình yêu thương thấm thiết của mình dành cho ba. Tình cảm ấy được thể hiện một cách mạnh mẽ, mãnh liệt, cuồng quýt xen lẫn phần hối hận. “Nó hôn ba cùng khắp, nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả lên vết sẹo dài trên má của ba nó nữa”. Cái vết sẹo ấy là nguyên nhân gây ra sự hiểu lầm nhưng cũng là cái cớ bỏ, giải quyết chính sự hiểu lầm ấy. Cô bé muốn giữ ba mình, em lo sợ ba lại ra đi: “Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Nhưng những nỗ lực của bé Thu không giữ được ba, anh Sáu vẫn phải lên đường dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi. Trong khoảnh khắc chia ly, mọi khoảng cách đã bị xóa bỏ, thời gian tám năm mong nhớ đều dừng lại ở giây phút cha con nhận nhau. Giây phút ấy thật ngắn ngủi nhưng chính là khoảnh khắc cả đời không thể nào quên, đúng như ai đó đã từng nói: “Đọc tác phẩm văn học, ta luôn bắt gặp những khoảnh khắc vô tận: ngắn ngủi về thời gian vật lý nhưng vô tận về ý nghĩa và nhân sinh”. Bé Thu chấp nhận chia tay ba với ao ước được ba mua cho cây lược để em có kỷ vật của ba, có thể cảm thấy ba luôn bên mình... Chứng kiến những

biểu hiện tình cảm đó, những người có mặt không cảm được nước mắt còn bác Ba thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình. Cái cách mà bé Thu biểu lộ tình cảm dành cho cha thật cũng vô cùng mạnh mẽ, nồng nhiệt.

Đặt nhân vật vào tình huống éo le, với ngòi bút miêu tả tâm lí sinh động, sự am hiểu tâm lí con trẻ và tình yêu thương trẻ em sâu sắc... Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa nổi bật chân dung của bé Thu qua lời nói, thái độ, hành động. Thu là cô bé cá tính, mạnh mẽ cứng cỏi đến mức tưởng như ương ngạnh, bướng bỉnh... nhưng cũng thật dứt khoát rạch ròi, giàu tình cảm và có tình yêu thương ba sâu sắc, mãnh liệt. Trước sau Thu vẫn là đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của con trẻ.

b. Tình cha dành cho con (Nhân vật anh Sáu)

Truyện ngắn không chỉ khiến người đọc xúc động, nghẹn ngào trước tình cảm của bé Thu dành cho cha mà còn lay động tâm hồn độc giả qua tình cảm của ông Sáu dành cho con. Là người lính xa nhà đi kháng chiến nên suốt tám năm, ông Sáu không được gặp con mà chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ. Được trở về nhà sau bao năm xa cách, ông Sáu khao khát đến cháy lòng được gặp con, được nghe con gọi tiếng “ba”, được ôm đứa con bé bỏng trong vòng tay yêu thương, để được sống trong tình cảm cha con, mà lâu nay ông chưa từng được sống, bấy lâu ông mong đợi. Vì thế, khi về gần tới nhà, thoáng thấy bóng con, ông đã không chờ xuống cập bến mà nhảy thót lên bờ, vội vàng bước những bước dài đến gần con rồi dừng lại kêu to: “-Thu! Con”. Cái tiếng gọi ông phải kìm nén bao lâu nay bỗng bật ra thật cảm động. Tưởng rằng cha con ông sẽ ôm chầm lấy nhau trong khoảnh khắc gặp gỡ thì trở trêu thay, ngược lại hoàn toàn với điều ông Sáu mong đợi, con bé không chịu nhận cha mà bỏ chạy khiến ông đau đớn, “đứng sững lại”, nhìn theo con và “hai tay buông thõng như bị gãy”. Còn gì đau đớn hơn khi một người cha dành cả thanh xuân để cống hiến cho đất nước, ngày trở về lại bị đứa con mà mình yêu thương khước từ tình cảm.

Và mọi chuyện đã diễn ra không ít trái ngang. Đứa con gái đã hoàn toàn lạnh lùng trước mọi tình cảm vỗ vạ của cha. Ông càng xích lại gần, nó càng lùi xa. Ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông càng khao khát được nghe tiếng ba từ lòng con, nó càng cố tình cự nự. Ngọn lửa nồng nàn của lòng cha cứ bị những đối xử xa lánh, ương ngạnh của con giội xuống những gáo nước lạnh. Chính vì tình yêu thương con nên ông Sáu đã dành mọi sự quan tâm, chăm sóc cho con trong những ngày phép. Ông Sáu luôn vỗ về, yêu thương để được gần con, được con bé gọi mình là “ba”. Ông không đi đâu xa mà chỉ luôn gần gũi, quanh quẩn bên con, muốn bù đắp cho con tình cảm sau tám năm xa cách. Ông Sáu đã cố gắng làm mọi cách để bé Thu thay đổi, song, ông càng xích lại gần, nó càng lùi xa, ông càng vỗ về, nó càng lảng tránh, ông càng khao khát được nghe tiếng “ba”, nó càng từ chối. Bị con cự tuyệt như thế, ông Sáu vừa đau khổ vừa bất lực, chỉ “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười”. Thậm chí, khi bị con bé từ chối sự chăm sóc của mình, ông đã không giữ được bình tĩnh mà trách phạt con, để rồi sau này, ông tự trách mình trong giây phút nóng giận đó mà hối hận, day dứt tâm can. Qua nỗi lòng tâm trạng của ông Sáu, người đọc cảm nhận được tình yêu thương con của ông càng sâu đậm biết bao. Vì thương con, ông đã bao dung, nhẫn nhịn, chăm sóc bé Thu đến nhường nào. Và càng cảm thông

hơn với sự vội vã của ông, vì chẳng bao lâu nữa, ông đã phải trở lại chiến trường tham gia kháng chiến.

Những tưởng ông Sáu sẽ phải trở về chiến khu trong niềm nuối tiếc nhưng bất ngờ, ông lại được đón nhận tình cảm của con trước giờ phút chia tay. Thấy con đứng ở góc nhà nhưng ông Sáu cố gắng kìm giữ khát vọng được ôm con vào lòng. Anh chỉ dám đứng nhìn con từ xa với ánh mắt triu mến xen lẫn buồn rầu. Cho đến khi con bé cất tiếng gọi “ba”, ông xúc động đến phát khóc. Anh Sáu vừa ôm con vừa lấy khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc của con. Người chiến sĩ ấy đã khô cạn nước mắt nơi chiến trường, giờ đây là những giọt nước mắt hiếm hoi - nước mắt của niềm hạnh phúc và tình cha con. Chỉ một giây phút ngắn ngủi nhưng dường như Nguyễn Quang Sáng đã ghi lại khoảnh khắc đẹp đẽ nhất về tình phụ tử thiêng liêng. Giây phút được ôm con vào lòng ấy có ý nghĩa sâu đậm với ông Sáu, sẽ là hành trang, động lực để ông Sáu vững bước trên chiến trường. Người cha không cầm nổi nước mắt vì bất ngờ, vì sung sướng, vì thương yêu và vì cả sự éo le của tình cảm nữa. Đối với người cha ấy, đó là tiếng gọi ba đầu tiên và cũng là những tiếng cuối cùng ông nghe được từ con!

Ở nơi chiến khu, anh Sáu càng yêu thương, mong nhớ con mãnh liệt hơn bao giờ hết. Mỗi lần nhớ con, anh lại càng ân hận, day dứt vì lỗi trách phạt con trong lúc nóng giận. Anh không quên lời hứa trở về với chiếc lược tặng con. Lời hứa ấy đã thôi thúc anh nghĩ đến việc tự tay làm chiếc lược ngà. Làm cho con cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình phụ tử trong lòng. Anh sẽ đặt vào đấy tất cả tình cha con của mình. Khi kiếm được khúc ngà, mặt ông Sáu “hớn hờ như đứa trẻ được quà”. Quả thật, khi tình cảm cao quý của người cha đối với con được bộc lộ, đó cũng là lúc người lớn hóa thành trẻ con. Anh lấy “vỏ đạn hai mươi li của Mỹ đập mỏng thành một cây cưa nhỏ”, rồi anh miệt mài “ngồi cưa từng miếng răng lược, tỉ mỉ, thận trọng và cố công như một người thợ bạc”. Đến cả bác Ba- nhân vật kể chuyện cũng thích ngồi nhìn anh Sáu làm và “cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều”. Anh đã đặt hết tâm trí của mình vào việc làm cây lược cho con. Tâm huyết, tình yêu thương con của anh Sáu được dồn vào từng chiếc răng lược, cứ thế mỗi ngày cho đến khi chiếc lược được hoàn thành, anh lại gò lưng, tỉ mỉ khắc từng nét chữ: “Yêu nhớ, tặng Thu con của ba”, ông gửi vào đó tất cả tình thương, nỗi nhớ. Chính tình yêu thương con sâu sắc, mãnh liệt đã biến anh Sáu từ một người chiến sĩ cách mạng trở thành một nghệ nhân với một tác phẩm duy nhất. Tác phẩm đó được làm bằng sự ân hận, day dứt, bằng nỗi nhớ niềm thương, bằng lòng khao khát đoàn viên, sum họp, bằng ý chí của một người chiến sĩ và bằng cả trái tim của một người cha với cô con gái bé bỏng của mình. Chiếc lược đã trở thành một vật quý giá, thiêng liêng với anh Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng, kết tinh tình cảm ruột thịt xúc động trong hoàn cảnh chiến tranh.

Cây lược nhỏ xinh chưa chải được mái tóc con nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng và giải tỏa nỗi buồn, day dứt, ân hận của anh. Chiếc lược ngà như kỉ vật thiêng liêng, vô giá, an ủi, động viên, nuôi dưỡng trong anh Sáu tình cha con và sức mạnh chiến đấu. Hằng đêm, anh vẫn nhìn ngắm chiếc lược cho ngùi ngoai nỗi nhớ, anh mài lên tóc mình cho chiếc lược thêm bóng, thêm

mượt. Chiếc lược ngà nhỏ bé nhưng chứa đựng bao tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong ngóng của người cha đối với đứa con xa cách. Chính chiếc lược ấy là sợi dây gắn kết, là biểu tượng bất diệt của tình cha con trong chiến đấu, là kết tinh của tình phụ tử mộc mạc, đơn sơ nhưng đầm thắm, diệu kì.

Nhưng chiến tranh tàn nhẫn, không ai ngờ được rằng lần gặp ngắn ngủi sau tám năm xa cách của cha con anh Sáu lại là lần duy nhất, bởi sau một trận càn của Mỹ, anh bị một vết thương nặng dẫn đến kiệt sức. “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối điều gì, hình như chỉ còn tình cha con là không thể chết được”, anh dốc hết tàn lực lấy cây lược trao lại cho đồng đội, gửi gắm hết tất cả tình thương và nỗi nhớ vào đó. Nhưng đó là điều trăng trối không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng - một ước nguyện cao cả của tình phụ tử ! Nhưng dù vạn vật có đổi thay, cuộc đời có bể dâu thì những tình cảm đẹp đẽ của con người vẫn còn mãi. Chiến tranh tàn nhẫn đã cướp đi ông Sáu nhưng nó vĩnh viễn không thể giết được tình cha con. Bắt đầu từ giây phút ấy, cây lược ngà của tình phụ tử đã biến người đồng đội thành một người cha - người cha thứ hai của cô bé Thu. Và sau này, cây lược đã được bác Ba trao tận tay bé Thu, tình cha con đã trở thành điểm tựa nâng đỡ cô bé trưởng thành. Tình cảm của anh Sáu thật cao cả, thiêng liêng, lay động trái tim độc giả về tình yêu thương, sự ân cần, chở che của người cha dành cho con.

Cùng viết về tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng, độc giả đã từng cảm động trước tình yêu thương con đến mức quên mình của lão Hạc dành cho con trai trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao. Người cha ấy vì con có thể nhịn ăn, nhịn mặc, có thể lựa chọn cái chết để giữ lại tài sản cho con. Tình cha ấy khiến người đọc vừa thương xót, vừa cảm động. Nhưng với “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, bom đạn chiến tranh cướp đi tính mạng người cha mà chính chi tiết đó đã làm sáng bừng lên sức sống mãnh liệt của tình cha con. Người cha ấy hi sinh nhưng tình yêu thương con vẫn thiêng liêng, bất diệt.

Đánh giá:

Gấp lại trang sách, dư âm của câu chuyện về “Chiếc lược ngà” còn ngân vang mãi trong lòng người đọc. Những trang văn giàu cảm xúc đó không chỉ gây xúc động mạnh mẽ về tình phụ tử thấm thiết, sâu nặng mà còn gợi cho người đọc suy ngẫm về một quá khứ đau thương của dân tộc. Đọc truyện, thấy rung rung một nỗi niềm. Tình cha con ông Sáu – bé Thu thật cao đẹp, xúc động, thiêng liêng, bất diệt trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đạn bom ác liệt của kẻ thù không bao giờ làm đứt gãy, suy giảm cái tình của cha dành cho con, tình con dành cho cha. Tình cảm đó hiện diện và sáng lên giữa dòng chảy thời gian và đi vào lòng người trong niềm vắn vưng, thương cảm. Câu chuyện cha con anh Sáu và bé Thu không chỉ đem đến niềm xúc động sâu sắc mà còn gợi cho người đọc nghĩ đến và thấm thía những đau thương mất mát, éo le mà chiến tranh gây ra cho bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình. Qua đó, độc giả thêm căm ghét chiến tranh và thấm thía nỗi đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra. Biết bao gia đình, biết bao con người phải chịu cảnh tan nát, chia lìa, éo le như thế. Bởi vậy, nhà văn đã thể hiện niềm cảm thương đối với những con người bước ra từ chiến tranh, họ phải hy sinh hạnh phúc riêng vì đất nước, sự hy sinh ấy đã góp phần làm nên thắng lợi của nhân dân ta trong các cuộc kháng

chiến. Có thể nói, so với tình mẫu tử thì văn chương xưa nay viết về tình phụ tử không nhiều. “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng nằm trong số ít đó lại là tác phẩm đặc sắc, lay động lòng người. Tình phụ tử cao đẹp cứ truyền qua lồng ngực người cha như một dòng máu bất tận. Và tình cha con cũng dào dạt muôn đời bất diệt trong lòng những đứa con. Tình người thiêng liêng ấy không kẻ thù nào có thể tiêu diệt được, trái lại, nó càng sáng đẹp hơn, bền bỉ hơn trong đạn bom tàn phá. Đó chẳng phải là điều sâu kín nhất mà truyện ngắn Chiếc lược ngà muốn gửi đến mỗi người đọc chúng ta hay sao? Bởi lẽ đó, “Chiếc lược ngà” đã vượt lên con nước bạc của thời gian để khẳng định sức sống vĩnh hằng và câu chuyện cha con anh Sáu – bé Thu mãi mãi là bài ca đẹp - bài ca mang giá trị nhân bản sâu sắc, lắng mãi trong lòng người. Tình cảm cao quý của cha con anh Sáu đẹp như “một câu chuyện cổ tích do cuộc sống viết ra”(Andecxen).

*** Nghệ thuật đặc sắc:**

Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí, kết hợp nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật tinh tế và sắc sảo, nhất là đối với nhân vật bé Thu - một nhân vật trẻ em có tính cách cứng cỏi, mạnh mẽ, dứt khoát có phần ương ngạnh, bướng bỉnh, khó bảo nhưng cũng hết sức hồn nhiên, đáng yêu, ngoan ngoãn và có tình yêu cha sâu sắc. Sự am hiểu tâm lý và tính cách trẻ em, cách chọn chi tiết nghệ thuật “đắt” (như chi tiết bé Thu không gọi ba, chi tiết bé Thu loay hoay chặt nước cơm, hắt cái trứng cá ba gấp cho, chi tiết cây lược mà Thu xin ba trước lúc ba đi)... nhân vật bé Thu để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về một em bé Nam bộ thời chiến với tính cách đáng yêu, đáng mến. Truyện được kể theo ngôi thứ nhất, điểm nhìn trần thuật được đặt vào nhân vật bác Ba - bạn chiến đấu của ông Sáu, là người chứng kiến câu chuyện từ đầu đến cuối và cũng là người trực tiếp tham gia vào câu chuyện. Nhờ vậy, người kể chuyện có thể xen vào những lời bình luận, suy ngẫm, bày tỏ sự đồng cảm, sẻ chia với nhân vật mà câu chuyện vẫn mang tính chân thực, thuyết phục. Ngoài ra, ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ, đem đến cho độc giả nhiều xúc động. Đặc biệt, nhà văn đã xây dựng được chi tiết “chiếc lược ngà” giàu sức gợi và chi tiết “vết thẹo” thắt nút, mở nút làm nên những “hạt bụi vàng” cho tác phẩm.

Đề 1. Có ý kiến cho rằng: “*Đọc tác phẩm văn học, ta luôn bắt gặp những khoảnh khắc vô tận: ngắn ngủi về thời gian vật lý nhưng vô tận về ý nghĩa nhân sinh*”.

Hãy làm sáng tỏ những khoảnh khắc vô tận về ý nghĩa nhân sinh qua đoạn trích “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng và liên hệ với truyện ngắn “Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao.

1. Giải thích và bàn luận ý kiến:

*** Giải thích:**

- Khoảnh khắc là thời gian hết sức ngắn.
- Khoảnh khắc vô tận: Là khoảng thời gian ngắn ngủi về thời gian vật lý, nhưng để lại nhiều cảm xúc, suy nghĩ về con người và cuộc đời vô tận về ý nghĩa nhân sinh.

=> Ý kiến trên đã khẳng định: Khi đọc các tác phẩm văn học ta có thể bắt gặp nhiều khoảnh khắc vô tận ẩn tượng, đáng nhớ, giàu ý nghĩa nhân sinh trong cuộc sống.

*** Bàn luận:**

- Đặc trưng của văn học là tính hàm xúc, gợi nhiều hơn tả. Tác gia chỉ chọn ra một khoảnh khắc để miêu tả nhưng khoảnh khắc ấy lại khiến người đọc phải suy ngẫm nhiều để từ đó rút ra những bài học nhân sinh, lẽ sống cho mình.
- Những khoảnh khắc vô tận về ý nghĩa nhân sinh chính là những điểm nút quan trọng trong tình huống truyện quyết định sự phát triển của mạch truyện, khẳng định giá trị nội dung của tác phẩm và tài năng nghệ thuật của tác giả gửi gắm nhiều thông điệp mang ý nghĩa nhân sinh đến người đọc

2. Chứng minh những khoảnh khắc vô tận về ý nghĩa nhân sinh qua đoạn trích "Chiếc lược ngà" của tác giả Nguyễn Quang Sáng.

a. Giới thiệu đôi nét về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm "Chiếc lược ngà".

b. Khoảnh khắc vô tận mang ý nghĩa nhân sinh được thể hiện trước hết ở tình cảm của con dành cho cha.

- Khoảnh khắc bé Thu khước từ tình cha bằng ánh mắt lạnh lùng, sợ hãi, vụt chạy kêu má, bé Thu không nhận ra ông Sáu là ba của mình. Đây là một khoảnh khắc vô tận khiến ta phải day dứt, thương xót cho người lính với một nỗi đau tinh thần không gì tả nổi; Đồng thời, nó tố cáo tội ác của chiến tranh: Chiến tranh là hủy diệt (liên hệ), chiến tranh làm cho vợ phải xa chồng, con phải xa cha, chiến tranh làm cho con không nhận ra cha, để rồi gây nên những hiểu lầm không gì đau đớn bằng...

- Những khoảnh khắc vô tận tô đậm thêm ý nghĩa nhân sinh còn được thể hiện: Trong những ngày ông Sáu ở nhà, Thu thờ ơ, lạnh lùng, xua đuổi, cự tuyệt đến cùng tình yêu thương của ông Sáu, và chỉ dành tình cảm cho người ba chụp chung bức hình với má nó. Còn gì đau đớn hơn đối với một người lính, ở khoảnh khắc vô tận ấy, tiếng thở dài bất lực của ông Sáu như tỏa sang cả trái tim bạn đọc. Là người lính, ông hy sinh cả một thời thanh xuân cho quê hương, đất nước, ngày trở về lại bị con cự tuyệt, xa lánh...

- Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn, Nguyễn Quang Sáng đã biết cách tạo dựng những khoảnh khắc làm nhói đau trái tim của mọi người khiến người đọc ám ảnh khôn nguôi. Để tất cả nhận ra một sự thật là: Chiến tranh là tội ác. Qua đó tác giả muốn tố cáo tội ác mà chiến tranh đã gây ra.

- Những khoảnh khắc vô tận giàu ý nghĩa nhân sinh còn được thể hiện qua tiếng thở dài như người lớn, trần trọc, lẫn lộn của đứa trẻ rất yêu cha và kịp nhận ra cha qua lời giải thích của bà ngoại -> Ngòi bút của nhà văn đầy ắp yêu thương và giàu sức chiến đấu để vạch ra tội ác của kẻ thù và làm nổi bật tình cảm mãnh liệt của người con dành cho cha.

- Trong tất cả những khoảnh khắc nhân sinh vô tận ấy, người đọc đã phải ôm lấy trái tim mình như vòng tay bé Thu lần đầu tiên ôm chặt lấy cha khi chứng kiến cảnh nhận ba và phút hai cha con chia tay nhau bịn rịn...-> Đó là lần đầu tiên cũng là lần cuối Thu được bày tỏ tình yêu và nỗi nhớ cho người cha mà cô bé rất mực yêu quý, tôn thờ.

c. *Khoảnh khắc vô tận có ý nghĩa nhân sinh còn được thể hiện qua tình cảm của cha dành cho con.*

- Vừa về đến nhà, xuống chưa cập bến, ông Sáu đã vội nhảy lên bờ với mong muốn mau được đến bên con -> khoảnh khắc này thể hiện tình yêu, nỗi nhớ, khao khát gặp con đến cháy bỏng của ông Sáu mà không một thước phim nào có thể ghi lại.

- Trong những ngày ở nhà, ông Sáu luôn gần gũi, vỗ về, quanh quẩn bên con, không dám đi đâu xa, chăm sóc, dành tất cả tình yêu thương để gấp thức ăn cho con -> những khoảnh khắc của tình yêu thương vô hạn.

- Trong buổi chia tay, ông cố gắng kìm nén để con không nhìn thấy mình khóc, dỗ dành vỗ về con, hứa với con ngày về mua tặng con chiếc lược ...-> khoảnh khắc người cha cố kìm nén nhưng vang vọng, ngân rung trong trái tim mình niềm hạnh phúc, sung sướng vỡ òa khi con nhận ra mình là ba.

- Vào chiến trường, ông luôn nhớ về con, ân hận vì đã đánh con, ông kì công, tỉ mỉ làm bằng được chiếc lược ngà tặng con gái, khắc lên sống lược dòng chữ "Yêu nhớ tặng Thu con của ba"... -> Khoảnh khắc tình cha dành cho con đã được thăng hoa thành phù điêu nghệ thuật được kết dệt từ tình thương, nỗi nhớ của ông Sáu dành cho con.

- Trước lúc hy sinh, ông chỉ kịp móc cây lược trong túi đưa cho bác Ba như một lời nhắn gửi -> khoảnh khắc ghi lại sức mạnh của tình phụ tử mà không một thế lực tàn bạo nào có thể hủy diệt được.

-> Chiếc lược ngà: chiếc lược tình cha, quà tặng và kỉ vật của người đã khuất giờ trở thành cầu nối cho một tình cảm cha con nảy nở giữa bé Thu và bác Ba. Là lời nhắn gửi của đồng đội đã khuất với người ở lại. Đó là một khoảnh khắc vô tận về ý nghĩa nhân sinh đã trở thành đạo lí "Uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung của dân tộc.

d. *Để có những khoảnh khắc vô tận về ý nghĩa nhân sinh ấy, Nguyễn Quang Sáng đã có những sáng tạo nghệ thuật độc đáo:*

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện éo le, hấp dẫn.

- Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí chân thật, tự nhiên.

- Xây dựng tính cách nhân vật phù hợp với lứa tuổi.

3. Liên hệ với những khoảnh khắc mang ý nghĩa nhân sinh qua truyện ngắn "Lão Hạc" của Nam Cao.

- Khoảnh khắc thể hiện nỗi đau, nỗi bất lực của người cha tuy không có tiền cưới vợ cho con trai, nhìn con đi vào đồn điền cao su...

- Những khoảnh khắc Lão Hạc chăm sóc cậu Vàng như con đẻ

- Khoảnh khắc đau thương của lão Hạc khi bán chó

- Khoảnh khắc lão chuẩn bị trước cái chết cho mình

- Ám ảnh hơn cả là khoảnh khắc lão chết - một cái chết vật vờ, đau đớn, gọi cho người đọc nhiều suy nghĩ về cuộc đời, số phận của người nông dân trước cách mạng tháng Tám

4. Đánh giá.

- "Chiếc lược ngà" và "lão Hạc" là hai tác phẩm truyện thể hiện rõ nhất những khoảnh khắc vô tận về ý nghĩa nhân sinh của mỗi nhà văn muốn gửi gắm tới cuộc đời. Dù ra đời ở hai thời kì khác nhau, cả hai tác phẩm đều để lại những

rung động khó quên trong lòng độc giả. Đó là thành công lớn của những người cầm bút có biệt tài sáng tác như Nguyễn quang Sáng và Nam Cao.

- Những khoảnh khắc vô tận trong hai tác phẩm chính là những giá trị nội dung đặc sắc, những chi tiết nghệ thuật đắt giá góp phần làm nên thành công cho tác phẩm.

- Những khoảnh khắc vô tận mang ý nghĩa nhân sinh trong văn học là kết tinh của biết bao tâm huyết và tài năng của tác giả. Từ đó hướng tới người cầm bút những bài học sâu sắc trong quá trình sáng tác: để tạo nên những tác phẩm hay phải nghĩ thật sâu, ngẫm thật nhiều để đưa vào tác phẩm những gì tinh túy nhất, tạo nên những khoảnh khắc có giá trị nhân sinh nhất. Và để giải mã được những khoảnh khắc vô tận mang ý nghĩa nhân sinh trong mỗi tác phẩm văn học, người đọc phải có sự đồng điệu, trân quý và khám phá ra những giá trị mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

Đề 2. Tại Đại hội lần thứ IX Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam ngày 09/01/2016, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu: “Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật thực sự có giá trị, phải có sức lay động công chúng, độc giả bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ ... Mỗi văn nghệ sĩ cần bám sát hiện thực cuộc sống để sáng tạo, làm sao cho mỗi tác phẩm của mình phản ánh chân thực cuộc sống, làm cho người đọc sau khi gấp sách lại đều cảm thấy mạch đời đập dưới bìa sách đóng như mạch máu đập dưới làn da”

Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua tác phẩm “*Chiếc lược ngà*” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Liên hệ với truyện ngắn “*Lão Hạc*” của Nam Cao.

A. Mở bài:

- Dẫn vấn đề:

+ Một nghệ sĩ lớn phải luôn tìm cho mình một cách thể hiện riêng, một lối đi riêng.

+ Một tác phẩm văn học có giá trị phải thật sự bám sát hiện thực cuộc sống, phản ánh chân thực cuộc sống và để lại ấn tượng trong lòng người đọc;

- Dẫn câu trích:.....

B. Thân bài:

1. Giải thích ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

- Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật thực sự có giá trị, phải có sức lay động công chúng: Tác phẩm văn học, nghệ thuật chỉ thực sự có giá trị khi nó làm cho người đọc thấy rung cảm, xúc động và đánh thức ở họ những tư tưởng, tình cảm cao đẹp.

- Trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ: Quý trọng nghề nghiệp và có bản lĩnh của người sáng tạo, có tình cảm nhân văn cao đẹp đặc biệt là tình thương yêu con người => những phẩm chất cần có của người nghệ sĩ.

- Mỗi văn nghệ sĩ cần bám sát hiện thực cuộc sống để sáng tạo, làm sao cho mỗi tác phẩm của mình phản ánh chân thực cuộc sống: Nhiệm vụ của nhà văn là phải sáng tạo nên những tác phẩm văn học có giá trị hiện thực.

- Làm cho người đọc sau khi gấp sách lại đều cảm thấy mạch đời đập dưới bìa sách đóng như mạch máu đập dưới làn da: Bạn đọc sau khi thưởng thức tác phẩm có những rung cảm sâu sắc với những vấn đề của hiện thực cuộc sống được nhà văn phản ánh trong tác phẩm. => Ý kiến trên đã khẳng định vai trò và

nhiệm vụ quan trọng của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật nhằm tạo ra những tác phẩm văn học có sức lay động lòng người và mang giá trị hiện thực sâu sắc.

2. Phân tích tác phẩm Chiếc lược ngà để làm sáng tỏ ý kiến trên.

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Nguyễn Quang Sáng sinh ra tại mảnh đất An Giang. Ông tham gia kháng chiến và giữ nhiều trọng trách quan trọng. Cuộc đời nhà văn trải qua biết bao nhiêu năm tháng kháng chiến của cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ông là một đảng viên ưu tú và là một hội viên sáng giá trong hội nhà văn Việt Nam. Ông để lại một sự nghiệp sáng tác vô cùng lớn ...

- Truyện ngắn Chiếc lược ngà là truyện ngắn nổi tiếng của Nguyễn Quang Sáng. Truyện kể về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong hoàn cảnh chiến tranh miền Nam đang chiến đấu với đế quốc Mỹ để thống nhất đất nước. Những tàn phá của chiến tranh về tính mạng con người thật kinh khủng. Nó biến những người mẹ già có nguy cơ trở thành người mẹ mất con, người vợ góa chồng và những đứa con mồ côi cha. Trong không khí đau thương nhưng hào hùng ấy, tình cảm cha con vẫn tỏa sáng bất diệt. Ông Sáu trở về không được bé Thu nhận nhưng trong ngày cuối hai cha con đã kịp nhận ra nhau. Vào chiến trường ông làm cho bé một chiếc lược ngà, ông hi sinh ngoài chiến trận và chiếc lược được người đồng đội chuyển đến tận tay cô bé Thu.

2.2 Chứng minh

Luận điểm 1. Truyện ngắn Chiếc lược ngà (1966) là một tác phẩm có giá trị, có sức lay động trái tim độc giả.

* Nhà văn đã thể hiện một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh chiến tranh.

- Tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha: Bé Thu là con gái đầu lòng cũng là đứa con duy nhất của ông Sáu. Em sống thiếu vắng người cha từ khi chưa đầy một tuổi. Sau hơn bảy năm xa cách, cha con mới được gặp lại. Tình thương cha của bé bộc lộ qua hai tình huống:

+ Tình huống thứ nhất: Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ông Sáu là cha.

+ Tình huống thứ hai: Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ông Sáu là cha.

- Tình cha con sâu nặng và cao đẹp của ông Sáu: Ông Sáu là người cha có tình thương con rất sâu nặng. Tình thương ấy bộc lộ qua hai tình huống:

+ Tình huống thứ nhất: Tình cảm của ông Sáu khi gặp lại con sau hơn bảy năm xa cách (Thí sinh phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con khi xuống cập bến, trong những ngày nghỉ phép, lúc chia tay).

+ Tình huống thứ hai: Tình yêu con tha thiết của ông còn được thể hiện rất sâu sắc khi ông ở khu căn cứ: Day dứt ân hận vì đã đánh con, nhớ lời dặn của con ông dồn hết tâm trí và công sức để làm chiếc lược ngà, chiếc lược trở thành vật thiêng liêng đối với ông Sáu, trước lúc hi sinh ông đã nhờ người bạn chiến đấu của mình trao lại chiếc lược ngà cho con gái...

* Truyện ngắn Chiếc lược ngà là một tác phẩm có giá trị còn bởi từ khi ra đời cho đến nay các thế hệ độc giả vẫn không thôi hành trình đồng sáng tạo với nhà văn. Tác phẩm đã góp phần không nhỏ trong việc nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ và

đánh thức ở nhiều thể hệ học sinh những phẩm chất, tình cảm cao đẹp: Thí sinh nêu được một (một số) ý kiến của độc giả bàn về sức sống của tác phẩm Chiếu lược ngà.

Ví dụ:

- Ngày ấy, mình đang là cậu học sinh cấp 3, đã từng đọc truyện ngắn "Chiếu 4 lược ngà", rất ấn tượng với văn phong Nam bộ, với cuộc kháng chiến vừa qua, thể hiện trong truyện ngắn này. (nhà văn Bùi Anh Tấn)
- Bông cẩm thạch vẫn tươi Mùa gió chướng/Người quê hương luôn nhớ Chiếu lược ngà. (Câu đối tại đám tang nhà văn ngày 13/2/2014)
- Điều duy nhất mà chúng tôi muốn nói trước khi đọc Chiếu lược ngà, đây là một tác phẩm viết về chiến tranh. Vì vậy, người đọc cần đặt mình trong bối cảnh của câu chuyện. Và hãy đừng quên rằng đã một thời Việt Nam chìm trong tiếng súng. Lịch sử sẽ phán xét về cuộc chiến tranh này. Nhưng giá trị nghệ thuật và lịch sử của những tác phẩm văn học thì luôn vĩnh hằng với thời gian. (Trần Thanh Phong)

Luận điểm 2. Tác phẩm "Chiếu lược ngà" có giá trị hiện thực, khiến độc giả sau khi gấp sách lại vẫn cảm nhận được cuộc sống, không khí nóng bỏng của thời đại như đang diễn ra trước mắt.

- Phản ánh chân thực cuộc sống, cuộc chiến đấu của con người Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ.
 - Hiện thực về những tội ác mà đế quốc Mỹ đã gây ra cho đồng bào Nam Bộ nói riêng và nhân dân ta nói chung.
 - Hiện thực về vẻ đẹp con người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ: tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình, tình đồng đội...
- => Giúp độc giả hiểu hơn về cuộc chiến tranh và con người Việt Nam trong chiến tranh.

Luận điểm 3. Nguyễn Quang Sáng đã sáng tạo nên truyện ngắn có giá trị này bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ.

* Trách nhiệm của nhà văn Nguyễn Quang Sáng:

- Sáng tạo hình thức nghệ thuật phù hợp với nội dung tác phẩm: Xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý; xây dựng cốt truyện khá chặt chẽ, lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp; miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc, nhất là đối với nhân vật bé Thu; ngôn ngữ truyện mang đậm chất địa phương Nam Bộ.
- Đóng góp mới mẻ: Trong khi các nhà văn cùng thời thường viết về những con người lí tưởng hiện ra giữa chiến trường lửa đạn thì nhà văn lại hướng ngòi bút của mình ca ngợi tình cảm cha con trong chiến tranh đầy cảm động.
- Làm tròn sứ mệnh của một nhà văn trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh: Nhà văn là chiến sĩ, trực tiếp cầm súng chiến đấu và viết nên tác phẩm từ những trải nghiệm thực tế của mình.

* Tấm lòng, trái tim của nhà văn Nguyễn Quang Sáng:

- Ông rất am hiểu tâm lí trẻ thơ, có tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ. Trân trọng và ngợi ca những tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam trong chiến tranh. Căm ghét chiến tranh bởi chiến tranh đã gây ra bao đau khổ, mất mát cho con người...

- Viết truyện ngắn này tác giả muốn khẳng định: Điều còn lại mà chiến tranh không thể lấy đi là vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Nam (lòng yêu nước nồng nàn, lí tưởng sống, chiến đấu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; tình đồng chí; tình cảm gia đình, tình cha con thấm thiết, sâu nặng, bất tử) mà bom đạn quân thù không thể nào tàn phá được. "Câu chuyện viết về tình cha con của những người kháng chiến, những người cách mạng. Nhưng đó cũng là tình phụ tử muôn đời. Truyện không dài, tình tiết không li kì, tư tưởng cũng không phức tạp. Nó chân thực và giản dị, vì thế mà cảm động. Ấy là cốt cách của một truyện hay". (Chu Văn Sơn).

3. Liên hệ với truyện ngắn “Lão Hạc”

- Nhân vật Lão Hạc trong “Lão Hạc” là người nông dân có tình yêu thương con sâu sắc làm cho trái tim độc giả phải lay động.

+ Trước tình cảnh và nỗi đau của con, lão luôn là người thấu hiểu tìm cách chia sẻ, tìm lời lẽ an ủi giảng giải cho con hiểu dần lòng tìm kiếm khác.

+ Lão Hạc thương con vì nghèo không có tiền mà con trai lão không lấy được vợ, phải bỏ nhà, bỏ quê đi làm ăn xa... Thương con lão càng đau đớn xót xa khi nhận ra sự thực phũ phàng sẽ mất con vĩnh viễn “Thẻ của nó người ta đã giữ hình của nó người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi”.

+ Những ngày sống xa con, lão không nguôi nỗi nhớ thương, niềm mong mỏi tin con từ cuối phương trời. Mặc dù anh con trai đi biệt năm sáu năm trời, nhưng mọi kỷ niệm về con vẫn luôn thường trực ở trong lão. Trong câu chuyện với ông giáo, lão không quên nhắc tới đứa con trai của mình.

-> Từ câu chuyện về hoàn cảnh và tình cha con của Lão Hạc cho ta thấy được trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người nghệ sĩ.

- Tình cảm của người cha đối với con trong truyện ngắn Lão Hạc thể hiện sự bẽ tắc của người nông dân trước cách mạng tháng Tám đã phản ánh trị hiện thực về XHPK đương thời

+ Lão sống vì con, chết cũng vì con: Bao nhiêu tiền bòn được lão đều dành dụm cho con. Đói khát, cơ cực song lão vẫn giữ mảnh vườn đến cùng cho con trai để lo cho tương lai của con. Hoàn cảnh cùng cực, buộc lão phải đứng trước sự lựa chọn nghiệt ngã: Nếu muốn sống thì phải lổi đạo làm cha mà bán đi mảnh vườn còn nếu muốn giữ chọn đạo làm cha để giữ lại mảnh vườn cho con thì lão phải chết. Và cuối cùng lão đã chọn cái chết đau đớn dữ dội để giữ lại mảnh vườn cho con trai...

4. Điểm chung và điểm riêng:

- Nét chung:

+ Hai tác phẩm cùng hướng tới một đề tài: thể hiện vẻ đẹp tình phụ tử của con người Việt Nam. Lão Hạc (Lão Hạc) và ông Sáu (“Chiếc lược ngà”) đều là những người cha yêu con hết mực, hết lòng hi sinh cho con.

+ Đều thể hiện bằng thể loại truyện ngắn, xúc động, hấp dẫn, chân thực.

- Nét riêng: mỗi tác phẩm gắn với một giai đoạn lịch sử, một khuynh hướng sáng tác, một cá tính sáng tạo...nên có những phát hiện, thể hiện riêng.

a. Hình tượng người cha trong “Lão Hạc” của Nam Cao.

+ Truyện ngắn “Lão Hạc” ra đời trước cách mạng tháng Tám, tiêu biểu cho phong cách Nam Cao ở giai đoạn này.- Lão Hạc là một người nông dân lương

thiện, người cha nhân hậu, có trách nhiệm, dành hết yêu thương cho con, sẵn sàng hi sinh cả tính mạng cho con (day dứt khi con không có tiền cưới vợ, chăm con chó - kỉ vật của con, chuẩn bị cái chết để không ảnh hưởng đến tương lai của con...).

+ Sống trong xã hội cũ, người cha ấy thương con, nhưng bế tắc vì quá nghèo khổ, một người cha đáng trọng nhưng cũng rất đáng thương. Cái chết của lão thật cao thượng, nhưng xót xa, tương lai của đứa con lão cũng mịt mờ, bế tắc.

+ Nam Cao đã khắc họa thành công người cha bằng bút pháp hiện thực đậm chất nhân đạo: tạo tình huống bất ngờ, miêu tả ngoại hình, phân tích nội tâm ngôn ngữ vừa giàu chất trữ tình, vừa có chất triết lí...

b. Hình tượng người cha trong “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

+ Truyện viết giữa lúc chiến tranh chống Mỹ diễn ra ác liệt (1966), từ đó làm hiện lên vẻ đẹp của người cha-người chiến sĩ Cách mạng.

+ Ông Sáu là người cha yêu con tha thiết (phân tích chi tiết ông trở về với tâm trạng mong mỏi gặp con, sự hụt hẫng khi con không nhận mình, ông làm chiếc lược ngà cho con...).

+ Hết lòng yêu thương con, nhưng ông cũng không quên nhiệm vụ chiến đấu cho tổ quốc. Ông hi sinh, nhưng trước khi chết ông dùng tất cả sức lực để trao lại chiếc lược, nhờ đồng đội gửi lại cho con. Cái chết của ông không phải là biểu hiện của sự bế tắc, mà là cái chết vinh quang, cho con, cho đất nước. Bé Thu sau này đã trở thành một giao liên, một chiến sĩ, tiếp bước con đường của cha. Ông Sáu là người cha, người chiến sĩ đáng khâm phục tự hào.

+ Nguyễn Quang Sáng xây dựng hình tượng ông Sáu bằng lối viết riêng. Nhà văn tạo được tình huống kịch tính, miêu tả tính cách người cha Nam Bộ mạnh mẽ mà đậm thắm, chọn được những chi tiết đắt giá. Đặc biệt, ngôn ngữ truyện đậm chất Nam Bộ... Truyện tuy buồn nhưng không bi thương, vẫn có một niềm lạc quan Cách mạng.

3. Đánh giá chung.

- Ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng hoàn toàn đúng đắn và có thể được coi là ngọn nền soi đường cho các văn nghệ sĩ hôm nay và mai sau.

- Bằng trách nhiệm, tấm lòng, trái tim của người cầm bút và những nhận thức về thực tế cuộc sống, Nguyễn Quang Sáng, Nam Cao đã làm nên một Chiếc lược ngà, Lão Hạc có sức lay động bạn đọc nhiều thế hệ, có giá trị hiện thực sâu sắc.

- Bạn đọc phải biết trân trọng sản phẩm sáng tạo của nhà văn, có tình yêu tha thiết với cái đẹp, không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết, tích lũy kinh nghiệm tiếp nhận, chủ động và sáng tạo khi tiếp nhận tác phẩm ... để có những phát hiện mới về tác phẩm trên tầm cao của kiến thức, của tình yêu, say mê và rung cảm mãnh liệt đối với văn chương, đáp ứng được mong mỏi của các nhà văn "Viết ngắn thôi, nhưng cuộc sống phải dài!" (Nguyễn Minh Châu).

C. Kết bài:

- Nội dung: Qua hai tác phẩm đã giúp cho người đọc hiểu được giá trị hiện thực của tác phẩm, tình cha con sâu lắng của hai nhân vật ông Sáu và Lão Hạc cũng như tình cảm tha thiết của con dành cho cha.

- Liên hệ: Qua hai văn bản khơi gợi cho bạn đọc cảm nhận sâu sắc về tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái và khơi gợi tình cảm gia đình, tình yêu thương đối với những người thân yêu, tình cảm đối với cội nguồn của mình.

Một số đề tham khảo các tỉnh.

**Kì thi học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố Hà Nội
Năm học 2021 – 2022**

Câu 1. (6 điểm)

"Một anh GrabBike chở một nữ bác sĩ vào bệnh viện chống dịch, đã cương quyết không nhận tiền cước xe. Anh nói với chị một câu khiến ai nghe cũng xúc động: Nhận tiền của bác sĩ đi chống dịch lúc này là có tội với Tổ quốc! (...) Anh chạy xe ôm, cái nghề có thể nói là rất bình dân và vất vả, phải quần quật giữa những ngày dịch giã để kiếm tiền nuôi thân và gia đình, đã cho chúng ta hiểu thêm về một khía cạnh của Tổ quốc.

(Văn Công Hùng, *Chúng ta sẽ phải sống khác!*, báo Văn nghệ 30/8/2021)
Từ sự việc trên, em hãy tạo lập một văn bản nghị luận (khoảng 2 trang giấy thi) với chủ đề: *Một khía cạnh của Tổ quốc trong em.*

Câu 2 (14 điểm)

Có người băn khoăn thế nào là thơ hay? Rồi người đó tự trả lời:

Với tôi, một câu thơ hay, một bài thơ hay ít nhất phải gây được ấn tượng về một phương diện nào đó. Những ấn tượng đó thường in sâu vào trí nhớ, hóa thành máu thịt, hóa thành tâm hồn.

(Theo Hoàng Minh Đức, *Một cách ngắm về thơ*, báo Văn nghệ 29/6/2018)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Làm rõ "những ấn tượng" của em về một bài thơ hay trong chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở.

**HƯỚNG DẪN CHẤM - MÔN NGỮ VĂN
KỲ THI HỌC SINH GIỎI CẤP THÀNH PHỐ LỚP 9
NĂM HỌC: 2021- 2022**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
II Phần	Câu 1.	Viết văn bản nghị luận (Khoảng 2 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về bức thông điệp đời sống rút ra từ văn bản: <i>Một khía cạnh của Tổ quốc trong em.</i>	6.0
		a. Đảm bảo về dung lượng của bài văn có bố cục rõ ràng, viết văn trôi chảy, biết lập luận, lí lẽ chắc chắn, có dẫn chứng phù hợp.	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Từ sự việc trong văn bản, viết bài văn với chủ đề: <i>Một khía cạnh của Tổ quốc trong em.</i>	0,5 đ
		c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:	5.0 đ

<p>tạo lập văn bản</p>	<p>1. Dẫn dắt vấn đề nghị luận.</p> <p>2. Phân tích khái quát sự việc:</p> <p>Việc làm của anh <i>GrabBike</i>: "<i>Một anh GrabBike chở một nữ bác sĩ vào bệnh viện chống dịch, đã cương quyết không nhận tiền cước xe. Anh nói với chị một câu khiến ai nghe cũng xúc động: Nhận tiền của bác sĩ đi chống dịch lúc này là có tội với Tổ quốc!</i>" – Một việc làm rất đổi bình thường trong cuộc sống thường nhật nhưng có ý nghĩa lớn lao đặc biệt trong thời điểm cả nước tập trung chống dịch – cả nước dồn hết nhân tài vật lực cho tuyến đầu. Hành động của anh đã góp phần cho công cuộc ấy. Đặc biệt, câu nói của anh dù chỉ là một khía cạnh nhưng khơi gợi những điều mang tính thời đại: Đó là tình người trong dịch bệnh, sự sẻ chia, tri ân bác sĩ ở tuyến đầu và lớn hơn đó là lòng yêu nước. Việc làm của anh lấp lánh tình yêu Tổ Quốc, chứa chan tinh thần yêu nước.</p> <p>3. Bàn luận:</p> <p><i>Một khía cạnh của Tổ quốc trong em:</i></p> <p>+ <i>Tổ quốc trong em không chỉ là tình cảm thiêng liêng bất diệt, là bầu máu nóng luôn chảy trong huyết quản của con người ta từ bao đời nay. “Có mối tình nào cao hơn Tổ Quốc” (Trần Mai Ninh) - Tình yêu màu xanh, yêu vị mặn mòi của biển cả, yêu con người thân thiện, yêu mảnh đất với bao lắm than mà hào kiệt, anh dũng,... tất cả được gói gọn trong hai tiếng Tổ Quốc thiêng liêng. Hai tiếng Tổ Quốc khiến trái tim ta thổn thức, con người như bùng cháy của lòng khao khát mối tình đầu mang tên dải đất Việt Nam – dải đất chữ S xinh đẹp...</i></p> <p>+ <i>Tổ quốc trong em thân thuộc, gần gũi, yêu thương; là quê hương, là xóm làng - nơi chôn rau cắt rốn, nơi lớn lên, lập nghiệp và thành công của mỗi con người.</i></p> <p>+ <i>Và hơn hết Tổ Quốc trong em là tình yêu, lòng nồng nàn, nhiệt huyết yêu thương đất nước, sẵn sàng làm những điều tốt đẹp cho đất nước nhất là trong những thời điểm đất nước đang oằn mình chống dịch bệnh. Tổ quốc trong em là sẵn sàng hành động vì cộng đồng, là tình người trong dịch bệnh, sự sẻ chia, tri ân bác sĩ ở tuyến đầu, là sống nhân ái, vị tha, yêu thương, tích cực tham gia vào các hoạt động công ích, các hoạt động tình nguyện, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác. Sống có tinh thần tập thể, vì lợi ích chung của cộng đồng, bỏ qua cái tôi, cái ích kỉ của bản thân.</i></p> <p><i>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i></p> <p>* Phản đề:</p> <p>Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số ít người, một số bạn trẻ chỉ biết sống cho bản thân, vun vén vì lợi ích cá nhân mà quên đi cộng đồng, ít quan tâm đến tổ quốc, đất nước...</p>	<p>0,5</p> <p>0,75</p> <p>2.5</p>
-------------------------------	---	--

		Những con người ấy cần bị lên án, phê phán. 4. Bài học nhận thức và hành động: - Biết sống vì cái chung, biết yêu Tổ quốc, vì đất nước là nền tảng để xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh hơn. Người sống có trách nhiệm với tổ quốc sẽ là người có tình yêu thương, có tinh thần tự giác, từ đó làm cho cuộc sống của mình ngày càng phát triển theo hướng tốt đẹp. - Sự cống hiến sẽ giúp con người đẩy xa cái tôi cá nhân, sự ích kỉ, nhỏ nhen của mình để từ đó hướng tới những điều tốt đẹp hơn. Vậy nên mỗi chúng ta hãy nỗ lực học tập, trau dồi bản thân, rèn luyện đạo đức, luôn biết yêu thương và giúp đỡ những người xung quanh, sống có ước mơ, hoài bão, mục tiêu và cố gắng vươn lên, sống ân nghĩa thủy chung, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội. Có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc. ... góp phần nhỏ công sức của mình để cuộc sống ngày càng tốt đẹp, xây dựng đất nước phồn vinh, giàu mạnh.	0.25
		<i>d. Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, phù hợp.	0,25
		<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
		NLVH Làm sáng tỏ ý kiến của Hà Minh Đức bằng một bài thơ trong chương trình THCS	14.0
	Câu 2 ₁ .	<i>a. Bài viết đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Lối viết sắc sảo, luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục</i>	0,5
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	0,5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i>	13.0
		Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau: Giải thích sơ lược ý kiến của Hà Minh Đức - Ý kiến của Hà Minh Đức bàn về giá trị của thơ ca . + Thơ ca là tiếng nói của tình cảm, tâm trạng, cảm xúc của con người. Học giả Lê Quý Đôn từng viết: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần” là bởi thế. + “Một bài thơ hay ít nhất phải gây được ấn tượng về một phương diện nào đó. Những ấn tượng đó thường in sâu vào trí nhớ, hóa thành máu thịt, hóa thành tâm hồn”: nghĩa là thơ hay từ cảm hứng sáng tạo, tình ý trong thơ đến ngôn ngữ nghệ thuật biểu hiện. Bài thơ hay có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc và trở thành máu thịt, trở thành tâm hồn của người đọc. Bài thơ hay tự nó có sức lôi cuốn kỳ lạ đánh thức mỹ cảm trong ta	1,0

	<p>khiến ta yêu thích, ngâm ngợi, ta như được chia sẻ, giải bày, có sức dư ba, lay động trái tim ta khiến ta không thể chỉ đọc một lần.....</p> <p>Bàn luận:</p> <p>+ Thơ bao giờ cũng ngắn gọn, hàm súc, giàu hình tượng, giàu nhạc điệu nên ngôn ngữ thơ cô đọng, lời ít ý nhiều. Thơ gắn liền với chiều sâu tâm hồn, thế giới nội tâm sâu kín của con người nên thơ có khả năng lay động trái tim con người một cách kì diệu. Trong thơ có nhiều khoảng trống, khoảng trắng đòi hỏi sự liên tưởng phong phú và đồng cảm của người tiếp nhận, gây được ấn tượng sâu sắc</p> <p>+ Cái đẹp của tình ý trong thơ ẩn sâu dưới lớp vỏ ngôn từ nên cần lắng sâu tâm hồn để cảm nhận, thưởng thức thâm nhi, suy ngẫm, lật xoay các góc, các chiều để thấy hết được chiều sâu suy ngẫm, sức lan tỏa, lay động của nó. Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lý trí hay tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “tất cả tâm hồn” để cảm và hiểu cái hay, cái đẹp, cái ấn tượng của thơ, cho đến lúc tự bài thơ phát sáng làm rung lên mọi cung bậc tình cảm trong tâm hồn ta, biến thành máu thịt, hoá thành tâm hồn ta...</p>	
	<p>2. Chứng minh: Làm sáng tỏ nhận định bằng bài thơ “ Nói với con” của Y Phương.</p> <p>2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:</p> <p>- Y Phương là người con của rừng núi Cao Bằng nên thơ ông thấm nhuần những tinh hoa, cái đẹp của của dân tộc Tày, cuốn hút người đọc nhờ vẻ đẹp chất phác, chân thật mộc mạc, mạnh mẽ, trong sáng, ngôn ngữ, hình ảnh thơ đậm lối tư duy giàu hình ảnh của người vùng cao. Đọc thơ Y Phương, người ta dễ bị hút hồn bởi <i>bản sắc vùng cao</i> rất riêng và đậm đà.</p> <p>- “Nói với con” ra đời năm 1980, viết về một đề tài hết sức quen thuộc nhưng hoàn toàn có một lối đi riêng, một giai điệu mới. Tự nhiên, âm áp như hơi thở, như dòng máu người Tày chảy trên đầu ngọn bút, không quá dài, bài thơ nhỏ xinh, chất phác, bình dị; hồn hậu trong cảm xúc; mạnh mẽ trong ý chí; ngọt ngào, rần rờ trong giọng điệu; gân guốc trong tư duy, cách xây dựng hình ảnh... Tất cả như bật ra từ vô thức, bình dị, chất phác như tâm hồn người Tày, như cuộc sống của quê hương nhà thơ vậy!</p> <p>LD1: “Nói với con” của Y Phương để lại ấn tượng sâu sắc, trở thành máu thịt, tâm hồn bạn đọc bởi cái hay trong nội dung cảm xúc:</p> <p>+ Trong lời tâm tình của người cha với con, Y Phương đã thể hiện một tình yêu con mang màu sắc riêng: không chỉ bao bọc, chở che mà hướng tới để hình thành cho con một diện</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p>

	<p>mạo tâm hồn, một bản lĩnh sống, bản lĩnh văn hóa; tiếp sức cho con, khích lệ con để con sống sâu sắc, tình nghĩa, sống mạnh mẽ, kiêu hãnh như chính con người quê hương mình, giúp con cảm nhận được sự ấm áp của tình cảm gia đình, sự hào phóng, rộng lượng của quê hương để hình thành trong con tình yêu gia đình, quê hương.</p> <p>+) Cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người. Đó là tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – tình cảm gia đình tha thiết. Con lớn lên từ cái nôi ấm áp của gia đình và trong tình yêu thương của cha mẹ.</p> <p><i>(dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i></p> <p>-> Gia đình là cội nguồn sinh dưỡng của con, là cái nôi cho con những yêu thương, ấm áp đầu đời. Cha nhắc nhở con: trên hành trình dài rộng của cuộc đời mỗi con người, để có sự vững vàng, có niềm vui đầy ắp trong tâm hồn, sự hiểu biết mới mẻ.. thì con k được phép quên gia đình, quê hương, xứ sở. Con không quên thì bàn chân mới biết trở về, trái tim mới rộng mở, biết nâng niu, trân trọng tình cảm gia đình ấm áp, yêu thương để từ đó con vững bước vào đời.</p> <p>+) Con không chỉ được sống trong cái nôi êm ái của gia đình mà còn được chở che trong tình quê hương sâu nặng. Thiên nhiên quê hương tươi đẹp và thắm đượm nghĩa tình.</p> <p><i>(dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i></p> <p>-> Quê hương thật gần gũi, thân thương. Quê hương là nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người. Thiên nhiên quê hương đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống. Quê hương chính là cội nguồn hạnh phúc của con người, con hãy khắc ghi điều đó!</p> <p>+) Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình bằng lời tâm tình tha thiết, với bao vỗ về, yêu thương. Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước. Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, nguồn cội, Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc</p> <p><i>(dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</i></p> <p>->Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin. Cha nói với con về nỗi vất vả gian lao lẫn nỗ lực vươn lên của người đồng mình bởi cha muốn con kế thừa truyền thống tốt đẹp của quê hương.</p> <p>* Bài thơ khép lại bằng lời động viên con, bằng lời nhắc nhở</p>	4.5
--	---	-----

	<p>triu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu: Con sẽ lớn khôn, sẽ rời vòng tay ôm ấp của cha mẹ để tự mình đến với cuộc đời rộng lớn do vậy hành trang mà con mang theo không chỉ là nền tảng văn hóa gia đình mà còn là những giá trị văn hóa bền vững của quê hương xứ sở. Thế nên con hãy tự tin vững bước. Cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.</p> <p>- Bài thơ là những suy tư giàu tính trải nghiệm về lẽ sống, về đạo lí làm người, về sự gắn bó chung thủy với quê hương, làng bản của một người con nặng lòng với bản sắc dân tộc. Bài thơ không chỉ là tiếng lòng của người cha tâm tình với con thơ mà còn là “tự nhà thơ nói với chính mình” và với xã hội về vấn đề bảo lưu bản sắc văn hóa dân tộc.</p> <p>Lđ2: Bài thơ “Nói với con” của Y Phương đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bởi nghệ thuật biểu hiện đặc sắc.</p> <p>+ Bài thơ viết theo thể tự do phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên linh hoạt: Mạch cảm xúc phát triển từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống, cách dẫn dắt tự nhiên, có tầm khái quát và vô cùng thấm thía. Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con.</p> <p>+ Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu xa, có sức quyến rũ kì lạ, khơi gợi nhiều liên tưởng “Quả là một thứ ngôn ngữ thô cảm quyến rũ”</p> <p>- Nhà thơ đã vận dụng lối diễn đạt của người vùng cao để xây dựng hình ảnh thơ. Những hình ảnh vừa cụ thể, gần gũi, vừa mang tính khái quát cao, giàu ý nghĩa biểu tượng. Bình dị, mộc mạc nhưng lại mang vẻ đẹp nên thơ.</p> <p>- Đọc “Nói với con” ta bắt gặp một giọng điệu đa thanh, vừa đầm thắm chất trữ tình, vừa hào hùng chất sử thi, vừa hồn nhiên chân chất, vừa sâu lắng tâm tư, lúc bay bổng nhẹ nhàng khi khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, có lúc ta như thấy được ở đó một cánh võng êm ái, có lúc là một sự vượt ve đầy âu yếm, có lúc là đôi bàn tay chắc nịch, khỏe khoắn sẵn sàng nâng con dậy khi con vấp ngã trên đường đời... Những đặc sắc về nghệ thuật ấy cộng hưởng với những cung bậc cảm xúc khi sâu lắng, lúc sôi nổi trong lời cha truyền thấm cho con đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thi phẩm.</p> <p>● * Đánh giá mở rộng</p>	3,0
--	---	-----

	<p>Ý kiến của Hà Minh Đức hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ bài thơ hay bao giờ cũng bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc, người nghe. Nhà thơ gửi gắm nỗi lòng, truyền cảm hứng vào từng câu chữ thế nên nội dung phải chuyển tải trong một nghệ thuật độc đáo, sáng tạo, có tính thẩm mỹ thì thi phẩm ấy mới có sức sống lâu bền trong lòng người đọc. Bài thơ “ Nói với con” của Y Phương là bài thơ hay để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.</p> <p>- Bài học cho người cầm bút:</p> <p>Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn, là kết quả của quá trình lao động miệt mài nghiêm túc, kết tinh tài năng, sáng tạo, tình cảm, tâm huyết của người nghệ sĩ. Để bài thơ sống được trong lòng độc giả thì người nghệ sĩ phải trau dồi vốn sống, phải nhạy cảm trước cuộc đời, phải có đời sống tinh thần phong phú, trải nghiệm sâu sắc.</p> <p>- Đối với bạn đọc:</p> <p>Để bài thơ trở thành máu thịt, thành tâm hồn thì người đọc phải hòa mình vào tác phẩm, cảm nhận rung động với nó, đắm chìm tâm hồn trong thế giới nghệ thuật, lắng nghe tiếng lòng của thi nhân. Khi tiếp nhận, người đọc tắm mình trong thế giới cảm xúc ấy, thả hồn cùng những vui buồn chờ đợi...để cùng rung cảm, thấu cảm. Độc giả không chỉ cảm thấu được tác lòng của người cầm bút mà còn tham gia đồng sáng tạo, di dưỡng, thanh lọc tâm hồn, nâng tâm hồn mình thêm phong phú. Sau mỗi lần đọc lại, chiêm nghiệm lại về một bài thơ hay ta lại tìm ra được một hạt ngọc của tình cảm, của nghệ thuật. Từ đó giúp cho người đọc được sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình .</p>	1,0
	<p>- Đối với bạn đọc:</p> <p>Để bài thơ trở thành máu thịt, thành tâm hồn thì người đọc phải hòa mình vào tác phẩm, cảm nhận rung động với nó, đắm chìm tâm hồn trong thế giới nghệ thuật, lắng nghe tiếng lòng của thi nhân. Khi tiếp nhận, người đọc tắm mình trong thế giới cảm xúc ấy, thả hồn cùng những vui buồn chờ đợi...để cùng rung cảm, thấu cảm. Độc giả không chỉ cảm thấu được tác lòng của người cầm bút mà còn tham gia đồng sáng tạo, di dưỡng, thanh lọc tâm hồn, nâng tâm hồn mình thêm phong phú. Sau mỗi lần đọc lại, chiêm nghiệm lại về một bài thơ hay ta lại tìm ra được một hạt ngọc của tình cảm, của nghệ thuật. Từ đó giúp cho người đọc được sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình .</p>	1.0
	<i>d. Sáng tạo:</i> Có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.	0,5
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu:</i> đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5

PHÒNG GD&ĐT
HUYỆN HẬU LỘC

ĐỀ KHẢO SÁT HSG LỚP 9

Môn: Ngữ văn

Thời gian: 150 phút

(không kể thời gian giao đề)

Đề gồm 2 phần, 6 câu, 02 trang

I. PHẦN ĐỌC HIỂU: 6.0 điểm

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Hãy thù ghét
mọi ao tù
nơi thân ta rửa mực
mọi thói quen
nếp nghĩ – mù lòa!
Hãy sống như
những con tàu
phải lòng
muôn hải lý
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải-cảng-mưa-buồn!... ”*
(Bài thơ Việt Bắc- Trần Dần)

Câu 1. Hãy xác định thể thơ và phương thức biểu đạt của khổ thơ? . (1.0 điểm)

Câu 2. Tìm bố cục của đoạn thơ và nêu nội dung chính của mỗi đoạn? (1.0 điểm)

Câu 3. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn trích. (2.0 điểm)

Câu 4. Đoạn thơ đã đưa ra những lời khuyên gì với mỗi người? (2.0 điểm)

TAO LẬP VĂN BẢN.

Câu 1 (4.0 điểm) Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về lẽ sống được nói đến trong đoạn thơ:

*“Hãy sống như
những con tàu
phải lòng
muôn hải lý
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải-cảng-mưa-buồn!... ”*

Câu 2. (10 điểm) Có người băn khoăn thể nào là thơ hay? Rồi người đó tự trả lời:

Với tôi, một câu thơ hay, một bài thơ hay ít nhất phải gây được ấn tượng về một phương diện nào đó. Những ấn tượng đó thường in sâu vào trí nhớ, hóa thành máu thịt, hóa thành tâm hồn.

(Theo Hoàng Minh Đức, *Một cách ngắm về thơ*, báo Văn nghệ 29/6/2018)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Làm rõ "những ấn tượng" của em về bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?

Hướng dẫn chấm

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
	1	Thể thơ: Tự do	0.5
		Phương thức biểu đạt: Biểu cảm	0.5

**Đọc
hiểu**

- 2 - Bố cục của đoạn thơ: 2 phần 0.5
 Phần 1: Từ “Hãy thù ghét...mù loà”: Lời khuyên 0.5
 tránh xa, rời bỏ những nơi, những môi trường tối tăm, kìm hãm sự phát triển của con người, rời bỏ sự trì trệ trong cách nghĩ, cách sống
 Phần 2: Từ “Hãy sống như...buồn...”: Lời khuyên con người cần vươn tới những chân trời mới để mở rộng tầm nhìn của bản thân – khát vọng vươn xa.
- 3 - Các biện pháp tu từ : 0.5
 + Ẩn dụ: Ao tù (cuộc sống quanh tù hãm), thói quen nếp nghĩ mù loà (cách nghĩ, cách làm thiếu tỉnh táo, thiếu sáng suốt), nghìn hải cảng mưa buồn (nơi trú ngụ của nỗi buồn, sự trì trệ) 1.5
 + Nhân hóa: những con tàu phải lòng muôn hải lý
 + So sánh: *Sống như những con tàu*
 - Tác dụng:
 + Gợi ra hai thế giới đối lập: một thế giới tù hãm, trì trệ nơi sẽ giết chết con người bằng nỗi buồn và sự vô nghĩa, một thế giới của khát vọng, sôi nổi, của ý chí và quyết tâm lên đường đến với những chân trời rộng mở.k
 + Thúc giục người đọc vươn tới thế giới rộng mở với ước mơ, khát vọng cao đẹp.
 +Tăng sức gợi cảm, gợi hình cho sự diễn đạt
- 4 Đoạn thơ đã đưa ra những lời khuyên bổ ích đối với con người: 2.0
 + Phải biết thù ghét, lên án cuộc sống tăm tối trì trệ, giam hãm, ngột ngạt, níu giữ con người (Tư tưởng lạc hậu, cổ hủ, sự bằng lòng, không chịu vươn lên, ngại khó, ngại khổ, thủ cựu, không chịu tìm tòi, đào sâu suy nghĩ, học hỏi cái mới, áp dụng cái mới vào thực tiễn...)
 + Cần biết hướng tới một lẽ sống tích cực: sống có khát vọng ước mơ, hướng đến với những chân trời mới, biết vượt qua mọi nỗi đau buồn, khó khăn, gian khổ, luôn lạc quan, sôi nổi và luôn nuôi dưỡng, thực hiện khát vọng lên đường, hướng đến tương lai tươi sáng.
 Viết đoạn văn nghị luận (Khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về bức thông điệp đời sống rút ra từ văn bản: *Khát vọng lên đường*. 4. 0
 a. Đảm bảo về dung lượng của đoạn văn có bố cục rõ ràng, viết văn trôi chảy, biết lập luận, lí lẽ chắc chắn, có dẫn chứng phù hợp. 0.25
 b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Từ ý của đoạn thơ, 0,25

NLX H	Câu 1	viết bài văn với chủ đề: <i>Khát vọng lên đường</i>		
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn	3.0	
		* Giải thích:		
		– Những con tàu/ phải lòng / muôn hải lý: Khát vọng lên đường đến với những chân trời rộng mở	0.5	
		- Đoạn thơ thể hiện lẽ sống cao đẹp: Lẽ sống được cống hiến, được đi xa, được vươn đến những chân trời rộng mở để được mở rộng tầm nhìn được học tập được phát huy năng lực, sở trường, được cống hiến cho cuộc đời chung tươi đẹp.	2.0	
		* Bàn luận:		
		- Khát vọng lên đường đến những chân trời rộng mở thể hiện sức mạnh của niềm tin: Tin vào những điều tốt đẹp ở phía trước để từ đó phấn đấu vươn lên, có ý chí, nghị lực, bản lĩnh vượt qua mọi khó khăn, thử thách để thành công		
		- Biết phát huy cao độ những khả năng của mình để vươn xa, và cũng là động lực thôi thúc con người hành động quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám “ ra khơi” để khám phá những chân trời mới, để được cống hiến cho xã hội.		
		- Có ước mơ, khát vọng ta sẽ cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn.		
		<i>(HS lấy dẫn chứng để chứng minh)</i>		
		- Phản đề:		
		+ Nếu cuộc sống mà không hề có khát vọng vươn tới phía trước sẽ chẳng bao giờ có động lực để học tập và làm việc. Cuộc sống sẽ trở nên buồn chán, đơn điệu, tù túng, chật chội, vô nghĩa như “ những hải cảng mưa buồn”. Vì thế, phê phán những người thiếu ý chí, nghị lực, không dám thay đổi hiện tại, không dám chinh phục những những điều mới mẻ, sống không có ước mơ, khát vọng. ...	0.5	
		* Bài học nhận thức và hành động:		
		- Nhận thức được đây là lẽ sống cao đẹp cần phấn đấu vươn lên vì ngày mai tươi sáng.		
		- Bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao tri thức hiểu biết để thực hiện ước mơ, khát vọng của mình.		
		d. <i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, phù hợp.	0.25	
		e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25	
		NLVH: Làm sáng tỏ ý kiến của Hà Minh Đức bằng bài thơ “ Ánh trăng” (Nguyễn Duy)		10.0
		a. <i>Bài viết đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Lối viết sắc</i>		

sảo, luận điểm rõ ràng, luận cứ, luận chứng thuyết phục

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm

Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

Câu 3. * Giải thích sơ lược ý kiến của Hà Minh Đức

- 2 - - Ý kiến của Hà Minh Đức bàn về giá trị của thơ ca .
 + Thơ ca là tiếng nói của tình cảm, tâm trạng, cảm xúc của con người. Học giả Lê Quý Đôn từng viết: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần” là bởi thế.
 + “*Một bài thơ hay ít nhất phải gây được ấn tượng về một phương diện nào đó. Những ấn tượng đó thường in sâu vào trí nhớ, hóa thành máu thịt, hóa thành tâm hồn*”: nghĩa là thơ hay từ cảm hứng sáng tạo, tình ý trong thơ đến ngôn ngữ nghệ thuật biểu hiện. Bài thơ hay có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc và trở thành máu thịt, trở thành tâm hồn của người đọc. Bài thơ hay tự nó có sức lôi cuốn kỳ lạ đánh thức mỹ cảm trong ta khiến ta yêu thích, ngâm ngợi, ta như được chia sẻ, giải bày, có sức dư ba, lay động trái tim ta khiến ta không thể chỉ đọc một lần.....

-Bàn luận:

- + Thơ bao giờ cũng ngắn gọn, hàm súc, giàu hình tượng, giàu nhạc điệu nên ngôn ngữ thơ cô đọng, lời ít ý nhiều. Thơ gắn liền với chiều sâu tâm hồn, thế giới nội tâm sâu kín của con người nên thơ có khả năng lay động trái tim con người một cách kì diệu. Trong thơ có nhiều khoảng trống, khoảng trắng đòi hỏi sự liên tưởng phong phú và đồng cảm của người tiếp nhận, gây được ấn tượng sâu sắc
 + Cái đẹp của tình ý trong thơ ẩn sâu dưới lớp vỏ ngôn từ nên cần lắng sâu tâm hồn để cảm nhận, thưởng thức nhâm nhi, suy ngẫm, lật xoay các góc, các chiều để thấy hết được chiều sâu suy ngẫm, sức lan tỏa, lay động của nó. Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lý trí hay tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “tất cả tâm hồn” để cảm và hiểu cái hay, cái đẹp, cái ấn tượng của thơ, cho đến lúc tự bài thơ phát sáng làm rung lên mọi cung bậc tình cảm trong tâm hồn ta, biến thành máu thịt, hoá thành tâm hồn ta...

4. 2. Chứng minh: Làm sáng tỏ nhận định bằng bài thơ

NLV
H

5. “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Nguyễn Duy thuộc thế hệ các nhà thơ quân đội trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Ông viết bài thơ *Ánh trăng* năm 1978, tại thành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi những người lính trở về để lại sau lưng cuộc chiến gian khổ mà nghĩa tình.

2.2 Hệ thống luận điểm:

Lđ1: Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy để lại ấn tượng sâu sắc, trở thành máu thịt, tâm hồn bạn đọc bởi cái hay trong nội dung cảm xúc:

- “Ánh trăng” chứa đựng nội dung tình cảm, cảm xúc phong phú, trong đó có những lớp nghĩa hàm ẩn sâu xa không dễ nhận ra:

+ Bài thơ có tựa đề *Ánh trăng* nhưng không hề miêu tả trăng, nhân vật trữ tình không ở trong tư thế thưởng ngoạn. Bài thơ như kể câu chuyện của người trong cuộc về cách đối xử, ứng xử của mình với trăng và trăng với mình (trăng - hình ảnh của thiên nhiên tươi đẹp, biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị vĩnh hằng của đời sống, cho quá khứ nghĩa tình đẹp để vịn nguyên, cho người bạn trung thành nghiêm khắc...), từ đó gợi ra nhiều bài học sâu xa về cách đối nhân xử thế, thái độ đối với quá khứ, những bài học về đạo lý ở đời...

(*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*)

+ *Ánh trăng* thể hiện suy ngẫm của riêng Nguyễn Duy khi đứng giữa hiện tại nhìn, ngẫm lại thời đã qua. Nhưng *Ánh trăng* không chỉ chuyện của riêng nhà thơ, của một người mà có ý nghĩa với cả một thế hệ (đã trải qua chiến tranh), có ý nghĩa với nhiều người, nhiều thời bởi nó đặt ra vấn đề thái độ sống, gợi lên đạo lý ân tình thủy chung mang tính truyền thống của dân tộc.

(*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*)

+ *Ánh trăng* còn là ánh sáng của lương tâm, lương tri soi rọi đến cả “góc khuất” trong tâm hồn để con người “thức tỉnh” tự nhận ra phần “thiếu hụt” của mình, từ đó tự điều chỉnh và hoàn thiện mình để sống đẹp hơn, tốt hơn. Trong rung rung cảm động “ như là đồng là bể, như là sông là rừng” hình ảnh vầng trăng “cứ tròn vành vạnh”, “ im phăng phắc” nhưng cũng đủ làm cho tác giả giật mình: đó là sự nhắc nhở quá khứ vẫn vịn nguyên, đẹp để chẳng thể phai mờ. Con người có thể vô tình lãng quên nhưng thiên nhiên luôn tròn đầy, bất diệt. Nguyễn Duy đã mượn cái giật mình để gióng lên

hồi chuông cảnh tỉnh mọi người, nhắc nhở con người về đạo lý tốt đẹp “ uống nước nhớ nguồn” từ ngàn xưa của cha ông ta.

(*Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng*)

=> Với những ý nghĩa đó, bài thơ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, là lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà thấm thía. Vì thế *Ánh trăng* không thể chỉ đọc một lần, không chỉ đọc bằng lí trí hay tình cảm mà phải đọc bằng cả tâm hồn.

Lđ2: Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bởi nghệ thuật biểu hiện đặc sắc.

+ Thể thơ: năm chữ, chia thành nhiều khổ, mỗi khổ 4 câu, chỉ viết hoa chữ cái đầu của câu thứ nhất, sáu khổ chỉ còn lại sáu câu (về ngữ pháp) vô cùng ngắn gọn, tạo sự liền mạch trong ý thơ.

+ Kết cấu, giọng điệu của bài thơ có tác dụng làm nổi bật chủ đề, tạo nên tính chân thực, chân thành, sức truyền cảm sâu sắc cho tác phẩm, gây ấn tượng mạnh ở người đọc. Kết cấu đơn giản như một câu chuyện riêng, kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa tự sự và trữ tình, từ quá khứ trôi về hiện tại gắn liền với mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình. Giọng điệu tâm tình, nhỏ nhẹ, nhịp thơ khi trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi ngân nga thiết tha cảm xúc, khi trầm lắng suy tư dễ gợi sự đồng cảm nơi người đọc.

+ Ngôn ngữ: giản dị mà hàm súc, ý nghĩa sâu xa.

+ Thành công trong việc xây dựng hình ảnh thơ: Hình ảnh vầng trăng xuyên suốt năm khổ thơ trở thành điểm nhấn tạo nên sự ám ảnh, khắc sâu suy tư, tạo độ xoáy cho tứ thơ. Vầng trăng được nhân hóa trở thành người bạn đồng hành của nhân vật trữ tình trong nhiều hoàn cảnh. Ánh trăng là hình ảnh ẩn dụ, mang ý nghĩa biểu trưng sâu xa cho nhiều vấn đề mang tính triết lý, trong đó có sự soi chiếu ám ảnh. -> Việc xây dựng hình ảnh ánh trăng thể hiện sự sáng tạo độc đáo: hình ảnh vừa bình dị, mộc mạc trong sáng; vừa cụ thể vừa có sức khái quát cao lại vừa hàm súc lấp lánh nhiều ý nghĩa, có sức lôi cuốn và khơi gợi nhiều liên tưởng.

● *** Đánh giá mở rộng**

Ý kiến của Hà Minh Đức hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ bài thơ hay bao giờ cũng bắt nguồn từ nội dung của nó và con đường mà nó đến với người đọc, người nghe. Nhà thơ gửi gắm nỗi lòng, truyền cảm hứng vào từng câu chữ thế nên nội dung phải chuyển tải trong một nghệ thuật độc đáo, sáng tạo, có tính thẩm mỹ thì

thi phẩm ấy mới có sức sống lâu bền trong lòng người đọc. Bài thơ “ Ánh trăng” của Nguyễn Duy là bài thơ hay để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

- Bài học cho người cầm bút:

Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn, là kết quả của quá trình lao động miệt mài nghiêm túc, kết tinh tài năng, sáng tạo, tình cảm, tâm huyết của người nghệ sĩ. Để bài thơ sống được trong lòng độc giả thì người nghệ sĩ phải trau dồi vốn sống, phải nhạy cảm trước cuộc đời, phải có đời sống tinh thần phong phú, trải nghiệm sâu sắc.

- Đối với bạn đọc:

Để bài thơ trở thành máu thịt, thành tâm hồn thì người đọc phải hòa mình vào tác phẩm, cảm nhận rung động với nó, đắm chìm tâm hồn trong thế giới nghệ thuật, lắng nghe tiếng lòng của thi nhân. Khi tiếp nhận, người đọc tắm mình trong thế giới cảm xúc ấy, thả hồn cùng những vui buồn chờ đợi...để cùng rung cảm, thấu cảm. Độc giả không chỉ cảm thấu được tác lòng của người cầm bút mà còn tham gia đồng sáng tạo, di dưỡng, thanh lọc tâm hồn, nâng tâm hồn mình thêm phong phú. Sau mỗi lần đọc lại, chiêm nghiệm lại về một bài thơ hay ta lại tìm ra được một hạt ngọc của tình cảm, của nghệ thuật. Từ đó giúp cho người đọc được sống phong phú hơn, tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình .

d. *Sáng tạo*: Có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp. 0.25

e. *Chính tả, dùng từ, đặt câu*: đảm bảo chuẩn chính tả, 0,25
ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

ĐỀ KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN LỚP 9

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề gồm 02 phần, 06 câu, 01 trang

Phần 1: Đọc hiểu văn bản (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

“Những giọt sương lặn vào lá cỏ

Qua nắng gắt, qua bão tố

Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh

Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương...”

(Thanh Thảo – “Sự bùng nổ của mùa xuân”)

Câu 1: (1 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản?

Câu 2: (1 điểm) Hai câu thơ sau:

***Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh
Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương...***

Sử dụng biện pháp tu từ chủ yếu nào? Hãy phân tích giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ đó?

Câu 3: (2 điểm) Cảm nhận của em về hình ảnh: “*Những giọt sương lặn vào lá cỏ*”

Câu 4: (2 điểm) Thông điệp mà khổ thơ gửi gắm đến bạn đọc là gì ?

Phần 2: Tạo lập văn bản (14 điểm)

Câu 1: (4 điểm) Viết đoạn văn 200 chữ trình bày quan điểm của anh (chị) về: *Cách nhìn nhận, khám phá cái đẹp của đời sống?*

Câu 2 (10 điểm)

*“Đọc thơ, có người đọc như nhà thực vật
Đọc mùa quả, hoa chói mắt
Có người như nhà địa chất
Đọc cái mạch ngầm văn bản phía sau”*

(Chế Lan Viên, “*Đọc thơ mạch ngầm văn bản*”)

Từ trải nghiệm đọc bài thơ “*Bếp lửa*” của Bằng Việt liên hệ với “*Ông đồ*” của Vũ Đình Liên, anh (chị) hãy làm rõ “ cái mạch ngầm văn bản phía sau” của hai bài thơ trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN LỚP 9
NĂM HỌC: 2020-2021
MÔN NGỮ VĂN**

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	6.0đ
	1	Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm Thể thơ: Tự do	0.5 0.5
	2	Nhà thơ Thanh Thảo đã sử dụng thành công biện pháp tu từ điệp ngữ: <i>vẫn...vẫn</i> trong hai câu thơ: <i>Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương</i> Nhấn mạnh vẻ đẹp vững bền, bất biến, sức sống bền bỉ, mãnh liệt của thiên nhiên, một vẻ đẹp kì diệu của tạo hóa và cũng chính là sức sống bền bỉ, mãnh liệt của con người trước sóng gió, thăng trầm của cuộc đời.	0.5 0.5
	3	Hình ảnh “ <i>giọt sương lặn vào lá cỏ</i> ”: biểu tượng cho cái đẹp bình dị, khiêm nhường của đời sống quanh ta, không phô trương, ồn ào mà lắng sâu, tiềm tàng trong đời sống, trong tâm hồn con người.	2.0
	4	Thông điệp cuộc sống mà văn bản gửi gắm: Cuộc sống vốn luôn tiềm ẩn những khó khăn, thử thách và ẩn chứa những vẻ đẹp kì diệu đòi hỏi con người cần có bản lĩnh, nghị lực vươn lên, hướng tới cái đẹp. Có những sự vật bề ngoài tưởng chừng mong manh, những con người thoát	2.0

	<p><i>* Bài học nhận thức và hành động:</i></p> <p>- Mỗi người hãy biết cách nhìn nhận, khám phá, trân trọng cái đẹp của đời sống, con người, hãy lắng mình để lắng nghe thanh âm của cuộc sống đang trào sôi trong từng làn da thớ thịt của cỏ cây, hoa lá, lắng ngấm, lắng nghe những âm vang của đất trời và lòng người để chiêm ngưỡng cái đẹp đang hiện hữu quanh ta, để tận hưởng niềm vui cuộc sống!</p>	0.25
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0,25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25
2	Làm rõ ý kiến của nhà thơ Chế Lan Viên qua “Bếp lửa ” của Bằng Việt liên hệ với bài thơ “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên.	10.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Làm rõ đặc trưng của tiếp nhận văn chương qua việc cảm nhận bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt và liên hệ với “ Ông đồ ” của Vũ Đình Liên.</i>	0.25

	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i></p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>1. Giải thích sơ lược ý kiến của Chế Lan Viên.</p> <p>b. Giải thích ý kiến: Ý kiến của nhà thơ Chế Lan Viên bàn về quá trình tiếp nhận văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ. Qua đó, người đọc khám phá ý nghĩa của từng câu chữ, cảm nhận sức sống, sự cuốn hút của từng hình ảnh... - “Đọc” là quá trình tiếp nhận để lĩnh hội và chiếm lĩnh tác phẩm. Đọc “như nhà thực vật”, “đọc mùa quả, hoa chói mắt” là đọc những cái hoa mỹ, hào nhoáng bên ngoài còn “đọc như nhà địa chất”, “đọc cái mạch ngầm văn bản phía sau” là đọc cái tầng sâu, những ý nghĩa, những bài học sâu sắc có giá trị tư tưởng của tác phẩm. - Cái đẹp của tình ý trong thơ ẩn sâu dưới lớp vỏ ngôn từ nên không phải đọc “như nhà thực vật”, “đọc mùa quả, hoa chói mắt” mà hiểu hết được, ta phải lắng sâu tâm hồn để cảm nhận, thưởng thức nghĩ suy để thấy hết được chiều sâu suy ngẫm, sức lan tỏa, lay động của bài thơ. - Đọc thơ không phải chỉ bằng trí tuệ hay cảm xúc, lý trí hay tình cảm, phải đọc bằng tất cả năng lực tinh thần của mình, bằng “tất cả tâm hồn” cho đến lúc tự bài thơ phát sáng làm rung lên mọi cung bậc tình cảm trong tâm hồn ta, để ta cảm và hiểu “<i>cái mạch ngầm phía sau văn bản</i>”.... Đọc bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt ta phải đọc “như nhà địa chất” để tìm được “Cái mạch ngầm văn bản phía sau” 	<p>9.0</p> <p>1.0</p>
	<p>2. Chứng minh:</p> <p>2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bằng Việt thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, nhẹ nhàng, tràn đầy cảm xúc, giọng điệu tâm tình, trầm lắng, suy tư và giàu triết lí, đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gọi những ước mơ tuổi trẻ. - Ra đời năm 1963, nơi lạnh giá xứ người, bài thơ “Bếp lửa” đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu. 	<p>8.0đ</p> <p>0.5</p>
	<p>2.2. Chứng minh qua “Bếp lửa” của Bằng Việt.</p> <p>Luận điểm 1: “Cái mạch ngầm phía sau văn bản” trong « Bếp lửa » của Bằng Việt là dòng hồi tưởng của cháu về kỷ</p>	<p>2.5</p>

niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa từ đó khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình thân thương, triu mến.

- Với “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt đã dắt dẫn người đọc vào sâu trong mạch kể, mạch hồi tưởng của ông. Hồi ức đẹp một đi không trở lại của tuổi thơ được tái hiện không phải bằng một trí nhớ lan man, chắp vá. Trái lại, ở sâu trong tiềm thức của nhà thơ, hình ảnh “Bếp lửa” và “người bà” lúc nào cũng tỏ sáng lạ kì - trở thành một điểm đi về trong cõi nhớ. Dòng suy tưởng và hoài niệm của người cháu xa quê đều được khởi nguồn từ hình ảnh đầy giản dị mà thân thương, ấm áp vô cùng – « Bếp lửa »..

(Dẫn chứng, phân tích dẫn chứng)

=> Tuổi thơ của cháu đã được truyền hơi ấm từ bếp lửa, từ bà! Trong kỉ niệm, trong cảm xúc của mỗi nỗi nhớ, lí trí đã nhường chỗ cho tình cảm và cái rõ ràng, minh bạch đã nhòa đi để được thêm những cái mơ màng, chập chờn của hồi ức. Hình ảnh bà và bếp lửa qua tâm trạng ấy đã đồng nhất, hoà quyện với nhau.

- Từ “Bếp lửa” đến “ngọn lửa” có lẽ là hành trình từ cái đơn sơ, giản dị đến những cái thiêng liêng cao cả, từ cái thực đến cái linh hồn. Ngọn lửa ấy phải chăng là tâm huyết, nhiệt huyết (chứa niềm tin dai dẳng) phải chăng là tình yêu (lòng bà luôn ủ sẵn). Bà lúc nào cũng ấp ủ một ngọn lửa vô hình song “dai dẳng”, “thiên liêng”... “Bếp lửa” là cầu nối để đưa cháu phương xa ngàn dặm gửi tình thương nỗi nhớ về bà, về quê hương.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

- Qua dòng hồi tưởng nhẹ nhàng, tươi mát của cháu, bếp lửa của củi rơm kia cũng không còn là bếp lửa bình thường mà trở thành biểu tượng của tình bà luôn vẫy gọi. Cái ấm nóng, cái đượm đà của bếp lửa củi rơm cũng như cái nồng, cái ấm của bếp lửa lòng bà luôn hòa quyện khiến đưa cháu phương xa lúc nào cũng hoài niệm, nhớ mong.

(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)

	<p>- “Bếp lửa” kì lạ, thiêng liêng ấy đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của đời người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm và những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ. Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu, thêm yêu dân tộc mình, nhân dân mình.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>=> Bếp lửa và bà bình dị, cao quý, thiêng liêng. Một đứa con xa quê hương, một đứa cháu xa bà luôn luôn thường trực trong nỗi nhớ về “Bếp lửa” - về tình yêu ấm nồng. Nhớ về “Bếp lửa” là nhớ về quê nhà, nhớ về bà đồng nghĩa với việc nhớ về tổ ấm gia đình với niềm vui sum họp...</p>	
	<p><i>Luận điểm 2 : “Cái mạch ngầm phía sau văn bản” trong “Bếp lửa” của Bằng Việt còn là tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước, dân tộc, nhân dân.</i></p> <p>- “ Bếp lửa” là những kí ức trong trẻo một thời, là chôn bình yên để cháu tìm về khi đã mỗi cánh bay, là hành trang quý báu để cháu mang theo suốt cuộc hành trình dài rộng của cuộc đời. Bằng Việt đã chất lọc từ cuộc đời những kỉ niệm, những hình ảnh đẹp nhất về người bà kính yêu để dệt nên hình tượng “bếp lửa”, thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>- Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “ khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>=> Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên. Bếp lửa, tiếng chim tu hú, bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời. Hành trình từ bếp lửa thực đến “Bếp lửa đời” là hành trình của giọt nước hoà vào suối và đổ ra sông... Tình cảm của đứa cháu xa quê đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình, tình quê hương, đất nước trong mỗi người đọc. Thế nên, thật thấm thía khi có ý kiến cho rằng: <i>“Bài thơ chứa đựng một triết lí thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời”</i></p>	1.5
	<p><i>Luận điểm 3: “Cái mạch ngầm phía sau văn bản” trong “Bếp</i></p>	

	<p><i>lửa” của Bằng Việt được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình tượng thơ độc đáo, sáng tạo hình ảnh bếp lửa – hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. ngôn từ biểu cảm, bình dị mà sâu sắc. - Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành; sử dụng dòng hồi tưởng và hiện tại trong mạch cảm xúc, nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận. - Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà... đã thể hiện xúc động tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước trong sáng, đẹp đẽ. 	0.5
	<p>3. Liên hệ với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.</p>	2 đ
	<p><i>- “ Cái mạch ngầm phía sau văn bản” của “Ông đồ ” (Vũ Đình Liên) là nỗi khát trước thời thế ảm lạnh nhân tình, khơi gợi trong lòng người đọc lòng thương người và niềm hoài cổ, là sự ngậm ngùi trước “di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn”</i></p> <p>+ Đọc “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian.</p> <p>+ Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “lòng thương người” và “tình hoài cổ” được bắt nguồn - đó chính là trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên. Hai nguồn thi cảm này không những không mâu thuẫn, tách bạch nhau,... mà chúng luôn hòa hợp như một nốt nhạc chủ đạo, như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt nguồn mạch cảm xúc của bài thơ: Đó là thương một lớp người tri thức Nho học bị bỏ rơi bên lề đường nơi phố vắng rêu phong “ngày xưa” hòa quyện với nỗi nhung nhớ, tiếc nuối khôn nguôi một thời hoàng kim, một thời vàng son đã một đi không trở lại ! Theo dòng thời gian bất tận, mọi thứ sẽ lui vào dĩ vãng mịt mờ, để lại cho con người bao nỗi niềm tiếc nuối nhất là khi những vẻ đẹp tài hoa một thời chỉ còn là vang bóng...</p> <p><i>- “Cái mạch ngầm phía sau văn bản” của “Ông đồ ” (Vũ Đình Liên) được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.</i></p> <p>+ Bài thơ được xây dựng trên mạch cảm xúc tâm trạng của nhân vật trữ tình mà âm hưởng chủ đạo là nỗi buồn, xót xa, day dứt khôn nguôi. Càng về cuối nỗi đau càng được khắc họa sâu và rõ hơn giúp chúng ta thấu hiểu được cái tình của thi nhân.</p> <p>+ Sử dụng thể thơ ngũ ngôn và ngôn ngữ gợi cảm, giàu sức tạo hình, Vũ Đình Liên đã làm cho tác phẩm của mình có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên. Cũng bắt</p>	1.0

	<p>nguồn từ cảm hứng ấy, bài thơ “<i>Ông Đồ</i>” ám ảnh trong lòng ta về niềm hoài niệm day dứt, thương cảm cho một giá trị tinh thần sắp tàn lụi...</p> <p>*Điểm tương đồng và khác biệt: Như vậy, dù viết về tình cảm gia đình hay tình người trong xã hội, dù hoàn cảnh ra đời khác nhau, phong cách nghệ thuật và cách thể hiện khác nhau song cả hai bài thơ, hai nhà thơ đều khẳng định được các giá trị của những tác phẩm văn chương chân chính. Tình yêu thương làm nên những giá trị cốt lõi của cuộc sống, đều hướng ta tới cái chân, thiện, mỹ trong cuộc đời, khiến ta thêm yêu đời, yêu người, yêu cuộc sống.</p>	1.0
	<p>4. Đánh giá, mở rộng:</p>	1 đ
	<p>- Ý kiến của nhà thơ Chế Lan Viên hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ: + Nhà thơ tài năng phải bằng năng lực nghệ thuật, bằng sự đào sâu hiện thực và sự nhạy cảm ngôn từ để giúp người đọc tìm ra được “ cái mạch ngầm phía sau văn bản”, khơi dậy trong người đọc đủ mọi cung bậc cảm xúc. Đây là quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, khổ luyện nhưng cũng đầy hứng khởi của nhà thơ. + Hai bài thơ đã làm sáng tỏ những quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương, bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả; minh chứng cho « cái mạch ngầm phía sau văn bản » - Văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến chân, thiện, mỹ... - Bài học cho người sáng tạo và tiếp nhận : + Với nhà thơ: chất lọc ngôn ngữ từ đời sống, sáng tạo để làm cho ngôn ngữ ấy có một sức sống riêng, vẻ đẹp riêng vừa thể hiện được những cảm xúc nơi trái tim vừa khơi dậy nơi người đọc “ cái mạch ngầm phía sau văn bản”, khơi dậy những cảm xúc đẹp đẽ, mới mẻ trong lòng bạn đọc qua lớp ngôn từ thơ ca của mình. – Đối với người tiếp nhận thơ: khi tiếp nhận, cảm thụ thơ cần chú ý đến những tình cảm chân thật, sâu kín, những sáng tạo, chiều sâu suy ngẫm mà nhà thơ gửi vào tác phẩm. Để từ đó có sự đồng cảm, tri âm với nhà thơ.</p>	0.5
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

Lưu ý:

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của học sinh cần được đánh giá tổng quát , tránh đếm ý cho điểm.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc.

3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án,, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng

ĐỀ KHẢO SÁT DỰ TUYỂN HSG CẤP TỈNH LỚP 9

Phần I: Đọc – hiểu văn bản: (6 điểm).

Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi :

Im lặng

(Phạm Khải)

“Im lặng là vàng”

Người đời đã dặn

Xóa công dã tràng

Biển đền muối mặn

Đất đai trăm mặc

Cây đời nảy tươi

Mặc cho bão táp

Gió mưa đập vùi

Sinh ra làm người

Cả đời tập nói

Rồi ta tập im

Tạ từ thế giới

Tập như trái đất

Lặng thâm mà quay

Tập như trăng sáng

Lặng im mà đầy

Tập như búi cỏ

Đan trong nắng vàng

Bầy chim khép mỏ

Bay vào mệnh mang...

(Phạm Khải, NXB Giáo dục, 2005)

Câu 1: Xác định thể thơ của bài thơ trên? (0.5 điểm)

Câu 2: Em hiểu thế nào về hai câu thơ: “*Sinh ra làm người/ Cả đời tập nói*” ?
(1.5 điểm)

Câu 3: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong hai khổ cuối văn bản? (2 điểm)

Câu 4: Em hiểu thông điệp “Im lặng là vàng ” mà nhà thơ Phạm Khải gửi gắm trong bài thơ như thế nào? (2 điểm)

Phần II: Tạo lập văn bản

Câu 1(4.0 điểm).

Từ nội dung văn bản phần Đọc - hiểu, hãy viết đoạn văn nghị luận (Khoảng 200 chữ) bàn về giá trị của sự im lặng?

Câu 2: (10.0 điểm)

Nhà thơ Chế Lan Viên viết:

“Hãy biết ơn vị muối của đời cho thơ chất mặn”

(Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật để thấy được “ chất mặn” của thơ?

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I		ĐỌC - HIỂU	6.0đ
	1	Thể thơ: bốn chữ	0.5
	2	Hai câu thơ: <i>Sinh ra làm người Cả đời tập nói</i> Có ý nghĩa vô cùng sâu sắc bởi lẽ trước khi nói con người cần suy nghĩ kĩ để nói ra những lời hay ý đẹp, lời nói phản ánh nhân cách, phẩm chất, giá trị của một con người do vậy ông bà ta xưa có câu “ uốn lưỡi bảy lần trước khi nói”. Hãy để lời nói trở nên giá trị hơn sau khi được cân nhắc kỹ càng trước khi nói. “ Cả đời tập nói” chính là đang rèn luyện nhân cách của mình vậy.	1.5
	3	Hai khổ cuối bài thơ “Im lặng” của Phạm Khải sử dụng biện pháp tu từ nổi bật: + So sánh: con người tập im lặng như trái đất, trăng sáng, búi cỏ + Điệp ngữ: Tập như... Tác dụng: Điệp ngữ kết hợp với so sánh nhằm nhấn mạnh ý nghĩa, vai trò của sự im lặng trong cuộc sống con người. Im lặng để làm việc có ý nghĩa, mang đến những điều tốt đẹp cho cuộc đời. Đồng thời biện pháp điệp ngữ và so sánh tạo nhịp điệu nhịp nhàng cho lời thơ, hình ảnh thơ sinh động, giàu sức biểu cảm.	0.25 0.25 1.25 0.25
	4	Thông điệp: “Im lặng là vàng”: Im lặng là một trong những phương châm sống có ý nghĩa không của riêng ai: Đó là lời khuyên quý báu nhắc nhở ta rằng, đôi khi giá trị của sự im lặng còn hơn cả ngàn lời nói. Im lặng để lắng nghe. Im lặng để cảm nhận, để cảm thông và thấu hiểu. Im lặng để tích tụ. Im lặng để cống hiến. Im lặng để thăng hoa cảm xúc. Im lặng để nói được nhiều nhất....	2.0
		TẠO LẬP VĂN BẢN	14.0đ
	1	Bàn về giá trị của sự im lặng	4.0
		a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn	0.25

II		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Giá trị của im lặng	0.25
		<i>c. Triển khai hợp lí nội dung nghị luận</i> Học sinh có thể trình bày theo nhiều hướng khác nhau miễn là hợp lí và có sức thuyết phục, trên cơ sở hiểu được giá trị của sự im lặng. Sau đây là một số gợi ý: - Im lặng là trạng thái tĩnh lặng trong tâm hồn, không tham gia tranh luận, can thiệp vào sự việc đang diễn ra xung quanh. - Trong cuộc sống của chúng ta, im lặng mang đến vô vàn những giá trị: + Im lặng để lắng nghe, im lặng để cảm thông, thấu hiểu mọi điều, mọi người, để gìn giữ những mối quan hệ tốt đẹp, đó là một cách thể hiện sự quan tâm, yêu thương người khác. Im lặng giúp ta tập trung làm việc cao hơn từ đó cho năng suất lao động lớn hơn.. + Im lặng là khoảng thời gian giúp chúng ta tĩnh tâm, suy nghĩ lại những hành động của bản thân và rút ra cho mình những bài học cuộc sống. Im lặng cũng là cách để ta thư giãn tâm hồn sau những ồn ào, vất vả của cuộc sống; Im lặng để “nói” được nhiều hơn. - Nhưng im lặng không có nghĩa là thờ ơ, vô trách nhiệm trước cái xấu, cái ác. + Im lặng trước cái xấu, cái ác đang hoành hành đó là sự im lặng sai lầm. Sự im lặng đó tạo điều kiện cho cái xấu lên ngôi, lây lan.. + Im lặng đôi khi cũng mang đến những thiệt thòi không đáng có. Im lặng còn có thể tàn phá một mối quan hệ tốt đẹp. - Im lặng là cần thiết trong cuộc sống, nhưng không phải lúc nào ta cũng im lặng. Im lặng đều phải đúng nơi, đúng lúc, đúng người, và chỉ sử dụng khi thực sự cần thiết. Trước những hiện tượng tiêu cực chúng ta vẫn cần lên tiếng để bảo vệ công lý và lẽ phải. Hãy lựa chọn lời nói, thời điểm, phát ngôn thích hợp để vừa giúp bản thân, vừa thúc đẩy xã hội phát triển. - Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật trong cuộc sống hiện nay. - Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	3.0
			0.5
			1.5
			0.5
			0.5
			0,25
			0,25
	2	Làm rõ ý thơ của Chế Lan Viên qua “ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> ” của Phạm Tiến Duật.	10.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i> Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</i>	0.25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i> Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:	9.0

	<p>1. Giải thích sơ lược ý kiến của Chế Lan Viên.</p> <p>- Câu thơ của Chế Lan Viên đề cập đến đặc trưng của văn chương, nghệ thuật: lấy cái đẹp của hiện thực làm chất liệu, đề tài, cảm hứng sáng tác. Mọi sáng tạo nghệ thuật đều bắt nguồn từ đời sống.</p> <p>+ "Vị muối của đời" là hiện thực cuộc sống, là những cung bậc cảm xúc của con người: trần trở, lo âu, buồn phiền, sung sướng, hạnh phúc...</p> <p>+ "Chất mặn" của những vần thơ là bức thông điệp, là cái tình của tác giả gửi gắm, là những rung động sâu xa trước hiện thực cuộc sống.....</p> <p>=> Nhận định đã phản ánh đúng bản chất của văn học, nghệ thuật phải bám rễ vào hiện thực cuộc sống, phải là những rung động mãnh liệt của nghệ sỹ trước cuộc sống ấy... Là nhà thơ chân chính, phải lăn lộn ngoài cuộc đời sương gió kia để cảm nhận hết nỗi đau, niềm vui, hạnh phúc của con người rồi thổi hồn vào tác phẩm thì thơ mới mặn mà, mới neo chặt vào bến hồn người đọc. Tác phẩm phải bắt chặt, phải bám rễ vào mảnh đất hiện thực mới có thể trở thành dòng suối trong trẻo chảy vào lòng bạn đọc.</p>	1.5
	<p>2. Chứng minh:</p>	7.5
	<p>2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:</p>	0.5
	<p>2.2. Chứng minh qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.</p>	6.0
	<p>* Luận điểm 1: “Vị muối của đời” trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật là hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ với nhiều khó khăn và cuộc sống đầy hi sinh, gian khổ của người lính lái xe.</p> <p>- Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được viết năm 1969. Đó là thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn cam go, ác liệt khi đế quốc Mỹ liên tục rải bom xuống tuyến đường Trường Sơn nhằm ngăn chặn con đường tiếp tế của hậu phương cho tiền tuyến. Bài thơ nói về hình ảnh những chiếc xe bị biến dạng do bom đạn của kẻ thù, đồng thời thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p>- Hình ảnh những chiếc xe không kính</p> <p>+ Hình ảnh những chiếc xe không kính băng băng ra chiến trường giữa mưa bom, bão đạn là một hình ảnh thực về những chiếc xe trên đường Trường Sơn trong những năm đánh Mỹ.</p> <p>+ Với bút pháp hiện thực, nhà thơ đã ghi lại hình ảnh ấy thật giản dị, tự nhiên. Những chiếc xe ban đầu vốn đầy đủ các bộ phận nhưng bom đạn đã làm “kính vỡ đi rồi” ... Bom đạn ác liệt của kẻ thù đã tàn phá khiến những chiếc xe bị biến dạng, trần trụi hơn</p> <p>- Cuộc sống chiến đấu gian khổ của những người lính lái xe: Trên những chiếc xe không kính người lính lái xe phải đối mặt với mưa bom, bão đạn, với bụi đường, đối mặt với bao khó khăn,</p>	1.5

	<p>nguy hiểm...</p> <p>(HS lấy dẫn chứng thơ và phân tích)</p> <p>* Luận điểm 2 “ Chất mặn ” trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” của Phạm Tiến Duật là tinh thần chiến đấu, đời sống tình cảm của những người lính trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thơ đã khám phá ra vẻ đẹp riêng của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ từ chính những khó khăn, gian khổ của hiện thực: + Tư thế ung dung, hiên ngang, biến khó khăn thành thử thách, tôi luyện ý chí ,bản lĩnh của mình. + Tinh thần dũng cảm, lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ nơi chiến trường ác liệt, bằng thái độ ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch. + Tình đồng đội đồng chí cao đẹp giữa những người lính lái xe, trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom rơi bão đạn. + Ý chí quyết thắng, trái tim yêu nước nồng nàn, tất cả vì miền Nam phía trước. <p>(HS chọn lọc dẫn chứng phân tích chứng minh)</p> <p>= > “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” đã khai thác chất liệu từ sự khốc liệt của chiến tranh, giúp người đọc hiểu được sự ác liệt của cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại; đồng thời thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người lính với thái độ, tư thế, tình cảm, khí phách mới, mang tính hiện đại. Họ mang vẻ đẹp tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với chủ nghĩa anh hùng của cả một dân tộc.</p> <p>Luận điểm 3 “ Chất mặn ” của “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” (Phạm Tiến Duật) còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc: nhan đề lạ, sáng tạo ra một hình ảnh thơ độc đáo, giọng điệu và ngôn ngữ thơ rất đặc sắc, rất gần với lời nói thường ngày, đậm chất văn xuôi; sự đối lập giữa cái <i>không</i> và cái <i>có</i>, bút pháp hiện thực kết hợp với lãng mạn bay bổng...để thể hiện chân thực và sinh động vẻ đẹp của những người lính.</p> <p>(Chọn lọc và phân tích dẫn chứng)</p> <p>= > Với đôi mắt mới, cách nhìn mới, cách khám riêng về hiện thực cuộc sống và chiến đấu của những người lính lái xe trẻ... Phạm Tiến Duật đã đưa vào trang thơ của mình bức tượng đài chân thực về hình ảnh người lính lái xe thời kì chống Mỹ cứu nước, với một vẻ đẹp riêng biệt không trộn lẫn.</p>	3.5
	<p>Luận điểm 3 “ Chất mặn ” của “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” (Phạm Tiến Duật) còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc: nhan đề lạ, sáng tạo ra một hình ảnh thơ độc đáo, giọng điệu và ngôn ngữ thơ rất đặc sắc, rất gần với lời nói thường ngày, đậm chất văn xuôi; sự đối lập giữa cái <i>không</i> và cái <i>có</i>, bút pháp hiện thực kết hợp với lãng mạn bay bổng...để thể hiện chân thực và sinh động vẻ đẹp của những người lính.</p> <p>(Chọn lọc và phân tích dẫn chứng)</p> <p>= > Với đôi mắt mới, cách nhìn mới, cách khám riêng về hiện thực cuộc sống và chiến đấu của những người lính lái xe trẻ... Phạm Tiến Duật đã đưa vào trang thơ của mình bức tượng đài chân thực về hình ảnh người lính lái xe thời kì chống Mỹ cứu nước, với một vẻ đẹp riêng biệt không trộn lẫn.</p>	1.0
	<p>3. Đánh giá, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thơ của Chế Lan Viên hoàn toàn đúng đắn, sâu sắc, khẳng định tác phẩm nghệ thuật có giá trị phải bắt nguồn từ hiện thực. Văn học có mối quan hệ chặt chẽ với đời sống, bắt nguồn từ hiện thực đời sống, “bắt rễ từ cuộc sống hàng ngày” để thể hiện tư tưởng tình cảm.. - Tác phẩm văn học chỉ có thể làm rung động trái tim người đọc khi 	1.0

	phát hiện và miêu tả những vẻ đẹp của cuộc sống một cách sinh động, giúp con người cảm nhận và biết rung động một cách tinh tế, sâu sắc trước vẻ đẹp đó. - <i>Bài học cho người cầm bút</i> : Nếu chỉ là "vị muối của đời" mà không có tài năng, không có con tim nhạy cảm hơn người của nhà thơ thì cũng khó làm nên những vần thơ trác tuyệt. Cái "vị muối cuộc đời" ấy phải xuyên qua trái tim thi sĩ, thấm nhuần trong tâm hồn thi sĩ thì mới thành những vần thơ bất hủ. - <i>Đối với bạn đọc</i> : -Ý kiến đã định hướng cho người tiếp nhận các tác phẩm văn học đúng đắn, phải gắn giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn học với hiện thực cuộc sống và sự sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ.	
	<i>D. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>E. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

ĐỀ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH

NĂM HỌC: 2022 - 2023

Môn: NGỮ VĂN – Lớp: 9 THCS

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi có 02 trang; gồm 02 phần, 06 câu)

PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới đây:

Đọc đoạn văn sau và trả lời những câu hỏi:

Một đàn ếch đang di chuyển qua cánh rừng thì hai con ếch không may bị rơi xuống hố sâu. Những con ếch khác cùng xem cái hố sâu đến chừng nào và kết luận rằng, hố quá sâu để có thể vượt ra ngoài. Chúng khuyên hai con ếch kia rằng hãy giữ sức, vì chẳng có hy vọng gì đâu. Phớt lờ những lời nói đó, hai con ếch bị rơi xuống hố vẫn nỗ lực tìm cách nhảy ra khỏi hố. Những con ếch trên miệng hố, không những không động viên mà còn khuyên chúng hãy từ bỏ đi. Một trong hai con ếch sau vài lần thử nhảy đã kiệt sức và chấp nhận buông xuôi. Trong khi đó, con ếch còn lại càng nhảy càng hăng hơn và cuối cùng nó lấy hết sức nhảy vọt ra khỏi cái hố. Khi ra ngoài, những con ếch khác hỏi rằng: "Cậu không nghe thấy chúng tôi nói gì sao?". Con ếch nhỏ đã giải thích rằng, vì nó bị điếc nên nó nghĩ rằng cả đàn ếch đã cổ vũ nó cố gắng nhảy ra ngoài.

Câu 1 (1 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2 (1.5 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 3 (1.5 điểm): Bài học được rút ra từ văn bản là gì?

Câu 4 (2 điểm): Nêu cảm nhận của em về hình ảnh “chú ếch con nhảy vọt ra khỏi cái hố”? (Viết thành đoạn văn từ 5 – 7 câu)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)**Câu 1 (4,0 điểm):**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói:
Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý ?

Câu 2 (10,0 điểm):

Trong văn bản: “*Tiếng nói của văn nghệ*” của Nguyễn Đình Thi (Ngữ văn 9, tập 2, trang 14) có câu: “*Những nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn*”.

Bằng bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu (Ngữ văn 9, tập 1), liên hệ với bài thơ: “*Khi con tu hú*” của Tố Hữu (Ngữ văn 8, tập 2) để thấy rõ hơn “*cách sống của tâm hồn*” mà những nghệ sĩ lớn đã mang đến cho thời đại của họ?

----- Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI TỈNH
Môn: NGŨ VĂN – Lớp: 9 THCS

(Hướng dẫn chấm có 04 trang)

Phần	Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
I		ĐỌC – HIỂU	6,0
	1	Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự	1.0
	2	Câu chuyện kể về việc hai con ếch bị rơi xuống hố: một con bỏ cuộc, chấp nhận buông xuôi; một con cố gắng, kiên trì nên đã vượt ra khỏi cái hố sâu đó.	1.5
	3	Bài học được rút ra qua câu chuyện trên là: Hãy bỏ ngoài tai những lời nói tiêu cực, những lời chế nhạo của kẻ khác; nỗ lực, cố gắng, kiên trì, tạo động lực cho mình và thực hiện công việc của mình bằng tất cả nội lực của bản thân thì sẽ đạt được thành công.	1.5
	4	Học sinh có những trình bày cảm nhận riêng về hình ảnh chú ếch nhảy vọt ra khỏi miệng hố, và đây là vài gợi ý: Hình ảnh chú ếch nhảy vọt ra khỏi chiếc hố đã để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng sâu sắc: đó là một chú ếch kiên cường, kiên trì, giàu nghị lực, tuy gặp phải khó khăn nhưng đã cố gắng hết mình, bỏ qua tất cả những rào cản, những lời đàm tiếu quanh mình, mặc kệ những lời nói tiêu cực xung quanh để vượt qua khó khăn, thử thách một cách ngoạn mục... Hình ảnh đẹp này đã mang đến cho ta bài học về cách tự cứu mình trong những tình huống ngặt nghèo của cuộc đời, biết tự tạo động lực để vươn tới cuộc sống tốt đẹp.	2,0
II		TẠO LẬP VĂN BẢN	14,0

1	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	4,0
	<i>a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn.</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận.</i>	0.25
	<p><i>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</i></p> <p>1. Giải thích:</p> <p>+ “Cuộc sống vì người khác” nhấn mạnh đến mục đích sống cao đẹp khi hướng đến sự sẻ chia, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác.</p> <p>+ “Đáng quý” là sự trân trọng, đề cao của những người xung quanh với những hành động vì người khác.</p> <p>=> Câu nói “Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý” đã khẳng định giá trị đích thực của cuộc sống, ngọn nguồn của hạnh phúc lớn lao, đó là cuộc sống không chỉ cho mình mà còn vì người khác.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <p>- Trong cuộc sống, con người cần biết sẻ chia, sống cho người khác để mang đến cuộc sống hạnh phúc không chỉ cho mình mà còn cho những người xung quanh.</p> <p>- Nếu chỉ biết sống cho mình mà không quan tâm đến những người xung quanh, con người sẽ bị biệt lập, ngăn cách với xã hội.</p> <p>- Sống là cho đi, khi chúng ta có ý thức sẻ chia chúng ta không chỉ giúp đỡ được những người xung quanh mà còn làm cho môi quan hệ trở nên khăng khít.</p> <p>- Khi sống vì người khác, con người trở nên bao dung, vị tha hơn.</p> <p>- Sống vì người khác không chỉ mang đến những điều tốt đẹp cho bản thân mà còn mang đến hạnh phúc cho người khác.</p> <p>(Hs lấy dẫn chứng phù hợp để minh họa; Hs có thể lấy những dẫn chứng về tấm gương các bác sĩ, nhân viên y tế từ khắp mọi miền đất nước đang xung phong vào Thành phố Hồ Chí Minh để chung tay phòng chống dịch bệnh Covid – 19; những chiếc xe chở hàng cứu trợ của nhân dân miền Bắc vào vùng dịch...)</p> <p>3. Mở rộng:</p> <p>- Cần thể hiện tình yêu thương, tấm lòng bao dung, nhân ái, “sống vì người khác” phù hợp, không để cho người khác lợi dụng lòng tốt để sống hưởng thụ, dựa dẫm...</p> <p>- Phê phán lối sống ích kỷ, bàng quan với mọi người...</p> <p>4. Bài học:</p> <p>Mỗi chúng ta cần cảm nhận được giá trị, ý nghĩa đích thực của cuộc sống; biết sống yêu thương nhau nhiều hơn; hãy “để gió cuốn đi” những tình cảm chân thành, tấm</p>	<p>0,5</p> <p>1.5</p> <p>0.5</p> <p>0,5</p>

	<p>khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của người nghệ sĩ, thấm thía bao cảm xúc, nỗi niềm.</p> <p>+ Mỗi tác phẩm văn học là sự phản ánh hiện thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Tác phẩm ấy là kết tinh tâm hồn của người nghệ sĩ. Thông qua tác phẩm, những người nghệ sĩ và đặc biệt là người nghệ sĩ lớn mang đến cho người đọc ở thời đại họ cách tư duy, cách sống của những tâm hồn lớn.</p> <p>* Chứng minh nhận định của Nguyễn Đình Thi là đúng qua bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.</p> <p>- Giới thiệu đôi nét về tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí”.</p> <p>+ Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Thơ ông hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh.</p> <p>+ Thơ Chính Hữu bình dị, cảm xúc dồn nén, vừa thiết tha, trầm hùng lại vừa sâu lắng, hàm súc.</p> <p>+ Bài thơ: “Đồng chí” được sáng tác đầu năm 1948, khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947). Bài thơ là lời cảm tạ chân thành của Chính Hữu gửi tới người bạn nông dân của mình.</p> <p>Luyện điểm 1: “Cách sống của tâm hồn” mà Nhà thơ Chính Hữu đã mang đến thời đại trong bài thơ “Đồng chí” là sự ca ngợi vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội ở những người lính cách mạng trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>+ <i>Cơ sở hình thành tình đồng chí:</i> Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, nảy sinh từ việc cùng chung lí tưởng cách mạng, chung nhiệm vụ chiến đấu, chung sự thiếu thốn, khó khăn, chia sẻ ngọt sẻ bùi, gắn bó trong cuộc sống, chiến đấu nhiều gian khổ.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>=> Những điểm chung ấy đã khiến họ xích lại gần nhau, chia ngọt sẻ bùi, thân thiết, gắn bó, họ thấu hiểu nỗi lòng nhau, hiểu bạn như hiểu mình và họ đã trở thành tri kỉ. Và từ tri kỉ nảy sinh tình cảm mới, họ trở thành đồng chí: Dòng thơ thứ bảy với hai tiếng “Đồng chí” cùng với dấu chấm than tạo nên câu đặc biệt, như một bản lề gắn kết đoạn đầu và đoạn thứ hai. Hai tiếng “Đồng chí” vang lên đầy xúc động, tự hào. Nó như một phát hiện, một lời khẳng định về một tình cảm cách mạng mới mẻ: Tình đồng chí – sự kết tinh tình cảm của những người lính - tình cảm gắn bó, thân thiết của những con người cùng chung giai cấp, chung lí tưởng sống. Đồng chí là tên gọi</p>	<p>0.5</p> <p>4,5</p>
--	---	-----------------------

	<p>của một mối quan hệ có ý nghĩa thời đại, có ý nghĩa thiêng liêng. Là sự kết tinh của mọi cảm xúc, tình cảm cao đẹp.</p> <p>+ <i>Biểu hiện của tình đồng chí</i>: Tình đồng chí, đồng đội biểu hiện một cách cao đẹp khi những người lính cảm thông, thấu hiểu cho tâm tư nỗi lòng của nhau, cùng nếm trải, trải qua nỗi đau của bệnh tật, cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn nơi chiến trường, trong khó khăn họ truyền cho nhau hơi ấm -> sức mạnh của tình yêu thương, giúp họ vượt qua mọi khó khăn gian khổ. Chính tình yêu thương, sự gắn bó sâu nặng đã giúp người lính vượt qua tất cả, hơi ấm bàn tay, hơi ấm của tình đồng chí đồng đội đã nâng họ dậy.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>+ <i>Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí</i>: Vẻ đẹp của bức tranh rừng khuya với phong nền là cảnh rừng đêm giá rét, hình ảnh trung tâm là “Người lính, khẩu súng, vầng trăng”. Ba hình ảnh gắn kết tạo sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, điều đó đã giúp họ vượt lên tất cả những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ, thiếu thốn của cuộc chiến. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ giữa rừng hoang, sương muối, buốt giá mùa đông→ Bức tranh về tình đồng chí, biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính. Đặc biệt hình ảnh cuối bài thơ “Đầu súng trăng treo” - Hình ảnh thực, rất đẹp và thơ mộng, mang ý nghĩa biểu tượng: súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ làm cho bức tranh có vẻ đẹp vừa thực tế vừa thơ mộng, vừa mang tính chiến đấu vừa thấm đẫm chất trữ tình. Hai hình ảnh, bổ sung hài hoà cho nhau trở thành một biểu tượng đẹp về người lính cách mạng: lạc quan, yêu đời, mơ mộng, và ngời sáng vẻ đẹp bình dị mà cao cả - tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thấm thiết.</p> <p>* Qua việc ca ngợi vẻ đẹp của tình đồng chí và khắc họa thành công hình ảnh người lính, Chính Hữu đã mang đến cho thời đại ông một tình cảm thiêng liêng, cao cả: tình đồng chí. Tình cảm cao đẹp ấy góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến, trở thành mối quan hệ mang tầm vóc thời đại, trở thành cách sống của cả thời đại. Hình ảnh người lính trong bài thơ cũng trở thành hình tượng đẹp đẽ, mang tâm hồn, tư tưởng và những phẩm chất của con người Việt Nam trong những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống Pháp. Với bài thơ: “<i>Đồng chí</i>”, Chính Hữu đã ghi dấu ấn rất riêng của ông trong nền thơ ca Cách mạng Việt Nam. Đóng góp của ông không chỉ đơn giản là một bài thơ viết về tình đồng chí</p>	2,0
--	---	-----

	<p>mà còn qua bài thơ ấy, ông đã đem đến một “<i>cách sống của tâm hồn</i>” cho thời đại của mình. Đúng như Nguyễn Đình Thi đã nhận định: “<i>Những nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn</i>”.</p> <p><i>Luận điểm 2: “Cách sống của tâm hồn” mà Nhà thơ Chính Hữu đã mang đến thời đại trong bài thơ “Đồng chí” còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu thơ sóng đôi, đối xứng từng cặp hoặc từng câu => Sự gắn bó, chia sẻ. - Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành, đầm ấm - Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hoà, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng. <p><i>* Liên hệ với bài thơ “Khi con tu hú” của Tố Hữu để làm rõ hơn “cách sống của tâm hồn” mà những người nghệ sĩ lớn như Tố Hữu đã đem đến cho thời đại của họ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về tác giả Tố Hữu, hoàn cảnh ra đời của bài thơ: “<i>Khi con tu hú</i>”. - “<i>“Cách sống của tâm hồn” mà Nhà thơ Tố Hữu đã mang đến thời đại trong bài thơ “Khi con tu hú” là sự ca ngợi vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.</i> Bài thơ thể hiện một tâm hồn yêu cuộc sống, khát vọng tự do mãnh liệt của người tù cách mạng trẻ tuổi. Khát vọng tự do và lí tưởng cách mạng luôn thường trực, cháy bỏng trong tâm tư người tù, thôi thúc người tù đấu tranh và hành động. Bài thơ cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn người cộng sản trẻ tuổi. Người chiến sĩ gang thép đó có một thế giới nội tâm rất mực phong phú, rung động mãnh liệt với nhịp đập của cuộc sống, gắn bó thiết tha với quê hương ruộng đồng, và một niềm khát khao tự do cháy bỏng. Trong khắc nghiệt của lao tù, tâm hồn họ vẫn tràn đầy tự do và ánh sáng. Họ sống có lí tưởng và kiên định với lí tưởng trong bất kì hoàn cảnh nào. <p><i>*Điểm tương đồng và khác biệt:</i></p> <p><i>- Điểm tương đồng:</i></p> <p>+ Hình ảnh người tù cách mạng trong bài thơ: “<i>Khi con tu hú</i>” hay những người lính nông dân trong bài thơ: “<i>Đồng chí</i>” đều là những khuôn mẫu lí tưởng, những cách sống mà Tố Hữu và Chính Hữu muốn gửi đến và tạo dựng ở thời đại của họ. Đó là những con người mang tâm hồn và phẩm chất Việt Nam: yêu cuộc sống, đoàn kết, lạc quan, khát vọng tự do và say mê trong lí tưởng. Đó là những</p>	<p>2.0</p> <p>1.0</p>
--	---	-----------------------

	<p>mối quan hệ keo sơn, là biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí. Tất cả đã góp phần làm nên một thời kì lịch sử vẻ vang và hào hùng của dân tộc.</p> <p>+Hai tác phẩm đã mang những nét tiêu biểu về thời đại nhà văn sống đồng thời các nhà văn cũng gửi đến thời đại họ một cách sống cao đẹp của tâm hồn. Cách sống đó đã có sức ảnh hưởng, lan tỏa đến các thế hệ nối tiếp. Đồng thời, họ cũng nhắc nhở thế hệ mai sau trân trọng hòa bình, nuôi dưỡng sự lạc quan và xây dựng ước mơ, lí tưởng mới.</p> <p>*Điểm khác biệt</p> <p>+ <i>Cách sống của tâm hồn</i> mà hai nhà thơ mang đến cho thời đại cũng có nét khác biệt, cách thể hiện, sự sáng tạo riêng...Nếu “Đồng chí” của Chính Hữu là vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó thì “Khi con tu hú” của Tố Hữu là khát vọng tự do, lý tưởng sống cao đẹp của người tù cách mạng....</p> <p>+Có sự khác biệt ấy là do hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ; phong cách sáng tác và tài năng riêng của mỗi nghệ sĩ.</p> <p>* Đánh giá, nâng cao:</p> <p>- Ý kiến “<i>Những nghệ sĩ lớn đem tới được cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn</i>” của Nguyễn Đình Thi là hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ: Nhận định của ông ghi nhận sự cống hiến của những người nghệ sĩ chân chính. Khẳng định tên tuổi, vai trò của họ trong việc bồi dưỡng tâm hồn và cách sống của thời đại.</p> <p>Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu đã mang đến cho thời đại “một cách sống của tâm hồn” thật cao đẹp: Vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó.</p> <p>- Bài học cho người cầm bút: Am hiểu đời sống hiện thực, phản ánh hiện thực bằng tình yêu, bằng sự chân thành để mang tới thời đại của mình tiếng nói cao cả, tiếng nói của lương tri, của tình yêu thương, sự ngợi ca....</p> <p>- Đối với bạn đọc: người đọc biết trân trọng, nâng niu những tác phẩm văn học có giá trị, luôn hướng tới những tình cảm cao đẹp mà tác phẩm đề cập.</p>	1
	<p>d. <i>Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</i></p>	0,25
	<p>e. <i>Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i></p>	0,25

Lưu ý chung:

1. Đây là đáp án mở, thang điểm có thể không quy định chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của phần nội dung lớn nhất thiết phải có.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.
5. Cần trừ điểm đối với những lỗi hành văn, ngữ pháp và chính tả.

ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Trí thức giống như ngọn đèn trong đêm tối, soi sáng con đường chông gai phía trước. Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn. Trí tuệ giống như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan bóng tối lạnh giá. Đấng tạo hóa có trí tuệ thì mới tạo ra một thế giới diệu kì, nhân loại có trí tuệ chỉ đường sẽ bước sang thế giới hiện đại văn minh. Khi có trí tuệ bạn sẽ dễ dàng gạt hái được nhiều thành công trong cuộc sống. Bảy trăm năm trước, Giovanni Boccaccio đã nói: “Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người”. Thật vậy, có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.”

(Trích Lời nói đầu, Kỹ năng sống dành cho học sinh, sự kiên cường - Ngọc Linh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

Câu 2. Theo tác giả, tại sao Giovanni Boccaccio nói "Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người?"

Câu 3. Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh trong câu: “Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn”.

Câu 4. Theo em, cuộc sống con người sẽ ra sao nếu chúng ta không chú trọng đến việc phát triển trí tuệ?(Trình bày bằng một đoạn văn từ 7 – 10 câu)

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 1. (4 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu em hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ về việc cần làm để phát triển trí tuệ của bản thân.

Câu 2. (10,0 điểm):

Cảm hứng trữ tình trong bài thơ “**Đoàn thuyền đánh cá**” của Huy Cận. Liên hệ với bài thơ “**Quê hương**” của Tế Hanh (Ngữ Văn lớp 8 Tập II) để thấy rõ nét tương đồng và khác biệt trong cảm hứng trữ tình của hai nhà thơ.

Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I	ĐỌC HIỂU	6.0
1	Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	1.0
2	- Theo tác giả, Giovanni Boccaccio nói "Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người" vì: có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.	1.0

- 3 - Hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh: giúp ta hình dung, gia tăng trí tưởng tượng khi so sánh trí tuệ với chiếc chìa khóa diệu kì. Giúp câu văn trở nên cụ thể hơn và người đọc hình dung rõ hơn thế là nào trí tuệ tựa như chiếc chìa khóa có thể khai phá, mở ra một thế giới mới. 2.0
- 4 Nếu không phát triển trí tuệ thì: 2.0
- Tự bản thân chúng ta trở nên lạc hậu, không theo kịp thời đại
 - Chúng ta không thể tiếp thu kiến thức, chậm tư duy, giảm khả năng nhận thức về vấn đề
 - Tạo nên tính cách phụ thuộc, dựa dẫm, thụ động trong cuộc sống

II TẠO LẬP VĂN BẢN 14.0

1 A. Yêu cầu về kĩ năng. 1

Biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội kết cấu chặt chẽ, rõ ràng, lập luận chắc chắn; diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

B. Về kiến thức: 3

1 - Giới thiệu vấn đề nghị luận: tinh thần lạc quan trong cuộc sống 0.25

2. Giải thích Lạc quan là gì? 0.5

- Lạc quan là thái độ sống
- Lạc quan là luôn vui tươi, vui cười dù có bất kì chuyện gì xảy ra - Lạc quan như là một liều thuốc bổ cho cuộc sống tươi đẹp hơn.

2. Bàn luận về tinh thần lạc quan 1.25

- Lạc quan sẽ tạo nên cuộc sống tươi đẹp cho tất cả mọi người
- Giúp chúng ta biết sống một cách có ý nghĩa hơn
- Giúp con người tránh khỏi những hiểm họa trong cuộc sống
- Những người lạc quan thường thành công trong cuộc sống và công việc

4. Biểu hiện của tinh thần lạc quan

- Luôn tươi cười dù có chuyện gì xảy ra - Luôn yêu đời
 - Luôn bình tĩnh xử lí mọi tình huống dù có chuyện gì xảy ra
3. Một số tấm gương về tinh thần lạc quan
- Bác Hồ ở trong tù vẫn có thể sáng tác thơ, ngắm trăng
 - Các bệnh nhân ung thư vẫn lạc quan để chiến đấu bệnh tật để giành giật sự sống - Các em bé mồ côi vẫn lạc quan sống để mong ngày gặp lại cha mẹ của mình

4 Bài học thông điệp: 1.0

- Đây là một tinh thần rất tốt, giúp con người vượt qua số phận
- Bên cạnh đó nó còn có những tác động xấu khi con người có tinh thần lạc quan thái quá

- 2 a. *Yêu cầu về kĩ năng: Đảm bảo một bài văn nghị luận có bố cục ba phần rõ ràng, hợp lí; tổ chức sắp xếp ý một cách logic chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc; chữ viết rõ ràng, cẩn thận; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và lỗi diễn đạt. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các 1

luyện điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.

b. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh nêu được những ý sau:

9

Triển khai vấn đề thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau:

1. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề cần nghị luận:

0,5

- Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới. Sau cách mạng ông nhanh chóng hòa nhập vào cuộc kháng chiến vĩ đại và trường kì của dân tộc. Hòa bình lập lại từng trang thơ của ông ấm áp hơi thở cộc sồn đang lên.

- Bài thơ được viết vào năm 1958, khi đất nước đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và đi vào xây dựng cuộc sống mới. Không khí hào hứng, phấn chấn, tin tưởng bao trùm trong đời sống xã hội và ở khắp nơi dấy lên phong trào phát triển sản xuất xây dựng đất nước. Chuyển thâm nhập thực tế ở vùng mở Quảng Ninh vào nửa cuối năm 1958 đã giúp nhà thơ Huy Cận thấy rõ và sống trong không khí lao động ấy của nhân dân ta, góp phần quan trọng mở ra một chặng đường mới trong thơ Huy Cận.

- Mạch cảm xúc bao trùm bài thơ là cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và hình ảnh con người lao động. Đó là cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kì miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội vốn là một nét nổi bật của hồn thơ Huy Cận. Sự thống nhất của hai nguồn cảm hứng ấy đã tạo ra những hình ảnh rộng lớn, tráng lệ, lung linh của bài thơ này.

1,5

2. Triển khai làm rõ vấn đề cần nghị luận:

* Cảm hứng về thiên nhiên: Cảnh hoàng hôn trên biển được miêu tả bằng một hình tượng độc đáo:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa”

Với sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ như thần thoại. Vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ với những lượn sóng hiền hoà gổ đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa. Phác họa được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thế hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhạy cảm.

- Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người

bắt đầu làm việc

+ Màn đêm mở ra đã khép lại không gian của một ngày. Giữa lúc vũ trụ, đất trời như chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi thì ngược lại, con người bắt đầu hoạt động: “*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi. Câu hát căng buồm trong gió khơi.*” -> Sự đối lập này làm nổi bật tư thế lao động của con người trước biển cả.

+ Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết định dứt khoát, đất trời vào đêm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động không ít vất vả.

+ Hình ảnh “câu hát căng buồm” - cánh buồm căng gió ra khơi” là ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

- Nét tâm hồn của người dân chài được thể hiện qua câu hát làm nổi bật hơn.

Hát rằng cá bạc biển Đông lặng

Cá thu biển đông như đoàn thoi

Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng

Đến dẹt lưới ta đoàn cá ơi.

2,0

- Họ hát khúc hát ca ngợi sự giàu có của biển cả. Họ hát bài ca gọi cá vào lưới, mong muốn công việc đánh cá thu được kết quả tốt đẹp.

* Cảm hứng về cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển bao la, hùng vĩ dưới ánh sáng của trăng.

- Mỗi khổ thơ là một nét vẽ về biển trời, sóng nước, trăng sao có nhiều yếu tố lãng mạn, tràn đầy tưởng tượng dựa trên những yếu tố hiện thực của đời sống trong đó con người hiện lên trong dáng vẻ trẻ trung, khỏe mạnh và yêu đời.

- Biển rộng lớn mênh mông và khoáng đạt trong đêm trăng sáng. Trên mặt biển đó, có một con thuyền đang băng băng lướt đi trên sóng:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dạm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng

- Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây đã trở thành một con thuyền đặc biệt có gió là người cầm lái, còn trăng là cánh buồm. Con thuyền băng băng lướt sóng ra khơi để “dò bụng biển”. Công việc đánh cá được dàn đan như một thế trận hào hùng. Tư thế và khí thế của những ngư dân

thật mạnh mẽ, đầy quyết tâm giữa không gian bao la của biển trời. Như vậy, tầm vóc của con người và đoàn thuyền đã được nâng lên hòa nhập vào kích thước của thiên nhiên vũ trụ. Không còn cái cảm giác nhỏ bé lẻ loi khi con người đối diện với trời rộng sông dài như trong thơ Huy Cận trước cách mạng. Hình ảnh thơ thật lãng mạn bay bổng và con người có tâm hồn cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên

- Biển giàu đẹp nên thơ và có nhiều tài nguyên và còn rất ân nghĩa thủy chung, bao la như lòng mẹ.:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc
Đêm thở sao lùa nước Hạ Long*

- Huy Cận đã ngợi ca sự giàu có của biển cả bằng cách liệt kê tên các loài cá và tập trung miêu tả màu sắc của chúng trong đêm trăng. Những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh quả là hình ảnh ấn dụ độc đáo. Cảnh biển về đêm mới đẹp đẽ và thi vị làm sao!

- “Đêm thở sao lùa nước Hạ Long” là hình ảnh nhân hóa đẹp. Đây là một hình ảnh lạ - một sáng tạo nghệ thuật của Huy Cận khiến cho cảnh thiên nhiên thêm sinh động.

- Biển cho con người cá, nuôi lớn con người. Những người dân chài đã hát bài ca gọi cá vào với họ:

*Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc lao động đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng với con người hòa đồng trong lao động. Câu thơ “biển cho ta cá như lòng mẹ. Nuôi lớn đời ta tự buổi nào” là một lời hát ân tình sâu sắc trong bài ca lao động say sưa thơ mộng, hùng vĩ và đầy lòng biết ơn.

- Một đêm trôi đi thật nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng hăng say:

*Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vảy bạc đuôi vàng lóe rạng*

1,0

đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng
hồng

Những đôi bàn tay kéo lưới nhanh thoăn thoắt gợn lên vẻ đẹp rắn rỏi, khỏe mạnh với những bắp tay cuộn cuộn của người dân chài khi kéo mẻ lưới đầy cá nặng. Từ phía chân trời bắt đầu bừng sáng. Khi mẻ lưới được kéo lên, những con cá quẫy dưới ánh sáng của rạng đông và lóe lên màu hồng gợn khung cảnh thật rạng rỡ huy hoàng, tươi đẹp. Câu thơ “lưới xếp buồm lên đón nắng hồng” tạo một sự nhịp nhàng giữa sự lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ.

* Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên đường trở về trong niềm vui của thành quả lao động:

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

- Đoàn thuyền đánh cá đã ra đi vào lúc hoàng hôn trong tiếng hát và trở về vào lúc bình minh cũng trong tiếng hát. Những câu thơ được lặp lại như một điệp khúc của một bài ca lao động. Nếu như tiếng hát lúc trước thể hiện niềm vui khi lao động thì tiếng hát sau lại thể hiện sự phấn khởi vì kết quả lao động sau một đêm làm việc hăng say. Họ trở về trong tư thế mới “chạy đua cùng mặt trời”. Từ “chạy đua” thể hiện khí thế lao động mạnh mẽ, sức lực vẫn dồi dào của người lao động. Đoàn thuyền được nhân hóa, cả mặt trời cũng tham gia vào cuộc chạy đua này và kết quả con người đã chiến thắng.

- Khép lại bài thơ nhưng lại mở ra một cảnh tượng thật kì vĩ và chói lọi. Mặt trời từ từ nhô lên trên sóng nước xanh lam, chiếu tỏa ánh sáng rực rỡ, cảnh biển bừng sáng và còn đẹp hơn với kết quả lao động. Con thuyền chở về khoang nào cũng đầy ắp cá. Mắt cá phản chiếu ánh mặt trời giống như muôn vàn mặt trời nhỏ li ti. Đó thật sự là một cảnh tượng đẹp, huy hoàng giữa bầu trời và mặt biển, giữa thiên nhiên và thành quả lao động.

3. Giải thích làm rõ khái niệm cảm hứng trữ tình.

- Giải thích khái niệm trữ tình: là sự bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp trước hiện tượng đời sống. Trong thơ, cảm hứng trữ tình là yếu tố đầu tiên hình thành, là mạch cảm xúc xuyên suốt, chi phối hệ thống hình tượng nghệ thuật của toàn tác phẩm. Cảm hứng trữ tình trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận và bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh vừa có nét tương đồng vừa có nét khác biệt.

4. Chỉ rõ nét tương đồng trong cảm hứng trữ tình của hai

bài thơ.

- Cảm hứng của hai bài thơ đều được khơi gợi từ những tình cảm về quê hương, đất nước về thiên nhiên và hình ảnh con người lao động mà đều là những người dân biển với công việc đánh bắt cá, chinh phục biển khơi vô cùng vất vả, gắn với hình ảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá. Cảm hứng được bộc lộ theo hành trình một chuyến ra khơi của đoàn thuyền.
- Thiên nhiên trong hai bài thơ được cảm nhận rất đẹp, con người lao động khỏe khoắn, say mê lao động.
- Cảm hứng trữ tình trong hai bài thơ đều gắn liền với tình yêu quê hương yêu cuộc sống, yêu những con người lao động bình dị và thể hiện niềm vui, niềm tự hào của các nhà thơ.
- Cảm xúc của hai tác giả đều được thể hiện bằng giọng tha thiết, bay bổng, lãng mạn. Âm hưởng thơ khỏe khoắn, hào hùng như khúc tráng ca về lao động.

5. Nét khác biệt trong cảm hứng trữ tình ở hai bài thơ:

a, Cảm hứng trữ tình được thể hiện trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.

- Cảm hứng được khơi gợi bắt đầu từ một hình ảnh đẹp: thiên nhiên và hình ảnh con người lao động, đoàn thuyền ra khơi đánh cá ở vùng mỏ Quảng Ninh trong chuyến đi thực tế của tác giả được sống và thâm nhập với cuộc sống của nhân dân nơi đây .
- Cảm hứng được bộc lộ theo hành trình một chuyến ra khơi của đoàn thuyền: bắt đầu ra khơi vào lúc hoàng hôn, thời gian làm việc là suốt đêm và trở về vào buổi sáng bình minh ngày hôm sau. 0,5
- Cảnh thiên nhiên đan lồng thống nhất hài hòa với hình ảnh con người lao động tạo nên nét đẹp của cuộc sống mới, con người khỏe khoắn trong tâm thế chinh phục thiên nhiên, làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời. Cảm hứng của Huy Cận trong bài thơ thuộc vào cảm hứng lãng mạn của những con người mới thực sự làm chủ cuộc đời- miền Bắc đang bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới. Hồn thơ Huy Cận dạt dào cảm xúc.

b, Cảm hứng trữ tình được thể hiện trong bài thơ “ Quê hương” của Tế Hanh:

- Cảm hứng trữ tình được khơi gợi từ một hình ảnh quê hương tác giả trong đời sống sinh hoạt ầm áp, thường nhật, gần gũi, thân quen của quê hương đó là: làng chài nhỏ ven biển làm nghề chài lưới.
- Cảm hứng được khơi gợi khi tác giả đang sống xa quê hương, nhớ quê, mạch cảm xúc bắt nguồn từ tình yêu quê hương mình. - Cảm hứng được bộc lộ theo hành trình một chuyến ra khơi của đoàn thuyền: bắt đầu ra khơi vào lúc bình minh- một ngày mới , thời gian làm việc của đoàn thuyền là

ban ngày và trở về vào ngày hôm sau.

- Cảm nhận chủ yếu về vẻ đẹp của con người và cuộc sống của người dân quê hương tác giả trong cuộc sống mưu sinh trên sông nước trước cách mạng.

- Cái làng chài nhỏ chính là nguồn sống, di dưỡng tâm hồn nhà thơ, là điểm hướng về để tác giả viết nên những vần thơ tha thiết.

6. Đánh giá khái quát: Nét tương đồng trong cảm hứng của hai nhà thơ, cho thấy sự gần gũi về quan niệm thẩm mỹ, quan niệm nhân sinh của hai tác giả. Tiếng nói trữ tình đó tiêu biểu cho suy nghĩ, tình cảm của cả một thế hệ nhà thơ và của cả dân tộc.

- Sự khác biệt trong cảm hứng ở hai bài thơ đều xuất phát từ tài năng, cá tính sáng tạo của mỗi thi sĩ đã đem lại sự đa điệu, đa vẻ cho thơ ca trữ tình hiện đại Việt Nam

*** Lưu ý:**

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của thí sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý, cho điểm.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lý lẽ thuyết phục.
4. Đối với những bài viết chỉ nêu chung chung, sáo rỗng, dẫn dắt vấn đề không hợp lý không cho điểm cao.

**PHÒNG GD&ĐT
CẤP TỈNH LỚP 9
HUYỆN HẬU LỘC**

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐỘI TUYỂN HSG

NĂM HỌC 2022-2023

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Leo lên đỉnh núi không phải để ngắm cò mà là để vượt qua thách thức, tận hưởng bầu không khí và ngắm nhìn quang cảnh rộng lớn xung quanh. Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em. Hãy đến Paris để tận hưởng cảm giác đắm chìm trong Paris chứ không phải lướt qua đó để ghi Paris vào danh sách các địa điểm các em đã đi qua và tự hào mình là con người từng trải. Tập luyện những suy nghĩ độc lập, sáng tạo và táo bạo không phải để mang lại sự thỏa mãn cho bản thân mà là để đem lại lợi ích cho 6,8 tỷ người trên trái đất của chúng ta. Rồi các em sẽ phát hiện ra sự thật vĩ đại và thú vị mà những kinh nghiệm trong cuộc sống mang lại,

đó là lòng vị tha mới chính là điều tốt đẹp nhất mà các em có thể làm cho bản thân mình. Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả. Bởi tất cả mọi người đều như thế.

(Trích Bài phát biểu tại buổi lễ tốt nghiệp trường trung học Wellesley của thầy Hiệu trưởng David McCullough – Theo <http://ehapu.edu.vn>, ngày 5/6/2012)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. (1,5 điểm) Em hiểu thế nào về câu nói sau: “Leo lên đỉnh núi không phải để ngắm cò mà là để vượt qua thách thức, tận hưởng bầu không khí và ngắm nhìn quang cảnh rộng lớn xung quanh.”?

Câu 3. (1,5 điểm) Theo em, vì sao tác giả cho rằng: “Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả.”?

Câu 4. (2,0 điểm) Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với em?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em.”.

Câu 2 (10,0 điểm)

“Tất cả những gì gây xúc động với niềm vui, nỗi buồn, thú say mê, sự đau khổ... kết lại và tạo nên thơ” (Bi-ê-lin-x-ki)

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Bằng những kiến thức đã học trong bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt (Ngữ văn 9, tập I), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Định hướng chung:

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn và kì thi chọn HSG, bài làm của thí sinh cần được đánh giá linh hoạt.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

3. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, có kiến giải riêng nhưng phải thuyết phục.

4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

II. Hướng dẫn cụ thể:

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	
------	-----	------------------	--

			Điểm
Độc hiểu	1	Phương thức biểu đạt chính : nghị luận.	1,0
	2	-Hs giải thích được các cụm từ có ý nghĩa trong câu nói: + “Cắm cờ”: là một hành động thể hiện việc đã ghi được một thành tích, thể hiện sức mạnh, chủ quyền. +“Bầu không khí”, “quang cảnh xung quanh”: là thành quả có được sau một hành trình gian khổ, nỗ lực, cố gắng phấn đấu. => Ý nghĩa của câu nói: Không nên quan niệm phấn đấu để đạt được thành tích mà cần chú ý đến những trải nghiệm. Học sinh không chỉ chú ý đến những kiến thức trong sách vở, mà còn là những trải nghiệm cuộc sống, những thất bại và những lần va vấp. Những trải nghiệm và thất bại đó chính là chìa khoá thành công trong tương lai. Mục tiêu thật sự của giáo dục không phải là thành tích, là sự “cắm cờ” mà sự hiểu biết, kĩ năng trải nghiệm mới là điều quan trọng.	0,25 0,25 1,0
	3	* Tác giả cho rằng: “Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả” là vì: - Các em học sinh đều sống trong sự bao bọc cẩn thận, chiều chuộng, nâng niu mỗi ngày. Người lớn luôn chăm sóc các em cẩn thận, chu đáo. Họ dạy dỗ, hướng dẫn, lắng nghe, động viên và an ủi các em. Các em luôn được nghe những lời dỗ ngon ngọt, được người lớn khen ngợi. Việc học tập của các em cũng giống như bao bạn học sinh khác, những thành tích mà các em đạt được cũng có nhiều bạn khác làm được nên các em không có gì đặc biệt, khác biệt. - Khi các em nhận ra mình “ <i>chẳng có gì đặc biệt</i> ” cũng là lúc các em hiểu được vị trí của mình trong xã hội, mình là ai, các em sẽ nhận ra rằng thế giới ngoài kia rộng lớn và kì vĩ vô cùng. Vì vậy các em nên tự trau dồi vốn sống, những kĩ năng, những trải nghiệm, tìm tòi và khám phá về thế giới và cuộc sống xung quanh, luôn khao khát, ước mơ và đề ra mục tiêu phấn đấu. Chính điều đó mới làm nên sự khác biệt ở bản thân mỗi người.	0,75 0,75
	4	- Học sinh tự chọn cho mình một thông điệp mà bản thân cho là có ý nghĩa nhất. Sau đó, giải thích vì sao chọn thông điệp đó. Sau đây là một vài gợi ý: + Chúng ta không chỉ chú ý đến những kiến thức trong sách vở, mà còn là những trải nghiệm cuộc sống, những thất bại và những lần va vấp. Những trải nghiệm và thất bại đó chính là chìa khoá thành công trong tương lai. +Mục tiêu thật sự của giáo dục không phải là thành tích, là sự “cắm cờ” mà sự hiểu biết, kĩ năng trải nghiệm mới là điều	2,0

	<p>mình đã làm được điều mà người khác không thể thực hiện. Từ đó ta có tâm lý tự cao, tự đại, cho rằng là mình hơn người khác, mình đã làm được điều đặc biệt, mình là “trung tâm” của vũ trụ. Quan niệm đó là sai lầm. Đó chính là lí do khiến chúng ta tự đánh mất mình.</p> <p>- Ngược lại: Khi chúng ta đạt đến đỉnh vinh quang, đạt được những thành công chúng ta nên ngắm nhìn lại những nỗ lực, những trải nghiệm mà mình đã trải qua, những thất bại và những lần vấp ngã, chúng ta không nên “ngủ quên trên chiến thắng”. Chúng ta cần phải biết nhìn nhận lại hành trình đã đi qua, cách mà chúng ta “đứng dậy” sau những thất bại, vấp ngã để rút cho mình những bài học kinh nghiệm. Chúng ta cần biết cách chinh phục nhiều “ngọn núi” trong cuộc đời mỗi người.</p> <p>- Leo lên đỉnh núi cao không phải để “thế giới nhận ra các em” là vì: Cuộc sống là muôn màu, muôn vẻ, nếu coi việc ghi được những thành tích cao để người đời ca tụng là thể hiện lối sống bằng lòng thoả mãn với những gì mình đang có mà không còn ý thức vươn lên nữa.</p> <p>(Hs lấy ví dụ phù hợp minh họa)</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>- Nhận thức: câu nói có ý nghĩa vô cùng quan trọng giúp tuổi trẻ hiểu được giá trị của bản thân của mình.</p> <p>- Hành động: Làm thế nào để chinh phục những “đỉnh núi”</p> <p>+ Trang bị những kiến thức rèn luyện sức khoẻ, phương pháp chinh phục những kĩ năng, kiến thức.</p> <p>+ Rèn luyện ý chí, nghị lực, lòng quyết tâm và thói quen tốt mỗi ngày của bản thân.</p>	0,5
	d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.	0,25
2	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận có đầy đủ 3 phần:</i> Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p>	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i>, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau:</p> <p>1. Giải thích nhận định.(1,0 điểm)</p> <p>- <i>Những gì gây xúc động:</i> hiện thực cuộc sống tác động đến tâm lí và mang lại nguồn cảm hứng sáng tác cho người nghệ sĩ.</p>	<p>9.0</p> <p>1,0</p>

	<p>- Niềm vui, nỗi buồn, thú say mê, sự đau khổ...: những biểu hiện tâm lí phong phú, sinh động nơi người nghệ sĩ. =>Ý kiến khẳng định về đặc trưng của thơ: yếu tố quyết định để có được một tác phẩm thơ là tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ.</p> <p>2. Chứng minh nhận định</p> <p>2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>- Bằng Việt là một nhà thơ tiêu biểu của thế kỉ XX và là đại diện xuất sắc của phong trào thơ trẻ thời chống Mỹ. “<i>Với cách nhìn cuộc sống bằng con mắt thấm đượm tình yêu, thơ anh đã nói lên được điều sâu nặng, đầy âm vang về đất nước, con người, dân tộc</i>”. (Hồng Thọ).</p> <p>- Bài thơ “Bếp lửa”: Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình cho mỗi người đọc qua dòng hồi tưởng của cháu về kỷ niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa – qua tình cảm bà cháu của nhân vật trữ tình.</p> <p>2.2. Chứng minh</p> <p>Luận điểm 1: Bài thơ “Bếp lửa” được viết từ những cảm xúc có thật nơi trái tim tác giả Bằng Việt</p> <p>Hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ: Viết 1963 khi tác giả đang du học ở Liên xô (cũ), nơi lạnh giá xứ người xa quê hương, xa người bà đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu. (HS phân tích thêm hoàn cảnh ra đời của tác phẩm)</p> <p>Luận điểm 2: Bài thơ “Bếp lửa” đã thể hiện được những cung bậc cảm xúc của Bằng Việt về tình cảm bà cháu, tình yêu quê hương đất nước sâu nặng, thiết tha</p> <p>* Hình ảnh bếp lửa đã khơi gợi cảm xúc về bà, về quê hương của người cháu:</p> <p><i>Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh người bà với sự chăm sóc, lo toan, vất vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu</i> (HS phân tích, bình giá 3 câu thơ đầu của bài thơ).</p> <p>+Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ.</p> <p>+ Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: Tình thương tràn đầy của cháu được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của bà “<i>Cháu thương bà biết mấy nắng mưa</i>”.</p> <p>*Kí ức tuổi thơ đầy vất vả, thiếu thốn nhưng ấm áp tình bà</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>4,5</p>
--	---	----------------------------------

	<p>được sống dậy, xôn xao.</p> <p>+ <i>Hồi ức khi lên bốn tuổi:</i></p> <p>+) Những chi tiết thơ “Đói mòn đói mỏi”, “khô rạc ngựa gầy” đậm chất hiện thực đã tái hiện lại hình ảnh xóm làng xơ xác, tiêu điều cùng những con người vật lộn mưu sinh. Trải qua cái đói quay, đói quắt Bằng Việt mới viết được những câu thơ chân thực đến thế!</p> <p>+) Ấn tượng nhất đối với cháu trong những năm đói khổ là mùi khói bếp của bà – mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại “sống mũi còn cay”.</p> <p>+ <i>Hồi ức về những kỉ niệm ở bên bà tám năm ròng:</i></p> <p>+) Tám năm ròng cháu sống cùng bà” – tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu. (phân tích dẫn chứng).</p> <p>+) Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về (phân tích dẫn chứng).</p> <p>-> Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến cả bài thơ nhuộm màu bằng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong truyện cổ tích.</p> <p>+ <i>Trong kí ức của người cháu còn đọng lại kỉ niệm hình ảnh người bà giàu đức hi sinh trong những năm giặc tàn phá làng xóm cháy tàn cháy rụi:</i></p> <p>+) Chi tiết thơ đậm chất hiện thực, thành ngữ “cháy tàn cháy rụi” đem đến cảm nhận về hình ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa của chiến tranh. Đặc biệt là lời dặn cháu của bà đã làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh (phân tích dẫn chứng)</p> <p>+) Bà là chỗ dựa cho cháu, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Tình cảm bà cháu hòa quyện trong tình yêu quê hương, Tổ quốc. (phân tích dẫn chứng)</p> <p>+ <i>Trong tận sâu thẳm tâm trí của cháu, hình ảnh bà và những kỷ niệm tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa- ngọn lửa quê nhà:</i></p> <p>+) Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Ngọn lửa là kỉ niệm ấm lòng, là</p>	
--	---	--

	<p>niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu (phân tích dẫn chứng). -Cùng với hình tượng “ngọn lửa”, các từ ngữ chỉ thời gian: “rồi sớm rồi chiều”, các động từ “nhen”, “ủ sẵn”, “chứa” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến. (phân tích dẫn chứng).</p> <p>=> Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, bài thơ đã gọi đến ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.</p> <p>- Những suy ngẫm của cháu khiến cảm xúc về bà càng thêm sâu sắc:</p> <p>+Cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “Mấy chục năm”, từ láy tượng hình “lặn đận”, hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” -> diễn tả cảm nhận của nhà thơ về cuộc đời gian nan, vất vả và sự tàn tảo, đức hi sinh, chịu thương, chịu khó của bà.</p> <p>+ Suốt cuộc đời, bà luôn chăm chút cho cháu cả về vật chất và tinh thần để cháu lớn lên. Bà là người nhóm lửa, cũng là người luôn giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng, tỏa sáng trong gia đình.</p> <p>+Điệp ngữ “nhóm” được nhắc lại bốn lần với những ý nghĩa phong phú, gợi nhiều liên tưởng. Từ hành động, bà đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhóm lên những yêu thương, những niềm vui san sẻ cùng mọi người, nhóm dậy cả tâm tình, ước vọng tuổi thơ của cháu. Nhờ ngọn lửa mà bà “ủ”, bà “nhen”, bà “giữ”, cháu biết cách sống ân nghĩa, thủy chung, biết mở lòng ra với mọi người xung quanh, biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng. Bởi vậy, trong tâm trí nhà thơ, bếp lửa và bà tuy bình dị nhưng ẩn giấu điều cao quý thiêng liêng: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”. Hình ảnh bà và hình ảnh bếp lửa sáng đẹp lung linh trong tâm hồn nhà thơ....</p> <p>=> Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp, thêm huyền ảo như trong truyện. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn đứa cháu để mai này cháu khôn lớn thành người.</p> <p>- Tình cảm dành cho bà luôn tồn tại mãi dù có sự thay đổi về thời gian, không gian.</p> <p><i>Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành. Cháu đã được sống</i></p>	
--	--	--

	<p>với những niềm vui rộng mở, nhưng cháu vẫn không thể quên bếp lửa của bà, vẫn không nguôi nhớ thương bà. Nỗi nhớ bà, nhớ quê hương khôn nguôi, da diết (Hs phân tích, bình giá khổ thơ cuối):</p> <p>+Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, cháu giờ đã lớn khôn, đã được chấp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có “khói trăm tàu”, “lửa trăm nhà”, “niềm vui trăm ngả”. Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau.</p> <p>+Kết thúc đoạn thơ là câu hỏi tu từ: “<i>Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?</i>”, mỗi ngày cháu đều nhớ về bà và bếp lửa của bà. Hình ảnh ấy đã trở thành kỉ niệm thiêng liêng làm ấm lòng, nâng đỡ cháu trên những bước đường đời.</p> <p>+Từ việc lưu giữ kỉ niệm cùng cảm xúc trào dâng cuối cùng kết đọng lại thành <i>tâm niệm suy tư, thành điểm tựa tinh thần và từ tình cảm gắn bó với người bà đã được nâng lên thành tình yêu thương gắn bó sâu sắc với quê hương, đất nước.</i></p> <p>-> Người cháu nhớ về bà, biết ơn bà, nhờ hiểu bà mà thêm hiểu nhân dân, đất nước, dân tộc mình. Bếp lửa và bà đã trở thành biểu tượng của quê hương, xứ sở.</p> <p>Luận điểm 3: Những cung bậc cảm xúc của Bằng Việt về tình cảm bà cháu, tình yêu quê hương đất nước sâu nặng, thiết tha trong bài thơ “Bếp lửa” được thể hiện qua nghệ thuật đặc sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và bình luận. - Thể thơ tám chữ (kết hợp linh hoạt với bảy chữ và chín chữ) phù hợp diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm sâu xa. - Giọng điệu tâm tình thiết tha, tự nhiên, chân thành phù hợp với lời tâm tình của đứa cháu với bà. - Bài thơ sáng tạo được hình ảnh “bếp lửa” vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Trong bài có tới 10 lần tác giả nhắc tới bếp lửa và hiện diện cùng bếp lửa là hình ảnh người bà. Hai hình ảnh đó gắn bó mật thiết, vừa tách bạch, vừa nhòe lẫn trong nhau, tỏa sáng trong nhau. Bếp lửa là biểu tượng về sự tảo tần, chăm sóc, tình yêu thương và sức sống bền bỉ của bà. Bếp lửa gắn với những khó khăn, gian khổ của đời bà. Bếp lửa là gia đình, quê hương, đất nước, là cội nguồn của mỗi con người. - Hình tượng bếp lửa được khắc sâu bởi cách thể hiện độc đáo qua giọng điệu, nhịp điệu, lối trùng điệp. Giọng điệu là 	1,0
		1,0

	<p>giọng nồng đượm của lửa. Và nhịp điệu là nhịp bập bùng của lửa. Lời thơ cứ tràn ra, dâng lên mỗi lúc thêm nồng nàn, ấm nồng.</p> <p>3. Đánh giá.</p> <p>- Ý kiến khẳng định đặc trưng của thơ; giúp người viết ý thức nhiều hơn về cảm xúc của bản thân trước cuộc đời, để tạo cảm hứng sáng tác.</p> <p>- Bài thơ “Bếp lửa” của nhà thơ Bằng Việt đã bộc lộ được những tình cảm, cảm xúc chân thành, sâu lắng của những nhà thơ chân chính về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.</p> <p>- Bài học cho người sáng tạo và người tiếp nhận:</p> <p>+ Nhà thơ cần có vốn sống dồi dào, hiểu biết về ngôn ngữ và nghệ thuật thơ ca. Tài năng và nhiệt huyết, với những rung cảm chân thành và nóng hổi sẽ là những cơ sở quan trọng của câu thơ, bài thơ để đời.</p> <p>+ Người đọc được cảm nhận sâu sắc hơn về tình cảm của tác giả; trân trọng những cảm xúc lắng đọng trong từng tác phẩm...</p>	
	<i>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có sự sáng tạo riêng của người viết.</i>	0,25
	<i>e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp.</i>	0,25

KỶ THI CHỌN ĐỘI DỰ TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC 2019-2020

ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Đề bài:

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc phần văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Con đề dài hun hút như cuộc đời. Ngày về thăm ngoại, trời chột nắng, chột râm. Mẹ bảo:

- Nhà ngoại ở cuối con đề.

Trên đề chỉ có mẹ, có con.

Lúc nắng, mẹ kéo tay con:

- Đi nhanh lên, kéo nắng vớ đầu ra.

Con cố.

Lúc râm, con đi chậm, mẹ mắng:

- Đang lúc mát trời, đi nhanh lên, kéo nắng đến bây giờ.

Con ngỡ ngàng: sao nắng, râm đều phải vội?

Trời vẫn nắng, vẫn râm ...

... Mẹ mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: đời, lúc nào cũng phải nhanh lên!

(Theo vinhvien.edu.vn)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản. Đặt tên cho văn bản trên. (1,0 điểm)

Câu 2. “... Mẹ mẹ cỏ xanh, con mới hiểu: đời, lúc nào cũng phải nhanh lên!”
Xác định biện pháp tu từ và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng biện pháp đó trong câu văn trên. (1,0 điểm)

Câu 3. Ý nghĩa của hình ảnh bóng nắng và bóng râm trong câu chuyện trên?
(2,0 điểm)

Câu 4. Thông điệp sâu sắc nhất mà anh chị rút ra từ văn bản là gì? (2,0 điểm)

II. LÀM VĂN (14 điểm)

Câu 1: (4 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của **sự nỗ lực trong cuộc sống** được gợi ra từ câu chuyện trên?

Câu 2: (10 điểm)

*Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật
Một giọt mật thành, đời vạn chuyển ong bay
Nay rìng nhẵn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc,
Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây”.*

(Tuyển tập Chế Lan Viên, *Ong và mật*, NXB Văn học, 1985)

Khổ thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ? Qua bài thơ **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận, liên hệ với bài thơ **Quê hương** của Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ điều đó?

HƯỚNG DẪN CHẤM - MÔN NGỮ VĂN
KỲ THI CHỌN ĐỘI DỰ TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC: 2019-2020

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0đ
	1	- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự. - Đặt tên cho văn bản.VD: Bóng râm, bóng nắng (HS có thể đặt nhan đề khác nhưng phải làm nổi bật chủ đề VB)	0,5 0,5
	2	- Một mẹ cỏ xanh : Ấn dụ: Là những trải nghiệm mất mát. Qua đó nhắn nhủ: hãy biết yêu thương, trân trọng những người xung quanh chúng ta, đặc biệt là những người thân yêu, ruột thịt khi họ hãy còn hiện hữu.	1,0
	3	Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ: - Bóng nắng : tượng trưng cho những khó khăn, vất vả, trở ngại, thách thức và cả những thất bại con người có thể gặp trên đường đời. - Bóng râm : tượng trưng cho những cơ hội, thuận lợi, thành công trong cuộc sống. * Cuộc đời con người có khi “nắng”, có khi “râm” không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chúng ta, mỗi người cần phải đi qua những “bóng nắng, bóng râm” để đi trọn con đường đời của	2.0

		mình.	
	4	- Thông điệp sâu sắc mà câu chuyện gửi đến cho người đọc: Trên con đường đời, không phải lúc nào cũng bằng phẳng, may mắn, bình yên mà còn có những khó khăn, thử thách, gian khổ... , lúc nào cũng phải nhanh, nỗ lực hết mình phải đi qua những “bóng nắng”, “bóng râm” của cuộc đời. Đồng thời biết yêu thương, trân trọng những người thân yêu, nhất là khi còn hiện hữu trên đời.	2.0
II		LÀM VĂN	14.0đ
	1	Qua những điều rút ra từ phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nói về sự nỗ lực trong cuộc sống.	4.0
		<i>a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: sự nỗ lực trong cuộc sống</i>	0.25
		<i>c. Triển khai hợp lý nội dung nghị luận</i>	3.0
		Học sinh có thể trình bày theo nhiều hướng khác nhau miễn là hợp lý và có sức thuyết phục, trên cơ sở hiểu đúng nội dung câu chuyện và yêu cầu của đề. Sau đây chỉ là một số gợi ý: * Dẫn dắt và nêu vấn đề: Cuộc sống có rất nhiều những cơ hội cũng như những thử thách đang chờ đợi trên con đường vươn tới thành công. Do vậy, lúc nào cũng phải nhanh, nỗ lực hết mình phải đi qua những bóng nắng, bóng râm của cuộc đời.	0.5
		* Giải thích, bàn luận: - Nỗ lực là sự cố gắng phấn đấu để biến những điều tốt đẹp mà mình mong muốn trở thành sự thật. Nỗ lực trong cuộc sống chính là một nét đẹp trong cách sống của con người. * Bàn luận: Vai trò, ý nghĩa, giá trị của sự nỗ lực trong cuộc sống. - Cuộc sống luôn có nhiều khó khăn thử thách, bất trắc khôn lường mà con người phải đối diện, trải qua như những “bóng nắng” trong câu chuyện. Điều quan trọng là con người phải luôn giữ vững niềm hi vọng, niềm tin vào những điều tốt đẹp để nỗ lực	1,5 0,5 0,5

	<p>vượt qua. <i>Sự nỗ lực giúp con người sức mạnh tinh thần to lớn vượt qua những khó khăn thử thách để thành công.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự nỗ lực không đồng nghĩa với những mơ ước hão huyền, viễn vông, thiếu thực tế. Sự nỗ lực phải gắn liền với hành động thiết thực mới biến ước mơ thành hiện thực. - Có nhiều tấm gương trong học tập, lao động,... nhờ nỗ lực kết hợp với việc nắm bắt cơ hội, giữ vững niềm tin, mục tiêu phấn đấu đã đạt những thành công nhất định. (Dẫn chứng) Trái lại cần phê phán lối sống an phận, thụ động, buông xuôi, bi quan, ... khiến con người dễ tuyệt vọng, gục ngã, đầu hàng số phận... <p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải hiểu vai trò quan trọng của sự nỗ lực trong cuộc sống. Sự nỗ lực mang lại sự động lực, mang đến niềm tin, niềm vui trong những thăng trầm gian khó. - Rèn luyện bản lĩnh, nghị lực, lòng kiên trì để giữ được ngọn lửa của sự nỗ lực, kiên trì, lòng tin, niềm hi vọng, trong cuộc sống đầy khó khăn bất trắc, có như vậy mới có thể đạt đến thành công trong cuộc sống. 	0,5
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp với những tiêu chuẩn về giá trị của niềm hi vọng, niềm tin trong cuộc sống.</i>	0.25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25
2	<p>*Làm rõ ý kiến của Chế Lan Viên:</p> <p><i>Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật</i> <i>Một giọt mật thành, đời vạn chuyển ong bay</i> <i>Nay rùng nhũn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc,</i> <i>Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây”.</i></p> <p><i>Qua “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận, liên hệ với bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh.</i></p>	10.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	0.25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: hành trình sáng tạo của người</i>	0.25

	nghệ sĩ.	
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i>	9.0
	<p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>1. Giải thích sơ lược ý kiến của Chế Lan Viên:</p> <p>- Ý kiến của Chế Lan Viên bàn về <i>hành trình sáng tạo của người nghệ sĩ</i>.</p> <p>- Từ khi hình thành và phát triển, Văn học luôn lấy đời sống xã hội và con người làm đối tượng phản ánh. Không một tác phẩm nào không được xây nên từ chất liệu hiện thực cuộc sống. Không một người nghệ sĩ nào không chắt chiu mật ngọt dâng đời.</p> <p>+ “Ong” là nhà thơ; “hoa” là hiện thực đời sống; “giọt mật” là tác phẩm thơ ca.</p> <p>+ Với so sánh trên, tác giả nêu lên hai vấn đề quan trọng của quá trình sáng tạo thơ nói riêng và văn học nói chung: Thơ là kết tinh của chủ thể sáng tạo và hiện thực cuộc sống. Nếu như có mật ngọt, cần có sự lao động cần cù của ong và trăm ngàn bông hoa, thì để có được thơ cũng cần có tài năng của nhà thơ và hiện thực cuộc sống muôn màu, muôn vẻ.</p> <p>Giống như con ong muốn làm mật ngọt, phải bay đi khắp bốn phương trời “Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn xoài xứ Bắc...” để hút mật trăm loài hoa, thì quá trình sáng tạo nên tác phẩm là một quá trình lâu dài gian khổ của người nghệ sĩ, là tiếng lòng, là tư tưởng tình cảm, là kết tinh của hiện thực cuộc sống thông qua tài năng sáng tạo của nhà thơ.</p>	1đ
	2. Chứng minh:	5,0đ
	2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:	0,5
	2.2. Chứng minh qua “Đoàn thuyền đánh cá”	4,5đ
	Lđ1: “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là kết tinh của hiện thực cuộc sống thông qua tài năng sáng tạo của nhà thơ.	1đ

	<p>- Bài thơ sáng tác năm 1958, phản ánh công cuộc xây dựng đất nước diễn ra sôi nổi ở miền Bắc, vừa đưa đất nước lên chủ nghĩa xã hội, vừa trở thành hậu phương vững chắc cho chiến trường miền Nam, cả quân và dân miền Bắc đang tràn đầy trong niềm vui lao động của những người lao động mới được làm chủ đất nước... Không khí lao động khẩn trương và say sưa ấy đã chấp cánh cho hồn thơ Huy Cận thăng hoa sau nhiều năm dài bế tắc. Chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh đã đem lại cho hơi thơ Huy Cận một làn gió mới, một nguồn sức sống mới. Cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và con người lao động trong thơ Huy Cận trở nên kì vĩ lung linh hơn bao giờ hết.</p>	
	<p>Lđ2. *“Hành trìnhsáng tạo” của Huy Cận qua “Đoàn thuyền đánh cá” là một khúc tráng ca ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên vũ trụ và con người trong hành trình ra khơi đánh cá.</p> <p>- Nhà thơ đã khám phá ra cái đẹp của những con người đánh cá trên biển trong hành trình ra khơi trong khung cảnh hoàng hôn tráng lệ.</p> <p>+ Cảnh mặt trời lặn xuống biển như hòn lửa đỏ rực, màn đêm là cánh cửa, sóng là then cài, vũ trụ chính là ngôi nhà chung khổng lồ đang chìm vào giấc ngủ... Cảnh hoàng hôn trên biển kì vĩ, tráng lệ.</p> <p>+ Người dân chài ra khơi đánh cá trong niềm vui phơi phới của những con người được làm chủ: Khí thế hào hứng, câu hát căng buồm ra khơi, câu hát gọi cá vào lưới... (dẫn chứng)</p> <p>=> Hành trình đoàn thuyền ra khơi vào lúc hoàng hôn buông xuống nhưng lại dạt dào niềm vui lao động.</p>	<p>3đ</p> <p>1đ</p>
	<p>- Nhà thơ đã khám phá ra vẻ đẹp của cảnh đánh cá trên biển đêm lung linh tuyệt đẹp.</p> <p>+ Con thuyền: có gió làm lái, trăng làm buồm trở nên lớn lao kì vĩ, sánh ngang tầm thiên nhiên, chủ động khám phá thiên nhiên... (dẫn chứng)</p>	1,0đ

	<p>+ Con người: Khám phá, chinh phục thiên nhiên trong tư thế của người làm chủ biển khơi, họ vừa lao động vừa cất cao tiếng hát ca ngợi biển, biết ơn biển. (dẫn chứng)</p> <p>(So sánh với hình ảnh người lao động trong xã hội cũ: trông chờ vào thiên nhiên, vào các yếu tố khách quan, thiếu chủ động).</p> <p>+ Biển: Đẹp lung linh (có ánh sao, trăng, có mây có gió... có ánh sáng của ngọn đèn câu trên biển, tạo nên khung cảnh đẹp lãng mạn, lung linh kì ảo)</p> <p>Biển giàu: nhiều loài cá quý: nhụ, thu, chim, đẻ... vẻ đẹp của những chú cá tươi ngon lấp lánh vẩy sắc đen hồng...(dẫn chứng)</p> <p>=> Nhà thơ đã phát hiện ra vẻ đẹp của khung cảnh lao động trên biển đêm có sự kết hợp hài hoà, tự nhiên giữa cái đẹp của thiên nhiên với vẻ đẹp của con người lao động tạo nên một bức tranh lao động khoẻ khoắn, tươi vui, dạt dào niềm vui no ấm.</p>	
	<p>- Nhà thơ đã khám phá ra vẻ đẹp của khung cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong một buổi bình minh rực hồng.</p> <p>+ Con thuyền, con người chạy đua cùng thời gian và họ đã chiến thắng với một vụ mùa bội thu. (dẫn chứng)</p> <p>+ Niềm vui của thành quả lao động cũng chính là niềm vui về một tương lai tươi sáng của con người làm chủ, của đất nước thái bình, tự do. (dẫn chứng)</p> <p>=> Câu hát khi trở về chính là câu hát tràn đầy niềm vui của những con người lao động lần đầu tiên làm chủ cuộc đời, tin tưởng vào một ngày mai tốt đẹp.</p> <p>Lđ3. *“Hành trình sáng tạo” của Huy Cận về mặt nghệ thuật:</p> <p>- Âm hưởng khoẻ khoắn, vừa sôi nổi vừa phơi phới, bay bổng. Lời thơ đồng điệu thơ như khúc hát say mê, hào hứng phơi phới (điệp 4 lần từ “hát”). Cách gieo vần thơ biến hoá linh hoạt, các vần trắc xen lẫn vần bằng, vần liền xen với vần cách. Các vần trắc tạo sức dội, sức mạnh; các vần bằng tạo sự vang xa, bay bổng; tạo nên những vần thơ khoáng đạt, kì vĩ, phơi phới niềm</p>	<p>1 đ</p> <p>0,5 đ</p>

	<p>vui. Bài thơ là những bức tranh đẹp, rộng lớn kế tiếp nhau về hình ảnh thiên nhiên và đoàn thuyền đánh cá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên như một người bạn thân thiết, đồng hành với cuộc sống của con người. Hình ảnh người lao động trong bài được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn, thể hiện niềm tin, niềm vui trước cuộc sống mới. - Đoàn thuyền đánh cá là một bài thơ hay, thể hiện sự đổi thay của hồn thơ Huy Cận sau cách mạng. Lãng mạn hơn, công việc đánh cá nặng nhọc đã trở thành một bài ca đầy niềm vui, dạt dào sức sống, nhịp nhàng cùng thiên nhiên. 	
	<p><i>Đánh giá về bài thơ: “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là hành trình đi từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui, thể hiện quá trình tìm tòi, chắt lọc của người nghệ sĩ gom trăm mật cho đời mới có một giọt mật thơ ca.</i> Từ chuyến đi thực tế tại vùng mỏ Quảng Ninh, hiện thực cuộc sống lao động sau chiến tranh đã thay đổi mắt nhìn, cách nghĩ của Huy Cận, đưa ông hoà vào cuộc sống lao động khẩn trương, say sưa của nhân dân, để từ đó ra đời một trong những bài thơ hay nhất ca ngợi sự giàu đẹp của biển quê hương và vẻ đẹp của những con người lao động mới. Quả thật, dưới ngòi bút Huy Cận, “Trời mỗi ngày lại sáng, đất mỗi ngày lại nở hoa”.</p>	0,5đ
	<p>3. Liên hệ với bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh</p>	3,0đ
	<p>- <i>Bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh là hành trình khám phá vẻ đẹp của làng chài quê hương trong khung cảnh lao động thanh bình:</i> Buổi sớm mai trong lành, tuyệt đẹp, đoàn thuyền ra khơi đánh cá trong niềm vui và hi vọng của ngư dân; vẻ đẹp của làng chài và con người lao động: mang nét riêng, vị mặn mòi của làng quê yêu dấu của nhà thơ (dẫn chứng)</p>	1,0đ
	<p>- <i>Bài thơ cũng là hành trình khám phá cảm xúc của người nghệ sĩ: Đó là nỗi nhớ quê hương trong xa cách của Tế Hanh.</i></p> <p>+ Nhà thơ đã nhận ra tình yêu quê hương luôn thường trực trong</p>	1,0đ

	<p>trái tim mình, khẽ chạm đến là rung lên những cung bậc cảm xúc thiết tha.</p> <p>+Tình yêu quê hương cũng là biểu hiện của tình yêu đất nước.</p> <p>- Những khám phá mới mẻ ấy được thể hiện qua nghệ thuật của bài thơ: thể thơ tự do, đề tài quen thuộc nhưng lại trở nên tươi mới khoẻ khoắn trong cái nhìn triu mến yêu thương của tác giả với làng chài trong nỗi nhớ. Nhiều hình ảnh thơ đẹp, bay bổng, lãng mạn qua các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa...</p>	1,0đ
	<p>4. Đánh giá, mở rộng:</p> <p>- Khẳng định ý kiến của Chế Lan Viên là hoàn toàn đúng..</p> <p>- Hai bài thơ, vừa có những nét tương đồng, vừa có những nét khác biệt: thông qua “hành trình sáng tạo” của người nghệ sĩ để gửi thông điệp đến người đọc người nghe về tình yêu quê hương và con người lao động qua những sáng tạo nghệ thuật độc đáo.</p> <p>Qua đó, tác giả cũng muốn gửi thông điệp đến người đọc: Tác phẩm ra đời là nhờ nhà thơ tắm mình trong hiện thực cuộc sống muôn màu muôn vẻ; ngoài ra, tác phẩm thành công nhờ tài năng của người nghệ sĩ (Trong cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật...)</p> <p>- Bài học cho người cầm bút về khả năng sáng tạo, bắt nguồn từ hiện thực đời sống, thông qua việc xây dựng hình ảnh, tình cảm, cảm xúc, tài năng nghệ thuật... để thể hiện tư tưởng tình cảm.</p> <p>- Đối với bạn đọc: hiểu sâu sắc hơn hiện thực được phản ánh trong tác phẩm đồng thời cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nghệ thuật, thông điệp mà người nghệ sĩ muốn nhắn nhủ qua tác phẩm.</p>	1đ
	<i>D. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
	<i>E. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

PHÒNG GD&ĐT
HẬU LỘC
ĐỀ CHÍNH THỨC

Số báo danh

.....

ĐỀ KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Năm học: 2019-2020

MÔN: NGỮ VĂN

Ngày khảo sát: 21/12/2019

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm 02 phần, 06 câu, 02 trang).

I. Phần I: Đọc hiểu (6,0đ)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một lần đi thăm một thầy giáo lớn tuổi, trong lúc tranh luận về quan điểm sống, một sinh viên đã nói:

- Sở dĩ có sự khác biệt là vì thế hệ các thầy sống trong những điều cũ là của một thế giới lạc hậu, ngày nay chúng em được tiếp xúc với những thành tựu khoa học tiên tiến hơn nhiều, thế hệ các thầy đâu có máy tính, không có internet, vệ tinh viễn thông và các thiết bị thông tin hiện đại như bây giờ...

Người thầy giáo trả lời:

- Những phương tiện hiện đại giúp chúng ta nhưng không làm thay đổi chúng ta. Còn điều em nói là đúng. Thời trẻ, những người như chúng tôi không có những thứ em vừa kể nhưng chúng tôi đã phát minh ra chúng và đào tạo nên những con người kế thừa và áp dụng chúng.

Cậu sinh viên chột cúi đầu, im lặng.

(Dẫn theo *Hạt giống tâm hồn và Ý nghĩa cuộc sống*, tập 5, NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên (1 điểm)

Câu 2. Theo cậu sinh viên, điều gì làm nên sự khác biệt về quan điểm sống giữa thế hệ của cậu và thế hệ của người thầy giáo lớn tuổi? (1 điểm)

Câu 3. Tại sao cậu sinh viên lại cúi đầu, im lặng trước câu trả lời của thầy? (2 điểm)

Câu 4. Từ câu chuyện trên em rút ra bài học gì cho bản thân? (2 điểm)

II. Phần II: Làm văn (14,0)

Câu 1(4,0đ)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu trả lời của người thầy giáo trong văn bản phần Đọc hiểu: “*Những phương tiện hiện đại giúp chúng ta nhưng không làm thay đổi chúng ta*”.

Câu 2. (10,0đ)

THỜI GIAN

Thời gian qua kẽ tay

Làm khô những chiếc lá

Kỉ niệm trong tôi

Rơi

như tiếng sỏi

trong lòng giếng cạn
 Riêng những câu thơ
 còn xanh
 Riêng những hài hát
 còn xanh
 Và đôi mắt em
 như hai giếng nước.

(Văn Cao, Lá, NXB Tác phẩm mới, Hrí Nội, 1998)

Từ bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh, liên hệ với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra trong văn bản trên.

----- Đề thi gồm 02 trang -----

Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu	Nội dung	Điểm
Phần I	Đọc hiểu	
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	1
Câu 2	Theo cậu sinh viên, điều làm nên sự khác biệt về quan điểm sống giữa hai thế hệ, thế hệ trẻ và thế hệ của người thầy giáo lớn tuổi là do thời đại, hoàn cảnh sống.	1
Câu 3	Cậu sinh viên cúi đầu im lặng vì đã nhận ra mình đã có một quan niệm sống hơi hợt, thiếu toàn diện....	2
Câu 4	Bài học về cách nhìn nhận đánh giá về cuộc sống: có cái nhìn toàn diện ở nhiều góc độ trân trọng quá khứ, tránh cái nhìn sai lệch phủ nhận quá khứ....	2
Phần II	Làm văn Nghị luận xã hội	4
	1.Yêu cầu chung: Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết	
Câu 1	2.Yêu cầu cụ thể	
	a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cái cũ là nền tảng cho sự phát triển của hiện đại, nên biết trân trọng quá khứ.	0,25
	c. Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ...	
	Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau: 1.Giải thích: - “Phương tiện hiện đại”: là những phương tiện mới nhất, với công nghệ cao nhất thể hiện sự sáng tạo của con người...	0,5

	<p>-> Lời của thầy giáo khẳng định: Dù mọi phương tiện hiện đại đến đâu thì mọi sáng tạo đều do con người làm chủ, chứ chúng không thay thế cho con người. Thế hệ trước đặt nền móng cho thế hệ sau tiếp tục phát huy những sáng tạo mới.</p> <p>2. Bàn luận</p> <p>- Tại sao <i>Những phương tiện hiện đại giúp chúng ta nhưng không làm thay đổi chúng ta?</i> Vì mọi phương tiện dù hiện đại đến đâu đi chăng nữa thì chúng đều là những công cụ hỗ trợ cho chúng ta làm việc và sáng tạo, chứ chúng không thể thay thế cho trí tuệ của con người, con người không lệ thuộc vào chúng.</p> <p>- Người thầy trong câu chuyện đã nói “<i>Thời trẻ, những người như chúng tôi không có những thứ em vừa kể nhưng chúng tôi đã phát minh ra chúng và đào tạo nên những con người kế thừa và áp dụng chúng</i>”:</p> <p>+ Người thầy muốn cậu sinh viên hiểu rằng thời đại ông không được sống trong thời đại có những thành tựu khoa học tiên tiến như máy tính, internet, vệ tinh viễn thông và các thiết bị thông tin hiện đại khác... nhưng ông và những người cùng thế hệ đã đặt viên gạch khởi đầu và đào tạo nên những con người kế thừa và áp dụng những thành tựu đó.</p> <p>+ Thời đại mà người thầy giáo sống có thể là thời của những điều cũ kĩ, lạc hậu nhưng chính họ đã kiến tạo nên thế giới văn minh mà cậu sinh viên đang sống.</p> <p>Lấy dẫn chứng: (về các nhà bác học đã phát minh ra các phương tiện hiện đại chúng ta tiếp tục phát huy)</p> <p>2. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Có cái nhìn toàn diện ở nhiều, tranh phiên diện một chiều</p> <p>- Phê phán những người không biết trân trọng cái cũ (quá khứ) ...</p> <p>- Liên hệ với bản thân</p>	2,0
	<p>d. <i>Sáng tạo</i>: Cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (thể hiện được dấu ấn cá nhân, quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc), thể hiện ý phản biện nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25
	<p>e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i></p>	0,25
Câu 2	<p>Làm rõ ý thơ của Văn Cao: “<i>Riêng những câu thơ/ còn xanh</i> <i>Riêng những hài hát/ còn xanh/</i> <i>Và đôi mắt em/ như hai giếng nước</i>”</p> <p>Qua bài thơ “<i>Sang thu</i>” của Hữu Thỉnh và “<i>Ông đồ</i>” của Vũ Đình Liên để làm rõ ý thơ trên</p>	
	A. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>	
	B. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i>	
	C. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i>	

	Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:	
	<p>1. Giải thích ý thơ: Bài thơ “Thời gian” của Văn Cao khẳng định vẻ đẹp, sức sống bền bỉ, vĩnh cửu, sự trường tồn của cái đẹp trong cuộc sống, giá trị bền vững của tác phẩm nghệ thuật chân chính trong dòng chảy thời gian. Thời gian vô cùng nghiệt ngã, bụi thời gian có thể xóa nhòa đi tất cả, có thể làm biến đổi, hư hao nhiều thứ, làm cuộc đời và kỉ niệm của con người tàn tạ, thậm chí bị xóa nhòa, đi vào cát bụi, bị lãng quên. Sự trôi chảy của thời gian “làm khô những chiếc lá/ Kỉ niệm trong tôi/ Rơi/ như tiếng sỏi/ trong lòng giếng cạn”.... Thời gian làm khô chiếc lá đời người nhưng lại làm tươi xanh chiếc lá thơ, chiếc lá nhạc, chiếc lá tình yêu: “Riêng những câu thơ/ còn xanh/ Riêng những hài hát/còn xanh”. Thời gian chảy trôi lặng lẽ nhưng có sức mạnh vô hình làm biến đổi vạn vật nhưng kì diệu thay thời gian không thể khuất phục được cái đẹp của cuộc sống. Nghệ thuật chân chính, cái đẹp của cuộc sống thì bất chấp thời gian, vượt qua quy luật của thời gian, ở lại với đời “xanh” mãi mãi. Cho dù dòng thời gian chảy trôi theo qui luật nghiệt ngã của nó có thể khiến nhiều thứ chìm vào lãng quên. Nhưng <i>những tác phẩm thật sự có giá trị sẽ có sức sống lâu bền cùng thời gian</i>. Như thế cũng có thể hiểu là tiếng thu trong trẻo, tinh khôi, tinh thu đượm đà, sâu sắc trong bài thơ “ Sang thu” của HT sẽ còn mãi với thời gian, sống mãi trong trái tim của bao người.</p>	
	2. Chứng minh qua bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh	
	Giới thiệu tác giả, tác phẩm	
	<p>Lđ1. “Sang thu” của Hữu Thỉnh là một bài thơ sống mãi với thời gian bởi những khám phá riêng của nhà thơ về khoảnh khắc lúc giao mùa.</p> <p>a. Sức sống lâu bền của bài thơ “Sang thu” trước hết ở việc tác giả đã lựa chọn một đề tài quen thuộc “mùa thu” nhưng Hữu Thỉnh lại làm mới cho thơ thu khi viết về khoảnh khắc giao mùa.</p> <p>- Đã có rất nhiều nhà thơ viết về mùa thu như Nguyễn Khuyến với chùm thơ thu nổi tiếng, Xuân Diệu với “Đây mùa thu tới” hay Lưu Trọng Lư với “Tiếng thu”. Ở những bài thơ đó mùa thu đẹp và buồn... Hay trong hội họa có những bức tranh nổi tiếng như “Mùa thu vàng” của Lê-vi-tan...</p> <p>“Sang thu” là khoảnh khắc bất ngờ mà không phải ai cũng chụp bắt và thể hiện được. Bởi mùa thu thì đầy ắp, đậm nét, nhiều hình ảnh. Nhưng “sang thu” thì lại chỉ là một lát cắt, một khoảnh khắc mà thôi. Đây chính là nét riêng, độc đáo đem lại sức sống lâu bền cho bài thơ.</p>	
	b. Sức sống lâu bền của bài thơ “Sang thu” chính là những cảm nhận và khám phá mới mẻ, đẹp đẽ về thiên nhiên, đất	

	<p>trời lúc “sang thu”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên lúc sang thu được cảm nhận trong không gian gần và hẹp (ngõ), với những nét đặc trưng riêng (hương ổi, gió se, sương). Nhà thơ đã thức mở mọi giác quan để nhận ra thu về trong cảm xúc ngõ ngang (Bồng, hình như). Thu đã sang nhưng còn mơ hồ, chưa rõ nét. - Đất trời vào thu có những sự biến chuyển rõ rệt: Sông dềnh dàng, chim vội vã. Sự vật vận động trái chiều mang lại những mới mẻ đến ngõ ngang, dần lắng sâu vào suy ngẫm. - Hình ảnh thơ sáng tạo và tinh tế: “đám mây mùa hạ/ vắt nửa mình sang thu”. Thu đã sang nhưng hạ còn lưu luyến chưa muốn rời. Ranh giới mong manh giữa thu và hạ đó chính là nét tinh tế trong cảm nhận của nhà thơ. <p>c. Sức sống lâu bền của bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh chính là những cảm nhận và chiêm nghiệm của lòng người lúc “sang thu”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên, vạn vật đã đi vào chiều sâu: nắng vẫn còn vàng, còn sáng nhưng đã nhạt dần không còn chói chang như nắng hạ, những cơn mưa ào ạt chợt đến chợt đi của mùa hạ đã thưa dần, cái cây cổ thụ bao mùa thay lá, không còn giật mình trước những đợt sấm rền trên bầu trời thu nữa. - Con người khi đã trưởng thành, trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, cũng trở nên vững vàng, mạnh mẽ, không còn lo sợ giật mình trước những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời. - Cũng như đất nước, sau khi đã trải qua 2 cuộc kháng chiến thần thánh chống lại hai kẻ thù sừng sỏ thế giới là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng vững vàng, kiên cường hơn trước những thế lực thù địch, chúng ta không còn sợ hãi trước quân thù (Lời Hữu Thỉnh từng chia sẻ). 	
	<p>Lđ2. “Sang thu” của Hữu Thỉnh là một bài thơ sống mãi với thời gian bởi những khám phá riêng của nhà thơ về khoảnh khắc lúc giao mùa được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ được viết bằng thể thơ 5 chữ, chỉ với 3 khổ thơ, một nhỏ xinh với 60 chữ, nhưng có nhiều hình ảnh sáng tạo mới mẻ, bất ngờ. - Đề tài không mới nhưng lại rất mới khi vào thơ Hữu Thỉnh. - Một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc: so sánh, nhân hoá, đặc biệt là hình ảnh ẩn dụ giàu ý nghĩa. - Bài thơ nhiều tầng nghĩa. 	
	<p>3. Liên hệ với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên.</p>	
	<p>a. “Ông đồ” là một bài thơ sống mãi trong lòng người đọc, bởi</p>	

	<p>bài thơ là điểm gặp nhau giữa “lòng thương người” và “niềm hoài cổ”, mà hai điều đó lại chính là giá trị tình cảm thiêng liêng, sâu thẳm trong tâm hồn con người Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ là sự trân trọng nâng niu, ngợi ca trước hình ảnh ông đồ cho chữ trong ngày Tết cổ truyền của dân tộc, ông như góp mặt vào cái đông vui nhộn nhịp của phố phường khi hoa đào thắm sắc, càng làm thêm một cái tết đủ đầy, rộn ràng niềm vui. - Ca ngợi tài viết chữ của ông đồ cũng chính là tác giả ngợi ca nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc, đặc biệt là truyền thống coi trọng chữ nghĩa, thể hiện đời sống tinh thần văn minh, giàu có của dân tộc ta. - Cũng chính vì thế mà khi ông đồ bị lãng quên trong dòng đời tấp nập, nhà thơ càng đau đớn xót xa khi nét đẹp văn hoá đó bị mai một, khắc khoải trong lòng nhà thơ về hình ảnh ông đồ và một lớp người đã trở thành quá khứ. <p>=> Bài thơ gieo vào lòng người đọc một nỗi niềm khắc khoải khôn nguôi.</p> <p>b. Sức sống của “Ông đồ” còn được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - qua thể thơ 5 chữ, lời thơ giàu chất tự sự như một câu chuyện nhỏ tâm tình, dạt dào cảm xúc. - Kết cấu đầu cuối tương ứng, hình ảnh thơ giàu sức gợi. - Sử dụng nghệ thuật ẩn dụ, tả cảnh ngụ tình đặc sắc. - 	
	<p>a. Đánh giá: Tuy hai bài thơ của 2 tác giả với 2 phong cách, 2 nguồn cảm hứng khác nhau, nhưng những cảm xúc, khám phá rất riêng, rất đặc sắc của hai bài thơ khiến chúng neo đậu mãi trong tâm hồn người đọc, trường tồn cùng thời gian.</p>	

NĂM HỌC 2021-2022

Môn thi: Ngữ văn

Ngày thi:

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Hỏi

Tôi hỏi đất:

- *Đất sống với đất như thế nào?*

- *Chúng tôi tôn cao nhau.*

Tôi hỏi nước:

- *Nước sống với nước như thế nào?*

- *Chúng tôi làm đầy nhau.*

Tôi hỏi cỏ:

- *Cỏ sống với cỏ như thế nào?*

- *Chúng tôi đan vào nhau*

Làm nên những chân trời.

Tôi hỏi người:

- *Người sống với người như thế nào?*

Tôi hỏi người:

- *Người sống với người như thế nào?*

Tôi hỏi người:

- *Người sống với người như thế nào?*

(Hữu Thịnh, Trích *Thư mùa đông*, NXB Hội Nhà văn, 1994)

Câu 1 (1,0 điểm). Xác định thể thơ và nêu tác dụng của việc sử dụng thể thơ mà Hữu Thịnh đã lựa chọn cho bài thơ trên?

Câu 2 (1,5 điểm). Em hiểu như thế nào về nghĩa của các từ ngữ “tôn cao”, “làm đầy”, “đan vào”, “làm nên” được thể hiện trong bài thơ? Giữa các từ ngữ đó cùng có chung nét nghĩa nào?

Câu 3 (1,5 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ở sáu dòng thơ cuối bài?

Câu 4 (2,0 điểm). Viết một đoạn văn ngắn (7-10 dòng) trình bày suy nghĩ của em về câu hỏi trong bài thơ: “Người sống với người như thế nào?”

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: *Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý.*

Câu 2 (10,0 điểm)

“Chỉ cần hình ảnh đẹp, giàu sức gợi là đã đủ để làm nên một bài thơ hay”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy phân tích bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của nhà thơ Phạm Tiến Duật để làm sáng tỏ ý kiến trên. Liên

hệ với hình ảnh người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ “*Tức cảnh Pác – Bó*” (Hồ Chí Minh, *Ngữ văn 8*) để thấy được vẻ đẹp, sức gợi và cái hay của mỗi bài thơ.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Phần đọc – hiểu		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ: Bài thơ viết theo thể thơ tự do. - Tác dụng: Thể thơ tự do không bị chi phối bởi luật thơ; các câu thơ linh hoạt, tự do về vần điệu;.. Với thể thơ này, nhà thơ có thể bộc lộ nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau một cách tự nhiên và gửi gắm đến bạn đọc bức thông điệp giàu ý nghĩa nhân sinh về cuộc sống. 	0,5 0,5
2	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của các từ ngữ: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Tôn cao</i>: nâng đỡ, biết tạo điều kiện để cùng tiến bộ; + <i>Làm đầy</i>: bổ khuyết, khóa lấp, bù đắp những chỗ còn khiếm khuyết; + <i>Đan vào</i>: gắn bó, đoàn kết để tạo nên sức mạnh, kết thành một khối thống nhất để hoạt động vì một mục đích chung; + <i>Làm nên</i>: tạo một thành quả. - Nét nghĩa chung của các từ ngữ trên: cùng nói về thái độ sống đẹp, có ý nghĩa: cùng nhau sinh tồn, phát triển... 	1,0 0,5
3	<ul style="list-style-type: none"> *Xác định được các biện pháp tu từ được nhà thơ sử dụng trong 6 câu thơ cuối của bài thơ: -Điệp ngữ, điệp cấu trúc: <ul style="list-style-type: none"> + “Tôi hỏi....sống như thế nào ? + “ Chúng tôi.....” - Câu hỏi tu từ: “Người sống với người như thế nào?” * Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> -Nhấn mạnh nỗi niềm trăn trở, sự suy ngẫm của nhà thơ về thái độ sống của mỗi con người trong cuộc đời; đồng thời tác giả muốn nhắc nhở mọi người tự nhận thức lại thái độ sống của mình và tự soi lại mình để có cách “sống với nhau” cho phù hợp, cùng nhau xây dựng một cuộc sống tốt đẹp. -Câu hỏi tu từ được nhắc lại nhiều lần trong 6 câu thơ cuối thể hiện nỗi khắc khoải, day dứt của nhà thơ về cuộc đời, con người. 	0,75 0,75
4	<ul style="list-style-type: none"> * Hình thức: Đảm bảo thể thức của một đoạn văn với dung lượng đề bài yêu cầu. * Nội dung: Học sinh có những cách lí giải khác nhau nhưng phải phù hợp với mạch cảm xúc của bài thơ, câu thơ. Đồng thời nội dung phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Dưới đây là một số gợi ý: <ul style="list-style-type: none"> - Trong văn bản, câu hỏi: “Người sống với người như thế nào?” được lặp đi lặp lại tới ba lần, lần nào cũng khắc khoải, đau đáu mà không có một câu trả lời. Cách kết thúc như vậy tạo ấn tượng mạnh cho người đọc. Tác giả đã gieo vào lòng người đọc câu hỏi suy ngẫm, đòi 	2,0

	<p>hỏi mỗi người cần nghiêm túc trả lời. Câu trả lời chính là “tôn cao nhau”, “làm đầy nhau”, “đan vào nhau”, nghĩa là phải sống đẹp và sống có ý nghĩa.</p> <p>- Cần phải xác định một phương châm sống cao đẹp. Trong cuộc sống, mỗi chúng ta cần phải học cách hi sinh và dâng hiến. Cần phải sống với nhau bằng thái độ sẻ chia, cảm thông. Sức mạnh của sự sống đích thực chính là sự đoàn kết, gắn bó giữa người với người.</p> <p>- Sử dụng phương châm sống một cách đúng đắn, hợp lí, tránh những sự hi sinh mù quáng, sự sẻ chia không đúng chỗ, nhắm mắt làm ngơ trước hành vi tội lỗi của người khác gây ra những hậu quả khôn lường...</p>	
Phân Tạo lập văn bản		
I	a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .	0,25
	b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận.	0,25
	<p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</p> <p>1. Giải thích câu nói:</p> <p>+ “Cuộc sống” là toàn bộ quá trình sống, nơi con người tham gia gây dựng và phát triển bản thân mình...</p> <p>+ “Cuộc sống vì người khác” nhấn mạnh đến mục đích sống cao đẹp khi hướng đến sự sẻ chia, giúp đỡ, làm những điều tốt đẹp cho người khác.</p> <p>+ “Đáng quý” là sự trân trọng, đề cao của những người xung quanh với những hành động vì người khác.</p> <p>=> Câu nói “Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý” đã khẳng định giá trị đích thực của cuộc sống, ngọn nguồn của hạnh phúc lớn lao, đó là cuộc sống không chỉ cho mình mà còn vì người khác.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <p>– Trong cuộc sống, con người cần biết sẻ chia, sống cho người khác để mang đến cuộc sống hạnh phúc không chỉ cho mình mà còn cho những người xung quanh.</p> <p>– Nếu chỉ biết sống cho mình mà không quan tâm đến những người xung quanh, con người sẽ bị biệt lập, ngăn cách với xã hội.</p> <p>– Sống là cho đi, khi chúng ta có ý thức sẻ chia chúng ta không chỉ giúp đỡ được những người xung quanh mà còn làm cho mối quan hệ trở nên khăng khít.</p> <p>– Khi sống vì người khác, con người trở nên bao dung, vị tha hơn.</p> <p>– Sống vì người khác không chỉ mang đến những điều tốt đẹp cho bản thân mà còn mang đến hạnh phúc cho người khác.</p> <p>(Hs lấy dẫn chứng phù hợp để minh họa; Hs có thể lấy những dẫn chứng về tấm gương các bác sĩ, nhân viên y tế từ khắp mọi miền đất nước đang xung phong vào Thành phố Hồ Chí Minh để chung tay phòng chống dịch</p>	<p>0,75</p> <p>1,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>bệnh Covid – 19; những chiếc xe chở hàng cứu trợ của nhân dân miền Bắc vào vùng dịch ...)</p> <p>3. Mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cần thể hiện tình yêu thương, tấm lòng bao dung, nhân ái, “sống vì người khác” phù hợp, không để cho người khác lợi dụng lòng tốt để sống hưởng thụ, dựa dẫm... - Phê phán lối sống ích kỷ, bàng quan với mọi người... <p>4. Bài học:</p> <p>Mỗi chúng ta cần cảm nhận được giá trị, ý nghĩa đích thực của cuộc sống; biết sống yêu thương nhau nhiều hơn; hãy “để gió cuốn đi” những tình cảm chân thành, tấm lòng nhân ái để gieo lên những sự sống, hy vọng cho những con người khó khăn, bất hạnh...</p>	
	<i>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</i>	0,25
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</i>	0,25
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p>	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0.25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>1. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh thơ (hình tượng nghệ thuật trong thơ) có thể là một sự vật, một phong cảnh thiên nhiên hay con người... Hình tượng nghệ thuật chính là yếu tố kết tinh giá trị tư tưởng, tình cảm của tác giả, là trung tâm của bài thơ nói riêng, tác phẩm văn học nói chung. - Hình tượng nghệ thuật là những điểm sáng góp phần tạo cho bài thơ nhiều ý nghĩa. Hình tượng nghệ thuật là “chìa khóa” giúp ta hiểu rõ thêm chiều sâu tư tưởng, cảm xúc của bài thơ. - Hình tượng nghệ thuật là kết tinh nghệ thuật, thể hiện khả năng quan sát, khám phá độc đáo và tái hiện tinh tế của mỗi nhà thơ trong tác phẩm. <p>=> Ý kiến đã nên khẳng định tầm quan trọng hàng đầu của hình tượng nghệ thuật đối với giá trị của một bài thơ. Một tác phẩm văn học có giá trị sẽ xây dựng được những hình ảnh đẹp, giàu sức gợi, để lại ấn tượng tốt đẹp trong trái tim, suy nghĩ của người đọc...</p> <p>2.Chứng minh</p> <p>2.1 Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phạm Tiến Duật là nhà thơ được rèn luyện, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ gian khổ và oanh liệt của dân tộc “<i>Thơ ông mang</i> 	<p>9,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>

	<p>hơi thở của cả một thời đại nhưng bằng một khí phách ngang tàng, chất bụi bặm và kiêu bạc của người lính thời chống Mỹ. Thơ ông có sức mạnh của cả một binh đoàn trùng trùng ra trận”... (nhà văn Nguyễn Văn Thọ)</p> <p>- Bài thơ về tiểu đội xe không kính được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt. Tác phẩm đã khắc họa hình ảnh độc đáo của những chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời kì chống Mỹ với tư thế, tinh thần hiên ngang bất khuất.</p> <p>2.2 Chứng minh</p> <p><i>Luận điểm 1: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã xây dựng được hình ảnh những chiếc xe không kính độc đáo, khác lạ, chân thực, gợi được hiện thực khốc liệt của chiến tranh.</i></p> <p>- Xưa nay, hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thì đều được “mĩ lệ hóa”, “lãng mạn hóa” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Người đọc đã bắt gặp chiếc xe tam mã trong thơ Pus-kin, con tàu trong “Tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên, đoàn thuyền đánh cá trong bài thơ cùng tên của Huy Cận. Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực.</p> <p>- Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở ở Trường Sơn thì xe phải có kính. Ấy thế mà chuyện “xe không kính” lại là một thực tế, là hình ảnh thường gặp trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p>+ Hai câu thơ mở đầu có thể coi là lời giải thích cho “sự cố” có phần không bình thường ấy:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi.</i></p> <p>+ Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ.</p> <p>+ Bằng những câu thơ rất thực, đậm chất văn xuôi, điệp ngữ “không”, cùng với động từ mạnh “giạt”, “rung”. Tác giả đã lí giải nguyên nhân không có kính của những chiếc xe. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe trở nên biến dạng “không có kính”, “không có đèn”, “không có mui xe”, “thùng xe có xước”. Từ đó, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội; về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.</p> <p>=> Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàng như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ.</p> <p><i>Luận điểm 2: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” đã khắc họa thành</i></p>	<p>1,25</p> <p>0,25</p> <p>1,0</p> <p>2,25</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p>
--	---	--

<p><i>công hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn - đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho phẩm chất anh hùng cách mạng của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước .</i></p> <p>- Hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ hiện lên với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan cách mạng, bất chấp khó khăn, coi thường hiểm nguy.</p> <p>+ Dù thiếu đi những phương tiện chiến đấu tối thiểu nhưng hình ảnh người lính lái xe vẫn hiện lên với tư thế hiên ngang, ngang tàng: <i>Ung dung buồng lái ta ngồi, /Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng</i>. Tinh từ <i>ung dung</i> đặt ở đầu câu nhấn mạnh tư thế chủ động, coi thường mọi khó khăn, nguy hiểm của các chiến sĩ lái xe.</p> <p>+ Những khó khăn gian khổ như tăng lên gấp bội vì xe không có kính: <i>gió vào xoa mắt đắng, Bụi phun tóc trắng như người già, Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời...</i> nhưng không làm giảm ý chí và quyết tâm của các chiến sĩ lái xe. Với tư thế hiên ngang “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”, người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn huyền thoại đã vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn về vật chất thẳng tiến về miền Nam thân yêu.</p> <p>+ Không còn kính chắn gió, người lính lái xe còn phải đối mặt với hiểm nguy “gió vào xoa mắt đắng”, “đột ngột cánh chim”...thể nhưng trong ý thơ, người đọc không thấy sự ái ngại, lo sợ,... của các anh. Toát lên trong những vần thơ là vẻ đẹp của những người lính lái xe: ngang tàng, trẻ trung, lãng mạn. Họ tự tin, hiên ngang đối diện với gian khổ, thiếu thốn, sự khốc liệt của chiến tranh.</p> <p>+ Sự ngang tàng, bất chấp hiểm nguy của người lính lái xe còn được thể hiện qua ngôn ngữ đậm tính khẩu ngữ, trong cấu trúc “không có... ừ thì” thể hiện sự cứng cỏi, biến khó khăn thành điều thú vị...</p> <p>(Hs lấy dẫn chứng thơ phân tích, bình luận, đánh giá)</p>	0,5
<p><i>-Vẻ đẹp của những người lính lái xe trong bài thơ còn được thể hiện ở tâm hồn sôi nổi của tuổi trẻ, của tình đồng chí, đồng đội sâu sắc:</i></p> <p>+ Những hình ảnh thơ hóm hỉnh: “phì phèo châm điếu thuốc”, “nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”...đã làm nổi bật lên tính cách trẻ trung, sôi nổi, sự tinh nghịch, ngang tàng của những anh lính trẻ hồn nhiên, yêu đời. Đó cũng chính là một nét rất ấn tượng của người lính lái xe Trường Sơn. Nụ cười hiện trên môi của các anh là một nụ cười sáng khoái, vô tư, hồn nhiên và ngạo nghễ thể hiện các anh là những người luôn luôn chiến thắng và tràn đầy niềm tin.</p>	0,25
<p>+ Những chàng trai trẻ lái xe Trường Sơn hồn nhiên, tếu táo và ấm áp trong tình đồng đội, đồng chí. Tình đồng đội thấm thiết, thiêng liêng là sợi dây vô hình nối kết mọi người trong hoàn cảnh hiểm nguy, kề cận cái chết. Tình đồng đội tiếp thêm sức mạnh, niềm tin yêu để người lính vượt qua, gian khổ, thiếu thốn:</p>	1,0

	<p>+) Cái bắt tay độc đáo của những người lính lái xe qua cửa kính đã vỡ là biểu hiện đẹp đẽ ám lòng của tình đồng chí, đồng đội đầy mộc mạc nhưng thấm thía. Cái bắt tay thay cho lời nói, lời động viên, lời chia sẻ của những người lính với nhau. Chỉ có những người lính, những chiếc xe bị tàn phá khốc liệt thời chống Mỹ mới có thể có những cái bắt tay ấy - một chi tiết nhỏ nhưng mang dấu ấn to lớn của một thời đại hào hùng.</p> <p>+) Khái niệm về gia đình lính của nhà thơ Phạm Tiến Duật vô cùng đơn giản, dễ hiểu nhưng chứa đựng biết bao nghĩa tình đồng đội của những người lính lái xe: “Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời/ Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây”- gia đình lính.</p> <p>+) Tình cảm gia đình của những người lính thật bình dị mà âm áp thân thương tạo nên sức mạnh, nâng bước chân người lính để rồi các anh lại tiếp tục lên đường: “Lại đi, lại đi trời xanh thêm” giành thắng lợi cuối cùng. Trong tâm hồn các anh, trời xanh như chứa chan hi vọng. Câu thơ bay bay, phơi phới, thật lãng mạn, thật mộng mơ. Nhịp điệu câu thơ vừa sôi nổi, vừa nhịp nhàng cùng với điệp từ “lại đi” được lặp lại hai lần gợi tả nhịp sống chiến đấu và hành quan của “tiểu đội xe không kính” mà không một sức mạnh bom đạn nào có thể ngăn cản nổi. Sự sống của các anh không chỉ tồn tại mà còn tồn tại trong một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang – tư thế của người chiến thắng.</p> <p><i>-Những người lính lái xe Trường Sơn có tình yêu đất nước sâu nặng, có ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, thống nhất đất nước:</i></p> <p>+ Bài thơ khép lại với bốn câu thơ thể hiện ý chí sắt đá của những người lính. Miền Nam chính là động lực mạnh mẽ nhất, sâu xa nhất tạo nên sức mạnh phi thường của người lính cách mạng.</p> <p>+ Với biện pháp liệt kê, điệp từ “không có”, nhà thơ đã diễn tả mức độ khốc liệt ngày càng tăng của chiến trường.</p> <p>+ Đối lập với những cái “không có” chỉ cần “có một trái tim” đã làm nổi bật sức mạnh, ý chí ngoan cường của người lính lái xe. Hình ảnh <i>trái tim</i> là một hoán dụ nghệ thuật đẹp đẽ và đầy sáng tạo, khẳng định phẩm chất cao quý của các chiến sĩ lái xe trên đường ra tiền tuyến lớn. Các anh xứng đáng với truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc Việt Nam; tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước của thế hệ thời đánh Mỹ.</p> <p>(Hs lấy dẫn chứng thơ phân tích, bình luận, đánh giá) => “<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i>” là một bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ <i>Lửa đèn, Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, ...</i> Chất giọng trẻ, chất lính của bài thơ bắt nguồn từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam thời chống Mỹ mà chính nhà thơ đã sống, đã trải nghiệm. Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, bài thơ đã khắc họa, tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá con người, hoà</p>	<p>2,0</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p>
--	---	----------------------------------

<p>nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng và âm hưởng sử thi hào hùng của văn học Việt Nam trong ba mươi năm chống xâm lược 1945 - 1975.</p> <p><i>Luận điểm 3: Hình ảnh những chiếc xe không kính độc đáo và vẻ đẹp của hình ảnh những người lính lái xe trong bài thơ được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ kết hợp thể thơ bảy chữ và tám chữ, tạo cho bài thơ có điệu thơ gần với lời nói, tự nhiên, sinh động. - Khai thác chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh, Phạm Tiến Duật đưa vào thơ những hình ảnh, chi tiết rất thực, làm giàu thêm cho chất liệu thơ ca (hình ảnh những chiếc xe không kính, những cảm giác, ấn tượng của người lái xe trong xe không kính). - Giọng điệu bài thơ ngang tàng phù hợp với đối tượng miêu tả, làm nổi bật được tính cách hồn nhiên, sôi nổi, trẻ trung, tinh nghịch, bản lĩnh kiên cường, tinh thần dũng cảm ... của những người lính lái xe Trường Sơn. - Ngôn ngữ giản dị, ngôn ngữ chất sống-đời sống chiến trường, khiến cho lời thơ đậm chất văn xuôi nhưng vẫn thú vị, rất thơ. <p>(Hs lấy một số hình ảnh, từ ngữ minh chứng cho những hình thức nghệ thuật đặc sắc).</p> <p>3. Liên hệ đến bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” của Hồ Chí Minh:</p> <p><i>* Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” thể hiện tinh thần lạc quan của Bác Hồ trong những năm tháng khó khăn của đời sống cách mạng, là hình ảnh đẹp về Bác – Người chiến sĩ cách mạng với tâm hồn cao đẹp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - “Tức cảnh Pác Bó” đã làm nổi bật lên chân dung của Bác với tinh thần lạc quan trong những năm tháng khó khăn của đời sống cách mạng. Dù những điều kiện sinh hoạt vô cùng hạn chế song bằng tinh thần làm việc hăng say và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Bác vẫn lạc quan mỉm cười, cảm nhận được cái “sang” của con người làm công việc “dịch sử Đảng” - tìm đường cứu nước, cứu dân. - Chữ "sang" trong câu thơ cuối của bài thơ đã làm bật lên tiếng cười vui vẻ, niềm lạc quan trước cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của Bác. Chính tinh thần ấy đã trở thành động lực để Người cùng những người đồng chí vượt qua sự khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của đời sống và tình thế cách mạng để làm việc và chiến đấu. Chỉ một chữ mà khắc họa chân dung tinh thần của một con người. Chữ “sang” xứng đáng là “nhân tự” của bài thơ tứ tuyệt “Tức cảnh Pác Bó”. - Bài thơ đã dựng lên được một bức chân dung tự họa về người chiến sĩ cách mạng với tâm hồn cao đẹp. Đó là chân dung của một con người có tinh thần “thép”, luôn lạc quan, vượt qua những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ,.. để hoàn thành sứ mệnh cao cả của Tổ quốc; một con người có tình yêu đất nước sâu nặng, thiết tha, hết lòng vì độc lập tự do của dân tộc, vì hạnh phúc, ấm no của nhân dân. Đồng thời, người đọc còn cảm 	1,0
--	-----

nhận được tình yêu và phong cách sống hòa hợp với thiên nhiên ở Bác.

-Hình ảnh đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong bài thơ được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc: bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt song ngôn ngữ rất giản dị, gần gũi, thậm chí có cả khẩu ngữ, điều đó thể hiện tinh thần dân tộc trong ngòi bút thơ ca Hồ Chí Minh. Bài thơ cũng rất tinh tế trong việc lựa chọn trật tự từ, sử dụng từ ngữ có ý nghĩa đối lập để làm toát lên được bức chân dung tự họa của người chiến sĩ cách mạng.

** Nhận xét về điểm tương đồng và sự khác biệt của hai bài thơ*

-“Bài thơ về tiểu đội xe không kính ” của nhà thơ Phạm Tiến Duật và “Tức cảnh Pác Bó” của nhà thơ Hồ Chí Minh đã xây dựng được những hình ảnh đẹp, giàu sức gợi trong thơ ca. Đó là những người chiến sĩ cách mạng có tình yêu đất nước sâu nặng, có tinh thần lạc quan cách mạng, luôn vượt qua những khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ cao cả của dân tộc. Những “hình ảnh đẹp, giàu sức gợi” trong hai bài thơ đã lay động trái tim bạn đọc, giúp người đọc thơ hiểu và trân quý những người chiến sĩ cách mạng – những con người đẹp nhất làm nên tầm vóc của dân tộc. Chính những hình ảnh đẹp này “đã đủ để làm nên một bài thơ hay”.

-Mặc dù có sự tương đồng trong cách xây dựng *hình ảnh đẹp* về người chiến sĩ cách mạng nhưng để tạo dấu ấn, nét riêng của mỗi nhà thơ, của mỗi tác phẩm văn học, hai bài thơ có những cách khám phá và thể hiện những *hình ảnh đẹp* đó khác nhau.

+Hoàn cảnh sáng tác của hai bài thơ khác nhau: “Tức cảnh Pác Bó” được Bác viết trong thời gian trở lại Tổ quốc sau hơn ba mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước, cứu dân. Thời gian này, Bác Hồ sống và làm việc ở trong một hang nhỏ tại Pác Bó- Cao Bằng. Khung cảnh thiên nhiên và đời sống sinh hoạt nơi đây đã khiến Người “tức cảnh sinh tình” và viết nên bài thơ này. Còn “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được nhà thơ Phạm Tiến Duật viết trong thời kì kháng chiến chống Mĩ....

+Bên cạnh đó, hai bài thơ còn khác nhau về thể thơ, cách thể hiện hình ảnh thơ....(Hs nêu)

4. Đánh giá, mở rộng vấn đề bàn luận

- *Khẳng định ý kiến “Chỉ cần hình ảnh đẹp, giàu sức gợi là đã đủ để làm nên một bài thơ hay”* là đúng đắn. Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật và “Tức cảnh Pác Bó ” của Hồ Chí Minh đã xây dựng được những hình ảnh thơ đẹp, làm nên những bài thơ hay khiến trái tim bạn đọc rung động, đắm say.

-Tô Đông Pha có nói : “Ý hết mà lời dừng, ấy là cái lời rất mực trong thiên hạ. Song, lời dừng mà ý không tả hết được, lại càng tuyệt” (Lê Quý Đôn dịch). “Một câu thơ hay là một câu thơ có sức gợi”, bởi từ đó có

	<p>thể gọi ra trong tâm trí người đọc vô vàn màu sắc, hình ảnh, âm thanh và hình tượng mang những chiều sâu chưa nói hết, thôi thúc họ phải tìm hiểu, ngẫm nghĩ, hòa mình vào con chữ để thấm nhuần ý tứ và cảm thụ trọn vẹn giá trị ngôn từ trong tác phẩm.</p> <p>- Tuy nhiên, chúng ta không thể tuyệt đối hóa vai trò của hình tượng nghệ thuật đối với bài thơ, vì một thi phẩm ấn tượng còn cần những yếu tố khác như cấu tứ độc đáo, ngôn từ giàu sức gợi, sử dụng đa dạng và phát huy triệt để giá trị các biện pháp tu từ... Đặc biệt là dấu ấn cá nhân của tác giả in đậm trong từng sáng tác. Hiểu rộng hơn, nội dung và hình thức của một tác phẩm văn học phải thống nhất khăng khít với nhau. Nhà thơ luôn cố gắng tìm một hình thức phù hợp nhất để ‘bộc lộ một cách đầy đủ, hấp dẫn nhất nội dung. Do vậy, một tác phẩm văn học đích thực, xuất sắc phải là phát minh hình thức và một khám phá về nội dung.</p> <p>- Bài học rút ra cho các nhà thơ của hôm nay và mai sau: phải mài giũa ngòi bút của mình sao cho thật sắc bén để viết nên những vần thơ giàu hình ảnh, không cần hoa mỹ nhưng đủ hàm súc và sức gợi để làm nên sức ảnh hưởng mạnh mẽ của văn chương đối với tâm hồn bạn đọc. Ấy mới thật là vần thơ trác tuyệt.</p> <p>- Chính những hình ảnh mang vẻ đẹp về cuộc sống, về con người trong thơ ca sau bao dụng công sáng tạo của nhà thơ sẽ khiến “triệu trái tim trong triệu năm dài” phải ngân lên khúc ca của sự đồng điệu, hòa quyện nơi tâm hồn. Đó là lí do mà từ buổi bình minh của văn chương đến nay, thơ vẫn là tri kỉ lớn nhất của trái tim nhân loại.</p>	
	<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25

**PHÒNG GD&ĐT
LỚP 9
HUYỆN HẬU LỘC**

ĐỀ KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI

Năm học 2019-2020

Môn thi: Ngữ văn

Ngày khảo sát: 20/02/2020

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao

đề)

Đề gồm 02 phần, 06 câu, 02 trang

Phần 1. Đọc – hiểu:

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu :
“Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa. Lửa xuất hiện khi có tương tác, ít ra là hai vật thể

tạo lửa. Lửa là kết quả của số nhiều. Cô bé bán diêm là số đơn. Cô đã chết vì thiếu lửa. Để rồi từ đó loài người đã cảnh giác thấp nển suốt mùa Giáng sinh để cho không còn em bé bán diêm nào phải chết vì thiếu lửa. Nước Việt hình chữ “S”, hiện thân của số nhiều, lẽ nào không biết nuôi lửa và truyền lửa, lẽ nào thiếu lửa? Không có lửa, con rồng chẳng phải là rồng, chỉ là con giun, con rắn. Không có lửa làm gì có “nồng” nân, “nhiệt” tâm! Làm gì có “sốt” sắng, “nhiệt” tình, đuốc tuệ! Làm gì còn “nhiệt” huyết, “cháy” bỏng! Sẽ đâu rồi “lửa” yêu thương? Việc mẹ cha, việc nhà, việc nước, làm gì với đôi vai lạnh lẽo, ơ hờ? Không có lửa em lấy gì “hun” đúc ý chí, “nấu” sủ sôi kinh? Em... sống đời thực vật vô tri như lưng cây, mắt lá, đầu cành, thân cỏ.... Cho nên: Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội. Thế nhưng: Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”.
(Trích *Thấp mình để sang xuân*, Nhà văn Đoàn Công Lê Huy)

Huy)

Câu 1: (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn bản trên?

Câu 2: (1.5 điểm) Chỉ ra và phân tích giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ nổi bật trong hai câu văn sau: “Hòn đá có thể cho lửa, cành cây có thể cho lửa. Nhưng chỉ có con người mới biết nuôi lửa và truyền lửa”.

Câu 3: (2 điểm) Tại sao tác giả lại nói: “Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách – Việt” ?

Câu 4: (2 điểm) Thông điệp ý nghĩa nhất đối với anh/chị được rút ra từ đoạn văn bản trên?

Phần 2: Tập làm văn

Câu 1 (4 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh / chị về ý kiến nêu ở phần đọc – hiểu : “Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”?

Câu 2. (10 điểm)

“Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm (Vôn – te)

Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến trên? Bằng việc cảm nhận về bài thơ “ Nói với con” của Y Phương và liên hệ với “ Ông đồ ” của Vũ Đình Liên, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐỘI TUYỂN TỈNH NĂM HỌC: 2019-2020 MÔN NGỮ VĂN

Phầ n	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC - HIỂU	6.0đ
	1	- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5

I	2	Chỉ ra được biện pháp tu từ ẩn dụ qua hình ảnh “lửa” - Giá trị biểu đạt: Hình ảnh “lửa” gọi nhiệt huyết, đam mê, khát vọng, ý chí, niềm tin, là tình yêu thương mãnh liệt... của con người, ngọn lửa ấy được con người nuôi dưỡng trong tâm hồn và có thể lan tỏa sang người khác.	0.5 1.0
	3	- “ <i>Biết ủ lửa</i> ” là biết nhen nhóm, nuôi dưỡng lửa trong tâm hồn mình – ngọn lửa của đam mê, khát vọng, của niềm tin, ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống, ngọn lửa của tình yêu thương. - “ <i>Biết ủ lửa để giữ nhân cách – người, nhân cách Việt</i> ”- Có ngọn lửa đam mê, khát vọng mới dám sống hết mình, dám theo đuổi ước mơ, hoài bão. Có ngọn lửa của ý chí nghị lực sẽ có sức mạnh để vượt qua khó khăn trở ngại, đến được cái đích mà mình mong muốn Có ngọn lửa của tình yêu thương sẽ sống nhân ái, nhân văn hơn, sẵn sàng hi sinh vì người khác. Ngọn lửa ấy giúp ta làm nên giá trị nhân cách con người.	2.0
	4	HS có thể rút ra những thông điệp khác nhau từ đoạn văn bản trên và trình bày suy nghĩ thấm thía của mình về thông điệp đó. Chẳng hạn : không có lửa cuộc sống con người chỉ còn là sự tồn tại.	2.0
		LÀM VĂN	14.0đ
II	1	Qua những điều rút ra từ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về : “Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?”	4.0
		<i>a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nếu không có lửa làm sao thành mùa xuân?</i>	0.25
		<i>c. Triển khai hợp lí nội dung nghị luận</i> Học sinh có thể trình bày theo nhiều hướng khác nhau miễn là hợp lí và có sức thuyết phục, trên cơ sở hiểu đúng nội dung câu chuyện và yêu cầu của đề. Sau đây chỉ là một số gợi ý: - <i>Dẫn dắt vào vấn đề:</i> - <i>Giải thích</i> + Mùa xuân – mùa khởi đầu một năm, mùa để vạn vật hồi sinh trỗi dậy. Yếu tố làm nên mùa xuân của đất trời là sức sống; còn yếu tố làm nên mùa xuân của cuộc đời, của con người là lửa . + Lửa là nhiệt huyết, khát vọng, đam mê; là ý chí, nghị lực, niềm tin; là tình yêu thương của con người với con người... - <i>Bàn luận</i> + Có lửa để con người mạnh mẽ, tự tin, dám nghĩ, dám làm,	3.0 0.5 0.5

	<p>dám theo đuổi ước mơ, hoài bão. Có lửa con người mới sống hết mình trong cháy khát, đam mê. Có lửa để con người sống NGƯỜI hơn, nhân văn hơn. Lửa thôi thúc ta vươn tới những tầm cao mới, lửa làm nảy nở những búp chồi hạnh phúc ...</p> <p>+ Nếu lửa chỉ cháy trong một cá nhân chẳng khác nào một ngọn nến le lói trong bóng đêm. Ngọn lửa phải lan tỏa, chúng ta cùng cháy mới có thể thắp lên “mùa xuân”.</p> <p>+ Phê phán một bộ phận giới trẻ sống hời hợt, ảo tưởng, thiếu “lửa” không có ước mơ, hoài bão, ru mình trong vỏ bọc sẽ luôn gặp thất bại trên đường đời.</p> <p>(Lấy dẫn chứng để chứng minh).</p> <p>- <i>Bài học nhận thức và hành động</i></p> <p>+ Luôn giữ trong mình ngọn lửa của niềm đam mê, của khát khao hi vọng, của tình yêu thương...</p> <p>+ Đừng bao giờ chán nản và bỏ cuộc khi gặp khó khăn, thành công chỉ đến khi ta có sự nỗ lực không ngừng nghỉ, sự kiên định vững vàng và thời gian. Hãy ủ ngọn lửa trong ta mùa xuân nhất định sẽ về bởi "Phải biến mình thành một ngọn lửa, ta mới có thể làm bừng lên ánh sáng của thành công".</p> <p>(Tùy vào cách diễn đạt, trình bày của HS mà GV cho điểm phù hợp với khả năng các em).</p> <p>d. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, văn hóa, pháp luật trong cuộc sống hiện nay.</p> <p>e.Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo các quy tắc về chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	<p>1.5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
2	<p>Làm rõ ý kiến của Vân – te qua “Nói với con” của Y Phương, liên hệ với “Ông đồ ” của Vũ Đình Liên.</p> <p>A. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i> Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p> <p>B. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Vai trò của cảm xúc trong thơ</p> <p>C. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i></p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>Dẫn dắt vấn đề.</p> <p>1.Giải thích sơ lược ý kiến của Vân - te</p> <p>*Giải thích:</p> <p>+ Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn: Thơ ca là nơi kết tinh những giai điệu cảm xúc của tâm hồn nhà thơ.</p> <p>+ Những tâm hồn cao cả, đa cảm luôn mang lại cho thơ những âm điệu phong phú, mới mẻ có chiều sâu làm nên sức</p>	<p>10.0</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>9.0</p> <p>0.25</p> <p>0.75</p>

	<p>hấp dẫn cho thơ</p> <p>=> Nhận định đã khẳng định vai trò then chốt của cảm xúc và nhất là một tâm hồn nhạy cảm, một tấm lòng sâu nặng với đời sống thể hiện trong thơ.</p> <p>*Bàn luận:</p> <p>-Thơ ca là âm nhạc của tâm hồn:</p> <p>+ Thơ ra đời từ những xúc cảm thẩm mỹ phong phú, mãnh liệt của người nghệ sĩ trước cái đẹp muôn màu, trước muôn vạn trạng thái, cảnh ngộ gọi trần trở, suy tư từ cuộc sống.</p> <p>+ Ngôn ngữ thơ đã giúp những cung bậc cảm xúc ấy ngân lên trên trang thơ thành những giai điệu phong phú, cuốn hút và chinh phục lòng người mang theo sức sống tâm hồn của mỗi nhà thơ.</p> <p>- Vẻ đẹp của những tâm hồn cao cả, đa cảm làm nên sức sống cho thơ</p> <p>+ Tâm hồn nhà thơ chân chính luôn nhạy cảm trước mọi vẻ đẹp của đời sống sẽ dẫn lối người đọc đến xứ sở của những đắm say và thái độ nâng niu cái đẹp.</p> <p>+ Người nghệ sĩ ấy cũng luôn trăn trở suy tư trước nỗi đau và khát vọng của con người, trước vận mệnh dân tộc sẽ mang đến cho thơ không chỉ xúc cảm tha thiết mà còn cả một chiều sâu tư tưởng thấm thía thanh lọc con người.</p> <p>+ Song, để sức lay động của câu thơ được thực sự chấp cánh bay cao cũng rất cần đến tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ.</p>	
	2. Chứng minh:	5.0đ
	2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:	0.5
	2.2. Chứng minh qua “Nói với con” của Y Phương.	4.5
	<p>Luận điểm 1: Bài thơ “Nói với con” là “âm nhạc của tâm hồn” cao cả, đa cảm Y Phương, là khúc nhạc tâm tình của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng, về những phẩm chất tốt đẹp của “người đồng mình” và khát vọng của cha về con.</p> <p>*Cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người:</p> <p>+ Đó là tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – tình cảm gia đình tha thiết.</p> <p>+ Con không chỉ được sống trong cái nôi êm ái của gia đình mà còn được chở che trong tình quê hương sâu nặng. Thiên nhiên quê hương tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẽ chia giúp cho con trưởng thành.</p> <p>(dẫn chứng thơ, phân tích, bàn luận khổ 1,2 -> đánh giá)</p> <p>* “Âm nhạc của tâm hồn” mà bài thơ “Nói với con” mang đến cho trái tim bạn đọc nhiều rung cảm còn thể hiện ở lời dẫn dắt ân tình của người cha với con về những phẩm chất tốt</p>	2.0

	<p>đẹp của “người đồng mình” và khát vọng của cha về con</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: + Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, nguồn cội: +Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc + Cha động viên con bằng lời nhắn nhủ triu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu, cha khơi dậy trong con sự tự tin, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, chuẩn bị cho con hành trang bước vào đời. <p>(dẫn chứng thơ, phân tích, bàn luận khổ cuối -> đánh giá)</p> <p>-> <i>Khúc tâm tình của người cha nói với con được thể hiện bằng tâm hồn cao cả, đa cảm của nhà thơ Y Phương.</i></p> <p>-Xuất phát từ hoàn cảnh ra đời của bài thơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> +Hoàn cảnh riêng của nhà thơ. +Hoàn cảnh chung của đất nước. <p>-Tình cảm gắn bó, sống thủy chung, nặng tình, nặng nghĩa của nhà thơ với “người đồng mình”.</p> <ul style="list-style-type: none"> +Thấu cảm về những khó khăn, thử thách mà “người đồng mình” đã trải qua trong những ngày gian khó. +Am hiểu sâu sắc truyền thống của quê hương, dân tộc Tày. +Tự hào về truyền thống của quê hương và có niềm tin, khát vọng mãnh liệt về tương lai tốt đẹp của “người đồng mình”.... 	
	<p>Luận điểm 2: “Âm nhạc của tâm hồn cao cả, đa cảm” của nhà thơ Y Phương trong “Nói với con” được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài thơ viết theo thể tự do phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên linh hoạt: Mạch cảm xúc phát triển từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống, cách dẫn dắt tự nhiên, có tầm khái quát và vô cùng thấm thía. + Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con. + Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu xa, có sức quyến rũ kì lạ, khơi gợi nhiều liên tưởng “Quả là một thứ ngôn ngữ thổ cẩm quyến rũ”. + Cùng với việc sử dụng từ ngữ và hệ thống hình ảnh mang đậm bản sắc vùng cao, giọng điệu cũng là một phương tiện khá đặc sắc đã chở tải một cách hiệu quả những giá trị tư tưởng đẹp đẽ của bài thơ: Rắn rỏi, mạnh mẽ, chắc nịch, khỏe khoắn nhưng âm hưởng chung của bài thơ không hề thô 	1.0

	<p>cứng...</p> <p>chứng minh bằng những hình thức nghệ thuật đặc sắc của bài thơ: thể thơ, giọng điệu, cách thể hiện tình cảm, cảm xúc “chất thổ cẩm”....trong thơ Y Phương.....)</p>	
	<p>Đánh giá về bài thơ:</p> <p>+ Bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi, Y Phương đã thể hiện tình cảm đằm thắm, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Với những ý nghĩa đó, bài thơ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi từ tình cảm đằm thắm đến tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, bình dị, nâng lên thành lẽ sống, từ lời tâm sự dặn dò con hôm nay thành lời nhắn nhủ cho những thế hệ con cháu mai sau.</p> <p>+ Bài thơ là tiếng nói tiêu biểu của hồn thơ cao cả, đa cảm Y Phương- một hồn thơ chân thật, mạnh mẽ, giàu trải nghiệm, với một chất giọng sâu lắng và đầy nội lực- Một chất giọng có âm hưởng của nắng gió, của sông suối, của thác ghềnh, của một cuộc sống còn nhiều những nhọc nhằn gian khó nhưng đầy chí khí và niềm tin.</p> <p>+ Lời thơ khi nhẹ nhàng tâm tình, khi trầm tư sâu lắng, hình ảnh thơ được vẽ nên bằng lối cảm, lối nghĩ của người miền núi, một tính cách Tây, một hồn cốt Tây, tất cả cộng hưởng tạo ra không gian thơ độc đáo... “Nói với con” là âm nhạc của tâm hồn cao cả, đa cảm Y Phương.</p>	0.5
	<p>3. Liên hệ với “Ông đồ” (Ngữ văn 8) của Vũ Đình Liên.</p>	2,0đ
	<p>- “Ông đồ” là “Âm nhạc của tâm hồn” cao cả, đa cảm Vũ Đình Liên, là sự ngậm ngùi trước “<i>di tích tiều tụy đáng thương của một thời tàn</i>”, là sự gặp gỡ giữa hai nguồn thi cảm: <i>lòng thương người và tình hoài cổ!</i>”. Bài thơ được viết bằng nỗi cảm khái trước thời thế ảm lạnh nhân tình. Đọc “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “<i>lòng thương người</i>” và “<i>tình hoài cổ</i>” được bắt nguồn - đó chính là trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên.</p> <p>- “Âm nhạc của tâm hồn cao cả, đa cảm” Vũ Đình Liên trong “Ông đồ” được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:</p> <p>+ Bài thơ được xây dựng trên mạch cảm xúc tâm trạng của nhân vật trữ tình mà âm hưởng chủ đạo là nỗi buồn, xót xa, day dứt khôn nguôi. Càng về cuối nỗi đau càng được khắc hoạ sâu và rõ hơn giúp chúng ta thấu hiểu được cái tình của</p>	0,5

		<p>thi nhân.</p> <p>+ Sử dụng thể thơ ngũ ngôn và ngôn ngữ gợi cảm, giàu sức tạo hình, Vũ Đình Liên đã làm cho tác phẩm của mình có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên</p>	
		<p>4.So sánh điểm tương đồng và sự khác biệt</p> <p>- Điểm tương đồng:</p> <p>- Điểm gặp gỡ giữa Y Phương và Vũ Đình liên là khúc nhạc tâm tình của tâm hồn cao cả, đa cảm. Cả hai nhà thơ đều bày tỏ tâm tình của mình. Y Phương trong “Nói với con” bày tỏ niềm tự hào về truyền thống quê hương, lòng tự tôn dân tộc qua lời cha truyền thắm cho con. Còn Vũ Đình Liên trong <i>Ông đồ</i> như đang lặng lẽ đứng ở một góc phố khuất đời theo số phận của ông đồ với một niềm mến yêu, thương cảm và nhớ tiếc rung rung.</p> <p>- Điểm khác biệt:</p> <p>+ “Nói với con” ra đời khi đất nước đang chuyển mình sang giai đoạn mới (1980) , khi đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân cả nước nói chung, nhân dân các dân tộc thiểu số ở miền núi nói riêng vô cùng khó khăn, thiếu thốn, qua bài thơ nhà thơ muốn nói rằng chúng ta phải vượt qua sự ngặt nghèo, đói khổ bằng văn hóa. Từ hiện thực khó khăn ấy, nhà thơ viết bài thơ này để tâm sự với chính mình, động viên mình, đồng thời để nhắc nhở con cái sau này về việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc.</p> <p>+ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên thuộc phong trào Thơ mới (1932 - 1943), với luồng gió ào ạt của văn hóa phương Tây, nền Hán học và chữ Nho ngày càng mất vị thế trong đời sống văn hóa xã hội Việt Nam. Các nhà nho từ chỗ là nhân vật trung tâm của đời sống văn hóa dân tộc, được xã hội tôn vinh, bỗng trở nên lạc bước trong thời đại mới, bị cuộc đời bỏ quên và cuối cùng là vắng bóng. Vũ Đình Liên bày tỏ nỗi cảm thương, ngậm ngùi, tiếc nuối thoáng chút ân hận của lớp người đương đại về những ông đồ xưa và nét đẹp của văn hóa truyền thống đã bị phai tàn theo quy luật của thời gian.</p>	1.0đ
		<p>5.Đánh giá chung</p> <p>-Đánh giá chung về giá trị nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ, khẳng định ý kiến đưa ra ở đề bài là đúng đắn.</p> <p>-Ý kiến xác đáng, có ý nghĩa lí luận mở ra những bài học trong sáng tác và tiếp nhận:</p> <p>+ Với người sáng tác cần chú ý tới tính thẩm mỹ, vẻ đẹp phong phú, độc đáo của thơ. Muốn vậy nhà văn cần có một tâm hồn đẹp, tinh tế và tài hoa và có tầm tư tưởng sâu sắc trước cuộc đời</p> <p>+ Với người tiếp nhận: Đây là một tiêu chí quan trọng gợi ý cho chúng ta cảm nhận và đánh giá thơ ca</p>	1.0

		<i>D. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
		<i>E. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

Lưu ý:

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của học sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng

**PHÒNG GD&ĐT
HUYỆN HẬU LỘC**

**KSCL ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH LỚP 9
NĂM HỌC 2021-2022**

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

“Vậy đó, mỗi bàn chân mang trong mình một câu chuyện. Có bàn chân tảo tần hôm sớm chỉ để chắt chiu từng đồng - không phải cho mình mà cho gia đình, con trẻ. Có bàn chân đẹp đẽ mềm mướt, lo nổi lo lớn hơn: làm sao để ăn sạch hơn, thở sạch hơn, vinh hiển hơn. Đó là bàn chân của những chuyến di cư, tạm cư, định cư, tái định cư, hay đơn giản nhất là những chuyến đổi gió, gọi vui là trốn bão.

Có bàn chân đến, háo hức tìm tòi. Có bàn chân đi vội vàng dứt khoát. Có bước chân nặng nề gió bão. Có bước chân ra đi để tìm về sau tháng ngày mỗi mệt. Có bàn chân đợi chờ hoặc bước ngang qua, rồi đi tiếp. Cũng có bàn chân dừng lại “tìm đến cái chết nghỉ ngơi”...

Dẫu đi hay dừng, dẫu vui hay buồn, dẫu phía trước là khó khăn, thiên tai, khủng hoảng, dẫu chưa biết những bước chân sẽ dẫn đến phương trời nào: thành bại, khôn ngoan, hy vọng hay thất vọng... thì với nhiều trải nghiệm và bản năng, chắc chắn bàn chân sẽ chọn cho mình một đôi giày vừa vặn. Để nếu không đủ cảm hứng đưa ta băng mình về phía trước, ít nhất cũng có thể tránh được gai nhọn sỏi đá, ẩn mình chờ thời cơ mới.

Dẫu thế nào, câu chuyện chung của bàn chân là... sự chuyển động. Mỗi sự chuyển động đều chứa đựng những mầm xanh. Chưa biết cây hy vọng và lạc quan có mọc lên không, nhưng ít nhất sự chuyển động sẽ không làm bàn chân nhỏ đóng rêu...

(“Yêu thương là tự do”- Trần Lê Sơn Ý)

Câu 1 (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2 (1,5 điểm) Vì sao tác giả lại nói: “mỗi bàn chân mang trong mình một câu chuyện”?

Câu 3 (2,0 điểm) Giải thích ý nghĩa của ý văn sau: “chắc chắn bàn chân sẽ chọn cho mình một đôi giày vừa vặn.”

Câu 4 (2,0 điểm) Câu văn “Mỗi sự chuyển động đều chứa đựng những mầm xanh” gợi cho em suy nghĩ gì?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm)

“Có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi

Có con người sống mà như qua đời...”

(“Đồng dao cho người lớn”- Nguyễn Trọng Tạo)

Từ suy ngẫm về mối quan hệ giữa các hình tượng (*cánh rừng-con người*), hãy viết một đoạn văn nghị luận xã hội trình bày một vấn đề mà em rút ra được từ 2 câu thơ trên.

Câu 2 (10,0 điểm)

Nghĩ về thơ, Thanh Thảo tâm sự: “Kỳ lạ, là thơ. Lúc ta cất công tìm nó, thì nó chạy đi đâu, còn lúc tình cờ, ta chợt nghe trong mình một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ những cảm nhận về những “tiếng nói” tình cờ, mãnh liệt trong bài thơ “Bếp lửa” của nhà thơ Bằng Việt liên hệ đến bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1: PTBD: Nghị luận

Câu 2: Tác giả khẳng định “mỗi bàn chân mang trong mình một câu chuyện”? là vì mỗi bàn chân là một câu chuyện về cuộc đời, số phận mỗi con người. Câu chuyện cuộc đời con người: Dù buồn, vui, sướng, khổ, đau đớn, bất hạnh hay sung sướng, hạnh phúc thì đều có ý nghĩa riêng, câu chuyện cuộc đời của mỗi con người không giống nhau. Vậy nên mỗi bàn chân là một câu chuyện cuộc đời để làm nên sự đa sắc màu trong cuộc sống vốn nhiều bộn bề này.

Câu 3: Ý nghĩa của câu văn: “chắc chắn bàn chân sẽ chọn cho mình một đôi giày vừa vặn.” – Trong cuộc sống này, mỗi người có hoàn cảnh riêng, số phận riêng, công việc riêng, đích đến riêng ...và những cung bậc cảm xúc, mong muốn, ước mơ riêng, không ai giống ai song điều quan trọng là bản thân họ tự vun vén cho cuộc sống của chính mình sao cho tròn vẹn, cho phù hợp với điều kiện của bản thân.

Câu 4: Câu văn “Mỗi sự chuyển động đều chứa đựng những mầm xanh” gợi cho em suy nghĩ gì?

Mỗi chuyển động là mỗi bước chân con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời đều mang trong mình mầm xanh của niềm tin, hi vọng, của những kiếm tìm hạnh phúc, kiếm tìm bến đỗ bình yên. Đó cũng chính là khát vọng sống của con người – Khát vọng bình an.

II. TẠO LẬP VĂN BẢN

Câu 1:

1. Giải thích

- “Có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi”: “cánh rừng chết” có thể hiểu cánh rừng đã bị hủy diệt, bị cháy do nạn phá rừng; “cánh rừng... vẫn xanh trong tôi” là ẩn dụ cho những con người còn sống hoặc đã ra đi nhưng những thành tựu mà họ để lại cho đời vẫn còn mãi, có giá trị bền vững với thời gian.

- “Có con người sống mà như qua đời”: con người sống (tồn tại) chỉ với thân xác bởi suy nghĩ tầm thường ích kỷ cho riêng mình. Sống một đời sống tẻ nhạt vô vị nhàm chán không tạo ra giá trị, sống vô nghĩa, sống hoài, sống phí ...

=> Bằng ngòi bút tài hoa của mình, Nguyễn Trọng Tạo đã vận dụng một cách tinh tế biện pháp tu từ so sánh nhằm làm nổi bật sự phê phán của tác giả với những con người đang tồn tại, sống hoài, sống phí.... Như vậy, mối quan hệ đối lập giữa “cánh rừng chết” và “con người sống” đã khẳng định sự cần thiết của lối sống đẹp, sống có ích của con người.

2. Bàn luận, mở rộng:

- Tại sao mỗi chúng ta cần sống đẹp, sống có ích?

+ Mỗi con người khi sinh ra mang trong mình một nghĩa vụ, trách nhiệm, sống có khát vọng hoài bão ước mơ, mong muốn để lại dấu ấn trong cuộc đời, lưu lại trong trái tim người khác là điều mà ai cũng mong đạt được... Họ hiểu được giá trị của cuộc sống, mong được cống hiến sống có ích, đóng góp công lao của mình cho quê hương đất nước, hiểu được giá trị của cuộc đời, ...

+ Con người sẽ sống đẹp nếu con người có mục tiêu, lý tưởng vươn lên, biết vận dụng giá trị vật chất, giá trị nhân văn, giá trị tinh thần, giá trị thẩm mỹ vào cuộc sống, và phải thực sự hài hòa trong quan hệ với mọi người.

+ Sống đẹp mãi là động lực để mỗi người phấn đấu nếu như mỗi người biết cống hiến, biết hy sinh và có bản lĩnh. Sống đẹp có thể những việc làm cao đẹp nhưng lại có những việc gần gũi hằng ngày. Có người nói, sinh ra ở trên đời là bình thường theo lẽ tự nhiên nhưng sống xứng đáng ở trên đời để sống có ích cho gia đình và xã hội được mọi người yêu mến và tin cậy là sự phấn đấu suốt đời là tâm nguyện *Sống đẹp cho đời*.

(Hs lấy dẫn chứng một nhân vật cụ thể nào đó minh họa)

- Bên cạnh những người có lối sống đẹp, có không ít người trong xã hội có suy nghĩ ích kỷ, hẹp hòi, chỉ quan tâm đến lợi ích của bản thân mà thờ ơ, vô trách nhiệm với người khác hay có con người lưu lại dấu ấn bằng hành động việc làm lập dị chơi trội, tiêu cực.... Đó là những việc làm xấu, gây ảnh hưởng và kéo theo nhiều tệ nạn xã hội. Sống đẹp là điều tốt, đáng được tuyên dương còn ngược lại, sống ích kỷ, tiêu nhân là hành động đáng lên án.

3. Bài học

- Sống đẹp không khó, chỉ khó khi ta lười biếng, e ngại hoặc chưa đủ quyết tâm, dễ dàng bỏ cuộc, buông xuôi. Mỗi chúng ta không thể trở thành người sống đẹp chỉ trong một ngày, một giờ, quan trọng mọi thứ xuất phát từ tấm lòng và bản thân chúng ta luôn biết trau dồi mình, sống hướng thiện, sống có mục đích, lý tưởng đẹp,...

-Ngay từ bây giờ và ngay lúc này, bản thân cần chăm chỉ học tập, biết yêu thương và sống có trách nhiệm để : “... khi chết đi/Mọi người đều khóc/Còn môi anh thì nở nụ cười”.

Câu 2:

1.Giải thích:

- **Thơ** là hình thức nghệ thuật dùng từ trong ngôn ngữ làm chất liệu, và sự chọn lọc từ cũng như tổ hợp của chúng được sắp xếp dưới hình thức lôgic nhất định tạo nên hình ảnh hay gợi cảm âm thanh có tính thẩm mỹ cho người đọc. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức trong cuộc sống, những liên tưởng phong phú, nhưng cái cốt lõi của thơ là trữ tình. Thơ ca bao giờ cũng là tấm gương của tâm hồn, là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời. Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan. Về đẹp và tính chất gợi cảm, truyền cảm của thơ có được còn do ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu.

– *Lúc cất công tìm nó thì nó chạy đi đâu*: Lúc người nghệ sĩ gò câu ép chữ, gượng mình viết thơ. Cảm xúc không chân thật, sản phẩm viết ra chỉ là một sáng tác mang tính hô hào, cổ động, đó chỉ là sản phẩm mang hình thức thơ, thiếu cảm xúc hoặc cảm xúc nhạt nhẽo, vô vị, người ta đọc rồi quên ngay. Đó là những xác chữ không hồn nằm thẳng đơ trên trang giấy. Thơ không phải là sự ghi chép, lắp ghép câu chữ, dụng công sáng tác.

– *Lúc tình cờ, ta chợt nghe trong lòng mình một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào, không rõ bắt đầu, không rõ kết thúc*: Thơ đến bất chợt trong giây phút, thôi thúc người nghệ sĩ cầm bút viết, viết như một sự hồi thúc mà không biết đã bắt đầu như thế nào, kết thúc ra sao, cảm xúc dào dạt thăng hoa. Đó là những khoảnh khắc xuất thần của nhà thơ tạo nên những sáng tác – lúc mà tứ thơ bất chợt nảy ra

=> Khẳng định bản chất của thơ ca, thơ bắt nguồn từ cảm xúc . “Thiếu tình cảm thì có thể trở thành người thợ làm những câu có vần chữ không làm được nhà thơ” (nhà thơ Cuba. Jose Marti)

***Bình luận: (Hs vận dụng trong quá trình giải thích ý kiến)**

-Nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng là sản phẩm của cảm xúc.“Tình cảm là sợi dọc của văn. Còn lời văn là sợi ngang của tư tưởng. Cái sợi dọc có ngay thẳng thì cái sợi ngang mới kết thành được. (Lưu Hiệp trong “Văn tâm điều long”).Tình cảm, cảm xúc làm cho nghệ thuật thăng hoa và có sức sống mãnh liệt.

-Tình cảm, cảm xúc giữ một vị trí trọng yếu trong cảm hứng của người làm thơ.Từ muôn xưa Việt Nam đã dùng thơ ca để nói lên những nỗi vui, buồn, mừng giận, âu lo,ước mong thầm kín trong lòng mình.

- Tình cảm đó còn lúc tình cờ, ta chợt nghe trong mình một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.” Cảm xúc trong thơ đến bất chợt tình cờ, không có ý sắp đặt, bởi cội nguồn của thơ ca là cảm xúc dồi dào mãnh liệt của tâm hồn nhà thơ khi va chạm với cuộc đời. Nhưng những cảm xúc bất chợt đó không phải là những tình cảm dễ dãi mang tính bản năng mà là tình cảm được lắng đọng qua cảm xúc thẩm mỹ. Đó là

những phút lóe sáng khi tâm hồn nghệ sĩ đạt đến độ chín nhất “thơ là sự chín đỏ trong cảm xúc”. Những cảm xúc bất chợt đến ấy đã toát lên tư tưởng sâu sắc, mới mẻ. Thơ không chấp nhận những triết lý khô khan, giáo điều. Chính giây phút thăng hoa nhà thơ viết được những vần thơ có ý nghĩa, kết đọng ở bề sâu. Qua mỗi vần thơ ta cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ và những tư tưởng nhân văn tiến bộ hướng đến giá trị Chân Thiện Mỹ.

- Tiếng lòng thổn thức của nhà thơ phải được thể hiện qua thủ pháp nghệ thuật đa dạng phong phú “Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”. Thế giới nghệ thuật đó luôn ẩn chứa cá tính sáng tạo, độc đáo của người nghệ sĩ.

2. Chứng minh:

2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Bằng Việt là một nhà thơ tiêu biểu của thế kỉ XX và là đại diện xuất sắc của phong trào thơ trẻ thời chống Mỹ. “*Với cách nhìn cuộc sống bằng con mắt thấm đượm tình yêu, thơ anh đã nói lên được điều sâu nặng, đầy âm vang về đất nước, con người, dân tộc*”. (Hồng Thọ).

- Bài thơ “Bếp lửa”: Hoàn cảnh tác giả sáng tác bài thơ: Viết 1963 khi tác giả đang du học ở Liên xô (cũ), nơi lạnh giá xứ người, xa quê hương, xa người bà đã khơi gợi nỗi nhớ thương về quê hương, về bếp lửa ấm nồng cùng với hình ảnh bà yêu dấu. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình cho mỗi người đọc qua dòng hồi tưởng của cháu về kỷ niệm tuổi thơ bên bà, bên bếp lửa – qua tình cảm bà cháu của nhân vật trữ tình.

2.2 Chứng minh

Luận điểm 1: Bài thơ “Bếp lửa” đã tạo được những điều “kì lạ” trong thơ từ những điều bình dị, gắn gũi những rất đời thường liêng trong cuộc đời mỗi con người, đó là tình cảm bà cháu, tình quê hương đất nước sâu nặng thiết tha - “tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.”

**Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh người bà với sự chăm sóc, lo toan, vất vả và tình yêu thương trù mền dành cho đứa cháu* (Hs phân tích, bình giá 3 câu thơ đầu của bài thơ).

**Từ hình ảnh bếp lửa thân thương quê nhà, người cháu nhớ về người bà kính yêu và những kỉ niệm tuổi thơ đầy yêu bên cạnh bà với cuộc sống có nhiều gian khổ nhưng ấm áp nghĩa tình.* (Hs phân tích, bình giá khổ 2,3,4 của bài thơ).

**Trong tận sâu thẳm tâm trí của cháu, hình ảnh bà và những kỷ niệm tuổi thơ luôn gắn với hình ảnh bếp lửa- ngọn lửa quê nhà* (Hs phân tích, bình giá khổ 5 của bài thơ).

**Những suy ngẫm của người cháu về bà và hình ảnh bếp lửa được thể hiện qua những vần thơ đầy xúc động* (Hs phân tích, bình giá khổ 6 của bài thơ)

**Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành. Cháu đã được sống với những niềm vui rộng mở, nhưng cháu vẫn không thể quên bếp lửa của bà, vẫn không nguôi nhớ thương bà. Nỗi nhớ bà, nhớ quê hương khôn nguôi, da diết* (Hs phân tích, bình giá khổ thơ cuối):

***Đánh giá khái quát:** Bài thơ là lời của người cháu ở nơi xa nhớ về bà và những kỉ niệm với bà, nói lên lòng kính yêu và những suy ngẫm về bà, từ tình cảm gia đình, bài thơ mở rộng thành tình yêu đất nước. Với hình tượng bếp lửa

và hình tượng người bà, bài thơ “Bếp lửa” đã khơi dậy trong lòng mỗi người đọc tình cảm bà cháu đẹp đẽ, tình cảm gia đình thiêng liêng. Tình cảm của nhân vật trữ tình, của tác giả đã làm sâu sắc, đẹp đẽ, bền vững thêm tình cảm gia đình trong mỗi người đọc. Bài thơ khơi dậy và làm đẹp thêm tình cảm gia đình gắn bó hài hòa trong tình yêu quê hương đất nước- qua những suy ngẫm của cháu về bà, về đất nước, dân tộc, nhân dân mình. Đồng thời, bài thơ chứa đựng chiều sâu triết lí: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

Luận điểm 2: Những điều “kì lạ” trong bài thơ “Bếp lửa” tạo nên từ tình cảm bà cháu, tình quê hương đất nước sâu nặng thiết tha -“tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc” được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc.

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và bình luận.
- Thể thơ tám chữ (kết hợp linh hoạt với bảy chữ và chín chữ) phù hợp diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm sâu xa.
- Giọng điệu tâm tình thiết tha, tự nhiên, chân thành phù hợp với lời tâm tình của đứa cháu với bà.
- Bài thơ sáng tạo được hình ảnh “bếp lửa” vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Trong bài có tới 10 lần tác giả nhắc tới bếp lửa và hiện diện cùng bếp lửa là hình ảnh người bà. Hai hình ảnh đó gắn bó mật thiết, vừa tách bạch, vừa nhào lẫn trong nhau, toả sáng trong nhau. Bếp lửa là biểu tượng về sự tảo tần, chăm sóc, tình yêu thương và sức sống bền bỉ của bà. Bếp lửa gắn với những khó khăn, gian khổ của đời bà. Bếp lửa là gia đình, quê hương, đất nước, là cội nguồn của mỗi con người.
- Hình tượng bếp lửa được khắc sâu bởi cách thể hiện độc đáo qua giọng điệu, nhịp điệu, lối trùng điệp. Giọng điệu là giọng nồng đượm của lửa. Và nhịp điệu là nhịp bập bùng của lửa. Lời thơ cứ tràn ra, dâng lên mỗi lúc thêm nồng nàn, ấm nồng.

3. Liên hệ

-Giới thiệu khái quát về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ “Ông đồ”.

- Đọc bài thơ “Ông đồ”, chúng ta cảm nhận sâu sắc “một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.” của nhà thơ Vũ Đình Liên

+Bài thơ “Ông đồ” thể hiện nỗi niềm trăn trở, suy tư và cả niềm mến yêu, thương cảm và nhớ tiếc rung rung của nhà thơ về sự mai một, lụi tàn của nét đẹp truyền thống dân tộc: nghệ thuật viết chữ thư pháp, cho chữ của các ông đồ trong ngày Tết cổ truyền.

+Ở “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, ta cảm nhận được tất cả nỗi lo lắng mơ hồ, cảm nhận tâm sự bơ vơ của Vũ Đình Liên và cao hơn hết là một tình người lớn lao ôm trùm cả không gian và thời gian. Nhẹ nhàng, tinh tế và sâu lắng, nhà thơ đưa ta vào thế giới của riêng mình – nơi “lòng thương người” và “tình hoài cổ” được bắt nguồn - đó chính là trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương của Vũ Đình Liên.

- « tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.” Trong bài thơ “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên, “được thể hiện qua hình thức nghệ thuật đặc sắc:

+ Bài thơ được xây dựng trên mạch cảm xúc tâm trạng của nhân vật trữ tình mà âm hưởng chủ đạo là nỗi buồn, xót xa, day dứt khôn nguôi. Càng về cuối nỗi đau càng được khắc họa sâu và rõ hơn giúp chúng ta thấu hiểu được cái tình của thi nhân.

+ Sử dụng thể thơ ngũ ngôn và ngôn ngữ gợi cảm, giàu sức tạo hình, Vũ Đình Liên đã làm cho tác phẩm của mình có dáng dấp một câu chuyện, kể về cuộc đời một ông đồ từ lúc còn được người đời trân trọng, cảm phục tới khi bị lãng quên.

4. So sánh điểm tương đồng và sự khác biệt

* **Điểm tương đồng:** Điểm gặp gỡ giữa hai bài thơ “Bếp lửa” và “Ông đồ” đó là cả hai thi phẩm được viết lên từ những tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt của những nhà thơ dễ rung động trước cái đẹp của con người và cuộc đời, tạo nên những điều “kì lạ” trong thơ từ những điều bình dị trong tình cảm, cuộc sống của con người. « tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.” trong hai bài thơ đều là những tình cảm cao đẹp “có khả năng đánh thức bao ấn tượng vốn ngủ quên trong kí ức của con người”, giúp chúng ta hướng thiện, biết trân quý tình cảm thiêng liêng, bền vững trong mỗi con người và biết trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc.

- Điểm khác biệt:

+ Hai bài thơ ra đời ở những hoàn cảnh khác nhau: Bài thơ “Bếp lửa”: được sáng tác vào năm 1963, còn “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên sáng tác năm 1936, đăng lần đầu tiên trên báo *Tinh Hoa*.

+ Nội dung khai thác ở mỗi bài thơ khác nhau: “Bếp lửa”: tình bà cháu-tình cảm gia đình làm sâu sắc thêm tình quê hương, đất nước. “Ông đồ”: tình người, nỗi niềm hoài cổ, lòng tiếc thương cho một nét đẹp trong bản sắc văn hóa của dân tộc bị mai một, lụi tàn.

+ Hình thức nghệ thuật để gửi gắm tình cảm, cảm xúc, bức thông điệp về cuộc đời ở mỗi nhà thơ khác nhau: Thể thơ: “Bếp lửa” được viết theo thể thơ tám chữ, “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên được viết theo thể thơ năm chữ. Bài thơ “Bếp lửa”, nhà thơ Bằng Việt khai thác hình ảnh trung tâm : bếp lửa và người bà để bộc lộ nội dung tư tưởng của bài thơ. “Ông đồ”, nhà thơ Vũ Đình Liên lại tập trung miêu tả, bộc lộ cảm xúc về hình ảnh ông đồ gắn với không khí ngày xuân “hoa đào nở”...

5.Đánh giá – mở rộng:

– Nhận xét của Thanh Thảo đã đề cao vai trò của cảm xúc. Để có được những cảm xúc bất chợt đến và tạo nên sáng tác chứa đựng những tư tưởng cao đẹp người nghệ sĩ phải sống trọn vẹn từng khoảnh khắc với cuộc đời.

-Khẳng định bài thơ “Bếp lửa” của nhà thơ Bằng Việt và “Ông đồ” của Vũ Đình Liên đã thể hiện được sự “kì lạ của thơ” và « tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc” mà mỗi thi phẩm mang lại cho người yêu thơ....

-Bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Không có tài năng nghệ thuật đủ chín, câu chữ, tứ thơ non nớt, hình ảnh nhạt nhòa thì dù có trái tim có căng tràn nhựa sống, cảm xúc tuôn trào cũng không thể có thơ. Mỗi nhà thơ khi sáng tạo nghệ thuật cần phải có cái Tài và cái Tâm, phải dày công sáng tạo trau chuốt ngôn từ, chọn lọc hình ảnh; ..phải có những rung động tinh tế, những cảm xúc, suy nghĩ chân thành, gắn bó sâu sắc với cuộc

đời, con người để tác phẩm thơ thật sự đặc sắc về nghệ thuật và sâu sắc về nội dung tư tưởng, lay động trái tim bạn đọc, hướng tâm hồn người yêu thơ tới giá trị chân -thiện-mĩ...

+ Thái độ tiếp nhận của người đọc: Người đọc khi tiếp nhận cần nâng niu, trân trọng tác phẩm cũng như tài năng, tâm huyết của người nghệ sĩ, cảm nhận những giá trị mà tác giả đã gửi gắm, đồng sáng tạo cùng nhà văn, nhà thơ để tác phẩm sống mãi với thời gian, dấu ấn của người nghệ sĩ in sâu mãi trong trái tim độc giả.

ĐỀ XUẤT ĐỀ THI HSG CẤP TỈNH
MÔN THI: NGỮ VĂN 9
NĂM HỌC 2021 – 2022
Thời gian làm bài: 150 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em
Nhưng làm được những điều phi thường lắm
Bởi hai tiếng nhân văn được cất vào sâu thẳm
Bởi vẫn giữ vẹn nguyên hai tiếng đồng bào.*

*Em thấy không? Trong nỗi nhọc nhằn, vất vả, gian lao
Khi dịch bệnh hiểm nguy đang ngày càng lan rộng
Cả đất nước mình cùng đồng hành ra trận
Trên dưới một lòng chống dịch thoát nguy.*

(Trích "Đất nước ở trong tim" - Chu Ngọc Thanh)

Câu 1 (1.0 điểm): Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

Câu 2: (1.0 điểm). Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của hai câu thơ “Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em /Nhưng làm được những điều phi thường lắm”.

Câu 3 (2,0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ:

*“Bởi hai tiếng nhân văn được cất vào sâu thẳm
Bởi vẫn giữ vẹn nguyên hai tiếng đồng bào”.*

Câu 4. (2.0 điểm) Đoạn thơ trên gửi đến chúng ta thông điệp gì? (Diễn đạt bằng đoạn văn khoảng 7 - 10 dòng).

II. Tạo lập văn bản:

Câu 1: (4.0 điểm)Viết một đoạn văn nghị luận (200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói:

“ Cuộc sống là nguyên liệu thô sơ, chúng ta là những nghệ nhân. Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều do bàn tay chúng ta”.

Câu 2: (10.0 điểm)

Trong một lần tâm sự về nghề, nhà văn Bùi Hiển đã rất tâm huyết bày tỏ khát vọng qua những trang viết: “mỗi truyện ngắn phải là một sự phát hiện bất ngờ về con người” (theo – Nhà văn nói về tác phẩm)

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua truyện ngắn: “Làng” của Kim Lân (Ngữ văn 9 – tập 1) liên hệ với “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ Văn 8 – tập 1)

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 9

1. Hướng dẫn chung:

Hướng dẫn chấm được xây dựng theo hướng đánh giá năng lực. Giáo viên cần nắm bắt được bài làm của học sinh trong tính chỉnh thể của bài viết; cần trọng, linh hoạt và tinh tế khi đánh giá, tránh đếm ý cho điểm. Trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng, có khả năng tư duy sáng tạo, độc lập; học sinh có các cách trình bày khác nhau song cần phải hợp lý và có sức thuyết phục.

2. Hướng dẫn cụ thể:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	1	- Thể thơ: Tự do. - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm	1.0 đ
	2	* Ý nghĩa 2 câu thơ: “Đất nước mình bé nhỏ vậy thôi em /Nhưng làm được những điều phi thường lắm”. => Hai câu thơ như một lời khẳng định một lời nhận xét từ sâu thẳm trong tim rằng đất nước VN ta tuy bé nhỏ vậy thôi nhưng trải qua bao thăng trầm lịch sử nước ta vẫn luôn đứng vững ngay cả khi đại dịch CO-VID 19 tràn lan. - Biện pháp tu từ : điệp từ: “bởi” - Tác dụng:	1.0 đ
	3	+ Nhấn mạnh con người VN bất khuất kiên cường, nhân dân VN một lòng đoàn kết: tương thân, tương ái – Đó là sức mạnh của toàn dân tộc giúp đẩy lùi mọi khó khăn, vất vả. Tình yêu	2.0 đ

thương và tinh thần đoàn kết ấy đang tiếp thêm sức mạnh cho nước ta chiến thắng đại dịch.

+ Làm bài thơ trở nên sinh động, hấp dẫn, giàu tính biểu cảm, giàu sức thuyết phục.

– **Thông điệp của bài thơ:** Hãy sống yêu thương nhân ái và trách nhiệm.

4 – Bản thân cần học tập và phát huy: (Học sinh có thể làm theo cách hiểu khác. Các ý sau chỉ là tham khảo) **2.0 đ**

+ Rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống chuẩn mực.

+ Đem nhân ái, yêu thương đến với mọi người bằng những hành động thiết thực.

+ Sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

+ Luôn phát huy sức mạnh tuổi trẻ, nhiệt huyết thanh niên. Phát huy truyền thống nhân văn, nhân đạo của đất nước.

+ Yêu đất nước, Tổ quốc, sống có ước mơ hoài bão.

+ Lên án lối sống vô trách nhiệm, thờ ơ, vô cảm.

II **Câu - HS trình bày được suy nghĩ của bản thân về câu nói:**

1 **“ Cuộc sống là nguyên liệu thô sơ, chúng ta là những nghệ nhân. Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều do bàn tay chúng ta ”.** **4.0 đ**

a. *Đảm bảo thể thức của một đoạn văn và đảm bảo số câu chữ.* **0,25 đ**

b. *Xác định đúng vấn đề nghị luận: sức sống bền bỉ, mãnh liệt của con người trước sóng gió cuộc đời. Hoặc: Cách nhìn nhận, khám phá cái đẹp của đời sống.* **0,25đ**

c. *Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn:* **3.0 đ**

1. Dẫn dắt vấn đề nghị luận. **0,25 đ**

2. Giải thích ý kiến: **0,75 đ**

– *Cuộc sống là nguyên liệu thô:* Cách nói hình ảnh để chỉ những bộn bề phức hợp của cuộc sống: thuận lợi và khó khăn, tốt đẹp và ác xấu, bình lặng và bão giông.

– *Nghệ nhân:* con người tài năng, tâm huyết đạt đến độ tinh túy trong công việc của mình.

– Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta: Từ nguyên liệu cuộc sống mỗi người sẽ tạo nên tác phẩm cuộc đời của mình.

– Câu nói đã khẳng định và đề cao vai trò quyết định của mỗi cá nhân đối với cuộc sống của chính mình. Chính thái độ sống, năng lực sống của bản thân sẽ làm nên giá trị, ý nghĩa cuộc sống của mỗi người. **1,5 đ**

3. Bàn luận ý kiến:

– Đây là một quan điểm sống tích cực, mạnh mẽ và sâu sắc.

– Cuộc sống luôn mang trong mình những bộn bề, phức tạp, nếu chúng ta sống một cách chủ động và tích cực, biết gạt bỏ những cái xấu, tận dụng và phát huy những điều tốt đẹp, biến khó khăn, thử thách thành cơ hội thì ta sẽ có một tác phẩm cuộc đời mình thật tuyệt đẹp.

– Nếu buông xuôi và phó mặc, bị động và để cuộc sống trôi đi, khi ấy tác phẩm cuộc đời của mỗi chúng ta chỉ là những vật thể xấu xí.

(Dẫn chứng)

– Mở rộng và nêu phản đề: Tuy nhiên, không phải lúc nào, không phải với bất cứ ai, muốn trở thành thể nào cũng được. Tác phẩm cuộc đời của mỗi người còn chịu sự tác động không nhỏ của hoàn cảnh khách quan.

4. Bài học nhận thức và hành động:

0,5 đ

- Mỗi người phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ. Hãy cố gắng trở thành những nghệ nhân chuyên tâm và tài hoa nhất để làm nên tác phẩm tuyệt đẹp cho cuộc đời mình.

d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, phù hợp.

0,25 đ

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

0,25 đ

2

Trong một lần tâm sự về nghệ, nhà văn Bùi Hiển đã rất tâm huyết bày tỏ khát vọng qua những trang viết: “mỗi truyện ngắn phải là một sự phát hiện bất ngờ về con người”

10.0 đ

(theo – Nhà văn nói về tác phẩm)

Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua truyện ngắn: “Làng” của Kim Lân (Ngữ văn 9 – tập 1) liên hệ truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ Văn 8 – tập 1)

a. Bài viết đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài.

0,25 đ

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận

0,25 đ

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm

9.0 đ

I. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

0,5 đ

II. Thân bài:

8.0 đ

1. Giải thích ý kiến:

1.0 đ

- **Truyện ngắn:** Thể loại tự sự có dung lượng ngắn, cô đọng, hàm súc nhưng có sức biểu hiện lớn lao nhờ vào việc lựa chọn những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa.

- **Con người:** là đối tượng trung tâm của văn học, là chủ thể sáng tạo, vừa là đối tượng phản ánh, lại vừa là đối tượng tiếp nhận. Cho nên sứ mệnh cao cả của văn chương là phản ánh một cách sinh động, trung thực về con người.

- **Những phát hiện bất ngờ về con người:** đó là sự phát hiện về đẹp tính cách, những phẩm chất tiềm tàng, đáng quý trong con người. Nhưng vẻ đẹp ấy nhiều khi bị số phận, hoàn cảnh, vẻ bề ngoài hoặc hiểu lầm mà che khuất.

- Muốn phát hiện những điều bất ngờ về con người, nhà văn cần phải có tấm lòng đồng cảm, thấu hiểu, có cái nhìn yêu mến, trân

trọng... Vẻ đẹp của con người cần phải nhìn nhận ở “bề sâu, bề xa”.

=> **Ý nghĩa của câu nói:** ý kiến của nhà văn Bùi Hiển đề cập đến sứ mệnh, nhiệm vụ quan trọng của văn học nói chung và của truyện ngắn nói riêng. Văn chương trước hết là câu chuyện con người với muôn mặt phong phú, phức tạp, với tất cả chiều sâu của nó. Đây là những định hướng tích cực cho cả người sáng tác và người tiếp nhận văn bản.

2. Chứng minh ý kiến:

0,5 đ

a) Khái quát về tác giả, tác phẩm

b. Chứng minh:

b.1. Làng (Kim Lân)

* **Kim Lân đã có những “khám phá bất ngờ về con người” – vẻ đẹp mới mẻ trong nhận thức, tình cảm của người nông dân sau Cách mạng. Tiêu biểu là nhân vật ông Hai**

- Khái quát: Hình tượng người nông dân mới, có nhiều quyền lợi do Đảng, cách mạng đem lại khác hẳn với những người nông dân thời đại trước như Lão Hạc, chị Dậu...

4.0 đ

- HS biết chọn một số nét nổi bật về nhân vật để phân tích, đánh giá vấn đề như:

+ Ông Hai – người nông dân có sự phát triển mới mẻ, bất ngờ trong nhận thức so với trước cách mạng (nêu dẫn chứng, cảm nhận)

+) Cách ông Hai khoe làng trước và sau Cách mạng.

+) Ông Hai được sống đời sống kháng chiến: Được học binh dân học vụ. Tập quân sự, nghe tình hình thời sự, chính trị của đất nước, tin tưởng tuyệt đối vào cụ Hồ vào kháng chiến...

=> Người nông dân được giải phóng, được đổi đời, làm chủ cuộc sống, điểm này người nông dân trong xã hội cũ không có được.

- **Đặc biệt ông Hai có sự đổi mới trong tình cảm, tư tưởng khi nghe tin thất thiệt về làng Dầu.** (Nêu dẫn chứng, cảm nhận riêng của bản thân)

+) Lúc nghe tin dữ (biểu hiện tâm trạng, tình cảm, thái độ của ông Hai...)

+) Lúc phải quyết định: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo tây thì phải thù”, lúc trò chuyện với con trai, lúc cất lời thề son sắt với kháng chiến, với cụ Hồ...

+) Lúc khoe nhà bị Tây đốt.

-> Tóm lại, ở ông Hai tình yêu nước rộng lớn, bao trùm tình yêu làng quê. Đó là thứ tình cảm thiêng liêng cao đẹp. Nó thấm tẩm mọi thứ tình cảm khác, đòi hỏi ông Hai phải hy sinh khi có mâu thuẫn.

=> Kim Lân đã phát hiện ra bước ngoặt trong nhận thức của nhân vật là kết quả của quá trình đấu tranh nội tâm gay gắt, chỉ có ở những người nông dân sau cách mạng => sự trân trọng của

2.0 đ

Kim Lân với thế hệ người dân cày Việt Nam hồn hậu, thuần phác.

b.2. Liên hệ với truyện ngắn: Lão Hạc (Nam Cao)

*** Nam Cao đã có những khám phá bất ngờ về con người – vẻ đẹp của con người trong vẻ bề ngoài lầm lũi, gàn dở, trong tình cảnh cùng cực, trớ trêu. Tiêu biểu là nhân vật lão Hạc.**

0,5 đ

- Hoàn cảnh cùng cực (Dẫn chứng: Vợ chết, con bỏ đi..)
- Vẻ đẹp tâm hồn: HS biết chọn một số chi tiết nổi bật về nhân vật để phân tích, đánh giá vấn đề như:

- + Đau khổ, dần vật khi bán chó...=> nhân hậu
- + Từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo. Tự trọng
- + Gửi tiền lại để làm ma cho mình.
- + Không chịu bán vườn, chọn cách chấm dứt cuộc sống

nghèo khổ, túng quẫn bằng bán chó => Thương con.

-> Như vậy, bi kịch của lão Hạc là bi kịch của con người phải từ bỏ sự sống để bảo toàn nhân tính, tình thương và lòng tự trọng. Nó cho thấy sự chủ động của con người trước hoàn cảnh tăm tối cùng cực, đấu cho có chết thì vẻ đẹp của tình người và sự lương thiện vẫn tỏa sáng.

=> Nam Cao yêu thương, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn nhân cách của con người.

3. Đánh giá nét sáng tạo của hai nhà văn:

- Hai nhà văn là những người có vốn sống, sự trải nghiệm sâu sắc: Kim Lân: hiểu rõ về con người, đời sống tình cảm của người nông dân sau cách mạng. Họ được giải phóng, đổi đời... Nam Cao: khắc họa rõ nét cuộc sống khổ cực của người nông dân trước cách mạng. Họ bị áp bức, bóc lột....

- Tài năng miêu tả, khắc họa nội tâm nhân vật của hai nhà văn: Sự am hiểu tâm lý nhân vật, sử dụng ngôn ngữ, cách kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn...

III. Kết bài.

- Khẳng định lại ý kiến: *Ý kiến “Mỗi truyện ngắn phải là một sự phát hiện bất ngờ về con người”* là hoàn toàn đúng đắn. Tác phẩm nghệ thuật nói chung và truyện ngắn nói riêng có vai trò khám phá cái đẹp, phản ánh cái đẹp, phản ánh những điều mới mẻ, bất ngờ trong cuộc sống đặc biệt là khám phá những vẻ đẹp trong tâm hồn con người.

0,5 đ

- Suy cho cùng tác phẩm nghệ thuật nào cũng hướng đến con người, vì cuộc sống của con người ...

d. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.

0,25 đ

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

0,25 đ

.....Hết.....

PHÒNG GD HẬU LỘC
LỚP 9

ĐỀ THI KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HSG

Năm học 2021 - 2022

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút (Không kể thời gian

giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

CẢM ƠN ĐẤT NƯỚC

*Tôi chưa từng đi qua chiến tranh
Chưa thấy hết sự hy sinh của bao người ngã xuống
Thuở quê hương còn gồng gánh nổi đau.*

*Tôi lớn lên từ rẫy mía, bờ ao
Thả cánh diều bay
Lội đồng hái bông súng trắng
Mẹ nuôi tôi dải dầu mưa nắng
Lặn lội thân cò quãng vắng đồng xa.*

*Tôi lớn lên từ những khúc dân ca
Khoan nhặt tiếng đàn kìm
Ngân nga sáo trúc
Đêm Trung thu say sưa nghe bà kể
Chú Cuội một mình ngồi gốc cây đa.*

*Thời gian qua
Xin cảm ơn đất nước
Bom đạn mấy mươi năm vẫn lúa reo, sóng hát
Còn vọng vang với những câu Kiều
Trong từng ngân ẩy những thương yêu
Tiếng mẹ ru hời
Điệu hò thánh thót
Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người*

*Đất nước của tôi ơi!
Vẫn sáng ngời như vầng trăng vành vạnh.*

(Huỳnh Thanh Hồng)

Câu 1.(1.0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

Câu 2. (1.0 điểm) Hình bóng quê hương được hiện lên qua những hình ảnh nào? Qua

đó em có nhận xét gì về quê hương trong cảm nhận của tác giả?

Câu 3. (2.0 điểm) Gọi tên và nêu tác dụng của các phép tu từ nổi bật được sử dụng trong những dòng thơ sau:

*Thời gian qua
Xin cảm ơn đất nước
Bom đạn mấy mươi năm vẫn lúa reo, sóng hát
Còn vọng vang với những câu Kiều
Trong từng ngấn ăy những thương yêu
Tiếng mẹ ru hời
Điệu hò thánh thót
Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người.*

Câu 4. (2.0 điểm) Thông điệp nào được gửi gắm trong câu thơ: “Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người”? (Trình bày bằng một đoạn văn không quá 10 dòng)

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

"Nếu tôi thất bại, tôi sẽ thử làm lại, làm lại và làm lại nữa. Nếu bạn thất bại, bạn sẽ cố làm lại chứ? Tinh thần con người có thể chịu đựng được những điều tệ hơn là chúng ta tưởng. Điều quan trọng là cách bạn đến đích. Bạn sẽ cán đích một cách mạnh mẽ chứ?"

(Trích “Cuộc sống không giới hạn” - Nick Vujicic)

Hãy trình bày suy nghĩ của em về thông điệp được Nick Vujicic gửi đến qua những lời trên bằng một đoạn văn (khoảng 200 từ).

Câu 2 (10.0 điểm)

Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng:

Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.

(Xuân Diệu, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36).

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ **Đồng chí** của nhà thơ Chính Hữu (Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. Liên hệ với bài **Khi con tu hú** của Tố Hữu để thấy được điểm gặp gỡ và khác biệt trong vẻ đẹp người chiến sĩ cách mạng trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể.

=====Hết=====

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I		Phân đọc – hiểu	6.0đ
	1	- Thể thơ: tự do - Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	0,5 0,5
	2	Hình bóng quê hương được hiện lên qua những hình ảnh: <i>gồng gánh nỗi đau, rẫy mía, bờ ao, cánh diều bay, bông súng trắng, lúa reo sóng hát, khúc dân ca, đàn kìm, sáo trúc, điệu hò, lời ru của mẹ, Truyện Kiều...</i> - Quê hương hiện lên gần gũi, thân thuộc với cuộc sống, sinh hoạt, lao động, gắn liền với bản sắc văn hóa truyền thống ngàn đời của dân tộc. - Từ đó, mà mỗi chúng ta cần biết tự hào và có tình yêu quê hương tha thiết sâu sắc.	0,5 0,5
	3	- Các biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ: + Nhân hóa: <i>lúa reo, sóng hát</i> + Ẩn dụ: <i>lúa reo, sóng hát, mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người.</i> Tác dụng: Cảm nhận được nỗi đau của quê hương qua bao năm tháng chiến tranh và sự hi sinh của con người trong những năm tháng đau thương ấy. Đồng thời gọi ra hình ảnh quê hương – nơi gắn liền với những kỉ niệm bình dị, tình yêu thương của mẹ hiền. Quê hương chính là cái nôi ươm mầm, nuôi dưỡng chúng ta trưởng thành. Từ đó thể hiện tình yêu thương và lòng tự hào về quê hương: dù trải qua bao gian lao, vất vả, bao sự tàn phá của chiến tranh nhưng quê hương vẫn sáng ngời truyền thống tốt đẹp, giá trị nhân văn, luôn tỏa sáng, giàu sức sống, tròn đầy như vàng trắng vành vành. - Giúp cho cách diễn đạt của đoạn thơ trở nên sinh động, hấp dẫn.	0,5 1,0 0,5
	4	Học sinh có thể đưa ra nhiều thông điệp khác nhau nhưng phải phù hợp với nội dung của bài thơ: Có thể trả lời theo hướng sau: Thông điệp gửi gắm qua câu thơ “ <i>Mang hình bóng quê hương tôi lớn thành người</i> ”: là một người con của quê hương, tuy chưa từng đi qua chiến tranh, nhưng nhân vật trữ tình vẫn cảm nhận được những mất mát đau thương mà quê hương đã trải qua trong cuộc chiến; hiểu rõ vùng quê nghèo khó nhưng giàu truyền thống, giàu giá trị nhân văn; nơi đó có gia đình, những người thân yêu, có kỉ niệm tuổi thơ. Và quê hương trở nên gần gũi, như máu thịt đã nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm, nuôi dưỡng “tôi” trưởng thành. Trong từng bước đường “tôi” đi, luôn mang hình bóng quê hương, vì quê hương mà phấn đấu, mà quyết tâm học tập, xây dựng tương lai “tôi lớn thành người”.	2.0
II		Tạo lập văn bản	

	<p>dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947). Trong chiến dịch này, Chính Hữu là chính trị viên đại đội...</p> <p>- Đặt bài thơ “<i>Đồng chí</i>” vào tình hình sáng tác thơ ca ... cảm hứng thơ hướng về chất thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình dị, bình thường, không nhấn mạnh cái phi thường.</p> <p>2.2: Chứng minh:</p> <p><i>Luận điểm 1: Bài thơ “Đồng chí” không chỉ giản đơn là sự sao chép cuộc sống hay tình cảm con người, mà đi qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu nó đã trở thành tiếng lòng, tâm hồn, là những cảm nhận sâu sắc của ông về cuộc đời người lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.</i></p> <p><i>*Cảm nhận sâu sắc về cơ sở của tình đồng chí</i></p> <p>- Sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân: Xuất thân từ những vùng quê nghèo khó, cuộc sống còn nhiều vất vả gian lao: Tình đồng chí của “tôi” và “anh” bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân. Nếu như “anh” đến từ nơi “nước mặn đồng chua” thì “tôi” xuất thân từ vùng quê “nghèo đất cày lên sỏi đá”.</p> <p>Hai con người đến từ những vùng quê nghèo khó của Tổ quốc “chẳng hẹn quen nhau”. Họ gặp nhau vì cùng chung lí tưởng cách mạng, vì tình yêu với Tổ quốc lớn lao.</p> <p>- Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:</p> <p>+ Điệp từ “súng”- “đầu” hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ và mục đích, lí tưởng chiến đấu của người lính.</p> <p>-> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại. Đồng thời làm đặc sắc thêm những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Đồng chí</i>.</p> <p>- Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn: Mọi tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm:</p> <p><i>“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.</i></p> <p>Từ quen nhau đến thành tri kỉ, từ “chẳng hẹn” đến “súng bên súng, đầu sát bên đầu” rồi đến “đêm rét chung chăn”, những người lính chia sẻ với nhau những gian khó của cuộc chiến để trở thành tri kỉ trong nhau. Đây là điểm sáng mang lại nhiều giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Đồng chí</i>.</p> <p><i>* Cảm nhận sâu sắc về những biểu hiện của tình đồng chí.</i></p> <p><i>- Sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:</i></p> <p>+ Các anh là những người lính gác tình riêng, ra đi vì nghĩa lớn,</p>	
--	--	--

		<p>để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao băn khoăn, trăn trở.</p> <p>+ Hai chữ "<i>mặc kệ</i>" -> Thái độ dứt khoát của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, mục đích đã chọn lựa:</p> <p><i>"Anh trai làng quyết đi giết giặc lập công"</i>.</p> <p>+ Hình ảnh "<i>gian nhà không</i>" vừa gọi cái nghèo, cái xơ xác của những miền quê lam lũ, vừa gọi sự trống trải trong lòng người ở lại.</p> <p>+ "<i>Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính</i>" là cách nói tế nhị, giàu sức gợi. Quê hương nhớ người đi lính hay chính những người ra đi luôn nhớ về quê hương. Thủ pháp nhân hóa và hai hình ảnh hoán dụ đã biểu đạt sâu sắc tâm trạng, nỗi niềm của những người lính nơi chiến tuyến. Nhớ về quê hương cũng chính là cách tự vượt lên mình, vượt lên tình riêng vì sự nghiệp chung của đất nước. Tóm tắt những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ <i>Đồng chí</i> không thể bỏ qua những hình ảnh đắt giá này.</p> <p>- Chia sẻ cùng nhau những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính:</p> <p>+ Tôi với anh cùng chịu đựng những cơn sốt rét rừng, cùng trải qua những ốm đau bệnh tật. Anh với tôi cùng chia nhau sự thiếu thốn trong cuộc đời quân ngũ:</p> <p>+ Những chi tiết tả thực, hình ảnh sóng đôi đã góp phần tái hiện chân thực những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính trong buổi đầu kháng chiến. Các anh đã cùng nhau gánh vác, cùng nhau chịu đựng... Chính tình đồng đội đã giúp họ vượt lên cái "<i>buốt giá</i>" của mùa đông chiến đấu để rồi tỏa sáng nụ cười và càng thương nhau hơn.</p> <p>+ Hình ảnh "<i>Thương nhau tay nắm lấy bàn tay</i>" có sức gợi nhiều hơn tả với nhịp thơ chảy dài. Đây là cách thể hiện tình cảm chân thành, mộc mạc của người lính. "<i>Tay nắm lấy bàn tay</i>" để truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng đội, niềm tin chiến thắng, truyền cho nhau sức mạnh của tình đồng chí. Cái nắm tay ấy còn là lời hứa hẹn lập công.</p> <p>+ Từ những tình cảm chân thành, mộc mạc, gắn bó và những gian khó, thiếu thốn nơi chiến trường hiểm ác, tác giả đã kết thúc bài thơ bằng một câu thơ mang đậm chất lãng mạn, nghệ thuật:</p> <p>* <i>Qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu, tình đồng chí, đồng đội trở thành bức tượng đài bằng thơ bất hủ.</i></p> <p>- Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính "<i>đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới</i>". Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng của những giây phút "<i>chờ giặc tới</i>". Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả....</p>	1,5
--	--	---	-----

	<p>- Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: “<i>Đầu súng trăng treo</i>”. ...</p> <p><i>Luận điểm 2: Dấu ấn rõ nét, độc đáo, sáng tạo về đẹp hình thức nghệ thuật bài thơ.</i></p> <p>-Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt.</p> <p>- Bút pháp hiện thực - bi tráng nhưng không kém phần lãng mạn. Cùng viết về đề tài kháng chiến - người lính nhưng Chính Hữu không khai thác theo bút pháp lãng mạn anh hùng, hào hoa, bi tráng mà ngòi bút của ông nghiêng về hiện thực. Về đẹp của người lính được khắc họa từ chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh: giản dị, chân thực, không tô vẽ, nhấn mạnh, lí tưởng hóa cái phi thường mà ngược lại cái phi thường, cao cả của người lính lại được toát lên từ đời sống thực đó.</p> <p>- Hình ảnh thơ cô đọng, mộc mạc, giản dị, chân thực song rất lãng mạn ...</p> <p>- Ngôn ngữ thơ hàm súc, súc tích, có khi dồn nén, giàu sức biểu cảm.</p> <p>- Sử dụng nhiều từ ngữ đắt giá...</p> <p>->Những sáng tạo độc đáo của bài thơ tạo nên nét riêng cho phong cách</p>	
	<p>3. Liên hệ:</p> <p>- Giới thiệu khái quát tác giả Tố Hữu và bài thơ “<i>Khi con tu hú</i>”.</p> <p>Dẫn vào những tìm tòi, sáng tạo của Tố Hữu thể hiện qua qua bài thơ.</p> <p>- Điểm tương đồng:</p> <p>Cả hai bài thơ đều toát lên vẻ đẹp của người lính với tư tưởng và tình yêu cuộc sống và khát khao được tham gia cách mạng. Tuy họ mới bắt đầu là những người lính từ quê hương chưa được tôi luyện và thử thách ,nhưng họ lại có một ý chí ,một lý tưởng sống và sự kiên cường nhiệt huyết đó chính là điều cốt lõi để tạo nên chiến thắng kẻ thù.</p> <p>Hai tác phẩm đều hướng tới những tư tưởng tình cảm tốt đẹp về khát vọng được cống hiến và hy sinh. Qua đó đã giúp người đọc tự hào , ngưỡng mộ ,lan toả những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn con người.</p> <p>- Điểm khác biệt:</p> <p>+ <i>Về hoàn cảnh ra đời.</i> Bài thơ <i>Khi con tu hú</i> sáng tác khi nhà thơ trên bước đường hoạt động cách mạng bị địch bắt giam trong chốn lao tù lúc đó nhà thơ mới 19 tuổi. Một tâm trạng uất ức ngột ngạt của người Cộng sản trẻ tuổi , sôi nổi , yêu đời bị giam cầm giữa bốn bức tường vô lạnh. Tâm trạng ấy lại càng muốn hướng tới một bầu trời tự do bên ngoài.</p> <p>+ <i>Về nội dung:</i> Bài thơ cho ta hiểu thêm nét đẹp trong tâm hồn</p>	1,0

	<p>người Cộng sản trẻ tuổi ,người chiến sỹ xả thân vì lý tưởng cao đẹp ,có tình yêu quê hương và đất nước tha thiết sâu nặng.</p> <p>+ Về nghệ thuật: Đồng chí của Chính Hữu được viết bằng thể thơ tự do hàm súc cô đọng với nhịp điệu biến đổi linh hoạt theo tình cảm, cảm xúc ở từng đoạn thơ, bài thơ được kết cấu hình bó mạ trong cả thi phẩm. Từ ngữ, hình ảnh giản dị, chân thực mà cô đúc và giàu sức biểu cảm, được khai thác từ đời sống của người lính, từ ngôn ngữ của quần chúng. Đặc biệt, hình ảnh đầu súng trăng treo vừa thực vừa bay bổng, giàu ý nghĩa biểu tượng. Còn bài thơ Khi con tu hú của Tố Hữu được diễn đạt bằng thể thơ lục bát truyền thống mềm mại, tình thơ tha thiết, hình ảnh khi tươi sáng, khi dằn vặt, u uất... đã thể hiện thành công tâm trạng, cảm xúc của tác giả.</p> <p>Sở dĩ có những điểm tương đồng và khác biệt bởi vì nhiệm vụ của thơ ca phải xuất phát từ thực tại đời sống nhưng phải đi qua một tâm hồn trí tuệ. Vì vậy hai nhà thơ đã ...</p> <p>Tuy nhiên ở bài thơ Đồng chí là từ hiện thực của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những ngày đầu còn nhiều khó khăn gian khổ vì vậy hiện thực đi vào trong bài thơ đa dạng, nhiều chiều còn bài thơ Khi con tu hú là từ hiện thực của cuộc sống giam cầm trong nhà lao nên hướng tới khát vọng phá tan gông cùm xiềng xích để đến với tự do.</p> <p>Mặt khác tác giả bài thơ Đồng chí là người lính ...</p> <p>-> Những điểm tương đồng và khác biệt ấy đã làm phong phú thêm cho nội dung của thơ ca và mang dấu ấn riêng của tác giả.</p>	
	<p>4. Đánh giá, tổng hợp:</p> <p>- Ý kiến của Xuân Diệu đã thể hiện ...Chính Hữu và Tố Hữu đã làm được điều đó.</p> <p>- Đối với người sáng tạo: Cần có cái nhìn sâu rộng về cuộc đời. Tác phẩm văn học chỉ thực sự hay mang đến cho bạn đọc không chỉ về nội dung và nghệ thuật mà còn làm lắng đọng trong tâm hồn của độc giả về một tình yêu quê hương đất nước mãnh liệt, niềm say mê căng tràn nhiệt huyết trong từng mạch máu của người chiến sỹ trẻ.</p> <p>Bài thơ Khi con tu hú là một khúc ca tâm tình ,là tiếng gọi tha thiết của tâm hồn và niềm khao khát tự do cháy bỏng .</p> <p>-Đối với người tiếp nhận: Sự trân trọng tấm lòng, tài năng của người nghệ sỹ được thể hiện trong tác phẩm, phát huy giá trị tốt đẹp mà tác phẩm để lại; thêm gắn bó cuộc sống, cuộc đời qua những trang văn học.</p>	1,0
	<p>d. Sáng tạo: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (Viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm..) thể hiện được quan điểm và thái độ riêng, sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	0,25

		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
--	--	---	-------------

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

**ĐỀ THI THỬ HỌC SINH GIỎI LỚP 9
CẤP TỈNH NĂM HỌC 2018 - 2019**

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài 150 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. Phần đọc hiểu: (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

TỰ SỰ

*Dù đục, dù trong con sông vẫn chảy
Dù cao, dù thấp cây lá vẫn xanh
Dù người phạm tục hay kẻ tu hành
Đều phải sống từ những điều rất nhỏ.
Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm?
Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng
Nếu tắt cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận ra ta
Ai trong đời cũng có thể tiến xa
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy.
Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy
Đâu chỉ dành cho một riêng ai.*

(Lưu Quang Vũ)

Câu 1 (1,0 điểm): Bài thơ trên viết theo thể thơ nào? Xác định 2 phương thức biểu đạt chủ yếu được sử dụng trong văn bản trên ?

Câu 2 (1,0 điểm): Hãy liệt kê các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ trên?

Câu 3 (2,0 điểm): Em hiểu thế nào về ý nghĩa 2 câu thơ sau:

*"Đất ấp ôm cho muôn hạt nảy mầm
Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng".*

Câu 4 (2,0 điểm): Viết đoạn văn khoảng 7 đến 10 dòng lí giải vì sao tác giả nói rằng:

*Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy
Không chỉ dành cho một riêng ai!*

II. Phần Tập làm văn: (14,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm) : Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về 2 câu thơ trong văn bản phần Đọc hiểu:

*Nếu tắt cả đường đời đều trơn láng
Chắc gì ta đã nhận ra ta.*

Câu 2 (10,0 điểm) : “*Đọc thơ Nguyễn Duy thấy anh hay cảm xúc, suy nghĩ trước những chuyện lớn, chuyện nhỏ quanh mình. Cái điều ở người khác có thể chỉ là chuyện thoáng qua thì ở anh, nó lắng sâu và dường như đọng lại*” . (Hoài Thanh - Báo văn nghệ 14/04/1972). Làm rõ ý kiến trên qua bài thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy. Liên hệ với tác phẩm “*Bầu trời vuông*” để thấy **điều lắng sâu** và **đọng lại** trong thơ ông? .

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1:

Thể thơ: tám chữ (có đan xen cả những câu thơ 7 chữ, 9 chữ)

-Hai phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: biểu cảm và nghị luận .

Câu 2:

- Các biện pháp nghệ thuật có trong văn bản:

+Đôi lập, tương phản: *méo mó/tròn*

+Câu hỏi tu từ: *Sao ta không tròn ngay tợ trong tâm?*

+Nhân hóa: *đất áp ôm...*

+So sánh: *Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy*

+Ẩn dụ: *tròn ngay tợ trong tâm*(cái nhìn, thái độ, suy nghĩ đúng đắn của con người cần tích cực, lạc quan trước cuộc đời cho dù hoàn cảnh như thế nào).

Câu 3.

Ý nghĩa 2 câu thơ:

"Đất áp ôm cho muôn hạt nảy mầm

Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng"

"Đất" - nguồn sống, nguồn dinh dưỡng cho hạt nảy mầm. Nhưng đất không phải của riêng cho một hạt mầm nào. Cũng như cuộc sống trong cõi đời này không dành riêng cho một ai mà cho tất cả chúng ta. Hạnh phúc ở quanh ta nhưng không tự nhiên đến. Nếu muốn có cuộc sống tốt đẹp, muốn có hạnh phúc, tự mỗi người phải có suy nghĩ và hành động tích cực; phải nỗ lực vươn lên, như "Những chồi non tự vươn lên tìm ánh sáng".

Câu 4. Hs viết đoạn văn khoảng 10 dòng để lí giải:

*-Tác giả cho rằng: *Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy/ Không chỉ dành cho một riêng ai!* vì:

+Cũng như bầu trời, hạnh phúc có thể tồn tại ở khắp mọi nơi, bao quanh cuộc sống của chúng ta.

+Hạnh phúc không thuộc quyền sở hữu của riêng cá nhân nào, bất kì ai cũng có thể có được hạnh phúc.

=> Tác giả đưa ra quan niệm về hạnh phúc: ai cũng có thể có được hạnh phúc và chính họ sẽ có thể tạo nên hạnh phúc đó cho mình.

(Thí sinh có thể đưa ra những lí giải khác nhưng phải hợp lí, logic)

II. Phần Tập làm văn: (14,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm) :

- a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: có câu mở đầu đoạn, các câu phát triển ý và câu kết đoạn. Đảm bảo số lượng chữ phù hợp yêu cầu (200 chữ), không quá dài hoặc quá ngắn.
- b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nếu tất cả đường đời đều trơn láng/ Chắc gì ta đã nhận ra ta.
- c. Triển khai vấn đề cần nghị luận thành một đoạn văn hoàn chỉnh, logic; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học cho bản thân.

*** Giải thích:**

- o Tất cả đường đời đều trơn láng: cuộc sống thuận lợi, không hề gặp phải bất trắc, khó khăn.
 - o Ta nhận ra ta: con người nhận ra được chính mình.
- > Nội dung ý thơ: nhiều khi con người sẽ không nhận ra được chính bản thân mình nếu như không phải đối mặt với khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

*** Chứng minh, bình luận:**

- Cuộc đời nếu quá suôn sẻ, thuận lợi nhiều khi sẽ khiến con người tự bằng lòng với chính mình, không phát huy hết năng lực vốn có của bản thân; thậm chí trong một số trường hợp còn khiến họ đánh mất mình (thói tự mãn, không biết quý trọng thành quả lao động, xem thường người khác...)
- Hoàn cảnh khó khăn, gặp phải trắc trở nhiều khi lại giúp con người trưởng thành hơn, nhận ra được giá trị của chính mình, vì:

- +Giúp tôi luyện ý chí, bản lĩnh của mỗi người.
- +Con người đi qua khó khăn, thử thách sẽ rút ra bài học kinh nghiệm để dần hoàn thiện mình.
- +Trong chính điều kiện khó khăn con người lại có thể phát hiện ra những khả năng, năng lực tiềm ẩn của bản thân mà chính họ cũng không ngờ tới.

*** Bài học nhận thức và hành động .**

- +Có cái nhìn lạc quan về cuộc sống, không nên vội nản lòng, bỏ cuộc khi gặp khó khăn mà hãy dũng cảm đối mặt bởi đó lại là cơ hội để mỗi người nhận ra chính mình và trưởng thành hơn.
- +Mỗi người lại càng phải cố gắng giữ mình trong điều kiện cuộc sống quá thuận lợi, xuôi chèo mát mái.

Câu 2:

A.Mở bài:

- Dẫn dắt vấn đề
- Nêu vấn đề nghị luận (dẫn lời nhận định)

B. Thân bài:

1.Giải thích ý kiến:

- *Những chuyện lớn, chuyện nhỏ quanh mình*: Là tất cả những gì đang diễn ra, hiện hữu hàng ngày xung quanh cuộc sống con người; *Chuyện thoáng qua*: Những cái không mấy ai quan tâm, để ý; *Lắng sâu, đọng lại*: Thấm sâu, in đậm trong trí nhớ,

trong tâm tưởng.

- **Ý cả câu:** Nguyễn Duy thường hướng cảm xúc, suy nghĩ tới tất cả những gì đang diễn ra xung quanh cuộc sống con người, kể cả những điều không mấy ai quan tâm. Tuy nhiên qua thơ ông, những cái tưởng như thoáng qua ấy lại trở thành những điều sâu sắc, in đậm trong tâm tưởng không thể phai mờ, buộc ta phải suy ngẫm.

2. Chứng minh qua “Ánh trăng”

Luận điểm 1: Nguyễn Duy thường hướng cảm xúc tới tất cả những gì đã, đang diễn ra, hiện hữu xung quanh mình.

- Đó là những tháng năm tuổi thơ sống với đồng, với sông, với bể.
- Là quãng thời gian gắn bó với chiến trường.
- Là lúc về sống nơi phố phường, quen với ánh điện, cửa gương.
- Giữa muôn vẻ ấy của cuộc sống là hình ảnh *vàng trăng*, hình ảnh bình dị, đơn sơ quen thuộc của thiên nhiên.

Luận điểm 2: Tuy nhiên qua thơ ông, những cái tưởng như thoáng qua ấy lại lắng sâu, đọng lại thành những điều lớn lao, buộc ta phải suy ngẫm.

*** Trăng trong quá khứ:**

- Vàng trăng đã gắn bó thân thiết với con người từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành, cả trong hạnh phúc và gian lao.
- Trăng là vẻ đẹp của đất nước bình dị, hiền hậu; của thiên nhiên vĩnh hằng, tươi mát, thơ mộng.
- Vàng trăng không những trở thành người bạn tri kỉ, mà đã trở thành *vàng trăng tình nghĩa* biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình.

*** Trăng trong hiện tại:**

- Vàng trăng tri kỷ ngày nào nay đã trở thành "người dung" – người khách qua đường xa lạ (dẫn chứng).
- Sự thay đổi của hoàn cảnh sống – không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt.
- Hành động "vội bật tung cửa sổ" và cảm giác đột ngột "nhận ra vàng trăng tròn", cho thấy quan hệ giữa người và trăng không còn là tri kỷ, tình nghĩa như xưa vì con người lúc này thấy trăng như một vật chiếu sáng thay thế cho điện sáng mà thôi.
- Câu thơ đứng đưng – lạnh lùng – nhúc nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống.
- > Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở: Đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta...

*** Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vàng trăng:**

- Sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa đặc sắc "ngửa mặt lên nhìn mặt". Cách viết thật lạ và sâu sắc. Ánh trăng đã thức dậy những kỷ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bè năm xưa, đánh thức lại những gì con người đã lãng quên
- Gặp lại vàng trăng trong một tình huống đặc biệt, nhà thơ chợt “*rung rung*” cái “*rung rung*” của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; ân hận, ăn năn, tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng. Cảm xúc "rung rung" là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỷ.
- Ánh trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào.

+Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

+ "Giật mình" là cảm giác và phản xạ tâm lý có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái "Giật mình" của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống: Không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Con người "*giật mình*" trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hòa bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

- Bài thơ *Ánh trăng* là một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu, gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống "*uống nước nhớ nguồn*", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

3. Liên hệ "*Bầu trời vuông*":

* Giới thiệu khái quát bài thơ: sáng tác 1971, tại Quảng Trị, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra hết sức ác liệt. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu quý, gắn bó sâu nặng với quê hương, đất nước.

* **Những chuyện thoáng qua trong "*Bầu trời vuông*"**

- " mái tằng – bầu trời vuông" – hình ảnh bình dị, thân thuộc, gắn với người lính ngoài chiến trường.

- Tâm tư yên tĩnh, phút thanh thoi, thư thái của người lính dưới " bầu trời vuông"

* **Điều lắng sâu và đọng lại trong *Bầu trời vuông*.**

- Bản lĩnh của người lính đã được tôi rèn qua thử thách chiến tranh: Từng phút, từng giây đối mặt với cái chết nhưng họ vẫn luôn giữ được sự thanh thản trong tâm hồn

- Làm nên phong thái điềm tĩnh, thanh thản của người chiến sĩ bởi trong lòng họ có một bầu trời đầy đặn, vẹn nguyên, bền chặt một tình cảm không đổi thay – "*Trời vuông vuông suốt bốn mùa nắng xanh*" – đó là tình yêu đôi lứa, tình vợ chồng bền chặt, tình quê hương tha thiết, tình đất nước bao la.

- " Bầu trời vuông" ấy không còn là mái tằng "*vuông vuông chỉ một chút này...*" mà là bầu trời của tâm tưởng, của trái tim yêu nước của khát vọng bình yên, hạnh phúc "*che tròn vẹn ngàn ngày quân đi*". Chính điều lắng sâu, đọng lại ấy đã khiến người chiến sĩ đưa được cuộc chiến ác liệt đến thắng lợi cuối cùng.

* **Điểm tương đồng trong hai bài thơ:**

- Xuất phát từ những điều bình dị tưởng như *thoáng qua* trong cuộc sống, nhưng Nguyễn Duy đã phát hiện, cảm nhận và đưa vào thơ một cách tự nhiên, dung dị mà thâm thía tình đời, tình người. Những điều tưởng như *thoáng qua* nhưng *đọng lại* trong lòng bạn đọc về vẻ đẹp chiều sâu nội tâm của người lính trong sự khốc liệt của chiến tranh cũng như khi hòa bình. Cả hai thi phẩm gợi những nghĩ suy, trăn trở nơi bạn đọc bài học thâm thía về con người và cuộc sống.

- Cả hai bài thơ đều có sự chọn lọc những hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng; giọng thơ tự bạch, tâm tình...

* **Điểm khác biệt.**

- Bắt nguồn từ hai tứ thơ khác nhau, *Bầu trời vuông* là cảm xúc của người lính nơi

chiến trường song nhà thơ tập trung khai thác chiều sâu nội tâm của họ với tình yêu gia đình, quê hương, đất nước.

- *Ánh trăng* viết sau hòa bình, như một câu chuyện tâm tình về góc tối, góc khuất của người lính bước ra từ chiến tranh sống trong một hoàn cảnh đủ đầy. Bài thơ là sự giật mình bừng thức của lương tri rất đáng trân trọng.

- Sự khác nhau trên là do sự chi phối bởi thời điểm sáng tác gắn liền với từng giai đoạn lịch sử khác nhau của dân tộc; đồng thời do cảm hứng sáng tác mỗi bài thơ cũng khác nhau.

- Nghệ thuật: *Bầu trời vuông* với Thể thơ lục bát truyền thống. Nghệ thuật đối; giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, pha chút hóm hỉnh, đậm chất lính.

+ *Ánh trăng*: Thể thơ 5 chữ như một câu chuyện tâm tình, không viết hoa trước mỗi dòng thơ thể hiện cảm xúc liền mạch, sâu lắng.

4. **Đánh giá:**

- Thơ Nguyễn Duy là thơ của người lính, về người lính. Thơ ông đưa ta về một thế giới quen thuộc với những hình ảnh bình dị mà gần gũi. Vì thế điều lắng sâu và đọng lại cũng nhẹ nhàng, thấm sâu vào cảm xúc bạn đọc để lại cho mỗi người một bài học nhân sinh.

- *Bầu trời vuông* và *Ánh trăng* viết về hình tượng người lính với vẻ đẹp tuổi trẻ nơi chiến trường và những tâm tư thời hậu chiến. Dù ở hai hoàn cảnh khác nhau nhưng vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ vẫn là hình ảnh đẹp, in dấu ấn mạnh mẽ trong lòng bạn đọc.

C.Kết bài: - Khẳng định vấn đề nghị luận

- *Điều đọng lại, lắng sâu* trong hai bài thơ đã làm nên cái hồn cốt thơ Nguyễn Duy, để lại dư ba trong lòng bạn đọc.

d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.

e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

**ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9
CẤP TỈNH NĂM HỌC 2018 - 2019**

MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài 150 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I Đọc hiểu(6,0đ) Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hơn nữa kia

Sau nhiều năm vất vả, đời sống của thầy tôi đã khá hơn xưa. Khá hơn nhiều lần nên thầy vui mà trò cũng rất mừng. Thầy còn vui hơn vì học trò xưa nhiều người thành đạt, giàu có. Thầy nói: Nhiều em có hết. Có tất cả những gì người ta thèm khát(...) Thầy vui, tất nhiên. Nhưng thầy vẫn hằng nghĩ các em có thể phải hơn nữa kia!

“Hơn nữa kia” trong ý của thầy, không phải dành để nói về cái hơn của cải vật chất. Thầy mong khác. Mong học trò có thành tựu hơn nữa kia về đóng góp cho xã hội. Mong học trò “hơn nữa kia” trong sáng tạo, sáng chế để không ai có

thể thốt lên cay đắng rằng: “nền tảng sản xuất trong nước bằng không” . Mong học trò “hơn nữa kia” để Việt Nam có những thương hiệu toàn cầu, thay vì chỉ còn con trong nón lá bán chạy ở Milano, đồ mỹ nghệ không đủ bán ở lễ hội văn hóa tam niên đảo lệ mắt hút sương mù. Thầy muốn học trò “hơn nữa kia” để dám chọn niềm tin mình sinh ra đời là để chết cho tương lai tươi sáng của nhân loại.

Thay vì chỉ chọn cách nâng chữ số trong tài khoản ngân hàng, hãy thử nghĩ “hơn nữa kia” như Elon Musk về cuộc sống trên sao Hỏa. Thay vì chỉ dừng ở biệt thự, siêu xe, đồ gỗ nguyên khối, hãy thử nghĩ như Elon Musk về một loại tên lửa có thể phóng đi rồi quay về hạ cánh xuống mặt đất êm ái như không. Thay vì sưu tập thẻ thành viên câu lạc bộ thượng lưu, hãy nghĩ thêm về chiếc xe hơi chạy điện để bảo vệ sự sống Trái đất. Thay vì hâm mộ Elon Musk, hãy thử nghĩ làm ra những điều kì diệu hơn cả Elon Musk nữa kia.

Điều quan trọng là luôn có những người thầy mong học trò “hơn nữa kia” . Và quan trọng hơn nữa là luôn có những học trò dám tin mình có thể làm những việc lớn lao “hơn nữa kia”

(Hà Nhân- Theo Hoa học trò, số 1171 tr 11)

Câu 1:(1,0đ) Cụm từ “hơn nữa kia” trong câu nói của người thầy có ý nghĩa gì?

Câu 2: (1,5đ) Theo em vì sao phải không ngừng “hơn nữa kia”

Câu 3:(2,0đ) Em có cho rằng mong ước các học trò phải “hơn nữa kia” ở người thầy là chính đáng không? Vì sao?

Câu 4:(1,5đ) Để có thể “hơn nữa kia” trong cuộc sống, em nghĩ cần phải chuẩn bị sẵn sàng những điều gì?

II Tập làm văn: (14,0đ)

Câu 1: (4,0đ) Từ nội dung của phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về câu nói sau: *Mặt trời mọc rồi lặn, mặt trăng tròn rồi lại khuyết nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta sẽ còn mãi trong cuộc đời* (Quách Mạc Nhược)

Câu 2(10,0 điểm):

Nguyễn Minh Châu cho rằng: “... những người cầm bút có biệt tài có thể chọn ra trong dòng đời xuôi chảy một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa nhất, một khoảnh khắc cuộc sống...nhưng bắt buộc con người ở vào một tình thế phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn náu sâu kín nhất, thậm chí có khi là khoảnh khắc chứa đựng cả một đời người, một đời nhân loại”.

(Trang giấy trước đèn- NXBKHXH, 1984, tr258)

“ **Tình thế**” đặc biệt ấy được thể hiện như thế nào trong hai văn bản “ Lão Hạc”(Nam Cao) và “ Làng” (Kim Lân).

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2018 – 2019

Môn: NGỮ VĂN – Lớp: 9 THCS

Phần	Nội dung	Điểm
I. Đọc hiểu: 6,0điểm	Câu 1: Cụm từ “hơn nữa kia” thể hiện nỗi mong mỏi của người thầy đối với các học trò của ông: mong học trò có thành tựu nhiều hơn, sáng tạo hơn để tạo ra nhiều của cải vật chất đóng góp cho xã hội, tạo nên thương hiệu Việt Nam.	1.0
	Câu 2. Mỗi người phải không ngừng “ Hơn nữa kia” vì: – Cuộc sống luôn vận động và tiềm chứa rất nhiều thách thức, trở lực. Nếu ta không cố gắng hơn nữa (so với chính bản thân mình) hoặc luôn bằng lòng với bản thân thì chúng ta sẽ tụt hậu . – .Việc nỗ lực hơn mỗi ngày là cách để mỗi chúng ta hoàn thiện bản thân , để cống hiến cho cuộc sống, để sống có ích hơn với đời...	0,75 0,75
	Câu 3. Học sinh bày tỏ quan điểm của mình một cách chân thành, nghiêm túc. Tham khảo ý kiến sau: Mong ước của thầy giáo hoàn toàn chính đáng vì không người thầy nào không mong muốn học trò của mình trưởng thành, thành đạt và sống có ích cho đời . Mong ước cho thấy đây là người thầy tận tâm với học trò, với sự nghiệp trồng người với đất nước, với cuộc đời.	2.0
	Câu 4: Để có thể “hơn nữa kia” tức là đạt được nhiều hơn những thành công , có được thêm nhiều điều tốt đẹp trong cuộc sống cần chuẩn bị kĩ lưỡng hành trang: sức khỏe, trí tuệ, và những phẩm chất đẹp đẽ như: bản lĩnh, tự tin, chủ động sáng tạo, chăm chỉ và lòng yêu đời, tình yêu cuộc sống.	1.5
II Tập làm văn	Câu 1: (4.0 đ):a. Đảm bảo thể thức văn bản:	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0.25
	c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: 1.Khái quát nội dung đoạn văn và khẳng định vai trò của người thầy.	0.5
	2. Giải thích câu nói: - <i>Mặt trời, mặt trăng:</i> là những vì tinh tú của đất trời có chức năng tỏa sáng.	0.25

	<p>- <i>Mọc, lặn, tròn, khuyết</i>: là quy luật của tự nhiên . Đặt trong tương quan với ánh sáng mặt trăng, mặt trời, Quách Mặc Nhược đã khẳng định sức sống bền bỉ, sâu đậm của nguồn ánh sáng mà người thầy chiếu rọi trong ta. Qua đó, nhà văn Trung Quốc muốn đề cao vai trò, sự ảnh hưởng quan trọng của người thầy đối với mỗi người.</p>	0.25
	<p>3. Bàn luận:</p>	0.25
	<p>- Khẳng định ý kiến trên là đúng.</p>	
	<p>- Hành trình học tập của cuộc đời mỗi con người đều có những người thầy đi qua và mỗi người thầy đều chiếu rọi lên chúng ta một nguồn ánh sáng của tri thức, của ý chí nghị lực, ước mơ và tình yêu thương. “ Người thầy cầm tay, mở ra trí óc và chạm đến trái tim”</p>	0.5
	<p>- Trong sự thành đạt của con người không thể thiếu vai trò của người thầy : nguồn sáng mà người thầy chiếu rọi sẽ còn mãi trong cuộc đời mỗi chúng ta . Đó là nguồn sáng “còn mãi” không bao giờ tắt.</p>	0.25
	<p>- Xã hội phát triển, quan niệm về giáo dục cũng có thay đổi chính vì thế vai trò của người thầy càng quan trọng .</p>	0.25
	<p>- Phê phán những hành động vô lễ , xúc phạm thầy cô và cũng lên án những thầy cô giáo đi ngược lại nhân cách đạo đức nhà giáo.</p>	0.25
	<p>4. . Bài học nhận thức và hành động</p>	0.5
	<p>- Cần biết trân trọng và tri ân những người thầy, đồng thời rèn luyện thói quen tự học, tìm phương pháp tự học hiệu quả để luôn khát vọng « hơn nữa kia » mà người thầy đã nhắn nhủ.</p>	
	<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng thuyết phục.</p>	0.25
	<p>e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0.25
	<p>Câu 2: (10.0đ) a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ ba phần.</p>	0.5
	<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p>	

	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>1. Giới thiệu chung về hai tác phẩm và vấn đề cần nghị luận.</p> <p>2. Nêu được vai trò của việc xây dựng tình thế (hay tình huống) trong truyện</p> <p>Tình thế truyện là một sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo trong tác phẩm. Tại sự kiện ấy bản chất, tâm trạng hay tính cách nhân vật hiện lên sắc nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý tưởng của tác giả cũng được bộc lộ trọn vẹn. - Tạo tình huống là phần quan trọng nhất của quy trình sáng tạo một truyện ngắn. <p>3. Tình thế truyện trong hai văn bản “<i>Lão Hạc</i>” và “<i>Làng</i>”</p> <p>a. Giống nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản “<i>Lão Hạc</i>” và “<i>Làng</i>” gặp nhau ở cách đặt nhân vật vào những tình thế lựa chọn khá quyết liệt trước khi đi đến quyết định dứt khoát. - Qua tình thế ấy, cả hai tác giả đều khiến nhân vật rất tự nhiên “<i>phải bộc lộ ra cái phần tâm can nhất, cái phần ẩn náu sâu kín nhất</i>” của mình. <p>b. Khác nhau:</p> <p>b1. Văn bản “<i>Lão Hạc</i>” (Nam Cao)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhân vật Lão Hạc, Nam Cao đã đặt nhân vật của mình vào trong tình thế hành động. + Tình thế 1: Lão Hạc phải lựa chọn giữa việc bán hay không bán “<i>Cậu Vàng</i>”. Tình thế ấy khiến lão Hạc đau khổ, dằn vò, tâm trạng nặng trĩu. Đó chính là lúc tình thương con, yêu con sâu sắc, âm thầm cùng với lòng nhân hậu của lão Hạc được bộc lộ sâu sắc nhất. + Tình thế 2: Lão Hạc phải trực tiếp lựa chọn giữa sự sống và cái chết. Chính tình thế này đã đặt dấu lặng cảm xúc, tạo ra giá trị hiện thực sâu sắc cho tác phẩm. 	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1,0</p> <p>1.0</p>
--	--	---

	<p>- Tình thế truyện như một “<i>khoảnh khắc đậm đặc của đời sống</i>” đã buộc nhân vật Lão Hạc bộc lộ mình với những vẻ đẹp đáng trọng: vẻ đẹp toát ra từ một nhân cách giàu lòng tự trọng, lương thiện, trong sạch và tình yêu thương con sau nặng... Chính tình thế ấy giúp tác giả thể hiện được số phận đau khổ, vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân Việt Nam. Đồng thời tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm cũng như tài năng văn học, tâm hồn người cầm bút.</p> <p>b2. Văn bản “<i>Làng</i>” (Kim Lân)</p> <p>- Xây dựng nhân vật ông Hai, Kim Lân đã đặt nhân vật của mình vào trong tình thế tâm trạng.</p> <p>+ Tình thế 1: Ở phòng thông tin ra, ông Hai đang hồ hởi, tự hào về những thắng lợi của quân và dân ta thì ông như bị sét đánh về cái tin “dữ” cả làng Chợ Dầu “Việt gian theo Tây”.</p> <p>+ Tình thế 2: Khi ông Hai đang đau khổ, tủi nhục tột cùng cũng là lúc gia đình ông bị chủ đuổi khéo. Ông Hai bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng. Tình huống này đẩy mâu thuẫn truyện tới đỉnh điểm, buộc ông Hai phải lựa chọn dứt khoát: yêu làng hay yêu nước?</p> <p>- Hai “<i>khoảnh khắc đậm trong đời sống</i>” ấy tạo nên kịch tính, căng thẳng cao độ cho tác phẩm, đồng thời buộc nhân vật phải bộc lộ mình với niềm tự hào, tình yêu quê hương sâu sắc. Qua tình thế truyện, ta còn thấy sáng lên ở nhà văn tấm lòng yêu quý, trân trọng người nông dân. Để tạo nên tình huống “giàu ý nghĩa” như thế, Kim Lân phải có “<i>biệt tài</i>” trong sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>4. Đánh giá, khái quát:</p> <p>- Khẳng định lại giá trị của việc xây dựng tình thế truyện và sức sống bền vững của hai văn bản trong lòng người đọc.</p> <p>- Ý nghĩa, bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận.</p> <p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng thuyết phục.</p> <p>e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt</p>	<p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>1.5</p> <p>1.0</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p>
--	---	--

		0.25
--	--	------

Lưu ý:

1, Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn, bài làm của thí sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

PHÒNG GD&ĐT**KSCL ĐỘI DỰ TUYỂN HSG CẤP TỈNH****NĂM HỌC 2023-2024****Môn thi: Ngữ văn***Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)***PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:***Áp lực mới tạo nên kim cương.**Lò xo phải bị nén thì mới có sức bật.*

Con người càng có sức ép càng dễ tạo nên kì tích nếu biết cách kiên cường đến tận cùng.

Hãy yêu lấy hết thấy những áp lực bủa vây, bình tĩnh gập thuyền giấy thả xuống dòng nước lũ. Ở trong bóng tối, không có ai dẫn lối thì tự mình mò mẫm, hiên ngang tiến bước. Đường đời chẳng mấy khi bằng phẳng. Nhưng không ai sợ hãi mãi và cũng chẳng ai khổ hoài... Gập hòn sỏi thì nhẹ nhàng bước qua. Gập tảng đá lớn thì hiên ngang đối diện. Gập ngọn núi cao thì vui vẻ chinh phục. Mỉm cười điềm nhiên khi tất cả đang than vãn. Cấn rặng xông lên khi tất cả đã đầu hàng. Ngược dòng đám đông nhưng thuận theo tâm mình. Đó là lối sống mạnh mẽ nhất.

Nếu trong lòng bạn có một ước mơ nặng hơn cả sinh mệnh, vậy thì đừng né tránh áp lực. Đừng sợ hãi độ cao. Cũng đừng chối bỏ những cảm xúc tiêu cực luôn ẩn nấp sau lồng ngực. Hãy thẳng thắn đối diện và tìm cách giải quyết tất cả mọi khúc mắc. Cuộc sống này là của bạn. Nếu nó không ổn thì bạn là người duy nhất phải chịu trách nhiệm. Nếu bạn cảm thấy điều gì đó không ổn, đơn giản chỉ cần tìm cách thay đổi. Thay đổi bằng cách nào tạm thời chưa cần rạch ròi, nhưng trước hết bắt buộc phải có một ý thức không ngại va chạm, sẵn sàng hi sinh để thay đổi.

(Trích “Mình phải sống như biển rộng sông dài”, NXB Thế giới, 2022, tr.74 - 75)

Câu 1. (1,0 điểm) Theo tác giả, thế nào là lối sống mạnh mẽ nhất?

Câu 2. (2,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ có trong những câu văn sau: "Gặp hòn sỏi thì nhẹ nhàng bước qua. Gặp tảng đá lớn thì hiên ngang đối diện. Gặp ngọn núi cao thì vui vẻ chinh phục".

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý kiến "Con người càng có sức ép càng dễ tạo nên kì tích nếu biết cách kiên cường đến tận cùng"?

Câu 4. (2,0 điểm) Em có đồng ý với nhận định "Cuộc sống này là của bạn. Nếu nó không ổn thì bạn là người duy nhất phải chịu trách nhiệm"?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14.0 ĐIỂM)

Câu 1 (4.0 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: "Không có áp lực, không có kim cương".

Câu 2 (10,0 điểm)

Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng: "Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay."

(Xuân Diệu, toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2021,

tr36)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng những hiểu biết về bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu (Ngữ văn 9, Tập 1), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

1. Hướng dẫn chung:

Hướng dẫn chấm được xây dựng theo hướng đánh giá năng lực. Giáo viên cần nắm bắt được bài làm của học sinh trong tính chỉnh thể của bài viết; cân trọng, linh hoạt và tinh tế khi đánh giá, tránh đếm ý cho điểm. Trân trọng những bài có ý kiến và giọng điệu riêng, có khả năng tư duy sáng tạo, độc lập; học sinh có các cách trình bày khác nhau song cần phải hợp lý và có sức thuyết phục.

2. Hướng dẫn cụ thể:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Phần đọc – hiểu		
1	<p>*Theo tác giả, lối sống mạnh mẽ nhất là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu lấy hết thấy những áp lực bủa vây. - Ở trong bóng tối, không có ai dẫn lối thì tự mình mò mẫm, hiên ngang tiến bước. - Gặp hòn sỏi thì nhẹ nhàng bước qua. Gặp tảng đá lớn thì hiên ngang đối diện. Gặp ngọn núi cao thì vui vẻ chinh phục. Mỉm cười điềm nhiên khi tất cả đang than vãn. Cẩn rằng xông lên khi tất cả đã đầu hàng. - Ngược dòng đám đông nhưng thuận theo tâm mình. 	1,0
2	<p>*Các biện pháp tu từ có trong những câu văn sau: "Gặp hòn sỏi thì nhẹ nhàng bước qua. Gặp tảng đá lớn thì hiên ngang đối diện. Gặp ngọn</p>	2,0

	<p>núi cao thì vui vẻ chinh phục":</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép điệp: 0,5 điểm + Điệp ngữ: "gặp". + Điệp cấu trúc: ba câu văn "Gặp hòn sỏi thì nhẹ nhàng bước qua. Gặp tảng đá lớn thì hiên ngang đối diện. Gặp ngọn núi cao thì vui vẻ chinh phục" lặp, lấy lại về cấu trúc cú pháp. - Biện pháp ẩn dụ: 0,5 điểm <p>"hòn sỏi, tảng đá lớn, ngọn núi cao" -> chỉ những khó khăn, trở ngại.</p> <p>*Tác dụng: 1,0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhấn mạnh những khó khăn, thách thức, trở ngại mà con người sẽ gặp trên cuộc hành trình dài rộng của cuộc đời. -Khuyên nhủ con người bài học có ý nghĩa sâu sắc trong cuộc sống: Để đạt được thành công, chúng ta phải cố gắng vượt qua những chông gai, thử thách của cuộc sống với một tinh thần lạc quan, ý chí kiên cường, nghị lực phi thường. -Giúp cho cách diễn đạt giàu hình ảnh, có nhịp điệu, sinh động, hấp dẫn,.... 	
3	<p>Ý kiến "Con người càng có sức ép càng dễ tạo nên kì tích nếu biết cách kiên cường đến tận cùng" đã khẳng định ý nghĩa của sự kiên cường hết mình trước những sức ép của cuộc sống. Kiên cường sẽ tạo nên động lực, sức mạnh tinh thần to lớn để giúp mỗi người vượt qua được áp lực, phát huy tận độ năng lực của bản thân, nắm bắt được cơ hội...Từ đó sẽ đạt được thành tựu lớn.</p>	1,0
4	<p>* Học sinh phải nêu được quan điểm cá nhân đồng tình hay không đồng tình, và có sự lí giải hợp lí. Sau đây là một số gợi ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tình: Nhận định "Cuộc sống này là của bạn. Nếu nó không ổn thì bạn là người duy nhất phải chịu trách nhiệm" là đúng đắn. Bởi cuộc sống là của riêng mỗi người, do bản thân tự làm chủ, tự định đoạt và chịu trách nhiệm. Sống và giải quyết mọi vấn đề liên quan đến cuộc đời, sự sống riêng như thế nào là do mình lựa chọn, quyết định, không ai có thể sống hộ, làm thay. Vì vậy, nếu cảm thấy cuộc sống của mình không ổn thì phải tự đối diện và tự tìm cách giải quyết. - Không đồng tình: Nhận định "Cuộc sống này là của bạn. Nếu nó không ổn thì bạn là người duy nhất phải chịu trách nhiệm" chưa hoàn toàn xác đáng. Bởi con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, cuộc sống của mỗi cá nhân luôn gắn bó chặt chẽ với cộng đồng, quá trình sống của con người luôn có sự tác động, ảnh hưởng từ gia đình, xã hội. Vì vậy, khi cuộc sống mỗi người không ổn, chưa tốt thì không phải chỉ có cá nhân mới là người duy nhất phải đối diện và tự giải quyết. Mà bên cạnh đó, gia đình, tập thể, xã hội cũng có một phần trách nhiệm, cần phải chung tay tương trợ, giúp đỡ, sát cánh với cá nhân. 	2,0
Phần Tạo lập văn bản		
1	a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .	0,25

b. <i>Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận.</i>	0,25
<p>c. <i>Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</i></p> <p>1.Giải thích câu nói:</p> <p>- "Áp lực": Là những khó khăn trong cuộc sống khiến con người cảm thấy hoang mang, lo sợ.</p> <p>- "Kim cương": Kim cương là một đồ vật có giá trị; ở câu nói mang ý nghĩa về sự thành công khi đã vượt qua những khó khăn. Thành quả đạt được cũng đẹp như những viên kim cương đắt giá vậy.</p> <p>→ Câu nói muốn người ta hiểu rằng cuộc sống cần phải trải qua nhiều những điều khó khăn; nhưng chính những khó khăn đó lại tôi luyện cho mỗi người sự nỗ lực không ngừng để chạm tay đến trái chín ngọt ngào.</p> <p>2.Bàn luận:</p> <p>- Trong thực tế, hành trình đi đến thành công của mỗi con người, ai cũng sẽ gặp phải những khó khăn, thử thách. Không có áp lực chúng ta sẽ không rút ra được những bài học cho bản thân.</p> <p>- Không một ai dám khẳng định cuộc sống của mình không gặp phải những áp lực. Nếu ta coi áp lực là điều tất yếu của cuộc sống, ta sẽ dễ dàng vượt qua và đối mặt với chúng hơn. Chỉ khi con người ta dám đối mặt với thử thách, ta mới có được thành công.</p> <p>- Giữa cuộc sống bộn bề, đầy lo toan những “áp lực”, khó khăn, thử thách luôn là vật chướng ngại cản con đường tới thành công của bạn. Vậy nên, nếu bạn chấp nhận buông xuôi, đầu hàng trước những “áp lực” ấy , tức là bạn đã hoàn toàn thất bại.</p> <p>*) Dẫn chứng: Triệu phú Bill Gates từng thi trượt đại học, nhưng ông vẫn thành công và trở thành một tỉ phú. Ông là tấm gương biết dùng thất bại để làm bàn đạp cho mình, đứng lên và vượt qua nó.</p> <p>3. Mở rộng:</p> <p>- Áp lực khiến chúng ta nỗ lực phát triển nhưng cũng khiến chúng ta mệt mỏi, đuối sức. Vì vậy, hãy lập kế hoạch, hãy nhìn nhận xem bản thân cần và thực sự muốn gì. Hãy biến áp lực thành ước mơ để có động lực đạt tới những điều tốt đẹp nhất.</p> <p>- Bên cạnh những người luôn biết chấp nhận đối đầu với khó khăn, thử thách để vươn lên thoát khỏi nghịch cảnh, vẫn còn một bộ phận không nhỏ hèn nhát chỉ biết né tránh, chấp nhận thất bại, chúng ta cần phê phán.</p> <p>4.Bài học:</p> <p>-Áp lực sẽ tạo ra động lực để chúng ta thực hiện được những mục tiêu, chinh phục những ước mơ đẹp trong cuộc đời.</p> <p>-Mỗi chúng ta hãy tạo cho bản thân ý chí, nghị lực mạnh mẽ để vượt tất cả những khó khăn, thử thách, phá bỏ mọi ranh giới thách thức. Hãy kiên trì theo đuổi đam mê đến cùng đừng vì những áp lực không đáng có mà từ bỏ, nản chí.</p>	<p>0,5</p> <p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
d. <i>Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</i>	0,25
e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</i>	0,25

2	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.	0.25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0.25
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	9,0
	<p>1. Giải thích ý kiến:</p> <p>-Nguồn gốc của thơ ca “phải xuất phát từ thực tại”: thơ được sinh ra từ trong hiện thực cuộc đời, từ thế giới tình cảm của con người, là người thư kí trung thành của tâm hồn con người. Nhưng hiện thực đó “phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ” là hiện thực được cảm nhận qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Thơ chính là “hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan”.</p> <p>- Nội dung của thơ ca phải thể hiện được tình cảm và tư tưởng (tâm hồn, trí tuệ) của thi nhân để rồi đưa tình cảm tư tưởng đó đến với người đọc. Thơ chính là tiếng nói của một cái tôi cá nhân trước cuộc đời.</p> <p>- Về đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “<i>càng cá thể, càng độc đáo, càng hay</i>”. Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. (Thơ phải mang dấu ấn sáng tạo, thể hiện chất riêng biệt của thi nhân).</p> <p>=> Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mĩ.</p> <p>2. Chứng minh:</p> <p>2.1. Giới thiệu tác giả Chính Hữu và bài thơ “Đồng chí”</p> <p>-Chính Hữu (1926 – 2007) tên khai sinh là Trần Đình Đắc, quê Hà Tĩnh. Ông là nhà thơ - chiến sĩ trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Sáng tác của ông chủ yếu viết về đề tài người lính và chiến tranh...</p> <p>-Bài thơ “Đồng chí” là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất viết về đề tài người lính cách mạng của văn học thời kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954).</p> <p>2.2. Chứng minh</p> <p>Luận điểm 1. “Đồng chí” của Chính Hữu là bài thơ “xuất phát từ thực tại” đời sống.</p> <p>- Bài thơ “Đồng chí” được sáng tác vào đầu năm 1948 - sau chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947). Trong chiến dịch này, Chính Hữu là chính trị viên đại đội, ông đã từng theo đơn vị tham gia chiến dịch Việt Bắc và cũng là người từng sống trong tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn, cùng vượt qua những khó khăn, gian khổ trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Bài thơ nói về tình đồng chí đồng đội thấm thiết sâu nặng của</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>

	<p>những người lính cách mạng phần lớn xuất thân từ nông dân. Đồng thời làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất khó khăn, thiếu thốn.</p> <p>-Đặt bài thơ “<i>Đồng chí</i>” vào tình hình sáng tác thơ ca thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, cảm hứng thơ hướng về chất thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp và chất thơ trong cái bình dị, đời thường, không nhấn mạnh cái phi thường. Từ đó, tình đồng chí đồng đội được thể hiện chân thực mà cao đẹp, góp phần làm nên khúc tráng ca về tình đồng chí nói riêng và hình tượng người lính cách mạng nói chung.</p> <p><i>Luận điểm 2: Bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu không chỉ giản đơn là sự sao chép cuộc sống hay tình cảm con người, mà đi qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu nó đã trở thành tiếng lòng, tâm hồn, là những cảm nhận sâu sắc của ông về cuộc đời người lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.</i></p> <p>* Cảm nhận sâu sắc về cơ sở của tình đồng chí:</p> <p>- Sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân: Nếu như “anh” đến từ nơi “nước mặn đồng chua” thì “tôi” xuất thân từ vùng quê “nghèo đất cày lên sỏi đá”.</p> <p>Hai con người đến từ những vùng quê nghèo khó của Tổ quốc “chẳng hẹn quen nhau”. Họ gặp nhau vì cùng chung lí tưởng cách mạng, vì tình yêu với Tổ quốc lớn lao.</p> <p>- Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:</p> <p>+ Điệp ngữ “súng”- “đầu” hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ và mục đích, lí tưởng chiến đấu của người lính.</p> <p>-> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại. Đồng thời làm đặc sắc thêm những giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ “<i>Đồng chí</i>”.</p> <p>- Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn: Mỗi tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm: “<i>Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ</i>”.</p> <p>=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Từ sóng đôi của “anh” và “tôi” trong từng dòng thơ đến sự gần gũi “anh với tôi” trong một dòng thơ và đến thành một đôi nhưng “đôi người xa lạ” rồi mới thành “đôi tri kỉ”-đôi bạn chí cốt, hiểu nhau sâu sắc và cao hơn nữa là “Đồng chí!”. Từ rời rạc, riêng lẻ, dần nhập thành chung, thành một, khăng khít, keo sơn, khó tách rời.</p> <p>- Câu thơ thứ bảy chỉ có một từ gồm hai tiếng “ Đồng chí !” và dấu chấm than tạo một nốt nhấn, như một tiếng gọi thiết tha, xúc động, vừa như một phát hiện, một lời kết luận khẳng định cội nguồn và sự hình thành tình đồng chí keo sơn giữa những người đồng đội. Nó như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một đề mở ra đoạn hai.</p> <p>* Cảm nhận sâu sắc về những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng</p>	<p>4,0</p>
--	--	------------

chí.

- Sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:

+ Các anh là những người lính gác tình riêng, ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao băn khoăn, trăn trở.

+ Hai chữ "mặc kệ" -> Thái độ dứt khoát của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, mục đích đã chọn lựa.

+ Hình ảnh "gian nhà không" vừa gợi cái nghèo, cái xơ xác của những miền quê lam lũ, vừa gợi sự trống trải trong lòng người ở lại.

+ "Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính" là cách nói tế nhị, giàu sức gợi. Quê hương nhớ người đi lính hay chính những người ra đi luôn nhớ về quê hương. Thủ pháp nhân hóa và hai hình ảnh hoán dụ đã biểu đạt sâu sắc tâm trạng, nỗi niềm của những người lính nơi chiến tuyến. Nhớ về quê hương cũng chính là cách tự vượt lên mình, vượt lên tình riêng vì sự nghiệp chung của đất nước.

- Chia sẻ cùng nhau những gian lao, thiếu thốn của cuộc chiến:

+ "Anh" với "tôi" cùng chịu đựng những cơn sốt rét rừng, cùng trải qua những ốm đau bệnh tật. Anh với tôi cùng chia nhau sự thiếu thốn trong cuộc đời quân ngũ.

+ Những chi tiết tả thực, hình ảnh sống động đã góp phần tái hiện chân thực những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính trong buổi đầu kháng chiến. Các anh đã cùng nhau gánh vác, cùng nhau chịu đựng... Chính tình đồng đội đã giúp họ vượt lên cái "buốt giá" của mùa đông chiến đấu để rồi tỏa sáng nụ cười và càng thương nhau hơn.

+ Hình ảnh "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" có sức gợi nhiều hơn tả với nhịp thơ chảy dài. Đây là cách thể hiện tình cảm chân thành, mộc mạc của người lính. "Tay nắm lấy bàn tay" để truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng đội, niềm tin chiến thắng, truyền cho nhau sức mạnh của tình đồng chí. Cái nắm tay ấy còn là lời hứa hẹn lập công.

=> Từ những tình cảm chân thành, mộc mạc, gắn bó và những gian khó, thiếu thốn nơi chiến trường hiểm ác, tác giả đã kết thúc đoạn thơ bằng một câu thơ mang đậm chất lãng mạn, nghệ thuật.

*** Qua tâm hồn, trí tuệ của Chính Hữu, tình đồng chí, đồng đội trở thành bức tượng đài bằng thơ bất hủ.**

- Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính "đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới". Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng nhưng cũng rất chủ động và thật hào hùng của những giây phút "chờ giặc tới". Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả.

- Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: "Đầu súng trăng treo". Đầu súng trăng treo – hình ảnh thật đẹp và giàu sức khái quát. "Súng" và "trăng" kết hợp nhau; "súng" tượng trưng cho chiến đấu – "trăng" là hình ảnh của thanh bình hạnh phúc; súng là con người – trăng là đất nước quê hương của bốn nghìn năm văn hiến; súng là hình ảnh người chiến sĩ gan dạ kiên cường – trăng là hình ảnh người thi sĩ. Sự kết hợp hài hòa tạo nên nét lãng mạn bay bổng vừa gợi tả cụ thể đã nói lên lý tưởng, mục đích

	<p>chiến đấu mà người lính ấy đang tham gia. Họ chiến đấu cho sự thanh bình, chiến đấu cho ánh trăng mãi nghiêng cười trên đỉnh núi. Ta hãy tưởng tượng xem giữa đêm khuya rừng núi trập trùng bỗng hiện lên hình ảnh người lính đứng đó với súng khoác trên vai, nòng súng chéch lên trời và ánh trăng lơ lửng ngay nòng ngọn súng. Đó là biểu tượng khát vọng hòa bình, nó tượng trưng cho tư thế lạc quan, bình tĩnh, lãng mạn của người bảo vệ Tổ quốc.</p> <p><i>Luận điểm 3. Bức tranh “thực tại” đời sống và “tâm hồn”, “trí tuệ” của nhà thơ Chính Hữu trong bài thơ “Đồng chí” được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc - “càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.”</i></p> <p>- Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt.</p> <p>- Bút pháp hiện thực - bi tráng nhưng không kém phần lãng mạn. Cùng viết về đề tài kháng chiến - người lính nhưng Chính Hữu không khai thác theo bút pháp lãng mạn anh hùng, hào hoa, bi tráng mà ngòi bút của ông nghiêng về hiện thực. Vẻ đẹp của người lính được khắc họa từ chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh: giản dị, chân thực, không tô vẽ, nhấn mạnh, lí tưởng hóa cái phi thường mà ngược lại cái phi thường, cao cả của người lính lại được toát lên từ đời sống thực đó.</p> <p>- Hình ảnh thơ cô đọng, mộc mạc, giản dị, chân thực song rất lãng mạn.</p> <p>- Ngôn ngữ thơ hàm súc, có khi dồn nén, giàu sức biểu cảm.</p> <p>-> Những sáng tạo độc đáo của bài thơ tạo nên nét riêng cho phong cách thơ Chính Hữu.</p> <p>3. Đánh giá, nâng cao:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề nghị luận: ý kiến của nhà thơ Xuân Diệu là hoàn toàn xác đáng. Ý kiến trên khẳng định sức hấp dẫn của một bài thơ chính là từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ đó. “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu đã xuất phát từ hiện thực đời sống, để hiện thực ấy đi qua tâm hồn, trí tuệ của những nhà thơ chân chính, sáng tạo nên những bài thơ hay, ghi dấu ấn đậm nét trong sự nghiệp sáng tác của mỗi người nghệ sĩ.</p> <p>- Bài học đối với người sáng tác và người tiếp nhận thơ ca:</p> <p>+ Đối với người sáng tác: Nhà thơ cần trau dồi vốn sống, cần có cái nhìn sâu rộng về cuộc đời; luôn nỗ lực không ngừng trong hoạt động sáng tạo</p> <p>- một lĩnh vực lao động công phu để sáng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật chân chính tác động tới người đọc qua đời sống tâm hồn, tình cảm sâu sắc và phong phú.</p> <p>+ Đối với người tiếp nhận: sự trân trọng tấm lòng, tài năng của người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm, phát huy giá trị tốt đẹp mà tác phẩm để lại; thêm gắn bó cuộc sống, cuộc đời qua những trang văn, trang thơ. Tiếp nhận tác phẩm bằng toàn bộ thế giới tinh thần của mình, đồng sáng tạo với nhà thơ.</p>	<p>1,5</p> <p>1,0</p>
	<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25

ĐỀ CHỌN ĐỘI TUYỂN HSG CẤP TỈNH LỚP 9
– NĂM HỌC: 2023 -2024

Đề bài:

I. Phần đọc – hiểu.

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CHIẾC LÁ

Chim sâu hỏi chiếc lá:

- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!
- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu.
- Bạn đừng có giấu! Nếu bình thường vậy, sao bông hoa kia lại có vẻ rất biết ơn bạn?
- Thật mà! Cuộc đời tôi rất bình thường. Ngày nhỏ, tôi là một búp non. Tôi lớn dần lên thành một chiếc lá và cứ là chiếc lá như thế cho đến bây giờ.
- Thật như thế sao? Đã có lần nào bạn biến thành hoa, thành quả, thành một ngôi sao, thành vầng mặt trời đem lại niềm vui cho mọi người như trong các câu chuyện cổ tích mà bác gió thường rì rầm kể suốt ngày đêm chưa?
- Chưa! Chưa một lần nào tôi biến thành một thứ gì khác tôi cả. Suốt đời tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường.
- Thế thì chán thật! Bông hoa kia đã làm tôi thất vọng. Hoa ơi, bạn chỉ khéo bịa chuyện.
- Tôi không bịa chút nào đâu. Mỗi mỗi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi – những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.

(Theo: Trần Hoài Dương)

Câu 1. (1.0 điểm) Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. (1.0 điểm) Hình ảnh chiếc lá tượng trưng cho điều gì trong cuộc sống?

Câu 3. (2.0 điểm) Câu trả lời của Bông hoa với Chim sâu: “Tôi không bịa chút nào đâu. Mỗi mỗi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi – những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.” thể hiện mối quan hệ nào giữa con người với con người trong cuộc sống?

Câu 4. (2.0 điểm) Bài học sâu sắc nhất mà em rút ra từ nhân vật Chim sâu trong văn bản trên là gì?

II. Tạo lập văn bản:

Câu 1. (4.0 điểm) Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về thông điệp rút ra từ câu trả lời của Lá với Chim sâu “Chưa. Chưa một lần nào tôi biến thành thứ gì khác tôi cả. Suốt đời tôi chỉ là một chiếc lá nhỏ nhoi bình thường.” trong phần đọc – hiểu?

Câu 2. (10.0 điểm)

Bàn về thơ, Duy-biây có viết: “Thơ là người thư ký trung thành của những trái tim.” Từ cảm nhận bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu (Ngữ văn 9, tập một), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Yêu cầu cần đạt	Điểm
------	-----------------	------

Phần 1	I. Đọc hiểu	6,0
Câu 1	Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.	1,0
Câu 2	Hình ảnh chiếc lá tượng trưng cho những điều bình thường, giản dị, khiêm tốn, thâm lặng đáng hiển, không ganh đua, bon chen trong cuộc đời và sống luôn là chính mình, toả sáng theo cách riêng của mình.	1,0
Câu 3	Câu trả lời của Bông hoa với Chim sâu: “ <i>Tôi không bịa chút nào đâu. Mỗi mỗi tôi kính trọng những chiếc lá bình thường như thế. Chính nhờ họ mới có chúng tôi – những hoa, những quả, những niềm vui mà bạn vừa nói đến.</i> ” thể hiện mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng: Cuộc sống là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội. Giống như bông hoa phải đặt cạnh chiếc lá, chiếc lá tôn vinh nét đẹp của bông hoa, cái tôi phải đặt trong cái ta, cái ta là sự tổng hoà của những cái tôi nhỏ bé. Chỉ có như vậy cuộc sống mới trở nên tốt đẹp, trọn vẹn và có ý nghĩa.	2,0
Câu 4	- Bài học rút ra từ nhân vật Chim sâu: + Đừng đánh giá người khác qua cảm quan riêng của mình mà nên có cái nhìn đa chiều, đa diện. Bởi mỗi người có một điểm nhìn khác nhau về cuộc sống. Những điều đơn giản, bình thường trong con mắt người này sẽ là những điều vĩ đại trong mắt người khác. Đôi khi những con người thoạt nhìn nhỏ bé, bình thường nhưng lại đang âm thầm, lặng lẽ hy sinh để làm nên mùa xuân cuộc đời và sự sống bất tận.	2,0
Phần 2	II. Tạo lập văn bản	14,0
Câu 1:	Viết đoạn văn nghị luận trình bày suy nghĩ về vấn đề: <i>Hãy luôn là chính mình.</i>	4,0
	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, dung lượng (Khoảng 200 chữ)	0,25
	Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>Hãy luôn là chính mình.</i>	0,25
	Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là một số gợi ý: - Sống là chính mình: Luôn sống với những giá trị riêng của mình, tự tin vào bản thân, vui vẻ với những gì thuộc về mình, sống hết mình, nỗ lực vươn lên, âm thầm toả sáng theo cách riêng. Luôn là chính mình chứ không phải là “bản sao của người khác”. - Ý nghĩa của sống là chính mình: + Mỗi người sinh ra có những đặc điểm riêng, sứ mệnh riêng, từ đó có những định hướng, ước mơ, mục tiêu khác nhau. Vậy nên, hãy nuôi dưỡng mơ ước, vươn tới những điều tốt đẹp, luôn có chính kiến, chủ động trong mọi hoàn cảnh, không sống thụ động, ỷ lại. + Giá trị của mỗi người không phải là điều gì quá xa vời, lớn lao mà ngay chính những điều bình thường, giản dị, thân thuộc, không ở những điều người khác nghĩ về mình mà nằm ở ngay trong chính bản thân của mình. + Sống là chính mình là điều kiện cần và đủ, là động lực để toả sáng, để thực hiện những ước mơ, hoài bão của bản thân và vươn lên tầm cao	0,5 2,0

	<p>mới trong cuộc đời.</p> <p>+ Sống là chính mình không có nghĩa là cố gắng tỏ ra nổi bật hơn người khác bằng những hành động khoa trương, hống hách, lỗ lã, thiếu khiêm tốn, sống với những điều viển vông, xa vời hoặc ích kỉ, toan tính, vụ lợi.... cũng không thể vì cái riêng của mình mà ảnh hưởng đến cái chung của mọi người.</p> <p>(dẫn chứng để chứng minh)</p> <p>- Tuy nhiên, đâu đó vẫn còn có những người thiếu tự tin vào bản thân, thụ động, không có chính kiến và tiếng nói riêng, luôn kiếm tìm những khuôn mẫu để biến mình thành những “bản sao của người khác”. Những người như thế thật đáng trách...</p> <p>- Biết học tập, rèn luyện, tu dưỡng để vươn lên trong cuộc sống, biết yêu thương, hoà đồng, biết ơn, trân quý những điều bình dị trong cuộc sống và những người xung quanh có như vậy cuộc sống mới tràn ngập niềm vui, hạnh phúc và luôn là chính mình.</p>	0,5
	<p><i>Sáng tạo:</i> Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p><i>Chính tả, dùng từ đặt câu:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	0,25
Câu 2	<p>Làm sáng tỏ ý kiến: “ <i>Thơ là người thư ký trung thành của những trái tim</i>” qua bài thơ “<i>Đồng chí</i>” của Chính Hữu,</p>	10,0
	<p><i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> “ <i>Đồng chí</i>” của Chính Hữu đã ghi lại trung thành tiếng nói của trái tim nhà thơ.</p>	0,25
	<p><i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i> thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:</p> <p>1. Giải thích:</p> <p>- Thơ là những sáng tác trữ tình, giàu cảm xúc, là sự thể hiện, giải bày và gửi gắm tâm tư của nhà thơ.</p> <p>+ “Người thư kí trung thành của những trái tim” là người ghi chép cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác những cung bậc cảm xúc, những tâm tư, tình cảm của nhà thơ.</p> <p>-> Ý kiến “ <i>Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim</i>” bàn về vai trò của tình cảm, cảm xúc trong thơ. Thơ bộc lộ một cách trung thành nhất, chân thật nhất những cung bậc tình cảm, những rung cảm, cảm xúc sâu kín nhất của trái tim nhà thơ.</p> <p>* Lý giải ý kiến:</p> <p>- Thơ là người thư ký trung thành ghi chép thật tỉ mỉ nhịp đập thiết tha của những trái tim đang vui hay buồn, hạnh phúc hay đau đớn, tuyệt vọng hay hy vọng, đang yêu hay đang ghét, đang mộng hay đang tỉnh, đang hồ hởi với cuộc đời hay trầm lắng suy tư... đó có thể là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, là niềm vui sướng hay nỗi buồn đau, là khúc hoan ca hay lời tuyệt vọng... Thêm vào đó, thơ còn là lời của</p>	1.5

	<p>trái tim là sự giải bày lòng mình, gửi những tâm tư tình cảm, những tình ý sâu xa, nỗi lòng của mình vào thơ và khơi gợi lòng đồng cảm nơi bạn đọc.</p> <p>- Thơ ca chuyên chở mọi cung bậc tình cảm của con người, là cầu nối giữa biết bao tâm hồn, biết bao cảm xúc. Chỉ khi nhà thơ mang trái tim dễ xúc động, nhạy cảm, nhiệt huyết, cảm xúc trong thơ phải “tràn đầy”, mãnh liệt, nồng nàn, nó kết tinh, lắng đọng khi đó sẽ có thơ bởi “Thơ chỉ bật ra khi trong tim ta cuộc sống đã tràn đầy”. Lúc đó thơ chính là người thư kí trung thành tái hiện lại những tình cảm, cảm xúc đang ngân rung trong trái tim nhà thơ.</p> <p>- Qua người thư ký trung thành - thơ ca - người đọc và nhà thơ tìm thấy xúc cảm của nhau, tìm thấy nhịp đập trái tim của nhau, tìm thấy tiếng nói đồng điệu, đồng tình, đồng cảm, tìm thấy tri âm tri kỷ mà làm đẹp thêm, giàu thêm cuộc sống tình cảm của chính mình. Thơ khởi phát từ lòng người và tìm đến lòng người, đi từ trái tim tới trái tim, thơ tỉ mỉ ghi chép lại những tâm tình của nhà thơ, hoá phép nâng những tâm tình đó biến nó trở nên có giá trị và lan tỏa những giá trị ấy đến khắp mọi ngõ ngách của thế gian nên thơ ca chính là nơi mà biết bao thi nhân mượn nét chữ mà góp nên trang và gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình...</p> <p>2.Chứng minh</p> <p>2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:</p> <p>- Chính Hữu là nhà thơ - chiến sĩ trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ nên những trang thơ của ông hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh với với cảm xúc dồn nén, vừa thiết tha, trầm hùng lại vừa sâu lắng, hàm súc, ngôn ngữ cô đọng, lời thơ bình dị, hơi thơ ấm áp.</p> <p>-“Đồng chí” là một trong số những bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất của Chính Hữu và cũng là của nền thơ kháng chiến chống Pháp. Ra đời đầu năm 1948 - sau chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947), khi ông bị ốm trên đường đi chiến dịch. Ông viết bài thơ này như một lời cảm ơn chân thành nhất gửi tới người đồng đội, người bạn nông dân đã chăm sóc mình.</p> <p>- Bài thơ đã đi qua một hành trình hơn nửa thế kỉ làm đẹp mãi cho hồn thơ Chính Hữu. Bài thơ để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai bởi đó là lời từ trái tim của ông về tình đồng đội ngọt ngào, thấm thiết.</p> <p>2.2. Chứng minh:</p> <p><i>- Luận điểm 1: Bài thơ “Đồng chí” đã ghi lại một cách trung thành tiếng nói của trái tim nhà thơ Chính Hữu, đó là lời ngợi ca vẻ đẹp tình đồng chí, đồng đội của những người lính cách mạng mọc mọt, giản dị mà giàu lòng yêu nước, có lí tưởng cao đẹp, dũng cảm, tâm hồn lãng mạn, giàu chất thơ.</i></p> <p><i>* Cảm nhận sâu sắc về cơ sở của tình đồng chí:</i></p> <p>- Sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân: Nếu như “anh” đến từ nơi “nước mặn đồng chua” thì “tôi” xuất thân từ vùng quê “nghèo đất cày</p>	<p>7,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>4,5</p>
--	---	---

<p>lên sỏi đá”. Hai con người đến từ những vùng quê nghèo khó của Tổ quốc “chẳng hẹn quen nhau”. Họ gặp nhau vì cùng chung lí tưởng cách mạng, vì tình yêu lớn với Tổ quốc thân yêu.</p> <p>- Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu:</p> <p>+ Điệp ngữ “súng”- “đầu” hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ và mục đích, lí tưởng chiến đấu của người lính.</p> <p>-> Tình đồng chí, đồng đội được hình thành trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ và lí tưởng cao đẹp. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu, các anh đã cùng tập hợp dưới quân kì, cùng kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng của thời đại.</p> <p>- Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính: Mỗi tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.</i></p> <p>=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Từ sóng đôi của “anh” và “tôi” trong từng dòng thơ đến sự gần gũi “anh với tôi” trong một dòng thơ và đến thành một đôi nhưng “đôi người xa lạ” rồi mới thành “đôi tri kỉ”-đôi bạn chí cốt, hiểu nhau sâu sắc và cao hơn nữa là “Đồng chí!”. Từ rời rạc, riêng lẻ, dần nhập thành chung, thành một, khăng khít, keo sơn, khó tách rời.</p> <p>- Câu thơ thứ bảy chỉ có một từ gồm hai tiếng “ Đồng chí !” và dấu chấm than tạo một nốt nhấn, như một tiếng gọi thiết tha, xúc động, vừa như một phát hiện, một lời kết luận khẳng định cội nguồn và sự hình thành tình đồng chí keo sơn giữa những người đồng đội. Nó như một bản lề khép lại đoạn thơ một để mở ra ý thơ đoạn hai.</p> <p style="text-align: center;"><i>(dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).</i></p> <p>* Cảm nhận sâu sắc về những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.</p> <p>- <i>Sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:</i></p> <p>+ Các anh là những người lính gác lại tình riêng, ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao băn khoăn, trăn trở.</p> <p>+ Hai chữ “<i>mặc kệ</i>” -> Thái độ dứt khoát của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, mục đích đã chọn lựa.</p> <p>+ Hình ảnh “<i>gian nhà không</i>” vừa gợi cái nghèo, cái xơ xác của những miền quê lam lũ, vừa gợi sự trống trải trong lòng người ở lại.</p> <p>+ “<i>Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính</i>” là cách nói tế nhị, giàu sức gợi. Quê hương nhớ người ra lính hay chính những người ra đi luôn nhớ về quê hương. Thủ pháp nhân hóa và hai hình ảnh hoán dụ đã biểu đạt sâu sắc tâm trạng, nỗi niềm của những người lính nơi chiến tuyến. Nhớ về quê hương cũng chính là cách tự vượt lên mình, vượt lên tình riêng vì sự nghiệp chung của đất nước.</p> <p>- <i>Chia sẻ cùng nhau những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính:</i></p> <p>+ “<i>Anh</i>” với “<i>tôi</i>” cùng chịu đựng những cơn sốt rét rừng, cùng trải</p>	<p>2,0</p> <p>2,0</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>1,0</p> <p>0,5</p>
--	---

qua những nỗi đau bệnh tật. Anh với tôi cùng chia nhau sự thiếu thốn trong cuộc đời quân ngũ.

+ Những chi tiết tả thực, hình ảnh sóng đôi đã góp phần tái hiện chân thực những khó khăn, gian khổ của cuộc đời người lính trong buổi đầu kháng chiến. Các anh đã cùng nhau gánh vác, cùng nhau chịu đựng... Chính tình đồng đội đã giúp họ vượt lên cái “*buốt giá*” của mùa đông chiến đấu để rồi tỏa sáng nụ cười và càng thương nhau hơn.

+ Hình ảnh “*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*” có sức gợi nhiều hơn tả với nhịp thơ chảy dài. Đây là cách thể hiện tình cảm chân thành, mộc mạc của người lính. “Tay nắm lấy bàn tay” để truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng đội, niềm tin chiến thắng, truyền cho nhau sức mạnh của tình đồng chí. Cái nắm tay ấy còn là lời hứa hẹn lập công.

=> Từ những tình cảm chân thành, mộc mạc, gắn bó và những gian khó, thiếu thốn nơi chiến trường khốc liệt, tác giả đã kết thúc đoạn thơ bằng một câu thơ mang đậm chất lãng mạn, nghệ thuật.

*** *Tình đồng chí, đồng đội trở thành bức tượng đài bằng thơ bất hủ.***

- Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính “*đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*”. Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng nhưng cũng rất chủ động và thật hào hùng của những giây phút “*chờ giặc tới*”. Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả.

- Câu kết là một hình ảnh thơ rất đẹp: “*Đầu súng trăng treo*”. *Đầu súng trăng treo* – hình ảnh thật đẹp và giàu sức khái quát. “Súng” và “trăng” kết hợp nhau; “súng” tượng trưng cho chiến đấu – “trăng” là hình ảnh của thanh bình hạnh phúc; súng là con người – trăng là đất nước quê hương của bốn nghìn năm văn hiến; súng là hình ảnh người chiến sĩ gan dạ kiên cường – trăng là hình ảnh người thi sĩ. Sự kết hợp hài hòa tạo nên nét lãng mạn bay bổng vừa gợi tả cụ thể đã nói lên lý tưởng, mục đích chiến đấu mà người lính ấy đang tham gia. Họ chiến đấu cho sự thanh bình, chiến đấu cho ánh trăng mãi nghiêng cười trên đỉnh núi. Hình ảnh giữa đêm khuya rừng núi trập trùng bỗng hiện lên hình ảnh người lính với súng khoác trên vai, nòng súng chéch lên trời và ánh trăng lơ lửng ngay nòng ngọn súng thật đẹp. Đó là biểu tượng khát vọng hòa bình, nó tượng trưng cho tư thế lạc quan, bình tĩnh, lãng mạn của người bảo vệ Tổ quốc.

=> Bài thơ là tiếng nói xuất phát từ trái tim, từ tấm lòng chân thật của nhà thơ, là lời ca ngợi tình đồng chí sắt son, tha thiết, thiêng liêng, sâu nặng của những anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp. Thông qua bài thơ, người đọc cảm nhận được sâu sắc khát vọng hoà bình, ý chí quyết tâm chiến đấu để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Đó là tiếng nói, là khát vọng của một nhà thơ - người lính, tiếng nói của người trong cuộc vô cùng chân thành và giàu sức âm vang.

Luận điểm 2: “Đồng chí” là tiếng nói của trái tim Chính Hữu được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc:

- Thể thơ tự do với những câu dài ngắn đan xen đã giúp cho nhà thơ

	<p>diễn tả hiện thực và bộc lộ cảm xúc một cách linh hoạt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bút pháp hiện thực - bi tráng nhưng không kém phần lãng mạn. Cùng viết về đề tài kháng chiến - người lính nhưng Chính Hữu không khai thác theo bút pháp lãng mạn anh hùng, hào hoa, bi tráng mà ngòi bút của ông nghiêng về hiện thực. Vẻ đẹp của người lính được khắc họa từ chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh: giản dị, chân thực, không tô vẽ, nhấn mạnh, lí tưởng hóa cái phi thường mà ngược lại cái phi thường, cao cả của người lính lại được toát lên từ cái bình thường, giản dị của người lính. - Hệ thống hình ảnh giàu sức gợi, những câu thơ sóng đôi nhịp nhàng cân xứng, ngôn ngữ chọn lọc tinh tế, hàm súc, giọng điệu xúc động, thiết tha... bài thơ <i>Đồng chí</i> đã ghi lại một cách trung thành tiếng nói của trái tim nhà thơ với bao tình cảm chân thành, thiết tha, sâu nặng. <p>3. Đánh giá khái quát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến trên bởi lẽ thơ khởi phát từ lòng người. Một bài thơ xuất phát từ trái tim tha thiết yêu thương con người, yêu cuộc đời, ẩn chứa những tình cảm nhân văn cao đẹp sẽ có sức lan toả từ thế hệ này sang thế hệ khác, có khả năng vượt qua cả không gian lẫn thời gian để kết nối trái tim của mọi người, ở mọi thời... Một bài thơ do vậy không chỉ là người thư ký mà phải là người thư ký trung thành, hơn thế nữa, không chỉ là người thư ký trung thành mà còn là người thư ký đủ tài năng và bản lĩnh. Có như thế mới đủ sức tái hiện những sắc thái tình cảm tinh tế, muôn màu, mới gây được xúc cảm bồi hồi nơi người đọc, người nghe. - Bài học đối với người sáng tác và người tiếp nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Bài học cho người sáng tác: Thơ là tiếng nói của tình cảm con người, là những rung động của trái tim nhà thơ trước cuộc đời. Thơ tuy thể hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm chân chính bao giờ cũng mang ý nghĩa khái quát về con người, về cuộc đời, về nhân loại, đó là cầu nối dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này. Trái tim nhà thơ luôn ngân rung những cung bậc cảm xúc dạt dào, giàu tình yêu thương, bằng cái tình, cái tâm nhiệt thành với từng sự sống, bằng cái tài, sự tâm huyết và cả những trăn trở để cất lên tiếng lòng mình và tiếng nói tri âm cùng bạn đọc. + Bài học cho người tiếp nhận: Thông qua bài thơ, người đọc cùng đập cùng những nhịp đập thổn thức của trái tim nhà thơ, tìm thấy tiếng nói đồng điệu, đồng tình, đồng cảm mà làm giàu thêm cho đời sống tình cảm của chính mình, đồng cảm, trân trọng, lắng nghe nhịp đập trái tim nhà thơ, lắng lòng mình để thấu cảm hơn tiếng lòng nhà thơ gửi gắm vào thi phẩm. Con đường ngắn nhất để thơ đến với bạn đọc là "Đi từ trái tim để đến với trái tim" (Ple-Kha-Nốp) bởi những giá trị rung cảm thật sự từ một trái tim sẽ nằm ngoài sự băng hoại của thời gịn và sống mãi trong lòng người đọc... 	
	<p>Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25

	Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. (Sai từ 2 lỗi trở lên sẽ không tính điểm này)	0,25
--	--	------

Lưu ý chung: Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo nên cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ học sinh. Khuyến khích những phát hiện mới mẻ, có lý. Điểm toàn bài lẻ đến 0,25 điểm.

UBND HUYỆN HẬU LỘC
PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

**ĐỀ THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG
ĐỘI TUYỂN
HỌC SINH GIỎI LỚP 9**

Năm học: 2022-2023

Môn thi: Ngữ văn

Ngày thi: 10 tháng 12 năm 2022

Thời gian: **150 phút** (không kể thời gian giao đề)

Đề thi gồm có 06 câu, 02 trang.

Số báo danh

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Thật ra, cuộc đời ai cũng có lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Khi ấy, ba tôi dạy rằng, ta chỉ cần nhớ nguyên tắc sống cực kì ngắn gọn: Trước hết hãy tôn trọng người khác. Rồi sau đó, nghe theo chính mình. Hãy tôn trọng. Bởi cuộc đời là muôn mặt và mỗi người có một cuộc sống riêng biệt. Chẳng có cách sống này là cơ sở để đánh giá cách sống kia. John Mason có viết một cuốn sách tựa đề: “Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao”. Tôi không biết nó đã được dịch ra tiếng Việt chưa, nhưng đó là một cuốn sách rất thú vị. Nó khiến tôi nhận ra rằng, mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng. Tôi luôn xem nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà. Xỏ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào bạn muốn. Con người sinh ra và chết đi đều không theo ý mình. Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu. Bạn biết mà, cơ hội đó chính là cuộc đời này – một chớp mắt so với những vì sao. Bởi thế, đừng để mình cứ mãi xoay theo những tiếng ồn ào khác, hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim...

(Lắng nghe lời thì thầm con tim, Phạm Lữ Ân)

Câu 1. (0.5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. (1.5 điểm) Em hiểu như thế nào về câu nói: “Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao”.

Câu 3. (2.0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn sau: Nó khiến tôi nhận ra rằng, mỗi con người đều là một

nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng. Tôi luôn xem nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà. Xỏ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào bạn muốn. Con người sinh ra và chết đi đều không theo ý mình. Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu.

Câu 4. (2.0 điểm) Thông điệp ý nghĩa nhất em rút ra từ đoạn trích trên là gì? Vì sao?

II. LÀM VĂN (14.0 điểm)

Câu 1. (4.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong phần đọc - hiểu “...**mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng**”.

Câu 2. (10.0 điểm)

Phạm Văn Đồng cho rằng: “**Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phân đấu sao cho cuộc đời mình có nhụy**”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục 2020) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.....**Hết**.....

HƯỚNG DẪN CHẤM HSG LỚP 9
NĂM HỌC 2022 – 2023
Môn: Ngữ văn 9

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0đ
	1	- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2	Câu nói: “ <i>Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao</i> ” có thể hiểu: - <i>Bạn sinh ra là một nguyên bản</i> : Khi sinh ra đã mang một ngoại hình, tính cách và tài năng riêng biệt. Mình là chính mình, không trộn lẫn vào ai. - <i>Đừng chết như một bản sao</i> : Khi lớn lên, do tác động của môi trường sống, môi trường làm việc mà đánh mất mình, sống theo nguyên mẫu của người khác, “ <i>bắt chước</i> ” hoặc “ <i>sùng bái</i> ” một ai đó quá mức. Nhưng dù có thế nào, bạn cũng không thể giống “ <i>bản chính</i> ” được và vì thế, bạn sẽ đánh mất chính mình, thậm chí “ <i>chết như một bản sao</i> ”. Vì vậy, hãy luôn là chính mình.	1.5
	3	- Các biện pháp tu từ: + So sánh: <i>Mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng trân trọng, nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà.</i> + Liệt kê: <i>Xổ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào; ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có; sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu</i> Tác dụng: Nhấn mạnh và làm nổi bật quan điểm của tác giả về thái độ sống. Mỗi người sinh ra trong cuộc đời này đều không có quyền chọn nơi mình sinh ra, cũng không biết những gì sẽ đến với mình trong tương lai (<i>sinh ra và chết đi đều không theo ý mình</i>). Nhưng chúng ta có cơ hội để sống như mình muốn. Và dù có chọn lựa thế nào thì quan trọng nhất vẫn là phải biết yêu thương và tôn trọng chính bản thân mình, dù đó có thể là sự khác biệt, bởi <i>mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng trân trọng</i> .	2.0
	4	- Hs có thể rút ra những thông điệp khác nhau, nhưng phải phù hợp với nội dung đoạn trích và lí giải hợp lí. - Thông điệp: Lắng nghe lời thì thầm của trái tim; tôn trọng sự khác biệt; lựa chọn thái độ sống; ...	2.0
		LÀM VĂN	14.0đ

II	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong phần đọc – hiểu “... <i>mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng.</i> ”	4.0
		a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0.5
		c. Triển khai hợp lý nội dung nghị luận Thí sinh có thể trình bày suy nghĩ theo nhiều cách, dưới đây là một số gợi ý về nội dung: - Giải thích: + “ <i>Nguyên bản</i> ” là bản gốc, là cái ban đầu. + “ <i>Duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng</i> ”: tức là cái riêng biệt, không trùng lặp với những cái khác và được đánh giá đúng mức, được coi trọng, vị nể. => Câu nói là lời khuyên răn con người: Mỗi người sinh ra là cái duy nhất, không ai giống ai, vì vậy cần phải giữ gìn những nét riêng của mình. Đừng biến mình thành “ <i>bản sao</i> ” của ai đó, hãy giữ gìn bản sắc riêng của mình trong suốt hành trình cuộc sống. - Bàn luận: + Câu nói có thể xem là một ý kiến đúng đắn trong cuộc sống: bất cứ ai sinh ra trên cuộc đời đều mang một sứ mệnh thiêng liêng, không ai giống ai, là “ <i>nguyên bản</i> ”, “ <i>duy nhất</i> ”. Đừng biến mình thành con rối bị điều khiển, phụ thuộc bằng cách “ <i>bắt chước</i> ” hay cố tình biến mình thành một “ <i>bản sao</i> ” của ai đó. Bởi cuộc sống vốn phong phú, đa dạng, nếu cứ dập khuôn thì tự mình sẽ biến cuộc sống trở nên đơn điệu, nhàm chán. + Chỉ khi là “ <i>nguyên bản</i> ”, là “ <i>duy nhất</i> ”, là “ <i>độc đáo</i> ” thì ta mới đáng được “ <i>tôn trọng</i> ”. Bởi chỉ khi ta làm chủ bản thân, ta mới có tư duy độc lập, có óc sáng tạo mà không bị chi phối và phụ thuộc vào người khác. Và cũng chỉ khi đó, ta mới cảm nhận hết ý nghĩa của cuộc đời, xây dựng được những mối quan hệ và chủ động trong mọi việc. - Phê phán những người sống theo kiểu a dua, bắt chước, biến mình thành “ <i>bản sao</i> ” của người khác. Đặc biệt là học theo những trào lưu nguy hiểm, những cái xấu, những hình mẫu chưa tốt trong cuộc sống. - Bài học nhận thức và hành động: Rút ra bài học phù hợp cho bản thân.	2.0
		d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp với những chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0.5
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5
	2	Phạm Văn Đồng cho rằng: “ <i>Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu sao cho cuộc đời mình có nhụy</i> ” Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục 2020) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.	10.0
		a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận.	0.5

	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0.5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:	8.0
	<p>1. Giải thích:</p> <p>- <i>Thơ</i>: Là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Thuộc phương thức trữ tình, thơ lấy điểm tựa là sự bộc lộ thế giới nội tâm của nhà thơ, những rung động mãnh liệt của trái tim người nghệ sĩ trước cuộc đời. Tức là trong thơ, cảm xúc đóng vai trò quyết định, là nguồn cội của sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>- <i>Thơ là cái nhụy của cuộc sống</i>: Cũng như nhụy là bộ phận quan trọng của hoa cái, thơ chính là “<i>cái nhụy</i>” của cuộc sống. Tức là nhà thơ, bằng sự rung động, thấu hiểu, bằng những trải nghiệm của mình về cuộc sống, phải truyền tải được cái nhụy cuộc sống ấy vào trong tác phẩm, tức là phải mang được hiện thực cuộc sống ấy vào trong thơ. Vẻ đẹp trong thơ trước hết thể hiện ở tư tưởng, tình cảm mà tác phẩm chứa đựng. Những chất liệu đời sống âm vang vào trong tâm hồn, lay động cảm xúc sâu xa của người nghệ sĩ, và người nghệ sĩ sẽ bằng tài năng của mình, biến chúng thành những tác phẩm chân chính. Tức là trong thơ, hiện thực cuộc sống chính là mảnh đất màu mỡ, là “<i>cái nhụy</i>”, là trung tâm, là phần quan trọng trong cảm hứng sáng tác của nhà thơ bởi “<i>cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học</i>” (Tố Hữu)</p> <p>- Nhà thơ phải “<i>phấn đấu làm sao cho cuộc đời mình cũng có nhụy</i>”: Hiện thực cuộc sống muôn màu, muôn vẻ, nhà thơ phản ánh cuộc sống nhưng không bê nguyên xi hiện thực ấy vào tác phẩm. Mà qua lăng kính chủ quan của mình, bằng tài năng và cá tính sáng tạo, nhà thơ nói được nhiều hơn những gì muốn nói. Đó là những lá thư, lời tâm tình, bài học, triết lí nhân sinh mà người nghệ sĩ ngôn từ gửi gắm trong tác phẩm. Đó cũng chính là “<i>không lặp lại người khác, kể cả lặp lại chính mình</i>”, lưu dấu ấn sâu sắc trong lòng bạn đọc, và khi ấy “<i>cuộc đời</i>” nhà thơ “<i>cũng có nhụy</i>”, tức là có vị trí xứng đáng trong lòng độc giả, trong tiến trình văn học một dân tộc.</p> <p>=> Như vậy, ý kiến đề cập đến chức năng của thơ ca và vai trò, của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác tác phẩm, vị trí của họ trong một giai đoạn văn học hoặc trong tiến trình phát triển của nền văn học dân tộc. Từ đó đặt ra những yêu cầu về vai trò, trách nhiệm của nhà văn trong sáng tác; của bạn đọc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm.</p>	1.0
	<p>2. Chứng minh:</p> <p>- Khái quát vài nét về tác giả, tác phẩm.</p> <p>a, Trong tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” Phạm Tiến Duật đã phản ánh “cái nhụy” của cuộc sống qua hiện thực đất nước ta những năm kháng chiến chống Mỹ gian khổ, ác liệt.</p> <p>- Bài thơ ra đời năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đang diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. Giặc Mỹ đã gây ra</p>	6.0
		1.0

	<p>cuộc chiến tranh hủy diệt, tàn khốc với dân tộc Việt Nam. Tuyến đường Trường Sơn trở thành trọng điểm bắn phá của đế quốc Mỹ nhằm chặn đứng sự tiếp viện của dân tộc ta từ miền Bắc vào miền Nam.</p> <p>- Hiện thực ấy đã khiến cả dân tộc tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là thế hệ trẻ. Hơn ai hết nhà thơ Phạm Tiến Duật – người lính đã trực tiếp tham gia vào cuộc kháng chiến vĩ đại này, bằng trải nghiệm và sự thấu hiểu của mình, ông đã ghi lại được cái đẹp của hiện thực cuộc sống chiến tranh ấy vào trong tác phẩm qua hình ảnh chiếc xe không kính bị bom đạn tàn phá và hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p><i>b, Bằng việc khai thác đề tài người lính và chiến tranh, Phạm Tiến Duật như “con ong” say sưa “hút cho được cái nhụy” của cuộc sống, chiến đấu và phản ánh vào tác phẩm bằng dấu ấn sáng tạo để ghi dấu “cho cuộc đời mình có nhụy”</i></p> <p>- Trước hết, “<i>cái nhụy</i>” của cuộc sống được nhà thơ ghi dấu trong tác phẩm qua việc sáng tạo hình ảnh những chiếc xe không kính biến dạng trần trụi do sự khốc liệt của chiến tranh nhưng tất cả đã được diễn tả một cách hết sức tự nhiên, giản dị, bông đùa, tếu táo. Chất lính ngang tàng được thể hiện ngay ở hai câu thơ mở đầu. Hình tượng đời sống được khám phá một cách nghệ thuật bởi con tim của người trong cuộc.</p> <p>- Nhà thơ tập trung khắc họa qua chân dung người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Tất cả là hiện thực nhưng qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành hình ảnh lãng mạn.</p> <p>+ Họ là những chiến sĩ lái xe với tinh thần lạc quan, trẻ trung, sôi nổi, bất chấp khó khăn, nguy hiểm: Các anh nhìn vào khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không hề run sợ, né tránh với một bản lĩnh vững vàng. Niềm vui, tiếng cười của người lính cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến. Trước mọi khó khăn, nguy hiểm các anh vẫn “cười”, chẳng bận tâm, lo lắng, các anh sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, gian lao như thể đó là điều tất yếu. Các anh lấy cái bất biến của lòng dũng cảm, của thái độ hiên ngang để thắng lại cái vạn biến của chiến trường sinh tử ác liệt.</p> <p>+ Tình đồng chí đồng đội sâu đậm: Tình đồng chí, đồng đội là một trong những phẩm chất cao đẹp của những người lính cách mạng nói chung, trong bài thơ của Phạm Tiến Duật, vẻ đẹp ấy của người lính được thể hiện một cách tự nhiên, dung dị. Sự khốc liệt của chiến tranh đã tạo nên tiểu đội xe không kính. Những chiếc xe từ mọi miền tổ quốc về đây hợp thành tiểu đội. Cái “<i>bắt tay qua cửa kính vỡ rồi</i>” của những chiếc xe không kính lại trở thành điều kiện thuận lợi để các anh thể hiện tình cảm, niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh, bù đắp tinh thần cho những thiếu thốn về vật chất mà người lính phải chịu đựng. Tình đồng chí, đồng đội còn được thể hiện một cách âm áp, giản dị qua những giờ phút sinh hoạt của họ. Gắn bó trong chiến đấu, họ càng gần bó trong đời thường sau những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm hội ngộ, những người lính lái xe đã xích lại thành gia đình “<i>chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy</i>”. Đó là gia đình của những người lính cùng</p>	3.0
--	--	-----

	<p>chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu. Tinh đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ tổ quốc thân yêu. Sức mạnh của người lính thời đại HCM là vẻ đẹp kết hợp truyền thống và hiện đại. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỉ “<i>nư Thạch Sanh của thế kỉ XX</i>” (Tô Hữu).</p> <p>+ Họ là những người lính có lòng yêu nước, ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam: Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước. Bởi trong những chiếc xe tàn dạng vẫn băng băng ra chiến trường ấy có “<i>một trái tim</i>” vì miền Nam yêu thương. Trái tim ấy dào dạt tình yêu tổ quốc như máu thịt, trái tim ấy luôn sục sôi lòng căm thù giặc Mĩ bạo tàn. Ý thơ còn muốn hướng con người về chân lí thời đại của chúng ta: sức mạnh quyết định chiến thắng không chỉ là sức mạnh của vũ khí mà còn là sức mạnh của lòng yêu nước, của ý chí, niềm lạc quan tin tưởng, ý chí quyết chiến, quyết thắng của con người.</p> <p>=> Bài thơ mang đậm phong cách thơ Phạm Tiến Duật – “<i>con chim lửa của Trường Sơn huyền thoại</i>”, với giọng điệu ngang tàng, tinh nghịch, hóm hỉnh, vui tươi, nhà thơ đã khám phá ra được cái nhụy của cuộc sống, chân dung con người một cách nghệ thuật. Đó là hình ảnh chân dung con người Việt Nam trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.</p> <p><i>c, Phạm Tiến Duật ghi dấu ấn của mình trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” bằng những sáng tạo riêng, độc đáo, mang đậm phong cách thơ ông. Đó cũng chính là cách nhà thơ “đi hút cho được cái nhụy” để “phấn đấu cho cuộc đời mình có nhụy”.</i></p> <p>+ Nhan đề bài thơ độc đáo, khác lạ: Bài thơ có một nhan đề khá dài, tưởng những chỗ thừa nhưng chính nhan đề ấy lại thu hút người đọc với vẻ lạ, độc đáo của nó. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài – những chiếc xe không kính. Tác giả thêm vào nhan đề hai chữ “bài thơ” để thể hiện cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính, hay là cái hiện thực khốc liệt của chiến tranh, mà chủ yếu muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam dũng cảm, hiên ngang, vượt lên những thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh.</p> <p>+ Sáng tạo hình ảnh những chiếc xe không kính: Xưa nay, hình ảnh tàu xe vào thơ thường được “<i>mĩ lệ hóa</i>”, “<i>lãng mạn hóa</i>” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Ở bài thơ này, nhà thơ đưa vào hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết, thực đến trần trụi và thường gặp trên tuyến đường Trường Sơn. Phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch ngang tàng như Phạm Tiến Duật mới phát hiện được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ.</p> <p>+ Giọng điệu và ngôn ngữ: Ngôn ngữ bài thơ giản dị, ngôn ngữ chất sống, đời sống chiến trường, vừa làm giàu thêm chất điệu thơ ca, vừa</p>	2.0
--	--	-----

	<p>thể hiện chân thực hình ảnh người lính lái xe. Giọng thơ, lời thơ gần với lời văn xuôi, lời đối thoại, lời nói thường nhưng vẫn giàu chất thơ. Đây chính là nét độc đáo tạo nên một giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, sôi nổi, tinh nghịch, tự nhiên, thể hiện cái hiên ngang, bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm của các anh lính lái xe Trường Sơn.</p> <p>+ Thể thơ: Kết hợp linh hoạt giữa thể thơ 7 chữ và 8 chữ, có chỗ 6 hay 10 chữ tạo cho bài thơ một nhịp điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động, góp phần tạo nên chất thơ mới, giọng điệu mới của thơ ca chống Mĩ.</p>	
	<p>3. Đánh giá, khái quát</p> <p>- Ý kiến của Phạm Văn Đồng đã khẳng định chức năng của thơ ca và vai trò, vị trí của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác tác phẩm. Và nhà thơ Phạm Tiến Duật đã làm tròn điều ấy trong sáng tác của mình.</p> <p>- Ý kiến cũng gợi ra bài học cho người nghệ sĩ và bạn đọc:</p> <p>+ Với người nghệ sĩ: Phải bằng sự rung cảm trước hiện thực cuộc sống và như con ong cần mẫn lao động, sáng tạo dẫu đôi khi sáng tạo là sự dấn thân vào những cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm, bởi đó là thiên chức cao quý của người cầm bút. Sáng tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy. Sự sáng tạo góp phần làm nên gương mặt tinh thần riêng của mỗi nhà văn, diện mạo của nền văn học, thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật.</p> <p>+ Với người đọc: thưởng thức và trân trọng những sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ với tất cả tâm hồn của người đồng sáng tạo.</p>	1.0
	<p><i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i></p>	0.5
	<p><i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i></p>	0.5

***Lưu ý:**

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của thí sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm đối với những bài viết đáp ứng tốt yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.
4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

Đề bài

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Thật ra, cuộc đời ai cũng có lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Khi ấy, ba tôi dạy rằng, ta chỉ cần nhớ nguyên tắc sống cực kì ngắn gọn: Trước hết hãy tôn trọng người khác. Rồi sau đó, nghe theo chính mình. Hãy tôn trọng. Bởi cuộc đời là muôn mặt và mỗi người có một cuộc sống riêng biệt. Chẳng có cách sống này là cơ sở để đánh giá cách sống kia. John Mason có viết một cuốn sách

tựa đề: “*Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao*”. Tôi không biết nó đã được dịch ra tiếng Việt chưa, nhưng đó là một cuốn sách rất thú vị. Nó khiến tôi nhận ra rằng, mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng. Tôi luôn xem nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà. Xỏ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào bạn muốn. Con người sinh ra và chết đi đều không theo ý mình. Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu. Bạn biết mà, cơ hội đó chính là cuộc đời này – một chớp mắt so với những vì sao. Bởi thế, đừng để mình cứ mãi xoay theo những tiếng ồn ào khác, hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim...

(Lắng nghe lời thì thầm con tim, Phạm Lữ Ân)

Câu 1.(0.5điểm)Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2.(1.5điểm)Em hiểu như thế nào về câu nói: “*Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao*”.

Câu 3. (2.0 điểm)Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu văn sau: *Nó khiến tôi nhận ra rằng, mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng. Tôi luôn xem nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà. Xỏ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào bạn muốn. Con người sinh ra và chết đi đều không theo ý mình. Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu.*

Câu 4. (2.0 điểm)Thông điệp ý nghĩa nhất em rút ra từ đoạn trích trên là gì? Vì sao?

II. LÀM VĂN (14.0 điểm)

Câu 1.(4.0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong phần đọc - hiểu “...***mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng***”.

Câu 2.(10.0 điểm)

Phạm Văn Đồng cho rằng: “***Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phắn đầu sao cho cuộc đời mình có nhụy***”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục 2020) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.....Hết.....

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0đ
	1	- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2	Câu nói: “ <i>Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao</i> ” có thể hiểu: - <i>Bạn sinh ra là một nguyên bản</i> : Khi sinh ra đã mang một ngoại hình, tính cách và tài năng riêng biệt. Mình là chính mình, không trộn lẫn vào ai. - <i>Đừng chết như một bản sao</i> : Khi lớn lên, do tác động của môi trường sống, môi trường làm việc mà đánh mất mình, sống theo nguyên mẫu của người khác, “ <i>bắt chước</i> ” hoặc “ <i>sùng bái</i> ” một ai đó quá mức. Nhưng dù có thế nào, bạn cũng không thể giống “ <i>bản chính</i> ” được và vì thế, bạn sẽ đánh mất chính mình, thậm chí “ <i>chết như một bản sao</i> ”. Vì vậy, hãy luôn là chính mình.	1.5
	3	- Các biện pháp tu từ: + So sánh: <i>Mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng trân trọng, nguyên tắc ấy như một đôi giày mà tôi phải mang trước khi ra khỏi nhà.</i> + Liệt kê: <i>Xổ đôi giày đó, và đi khắp thế gian, đến bất cứ nơi nào; ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có; sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu</i> Tác dụng: Nhấn mạnh và làm nổi bật quan điểm của tác giả về thái độ sống. Mỗi người sinh ra trong cuộc đời này đều không có quyền chọn nơi mình sinh ra, cũng không biết những gì sẽ đến với mình trong tương lai (<i>sinh ra và chết đi đều không theo ý mình</i>). Nhưng chúng ta có cơ hội để sống như mình muốn. Và dù có chọn lựa thế nào thì quan trọng nhất vẫn là phải biết yêu thương và tôn trọng chính bản thân mình, dù đó có thể là sự khác biệt, bởi <i>mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng trân trọng.</i>	2.0
	4	- Hs có thể rút ra những thông điệp khác nhau, nhưng phải phù hợp với nội dung đoạn trích và lí giải hợp lí. - Thông điệp: Lắng nghe lời thì thầm của trái tim; tôn trọng sự khác biệt; lựa chọn thái độ sống; ...	2.0
		LÀM VĂN	14.0đ
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được nêu trong phần đọc – hiểu “... <i>mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng.</i> ”	4.0

II		a. Đảm bảo thể thức một đoạn văn	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0.5
		c. Triển khai hợp lí nội dung nghị luận Thí sinh có thể trình bày suy nghĩ theo nhiều cách, dưới đây là một số gợi ý về nội dung: - Giải thích: + “ <i>Nguyên bản</i> ” là bản gốc, là cái ban đầu. + “ <i>Duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng</i> ”: tức là cái riêng biệt, không trùng lặp với những cái khác và được đánh giá đúng mức, được coi trọng, vị nể. => Câu nói là lời khuyên răn con người: Mỗi người sinh ra là cái duy nhất, không ai giống ai, vì vậy cần phải giữ gìn những nét riêng của mình. Đừng biến mình thành “ <i>bản sao</i> ” của ai đó, hãy giữ gìn bản sắc riêng của mình trong suốt hành trình cuộc sống. - Bàn luận: + Câu nói có thể xem là một ý kiến đúng đắn trong cuộc sống: bất cứ ai sinh ra trên cuộc đời đều mang một sứ mệnh thiêng liêng, không ai giống ai, là “ <i>nguyên bản</i> ”, “ <i>duy nhất</i> ”. Đừng biến mình thành con rối bị điều khiển, phụ thuộc bằng cách “ <i>bắt chước</i> ” hay cố tình biến mình thành một “ <i>bản sao</i> ” của ai đó. Bởi cuộc sống vốn phong phú, đa dạng, nếu cứ dập khuôn thì tự mình sẽ biến cuộc sống trở nên đơn điệu, nhàm chán. + Chỉ khi là “ <i>nguyên bản</i> ”, là “ <i>duy nhất</i> ”, là “ <i>độc đáo</i> ” thì ta mới đáng được “ <i>tôn trọng</i> ”. Bởi chỉ khi ta làm chủ bản thân, ta mới có tư duy độc lập, có óc sáng tạo mà không bị chi phối và phụ thuộc vào người khác. Và cũng chỉ khi đó, ta mới cảm nhận hết ý nghĩa của cuộc đời, xây dựng được những mối quan hệ và chủ động trong mọi việc. - Phê phán những người sống theo kiểu a dua, bắt chước, biến mình thành “ <i>bản sao</i> ” của người khác. Đặc biệt là học theo những trào lưu nguy hiểm, những cái xấu, những hình mẫu chưa tốt trong cuộc sống. - Bài học nhận thức và hành động: Rút ra bài học phù hợp cho bản thân.	2.0
		d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp với những chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0.5
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0.5
	2	Phạm Văn Đồng cho rằng: “ <i>Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu sao cho cuộc đời mình có nhụy</i> ” Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục 2020) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.	10.0
		a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận.	0.5
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0.5

	<p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i></p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p>	8.0
	<p>1. Giải thích:</p> <p>- <i>Thơ</i>: Là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Thuộc phương thức trữ tình, thơ lấy điểm tựa là sự bộc lộ thế giới nội tâm của nhà thơ, những rung động mãnh liệt của trái tim người nghệ sĩ trước cuộc đời. Tức là trong thơ, cảm xúc đóng vai trò quyết định, là nguồn cội của sáng tạo nghệ thuật.</p> <p>- <i>Thơ là cái nhụy của cuộc sống</i>: Cũng như nhụy là bộ phận quan trọng của hoa cái, thơ chính là “<i>cái nhụy</i>” của cuộc sống. Tức là nhà thơ, bằng sự rung động, thấu hiểu, bằng những trải nghiệm của mình về cuộc sống, phải truyền tải được cái nhụy cuộc sống ấy vào trong tác phẩm, tức là phải mang được hiện thực cuộc sống ấy vào trong thơ. Vẻ đẹp trong thơ trước hết thể hiện ở tư tưởng, tình cảm mà tác phẩm chứa đựng. Những chất liệu đời sống âm vang vào trong tâm hồn, lay động cảm xúc sâu xa của người nghệ sĩ, và người nghệ sĩ sẽ bằng tài năng của mình, biến chúng thành những tác phẩm chân chính. Tức là trong thơ, hiện thực cuộc sống chính là mảnh đất màu mỡ, là “<i>cái nhụy</i>”, là trung tâm, là phần quan trọng trong cảm hứng sáng tác của nhà thơ bởi “<i>cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học</i>” (Tố Hữu)</p> <p>- Nhà thơ phải “<i>phấn đấu làm sao cho cuộc đời mình cũng có nhụy</i>”: Hiện thực cuộc sống muôn màu, muôn vẻ, nhà thơ phản ánh cuộc sống nhưng không bê nguyên xi hiện thực ấy vào tác phẩm. Mà qua lăng kính chủ quan của mình, bằng tài năng và cá tính sáng tạo, nhà thơ nói được nhiều hơn những gì muốn nói. Đó là những lá thư, lời tâm tình, bài học, triết lí nhân sinh mà người nghệ sĩ ngôn từ gửi gắm trong tác phẩm. Đó cũng chính là “<i>không lặp lại người khác, kể cả lặp lại chính mình</i>”, lưu dấu ấn sâu sắc trong lòng bạn đọc, và khi ấy “<i>cuộc đời</i>” nhà thơ “<i>cũng có nhụy</i>”, tức là có vị trí xứng đáng trong lòng độc giả, trong tiến trình văn học một dân tộc.</p> <p>=> Như vậy, ý kiến đề cập đến chức năng của thơ ca và vai trò, của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác tác phẩm, vị trí của họ trong một giai đoạn văn học hoặc trong tiến trình phát triển của nền văn học dân tộc. Từ đó đặt ra những yêu cầu về vai trò, trách nhiệm của nhà văn trong sáng tác; của bạn đọc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm.</p>	1.0
	<p>2. Chứng minh:</p> <p>-Khái quát vài nét về tác giả, tác phẩm.</p> <p>a, Trong tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” Phạm Tiến Duật đã phản ánh “cái nhụy” của cuộc sống qua hiện thực đất nước ta những năm kháng chiến chống Mỹ gian khổ, ác liệt.</p>	6.0 1.0

	<p>- Bài thơ ra đời năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc đang diễn ra vô cùng gay go, ác liệt. Giặc Mỹ đã gây ra cuộc chiến tranh hủy diệt, tàn khốc với dân tộc Việt Nam. Tuyến đường Trường Sơn trở thành trọng điểm bắn phá của đế quốc Mỹ nhằm chặn đứng sự tiếp viện của dân tộc ta từ miền Bắc vào miền Nam.</p> <p>- Hiện thực ấy đã khiến cả dân tộc tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, đặc biệt là thế hệ trẻ. Hơn ai hết nhà thơ Phạm Tiến Duật – người lính đã trực tiếp tham gia vào cuộc kháng chiến vĩ đại này, bằng trải nghiệm và sự thấu hiểu của mình, ông đã ghi lại được cái đẹp của hiện thực cuộc sống chiến tranh ấy vào trong tác phẩm qua hình ảnh chiếc xe không kính bị bom đạn tàn phá và hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.</p> <p><i>b, Bằng việc khai thác đề tài người lính và chiến tranh, Phạm Tiến Duật như “con ong” say sưa “hút cho được cái nhụy” của cuộc sống, chiến đấu và phản ánh vào tác phẩm bằng dấu ấn sáng tạo để ghi dấu “cho cuộc đời mình có nhụy”</i></p> <p>- Trước hết, “cái nhụy” của cuộc sống được nhà thơ ghi dấu trong tác phẩm qua việc sáng tạo hình ảnh những chiếc xe không kính biến dạng trần trụi do sự khốc liệt của chiến tranh nhưng tất cả đã được diễn tả một cách hết sức tự nhiên, giản dị, bông đùa, tếu táo. Chất lính ngang tàng được thể hiện ngay ở hai câu thơ mở đầu. Hình tượng đời sống được khám phá một cách nghệ thuật bởi con tim của người trong cuộc.</p> <p>- Nhà thơ tập trung khắc họa qua chân dung người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Tất cả là hiện thực nhưng qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành hình ảnh lãng mạn.</p> <p>+ Họ là những chiến sĩ lái xe với tinh thần lạc quan, trẻ trung, sôi nổi, bất chấp khó khăn, nguy hiểm: Các anh nhìn vào khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không hề run sợ, né tránh với một bản lĩnh vững vàng. Niềm vui, tiếng cười của người lính cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến. Trước mọi khó khăn, nguy hiểm các anh vẫn “cười”, chẳng bận tâm, lo lắng, các anh sẵn sàng chấp nhận mọi thử thách, gian lao như thể đó là điều tất yếu. Các anh lấy cái bất biến của lòng dũng cảm, của thái độ hiên ngang để thắng lại cái vạn biến của chiến trường sinh tử ác liệt.</p> <p>+ Tình đồng chí đồng đội sâu đậm: Tình đồng chí, đồng đội là một trong những phẩm chất cao đẹp của những người lính cách mạng nói chung, trong bài thơ của Phạm Tiến Duật, vẻ đẹp ấy của người lính được thể hiện một cách tự nhiên, dung dị. Sự khốc liệt của chiến tranh đã tạo nên tiểu đội xe không kính. Những chiếc xe từ mọi miền tổ quốc về đây hợp thành tiểu đội. Cái “<i>bắt tay qua cửa kính vỡ rồi</i>” của những chiếc xe không kính lại trở thành điều kiện thuận lợi để các anh thể hiện tình cảm, niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh, bù đắp tinh thần cho những thiếu thốn về vật chất mà</p>	3.0
--	--	-----

	<p>người lính phải chịu đựng. Tình đồng chí, đồng đội còn được thể hiện một cách âm áp, giản dị qua những giờ phút sinh hoạt của họ. Gắn bó trong chiến đấu, họ càng gắn bó trong đời thường sau những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm hội ngộ, những người lính lái xe đã xích lại thành gia đình “<i>chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy</i>”. Đó là gia đình của những người lính cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu. Tình đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ tổ quốc thân yêu. Sức mạnh của người lính thời đại HCM là vẻ đẹp kết hợp truyền thống và hiện đại. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỉ “<i>như Thạch Sanh của thế kỉ XX</i>” (Tố Hữu).</p> <p>+ Họ là những người lính có lòng yêu nước, ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam: Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước. Bởi trong những chiếc xe tàn dạng vẫn băng băng ra chiến trường ấy có “<i>một trái tim</i>” vì miền Nam yêu thương. Trái tim ấy dào dạt tình yêu tổ quốc như máu thịt, trái tim ấy luôn sục sôi lòng căm thù giặc Mĩ bạo tàn. Ý thơ còn muốn hướng con người về chân lí thời đại của chúng ta: sức mạnh quyết định chiến thắng không chỉ là sức mạnh của vũ khí mà còn là sức mạnh của lòng yêu nước, của ý chí, niềm lạc quan tin tưởng, ý chí quyết chiến, quyết thắng của con người.</p> <p>=> Bài thơ mang đậm phong cách thơ Phạm Tiến Duật – “<i>con chim lửa của Trường Sơn huyền thoại</i>”, với giọng điệu ngang tàng, tinh nghịch, hóm hỉnh, vui tươi, nhà thơ đã khám phá ra được cái nhụy của cuộc sống, chân dung con người một cách nghệ thuật. Đó là hình ảnh chân dung con người Việt Nam trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.</p> <p><i>c, Phạm Tiến Duật ghi dấu ấn của mình trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” bằng những sáng tạo riêng, độc đáo, mang đậm phong cách thơ ông. Đó cũng chính là cách nhà thơ “đi hút cho được cái nhụy” để “phấn đấu cho cuộc đời mình có nhụy”.</i></p> <p>+ Nhan đề bài thơ độc đáo, khác lạ: Bài thơ có một nhan đề khá dài, tưởng chừng thừa nhưng chính nhan đề ấy lại thu hút người đọc với vẻ lạ, độc đáo của nó. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài – những chiếc xe không kính. Tác giả thêm vào nhan đề hai chữ “bài thơ” để thể hiện cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính, hay là cái hiện thực khốc liệt của chiến tranh, mà chủ yếu muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam dũng cảm, hiên ngang, vượt lên những thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh.</p> <p>+ Sáng tạo hình ảnh những chiếc xe không kính: Xưa nay, hình ảnh tàu xe vào thơ thường được “<i>mĩ lệ hóa</i>”, “<i>lãng mạn hóa</i>” và</p>	2.0
--	---	-----

	<p>thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực. Ở bài thơ này, nhà thơ đưa vào hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết, thực đến trần trụi và thường gặp trên tuyến đường Trường Sơn. Phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tình nghịch ngang tàng như Phạm Tiến Duật mới phát hiện được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mỹ.</p> <p>+ Giọng điệu và ngôn ngữ: Ngôn ngữ bài thơ giản dị, ngắn gọn, chất sống, đời sống chiến trường, vừa làm giàu thêm chất điệu thơ ca, vừa thể hiện chân thực hình ảnh người lính lái xe. Giọng thơ, lời thơ gần với lời văn xuôi, lời đối thoại, lời nói thường nhưng vẫn giàu chất thơ. Đây chính là nét độc đáo tạo nên một giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, sôi nổi, tình nghịch, tự nhiên, thể hiện cái hiên ngang, bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm của các anh lính lái xe Trường Sơn.</p> <p>+ Thể thơ: Kết hợp linh hoạt giữa thể thơ 7 chữ và 8 chữ, có chỗ 6 hay 10 chữ tạo cho bài thơ một nhịp điệu thơ gần với lời nói tự nhiên, sinh động, góp phần tạo nên chất thơ mới, giọng điệu mới của thơ ca chống Mỹ.</p>	
	<p>3. Đánh giá, khái quát</p> <p>- Ý kiến của Phạm Văn Đồng đã khẳng định chức năng của thơ ca và vai trò, vị trí của người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác tác phẩm. Và nhà thơ Phạm Tiến Duật đã làm tròn điều ấy trong sáng tác của mình.</p> <p>- Ý kiến cũng gợi ra bài học cho người nghệ sĩ và bạn đọc:</p> <p>+ Với người nghệ sĩ: Phải bằng sự rung cảm trước hiện thực cuộc sống và như con ong cần mẫn lao động, sáng tạo dẫu đôi khi sáng tạo là sự dấn thân vào những cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm, bởi đó là thiên chức cao quý của người cầm bút. Sáng tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy. Sự sáng tạo góp phần làm nên gương mặt tinh thần riêng của mỗi nhà văn, diện mạo của nền văn học, thúc đẩy sự phát triển của nghệ thuật.</p> <p>+ Với người đọc: thưởng thức và trân trọng những sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ với tất cả tâm hồn của người đồng sáng tạo.</p>	1.0
	<i>d. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.5
	<i>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.5

***Lưu ý:**

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của thí sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm đối với những bài viết đáp ứng tốt yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO

ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 THCS
NĂM HỌC 2022-2023

Môn: NGŨ VĂN

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 150 phút (không kể thời gian giao
đề)

(Đề thi gồm 02 phần, 06 câu trong 02 trang)

PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

Chúng ta thường nghĩ rằng cuộc sống của mình sẽ tốt đẹp hơn sau khi việc chộc hành hoàn tất hay có gia đình, có công việc ổn định. Nhưng khi đã có được những điều ấy rồi, chúng ta lại bị chi phối bởi nhiều mối bận tâm và lo lắng khác nữa. Chúng ta thường không hài lòng khi cuộc sống không như những gì mình mong muốn.

Có mấy ai nhận ra rằng khoảng thời gian hạnh phúc nhất chính là những giây phút hiện tại mà chúng ta đang sống? Cuộc sống vốn chứa đựng nhiều thử thách, khó khăn và nghịch cảnh. Cách thích ứng tốt nhất với cuộc sống này là chấp nhận thực tế và tin vào chính mình. Tự bản thân mỗi chúng ta, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, phải biết cảm nhận và tự tìm lấy niềm hạnh phúc cho riêng mình.

Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn. Đừng đợi đến khi bạn thật rảnh rỗi hay đến lúc tốt nghiệp ra trường, đừng đợi đến khi kiếm được thật nhiều tiền, thành đạt, có gia đình, hoặc đến khi được nghỉ hưu mới thấy đó là lúc bạn được hạnh phúc.

Đừng đợi đến mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, hay mùa đông rồi mới cảm thấy hạnh phúc. Đừng đợi tia nắng ban mai hay ánh hoàng hôn buông xuống mới nghĩ là hạnh phúc. Đừng đợi đến những chiều thứ bảy, những ngày cuối tuần, ngày nghỉ, ngày sinh nhật hay một ngày đặc biệt nào mới thấy đó là ngày hạnh phúc của bạn. Tại sao không phải lúc này?

... Hãy làm việc say mê như thể bạn không còn cơ hội để làm lại một lần nữa. Hãy yêu chân thành và trọn vẹn như thể bạn chưa từng đau khổ vì tình yêu. Bạn hãy đón nhận cuộc sống với tất cả những điều bình dị, tinh khôi nhất của nó, như thể bạn chưa từng trải qua những năm tháng khổ đau, những phút giây tuyệt vọng. Như thế bạn vừa khám phá được ý nghĩa thật sự của tình yêu, và hơn hết là điều bí ẩn giản dị của hạnh phúc.

(Trích Hạt giống tâm hồn)

Câu 1 (1,0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong ngữ liệu trên?

Câu 2 (1,0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

“Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn. Đừng đợi đến khi bạn thật rảnh rỗi hay đến lúc tốt nghiệp ra trường, đừng đợi đến khi kiếm được thật nhiều tiền, thành đạt, có gia đình, hoặc đến khi được nghỉ hưu mới thấy đó là lúc bạn được hạnh phúc.”

Câu 3 (2,0 điểm): Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: *“khoảng thời gian hạnh phúc nhất chính là những giây phút hiện tại mà chúng ta đang sống”*? Vì sao?

Câu 4 (2,0 điểm): Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua ngữ liệu trên là gì? Tại sao em chọn thông điệp đó?

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (16,0 điểm)

Câu 1 (6,0 điểm):

Từ nội dung ngữ liệu ở phần Đọc hiểu, hãy viết một bài văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: *“Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn.”*

Câu 2 (10,0 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *“Máu thịt và linh hồn của văn học là hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ.”*

Em hãy bình luận và làm sáng tỏ ý kiến trên qua bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu và truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

-----HẾT-----

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Chữ ký giám thị 1: Chữ ký giám thị 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9 - THCS
Nămhọc: 2022- 2023
Môn: NGŨ VĂN
(Hướnɡdẫncắmmồɴ 06trạɴɡ)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<i>Một số câu hỏi của đề thi theo hướng mở, thí sinh được quyền trả lời theo ý hiểu, quan điểm của bản thân nhưng phải có cơ sở và thuyết phục. Giám khảo căn cứ các gợi ý sau để đánh giá, cho điểm.</i>			
I. Đọc hiểu	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	0.5
	2	- Học sinh chỉ ra biện pháp tu từ: Điệp từ ngữ: “ <i>Dừng</i> ”	0,5
		- Tác dụng: Nhấn mạnh đến sự cần thiết và nhanh chóng nắm bắt cơ hội để tạo ra và tận hưởng hạnh phúc ở mọi thời điểm trong cuộc đời mỗi con người.	0,5
	3	Em hoàn toàn đồng tình với quan điểm của tác giả.	0,25
		Học sinh có thể nêu những lí giải khác nhau nhưng phải hợp lí, thuyết phục: Chẳng hạn như: - Mỗi người cần cảm thấy trân trọng và hạnh phúc từng phút giây của hiện tại chứ không phải của một lúc nào khác. - Hiện tại dù ó sung sướng hay vất vả thì nó cũng là lúc chúng ta đang hiện hữu và chúng ta cần phải sống hết mình với hiện tại.	0,5
		⇒ Đó chính là chìa khóa của hạnh phúc đích thực trong cuộc sống mà con người có thể làm cho chính mình.	0,25
		<i>Học sinh có nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng thông điệp cần ngắn gọn, sâu sắc. Sau đây là một số gợi ý để giám khảo tham khảo đánh giá câu trả lời:</i> <i>* Một thông điệp tâm đắc nhất:</i> - Cần sống hết mình với từng phút giây của hiện tại để khẳng định sự tồn tại của chính mình. - Làm việc say mê - Cách tạo nên hạnh phúc - Sự trân trọng và nắm giữ hạnh phúc - đón nhận cuộc sống và hạnh phúc từ những điều bình dị. ... <i>*Giải thích vì sao em chọn thông điệp:</i> Học sinh lý giải ngắn gọn, cụ thể, thuyết phục.	0,5
	4		0,5

II. Tạo áp vã n bản	1	<p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến: “Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn.” - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + HS triển khai vấn đề bằng một đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 200 chữ). + Vận dụng các thao tác lập luận, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu để triển khai đúng vấn đề. + Trình bày khoa học, chữ viết sạch đẹp, không sai chính tả. 	
		<p>* Yêu cầu cụ thể:</p> <p>Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, đảm bảo các ý cơ bản sau:</p> <p>1. Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề nghị luận.</p>	0,5
		<p>2. Giải thích vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Phép màu là gì?</i> Là những cách thức phương pháp bất ngờ do một thế lực siêu nhiên nào đó giúp con người tạo ra niềm vui hạnh phúc. + <i>Hạnh phúc là gì?</i> Hạnh phúc là niềm vui của con người khi đạt được mục đích lí tưởng của cuộc sống và thỏa mãn về nhu cầu vật chất hoặc tinh thần ở thời điểm nhất định trong cuộc sống. <p>⇒ Vấn đề nghị luận: Hạnh phúc do chính mình tạo ra.</p>	0,5
		<p>3. Phân tích, bàn luận vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao nói: “Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn.” + Cuộc sống luôn có những niềm vui và nỗi buồn, thành công và thất bại. Con người phải đối mặt với những điều ấy trong quá trình tạo ra hạnh phúc cho đời mình. + Con người ta ai cũng phải có lí tưởng và mục đích khát vọng của cuộc đời. Khi đạt được những điều ấy chúng ta sẽ cảm thấy thỏa mãn và có động lực để tiếp tục cống hiến cho xã hội. Đó là hạnh phúc. + Cá nhân phải tận dụng mọi cơ hội, mọi thời điểm để làm việc và thực hiện mục tiêu khát vọng của mình. Khi gặp khó khăn không hề nản chí, gặp nghịch cảnh không hề do dự, luôn chủ động trong mọi tình huống, không ỷ lại trông chờ lệ thuộc vào ai hay thế lực nào. Có như thế hạnh phúc mới có ý nghĩa và giá trị. + Phát huy tác dụng của tập thể và tận dụng cơ hội để tạo ra hạnh phúc. - Lấy một số dẫn chứng về những tấm gương biết tạo ra hạnh phúc cho mình vượt lên nghịch cảnh để trở thành người hạnh phúc. 	3,0
		<ul style="list-style-type: none"> - Phê phán những người không có mục tiêu khát vọng, nản chí, sống ỉ lại nhằm trông chờ vào một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho mình; không biết tự tạo hạnh phúc, không biết trân trọng hạnh phúc đang có; cố theo đuổi hạnh 	0,5

	phúc xa vời, viễn vông ...	
	- Bài học nhận thức và hành động: + Hiểu được vai trò, ý nghĩa của hạnh phúc + Cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hạnh phúc của cuộc đời mình. Không nên lệ thuộc, ỷ lại và trông chờ vào hoàn cảnh hay người khác. + Cần tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể xã hội, luôn cố gắng để tìm kiếm và tạo ra hạnh phúc cho mình. ...	1,0
	4. Khái quát vấn đề NL.	0,5
2	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Bài viết đảm bảo đầy đủ bố cục 3 phần của bài văn nghị luận:	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: “ <i>Máu thịt và linh hồn của văn học là hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng ngôn từ.</i> ”	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng:	
	Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo được các ý cơ bản sau:	
	Đặt vấn đề: Giới thiệu vấn đề nghị luận.	0,5
	* Giải quyết vấn đề: Giải thích: - <i>Máu thịt, linh hồn của văn học:</i> cách nói hình ảnh nhằm chỉ yếu tố quan trọng nhất làm nên sự sống của văn học. - <i>Hình tượng nghệ thuật:</i> là phương tiện biểu hiện nội dung của văn học. - <i>Ngôn từ:</i> chất liệu tạo nên tác phẩm văn học => Nhận định trên khẳng định: Văn học phản ánh hiện thực thông qua hình tượng nghệ thuật bằng ngôn từ.	0,5
	Lí giải: + Tại sao hình tượng nghệ thuật là máu thịt và linh hồn của văn học? - Hình tượng nghệ thuật là phương tiện để nhà văn phản ánh hiện thực và truyền tải tư tưởng, tình cảm + Tại sao hình tượng văn học được xây dựng bằng ngôn từ? - Văn học và hiện thực có mối quan hệ chặt chẽ. Hiện thực là cội nguồn, là mảnh đất màu mỡ để văn học bén rễ sinh sôi. - Văn học phản ánh hiện thực qua hình tượng nghệ thuật bằng cách sử dụng từ ngữ (ngôn từ). - Dẫn chứng: Hình tượng người lao động trong bài thơ <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> và truyện ngắn <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> ; hình tượng người chiến sĩ trong 2 bài thơ <i>Đồng chí</i> và <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> , trong truyện ngắn <i>Chiếc lược ngà</i> , <i>Những ngôi sao xa xôi</i> ...	0,5
	Chứng minh: Hình tượng người lính qua bài thơ <i>Đồng chí</i> của	5,5

	<p>Chính Hữu và người lao động mới (anh thanh niên) qua truyện ngắn <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của Nguyễn Thành Long</p> <p>*Hình tượng người lính qua bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu:</p> <p>+ Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>“<i>Đồng chí</i>” được sáng tác vào năm 1948, giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.</p> <p>+ Cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng chung hoàn cảnh xuất thân, chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu và lòng yêu nước: <p>Người lính xuất thân là những người nông dân, đến từ những miền quê lam lũ “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”. Họ là những người lính “không chuyên”, vì yêu nước, căm thù giặc mà ra trận trực tiếp cầm súng chiến đấu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình đồng chí được nảy nở từ trong những gian lao, vất vả: (dẫn chứng) <p>+ Những biểu hiện tình cảm tạo nên sức mạnh của người lính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình đồng chí là sự thấu hiểu, chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau - Tình đồng chí là sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn của cuộc đời người lính: <p>+ Người lính phải đối mặt với những thiếu thốn, khó khăn về vật chất, với căn bệnh sốt rét rừng quái ác...</p> <p>+ Họ đều vượt qua mọi khó khăn bằng ý chí, nghị lực phi thường, bằng niềm tin tưởng, lạc quan, phơi phới...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần đoàn kết, đồng viên chia sẻ, gắn bó chân thành với nhau: “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” <p>+ Bức tranh đẹp về tình đồng chí: Hiện lên ở không gian, thời gian, chiến đấu; Ở tư thế chủ động trong chiến đấu; Vẻ đẹp gắn kết của ba hình ảnh: người lính, khẩu súng, vầng trăng (Lưu ý: Hs có thể phân tích, chứng minh theo các phẩm chất, vẻ đẹp của người lính như xuất thân, có mục đích cao đẹp, tình đồng chí đồng đội, tinh thần chiến đấu kiên cường dũng cảm, ...)</p> <p style="text-align: center;"><i>(HS lấy dẫn chứng và phân tích ý cơ bản)</i></p> <p>+ Đánh giá nghệ thuật: thể thơ, giọng điệu, biện pháp tu từ ...</p> <p>-> Bài thơ “Đồng chí” đã xây dựng thành công hình tượng nghệ thuật người lính qua cách sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật đặc sắc. Hình tượng người lính là máu thịt và linh hồn tạo nên sức sống cho tác phẩm ...</p> <p>*Hình tượng người lao động qua truyện ngắn “<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>” của Nguyễn Thành Long :</p> <p>+ Bối cảnh lịch sử và hoàn cảnh sáng tác</p> <p>“<i>Lặng lẽ Sa Pa</i>” là kết quả của chuyến đi thực tế ở Lào Cai của nhà văn Nguyễn Thành Long. Hình tượng người lao động đã</p>	
--	--	--

	<p>được khắc họa rõ nét trong tác phẩm là hình ảnh của những người trí thức khoa học, tiêu biểu là anh thanh niên... Họ thuộc đủ mọi lớp người, mọi lứa tuổi, với những nghề nghiệp khác nhau, làm việc ở những vùng khác nhau nhưng đều có chung những phẩm chất cao đẹp.</p> <p>+ Phân tích hình tượng anh thanh niên:</p> <p>Giới thiệu nhân vật: Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét. Anh sống một mình, xung quanh chỉ có cây cỏ, mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Cái gian khổ nhất với anh là sự cô độc. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, tinh thần trách nhiệm cao. Mỗi ngày anh đo và báo số liệu về trạm bốn lần. Nửa đêm, đúng giờ “ốp” dù mưa tuyết, gió rét thế nào thì vẫn phải trở dậy làm việc đúng giờ...</p> <p>Phân tích vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích lí tưởng sống cao đẹp - Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt công việc. - Sống ngăn nắp, khoa học, chân thành, cởi mở, hiếu khách,... - Khiêm tốn <p><i>(HS lấy dẫn chứng và phân tích ý cơ bản)</i></p> <p>+ Đánh giá nghệ thuật: tình huống truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ...</p> <p><i>-> Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” đã xây dựng thành công hình tượng nghệ thuật người lao động mới thông qua nhân vật anh thanh niên qua cách sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật đặc sắc. Hình tượng người lao động mới là máu thịt và linh hồn tạo nên sức sống cho tác phẩm ...</i></p>	
	<p>Bình luận, mở rộng, nâng cao vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định trên hoàn toàn đúng đắn, khẳng định văn học phản ánh hiện thực thông qua hình tượng nghệ thuật bằng ngôn từ. - Bài học cho người sáng tạo và người tiếp nhận: <p>+ Bài học cho người sáng tạo: Nhà văn, nhà thơ (người nghệ sĩ) phải trau dồi kiến thức, vốn từ ngữ, phải tìm hiểu và khám phá hiện thực để tạo nên những hình tượng nghệ thuật độc đáo, tạo nên những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc giá trị lâu bền với thời gian.</p> <p>+ Bài học cho người tiếp nhận: Không ngừng trau dồi kiến thức, vốn từ ngữ để có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp của hình tượng nghệ thuật, trở thành người đồng sáng tạo với nhà văn. Người tiếp nhận cần trân trọng tài năng, công sức của người sáng tạo.</p>	1,0
	<p>* Kết thúc vấn đề nghị luận.</p>	0,5

		d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt cá tính, sang tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. Nhưng phải đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,5
		<u>Thang điểm:</u> - Điểm 9,0-10,0: Đáp ứng tốt những yêu cầu trên, có nhiều sang tạo trong cấu trúc bài, có hiểu biết sâu sắc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thấu đáo, cách bày tỏ chân thành, có cảm xúc. - Điểm 7-8,75: Đáp ứng khá tốt những yêu cầu trên, có sự hiểu biết và lập luận chặt chẽ, diễn đạt có cảm xúc, có mắc một số lỗi nhưng không đáng kể. - Điểm 4-6,75: Đáp ứng cơ bản yêu cầu trên, có thể thiếu ý hoặc một vài chỗ chưa hoàn thiện. - Điểm 0,25-3,75: Bài sơ sài, thiếu nhiều ý, lung túng trong triển khai vấn đề, mắc nhiều lỗi các loại. - Điểm 0,0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn.	

-----Hết-----

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐỘI TUYỂN HSG NĂM HỌC 2022-2023 MÔN THI: NGỮ VĂN

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Mẹ ta không có yếm đào
Nón mê thay nón quai thao đội đầu
rối ren tay bí tay bầu
váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa
Cái cò...sung chat đào chua...
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trọn kiếp con người
cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.

(Trích “Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa” - Nguyễn Duy, NXB Hội nhà văn, 2010)

Câu 1 (1.0 điểm). Người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

Câu 2 (1.0 điểm). Đoạn thơ thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ?

Câu 3 (2.0 điểm). Chỉ ra hiệu quả biểu đạt của chất liệu ca dao được sử dụng trong đoạn thơ.

Câu 4 (2.0 điểm). Hai câu thơ: “Ta đi trọn kiếp con người/ Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru” cho ta hiểu gì về ý nghĩa lời ru của mẹ?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN: (14.0 điểm)

Câu 1(4.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: “Nếu cứ chờ đợi cho đến lúc mọi thứ đã sẵn sàng, chúng ta sẽ chẳng bao giờ bắt đầu” (I.Turgeniev.)

Câu 2(10.0 điểm)

Trong bài phát biểu tại Đại hội Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ X, đồng chí Võ Văn Thưởng - Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, nay là Ủy viên Bộ Chính Trị, thường trực Ban Bí thư - cho rằng:

“Văn học sẽ là một trong những nơi con người tìm đến như một điểm tựa tinh thần, niềm an ủi, nâng đỡ con người, làm cho con người thực sự trở thành Con Người”.

(Theo www.tienphong.vn, 25/11/2020)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Làm sang rõ ý kiến qua bài thơ “**Bếp lửa**” của Bằng Việt.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0đ
	1	Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết: “không có yếm đào”, “Nón mê thay nón quai thao đội đầu”, “Rối ren tay bí tay bầu”, “váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa”.	1,0đ
	2	- Xót xa, thương cảm. - Nỗi nhớ, lòng biết ơn và tình yêu mẹ sâu sắc.	1,0đ
	3	- Trong ca dao ta thường gặp: “Con cò lặn lội bờ sông/ Gánh gạo nuôi chồng tiếng hát nỉ non” hay “Cái cò đậu cọc cầu ao /Ăn sung sung chát, ăn đào đào chua” và “Gió đưa cây cải về trời/ Rau răm ở lại chịu lời đắng cay”. - Tác giả đã sử dụng chất liệu ca dao :cánh cò...sung chát đào chua... khiến lời thơ đậm chất dân tộc, bình dị, gần gũi, quen thuộc. Gợi liên tưởng thâm thía, cảm động xót xa về thân phận hẩm hiu, vất vả, tao tần, lam lũ, nghèo khổ. Là tình yêu nỗi nhớ, sự tri ân thành kính con dành cho mẹ.	2,0đ
	4	- Thí sinh viết từ 7 đến 10 dòng - Ta đi trọn kiếp...: Sống trọn kiếp người; Không đi hết ...: Hiểu hết được ý nghĩa của lời ru: dòng sữa ngọt ngào đưa con vào giấc ngủ thuở nằm nôi; chứa đựng tình cảm yêu thương mệnh mông gửi gắm ước mơ, niềm tin; những bài học làm người sâu sắc... nuôi dưỡng tâm hồn con. Là điểm tựa tinh thần cho con trên suốt chặng đường đời. - Tình cảm ấy, những bài học làm người ấy... kết tinh qua	2,0đ

		<p><i>mấy lời thôi</i> để gì con trả hết. Và con dù khôn lớn thì với mẹ lúc nào cũng bé bỏng cần chở che, chỉ bảo.</p> <p>- Lời mẹ ru con thật thấm thía, nghĩa tình con mãi không quên và một lòng biết ơn mẹ.</p>	
II		LÀM VĂN	14.0 đ
		Viết đoạn văn khoảng 200 chữ	4.0đ
	1	<p>a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn hoàn chỉnh, trọn vẹn</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p> <p>c. Triển khai hợp lí nội dung của đoạn văn: <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ ý nghĩa của câu nói. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chờ đợi: trạng thái mong đợi ai đó hoặc cái gì đó sẽ đến, sẽ xảy ra hoặc sẽ cùng mình làm. Chờ đợi là một hành động bị động, bị phụ thuộc vào hoàn cảnh. Bắt đầu: chủ động tiến hành một công việc, một hành trình nào đó theo định hướng đã định trước. - Cuộc sống sẽ không trang bị sẵn sàng mọi thứ. Hãy luôn dừng cảm bắt đầu mọi công việc. Trong quá trình tiến hành, sẽ tìm thấy được những yếu tố cần có đẩy công việc đến thành công. Thực tế, có những điều kiện chỉ xảy đến khi bạn đã bắt đầu công việc. - Chờ đợi hành động thường thấy khi con người bị phụ thuộc quá nhiều vào hoàn cảnh nhưng đó không phải là giải pháp. Hãy chủ động tìm kiếm cơ hội và bắt đầu công việc khi thấy có thể bắt đầu. - Dừng cảm bắt đầu công việc sẽ có đủ động lực để vượt qua khó khăn, thử thách, mạnh mẽ tiến lên phía trước Cuộc sống là một hành trình khốc liệt, ngay khi ta chờ đợi, đã có biết bao người đã bắt đầu nó. - Tuy nhiên nếu có giới hạn cho sự chờ đợi thì cũng sẵn sàng chờ đợi. Trong quá trình chờ đợi sẽ giúp suy nghĩ, tính toán kĩ lưỡng hơn. nhận ra thuận lợi và khó khăn để có giải pháp tốt nhất cho công việc của mình. <p>Đừng ngại ngừng bước tới trên con đường nhiều chông gai. Tuổi trẻ chẳng có gì ngoài thời gian và niềm đam mê bất tận. Nếu cứ chờ đợi, thời gian rồi sẽ hết, đam mê rồi cũng tàn phai. Hãy bắt đầu ngay bây giờ, đừng sợ hiểm nguy. <i>(Trong quá trình bàn luận thí sinh cần lấy dẫn chứng minh họa phù hợp, có ý nghĩa)</i></p> <p>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận,</p>	<p>0,25đ 0,25đ 3,0đ</p> <p>0,25đ</p>

	e. Chính tả, dung từ đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25đ
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận có đầy đủ bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu vấn đề nghị luận; thân bài triển khai các luận điểm làm rõ nhận định; kết bài khẳng định, khái quát vấn đề nghị luận.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.</p> <p>c. Triển khai hợp lí nội dung của bài văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Trình bày theo nhiều cách. Có thể viết bài theo định hướng sau:</p> <p>1. Giải thích ý kiến:</p> <p>* Giải thích:</p> <p>+ “<i>Điểm tựa tinh thần, an ủi</i>” → văn học giúp con người tìm thấy sự đồng điệu, niềm động viên, xoa dịu những khổ đau, chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn; thấp lên niềm lạc quan.</p> <p>+ “<i>nâng đỡ con người, làm cho con người thực sự trở thành Con Người</i>”</p> <p>→ giúp thanh lọc tâm hồn, nuôi dưỡng những tình cảm suy nghĩ lành mạnh tích cực... Văn học hướng con người đến Chân – Thiện – Mĩ; giúp con người sống tốt đẹp, đúng nghĩa.</p> <p>-> Nhận định bàn về đặc trưng, chức năng của văn học.</p> <p>* Lí giải</p> <p>- Văn học là bộ môn nghệ thuật lấy con người làm đối tượng nhận thức trung tâm, lấy hình tượng làm phương thức biểu đạt nội dung, lấy ngôn từ làm chất liệu xây dựng hình tượng.</p> <p>- Văn học nhằm thỏa mãn nhu cầu về tình cảm vô cùng phong phú của con người.</p> <p>- Đôi khi văn học không trực tiếp miêu tả con người nhưng con người vẫn là trung tâm mà văn học hướng tới. Văn học không chỉ phản ánh đời sống con người mà còn nói lên những mơ ước, khát vọng, những tâm tư tình cảm của con người, trong chiều sâu tâm hồn với tất cả sự đa dạng và phong phú của nó.</p> <p>- Điểm tựa tinh thần: Mỗi người sẽ có những điểm tựa khác nhau. Điểm tựa có thể là bất cứ thứ gì dù vô hình hay hữu hình, ở bất cứ thời gian nào của quá khứ, hiện tại hay tương lai, trong bất cứ bối cảnh nào, miễn là nó giúp chúng ta có thể dựa vào (một phút hay nhiều năm dài) để không gục ngã, để được bình yên, để vui vẻ, yêu đời hơn, để thấy phần</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> <p>8,0đ</p> <p>2,0đ</p>

	<p>đời có ý nghĩa hơn vẫn luôn luôn chờ ta ở phía trước.</p> <p>- Khiến con người thực sự trở thành Con người: con người biết sống là chính mình, biết sống với lý tưởng, sống một cuộc đời đầy ý nghĩa. => Văn học chính là nơi nuôi dưỡng tinh thần để từ đó hướng con người đến một cuộc đời có ý nghĩa.</p> <p>2. Chứng minh nhận định qua bài thơ <i>Bếp lửa</i> của Bằng Việt</p> <p><i>a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm</i></p> <p><i>b. Bài thơ “Bếp lửa” - một điểm tựa tinh thần, niềm an ủi, nâng đỡ con người, làm cho con người thực sự trở thành Con Người</i></p> <p>*Bếp lửa – hình ảnh vừa đời thực vừa mang tính biểu tượng là điểm tựa tinh thần của cháu ở nơi xa</p> <p>+ Bếp lửa xuất hiện với hình ảnh "chờn vờn sương sớm", "ấp iu nồng đượm" là những hình ảnh thân thuộc bắt đầu gợi lên những kỉ niệm xa xưa.</p> <p>+ Những kỉ niệm về tình bà cháu: những khó khăn của tuổi thơ, những gian khó của cuộc sống, những hi sinh lớn lao của bà.</p> <p>+ Nhắc đến bếp lửa là cháu nhớ đến bà và ngược lại khi nghĩ về bà, cháu luôn nhớ tới hình ảnh bếp lửa thân yêu: bếp lửa là hiện thân của tình thương, đức hi sinh của bà.</p> <p>+ Bếp lửa và bà là những kỉ niệm êm đềm, dịu ngọt; là mảnh kí ức không thể phai nhòa trong tâm trí của người cháu.</p> <p>-> Bếp lửa trở thành điểm tựa, theo cháu đi suốt cuộc đời.</p> <p>*Bài thơ “Bếp lửa” với hình ảnh giàu giá trị biểu cảm đã nâng đỡ con người, làm cho con người thực sự trở thành Con Người</p> <p>+ Qua bếp lửa tuổi thơ, người cháu đã nhận ra sự vất vả, tình yêu thương vô bờ của bà dành cho mình.</p> <p>+ Bà cũng đã dạy cho cháu nghị lực và niềm tin trong cuộc sống; chính tình yêu thương của bà đã nuôi dưỡng trong cháu tình yêu quê hương, tấm lòng luôn hướng về cội nguồn.</p> <p>+ Lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.</p> <p>-> Hình ảnh bếp lửa xuyên suốt toàn bài, chính là hiện thân cho tình yêu, là chứng nhân cho quá khứ nghĩa tình, nuôi dưỡng tình cảm gia đình, quê hương đất nước, là động lực để người cháu lớn lên và mang theo những khát vọng đẹp.</p> <p><i>c. Đặc sắc nghệ thuật</i> (thể thơ, ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...)</p> <p>3. Đánh giá</p> <p>- “Bếp lửa” của Bằng Việt với hình ảnh biểu tượng bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà đã an ủi, nâng đỡ tâm hồn</p>	<p>5,0</p> <p>0,5</p> <p>4,5</p> <p>1,0</p>
--	---	---

	<p>để cháu biết sống có ích, sống đẹp. Giá trị cao quý của bài thơ được thể hiện thấm thía qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.</p> <p>- Ý kiến trên đã cho người đọc thấy được chức năng cơ bản của văn học là làm đẹp cho đời, hướng con người đến những giá trị chân, thiện, mỹ giúp con người sống có ích, nhân văn hơn. Từ đó đặt ra yêu cầu cho người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo nghệ thuật đồng thời định hướng cho người đọc trong quá trình tiếp nhận thưởng thức thơ ca.</p> <p>d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận,</p> <p>e. Chính tả, dung từ đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	<p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
--	--	-------------------------

Lưu ý: Hướng dẫn chấm chỉ mang tính chất định hướng, giáo viên cần căn cứ vào bài làm cụ thể để đánh giá cho điểm hợp lí, trân trọng những bài viết sáng tạo.

Đề đề xuất thi PTTH Lam Sơn

Phần 1: Đọc hiểu văn bản (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

*“Những giọt sương lặn vào lá cỏ
Qua nắng gắt, qua bão tố
Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh
Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương...”*

(Thanh Thảo - Sự bùng nổ của mùa xuân)

Câu 1: (0.5 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính và thể thơ của văn bản?

Câu 2: (0.5 điểm) Hai câu thơ sau:

*Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh
Vẫn long lanh, bình thản trước vầng dương...”*

Sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy phân tích giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ đó?

Câu 3: (1 điểm) Cảm nhận của em về hình ảnh: “*Những giọt sương lặn vào lá cỏ*”

Câu 4: (1 điểm) Thông điệp mà khổ thơ gửi gắm đến bạn đọc là gì ?

Phần 2: Tạo lập văn bản

Câu 1: (2 điểm) Từ nội dung khổ thơ viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về: *Cách nhìn nhận, khám phá cái đẹp của đời sống?*

Câu 2(5 điểm)

“Thi ca có một đặc tính kì lạ...Những chữ tả tơi nhất mà chúng ta đã nói cạn đến cùng, đối với chúng còn lại chẳng khác gì cái vỏ chữ.Những chữ ấy trong thi ca lại sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương”

Ý kiến trên đã nêu lên đặc điểm gì của ngôn ngữ thơ ca? Hãy cảm nhận bài thơ “ Nói với con” của Y Phương và liên hệ với “ Nhớ rừng” của Thế Lữ để làm sáng tỏ ý kiến trên?

Trang 309

	<p>bản lĩnh, nghị lực, vẫn tha thiết yêu đời, vẫn cháy bỏng niềm tin yêu và hi vọng.</p> <p>- Cách nhìn nhận, khám phá cái đẹp của đời sống là biết quan sát những sắc màu cuộc sống, biết lắng nghe những thanh âm trong cuộc đời để nhận ra điều tốt đẹp đang hiện hữu xung quanh ta, từ đó biết níu giữ, nâng niu, trân trọng.</p> <p>+ Cuộc sống luôn chứa đựng những điều bất ngờ, luôn ẩn chứa vẻ đẹp bình dị mà thanh cao, những con người khiêm nhường mà vĩ đại. Tâm hồn con người, cái đẹp lên hương từ cuộc sống chính là hạt ngọc lung linh, trong ngần, ngời sáng biết bao thánh thiện mà mỗi một chúng ta cần biết nâng niu, trân trọng. Muốn nhận ra những vẻ đẹp đó, điều cốt yếu nhất là chúng ta cần phải có tấm lòng biết yêu cái đẹp, trân trọng cái đẹp. Hãy nuôi dưỡng niềm tin, hi vọng vào cuộc sống, con người...</p> <p>+ Cái đẹp luôn hiện hữu quanh ta, có thể là người thân, bằng hữu hay đơn giản chỉ là nhành hoa, chiếc lá, cành cây hay ngọn cỏ,...chỉ cần ta biết lắng mình lại, khám phá vẻ đẹp của cuộc đời thì những điều đâu có giản đơn thế nào cũng sẽ trở thành điều quý giá.</p> <p>- Tuy nhiên vẫn còn một số người tầm nhìn hạn hẹp, cảm xúc chai lì nên chưa biết nhìn ra cái đẹp trong cuộc sống, họ sống vội, sống gấp, sống ảo, lối sống thực dụng dễ rồi lãng quên đi những gì đẹp để tồn tại ngay xung quanh mình. Do vậy, mỗi người hãy biết cách nhìn nhận, khám phá, trân trọng cái đẹp của đời sống, con người.</p>	0.75
2	<p>Làm rõ ý kiến của Pautopxki qua “Nói với con” của Y Phương liên hệ với bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ.</p>	5.0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i> Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Làm rõ đặc trưng của ngôn ngữ thơ ca qua việc cảm nhận bài thơ “Nói với con” của Y Phương và liên hệ với “Nhớ rừng” của Thế Lữ.</p>	0.25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ với dẫn chứng.</i></p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p> <p>1. Giải thích sơ lược ý kiến của Pautopxki.</p> <p>– <i>Thi ca/thơ:</i> Hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện những tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là nhịp điệu (<i>Từ điển thuật ngữ văn học</i>– trang 309). Thơ tác động đến người đọc vừa bằng sự nhận thức cuộc sống, vừa bằng khả năng gợi cảm sâu sắc, vừa trực tiếp với những cảm xúc suy nghĩ cụ thể, vừa gián tiếp qua liên tưởng và những tưởng tượng phong phú.</p>	4.0
		0.5

	<p>– <i>Đặc tính kì lạ</i>: Đặc điểm nổi bật, khác lạ của thơ ca so với các thể loại khác.</p> <p>– <i>Những từ mờ nhạt, bạc màu, nói cạn, nói hết, vô từ....</i>: là cách nói hình ảnh để chỉ những ngôn ngữ đời sống được sử dụng quen thuộc gần gũi trong cuộc sống thường nhật, đã khiến ta cảm thấy quen thuộc nhàm chán.</p> <p>– <i>Những từ ấy trong thi ca lại sáng lên lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương</i>: là cách nói ẩn dụ chỉ vẻ đẹp của ngôn ngữ qua tài năng của nhà thơ đã tạo ra cái mới, cái phong phú, đẹp đẽ, giàu giá trị biểu đạt và biểu cảm, giàu sức sống của ngôn ngữ trong các bài thơ</p> <p>=> Nhận định trên đánh giá sâu sắc về giá trị của ngôn ngữ thơ ca, quá trình sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ đã biến ngôn ngữ đời thường trở thành ngôn ngữ thơ ca đẹp đẽ, sâu sắc làm đẹp cho tâm hồn con người, cho cuộc sống, khơi dậy những tình cảm mới mẻ trong sáng.</p>	
	2. Chứng minh:	3.5đ
	2.1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:	0.25
	2.2. Chứng minh qua “Nói với con” của Y Phương.	2.25
	<p><i>Y Phương đã có những sáng tạo tài hoa khiến ngôn ngữ “Nói với con” trở nên sống động, có hồn “sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương”, nồng nàn hơi thở cuộc sống.</i></p> <p>- Ngôn ngữ “Nói với con” là ngôn ngữ của đời sống quen thuộc, giản dị như lời ăn tiếng nói hàng ngày, đó là lời tâm tình, trò chuyện của cha nói với con</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>- Ngôn ngữ thơ Y Phương trong “Nói với con” có ánh sáng, âm thanh, hương vị nồng nàn hơi thở cuộc sống thể hiện ở nhiều phương diện: Lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh, vận dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc, giọng điệu, âm hưởng, nhịp thơ, thể thơ....</p> <p>+ Bài thơ viết theo thể tự do phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên linh hoạt: Mạch cảm xúc phát triển từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống, cách dẫn dắt tự nhiên, có tầm khái quát và vô cùng thấm thía.</p> <p>+ Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc nhưng giàu hình ảnh, cô đọng, hàm súc, ý tứ sâu xa, có sức quyến rũ kì lạ, khơi gợi nhiều liên tưởng “Quả là một thứ ngôn ngữ thô cảm quyến rũ”</p> <p>+ Nhà thơ đã vận dụng lối diễn đạt của người vùng cao để xây dựng hình ảnh thơ. Những hình ảnh vừa cụ thể, gần gũi, vừa mang tính khái quát cao, giàu ý nghĩa biểu tượng. Bình dị, mộc mạc nhưng lại mang vẻ đẹp nên thơ:</p> <p>+ Bằng cách dùng từ, lối phô diễn giản dị mộc mạc, bằng lối tư duy giàu hình ảnh khiến những câu thơ của Y Phương vừa có tính vật chất cụ thể, vừa thể hiện một trí tưởng tượng bay bổng, vừa</p>	0.25
		0.5
		0,25
		0.5

	<p>hồn nhiên chân thật, lại vừa gợi những liên tưởng sâu sắc. Vì vậy có thể nói bài thơ đã đi vào tâm trí người đọc trước hết bằng con đường của trực giác. Đó chính là sức mạnh của lối tư duy bằng hình ảnh – một nét không thể trộn lẫn của thơ Y Phương</p> <p>+ Cùng với việc sử dụng từ ngữ và hệ thống hình ảnh mang đậm bản sắc vùng cao, giọng điệu cũng là một phương tiện khá đặc sắc đã chở tải một cách hiệu quả những giá trị tư tưởng đẹp đẽ của bài thơ. Đọc “Nói với con” ta bắt gặp một giọng điệu đa thanh, vừa đầm thắm chất trữ tình, vừa hào hùng chất sử thi, vừa hồn nhiên chân chất, vừa sâu lắng tâm tư, lúc bay bổng nhẹ nhàng khi khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, có lúc ta như thấy được ở đó một cánh vông êm ái, có lúc là một sự vượt ve đầy âu yếm, có lúc là đôi bàn tay chắc nịch, khỏe khoắn sẵn sàng nâng con dậy khi con vấp ngã trên đường đời...</p> <p>+ Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng, lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, rần ròi, mạnh mẽ, chắc nịch, khỏe khoắn khi nhẹ nhàng, ầm áp, lúc vui tươi, hồn nhiên, tự nhiên như chính cuộc sống ầm áp đã tràn vào thơ. ... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>-> Bài thơ là tiếng nói tiêu biểu của hồn thơ Y Phương- một hồn thơ chân thật, mạnh mẽ, giàu trải nghiệm, với một chất giọng sâu lắng và đầy nội lực- Một chất giọng có âm hưởng của nắng gió, của sông suối, của thác ghềnh, của một cuộc sống còn nhiều những nhọc nhằn gian khó nhưng đầy chí khí và niềm tin.</p>	0,25
	<p>+ Nhịp điệu lúc bay bổng, nhẹ nhàng, lúc khúc chiết rạch ròi, lúc mạnh mẽ, dứt khoát, rần ròi, mạnh mẽ, chắc nịch, khỏe khoắn khi nhẹ nhàng, ầm áp, lúc vui tươi, hồn nhiên, tự nhiên như chính cuộc sống ầm áp đã tràn vào thơ. ... tạo sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm cho con.</p> <p>(Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng)</p> <p>-> Bài thơ là tiếng nói tiêu biểu của hồn thơ Y Phương- một hồn thơ chân thật, mạnh mẽ, giàu trải nghiệm, với một chất giọng sâu lắng và đầy nội lực- Một chất giọng có âm hưởng của nắng gió, của sông suối, của thác ghềnh, của một cuộc sống còn nhiều những nhọc nhằn gian khó nhưng đầy chí khí và niềm tin.</p>	0,25
	<p>3. Liên hệ với bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ</p>	0.5đ
	<p><i>Thế Lữ đã có những sáng tạo tài hoa khiến ngôn ngữ “Nhớ rừng” trở nên sống động, có hồn “sáng lấp lánh, kêu giòn và tỏa hương”, nồng nàn hơi thở cuộc sống.</i></p> <p>+ Giàu cảm hứng lãng mạn và cảm xúc mãnh liệt, bài thơ đầy nhạc tính, âm điệu dồi dào, cách ngắt nhịp linh hoạt, sử dụng nghệ thuật đối lập, tương phản thành công ; hình ảnh thơ giàu chất tạo hình, ngôn ngữ nhạc điệu phong phú ; giọng thơ khi thì u uất, bức dọc, dẫn vật, lúc say sưa, tha thiết hùng tráng...khi hào hùng, sôi nổi mà đỉnh đặc lúc than thở, nuối tiếc, xót xa; khi uất ức, bức dọc, khi say sưa, tha thiết, hùng tráng. Giọng điệu đó phù hợp với tâm trạng con hổ từ đỉnh cao huy hoàng của sự hồi tưởng quá khứ, sự tỉnh nhận thức về cảnh ngộ tù túng của hiện tại.</p> <p>+ <i>Nhớ rừng</i> đã lan tỏa một hồn thơ hồi thức và nhiều hình ảnh thơ đầy ấn tượng miêu tả vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng. Thành công của Thế Lữ là đã thể hiện một trí tưởng tượng phong phú khi mượn hình ảnh con hổ trong vườn bách thú để nói hộ cho những tâm sự kín đáo sâu sắc của mình. Qua đó diễn tả nỗi chán ghét cảnh sống tù túng, đồng thời khơi lên tình cảm yêu nước của người dân thuở ấy.</p>	

		4. Đánh giá, mở rộng:	0.5đ
		- Nhận định đúng đắn, sâu sắc, ngôn ngữ thơ là kết quả của quá trình sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ. Nhà thơ tài năng phải bằng năng lực nghệ thuật, bằng sự đào sâu hiện thực và sự nhạy cảm ngôn từ trung cất ra ngôn ngữ thơ. Đây là quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, khổ luyện nhưng cũng đầy hứng khởi của nhà thơ. Ngôn ngữ thơ phải phản ánh hiện thực đời sống, hiện thực tâm hồn con người, phải truyền đến người đọc cảm xúc của tác giả và khơi dậy trong người đọc đủ mọi cung bậc cảm xúc. -Ngôn ngữ thơ, sự sáng tạo ngôn ngữ làm thơ có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống một tác phẩm thơ ca vì vậy: -Với nhà thơ: chất lọc ngôn ngữ từ đời sống, sáng tạo để làm cho ngôn ngữ ấy có một sức sống riêng, vẻ đẹp riêng vừa thể hiện được những cảm xúc nơi trái tim vừa khơi dậy nơi người đọc những cảm xúc đẹp đẽ, mới mẻ qua lớp ngôn từ thơ ca của mình. – Đối với người tiếp nhận thơ, khi cảm thụ thơ cần chú ý đến những tình cảm chân thật, sâu kín, những sáng tạo nhạy cảm tinh tế mà nhà thơ gửi vào tác phẩm. Đây là tiêu chí để đánh giá một bài thơ hay. Để từ đó có sự đồng cảm, tri âm với nhà thơ.	
		<i>D. Sáng tạo: có quan điểm riêng, suy nghĩ phù hợp.</i>	0.25
		<i>E. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</i>	0.25

Lưu ý:

3. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, bài làm của học sinh cần được đánh giá tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
4. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát có cảm xúc.
3. Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Bài viết có thể không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.
5. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NAM ĐỊNH

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI

NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Ngữ văn – Lớp: **9 THCS.**

Thời gian làm bài: 150 Phút.

Đề thi gồm: 02 trang.

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Làm người

"Ngồi thì co

đứng thì thắng
làm người thật khó" (Lời người Dáy)
để trở thành một người sinh con để cái
như thế chưa khó
để trở thành người biết ăn ngon mặc đẹp
như thế cũng chưa khó
để trở thành một người giàu có
như thế vẫn chưa khó
để trở thành một người sống lâu trăm tuổi
như thế cũng vẫn chưa khó
vậy làm người khó nhất là gì?
nghĩ đi nghĩ lại
nghĩ gần nghĩ xa
nghĩ cao nghĩ thấp
nghĩ hẹp nghĩ rộng
có người đẹp ngoài mà xấu trong
có người xấu ngoài mà đẹp trong
có người già mà vẫn trẻ
có người trẻ mà đã già
có người sống mà đã chết
có người chết mà vẫn sống
làm người khó nhất là: sống!

(Người trên đá, Lò Ngân Sủn, Nxb Văn hóa - dân tộc, 2000,

tr.6)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm): Hãy chỉ ra nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của văn bản.

Câu 2. (1,0 điểm): Việc trích dẫn lời người Dáy ở đầu bài thơ có tác dụng gì?

Câu 3. (1,0 điểm): Em hiểu như thế nào về nội dung hai câu sau:

“có người sống mà đã chết
có người chết mà vẫn sống”

Câu 4. (1,5 điểm): Em có đồng tình với quan điểm: “Làm người thật khó” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (16,0 điểm)

Câu 1. (6,0 điểm)

Từ gợi ý của văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về quan điểm sống được đặt ra trong bài thơ sau:

Người vá trời lấp bể
Kẻ đắp lũy xây thành
Ta chỉ là chiếc lá
Việc của mình là xanh.

(**Lá Xanh**, Nguyễn Sĩ Đại, theo <http://>

www.thivien.net)

Câu 2. (10,0 điểm)

“Công việc của nhà văn là phát biểu cái đẹp chính ở chỗ mà không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, cho người khác một bài học trông nhìn và thưởng thức”.

(Thạch Lam văn và đời, NXB Hà Nội 1999, tr 597)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long (*Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2016*).

-----Hết-----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NAM ĐỊNH**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
NĂM HỌC 2022 - 2023**

Môn: Ngữ văn – Lớp: 9 THCS.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Chỉ ra những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của văn bản.	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ có câu thơ đầu tiên được viết hoa đầu dòng. - Văn bản có câu thơ rất dài, có câu thơ rất ngắn, sử dụng rất nhiều từ trái nghĩa. - Sử dụng nhiều kiểu câu: câu cảm thán, câu nghi vấn, câu trần thuật. - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: phép điệp từ, điệp cấu trúc, phép đối, liệt kê... <p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời đúng, đầy đủ, hoặc nêu được từ 2 ý trở lên, cho 0,5 điểm. - HS chỉ nêu được 1 ý, cho 0,25 điểm. 	
	2	Việc trích dẫn lời người Dáy ở đầu bài thơ có tác dụng gì?	1,0
		<ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự độc đáo cho bài thơ, tạo ấn tượng, tăng sức hấp dẫn, lôi cuốn đối với người đọc. (0,25 điểm) - Góp phần làm sáng tỏ chủ đề của văn bản. (0,25 điểm) - Nhấn mạnh những trần trở, suy tư về cách sống, cách làm người. (0,5 điểm) <p>*Lưu ý: HS có thể viết bằng ngôn từ tương tự, miễn là đúng nội dung trên vẫn cho điểm tối đa.</p>	

3	<p>Em hiểu như thế nào về nội dung hai câu sau: <i>“có người sống mà đã chết có người chết mà vẫn sống”</i></p> <p>- Hai câu thơ nêu quan điểm về cách sống: sống đẹp, sống có ích (0,5 điểm) + Có người sống mà đã chết: đó là những người không biết quý trọng cuộc sống của mình, sống buông thả, không có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng; vô cảm... (0,25 điểm) + Có người chết mà vẫn sống: đó là những người sống một cuộc đời đẹp, góp phần tạo ra nhiều giá trị cho xã hội, cộng đồng; việc làm của họ có sức lan tỏa... (0,25 điểm) *Lưu ý: HS có thể viết bằng ngôn từ tương tự, miễn là đúng nội dung trên vẫn cho điểm tối đa.</p>	1,0
4	<p>Em có đồng tình với quan điểm: “Làm người thật khó” không? Vì sao?</p> <p>- HS đưa ra quan điểm: Đồng tình; hoặc không đồng tình; hoặc vừa đồng tình vừa không đồng tình. (0,5 điểm) - Lí giải (1,0 điểm) (HS đưa ra lí lẽ phù hợp, thuyết phục là cho điểm) - Nếu đồng tình quan điểm: “<i>Làm người thật khó</i>”: + Trong cuộc đời, con người phải một mình đối mặt với nhiều khó khăn thử thách, với những tình huống, kiểu người khác nhau. + Khi đó, con người phải lựa chọn lối sống sao cho phù hợp hoàn cảnh bản thân, với đạo đức, pháp luật, tạo mối quan hệ tốt đẹp với những người xung quanh... + Con người phải không ngừng nỗ lực vươn lên, phát huy những ưu điểm để hoàn thiện bản thân, để sống có ích... - Nếu không đồng tình quan điểm: “<i>Làm người thật khó</i>”: + Làm người cứ tuân theo đầy đủ quy định của pháp luật, đạo đức thì không có gì là khó. + Trong hành trình cuộc sống, luôn có sự đồng hành, trợ giúp của những người xung quanh thì việc gì con người cũng giải quyết được, chẳng có gì là khó. + Con người cứ hoàn thành tốt công việc của mình, không phải lo nghĩ, quan tâm đến các công việc khác nên làm người như vậy không khó... - Nếu vừa đồng tình, vừa không đồng tình quan điểm “<i>Làm người thật khó</i>”: HS kết hợp cả hai ý trên. * Cách cho điểm: - HS nêu được 03 lí lẽ phù hợp, thuyết phục cho 1,0 điểm ; 02 lí lẽ phù hợp, thuyết phục cho 0,75 điểm; 01 lí lẽ phù hợp, thuyết phục cho 0,5; có ý thức lý giải nhưng chung chung cho 0,25. * Lưu ý: Chấp nhận HS có thể có các cách diễn đạt khác nhau</p>	1,5

		<i>nhưng vẫn đảm bảo nội dung.</i>	
II		LÀM VĂN	16,0
	1	<p>Từ gợi ý của văn bản phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về quan điểm sống được đặt ra trong bài thơ sau:</p> <p style="text-align: center;"> <i>Người vá trời lấp bể Kẻ đắp lũy xây thành Ta chỉ là chiếc lá Việc của mình là xanh.</i> </p> <p style="text-align: center;">(Lá Xanh, Nguyễn Sĩ Đại, theo http://www.thivien.net)</p>	6,0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận xã hội: Mở đoạn nêu được vấn đề, thân đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn khái quát được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.	0,5
		Mỗi người cần sống đúng với bản phận, trách nhiệm của mình, sống cống hiến hết mình góp phần tô điểm cho cuộc đời chung.	
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; biết mở rộng, liên hệ; rút ra bài học nhận thức và hành động.	4,5
		<p>Sau đây là một số gợi ý:</p> <p>* Giải thích: (1,0)</p> <p>+ Hai câu đầu: nói đến những người với những việc làm, sự cống hiến lớn lao, vĩ đại, gánh vác những trọng trách nặng nề của nhân loại.</p> <p>+ Hai câu sau: thể hiện sự tự ý thức của tác giả về bản thân và sứ mệnh trong cuộc đời: con người dù bé nhỏ, thậm chí có thể khuất lấp giữa muôn người chỉ như chiếc lá... nhưng vẫn phải sống bằng đời của lá, nghĩa là “phải xanh”, phải ý thức đúng về bản phận và trách nhiệm của mình, cống hiến sức nhỏ bé của mình cho cuộc đời.</p> <p>=> Bài thơ với cách nói hình ảnh, sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ... đã nêu lên quan điểm sống: mỗi người cần sống đúng với bản phận, trách nhiệm của mình, sống cống hiến hết mình góp phần làm đẹp cho cuộc đời chung</p>	
		<p>* Bàn luận: (2,25)</p> <p>- Mỗi người sống trong xã hội đều có khả năng và nhiệm vụ, vị trí nhất định nên việc ý thức đúng về bản phận và trách nhiệm của bản thân, sống cống hiến góp phần tô điểm cho cuộc đời chung thêm đẹp là điều cần thiết, là một đòi hỏi tất yếu của loài người từ khi xã hội xuất hiện nền văn minh, văn hóa.</p> <p>- Ý nghĩa:</p> <p>+ Bản thân luôn có trách nhiệm, tự giác và tích cực thực hiện nhiệm vụ được giao, chủ động làm những việc cần làm, không</p>	

	<p>né tránh hay thờ ơ hay đùn đẩy trách nhiệm cho người khác.</p> <p>+ Cá nhân luôn có ý thức học tập, rèn luyện để có tri thức, kỹ năng cống hiến.</p> <p>+ Luôn nỗ lực vươn lên vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để hoàn thành tốt công việc của mình, từ đó khẳng định năng lực bản thân, giá trị của mỗi cá nhân; khiến cuộc đời mỗi người trở nên có ý nghĩa.</p> <p>+ Là một trong những thước đo đánh giá đạo đức, nhân cách và lối sống của con người.</p> <p>+ Con người có được sự ghi nhận, tin yêu, tôn trọng của người khác.</p> <p>+ Sống đúng với bản phận... góp phần đem lại lợi ích cho cộng đồng, quốc gia dân tộc.</p> <p>+.....</p> <p>(Lấy dẫn chứng minh họa)</p>	
	<p>* Mở rộng: (0,75)</p> <p>- Có người tự ti cho rằng “<i>mình chỉ là chiếc lá</i>” nhỏ bé, thậm chí vô nghĩa giữa cuộc đời, nên chẳng cần phấn đấu...đã nhỏ bé, càng trở nên mờ nhạt và vô nghĩa hơn...</p> <p>- Cũng có những người sống thiếu trách nhiệm, không làm tròn bản phận của mình hay những người không ý thức rõ giá trị, năng lực của bản thân xem mình phù hợp làm gì.</p> <p>=> Những trường hợp trên đáng phê phán. (dẫn chứng...)</p>	
	<p>- Bài học nhận thức và hành động: (0,5)</p> <p>+ Dù là ai trong cuộc đời cũng cần có sự tự ý thức về bản thân. Chẳng ai vô nghĩa giữa cuộc đời. Chỉ có người tự cho là mình vô nghĩa mà thôi.</p> <p>+ Hãy luôn làm việc, cống hiến hết mình bằng năng lực của bản thân, làm cho cuộc sống của mình trở nên có ý nghĩa ở mọi nơi, mọi lúc...</p> <p>- Liên hệ bản thân...</p>	
	<p>d. Sáng tạo.</p>	0,5
	<p>Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận; dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.</p>	
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25
	<p>Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>Đảm bảo được tính mạch lạc về nội dung của một đoạn văn.</p>	
<p>Gợi ý về thang điểm:</p> <p>- Từ 5,0 đến 6,0 điểm: Hiểu vấn đề; lập luận chặt chẽ, ý tứ phong phú, giàu sức thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng.</p> <p>- Từ 3,0 đến 4,75 điểm: Hiểu vấn đề; biết cách lập luận; diễn đạt được ý, còn mắc một số lỗi về diễn đạt, chính tả.</p> <p>- Từ 1,0 đến 2,75 điểm: Nhận diện được vấn đề; lập luận chưa rõ; viết chung</p>		

	<p>chung; mắc nhiều lỗi về diễn đạt, chính tả.</p> <p>- Dưới 1,0 điểm: Không hiểu rõ vấn đề; viết sơ sài, chưa biết triển khai lập luận; mắc rất nhiều lỗi diễn đạt, chính tả.</p> <p>- Điểm 0,0 điểm: Không làm bài hoặc lạc đề.</p>	
2	<p>“Công việc của nhà văn là phát biểu cái đẹp chính ở chỗ mà không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, cho người khác một bài học trông nhìn và thưởng thức”. (Thạch Lam văn và đời, NXB Hà Nội 1999, tr 597)</p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của Nguyễn Thành Long (Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2016).</p>	10,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.</p> <p>Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.</p>	0,25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.</p> <p>Hiểu ý kiến của Thạch Lam và làm sáng tỏ qua truyện ngắn <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> của Nguyễn Thành Long.</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự am hiểu sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	
	<p>1. Dẫn dắt, nêu và trích dẫn vấn đề một cách hợp lí.</p>	0,5
	<p>2. Giải thích ý kiến:</p> <p>- Cái đẹp ở chỗ “không ai ngờ tới”, “cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật”:</p> <p>+ “Cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật” là cái đẹp tiềm ẩn đằng sau vẻ bề ngoài xù xì, gai góc, thô kệch, tầm thường... Đó thường là vẻ đẹp của nhân cách, của tình người, khát vọng, sức sống, tài năng...</p> <p>+ Chỗ “không ai ngờ tới” chính là hoàn cảnh, là môi trường không phù hợp, thuận lợi cho cái đẹp.</p> <p>- Bài học “trông nhìn và thưởng thức”: người đọc tin tưởng, có cái nhìn tinh tế nhạy cảm với cuộc sống, con người và thấy bất ngờ, thú vị khi thưởng thức tác phẩm và vẻ đẹp cuộc sống...</p> <p>=> Như vậy, ý kiến của Thạch Lam đã khẳng định sứ mệnh của nhà văn: là người không ngừng tìm tòi, phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, che lấp của đối tượng ở những nơi tưởng như không thể tồn tại cái đẹp để giúp người đọc có cách nhìn nhận, đánh giá về cuộc sống, con người và thưởng thức tác phẩm một cách đúng đắn và có ý nghĩa nhất.</p> <p>*Lưu ý:</p> <p>- HS chỉ giải thích từ ngữ, tối đa: 0,5 điểm.</p>	1,0

	<p>- Chấp nhận những cách diễn đạt khác nhau miễn là nêu được đúng bản chất vấn đề.</p>	
	<p>3. Phân tích, chứng minh:</p> <p>3.1. Cái đẹp “không ai ngờ tới, cái đẹp kín đáo và che lấp” trong “Lặng lẽ Sa Pa” là vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên và con người nơi Sa Pa. Đó là vùng đất mà vẻ lặng lẽ chỉ là bề ngoài, ẩn sâu dưới lớp vỏ ấy là cuộc sống đầy sôi nổi... (3,0 điểm)</p> <p><i>* Vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa: (0,5 điểm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp thơ mộng, hữu tình: mây, cây, nắng, hoa.... - Vẻ đẹp trong sự khắc nghiệt, dữ dội: gió, tuyết... <p>-> thêm yêu thiên nhiên nơi đây.</p> <p><i>* Vẻ đẹp của con người lao động nơi Sa Pa (2,5 điểm)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Đó là vẻ đẹp của tinh thần trách nhiệm say mê, tận tụy với công việc... + Đó là vẻ đẹp của con người tự chủ, làm chủ chiến thắng bản thân và hoàn cảnh, con người có lí tưởng sống, lẽ sống cao đẹp... + Đó là vẻ đẹp lối sống khoa học nề nếp, chân thành, cởi mở, khiêm nhường giản dị... <p><i>(HS lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu phù hợp về các nhân vật trong tác phẩm để làm sáng tỏ vẻ đẹp của nhân vật được tác giả khắc họa: anh thanh niên, các nhân vật khác (ông họa sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe và các nhân vật xuất hiện gián tiếp qua lời kể của nhân vật anh thanh niên: cán bộ nghiên cứu sét, ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa...)</i></p> <p>3.2. “Lặng lẽ Sa Pa” đem đến cho người đọc “bài học trông nhìn và thưởng thức”: (1,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấu hiểu, trân trọng những hi sinh, cống hiến thầm lặng của những người lao động. - Hiểu được: + Vẻ đẹp của cuộc sống không phải ở những gì quá lớn lao, mà ở chính những điều nhỏ bé, bình dị ... + Cuộc sống của chúng ta chỉ có ý nghĩa khi mọi việc ta làm, hành động của bản thân đều xuất phát từ tình yêu cuộc sống và con người, có trách nhiệm với mảnh đất quê hương mình. + Ý nghĩa của lao động nghệ thuật: nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống và góp phần làm đẹp cuộc sống. - Mỗi người, đặc biệt với thế hệ trẻ hiện nay phải có lý tưởng sống, biết cống hiến, đóng góp cho cuộc đời chung, sẵn sàng tình nguyện với những công việc khó khăn... để cuộc sống thêm ý nghĩa. - Sống chân thành, khiêm tốn, biết yêu thương, hòa đồng, sẻ chia niềm vui, hạnh phúc với những người xung quanh, ... <p>3.3. Nguyễn Thành Long hoàn thành sứ mệnh của mình qua</p>	5,25

	<p>hình thức nghệ thuật đặc sắc: (0,75 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình huống truyện nhẹ nhàng xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ, tự nhiên trong 30 phút ngắn ngủi giữa anh thanh niên và những vị khách; cách kể chuyện tự nhiên, giàu chất thơ... - Nhân vật không được đặt tên mà được gọi theo nghề nghiệp, lứa tuổi, giới tính; đặc biệt nhân vật chính, anh thanh niên được đặt dưới nhiều điểm nhìn, mà chủ yếu là nhân vật ông họa sĩ. - Cách đặt nhan đề tác phẩm khơi gợi những suy ngẫm trong lòng người đọc... <p>*Lưu ý: - Nếu HS chỉ phân tích đơn thuần các nhân vật mà không theo định hướng, tối đa: 2,5 điểm.</p> <p>- Nếu nghệ thuật không tách thành luận điểm riêng mà lồng vào phần đánh giá thì chỉ cho 0,5 điểm</p>	
	<p>4. Đánh giá, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quan niệm của nhà văn Thạch Lam trong tiểu luận <i>Theo dòng</i> đã thể hiện đầy đủ trách nhiệm của nhà văn - người nghệ sĩ chân chính trong việc phát hiện “cái đẹp kín đáo”, cho người đọc bài học “trông nhìn và thưởng thức”, từ đó “nâng đỡ những cái tốt” để “trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn”. (0,25) + <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> đã làm nổi bật được cái đẹp tiềm ẩn của thiên nhiên và cuộc sống con người nơi mảnh đất Sa Pa mà tác giả đã phát hiện, tìm kiếm, từ đó đem đến cho người đọc những cảm nhận tinh tế, những bài học nhân sinh sâu sắc. Điều đó thể hiện tấm lòng và tài năng của nhà văn qua tác phẩm, góp phần khẳng định vị trí của nhà văn và tác phẩm trong dòng văn học. (0,5) - Lời nhận định của Thạch Lam cũng đặt ra định hướng cho người sáng tác và người tiếp nhận văn học: + Một tác phẩm giá trị phải phản ánh được cái đẹp kín đáo và che lấp của cuộc sống, làm phong phú tâm hồn và bồi đắp lẽ sống cho con người. (0,5 điểm) + Người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo: hướng bạn đọc đến các giá trị chân-thiện-mỹ, phải có một tâm hồn đẹp đẽ, sáng trong, để truyền tình yêu cuộc sống, con người tới bạn đọc, góp phần giáo dục, hoàn thiện nhân cách con người. (0,25 điểm) + Độc giả: cảm nhận được sức hấp dẫn, giá trị đích thực của tác phẩm nghệ thuật, có ý thức bồi đắp tâm hồn, biến quá trình nhận thức thành tự nhận thức và hoàn thiện bản thân. (0,25 điểm) 	1,75
	<p>d. Sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các yếu tố biểu cảm...), biết đánh giá, liên hệ với các tác phẩm cùng đề tài, chủ đề. - Thể hiện được quan điểm, thái độ riêng, sâu sắc của người viết nhưng không trái với chuẩn mực đạo lý, pháp luật. 	0,5
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25

	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	<p>Gợi ý về thang điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 8,0 đến 10,0 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; có kĩ năng giải thích tốt; phân tích tác phẩm có định hướng, chọn lọc hình ảnh tiêu biểu, khái quát; kết nối các ý sâu sắc; logic, sáng rõ, khoa học; lập luận chặt chẽ, liên hệ so sánh, vận dụng nhuần nhuyễn, hợp lí lí luận; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc. - Từ 6,0 đến 7,75 điểm: Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên; có kĩ năng giải thích; hiểu và phân tích tác phẩm có định hướng; diễn đạt mạch lạc, văn viết có cảm xúc. - Từ 4,0 đến 5,75 điểm: Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên; giải thích còn chung chung; có ý thức phân tích theo định hướng song chưa rõ; còn mắc lỗi diễn đạt, chính tả. - Từ 2,0 đến 3,75 điểm: Chưa hiểu rõ yêu cầu của đề; bài viết sơ sài; phân tích không có định hướng; mắc nhiều lỗi diễn đạt, chính tả. - Dưới 2,0 điểm: Không có kĩ năng làm bài; không hiểu tác phẩm; mắc quá nhiều lỗi diễn đạt, chính tả. - Điểm 0,0: Làm sai hoàn toàn hoặc không làm bài. <p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không đếm ý cho điểm, cân nhắc toàn bài để đánh giá. - Khuyến khích những bài có ý tưởng sâu sắc, biết liên hệ, kết nối, vận dụng lí luận nhuần nhuyễn, có phát hiện riêng, diễn đạt có chất văn. 	

-----Hết-----
Đề chọn Đ T cấp Tỉnh

Phần I: Đọc - hiểu văn bản (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Nhớ nhé, chàng trai của papa,
 Hôm nay là dòng sông, ngày mai là biển rộng
 Nếu dám bước qua đám đông hỗn loạn
 Sẽ thấy được chân trời
 Không bao giờ được quên ơn ai
 Nhưng phải quên ngay điều vừa làm vui người khác
 Người thật sự giỏi phải lặn vào đám đông
 Chứ không nổi bật như con công sắc sỡ
 Nếu đang còn nghèo thì cũng đừng nên sợ
 Vì nghèo ở đâu, là giàu ở đó...
 Còn định quyết đi theo nghiệp chữ
 Đừng bằng lòng làm người trung bình, buồn lắm nhé, con.

(Nói với con ngày tốt nghiệp - Trần Hữu Việt)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt và thể thơ của bài thơ trên?

Câu 2: Trong bài thơ, người cha nhắc còn không bao giờ được quên điều gì và phải quên ngay" điều gì?

Câu 3: Em hiểu gì về lời người cha nói với con trong những câu thơ dưới đây:

“Người thật sự giỏi phải lặn vào đám đông
 Chứ không nổi bật như con công sắc sỡ”

Câu 4. Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về hình ảnh người cha?

Phần II: Tạo lập văn bản (14 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm). Từ văn bản ở phần Đọc - hiểu, em hãy viết đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 200 từ) để trình bày ý kiến của mình về ý thơ **“Đừng bằng lòng làm người trung bình, buồn lắm nhé, con”**.

Câu 2: (10,0 điểm) **Người nghệ sĩ đích thực, người nghệ sĩ có tài năng bao giờ cũng mang đến cho đời một cái gì mới, một cái gì riêng biệt chưa từng có. Chính cái mới, cái riêng biệt đó làm cho cuộc sống hiện lên luôn luôn phong phú, lạ lùng, hấp dẫn.**

Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua văn bản “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật (SGK Ngữ Văn 9 tập 1- Nhà xuất bản Giáo Dục).

-----Hết -----

Phần Câu	Đáp án	Điểm
Phần 1 Câu 1 (1 điểm)	- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm - Thể thơ: tự do.	1,0

Câu 2 (1,0 điểm)	- Trong bài thơ, người cha nhắc con "không bao giờ được quên ơn ai" và "phải quên ngay điều vừa làm vui người khác".	1,0
Câu 3 (1,0 điểm)	Những câu thơ : " Người thật sự giỏi phải lặn vào đám đông/ Chứ không nổi bật như con công sắc sỡ" là lời nhắc của người cha đối với con : người giỏi thật sự là người biết khiêm tốn, khiêm nhường, hòa đồng ("lặn vào đám đông"), chứ không phải là kẻ chỉ biết khoe khoang, phô diễn vẻ bề ngoài màu mè, hình thức ("như con công sắc sỡ")	2,0
Câu 4 (1,5 điểm)	<i>Học học sinh có thể có những cảm nhận để từ đó rút ra nhận xét với những cách diễn đạt khác nhau nhưng cần cụ thể thuyết phục và đảm bảo các ý cơ bản sau:</i> - Nhận xét về người cha: + Là người có lòng yêu thương con + Là người sâu sắc, nhiều trải nghiệm với những lời khuyên đúng đắn, quý giá, kịp thời. + Là người có lối sống giản dị, khiêm nhường.	2,0
Phần II Câu 1 (4,0 điểm)	* Yêu cầu về kỹ năng: - Học sinh làm đúng đặc trưng kiểu văn bản nghị luận (luận điểm, lập luận...) về một vấn đề tư tưởng đạo lí dưới hình thức một đoạn văn ngắn . - Có bố cục rõ ràng, chặt chẽ. - Diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, trong sáng; chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp. - Học sinh cần thể hiện rõ chính kiến của mình về vấn đề được đặt ra: “Đừng bằng lòng làm người trung bình, buồn lắm nhé, con”. Nếu không đúng yêu cầu viết một đoạn văn, giám khảo trừ 0,5điểm.	
	* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, song cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	0,25

	<p>- Người trung bình: là người có cuộc sống bình thường, không có gì nổi trội, không có những thành tựu hoặc những đóng góp có giá trị lớn lao.</p> <p>- Vì sao cha lại khuyên con: “<i>Đừng bằng lòng làm người trung bình, buồn lắm nhé, con</i>”?</p> <p>+ Bởi vì chấp nhận là một người trung bình sẽ chấp nhận một cuộc sống bình thường, tẻ nhạt, không có những thành tựu hoặc đóng góp có giá trị, có ý nghĩa lớn lao cho xã hội. Nếu ai cũng bằng lòng làm một người trơ bình thì xã hội sẽ không phát triển được.</p> <p>+ Ngược lại, khi không bằng lòng làm người trung bình, thì con người mới có khát vọng vươn lên trong cuộc sống. Khi ấy, họ mới có động lực, có ý chí vượt qua nghịch cảnh, khó khăn, thử thách... vươn tới thành công. Chỉ khi ấy, họ mới tạo nên những giá trị lớn lao, đóng góp cho sự phát triển của xã hội và xứng đáng được tôn trọng, quý mến. (Hs lấy dẫn chứng chứng minh)</p> <p>- Nhưng xét ở một góc độ khác:</p> <p>+ Bằng lòng, chấp nhận làm một người trung bình cũng có thể xem là một sự bình yên trong cuộc sống.</p> <p>+ Hoặc không làm người trung bình, muốn vươn lên, tạo nên những thành tựu hoặc đóng góp lớn lao cũng không nên bắt chấp mọi thủ đoạn cho sự “hơn người” của mình.</p> <p>- Bởi vậy, muốn “đừng làm người trung bình” cần phải có ý chí, nỗ lực phấn đấu; có kế hoạch học tập, rèn luyện để vươn tới những giá trị lớn lao, góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội.</p>	
Câu 2. (10,0 điểm)	<p>* Yêu cầu chung:</p> <p>- Học sinh biết cách làm một bài nghị luận văn học đúng và đúng theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>- Bài viết có bố cục rõ ràng, đầy đủ, lập luận chặt chẽ văn phong lưu loát, lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục văn viết có cảm xúc.</p> <p>- Biết vận dụng linh hoạt các thao tác nghị luận, không mắc các loại lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt trình bày sạch sẽ, rõ ràng.</p>	
	<p>* Yêu cầu cụ thể:</p>	
	<p>1. Mở bài (giới thiệu vấn đề nghị luận) (0,25 điểm)</p> <p>- Giới thiệu vấn đề, trích dẫn ý kiến.</p>	0,25

<p>2. Thân bài (giải quyết vấn đề nghị luận) (9,5 điểm)</p> <p>Đảm bảo những ý sau:</p>	
<p>1. Giải thích ý kiến: (1 điểm)</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Người nghệ sĩ đích thực, người nghệ sĩ tài năng:</i> Chỉ những người thuộc lĩnh vực nghệ thuật có năng lực xuất sắc, có khả năng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. - <i>Cái mới, cái riêng biệt:</i> độc đáo, mới lạ, thể hiện dấu ấn cá nhân. - <i>Cuộc sống hiện lên phong phú, lạ lùng, hấp dẫn:</i> Cuộc sống được tái hiện trong tác phẩm bằng những hình ảnh và màu sắc riêng mang phẩm chất nghệ thuật đặc sắc. <p>→ Ý kiến đề cập đến phong cách của nhà văn. Người nghệ sĩ tài năng là người có phong cách nghệ thuật độc đáo, có khả năng sáng tạo nên một thế giới mới trong tác phẩm của mình.</p> <p>* Lí giải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chất của văn chương là sáng tạo. Tác phẩm văn học là sự phản ánh hiện thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm phải thể hiện được cái riêng, cái mới mẻ mang đậm phong cách, dấu ấn cá nhân và tài năng của người nghệ sĩ. - Văn chương xuất phát từ nhu cầu cuộc sống, cuộc sống luôn đòi hỏi những nhân tố mới mẻ, những cái không lặp lại. - Xuất phát từ đặc trưng đó, mỗi tác phẩm văn học ra đời là một khám phá về nội dung và phát minh về nghệ thuật. <p>→ Chính vì vậy người nghệ sĩ phải luôn tìm tòi sáng tạo mới đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống và người tiếp nhận.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thí sinh giải thích, lí giải vấn đề lí luận văn học sâu sắc: 1,5 điểm.</i> - <i>Trường hợp thí sinh giải thích chung chung, lí giải vấn đề lí luận văn học chưa sâu sắc: 0,75 điểm.</i> 	1,5
<p>2. Chứng minh ý kiến. (6,5 điểm)</p> <p>2.1. Giới thiệu khái quát về tác giả và tác phẩm. (0,5 điểm)</p> <p>2.2. Chứng minh cái mới, cái riêng của Phạm Tiến Duật trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được thể hiện ở các khía cạnh:</p>	
<p>*Luận điểm 1: Người nghệ sĩ tài năng Phạm Tiến Duật đã thể hiện “cái mới cái riêng” của mình trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” khi khám phá, miêu tả hình ảnh những chiếc xe không kính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh những chiếc xe không kính + Với bút pháp hiện thực, nhà thơ đã ghi lại hình ảnh ấy thật 	1,5

	<p>giảm đi, tự nhiên. Những chiếc xe ban đầu vốn đầy đủ các bộ phận nhưng bom đạn đã làm “kính vỡ đi rồi” ...</p> <p>+ Bom đạn ác liệt của kẻ thù đã tàn phá khiến những chiếc xe bị biến dạng, trần trụi hơn: không đèn, không mui, thùng xe xước... nhưng đoàn xe vẫn băng băng vào chiến trường.</p> <p>-> Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn không hiếm trong chiến tranh, nhưng <i>phải có hồn thơ trẻ trung, sôi nổi, thích cái lạ mới có thể khám phá và đưa vào thơ, trở thành hình tượng độc đáo trong thơ ca kháng chiến.</i></p> <p>(HS lấy dẫn chứng thơ và phân tích)</p>	
	<p>* Luận điểm 2: Nhà thơ Phạm Tiến Duật đã thể hiện “cái mới, cái riêng” của mình trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” khi ca ngợi vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe</p> <p>- Nhà thơ đã khám phá ra vẻ đẹp riêng của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ từ chính những khó khăn, gian khổ của hiện thực:</p> <p>+ Tư thế ung dung, hiên ngang, dũng cảm, sẵn sàng đối mặt với khó khăn thử thách, từ đó tôi luyện ý chí, bản lĩnh của mình.</p> <p>+ Tinh thần lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ nơi chiến trường ác liệt, bằng thái độ ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch.</p> <p>+ Tinh đồng đội đồng chí cao đẹp giữa những người lính lái xe, trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom rơi bão đạn.</p> <p>+ Ý chí quyết thắng, trái tim yêu nước nồng nàn, tất cả vì miền Nam phía trước.</p> <p>(HS chọn lọc dẫn chứng phân tích chứng minh)</p> <p>= > Cái mới, cái riêng trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật là ông <i>đã khai thác chất thơ từ sự khốc liệt của chiến tranh</i>, giúp người đọc hiểu được <i>sự ác liệt của cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại; đồng thời làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của người lính qua thái độ, tư thế, tình cảm, khí phách mới, mang tính hiện đại</i>. Họ mang vẻ đẹp tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với chủ nghĩa anh hùng của cả một dân tộc.</p> <p><i>Lưu ý: Nếu học sinh phân tích sơ sài, giám khảo tùy mức độ để trừ điểm.</i></p>	4,0
	<p>* Luận điểm 3: Để tạo nên dấu ấn riêng, “cái mới, cái độc đáo” trong sáng tác của mình, Phạm Tiến Duật đã sử dụng những hình thức nghệ thuật đặc sắc.</p> <p>+ Nhan đề lạ, sáng tạo ra một hình ảnh thơ độc đáo.</p> <p>+ Giọng điệu và ngôn ngữ thơ rất đặc sắc, rất gần gũi lời nói thường ngày, đậm chất văn xuôi.</p>	1,0

	<p>+ Bút pháp hiện thực kết hợp với lãng mạn bay bổng, thể hiện chân thực và sinh động vẻ đẹp của những người lính.</p> <p>+ Sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc: so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, đối lập giữa cái <i>không</i> và cái <i>có</i>...</p> <p>(Chọn lọc và phân tích dẫn chứng)</p> <p>= > Với “đôi mắt mới”, cách nhìn mới, cách khám riêng về hiện thực cuộc sống và chiến đấu của những người lính lái xe trẻ... Phạm Tiến Duật đã đưa vào trang thơ của mình bức phù điêu chân thực và sinh động về hình ảnh người lính lái xe thời kì chống Mỹ cứu nước, với một vẻ đẹp riêng biệt không trộn lẫn. → Như vậy: Đề tài, hình ảnh thơ, và nghệ thuật miêu tả sáng tạo, độc đáo đã tạo nên tiếng nói riêng để tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” <i>có chỗ đứng trong lòng bạn đọc</i>.</p>	
	3. Đánh giá nâng cao vấn đề (1,0 điểm)	
	<p>- Ý kiến trên đã khẳng định tài năng của người nghệ sĩ sẽ tạo nên được giá trị của một tác phẩm nghệ thuật. Tài năng đó được thể hiện qua sự khám phá, sáng tạo độc đáo của người nghệ sĩ. Với cái nhìn riêng, mới mẻ, độc đáo, nhà thơ tài năng Phạm Tiến Duật đã đem đến cho bạn đọc cách nhìn, cách cảm nhận riêng về cuộc sống và con người trong một thời kỳ lịch sử của đất nước.</p>	0,5
	<p>4. Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận:</p> <p>- Người nghệ sĩ phải có kiến thức sâu rộng, tư duy nghệ thuật độc đáo, sáng tạo, mới lạ, hấp dẫn nhưng không xa rời thực tế, làm cho tác phẩm sống mãi trong lòng bạn đọc.</p>	0,25
	<p>- Bạn đọc: Đồng sáng tạo với nhà văn để tạo ra mối liên hệ giữa nhà văn - tác phẩm - bạn đọc; đón nhận thông điệp của tác giả gửi đến bạn đọc thông qua tác phẩm, đồng thời biết khám phá, trân trọng tài năng, sự sáng tạo của nhà thơ.</p>	
	<p>3. Kết bài (kết thúc vấn đề nghị luận) (0,25 điểm)</p> <p>Khái quát, nâng cao vấn đề.</p>	0,25

-----Hết -----

*Lưu ý: Đây chỉ là gợi ý chấm. Giáo viên có thể linh động trên cơ sở bài làm của học sinh. Đặc biệt trân trọng những bài viết có tính sáng tạo, giàu hình ảnh và cảm xúc.

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

Mỗi bông cỏ may như mũi kim nhỏ dệt đan tấm vải ký ức, nhắc một việc nhân hậu trong quá khứ, nhắc một cái quãng vai ấm áp, nhắc một lời động viên đúng lúc đúng người... Nên người cho dẫu đi xa nhưng vẫn như sống cùng ngày mới, cùng vui buồn đang tới, cùng những mạnh mẽ vụng dại của người đang sống.

Khi ai đó gieo những hạt mầm tốt đẹp, nhất định nó sẽ có ngày nảy nở thành vụ mùa bội thu, khiến cho dù chủ nhân có không còn trên cõi đời, thì hương hoa thơm, vị quả ngọt vẫn nhắc khôn nguôi về họ. Khi ta gieo một hạt mầm tốt đẹp ta làm cho cuộc sống của mình tỏa hương.

Khi không gian thông tin càng mở rộng, con người có xu hướng cảm thấy ngột thở trước dòng thác cuộn cuộn rác rến, tin tức tiêu cực. Những điều đó cộng hưởng thành chất xúc tác góp vào quá trình xây đắp những định kiến, những nghi kỵ, những mất lòng tin. Tất thấy cuối cùng làm xói mòn tất cả. Khiến người làm lủi đi qua nhau. Khiến bố lảm lủi tránh khi giữa đường gặp chuyện bất bằng. Khiến mẹ tự biết “bé cái mồm” khi khựng lại trước những gì chướng tai gai mắt. Khiến em nghĩ và tin rằng không còn ai tin vào nước mắt. Khiến anh biết sai quấy mà vẫn cho qua. Khiến chị vô cảm đi về mỗi ngày, chùng nào những đau đớn chưa chạm đến người thân ruột thịt cận kề.

Không còn tin có điều tốt trên đời là trạng thái còn đáng sợ hơn cái chết. Không còn tin có người tốt trên đời là cảm xúc của trước ngày tận thế. Trạng thái thiếu vắng niềm tin sẽ xói mòn, sẽ ăn mòn tâm hồn con người mỗi ngày còn hơn cả những bệnh tật thể chất, còn hơn cả những axit mạnh nhất. Nhất là đến một ngày không còn ai nghĩ đến gieo hạt nữa, bởi trong tâm đã thiếu vắng niềm tin về mùa màng đơm hoa kết trái.

(Chỉ là những bông cỏ may, Hà Nhân,)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả, điều gì ăn mòn tâm hồn con người. Hậu quả của điều đó?

Câu 3. Chỉ ra và phân tích giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu văn: “ Khi ai đó gieo những hạt mầm tốt đẹp, nhất định nó sẽ có ngày nảy nở thành vụ mùa bội thu, khiến cho dù chủ nhân có không còn trên cõi đời, thì hương hoa thơm, vị quả ngọt vẫn nhắc khôn nguôi về họ.”

Câu 4. Theo em, giữa việc gieo hạt mầm tốt đẹp trong chính mình với việc gieo hạt mầm tốt đẹp cho người khác, điều gì quan trọng hơn? Vì sao? (Trình bày bằng một đoạn văn 7-10 dòng.)

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)

Câu 1. Nghị luận xã hội (4,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về ý kiến được gọi ra ở phần đọc – hiểu: “Khi ta gieo một hạt mầm tốt đẹp ta làm cho cuộc sống của mình tỏa hương.”

Câu 2. Nghị luận văn học (10,0 điểm)

Nhà văn – nhà triết học Denis Diderot từng nói: “*Nghệ thuật là ở chỗ tìm ra cái phi thường trong cái bình thường và cái bình thường trong cái phi thường*”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua đoạn trích “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng để cảm nhận sâu sắc hơn “*cái phi thường trong cái bình thường và cái bình thường trong cái phi thường*” được người nghệ sĩ khám phá và thể hiện trong tác phẩm nghệ thuật.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Định hướng chung:

1. Do đặc trưng của môn Ngữ văn và kì thi chọn HSG, bài làm của thí sinh cần được đánh giá linh hoạt.

2. Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

3. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, có kiến giải riêng nhưng phải thuyết phục.

4. Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

II. Hướng dẫn cụ thể:

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
Phần đọc – hiểu		
1	- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	1,0
2	- Theo tác giả, điều ăn mòn tâm hồn con người chính là trạng thái thiếu vắng niềm tin, không còn tin tưởng vào điều tốt đẹp trong cuộc sống.	0,5
	- Điều đó dẫn đến hậu quả là không còn ai muốn gieo hạt mầm, tức là không ai làm những việc tốt đẹp nữa, người ta sẽ trở nên thờ ơ, lãnh đạm.	0,5
3	- Học sinh xác định đúng hình ảnh có sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ và ý nghĩa tượng trưng của các hình ảnh ẩn dụ đó: + <i>Gieo những hạt mầm tốt đẹp</i> : làm những việc có ý nghĩa tích cực + <i>vụ bội thu, hương hoa thơm, vị quả ngọt</i> : thành quả của những việc làm ý nghĩa	0,5
	- Tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ: + Bộc lộ quan niệm sống đẹp của tác giả; khơi dậy trong tâm hồn mỗi con người về thái độ sống tích cực, luôn hướng tới những điều ý nghĩa của cuộc sống	0,75
	+ Giúp cho cách diễn đạt câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn; tăng sức thuyết phục của cách lập luận.	0,25
4	* Về hình thức: Đảm bảo thể thức và dung lượng của một đoạn văn theo yêu cầu của đề bài. Viết đúng ngữ pháp, chính tả.	0,25
	* Về nội dung: Học sinh trình bày quan điểm cá nhân của mình; có thể đồng tình, không đồng tình hoặc có những quan điểm riêng	1,75

	<p>nhưng phù hợp và lí giải vì sao lại lựa chọn quan điểm ấy. Tuy nhiên, quan điểm đó phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Sau đây là gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu cho rằng <i>việc gieo hạt mầm tốt đẹp cho chính mình quan trọng hơn</i>, có thể lí giải theo hướng khi gieo hạt mầm tốt đẹp trong chính mình, mỗi người sẽ tự loại bỏ những suy nghĩ ích kỉ, tiêu cực để hướng tới cái thiện, cái đẹp. Chỉ khi nuôi dưỡng cái thiện bên trong tâm hồn, con người mới có thể làm được những điều tốt đẹp một cách tự nguyện, say mê. - Nếu cho rằng <i>việc gieo hạt mầm tốt đẹp cho người khác quan trọng hơn</i>, có thể lí giải theo hướng: gieo hạt mầm tốt đẹp cho người khác là việc làm có ý nghĩa tích cực góp phần xây đắp cuộc sống tốt đẹp, nhân văn hơn. - Học sinh có thể đồng tình với cả hai quan điểm và lí giải thuyết phục. 	
Phần Tạo lập văn bản		
I	a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .	0,25
	b. Xác định đúng nội dung chủ yếu cần nghị luận.	0,25
	<p>c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</p> <p>1. Giải thích nội dung ý kiến</p> <p>+ “<i>Gieo hạt mầm</i>”: sự cho đi, trao gửi ý nghĩ đẹp, nói lời hay hoặc làm việc tốt.</p> <p>+ “<i>Tỏa hương</i>”: cuộc sống trở nên tươi đẹp, hạnh phúc.</p> <p>=> <i>Ý nghĩa: Khuyến ta chủ động tạo ra điều tốt đẹp sẽ khiến cuộc sống chính chúng ta ý nghĩa hơn.</i></p> <p>2. Bàn luận, mở rộng vấn đề</p> <p>– Cuộc sống không bao giờ bằng phẳng, không ai có thể biết được ngày mai mình sẽ thế nào. Bởi thế, mỗi ngày, chúng ta cần nỗ lực hết mình để sống, học tập và làm việc, biết gieo những điều tốt đẹp, làm những việc tốt thì sẽ “tỏa hương” - khẳng định giá trị của bản thân mình, làm cuộc sống của mình và mọi người trở nên tốt đẹp hơn.</p> <p>- Những việc làm có ý nghĩa như: giúp đỡ người khác trong khó khăn, hoạn nạn; đồng cảm, sẻ chia với những số phận bất hạnh, nở một nụ cười thân thiện, trao một ánh mắt yêu thương,...đến những người xung quanh mình nghĩa là ta đang “gieo hạt mầm” tốt.</p> <p>- Sẽ thật tuyệt vời nếu mỗi ngày, chúng ta lại nhận ra thêm nhiều điều tốt đẹp của những người quanh ta, nhận ra những khía cạnh tích cực của công việc. Niềm vui sướng khi khám phá điều tốt đẹp của mọi thứ xung quanh sẽ tạo thành sức mạnh thúc đẩy ta tiến về phía trước.</p> <p>Dẫn chứng: Có lẽ không ai ngờ một người bị điếc như Beethoven</p>	0,5
		2,0

	<p>lại có thể sáng tác nên những bản nhạc tuyệt mỹ lưu danh muôn đời, một người có thể vượt qua căn bệnh ung thư để chiến thắng những vòng đua nước Pháp như Lance Armstrong, một Andersen từng phải đi quét dọn và đóng những vai kịch tâm thường lại trở thành ông hoàng của truyện cổ tích hiện đại...</p> <p>- Trong cuộc sống, nếu chúng ta chỉ chú ý đến những thiếu sót, thất bại, <i>lầm lỗi</i> của mình và của người khác, chúng ta sẽ chỉ thấy toàn những điều u ám, làm chúng ta nhụt chí, hao tổn sức lực, mất niềm tin vào các giá trị sống, và cuối cùng là buông xuôi cuộc đời mình.</p> <p>- Phê phán những người có lối sống ích kỉ, không có thái độ sống tích cực, thiếu trách nhiệm với chính mình và với mọi người, sống không biết “gieo hạt mầm” tốt đẹp,...</p> <p>3. Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Nhận thức: ý kiến trên hoàn toàn đúng đắn, có ý nghĩa với mọi người.</p> <p>- Hành động:</p> <p>+ Trân trọng những con người biết cho đi, biết sẻ chia. Chủ động gieo hạt mầm tốt đẹp trong cuộc sống này. Cho đi để được nhận về nhiều hơn, tốt đẹp hơn.</p> <p>+ Biết mở lòng ra với mọi người, bởi mỗi nụ cười, mỗi lời nói của mình có thể là hạt mầm tốt đẹp ta gieo trong lòng mọi người, để cuộc sống này thêm phần đẹp đẽ.</p> <p><i>(Căn cứ vào bài làm thực tế của HS: đáp ứng được yêu cầu của đề, hiểu được nội dung, ý nghĩa gợi ra từ câu nói, lập luận chặt chẽ, ... Gv cho điểm phù hợp. Bài làm của HSG có thể viết 1 trang giấy thi Gv vẫn cho điểm tối đa, nếu Hs vượt qua một trang giấy thi thì Gv trừ 0,25; viết 1,5 trang trừ 0,5 điểm).</i></p>	0,5
	<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
	<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	0,25
2	<p>a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p>	0.25
	<p>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.</p>	0.25
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể triển khai theo hướng sau:</p> <p>1. Giải thích và bình luận ý kiến</p> <p>*Giải thích:</p>	1,0

	<p>– “cái phi thường” chính là những điều vượt trội, là những điều có thể còn được ẩn giấu, không phải ai cũng có đủ sự nhạy bén, tinh tế để nhận ra. Còn “cái bình thường” là điều cơ bản, là cốt lõi tạo dựng nên những giá trị trong cuộc sống nói chung và văn chương nói riêng.</p> <p>->Nhận định của nhà văn – nhà triết học Denis Diderot một lần nữa khẳng định yêu cầu mang tính bắt buộc của mỗi nhà văn, nhà thơ: Đã là người cầm bút, đòi hỏi anh phải có đôi mắt tinh tường để thấu hiểu hết được những sự việc, hiện tượng rất đổi bình thường của cuộc sống nhưng người nghệ sĩ hơn những người bình thường ở chỗ biết tìm ra những hiện tượng đặc sắc có thể nói lên rõ rệt bản chất của hiện thực. Bên cạnh đó cũng không được bỏ quên những giá trị căn bản là cốt lõi của cuộc sống.</p> <p>*Bình luận :</p> <p>– Văn học tái hiện đời sống nhưng là quá trình tái hiện có chọn lọc và luôn đòi hỏi nhà văn phải có những phát hiện mới mẻ, độc đáo, khác lạ đối với các sự vật, hiện tượng, con người trong tự nhiên và đời sống xã hội; đồng thời phải có cái nhìn nhân bản, toàn diện đến từng ngõ ngách bên trong của đối tượng. Phát hiện ra “cái phi thường” trong “cái bình thường” và ngược lại chính là làm cho tác phẩm trở nên sâu sắc, toàn diện, thú vị hơn đồng thời thể hiện dấu ấn độc đáo và mới</p> <p>– Nếu văn học chỉ nhận thức đời sống ở mặt kì vĩ phi thường, tác phẩm sẽ sa vào lối tô hồng cuộc sống hoặc nhà văn chỉ nhìn cuộc sống ở khía cạnh xù xì, tầm thường, thấp hèn sẽ làm cho tác phẩm bị méo mó, xa rời bản chất, quy luật cuộc sống.</p> <p>– Nhìn ở phương diện khác, đó chính là khả năng phản ánh cuộc sống một cách sâu sắc chân thực bởi cuộc sống đa chiều, phức tạp, nếu nhà văn chỉ nhìn bằng đôi mắt đơn giản hời hợt một chiều thì sẽ trở nên nông cạn, thiếu khái quát, thiếu chiều sâu mới mẻ.</p> <p>2.Chứng minh:</p> <p>2.1 Giới thiệu tác giả, tác phẩm</p> <p>-Nhà văn Nguyễn Quang Sáng là gương mặt tiêu biểu của nền văn học cách mạng miền Nam. Tác phẩm của ông thấm đượm nhịp sống, màu sắc của vùng đất Nam Bộ, những sáng tác có xu hướng nghiêng về con người, cảnh vật xung quanh bản thân ông. Màu sắc bi tráng với tình huống truyện kịch tính, giàu chất thơ ca, nhân vật hào hùng đã tạo nên nét riêng biệt trong những tác phẩm của ông.</p> <p>-Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966 – khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ những năm kháng chiến chống Mỹ. Tác phẩm đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thấm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.</p> <p>2.2 Chứng minh</p> <p>Luận điểm 1: Trong đoạn trích “Chiếc lược ngà”, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã phát hiện ra <i>cái phi thường trong cái</i></p>	<p>0,5</p> <p>5,0</p>
--	--	-------------------------------------

bình thường và cái bình thường trong cái phi thường thông qua câu chuyện cảm động của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh; từ đó làm nổi bật tình phụ tử thiêng liêng, bất diệt đáng trân trọng.

*Tình cảm yêu thương cha sâu sắc, mãnh liệt của bé Thu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện chân thực, sinh động, cảm động (Hs phân tích).

*) Trước khi nhận ra cha.

- Hai cha con Thu xa cách nhau 8 năm, nó chỉ biết ba qua tấm hình ba chụp chung với má, nó yêu ba, khao khát được gặp ba. Ta tưởng chừng như khi được gặp ba, nó sẽ bồi hồi, sung sướng và sà vào vòng tay của ba nó nũng nịu với tình cảm mãnh liệt hơn bao giờ hết. Nhưng không, Thu đã làm cho người đọc phải bất ngờ qua hành động quyết liệt không chịu nhận anh Sáu là ba ngay từ phút đầu gặp gỡ (Hs lấy dẫn chứng phân tích, bình luận, nhận xét, đánh giá...)

- Suốt ba ngày, anh Sáu chẳng đi đâu xa, muồn ở bên con vỗ về, chăm sóc, bù đắp cho con sự thiếu thốn tình cảm. Song, càng xích lại gần thì nó càng tìm cách xa lánh, nhất định không gọi một tiếng “ba”. Nó cư xử với anh như một người xa lạ, thậm chí có những lời lẽ “nói trống” vô cùng hỗn xược với ông Sáu. Đỉnh điểm của kịch tính: bé Thu hất cái trứng cá mà anh đã gấp cho nó, làm cơm văng tung tóe. Bị anh Sáu đánh, Thu không khóc, gấp lại trứng cá rồi bỏ sang nhà ngoại, lúc đi còn cố ý khua dây lòi tói kêu rồn rảng.

(Hs lấy dẫn chứng phân tích, bình luận, nhận xét, đánh giá...)

=> Những chi tiết bình thường mà tinh tế này chứng tỏ nhà văn rất thấu hiểu tâm lí trẻ em. Trẻ con vốn rất thơ ngây nhưng cũng đầy cố chấp, nhất là khi chúng có sự hiểu lầm, chúng kiên quyết chối từ tình cảm của người khác mà không cần cân nhắc, nhất là với một cô bé cá tính, bướng bỉnh như Thu. Người đọc nhiều khi thấy giận em, thương cho anh Sáu. Nhưng thật ra em vẫn là cô bé dễ thương. Bởi nguyên nhân sâu xa của sự chối từ ấy là tình yêu ba. Tình yêu trung thành, tuyệt đối với người ba trong tấm ảnh chụp chung với má - người ba với gương mặt không có vết sẹo dài.

*) Khi nhận ra ông Sáu là cha.

- Bằng sự quan sát tinh tế, bác Ba là người đầu tiên nhận ra sự thay đổi của Thu trong “vẻ mặt sầm lại buồn rầu”, “đôi mắt như to hơn nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”. Điều đó cho thấy trong tâm hồn đứa trẻ nhạy cảm như Thu đã có ý thức về cảm giác chia li, giây phút này em thêm biểu lộ tình yêu với ba hơn hết, nhưng sự ân hận về những gì mình đã làm ba buồn khiến em không dám bày tỏ.

- Tình yêu ba trong Thu đã trỗi dậy mãnh liệt vào cái giây phút bất ngờ nhất, giây phút anh Sáu lên đường. Cái tiếng “ba” mà anh Sáu

đã chờ đợi từ lâu bất ngờ vang lên. Đó là tiếng “ba” nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung từ đáy lòng nó, nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc. Tiếng gọi thân thương ấy đưa trẻ nào cũng gọi đến thành quen nhưng với cha con Thu là nỗi khát khao của 8 năm trời xa cách, thương nhớ. Đó là tiếng gọi của trái tim, của tình yêu trong lòng đứa bé 8 tuổi mong chờ giây phút gặp ba. (Hs lấy dẫn chứng phân tích, bình luận, đánh giá)

- Tình cảm người con đối với ba được thể hiện một cách mãnh liệt, mạnh mẽ, cuồng quýt, hồi hải xen lẫn phần hồi hận. Đó là những cảm xúc đã dồn nén từ lâu bỗng vỡ òa ra: “Ba bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Sự níu kéo của đứa con càng khắc sâu, nhấn mạnh sự éo le của chiến tranh: “Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Những nỗ lực của Thu không giữ được ba nó. Ông Sáu vẫn phải ra đi dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi! Cảnh tượng ấy tô đậm thêm tình yêu mãnh liệt, nỗi khát khao mong mỏi mà Thu dành cho ba. Phút giây ấy khiến mọi người xung quanh không ai cầm được nước mắt và bác Ba “bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm chặt trái tim tôi”.

-> Như vậy, trong lòng cô bé, tình yêu dành cho ba luôn là một tình cảm thống nhất, mãnh liệt. Dù cách biểu hiện tình yêu ấy thật khác nhau trong hai hoàn cảnh, nhưng nó vẫn xuất phát từ một cội nguồn trong trái tim đứa trẻ luôn khao khát tình cha. Tuy nhiên, Thu trước sau vẫn chỉ là một cô bé ngây thơ, em đồng ý cho ba đi để ba mua một chiếc lược, món quà nhỏ mà bất cứ em bé gái nào cũng ao ước. Bắt đầu từ chi tiết này, chiếc lược ngà bước vào câu chuyện, trở thành một chứng nhân âm thầm cho tình cha con thiêng liêng, bất tử.

=> Qua những biểu hiện tâm lý và hành động của bé Thu, người đọc cảm nhận được tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ nhưng cũng thật đứt khoát, rạch ròi của bé Thu. Sự cứng đầu, ương ngạnh ở Thu là biểu hiện của một cá tính mạnh mẽ (cơ sở để sau này trở thành một cô giao liên mưu trí, dũng cảm). Tuy nhiên, cách thể hiện tình cảm của em vẫn rất hồn nhiên, ngây thơ.

* Tình yêu thương con sâu nặng, thiết tha của người lính cách mạng được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện rất cảm động. (Hs phân tích)

*) *Nỗi khao khát được gặp con và tình yêu thương con sâu sắc của*

người cha cách mạng trong những ngày nghỉ phép.

-Được về thăm nhà sau bao năm ở chiến khu, khao khát trong lòng ông Sáu là được gặp con, được nghe con gọi tiếng ba, được ôm đứa con bé bỏng trong vòng tay yêu thương. Vì thế, về gần tới nhà, thoáng thấy “một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai... đoán biết là con, không chờ xuống cặp bến, ông nhón chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra,... vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to: - Thu! Con”. Ngược lại với điều ông mong muốn, con gái ông giật mình, tròn mắt nhìn, nó ngơ ngác nhìn anh với vẻ lạ lùng. Trước thái độ của con, người cha “không ghìm nổi xúc động....hai tay vẫn đưa về phía trước....giọng lắp bắp run run: Ba đây con! Ba đây con!”. Mặc cho ông Sáu thiết tha gọi trong niềm khao khát cháy bỏng được ôm con, mong con sà vào lòng ông để anh vỗ về, yêu thương, bé Thu “thấy lạ quá....mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên” khiến anh Sáu đau đớn “trông thật đáng thương và hai tay buông thõng như bị gãy.”

- Trong ba ngày nghỉ phép, ông Sáu chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về, con bé càng đẩy ra. Ông mong được nghe một tiếng ba của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Bị con cự tuyệt, ông Sáu đau khổ nhưng vẫn cố nén thất vọng để yêu thương và bù đắp cho con. Ông đau khổ lắm nhưng chỉ “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười” vì “khổ tâm đến nỗi không khóc được”.

- Trong bữa ăn gần ngày ông Sáu lên đường trở về khu căn cứ, ông gấp cho con cái trứng cá, hành động đó thể hiện sự quan tâm của ông đối với con nhưng con bé lại hất cái trứng cá mà ông gấp cho làm cơm văng tung tóe cả mâm. Hành động cứng đầu của bé Thu đã khiến ông: “Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh nó và hét lên: -Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?..” Chính điều này đã dày vò ông, khiến ông day dứt và có cảm giác có lỗi với con gái khi trở về chiến khu.

- Hôm chia tay, nhìn thấy con đứng trong góc nhà, ông muốn ôm con, hôn con nhưng “sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy” nên “chỉ đứng nhìn nó” với đôi mắt “triu mến lẫn buồn rầu”... Cho đến khi nó cất tiếng gọi Ba, ông xúc động đến phát khóc và “không muốn cho con thấy mình khóc, ông Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”. Đây là những giọt nước mắt hạnh phúc của người cha, của người cán bộ kháng chiến.

**) Tình yêu con của người cha cách mạng được thể hiện một cách nồng nàn, tha thiết khi ông trở lại khu căn cứ.*

- Xa con, ông luôn nhớ con trong nỗi day dứt, ân hận ám ảnh vì mình đã lỡ tay đánh con.

- Lời dặn của con lúc chia tay đã thôi thúc ông Sáu làm cho con cây lược, tình yêu con đã biến ông thành nghệ nhân. Kiếm được khúc ngà voi, anh hớn hờ như đứa trẻ được quà: “từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hót hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà”. Ông dồn hết tâm trí và công sức vào việc làm cho con cây lược: “anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc”. Trên sống lưng lược, ông Sáu đã gò lưng, tỉ mỉ khắc từng nét chữ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”, ông gửi vào đó tất cả tình yêu và nỗi nhớ con.

- Nhớ con “anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt”. Ông không muốn con đau khi chải lược. Yêu con, ông Sáu yêu từng sợi tóc của con. Chiếc lược trở thành vật thiêng liêng đối với ông, nó làm dịu đi nỗi ân hận, nó chứa đựng bao tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong ngóng của người cha với đứa con xa cách. Cây lược ngà chính là sự kết tinh tình phụ tử thiêng liêng.

- Ông Sáu đã hi sinh trong trận càn lớn của quân Mĩ – Ngụy khi chưa kịp trao cây lược cho con gái. “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử.

=> Qua nhân vật ông Sáu, người đọc không chỉ cảm nhận tình yêu con tha thiết sâu nặng của người cha chiến sĩ mà còn thấm thía bao đau thương mất mát đối với những em bé, những gia đình. Tình yêu thương con của ông Sáu còn như một lời khẳng định: Bom đạn của kẻ thù chỉ có thể hủy diệt được sự sống của con người, còn tình cảm của con người – tình phụ tử thiêng liêng thì không bom đạn nào có thể giết chết được.

Luận điểm 2: “...cái phi thường trong cái bình thường và cái bình thường trong cái phi thường” trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện thành công qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc.

- Xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí.

- Xây dựng cốt truyện khá chặt chẽ, lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp. Truyện được kể theo ngôi thứ nhất, đặt vào nhân vật bác Ba - người bạn chiến đấu của ông Sáu và cũng là người chứng kiến, tham gia vào câu chuyện. Với ngôi kể này, người kể chuyện xen vào những lời bình luận, suy nghĩ, bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ

1,5

<p>với nhân vật, và câu chuyện vẫn mang tính khách quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc, nhất là đối với nhân vật bé Thu. - Ngôn ngữ truyện mang đậm chất địa phương Nam Bộ. - Nhan đề truyện: “Chiếc lược ngà” là một nhan đề hay, thể hiện sâu sắc nội dung của tác phẩm. Đó là hình tượng nghệ thuật chứa đựng tình cảm cha con sâu nặng, thiêng liêng. <p>Chọn hình ảnh “Chiếc lược ngà” làm nhan đề cho tác phẩm, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã bộc lộ tài năng của mình trong việc thể hiện tư tưởng, chủ đề tác phẩm qua một hình ảnh nghệ thuật cô đúc, giàu ý nghĩa. Với nhan đề này, nhà văn không chỉ nói tình cảm cha con thấm thiết, sâu nặng mà còn gợi cho người đọc thấm thía những đau thương mất mát do chiến tranh gây ra cho bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình.</p> <p>3. Đánh giá, mở rộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận định của nhà văn- nhà triết học Denis Diderot đã khẳng định thiên chức của nhà văn trong việc phát hiện, khám phá và thể hiện những “hạt ngọc” quý từ mảnh đất cuộc sống, mang đến cho độc giả những tác phẩm văn học có giá trị. Bởi dù có cái nhìn toàn diện, độc đáo đến đâu với những <i>cái phi thường – cái bình thường</i> trong cuộc sống thì giá trị của tác phẩm vẫn phải thể hiện qua tính chân thực của sự phản ánh; qua những tình cảm nhân đạo, những giá trị cao đẹp mà nhà văn hướng tới. Đoạn trích “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện được điều đó, mang đến cho độc giả ấn tượng sâu sắc khó quên. - Bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật cần phải luôn tìm tòi, sáng tạo, bằng tài năng tâm huyết với nghề để viết nên những sản phẩm văn chương chân chính. + Người đọc cần cảm nhận trọn vẹn vẻ đẹp của cái phi thường – cái bình thường trong văn học; đồng thời có những suy ngẫm, chiêm nghiệm sâu sắc về những <i>cái phi thường – cái bình thường</i> mà người nghệ sĩ thể hiện trong tác phẩm văn học chân chính; có tâm hồn hướng thiện, luôn khát vọng hướng đến những giá trị chân – thiện – mỹ trong cuộc đời. 	<u>1,0</u>
<p>d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
<p>e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</p>	0,25

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI THỬ ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

NĂM HỌC 2022-2023

Môn: Ngữ văn

Ngày thi: 22/10/2022

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Số báo danh

.....

ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tôi sinh ra ở Việt Nam và cũng như bao người trẻ khác, đã từng mang trong mình một giấc mơ chinh phục thế giới. Thời còn trẻ ai mà chẳng ăn to nói lớn, máu sôi sục và tim đập như nhạc phim” Bước nhảy”(tựa phim tiếng Anh là Step Up). Hai mươi mấy năm sau, vào một đêm mưa gió bão bùng ở Sài Gòn trên đường Nguyễn Du, nghe anh bạn thân phán một câu”Em bây giờ là công dân thế giới”. Cái quán nhỏ, gió ồ ồ, còn mình thì chân tay lạnh ngắt...

Hai mươi mấy năm, bốn ba làm việc tại gần 60 quốc gia, từ cái chân dọn bàn khách sạn, chạy bàn các kiểu nhà hàng, cho đến Tổng giám đốc khu vực Châu Á, Giám đốc phát triển toàn cầu của một tập đoàn, tôi vẫn ngỡ ngàng khi được gọi là công dân thế giới. Huênh hoang một chút thì nói về ly cốc tại trị giá hơn 100 đô tại khách sạn 7 sao Burj Al Arab. Bề ngoài một chút thì nói về những tấm hình selfie chụp lia lịa trước kim tự tháp Ai Cập hay khu lăng mộ Taj Mahal. Thế nhưng đằng sau thước phim đã làm hậu kỳ rất kỹ ấy, mấy ai biết được sự thật về con đường gian nan để bước ra thế giới? Nếu thử chơi trò “phút thật lòng”, tôi sẽ nói thế này: “ Tôi đã từng sợ hãi. Tôi đã từng thiếu hiểu biết.Tôi đã từng sai lầm.Tôi cũng đã từng cố chối bỏ bản thân mình chỉ vì mong muốn được trở thành người khác”. Công dân thế giới mà vậy có mất mặt quá không ta?

Hai mươi mấy năm sau, hành trình đi ra thế giới đối với tôi là hành trình trở về cội nguồn, trở về nơi nuôi dưỡng hạt giống tâm hồn. Đi để học cách yêu thương con người. Đi để biết cái tôi khổng lồ không là gì trong sự hiện hữu của vũ trụ. Đi để hiểu khái niệm vô cùng tương đối của được và mất. Đi chỉ để tìm lại chính mình...

(Trích lời tựa cuốn sách **Quẩy gánh băng đồng ra thế giới** của Nguyễn Phi Vân, NXB Trẻ - 2016)

Câu 1(1,0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2(1,0 điểm): Hai mươi mấy năm là quãng thời gian tác giả Nguyễn Phi Vân làm được điều gì?

Câu 3(2,0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu văn sau: *Tôi đã từng sợ hãi. Tôi đã từng thiếu hiểu biết.Tôi đã từng sai lầm.Tôi cũng đã từng cố chối bỏ bản thân mình chỉ vì mong muốn được trở thành người khác.*

Câu 4(2,0 điểm): Anh/chị có đồng tình với ý kiến: *Đi để biết cái tôi khổng lồ không là gì trong sự hiện hữu của vũ trụ không? Vì sao?*

II. LÀM VĂN (14 điểm)

Câu 1. (4 điểm)

Từ văn bản ở phần Đọc - hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình để trả lời câu hỏi: *Tìm được chính mình liệu có khó?*

Câu 2(10,0 điểm): Nhà thơ Thanh Thảo từng viết:

“Thơ chẳng ai giống ai, chẳng ai mong muốn giống ai, và không có lối đi nào chung cho hai nhà thơ cả.” (Mười năm công thơ leo núi).

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt (Ngữ văn 9, Tập 1).

Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM NGŨ VĂN

Phần	Câu	Yêu cầu cần đạt	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	1,0
	2	<i>Hai mươi mấy năm</i> là quãng thời gian để tác giả Nguyễn Phi Vân trở thành một <i>công dân thế giới, hành trình đi ra thế giới</i>	1,0
	3	- Biện pháp tu từ điệp ngữ: <i>Tôi đã từng</i> - Tác dụng: Nhấn mạnh thái độ đáng trân quý của một người trưởng thành, thành đạt: <i>phút thật lòng</i> chân thành, dũng cảm thú nhận; đồng thời thể hiện sự khiêm tốn, cầu tiến của tác giả.	2,0
	4	HS có thể đồng tình hay không đồng tình nhưng phải có kiến giải hợp lí. Chẳng hạn: - Đồng tình: + Thế giới này, cuộc sống kia bao la, rộng lớn, phong phú; những khám phá, trải nghiệm của cá nhân thật không đáng kể, vô thường + Cùng với thời gian; nhận thức về con người, về cuộc sống, về chính bản thân mình ngày càng được bồi đắp, sâu sắc; từ đó bớt đi cái tôi non nớt, kiêu kì, ảo tưởng.	2,0
II		LÀM VĂN	14,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ): <i>Tìm được chính mình liệu có khó?</i>	4,0
		Yêu cầu chung	
		- Câu hỏi hướng đến việc đánh giá năng lực, đòi hỏi thí sinh phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản để bày tỏ thái độ, chủ kiến của mình. - Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ quan điểm riêng của mình, nhưng phải có thái độ chân thành nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		Yêu cầu cụ thể	
	1. Giải thích	<i>Tìm được chính mình</i> : Là thực sự hiểu bản thân, khám phá được những giá trị của bản thân. Từ đó có kế hoạch, có động lực, có chủ trương hành động cho cuộc sống hiện tại và	0,5

		tương lai. <i>Hãy là chính mình, vì những người khác đã là chính họ rồi</i> (Oscar Wilde)	
		2. Bàn luận <i>Tìm được chính mình liệu có khó?</i> - Rất khó vì đó là ý nghĩa quan trọng nhất, thiêng liêng nhất của cuộc đời một con người: + Thực tế, bao người sống cả cuộc đời vẫn chưa hiểu được mình; chưa tìm được đáp án xác đáng cho câu hỏi: thực ra Mình là ai? Mình có gì? Mình nên là người như thế nào? + Cuộc sống đa sắc, thế giới vận động không ngừng, cá nhân thường dễ mất phương hướng; thiếu sự kiên trì, kiên định, thiếu lập trường, bản lĩnh trên con đường <i>tìm mình</i> . - Không khó vì: + Biết lắng nghe con tim mình, khẳng định giá trị bản thân bằng cách mở lòng tích cực nhất có thể; chắc chắn sẽ gặt hái được <i>quả ngọt</i> . + Học tập, rèn luyện hết mình; cánh cửa thế giới tinh thần của chính mình sẽ toang mở, đây là cách <i>tìm mình</i> đẹp nhất, nên nhất. - Phê phán, lên án thái độ sống: + Buông xuôi, thiếu cố gắng nỗ lực nuôi dưỡng tâm hồn, hoàn thiện bản thân. + Đánh mất mình, ngông cuồng, lệch chuẩn văn hóa, đạo đức và pháp luật.	2,5
		3. Bài học nhận thức và hành động - Tìm được mình là một trong những mục đích thiêng liêng nhất cuộc đời mỗi cá nhân. Hãy nỗ lực vì điều đó mỗi ngày! - Góp phần xây dựng một xã hội mà ở đó mỗi người là một vì sao lấp lánh vẻ đẹp riêng.	1,0

2	<p>Nhà thơ Thanh Thảo từng viết: <i>Thơ chẳng ai giống ai, chẳng ai mong muốn giống ai, và không có lối đi nào chung cho hai nhà thơ cả.</i>” (<i>Mười năm công thơ leo núi</i>).</p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ <i>Bếp lửa</i> của Bằng Việt (Ngữ văn 9, Tập 1).</p>	10,0
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận : Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Bài viết phải xác định rõ nhưng biểu hiện riêng, độc đáo trong tác phẩm. Phân biệt với những bài viết chỉ đi phân tích tác phẩm một cách chung chung, không nắm vững lí luận, không biết cách triển khai	0,25

	phần chứng minh	
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p>	9,0
	<p>1. Giải thích nhận định</p> <p>- <i>Thơ chẳng ai giống ai, chẳng ai mong muốn giống ai, và không có lối đi chung nào cho hai nhà thơ cả:</i> Thơ ca nói riêng, nghệ thuật nói chung là lĩnh vực của sự sáng tạo độc đáo, không thể trộn lẫn, không thể sao chép, không lặp lại ai và lặp lại chính mình.</p> <p>-> Thanh Thảo khẳng định sáng tạo thơ ca là hành trình tìm tòi để xác lập <i>lối đi riêng</i>, khẳng định cá tính, phong cách nghệ thuật riêng độc đáo của người nghệ sĩ. Đó là bản chất của sáng tạo nghệ thuật gắn với ý thức và nỗ lực lao động nghệ thuật nghiêm túc của người nghệ sĩ chân chính.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <p>- Khẳng định quan niệm của Thanh Thảo đúng đắn, bởi vì:</p> <p>+ Văn học nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo mang tính cá thể hoá cao độ. Nghệ thuật luôn đòi hỏi nghệ sĩ phải mở được <i>lối đi riêng</i>, sáng tạo ra những tác phẩm mới mẻ, là những khám phá, phát minh cả về nội dung lẫn hình thức, tạo nên sự độc đáo riêng biệt không thể trộn lẫn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn học.</p> <p>+ Thơ là tiếng nói của tâm hồn, là tình cảm mãnh liệt của mỗi nhà thơ về chính mình và cuộc đời. Qua từng trang thơ, dòng thơ, người đọc được tiếp xúc trực tiếp với một cá tính, một cuộc đời, một tâm hồn...</p> <p>+ Mở một <i>lối đi riêng</i> không giống ai mang tính khám phá, mới mẻ cả về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật là thách thức của thơ mà cũng là sức hấp dẫn của thơ.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p>3. Chứng minh làm sáng tỏ vấn đề qua bài thơ “Bếp lửa” (Bằng Việt)</p>	7,0
	<p>* Giới thiệu tác giả, tác phẩm.</p> <p>* Viết về kỉ niệm tuổi thơ, Bằng Việt mở <i>một lối đi riêng</i>: <i>Bếp lửa</i> đã gọi lại những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng, biết ơn của cháu với bà, với gia đình, quê hương, đất nước.</p> <p>- Tình cảm và những kỉ niệm về bà được khơi gợi từ hình ảnh bếp lửa.</p> <p>- Những suy nghĩ về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.</p> <p>- Nỗi nhớ của cháu về bà và bếp lửa.</p> <p>* Bài thơ có một phương thức biểu hiện riêng:</p>	<p>1.0</p> <p>3.5</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tám chữ kết hợp với bảy chữ, chín chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà. Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành. - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm. - Bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận. - Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điềm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu. 	1,5
		<p>4. Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với người nghệ sĩ, nỗ lực sáng tạo không ngừng là một quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc và “khổ hạnh” để hình thành và hoàn thiện phong cách riêng; là cách duy nhất để nghệ sĩ khẳng định sự tồn tại của mình trong nghệ thuật. Tạo được <i>lối đi riêng</i> không chỉ xác lập tầm vóc của nhà thơ, tạo nên sức sống của tác phẩm mà còn góp phần làm phong phú thêm cho thơ ca nhân loại. Vì vậy, sáng tạo bằng tài năng và tâm huyết vừa là thiên chức vừa là trách nhiệm của nhà thơ. - Nhà thơ muốn có <i>lối đi riêng</i> phải có tư tưởng nghệ thuật riêng, có cách cảm nhận riêng độc đáo về con người và thế giới, đồng thời phải có hệ thống bút pháp, giọng điệu, ngôn ngữ độc đáo riêng giàu sức khu biệt với các hiện tượng văn học 	1.0
		d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt độc đáo, thể hiện những suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về vấn đề	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo những qui tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
